
GEC
Đông Ấm
BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2025



# Đồng Ấm

Năm 2025 khép lại trong bối cảnh ngành năng lượng tiếp tục trong giai đoạn điều chỉnh, khi thị trường điện từng bước hoàn thiện các cơ chế, chính sách và quy định vận hành, tạo nền tảng cho vận hành ổn định trong các giai đoạn tiếp theo.

Trong bối cảnh đó, GEC duy trì định hướng thận trọng, ưu tiên vận hành ổn định các nhà máy hiện hữu, đồng thời củng cố các yếu tố nền tảng phục vụ phát triển dài hạn. Tính đến cuối năm, Công ty đang vận hành và phát triển 24 NM và 36 Hệ thống Điện Mặt trời Áp mái, với tổng công suất đạt khoảng 769 MWp, đóng góp vào nguồn cung điện của hệ thống.

Trong năm, Công ty tập trung tối ưu vận hành, kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực. Một số nội dung như đàm phán giá điện và triển khai các DA tiếp tục được thực hiện theo kế hoạch, làm cơ sở cho các giai đoạn tiếp theo.

GEC đồng thời rà soát và từng bước hoàn thiện hệ thống quản trị, hướng tới tiệm cận các thông lệ quản trị phù hợp. Các nội dung liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp được triển khai theo hướng kiểm soát tác động môi trường, đảm bảo an toàn lao động và tăng cường minh bạch trong hoạt động.

Trong giai đoạn tới, Công ty tiếp tục duy trì vận hành ổn định, theo dõi diễn biến chính sách và thị trường điện, đồng thời triển khai các kế hoạch đầu tư trên cơ sở thận trọng, phù hợp với nguồn lực và điều kiện thực tế.





# Mục lục


- Giới thiệu về Báo cáo thường niên 2
- Danh mục viết tắt 4
- Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị 6
- Thông tin Hội đồng Quản trị 8
- Thông điệp của Tổng Giám đốc 14
- Thông tin Ban Điều hành 16

Chương 01 Tĩnh lặng

- Tổng quan về GEC 22
- Hành trình phát triển 26
- Danh mục dự án 28

Chương 02 Hơi Ấm

- Bức tranh Ngành Năng lượng 32
- Điểm sáng hoạt động 2025 47
- Bức tranh tài chính 56
- Hệ thống Công ty thành viên 64
- Hoạt động Kỹ thuật 72
- Hoạt động Công nghệ thông tin 79
- Phát triển Dự án Năng lượng tái tạo 81

Chương 03 Vững Chãi

- Mô hình Quản trị Công ty 86
- Đánh giá của Hội đồng Quản trị đối với hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 94
- Đánh giá của Ban Điều hành đối với hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 97
- Hoạt động Quản trị Công ty minh bạch tại GEC 102
- Hoạt động của Thành viên độc lập 154
- Ủy ban Quản trị Công ty, bổ nhiệm và lương thưởng 161
- Ủy ban Kiểm toán 166
- Khung Quản trị rủi ro 175
- Bộ Quy chế ứng xử 188
- Hoạt động tuân thủ 191
- Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư 199

Chương 04 Tỏa Bóng

- Quản trị Phát triển bền vững 210
- Chiến lược phát triển bền vững đến 2030 212
- Dấu ấn phát triển bền vững 217
- Con số nổi bật ESG 220
- Gắn kết với các bên liên quan 222
- Phát triển bền vững theo các chuẩn mực quốc tế 227
- Hoạt động tuân thủ EHSS 247
- Thân thiện với môi trường 256
- Trách nhiệm với xã hội 272
- Đóng góp vào kinh tế 283
- Nguyên tắc thiết lập và phạm vi báo cáo 298
- Thông số môi trường và lao động 300
- Tiêu chuẩn áp dụng 304

Chương 05 Chờ Xuân

- Báo cáo tài chính hợp nhất 310
- Báo cáo tài chính riêng lẻ rút gọn 368

# Danh mục viết tắt

| Thuật ngữ | Tên đầy đủ |
|---|---|
| ACBS | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán ACB |
| Armstrong | AVH PTE LTD. – Armstrong Asset Management Pte. Ltd |
| BCT | Bộ Công Thương |
| BCTC | Báo cáo tài chính |
| BCTN | Báo cáo thường niên |
| BĐH | Ban Điều hành |
| BLĐ | Ban Lãnh đạo |
| BLQ | Bên liên quan |
| BSQH | Bổ sung quy hoạch |
| BTC | Bộ Tài chính |
| BESS | Hệ thống lưu trữ năng lượng bằng pin |
| CBNV | Cán bộ nhân viên |
| CBQL | Cán bộ quản lý |
| CBTT | Công bố thông tin |
| CĐ | Cổ đông |
| CNTT | Công nghệ thông tin |
| COD | Vận hành thương mại |
| CPI | Chỉ số giá tiêu dùng |
| CTCP | Công ty Cổ phần |
| CTTV | Công ty Thành viên |
| CT TNHH | Công ty Trách nhiệm hữu hạn |
| CV | Công văn |
| DA | Dự án |

| Thuật ngữ | Tên đầy đủ |
|---|---|
| DTT | Doanh thu thuần |
| DPPA | Cơ chế mua bán điện trực tiếp |
| ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| EBIT | Lợi nhuận trước lãi vay và thuế |
| EBITDA | Lợi nhuận trước lãi vay, thuế và khấu hao |
| E&S | Môi trường & Xã hội |
| EHSS | Môi trường, Sức khỏe, An toàn và Xã hội |
| FIT | Biểu giá điện hỗ trợ |
| FDI | Đầu tư trực tiếp nước ngoài |
| GECG | GEC Group |
| GDP | Tổng sản phẩm quốc nội |
| GĐ | Giám đốc |
| HĐKD | Hoạt động kinh doanh |
| HĐQT | Hội đồng Quản trị |
| HSC | Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồ Chí Minh |
| HNX | Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội |
| HOSE/HSX | Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |
| IFC | International Finance Corporation |
| KSNB | Kiểm soát nội bộ |
| KTNB | Kiểm toán nội bộ |
| LNG | Lợi nhuận gộp |

| Thuật ngữ | Tên đầy đủ |
|---|---|
| LNST | Lợi nhuận sau thuế |
| LNTT | Lợi nhuận trước thuế |
| M&A | Mua bán và sáp nhập |
| MTV | Một Thành viên |
| NĐ | Nghị định |
| NĐT | Nhà đầu tư |
| NLTT | Năng lượng tái tạo |
| NM | Nhà máy |
| NQ | Nghị quyết |
| O&M | Vận hành và Bảo trì |
| PCCC | Phòng cháy chữa cháy |
| PHS | Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng |
| PPA | Hợp đồng mua bán điện |
| PTBV | Phát triển bền vững |
| QCƯX | Quy chế ứng xử |
| QĐ | Quyết định |
| QLRR | Quản lý rủi ro |
| QTRR | Quản trị rủi ro |
| QTCT | Quản trị Công ty |
| QTDN | Quản trị Doanh nghiệp |
| ROAA | Tỷ suất Lợi nhuận trên Tổng tài sản bình quân |
| ROEA | Tỷ suất Lợi nhuận trên Vốn Chủ sở hữu bình quân |

| Thuật ngữ | Tên đầy đủ |
|---|---|
| SGDCK | Sở Giao dịch Chứng khoán |
| SXKD | Sản xuất kinh doanh |
| TGĐ | Tổng Giám đốc |
| TPDN | Trái phiếu Doanh nghiệp |
| TP.HCM | Thành phố Hồ Chí Minh |
| TT | Thông tư |
| TTS | Tổng Tài sản |
| TTCK | Thị trường chứng khoán |
| TTCP | Thủ tướng Chính phủ |
| UB | Ủy ban |
| UBCKNN | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| UBKT | Ủy ban Kiểm toán |
| UBND | Ủy ban Nhân dân |
| VBLQ | Văn bản lập quy |
| VCBS | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam |
| VCSH | Vốn chủ sở hữu |
| VĐL | Vốn điều lệ |
| VIOD | Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam |
| WB | Ngân hàng Thế giới |



# Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**Kính gửi Quý Cổ đông và Nhà Đầu Tư,**

## 2025 DẤU ẤN 2025

Vượt qua những biến số đa chiều của năm 2025, kinh tế toàn cầu đang trong nhịp chuyển dịch cơ cấu tất yếu, đưa an ninh năng lượng và phát triển bền vững trở thành kim chỉ nam dẫn dắt chu kỳ đầu tư mới.



Hòa chung dòng chảy đó, ngành NLTT đang bước vào một thời kỳ bản lề, nơi mọi nhịp điều chỉnh hiện tại đều là bước đệm cho một chu kỳ tăng trưởng mạnh mẽ và thực chất hơn. Sự phát triển của ngành cũng đòi hỏi các doanh nghiệp phải nhanh chóng nâng tầm năng lực thích ứng chính sách, tối ưu nguồn vốn và gia tăng hiệu quả đầu tư, chuyển hóa động lực tăng trưởng để hội tụ vào kỷ luật tài chính và hiệu quả triển khai vận hành.

Hòa cùng dòng chảy chung, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì đà tăng trưởng tích cực, với GDP năm 2025 đạt 8,02%, thuộc nhóm cao trong khu vực châu Á. Quy mô hệ thống điện tiếp tục được mở rộng, đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh tế – xã hội.

Trên thực tế, cơ cấu nguồn điện vẫn phụ thuộc đáng kể vào năng lượng hóa thạch, đặt ra yêu cầu cao hơn đối với các doanh nghiệp NLTT trong việc cân đối mở rộng quy mô.

Thị trường NLTT Việt Nam đang bước vào giai đoạn điều chỉnh, với trọng tâm là hoàn thiện cơ chế chính sách và tái cấu trúc phương thức phát triển. Quy hoạch điện VIII điều chỉnh tạo dư địa cho các DA Điện Mặt trời tập trung, đồng thời thúc đẩy hoạt động mua bán – sáp nhập (M&A) theo hướng chọn lọc và có kiểm soát.

Bên cạnh đó, cơ chế Hợp đồng mua bán điện trực tiếp (DPPA) từng bước được hoàn thiện, mở rộng phạm vi áp dụng và đối tượng tham gia. Dù đang trong giai đoạn đầu triển khai và tiếp tục hoàn thiện về thủ tục, cơ chế, DPPA là một trong những hướng đi mới nhằm đa dạng hóa kênh tiêu thụ điện và nâng cao tính linh hoạt của thị trường.

Trong năm 2025, GEC tập trung duy trì vận hành ổn định và tiếp tục phát triển danh mục hiện hữu, với 24 NM và hệ thống Điện Mặt trời mái nhà tại nhiều địa phương, tổng công suất đạt 769 MWp. Công tác đàm phán và hoàn tất giá bán điện chính thức cho một số DA điện gió trọng điểm được triển khai theo đúng lộ trình, góp phần củng cố nền tảng doanh thu dài hạn.

Song song đó, GEC tiếp tục triển khai có chọn lọc các DA mới, ưu tiên các DA có pháp lý rõ ràng, hiệu quả tài chính khả thi và phù hợp với định hướng phát triển dài hạn. Các DA được khởi công trong năm đều được kiểm soát chặt chẽ về tiến độ, chi phí và rủi ro pháp lý, trong bối cảnh thị trường vẫn còn nhiều yếu tố khó lường.

Trong năm qua, GEC được ghi nhận bởi nhiều tổ chức trong và ngoài nước thông qua các giải thưởng chuyên ngành. Đây là sự ghi nhận đối với nỗ lực duy trì hoạt động ổn định, tuân thủ các tiêu chuẩn về quản trị, vận hành và PTBV, hơn là các kết quả mang tính ngắn hạn.

## 2026 KIÊN ĐỊNH TẦM NHÌN DÀI HẠN

**Kính thưa Quý vị,**

Năm 2026 đánh dấu một chu kỳ phát triển mới, nơi các yếu tố như năng lực cạnh tranh công nghiệp, sự linh hoạt của chuỗi cung ứng và xu hướng chuyển dịch năng lượng chính là chất xúc tác mạnh mẽ, khơi thông các nguồn vốn đầu tư chiến lược và bền vững. Việc duy trì ổn định mức tăng trưởng dương không chỉ cho thấy sức sống bền bỉ của thị trường, mà còn thắp lên niềm tin về một quỹ đạo phục hồi năng động và đồng đều hơn trong thời gian tới. Nhu cầu điện năng gia tăng, đặc biệt từ các hạ tầng công nghệ và kinh tế số, đặt ra yêu cầu cấp thiết về nguồn cung ổn định và hệ thống điện linh hoạt.

Đối với Việt Nam, mục tiêu tăng trưởng cao đi kèm yêu cầu giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Đầu tư công, đặc biệt trong lĩnh vực hạ tầng giao thông và năng lượng, tiếp tục được xác định là một trong những động lực quan trọng cho tăng trưởng trong giai đoạn tới.

Trong bối cảnh đó, năm 2026 đối với GEC là giai đoạn tiếp tục củng cố nền tảng vận hành, tập trung tối ưu hiệu quả các NM hiện hữu, hoàn thiện pháp lý và đưa các DA trọng điểm vào vận hành đúng kế hoạch. Công ty kiên định duy trì kỷ luật tài chính, kiểm soát chặt dòng tiền và lựa chọn thận trọng các cơ hội đầu tư mới.

GEC tiếp tục nghiên cứu và triển khai các mô hình kinh doanh phù hợp với xu hướng thị trường, bao gồm cơ chế DPPA, các giải pháp lưu trữ năng lượng (BESS) và hoạt động M&A theo hướng bổ sung, hoàn thiện danh mục đầu tư hiện có. Mục tiêu xuyên suốt là nâng cao hiệu quả vận hành, khả năng thích ứng và tính bền vững của hệ thống trong các chu kỳ thị trường khác nhau.

Để hiện thực hóa những định hướng này, sự tin tưởng và đồng hành của Quý Cổ đông, Nhà Đầu Tư là nền tảng quan trọng. Tinh thần kỷ luật, trách nhiệm và sự chuyên nghiệp trong vận hành là yếu tố then chốt để đảm bảo an toàn, hiệu quả và tiến độ của các DA.

Trong hành trình phát triển, GEC kiên định theo đuổi chiến lược tăng trưởng bền vững, đặt trọng tâm vào giá trị dài hạn. Giống như những cánh rừng tùng bền bỉ trước thời gian và biến động, chúng tôi tin rằng sự kiên trì, kỷ luật và tầm nhìn dài hạn sẽ là nền tảng để GEC tiếp tục đồng hành cùng Quý CĐ trong chặng đường phía trước.

Trân trọng,

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**



**Tân Xuân Hiến**

# Thông tin Hội đồng quản trị



## Ông TÂN XUÂN HIẾN
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - 1961 - VIỆT NAM**

| | |
|---|---|
| **Thời điểm được bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT** | Tháng 3/2018 (tái bổ nhiệm tháng 6/2020 và 4/2025), 7 năm 10 tháng |
| **Số lượng cổ phiếu sở hữu** | 676.615 cổ phiếu - 0,160% |
| **Trình độ chuyên môn** | Kỹ sư điện, Cử nhân kinh tế |

**Thành tựu nổi bật:** Với **33 năm kinh nghiệm** ở vị trí lãnh đạo cấp cao trong lĩnh vực quản trị và điều hành ngành năng lượng tại TTC và GEC, ông **Tân Xuân Hiến** là một trong những người tiên phong cho sự phát triển các DA Thủy điện vừa và nhỏ tại tỉnh Gia Lai, đồng thời là người tiên phong trong phát triển Điện Mặt trời nối lưới tại Việt Nam. Dưới sự dẫn dắt của Ông, GEC đã từng bước chuyển mình thành doanh nghiệp NLTT đa nguồn, tập trung vào Thủy điện, Điện Mặt trời và Điện Gió, song song với việc chuẩn hóa hệ thống quản trị theo thông lệ tốt. Chiến lược của Ông giúp Công ty đa dạng hóa danh mục nguồn điện, tối ưu hiệu quả đầu tư, duy trì tăng trưởng bền vững và gia tăng giá trị dài hạn cho CĐ, qua đó đóng góp tích cực vào quá trình chuyển dịch năng lượng xanh và mục tiêu PTBV quốc gia.

**Chức vụ đang đảm nhiệm:**
- Chủ tịch HĐQT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- Chủ tịch UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- Chủ tịch Ngành Năng lượng - CTCP Đầu tư Thành Thành Công

**Quá trình công tác:**
- 3/2017 - Nay: Chủ tịch HĐQT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 12/2013 - 2024: Chủ tịch HĐQT - CTCP Thủy điện Trường Phú
- 3/2017 - 2/2018: Phó Chủ tịch HĐQT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 2015 - 2/2017: Chủ tịch HĐQT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 9/2010 - 12/2014: Thành viên HĐQT và TGĐ - CTCP Điện Gia Lai (GEG)

**Chức năng và nhiệm vụ trọng tâm:**
- Định hướng chiến lược phát triển theo từng giai đoạn của Công ty
- Quản trị và giám sát tái cấu trúc Công ty
- Quản trị và giám sát đầu tư Tài chính, đầu tư DA
- Quản trị và giám sát Tài chính, Kế toán, điều tiết nguồn lực tài chính, tín dụng và thanh khoản của Công ty
- Quản trị và giám sát mua sắm, thanh lý tài sản cố định
- Quản trị và giám sát các hoạt động liên quan đến CĐ và Cổ phần
- Quản trị và giám sát hoạt động Nhân sự liên quan CBQL cấp cao; chính sách chế độ cho người lao động
- Quản trị và giám sát VBLQ
- Đại diện HĐQT thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu tại các CTTV, Quản trị và giám sát hoạt động của CTTV
- Thay mặt HĐQT ký Nghị quyết, Quyết định và các Văn bản khác đã được sự thống nhất của HĐQT hoặc đã được HĐQT phân công/ủy quyền
- Người đại diện phát ngôn của Công ty



## Bà NGUYỄN THÙY VÂN
**THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP - 1980 - VIỆT NAM**

| | |
|---|---|
| **Thời điểm được bổ nhiệm Thành viên HĐQT** | Tháng 9/2018 (tái bổ nhiệm tháng 4/2023) 7 năm 04 tháng |
| **Số lượng cổ phiếu sở hữu** | 235.956 cổ phiếu - 0,055% |
| **Trình độ chuyên môn** | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh |

**Thành tựu nổi bật:** Với hơn **21 năm** kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư, kế toán – kiểm toán, bà **Nguyễn Thùy Vân** đã đóng góp quan trọng trong việc hoàn thiện hệ thống QTCT theo chuẩn mực quốc tế và xây dựng môi trường quản trị minh bạch, công bằng và đáng tin cậy. Bà giám sát và chuẩn hóa hệ thống QTRR, duy trì hiệu quả hệ thống KSNB, góp phần giảm thiểu rủi ro và đạt mục tiêu chiến lược dài hạn. Trong vai trò lãnh đạo UBKT, Bà thiết lập các hệ thống kiểm soát, nâng cao hiệu suất KTNB, đảm bảo tính minh bạch, trách nhiệm và bảo vệ quyền lợi CĐ. Những nỗ lực này không chỉ củng cố uy tín và giá trị doanh nghiệp, mà còn thúc đẩy PTBV và xây dựng nền tảng quản trị hiện đại, hiệu quả.

**Chức vụ đang đảm nhiệm:**
- Chủ tịch UBKT, Thành viên HĐQT độc lập và Thành viên UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- Trưởng Ban Kiểm soát - CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- Thành viên HĐQT độc lập - Chủ tịch UBKT - CTCP Du lịch Thành Thành Công (VNG)

**Quá trình công tác:**
- 9/2018 - Nay: Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch UBKT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 4/2022 - Nay: Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch UBKT - CTCP Du lịch Thành Thành Công (VNG)
- 4/2012 - Nay: Trưởng Ban Kiểm soát - CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- 4/2022 – 3/2025: Trưởng Ban Kiểm soát - CTCP Khu công nghiệp Thành Thành Công
- 9/2020 - 02/2024: Trưởng Ban Kiểm soát - CTCP Toàn Hải Vân

**Chức năng và nhiệm vụ trọng tâm:**
- Hỗ trợ HĐQT trong việc đảm bảo công tác QTDN được thực hiện phù hợp với quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty
- Đảm bảo tính tuân thủ của Công ty đối với các chuẩn mực QTDN Quốc tế
- Quản trị và giám sát thực hiện các công cụ QTRR và giám sát tính hiệu quả của hệ thống KSNB, PTBV gắn liền tính tuân thủ cao và giảm thiểu rủi ro
- Xây dựng và chuẩn hóa hệ thống kiểm soát, KTNB, đảm bảo quá trình vận hành hiệu quả tại Công ty
- Kiểm tra các hợp đồng và các giao dịch liên quan đến các hoạt động NLTT của Công ty để đảm bảo tính hợp lệ và chính xác
- Thiết kế và triển khai các chương trình đào tạo và phát triển nhân viên để nâng cao năng lực và hiệu suất làm việc của nhân viên trong lĩnh vực NLTT



## Ông ĐẶNG HUỲNH ANH TUẤN
**THÀNH VIÊN HĐQT KHÔNG ĐIỀU HÀNH - 1991 - VIỆT NAM**

| | |
|---|---|
| Thời điểm được bổ nhiệm Thành viên HĐQT | Tháng 4/2021, 4 năm 9 tháng |
| Số lượng cổ phiếu sở hữu | 471.912 cổ phiếu - 0,111% |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Quản trị Kinh doanh |

**Thành tựu nổi bật:** Với hơn **10 năm** kinh nghiệm quản lý và điều hành trong các lĩnh vực Năng lượng và Du lịch, ông **Đặng Huỳnh Anh** Tuấn tiếp tục phát huy vai trò Thành viên HĐQT không điều hành, đóng góp tích cực vào việc nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế, đặc biệt là các chuẩn mực ESG. Ông tham gia định hướng chiến lược, giám sát quản trị rủi ro và thúc đẩy các sáng kiến PTBV, qua đó góp phần củng cố nền tảng quản trị minh bạch, hiệu quả và tạo giá trị dài hạn cho CĐ.

**Chức vụ đang đảm nhiệm:**
- Thành viên HĐQT, UBKT và UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- GĐ Khối Vận hành và Trợ lý Chủ tịch - CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- Chủ tịch HĐQT - CTCP Năng lượng TTC
- Cố vấn Cấp cao - CTCP Du lịch Thành Thành Công (VNG)
- Thành viên HĐQT - CTCP Bò Kobe VN

**Quá trình công tác:**
- 8/2025 - Nay: GĐ Khối Vận hành - CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- 1/2024 - Nay: Chủ tịch HĐQT - CTCP Năng lượng TTC
- 2023 - Nay: Cố vấn cấp cao - CTCP Du lịch Thành Thành Công (VNG); Trợ lý Chủ tịch - CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- 4/2021 - Nay: Thành viên HĐQT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 12/2009 - Nay: Thành viên HĐQT - CTCP Bò Kobe VN
- 8/2020 - 1/2024: Chủ tịch HĐQT kiêm GĐ - CTCP Năng lượng TTC
- 12/2019 - 8/2020: Thành viên HĐQT - CTCP Năng lượng TTC
- 2/2017 - 8/2023: Thành viên HĐQT - CTCP Du lịch Thành Thành Công (VNG)

**Chức năng và nhiệm vụ trọng tâm:**
- Phụ trách các mối quan hệ tại thị trường Việt Nam để phát triển danh mục DA NLTT liên quan đến Điện Mặt trời Áp mái
- Quản trị và giám sát các giải pháp Quản trị Doanh nghiệp ESG theo tiêu chuẩn và thông lệ tốt trên thế giới
- Quản trị và giám sát các vấn đề phát sinh liên quan đến Môi trường và Xã hội theo yêu cầu của nhà đầu tư nước ngoài
- Tham gia vào các hoạt động giám sát và đánh giá của các tổ chức và cơ quan liên quan đến môi trường và xã hội để đảm bảo tính đáp ứng và tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định của ngành
- Thực hiện các hoạt động liên quan đến bảo vệ Môi trường và Xã hội, bao gồm các hoạt động tình nguyện và các chương trình xã hội hóa



## Ông MARK HOUGHTON SCOTT LESLIE
**THÀNH VIÊN HĐQT KHÔNG ĐIỀU HÀNH - 1971 - MỸ**

| | |
|---|---|
| Thời điểm được bổ nhiệm Thành viên HĐQT | Tháng 4/2025, 0 năm 9 tháng |
| Số lượng cổ phiếu sở hữu | 0 cổ phiếu - 0% |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh |

**Thành tựu nổi bật:** Ông **Mark Houghton Scott Leslie** có nhiều năm kinh nghiệm trong các vai trò quản lý và điều hành tại các tập đoàn năng lượng hàng đầu ở Nhật Bản, Singapore, ASEAN và các thị trường lân cận. Với nền tảng vững chắc về quản trị kinh doanh và kinh nghiệm sâu rộng khi làm việc cho các tập đoàn năng lượng lớn, Ông có kiến thức chuyên sâu về chiến lược phát triển doanh nghiệp, QLRR và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực năng lượng. Những đóng góp của Ông tập trung vào việc hỗ trợ định hướng chiến lược, nâng cao hiệu quả quản trị và tăng cường hợp tác quốc tế, từ đó giúp Công ty tiếp cận kinh nghiệm quản lý tiên tiến và các thực tiễn tốt nhất trong lĩnh vực năng lượng.

**Chức vụ đang đảm nhiệm:**
- Thành viên HĐQT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- GĐ Điều hành - JERA Nex Asia Pte. Ltd., Singapore
- GĐ khu vực - JERA Nex, Singapore

**Quá trình công tác:**
- 4/2025 - Nay: Thành viên HĐQT và UB Đầu tư - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 5/2025 - Nay: GĐ Điều hành - JERA Nex Asia Pte. Ltd., Singapore
- 7/2024 - Nay: GĐ khu vực - JERA Nex, Singapore
- 10/2019 - 7/2024: GĐ Điều hành - Macquarie Capital và Macquarie Asset Management
- 2016 - 9/2019: GĐ Điều hành - Fluence Energy Pte Ltd

**Chức năng và nhiệm vụ trọng tâm:**
- Giám sát và hỗ trợ giải pháp kỹ thuật, vận hành và bảo trì để nâng cao hiệu quả hoạt động của các NM NLTT
- Tìm hiểu về các nhà đầu tư tài chính và tổ chức tài chính tại Singapore, khu vực ASEAN và các thị trường lân cận để xác định khả năng tiếp cận nguồn vốn với chi phí hợp lý cho GEC
- Tìm hiểu tình hình nợ hiện tại của GEC và tìm kiếm nguồn tài trợ cho các DA NLTT mới hoặc tái cấp vốn cho các DA hiện hữu của GEC
- Tìm kiếm các cơ hội hợp tác với các đối tác quốc tế và các tổ chức phi chính phủ để phát triển các DA NLTT
- Liên lạc với các đối tác tiềm năng và nhà đầu tư để thu hút đầu tư cho các DA NLTT tại GEC
- Nghiên cứu và phát triển các giải pháp từ các nguồn NLTT mới có khả năng phát triển trong tương lai theo xu hướng của chuyển đổi năng lượng xanh bao gồm: hệ thống pin lưu trữ, Thủy điện tích năng
- Tham gia vào các cộng đồng ngành liên quan đến nghiên cứu và sử dụng các nguồn NLTT mới



## Ông EIJI HAGIO
**THÀNH VIÊN HĐQT KHÔNG ĐIỀU HÀNH - 1975 - NHẬT BẢN**

**Thành tựu nổi bật:** Ông **Eiji Hagio** có nhiều năm kinh nghiệm trong các vai trò quản lý và điều hành, đặc biệt là trong lĩnh vực pháp lý và NLTT, tại các tập đoàn lớn ở Nhật Bản. Với nền tảng học vấn vững chắc về luật và kinh nghiệm thực tiễn trong môi trường kinh doanh quốc tế, Ông có kiến thức sâu rộng về QTDN, QLRR và tuân thủ pháp luật trong các DA đầu tư quy mô lớn. Những đóng góp của Ông tập trung vào tư vấn chiến lược, hỗ trợ kết nối đối tác và thúc đẩy các cơ hội hợp tác lâu dài, từ đó góp phần định hướng PTBV và nâng cao năng lực quản trị của GEC.

**Thời điểm được bổ nhiệm Thành viên HĐQT**

Tháng 4/2025,
0 năm 9 tháng

**Số lượng cổ phiếu sở hữu**

0 cổ phiếu - 0%

**Trình độ chuyên môn**

Thạc sĩ Luật

**Chức vụ đang đảm nhiệm:**
- Thành viên HĐQT, UBKT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- GĐ Điều hành - Nhóm Kinh doanh NLTT, Ban NLTT toàn cầu, Công ty JERA, Nhật Bản

**Quá trình công tác:**
- 4/2025 - Nay: Thành viên HĐQT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 4/2025 - Nay: Thành viên UBKT và UB Đầu tư - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 7/2025 - Nay: GĐ Điều hành - Nhóm Kinh doanh NLTT, Ban NLTT toàn cầu, Công ty JERA, Nhật Bản
- 2022 - 2024: TGĐ - Nhóm Kinh doanh NLTT, Ban NLTT toàn cầu, Công ty JERA, Nhật Bản

**Chức năng và nhiệm vụ trọng tâm:**
- Theo dõi và hỗ trợ quá trình triển khai các DA hợp tác quốc tế, đặc biệt là các DA có sự tham gia hoặc tài trợ từ JERA hoặc các đối tác Nhật Bản
- Hỗ trợ kết nối và giới thiệu các chương trình hỗ trợ phát triển DA NLTT của chính phủ Nhật Bản cho các DA của GEC tại các nước Đông Dương
- Tìm hiểu tình hình nợ hiện tại của GEC và tìm kiếm nguồn tài trợ cho các DA NLTT mới hoặc tái tài trợ cho DA hiện hữu của GEC nếu phù hợp



## Ông NGUYỄN THẾ VINH
**THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP - 1976 - VIỆT NAM**

**Thành tựu nổi bật:** Ông **Nguyễn Thế Vinh** có **27 năm** kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản trị và Điều hành, với nền tảng chuyên môn sâu rộng trong các lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, Bất động sản và du lịch. Trong vai trò Thành viên HĐQT độc lập, Ông đóng vai trò quan trọng trong việc giám sát hoạt động QTDN của GEC, góp phần bảo đảm các hoạt động của Công ty được thực hiện minh bạch, hiệu quả và phù hợp với các quy định pháp luật cũng như thông lệ quản trị tốt. Bên cạnh vai trò giám sát, ông Nguyễn Thế Vinh còn tham gia hỗ trợ kết nối và thúc đẩy hợp tác giữa GEC với các ngành nghề liên quan, đặc biệt là Bất động sản và du lịch. Thông qua việc tận dụng kinh nghiệm và mạng lưới quan hệ đa ngành, Ông đã góp phần mở rộng cơ hội kinh doanh, gia tăng hiệu quả khai thác DA và nâng cao năng lực cạnh tranh của GEC trên thị trường. Với kinh nghiệm quản trị lâu năm cùng khả năng giám sát độc lập và kết nối đa lĩnh vực, ông Nguyễn Thế Vinh đã và đang đóng góp tích cực vào việc nâng cao hiệu quả hoạt động, giá trị gia tăng và định hướng PTBV của GEC.

**Thời điểm được bổ nhiệm Thành viên HĐQT**

Tháng 4/2021,
4 năm 9 tháng

**Số lượng cổ phiếu sở hữu**

58.989 cổ phiếu - 0,013%

**Trình độ chuyên môn**

Cử nhân kinh tế

**Chức vụ đang đảm nhiệm:**
- Thành viên HĐQT độc lập - CTCP Điện Gia Lai (GEG)

**Quá trình công tác:**
- 4/2021 - Nay: Thành viên HĐQT - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 9/2020 - 2021: Phó TGĐ Thường trực - CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- 9/2020 - 4/2021: Chủ tịch HĐQT - CTCP Du lịch Thành Thành Công (VNG)
- 2014 - 2018: Chủ tịch HĐQT - CTCP Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh
- 2014 - 2018: Phó Chủ tịch HĐQT - CTCP Khu công nghiệp Thành Thành Công
- 2014 - 2018: Thành viên HĐQT - CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (SCR)

**Chức năng và nhiệm vụ trọng tâm:**
- Phụ trách các mối quan hệ để phát triển danh mục các loại hình NLTT trong lĩnh vực Du lịch, Bất động sản và các lĩnh vực khác phù hợp
- Giám sát độc lập các hoạt động liên quan QTCT và QTRR
- Quản trị và giám sát việc triển khai giải pháp công nghệ và quản lý hệ thống tại Công ty



## Bà PHẠM THỊ KHUÊ
**THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP - 1983 - VIỆT NAM**

**Thành tựu nổi bật:** Với **20 năm** kinh nghiệm trong quản lý và vận hành các lĩnh vực đa dạng như truyền thông, tiếp thị, bất động sản, thương mại, dịch vụ, xe hơi và y tế, bà **Phạm Thị Khuê** đã có những đóng góp lớn trong việc phát triển và điều hành các hoạt động kinh doanh của GEC. Bà phụ trách cân bằng và ngăn chặn xung đột lợi ích, bảo vệ lợi ích hợp pháp của CĐ và đảm bảo công bằng, minh bạch trong công tác quản trị và điều hành Công ty. Điều này giúp duy trì sự ổn định và tăng cường niềm tin của các NĐT vào GEC. Sự chuyên nghiệp và cam kết của Bà trong việc quản lý các vấn đề nhạy cảm và phức tạp đã giúp Công ty duy trì môi trường làm việc trong sạch, có trách nhiệm và hiệu quả. Với các thành tựu và đóng góp của mình, Bà chứng tỏ được vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự PTBV và hiệu quả của GEC, đồng thời nâng cao tính minh bạch và sự công bằng trong QTDN.

**Thời điểm được bổ nhiệm Thành viên HĐQT**

Tháng 6/2020,
5 năm 7 tháng

**Số lượng cổ phiếu sở hữu**

298.305 cổ phiếu - 0,07%

**Trình độ chuyên môn**

Thạc sĩ Châu Á học

**Chức vụ đang đảm nhiệm:**
- Thành viên HĐQT độc lập - CTCP Điện Gia Lai (GEG)

**Quá trình công tác:**
- 6/2020 - Nay: Thành viên HĐQT độc lập - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 4/2020 - 4/2024: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm GĐ - Công ty TNHH dịch vụ quản lý bất động sản Sài Gòn Thương Tín
- 1/2020 - 12/2023: Phó TGĐ - CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (SCR)
- 9/2019 - 1/2020: Chánh Văn Phòng kiêm GĐ Khối Hỗ Trợ - CTCP Y Tế DHA
- 8/2018 - 9/2019: Chánh Văn Phòng kiêm GĐ Khối Hỗ Trợ - CTCP Y Tế Việt Anh
- 5/2016 - 1/2020: Phó TGĐ vận hành - CTCP Thương Mại Thành Thành Công

**Chức năng và nhiệm vụ trọng tâm:**
- Phụ trách các mối quan hệ để phát triển các loại hình NLTT trong lĩnh vực Bất động sản nhằm tìm kiếm, mở rộng quỹ đất phát triển Năng lượng
- Giám sát độc lập các chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD đảm bảo các rủi ro được kiểm soát
- Giám sát độc lập các hoạt động liên quan QTCT của HĐQT và các hoạt động của BĐH



# Thông điệp Ban Tổng Giám đốc

Bước qua 2026, Nghị quyết Đại hội XIV với định hướng phát triển GDP bình quân giai đoạn 2026-2030 trên 10% khẳng định các mục tiêu phát triển điện lực quốc gia đến 2030 tại Quy hoạch Điện 8 điều chỉnh ban hành tháng 4/2025 trước đó. Có thể nói, đây là cơ hội cũng như thách thức tích cực với ngành điện, từ việc triển khai - đưa vào vận hành các DA nguồn điện lớn như LNG, Điện Gió ngoài khơi, Thủy điện tích năng... đến việc phát triển các DA NLTT, nâng tỉ trọng NLTT từ 25.000 MW, tương đương 27% tổng nguồn cung điện cuối năm 2025 lên 111.000 MW, tương đương 47% tổng nguồn cung điện đến hết 2030 (ứng với kịch bản GDP tăng trưởng 10%).

Với GEC, thời gian 2025 là cột mốc đáng ghi nhận sau những nỗ lực: 1/ về chỉ tiêu Lợi nhuận - việc ghi nhận giá điện hồi tố của Điện Gió Tân Phú Đông 1 và thoái vốn danh mục đầu tư liên kết CTCP Thuỷ điện Trường Phú - LNTT GEC đã có sự tăng trưởng đột biến, đạt 979 tỉ đồng, 2/ về thi công DA: GEC đã tái khởi động DA Điện Mặt trời Đức Huệ 2 (gần 50 MWp) theo cơ chế DPPA, khởi công Điện Gió VPL2 (30 MW), tiếp tục thi công Thuỷ điện Ea Tih (gần 9 MW), 3/ về danh mục DA: tiếp tục theo đuổi danh mục NLTT tại Quy hoạch Điện 8 điều chỉnh đã được phát triển từ trước đến nay, 4/ tự phát triển DA cùng việc M&A DA phù hợp là 2 mục tiêu đã được thống nhất - tạo cơ sở rõ ràng cho GEC tăng trưởng trong giai đoạn 2026-2030 tới đây.

Năm 2026, loại trừ các yếu tố bất thường, GEC đặt mục tiêu: 1/ tăng trưởng lợi nhuận từ hoạt động lõi - kinh doanh điện tối thiểu trên 10%/năm, 2/ hưởng ứng và phát huy cơ chế DPPA trong thời gian 2026-2027 theo NĐ của Chính phủ, 3/ tham gia đấu thầu lựa chọn NĐT DA tại các Tỉnh để hoàn thiện pháp lý cho danh mục DA đã và đang phát triển, 4/ tiếp tục M&A các DA phù hợp, 5/ đảm bảo tiến độ các DA đang và dự kiến thi công năm 2026.

Với GEC, các mục tiêu cụ thể cho từng năm, từng giai đoạn đến từ Chiến lược xuyên suốt - rõ ràng: 1/ phát triển đồng bộ các loại hình NLTT - nhằm đa dạng các nguồn phát điện xanh - sạch, 2/ tái đầu tư hợp lý, đều đặn qua các năm nhằm đảm bảo duy trì danh mục điện ở trạng thái ổn định. Từ đó, cân bằng giữa thời gian còn lại của PPA và thời gian vay vốn DA trung dài hạn, tối ưu dòng tiền và đảm bảo lợi nhuận tăng trưởng ổn định hàng năm.

Trong bối cảnh nền kinh tế còn những biến động, quy định pháp lý ngành vẫn được cập nhật bổ sung liên tục... những áp lực thách thức là không nhỏ. BĐH GEC đã luôn có được sự ủng hộ của Quý CĐ, sự định hướng và đồng hành của HĐQT để vững tin trong công tác điều hành: nỗ lực tìm kiếm các cơ hội và giải pháp, tích cực hoàn thiện bộ máy, đặc biệt đội ngũ CBQL các cấp, từ năng lực phát triển - đánh giá DA - thực hiện pháp lý - tiếp cận vốn vay - đàm phán giá điện - đến quản lý thi công, vận hành an toàn các NM...

Đến nay, Vận hội của Đất nước đang ở phía trước, GEC chung một con tim bắt tay vào công cuộc xây dựng và phát triển này, với tất cả kỳ vọng - với ý thức cần không ngừng hoàn thiện, để mỗi ngày... trong mọi ngày, cảm ơn vì sự ủng hộ, cảm ơn vì những nỗ lực, và cùng đón nhận Mặt trời ló dạng khắp nơi, cùng chờ đợi những cơn Mưa tươi mát trên cao nguyên, và những làn Gió mơn man ngoài biển cả... Đó là hành trình mà GEC đang hạnh phúc kiếm tìm.

*TP. HCM, tháng 3 năm 2026.*

# Thông tin Ban điều hành



## Bà NGUYỄN THÁI HÀ
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Năm sinh**

1980

**Thời điểm được bổ nhiệm**

Tháng 10 năm 2018,
7 năm 3 tháng

**Số lượng cổ phiếu sở hữu**

532.324 cổ phiếu - 0,125%

**Trình độ chuyên môn**

Thạc sĩ Kinh tế phát triển

**Thành tựu nổi bật:** Với hơn **25 năm** kinh nghiệm trong lĩnh vực năng lượng, tài chính – ngân hàng và kiểm toán, bà **Nguyễn Thái Hà** hiện đảm nhiệm cương vị Tổng Giám đốc, trực tiếp tổ chức điều hành hoạt động và triển khai chiến lược phát triển NLTT của GEC. Cùng BĐH, Bà tham gia triển khai kế hoạch đa dạng hóa danh mục đầu tư (Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Gió), đồng thời phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, hoàn thiện công tác QTDN. Các hoạt động này tạo cơ sở để Công ty củng cố nền tảng tài chính và hướng tới mục tiêu PTBV.

Trong năm 2025, Bà đã cùng BĐH tập trung thực hiện kế hoạch SXKD theo NQ của ĐHĐCĐ, qua đó Công ty đã ghi nhận lợi nhuận vượt kế hoạch. Cơ cấu doanh thu có sự thay đổi, trong đó Điện Gió tăng tỷ trọng đóng góp trở thành lĩnh vực đóng góp hiệu quả cao nhất trong năm vừa qua. Công ty cũng hoàn tất đàm phán giá bán điện cho một số DA, tạo cơ sở cho việc đảm bảo dòng tiền hoạt động. Bên cạnh đó, sản lượng Thủy điện và Điện Mặt trời được duy trì ổn định, góp phần hỗ trợ kết quả kinh doanh trong năm, duy trì cơ cấu tài chính ổn định và từng bước củng cố năng lực vận hành.

**Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con):**

- Không có

**Quá trình công tác:**

- 10/2018 - Nay: TGĐ - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 12/2018 - Nay: Phó Chủ tịch thường trực Ngành Năng lượng - CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- 10/2022 - Nay: Thành viên HĐQT - CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An
- 2/2022 - Nay: Thành viên HĐQT - CTCP Năng lượng Điện gió Tiền Giang
- 5/2020 - Nay: Chủ tịch HĐQT - CTCP Điện Gió Ia Bang
- 4/2019 - Nay: Chủ tịch HĐQT - CTCP Thủy điện Gia Lai (GHC)
- 4/2012 - 4/2025: Thành viên HĐQT - CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- 2012 -2022: Phó TGĐ - CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- 2016 - 4/2017: Trưởng Ban Kiểm soát - CTCP Điện Gia Lai (GEG)







## Ông LÊ THANH VINH
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC - 1975 - VIỆT NAM**

**Thời điểm được bổ nhiệm** Tháng 3 năm 2017, 8 năm 10 tháng

**Số lượng cổ phiếu sở hữu** 331.678 cổ phiếu - 0,078%

**Trình độ chuyên môn** Thạc sĩ Cao học Hà Lan - Kinh tế Công nghiệp

**Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con):**

- Không có

**Quá trình công tác:**

- 3/2017 - Nay: Phó TGĐ thường trực - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 12/2018 - Nay: Phó Chủ tịch Ngành Năng lượng - CTCP Đầu tư Thành Thành Công

**Thành tựu nổi bật:** Với hơn **23 năm** kinh nghiệm, ông **Lê Thanh Vinh** đã tham gia trực tiếp điều hành góp phần đưa Công ty đạt nhiều thành tựu tích cực trong năm 2025. Ông trực tiếp chỉ đạo vận hành các NM Điện Mặt trời và Điện Gió trọng điểm, đảm bảo hoạt động ổn định và kiểm soát chi phí, góp phần duy trì hiệu quả kinh doanh. Đồng thời, Ông tham gia duy trì và phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế, hỗ trợ việc huy động nguồn lực và triển khai các DA NLTT trong thời gian tới.



## Ông NGUYỄN PHONG PHÚ
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC - 1984 - VIỆT NAM**

**Thời điểm được bổ nhiệm** Tháng 4 năm 2021, 4 năm 9 tháng

**Số lượng cổ phiếu sở hữu** 296.255 cổ phiếu - 0,069%

**Trình độ chuyên môn** Cử nhân Kinh tế

**Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con):**

- Không có

**Quá trình công tác:**

- 4/2024 - Nay: Thành viên HĐQT - CTCP Thủy điện Gia Lai (GHC); Thành viên HĐQT - CTCP Năng lượng Điện Gió Tiền Giang
- 3/2023 - Nay: TGĐ - CTCP Năng lượng Solwind
- 4/2022 - Nay: Chủ tịch HĐQT - CTCP Hợp tác Phát triển NLTT VI-JA; Thành viên HĐQT - CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An
- 5/2021 - Nay: Phó TGĐ - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 2/2021 - Nay: Chủ tịch HĐQT - CTCP NM Điện Mặt Trời Trúc Sơn
- 7/2019 - 4/2021: GĐ Khối phát triển DA - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 1/2019 - 6/2019: Phó GĐ Khối Phát triển DA - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 3/2018 - 11/2018: Phó GĐ CTCP Mía đường Tây Ninh
- 3/2018 - 11/2018: Chủ tịch HĐQT - CTCP Cao su Nước Trong
- 6/2014 - 5/2016: Thành viên HĐQT, Phó TGĐ - CTCP Du lịch Thành Thành Công (VNG)

**Thành tựu nổi bật:** Với hơn **13 năm** kinh nghiệm trong quản trị và điều hành, ông **Nguyễn Phong Phú** đã chỉ đạo triển khai thành công nhiều DA NLTT trọng điểm, góp phần phát triển quy mô vận hành, gia tăng sản lượng điện tái tạo và hỗ trợ kết quả kinh doanh của Công ty. Ông là một trong những lãnh đạo tiên phong nghiên cứu, tham gia triển khai mô hình mua bán điện trực tiếp DPPA tại Việt Nam, qua đó mở ra kênh kinh doanh điện mới cho GEC, nâng cao tính linh hoạt, giảm phụ thuộc vào cơ chế mua bán điện truyền thống. Bên cạnh đó, Ông tham gia các thương vụ M&A quan trọng, mở rộng danh mục đầu tư NLTT, đồng thời hỗ trợ hoàn tất quá trình đàm phán giá bán điện cho các DA Điện Gió trọng điểm, góp phần đảm bảo hiệu quả đầu tư và dòng tiền của Công ty. Các hoạt động này góp phần đa dạng hóa nguồn thu, từng bước hoàn thiện cơ cấu hoạt động của Công ty.



## Bà TRẦN THỊ HỒNG THẮM
**GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH - 1983 - VIỆT NAM**

**Thành tựu nổi bật:** Bà **Trần Thị Hồng Thắm** với **12 năm** kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán bà đã đóng vai trò then chốt trong việc triển khai xây dựng hệ thống tài chính minh bạch, hiệu quả và bền vững của GEC. Bà đã tổ chức thành công việc huy động vốn từ các ngân hàng trong và ngoài nước, đảm bảo nguồn lực tài chính cho các DA NLTT trọng điểm. Bã đã triển khai hoàn thành hoạt động phát hành và quản lý trái phiếu doanh nghiệp, trong đó bao gồm việc phát hành thành công trái phiếu doanh nghiệp nhằm cơ cấu nợ và tối ưu hoá chi phí tài chính, góp phần nâng cao khả năng tài trợ vốn cho các DA chiến lược. Đồng thời, Bà chủ trì công tác triển khai chuyển đổi và áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IFRS), nâng cao uy tín và chất lượng minh bạch BCTC, hỗ trợ GEC tiếp cận các kênh huy động vốn quốc tế và củng cố niềm tin của NĐT.

**Thời điểm được bổ nhiệm**
Tháng 11 năm 2016, 9 năm 02 tháng

**Số lượng cổ phiếu sở hữu**
176.081 cổ phiếu - 0,041%

**Trình độ chuyên môn**
Thạc sĩ Kinh tế, Cử nhân Tài chính - Kế toán

**Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con):**
- Không có

**Quá trình công tác:**
- 5/2021 - Nay: Phó GĐ - CTCP Năng lượng VPL
- 5/2020 - Nay: Kế toán trưởng - CTCP Điện Gió Ia Bang
- 5/2019 - Nay: GĐ Tài chính - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 11/2016 - Nay: Kế toán trưởng - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 1/2019 - 2022: Thành viên HĐQT - CTCP Thủy điện Trường Phú
- 11/2016 - 05/2017: Quyền Kế toán trưởng - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 5/2014 - 10/2016: Kế toán trưởng - Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện Gia Lai



## Ông HÀ QUỐC KIỆT
**GIÁM ĐỐC KHU VỰC MIỀN TÂY - 1976 - VIỆT NAM**

**Thành tựu nổi bật:** Ông **Hà Quốc Kiệt** là một nhà quản lý dày dặn kinh nghiệm với **19 năm** hoạt động trong lĩnh vực Quản lý đầu tư, Xây dựng và Vận hành các NM NLTT bao gồm Thủy điện, Điện Mặt trời và Điện Gió. Ông đã triển khai các DA NLTT tại khu vực miền Tây từ giai đoạn pháp lý đến vận hành thương mại. Ông còn tiên phong phát triển các DA mới, đồng thời xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các cơ quan địa phương để tạo điều kiện thuận lợi cho các DA của GEC.

**Thời điểm được bổ nhiệm**
Tháng 12 năm 2021, 4 năm 1 tháng

**Số lượng cổ phiếu sở hữu**
0 cổ phiếu - 0,0%

**Trình độ chuyên môn**
Kỹ sư Điện

**Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con):**
- Không có

**Quá trình công tác:**
- 4/2024 – Nay: Thành viên HĐQT - CTCP Năng lượng VPL; Thành viên HĐQT - CTCP NLTT Tiền Giang
- 1/2024 - Nay: GĐ - CTCP Năng lượng Điện Gió Tiền Giang
- 1/2022 - Nay: Thành viên HĐQT kiêm GĐ - CTCP Năng lượng Xanh Cà Mau
- 1/2022 - Nay: Thành viên HĐQT - CTCP Điện Gió LaVi
- 12/2021 - Nay: GĐ Khu vực Miền Tây - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 11/2020 - Nay: Chủ tịch kiêm GĐ - CT TNHH MTV Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai
- 11/2019 - 12/2021: Phó GĐ Khối phát triển DA -CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 3/2018 - 4/2021: Chủ tịch, Thành viên HĐQT - CTCP Thủy điện Gia Lai (GHC)



## Ông HỒ QUÍ TRI THỨC
**GIÁM ĐỐC KHU VỰC LÀO - 1973 - VIỆT NAM**

**Thành tựu nổi bật:** Ông **Hồ Quí Tri Thức** là một chuyên gia trong lĩnh vực Quản lý đầu tư, Xây dựng và Vận hành các NM NLTT với **11 năm** kinh nghiệm. Ông đã điều hành các DA NLTT tại khu vực Tây Nguyên và Lào, từ việc tìm kiếm cơ hội đầu tư đến quản lý vận hành. Với sự dẫn dắt và kinh nghiệm của Ông, GEC đã ghi nhận nhiều thành tựu quan trọng, đồng thời mở rộng hoạt động sang các thị trường mới đầy tiềm năng. Đồng thời, Ông xây dựng và củng cố mối quan hệ với các cơ quan địa phương và đối tác quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho triển khai DA và nâng cao uy tín của GEC tại khu vực Tây Nguyên và mở rộng hoạt động sang các thị trường mới đầy tiềm năng, tạo tiền đề cho sự PTBV của Công ty trong thời gian tới.

**Thời điểm được bổ nhiệm**
Tháng 10 năm 2022, 3 năm 3 tháng

**Số lượng cổ phiếu sở hữu**
11.000 cổ phiếu - 0,002%

**Trình độ chuyên môn**
Thạc sĩ Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Kỹ sư Xây dựng

**Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con):**
- Không có

**Quá trình công tác:**
- 10/2022 - Nay: GĐ Khu vực Lào - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 9/2020 - 2/2024: Phó GĐ Khối Phát triển DA - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 5/2020 - Nay: Phó GĐ - CTCP Điện Gió Ia Bang
- 4/2018 - 1/2024: Trưởng phòng Phát triển DA - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 6/2018 - 11/2019: PGĐ - CTCP Thủy điện Gia Lai (GHC)



## Ông TRẦN DANH BẢO
**GIÁM ĐỐC KHỐI THỦY ĐIỆN - 1980 - VIỆT NAM**

**Thành tựu nổi bật:** Với hơn **12 năm** kinh nghiệm trong quản lý đầu tư, xây dựng và vận hành các NM điện, ông **Trần Danh Bảo** đã có những đóng góp quan trọng trong việc vận hành và phát triển các DA của GEC. Trong năm 2025, dưới sự quản lý và điều hành của ông Khối Thủy Điện - 12 NM Thủy điện với tổng công suất gần 81 MW tiếp tục vận hành ổn định, hiệu quả, đóng góp đáng kể vào sản lượng điện của Công ty. Đồng thời, DA NM Thủy điện Ea Tih (9 MW) chính thức được khởi công, tạo tiền đề gia tăng công suất và doanh thu điện sạch trong các năm tiếp theo. Những kết quả này góp phần tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, thúc đẩy PTBV danh mục NLTT và mở rộng vị thế của GEC trên thị trường Điện tại Việt Nam.

**Thời điểm được bổ nhiệm**
Tháng 10 năm 2022, 3 năm 3 tháng

**Số lượng cổ phiếu sở hữu**
11.000 cổ phiếu - 0,002%

**Trình độ chuyên môn**
Thạc sĩ Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Kỹ sư Xây dựng

**Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con):**
- Không có

**Quá trình công tác:**
- 1/2024 - Nay: GĐ - CTCP Thủy điện Gia Lai (GHC)
- 8/2023 - Nay: Chủ tịch HĐQT - CTCP Năng lượng Điện Cao Nguyên
- 7/2023 - Nay: Trưởng ban Quản lý DA - NM Thủy điện Ea Tih
- 1/2023 - Nay: GĐ Khối Thủy điện - CTCP Điện Gia Lai (GEG)
- 12/2018 - Nay: GĐ - NM Điện Mặt trời Krông Pa

# Tĩnh lặng

Chương 01

# Tổng quan về GEC

## TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, KHẨU HIỆU

**TẦM NHÌN**
Trở thành Tổ chức hàng đầu phát triển tối ưu các loại hình NLTT

**SỨ MỆNH**
Đáp ứng nhu cầu năng lượng với tầm nhìn chiến lược và giải pháp PTBV

**KHẨU HIỆU**
Phát triển đồng bộ các loại hình Năng lượng

## THÔNG TIN CHUNG

- **Tên giao dịch**
  CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI
- **Tên tiếng Anh**
  GIA LAI ELECTRICITY JOINT STOCK COMPANY
- **Tên viết tắt**
  GEC
- **Ngày thành lập**
  01/6/1989
- **Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp**
  Số 5900181213 do Sở Tài chính tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 09/9/2010, thay đổi lần thứ 26 ngày 26/12/2025
- **Người đại diện pháp luật**
  Ông Tân Xuân Hiến - Chủ tịch HĐQT
- **Trụ sở**
  114 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- **Website**
  www.geccom.vn
- **Vốn Điều lệ**
  4.148.043.710.000 đồng
- **Mã chứng khoán**
  GEG
- **Sàn giao dịch**
  HOSE
- **Cổ phiếu phổ thông**
  358.308.371 cổ phiếu
- **Cổ phiếu ưu đãi cổ tức**
  56.496.000 cổ phiếu

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

**3511** Sản xuất Điện (chính)

| | |
|---|---|
| 2710 | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện |
| 3314 | Sửa chữa thiết bị điện |
| 3320 | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp |
| 3512 | Truyền tải và phân phối điện |
| 3811 | Thu gom rác thải không độc hại |
| 3812 | Thu gom rác thải độc hại |
| 3821 | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại |
| 3822 | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại |
| 3830 | Tái chế phế liệu |
| 4101 | Xây dựng nhà để ở |
| 4102 | Xây dựng nhà không để ở |
| 4212 | Xây dựng công trình đường bộ |
| 4222 | Xây dựng công trình cấp, thoát nước |
| 4299 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác |
| 4321 | Lắp đặt hệ thống điện |
| 4390 | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác |
| 4659 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác |
| 6810 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê |
| 7020 | Hoạt động tư vấn quản lý |
| 7110 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan |
| 7120 | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật |
| 7490 | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu |
| 7710 | Cho thuê xe có động cơ |

# THÔNG TIN LIÊN LẠC

## MẠNG LƯỚI 4 VĂN PHÒNG:

| VĂN PHÒNG | TRỤ SỞ CHÍNH | VĂN PHÒNG TẠI TP.HCM | VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TTC HÀ NỘI | VĂN PHÒNG KHU VỰC MIỀN TÂY |
|---|---|---|---|---|
| Địa chỉ | 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai | Tầng 10, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, TP.HCM | Nhà số 09, Ngõ 310, Ngách 22, Đường Nghi Tàm, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội | C32, Đường số 3, Mỹ Thạnh Hưng, Phường Thới Sơn, Tỉnh Đồng Tháp |
| Người đại diện | **Ông Hồ Quí Tri Thức**<br>GĐ Khu vực Lào | **Ông Phạm Thành Tuấn Anh**<br>GĐ Văn phòng Đại diện | **Ông Ngô Trường Thạnh**<br>GĐ Kinh doanh | **Ông Hà Quốc Kiệt**<br>GĐ Khu vực Miền Tây |
| Điện thoại | 026 9382 3604 | 028 3999 8822 - 6012 | 0939 724 455 | 0984 441 777 |
| Email | info@geccom.vn | com-off.dep-mgr@geccom.vn | business.mgr@geccom.vn | western.cro@geccom.vn |

## MẠNG LƯỚI 5 CHI NHÁNH:

| CHI NHÁNH | TTC THỪA THIÊN HUẾ | TTC ĐĂK PI HAO | TTC CHƯ PRÔNG | TTC MANG YANG | TTC LÂM ĐỒNG |
|---|---|---|---|---|---|
| Địa chỉ | 189 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế | Thôn Thanh Thượng, Xã Chư A Thai, Tỉnh Gia Lai | 268 Hùng Vương, Xã Chư Prông, Tỉnh Gia Lai | Làng Chụp, Xã Lơ Pang, Tỉnh Gia Lai | Thôn 1, xã Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng |
| Người đại diện | **Ông Trần Nguyễn Quốc Huy**<br>GĐ Chi nhánh | **Ông Lê Hoàng Khanh**<br>GĐ Chi nhánh | **Ông Phạm Văn Hiệp**<br>GĐ Chi nhánh | **Ông Lê Quang Quốc Dũng**<br>GĐ Chi nhánh | **Ông Nguyễn Mạnh Hùng**<br>GĐ Chi nhánh |
| Điện thoại | 0234 3933 913 | 0914 060 747 | 0269 6275 190 | 0357 777 779 | 0263 3615 091 |
| Email | phongdien.dir@geccom.vn | iabang.dir@geccom.vn | cp.dir@geccom.vn | my.dir@geccom.vn | ld.dir@geccom.vn |

## THÔNG TIN LIÊN HỆ DÀNH CHO BLQ TRỌNG YẾU:

| | NGƯỜI PHỤ TRÁCH CBTT | ĐƯỜNG DÂY CHÍNH TRỰC | BỘ PHẬN QUAN HỆ NĐT | PHÒNG PTDA |
|---|---|---|---|---|
| Người đại diện | **Ông Phạm Thành Tuấn Anh**<br>Chánh Văn phòng Công ty | **Ông Lê Thái Bình**<br>Trưởng KTNB | **Ông Huỳnh Quốc Thắng**<br>GĐ Quan hệ NĐT | **Ông Phạm Minh Dương**<br>Trưởng phòng PTDA |
| Điện thoại | 028 3999 8822 - 6012 | 028 3999 8822 | 028 3999 8822 - 6035 | 028 3999 8822 - 6073 |
| Email | tbvpct@geccom.vn | ia.mgr@geccom.vn | ir.dir@geccom.vn | projectdev.dep-mgr@geccom.vn |

| | PHÒNG EHSS | PHÒNG KINH DOANH | PHÒNG NHÂN SỰ | PHÒNG HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ (CUNG ỨNG) |
|---|---|---|---|---|
| Người đại diện | **Bà Bùi Thị Thúy Hằng**<br>Phụ trách Phòng EHSS | **Ông Ngô Trường Thạnh**<br>GĐ Kinh doanh | **Bà Nguyễn Thị Hồng Vân**<br>GĐ Nhân sự | **Bà Châu Tiểu Phụng**<br>GĐ Hành chính Quản trị |
| Điện thoại | 028 3999 8822 - 6051 | 0939 724 455 | 028 3999 8822 - 106 | 028 3999 8822 |
| Email | ehss.dep@geccom.vn | business.mgr@geccom.vn | hr.mgr@geccom.vn | ciao.mgr@geccom.vn |

# Hành trình phát triển

## 1989

Thành lập Công ty Thủy điện Gia Lai - Kon Tum thuộc UBND Tỉnh Gia Lai

NM Thủy điện Ia Đrăng 2 - 1,2 MW

## 1995

Đổi tên thành Công ty Điện Gia Lai

## 2010

Cổ phần hóa - CTCP Điện Gia Lai

VĐL: **262 tỷ đồng**

**14 NM** Thủy điện

Tổng công suất: **84 MW**

## 2013

Gia nhập Tập đoàn TTC và là Đơn vị hạt nhân trong lĩnh vực Năng lượng của Tập đoàn

## 2016

VĐL: **745 tỷ đồng**

IFC - Ngân hàng Thế giới và Quỹ Năng lượng sạch Armstrong - Singapore, CĐ chiến lược

Niêm yết UPCOM

## 2018

Vận hành 2 NM Điện Mặt trời đầu tiên tại Việt Nam - 117 MWp

**16 NM** Thủy điện và NM Điện Mặt trời

## 2019

Niêm yết **204 triệu cổ phiếu** tại HOSE

**19 NM** Thủy điện và Điện Mặt trời

Tổng công suất: **344 MWp**

## 2020

**18 NM** Thủy điện, Điện Mặt trời và Hệ thống Điện Mặt trời Áp mái

Tổng công suất: **398 MWp**

VĐL: **2.712 tỷ đồng**

Rổ chỉ số **VN100**

## 2021

Vận hành 3 NM Điện Gió ~ **130 MW**

**20 NM** Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Gió và Hệ thống Điện Mặt trời Áp mái

Tổng công suất: **545 MWp**

VĐL: **3.037 tỷ đồng**

Rổ chỉ số **VN100** và **VNSI20**

**6 giải thưởng** uy tín trong và ngoài nước

## 2022

**JERA - Cổ đông chiến lược** với **35,1%** số lượng Cổ phần đang lưu hành

VĐL: **3.861 tỷ đồng**

Huy động **900 tỷ đồng** vốn xanh từ DEG và SYMBIOTICS

**8 giải thưởng** uy tín trong và ngoài nước

Rổ chỉ số **VN100** và **VNSI20**

## 2023

Vận hành NM Điện Gió Tân Phú Đông 1 - 100 MW

**21 NM** Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Gió và các hệ thống Điện mặt trời áp mái

Tổng công suất: **665 MWp**

VĐL: **4.054 tỷ đồng**

Rổ chỉ số **VN100** và **VNSI20**

**12 giải thưởng** uy tín trong và ngoài nước

Xếp hạng tín nhiệm **"A-"** với triển vọng **"Ổn định"** bởi FiinRatings

## 2024

Phát hành thành công **500 tỷ đồng** Trái phiếu thông qua các Tổ chức phát hành CTS và VCBS

Doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam sở hữu **Khung Tài chính Xanh (Green Finance Framework)**

Năm thứ 2 liên tiếp được FiinRatings xếp hạng tín nhiệm **"A-"** với triển vọng **"Ổn định"**

**7 giải thưởng** uy tín trong và ngoài nước

## 2025

**24 NM** Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Gió và các hệ thống Điện Mặt trời áp mái

Tổng công suất đang vận hành và phát triển: **769 MWp**

VĐL: 4.148 tỷ đồng

DTT: 2.999 tỷ đồng

TTS: 15.111 tỷ đồng

**Top 10** doanh nghiệp xuất sắc về thực thi ESG (Hạng mục Môi trường) - Vietnam ESG Awards 2025

**Top 10** Doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh - Ngành Năng lượng - Dầu khí

**Top 10** Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và kinh doanh hiệu quả - Ngành Năng lượng - Dầu khí

Doanh nghiệp đạt chuẩn CBTT

**Giải vàng** BCTN quốc tế - Nhóm ngành Năng lượng và Tiện ích

**Top 100** BCTN quốc tế - Khu vực Châu Á Thái Bình Dương (hạng 59)

Top BCTN Quốc tế - Nhóm quốc gia Việt Nam

Giải thành tựu kỹ thuật - BCTN Quốc tế

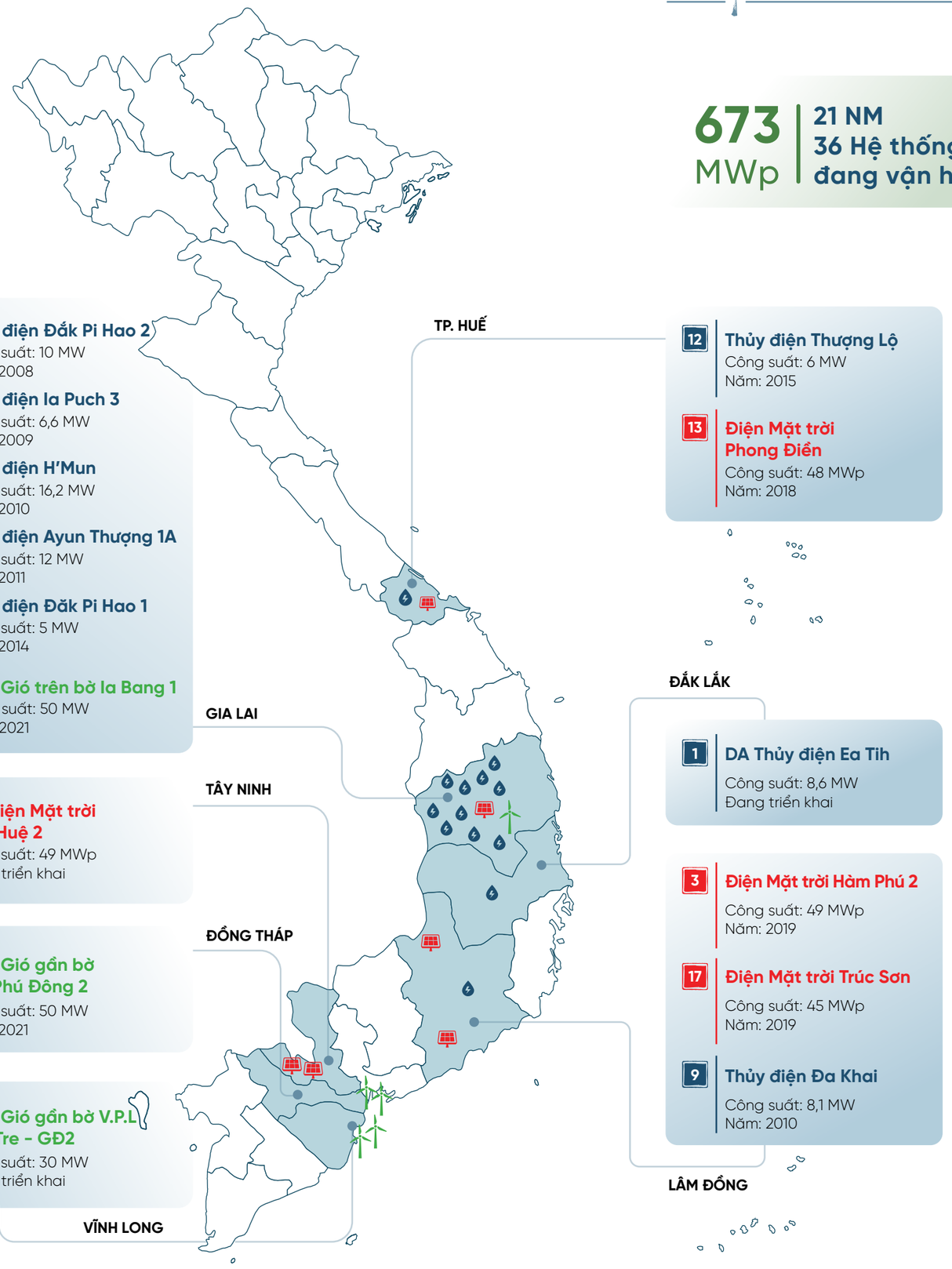
**Top 20** BCTN tốt nhất - Nhóm phi tài chính - Cuộc Bình chọn Doanh nghiệp niêm yết (VLCA)

**Top 500** Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam

# Danh mục dự án

**673 MWp** | **21 NM**
**36 Hệ thống Áp mái đang vận hành**

**95 MWp** | **3 NM**




1 **Thủy điện Ia Đrăng 1**
Công suất: 0,6 MW
Năm: 2002

2 **Thủy điện Ia Đrăng 2**
Công suất: 1,2 MW
Năm: 1989

3 **Thủy điện Ia Đrăng 3**
Công suất: 1,6 MW
Năm: 2005

4 **Thủy điện Ia Muer 3**
Công suất: 1,8 MW
Năm: 2005

5 **Thủy điện H'Chan**
Công suất: 12 MW
Năm: 2006

6 **Thủy điện Đắk Pi Hao 2**
Công suất: 10 MW
Năm: 2008

7 **Thủy điện Ia Puch 3**
Công suất: 6,6 MW
Năm: 2009

8 **Thủy điện H'Mun**
Công suất: 16,2 MW
Năm: 2010

10 **Thủy điện Ayun Thượng 1A**
Công suất: 12 MW
Năm: 2011

11 **Thủy điện Đăk Pi Hao 1**
Công suất: 5 MW
Năm: 2014

14 **Điện Mặt trời Krông Pa**
Công suất: 69 MWp
Năm: 2018

18 **Điện Gió trên bờ Ia Bang 1**
Công suất: 50 MW
Năm: 2021

16 **Điện Mặt trời Đức Huệ 1**
Công suất: 49 MWp
Năm: 2019

2 **DA Điện Mặt trời Đức Huệ 2**
Công suất: 49 MWp
Đang triển khai

21 **Điện Gió gần bờ Tân Phú Đông 1**
Công suất: 100 MW
Năm: 2023

19 **Điện Gió gần bờ Tân Phú Đông 2**
Công suất: 50 MW
Năm: 2021

20 **Điện Gió gần bờ V.P.L Bến Tre - GĐ1**
Công suất: 30 MW
Năm: 2021

3 **Điện Gió gần bờ V.P.L Bến Tre - GĐ2**
Công suất: 30 MW
Đang triển khai

12 **Thủy điện Thượng Lộ**
Công suất: 6 MW
Năm: 2015

13 **Điện Mặt trời Phong Điền**
Công suất: 48 MWp
Năm: 2018

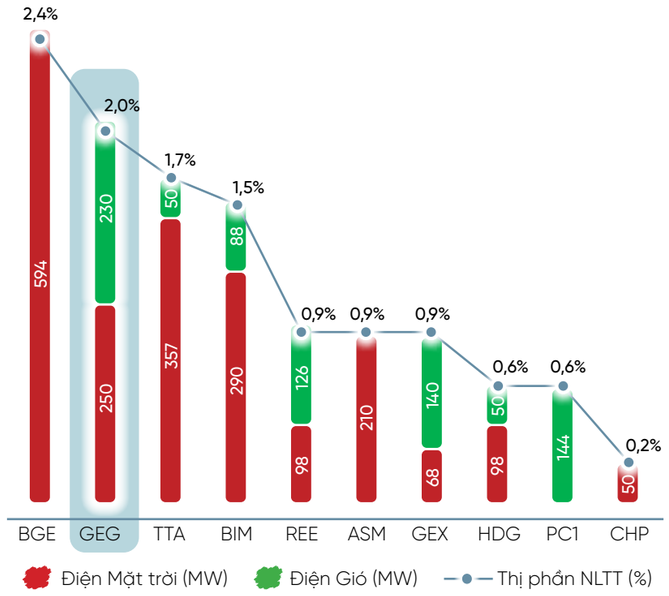
1 **DA Thủy điện Ea Tih**
Công suất: 8,6 MW
Đang triển khai

3 **Điện Mặt trời Hàm Phú 2**
Công suất: 49 MWp
Năm: 2019

17 **Điện Mặt trời Trúc Sơn**
Công suất: 45 MWp
Năm: 2019

9 **Thủy điện Đa Khai**
Công suất: 8,1 MW
Năm: 2010

## CÔNG SUẤT CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NLTT NIÊM YẾT 2025




*Nguồn: MBS*

**TOP 3** — CÔNG SUẤT CÔNG TY NLTT NIÊM YẾT TẠI VIỆT NAM

**TOP 3** — CÔNG SUẤT ĐIỆN GIÓ TẠI VIỆT NAM

**TOP 10** — CÔNG SUẤT ĐIỆN MẶT TRỜI TẠI VIỆT NAM

**2,0%** — THỊ PHẦN CÔNG SUẤT NLTT (ĐIỆN MẶT TRỜI VÀ ĐIỆN GIÓ) TẠI VIỆT NAM

**0,6%** — THỊ PHẦN CÔNG SUẤT TẠI VIỆT NAM

**12** — TỈNH THÀNH

# Hội Ẩm

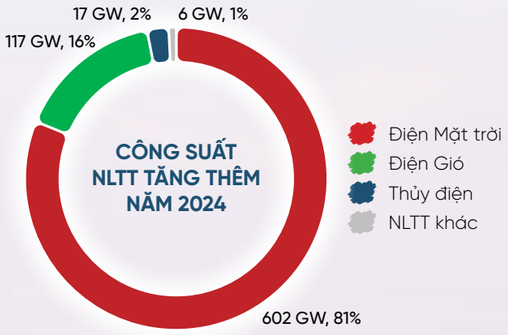
Chương 02

# Bức tranh ngành năng lượng

## TỔNG QUAN NGÀNH NĂNG LƯỢNG

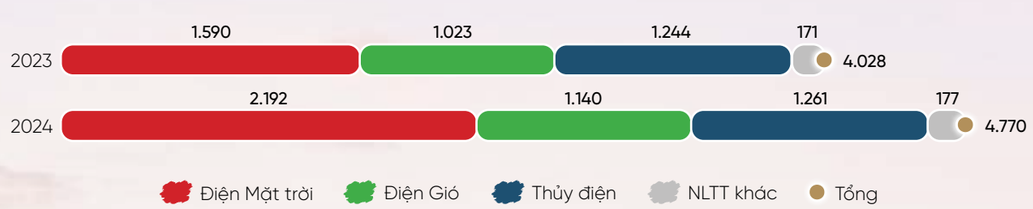
### NĂM 2024 TIẾP TỤC ĐÁNH DẤU MỘT NĂM TĂNG TRƯỞNG MẠNH MẼ CỦA NLTT TOÀN CẦU, VỚI MỨC GIA TĂNG 741 GW

Ngành năng lượng toàn cầu đang trong quá trình chuyển dịch sâu rộng dưới tác động của biến đổi khí hậu, yêu cầu đảm bảo an ninh năng lượng và các cam kết giảm phát thải khí nhà kính. Trong bối cảnh đó, NLTT tiếp tục khẳng định vai trò then chốt, trở thành trụ cột trong chiến lược PTBV của nhiều quốc gia và doanh nghiệp trên toàn thế giới. Năm 2024 ghi nhận bước tiến mạnh mẽ của Ngành NLTT toàn cầu khi tổng công suất toàn cầu đạt khoảng 4.770 GW, tăng thêm 741 GW so với năm 2023, tương ứng mức tăng trưởng 18%. Sự tăng trưởng này cho thấy NLTT không còn đóng vai trò bổ trợ, mà đã trở thành một cấu phần cốt lõi trong cơ cấu nguồn điện toàn cầu.




**CÔNG SUẤT NLTT TOÀN CẦU 2023-2024**

(ĐVT: GW)




*Nguồn: Báo cáo hiện trạng NLTT toàn cầu năm 2025 do REN21 xuất bản.*

Điện Mặt trời tiếp tục là động lực tăng trưởng chủ đạo khi tăng thêm 602 GW, chiếm 81% tổng công suất tăng thêm, nâng tổng công suất lên 2.192 GW. Điện Gió duy trì vai trò là nguồn NLTT quan trọng thứ hai với tổng công suất đạt 1.140 GW, tăng thêm 117 GW trong năm, chiếm 16% tổng công suất tăng thêm. Thủy điện tiếp tục giữ tỷ trọng lớn trong tổng công suất tái tạo với 1.261 GW, tuy nhiên công suất bổ sung mới trong năm chỉ đạt 17 GW, tương ứng mức tăng trưởng 1%. Xu hướng này phản ánh việc tiềm năng Thủy điện tại nhiều khu vực đã dần bão hòa, trong khi các DA mới đối mặt với nhiều yêu cầu khắt khe về môi trường và xã hội. Các nguồn NLTT khác như sinh khối, địa nhiệt và năng lượng biển đạt tổng công suất 177 GW, với mức bổ sung 6 GW, chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng vẫn đóng vai trò bổ trợ trong việc đa dạng hóa cơ cấu nguồn điện.





## NỀN KINH TẾ VIỆT NAM DUY TRÌ XU HƯỚNG TÍCH CỰC, KINH TẾ VĨ MÔ ỔN ĐỊNH, LẠM PHÁT TRONG TẦM KIỂM SOÁT

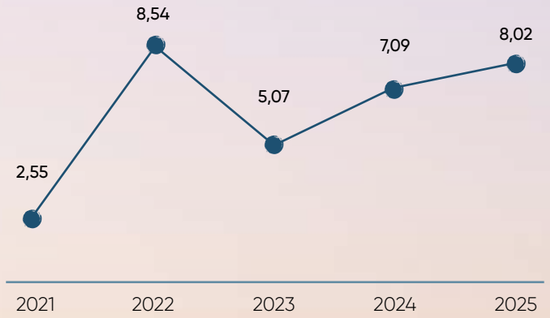
Trong năm 2025 và giai đoạn 2021–2025, mặc dù bối cảnh trong nước và quốc tế còn nhiều khó khăn, thách thức, với nhiều vấn đề mới phát sinh phức tạp và vượt dự báo, Việt Nam vẫn đạt được những kết quả phát triển quan trọng và khá toàn diện. Xu thế tăng trưởng được duy trì theo hướng năm sau tích cực hơn năm trước, tiếp tục thúc đẩy đổi mới, tạo nền tảng cho phát triển nhanh, bền vững và bao trùm, qua đó tạo khí thế và động lực bước vào giai đoạn phát triển mới. Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của toàn dân, toàn quân và cộng đồng doanh nghiệp, tình hình kinh tế – xã hội năm 2025 đạt được mục tiêu tổng quát đề ra, với việc hoàn thành và vượt toàn bộ 15/15 chỉ tiêu chủ yếu. Tăng trưởng GDP duy trì đà tích cực, với tốc độ tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước; tăng trưởng cả năm 2025 đạt 8,02%, thuộc nhóm các nền kinh tế tăng trưởng cao hàng đầu thế giới. Bình quân giai đoạn 2021–2025, tăng trưởng kinh tế đạt khoảng 6,3%, cao hơn giai đoạn trước.

Quy mô nền kinh tế tiếp tục được mở rộng, GDP năm 2025 ước đạt khoảng 514 tỷ USD, tăng 5 bậc, vươn lên vị trí thứ 32 thế giới. GDP bình quân đầu người đạt khoảng 5.026 USD, gấp 1,4 lần so với năm 2020, đưa Việt Nam gia nhập nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình cao, vượt mục tiêu đề ra. Các chỉ tiêu ổn định kinh tế vĩ mô tiếp tục được kiểm soát. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2025 tăng 3,31%, chủ yếu do bốn nhóm hàng hóa và dịch vụ có mức tăng cao, đóng góp khoảng 94,1% vào mức tăng CPI chung. Lạm phát cơ bản tăng 3,21% so với năm 2024, thấp hơn mức tăng của lạm phát tổng thể. Lãi suất và tỷ giá biến động trong tầm kiểm soát; các thị trường tài chính và bất động sản từng bước phục hồi, dù vẫn tiềm ẩn rủi ro.

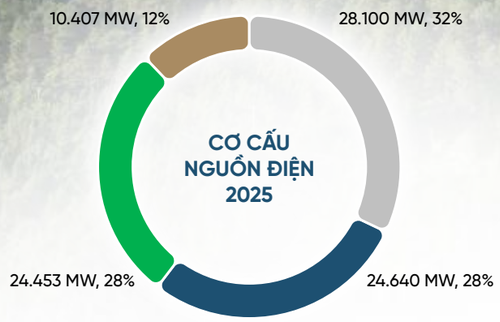
Tính đến cuối năm 2025, tổng công suất nguồn điện toàn hệ thống (không bao gồm công suất nhập khẩu điện) đạt khoảng 87.600 MW, tăng khoảng 6.400 MW so với năm 2024. Cơ cấu nguồn điện tiếp tục có sự chuyển dịch theo hướng đa dạng hóa, trong đó nguồn điện NLTT gồm Điện Gió, Điện Mặt trời, Điện Sinh khối đạt khoảng 24.453 MW, chiếm 27,9% tổng công suất; Điện Than đạt khoảng 28.100 MW, tương ứng 32,1% tổng công suất và Thủy điện đạt khoảng 24.640 MW, chiếm 28,1% tổng công suất. Với quy mô này, hệ thống điện Việt Nam hiện đứng thứ hai khu vực ASEAN về công suất nguồn điện.

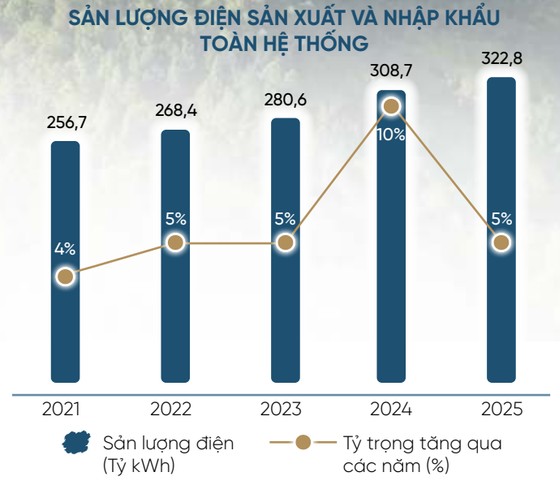
Sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống năm 2025 ước đạt 322,8 tỷ kWh, tăng 4,6% so với năm 2024. Con số này chưa bao gồm khoảng 10 tỷ kWh Điện Mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu không qua lưới điện Quốc gia. Nếu tính bổ sung nguồn điện này, mức tăng trưởng sản lượng điện toàn hệ thống năm 2025 ước đạt khoảng 8%, phản ánh nhu cầu điện tiếp tục duy trì ở mức cao. Sản lượng điện thương phẩm năm 2025 toàn hệ thống ước đạt 287,9 tỷ kWh. Đồng thời, độ tin cậy cung cấp điện tiếp tục được cải thiện, thể hiện qua chỉ số thời gian mất điện bình quân của khách hàng (SAIDI) toàn Tập đoàn ước đạt 230 phút, vượt mục tiêu kế hoạch đầu năm (233 phút), góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng điện của nền kinh tế và người dân.

**BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM 2021 - 2025 (%)**




*Nguồn: Tổng Cục Thống kê*




*Nguồn: EVN*

Năm 2025 đánh dấu một giai đoạn đặc biệt đối với Ngành Năng lượng Việt Nam, khi hệ thống năng lượng vừa vận động mạnh mẽ theo hướng chuyển dịch, vừa phải đối mặt với những áp lực lớn chưa từng có. Biến đổi khí hậu với các hiện tượng thời tiết cực đoan, nhu cầu tiêu thụ điện tăng nhanh, cùng yêu cầu đẩy nhanh tiến trình chuyển dịch năng lượng đã tạo ra sức ép đáng kể trong bối cảnh hạ tầng nguồn điện, lưới truyền tải và thể chế thị trường. Những thách thức đan xen này đã đặt Ngành Năng lượng trước các bài toán phức tạp về bảo đảm an ninh năng lượng, nâng cao hiệu quả vận hành và hướng tới PTBV. Trong bối cảnh đó, mỗi quyết sách liên quan đến điện lực, dầu khí hay than không còn đơn thuần là lựa chọn mang tính kỹ thuật hay kinh tế, mà đã trở thành yếu tố có ý nghĩa quan trọng đối với ổn định kinh tế vĩ mô và an ninh Quốc gia. Trên nền bối cảnh đó, Hội đồng Khoa học Tạp chí Năng lượng Việt Nam đã bình chọn 10 sự kiện tiêu biểu nhất của năm 2025, phản ánh một cách khái quát và sinh động những chuyển động nổi bật, thách thức then chốt và xu hướng định hình tương lai của Ngành Năng lượng Quốc gia trong năm qua.

### 1 NHIỀU CHÍNH SÁCH – CƠ CHẾ ĐƯỢC BAN HÀNH

- NĐ 56/2025/NĐ-CP về lập quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển lưới điện, đầu tư xây dựng DA điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư DA kinh doanh điện lực.
- NĐ 57/2025/NĐ-CP về cơ chế mua bán điện trực tiếp DPPA.
- NĐ 58/2025/NĐ-CP về điện NLTT, điện năng lượng mới.
- Nhiều Thông tư của BCT cũng được kịp thời ban hành về khung giá phát điện các nguồn Điện Mặt trời, Điện Gió trên bờ và ngoài khơi, nguồn điện LNG, Thủy điện tích năng, pin lưu trữ (BESS).

### 2 NM ĐIỆN LNG CHÍNH THỨC VẬN HÀNH

- Khánh thành NM điện LNG Nhơn Trạch 3 và 4, công suất 1.624 MW vào ngày 14/12/2025, do Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư. Sự kiện không chỉ mang ý nghĩa về công suất, mà còn đánh dấu bước chuyển chiến lược trong cơ cấu nguồn điện, giảm phụ thuộc vào nhiệt điện than.

### 3 NHIỀU CÔNG TRÌNH LƯỚI ĐIỆN 500 KV VÀ 220 KV ĐƯỢC ĐƯA VÀO VẬN HÀNH

- Năm 2025 chứng kiến khối lượng lớn các DA lưới điện truyền tải 500 kV và 220 kV hoàn thành, đặc biệt tại các khu vực trọng điểm về phụ tải và giải tỏa công suất. Việc tăng cường hạ tầng truyền tải đã trực tiếp giảm nguy cơ nghẽn mạch, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện và tạo điều kiện vận hành linh hoạt cho toàn hệ thống.

### 4 HOÀN THÀNH VÀ ĐƯA VÀO VẬN HÀNH CÁC CÔNG TRÌNH NGUỒN ĐIỆN TRỌNG ĐIỂM, XUYÊN BIÊN GIỚI

- Sự kiện NM Thủy điện Hòa Bình mở rộng (480 MW) chính thức vận hành cả 2 tổ máy trong năm 2025 là một thắng lợi lớn về kỹ thuật thi công ngầm.
- Tổ máy số 1 (665 MW) của NM Nhiệt điện BOT Vũng Áng 2 tại Hà Tĩnh được đưa vào vận hành ngày 22/7/2025.
- NM Điện Gió Savan 1 - 300 MW cho giai đoạn 1 chính thức vận hành thương mại vào ngày 26/12/2025, tạo tiêu biểu trong hợp tác năng lượng giữa Việt - Lào

### 5 THỦY ĐIỆN BẢN VẼ CẮT LŨ LỊCH SỬ, BẢO ĐẢM AN TOÀN HẠ DU

- Đối mặt với đợt lũ có lưu lượng về hồ vượt tần suất thiết kế, Thủy điện Bản Vẽ đã chấp nhận hy sinh lợi ích phát điện, duy trì dung tích phòng lũ để cắt giảm hoàn toàn đỉnh lũ, giúp vùng hạ du sông Cả tránh được một thảm họa ngập lụt diện rộng.

### 6 THÍ ĐIỂM CƠ CHẾ GIÁ ĐIỆN HAI THÀNH PHẦN

- Việc thí điểm cơ chế giá điện hai thành phần (giá công suất và giá điện năng) trong năm 2025 được xem là bước đi quan trọng trong cải cách thị trường điện. Cơ chế này từng bước phản ánh đúng chi phí công suất và chi phí năng lượng, khuyến khích sử dụng điện hiệu quả hơn; đồng thời tạo nền tảng cho vận hành thị trường điện cạnh tranh minh bạch và bền vững trong các giai đoạn tiếp theo.

### 7 KHO CẢNG LNG THỊ VẢI CHÍNH THỨC VẬN HÀNH THƯƠNG MẠI

- Năm 2025 đánh dấu việc kho cảng LNG Thị Vải bước vào giai đoạn vận hành thương mại ổn định, hoàn thiện mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng LNG Quốc gia.

### 8 DA KHÍ, ĐIỆN LÔ B - Ô MÔN THI CÔNG CÁC HẠNG MỤC TRỌNG YẾU

- Việc tái khởi động DA mang ý nghĩa quan trọng đối với an ninh năng lượng khu vực Tây Nam bộ và kỳ vọng bổ sung nguồn khí nội địa cho phát điện trong trung và dài hạn. Khi hoàn thành, Chuỗi DA này sẽ cung cấp khí cho 4 NM điện với tổng công suất 3.800 MW, đóng vai trò là trụ cột an ninh năng lượng cho toàn bộ khu vực Tây Nam bộ trong vòng 20 năm tới.

### 9 NGÀNH THAN HOÀN THÀNH MỞ RỘNG MỎ VÀ ỔN ĐỊNH NGUỒN CUNG CHO PHÁT ĐIỆN

- Trong cơn lốc chuyển dịch xanh, than vẫn là nguồn năng lượng "gánh team" cho hệ thống điện miền Bắc vào các tháng cao điểm mùa khô. Năm 2025, TKV và Tổng công ty Đông Bắc đã thực hiện một nhiệm vụ kép đầy khó khăn: Tăng sản lượng, nhưng phải xanh hóa quy trình.

### 10 HỆ THỐNG ĐIỆN QUỐC GIA VẬN HÀNH AN TOÀN TRONG ĐIỀU KIỆN THỜI TIẾT CỰC ĐOAN

- Bằng các thuật toán điều độ thông minh và sự phối hợp nhịp nhàng (huy động thủy điện phủ đỉnh, nhiệt điện chạy nền, NLTT hỗ trợ), hệ thống điện Việt Nam đã vận hành an toàn, không để xảy ra sự cố rã lưới (blackout).

*Nguồn: Năng lượng Việt Nam*

## DIỄN BIẾN KHÍ HẬU NHIỀU BIẾN ĐỘNG ẢNH HƯỞNG TRỰC TIẾP ĐẾN CÔNG TÁC VẬN HÀNH HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, năm 2025 được đánh giá là một trong những năm ghi nhận diễn biến thiên tai dồn dập, khốc liệt và dị thường nhất trong lịch sử khí tượng thủy văn Việt Nam. Các hình thái thiên tai nguy hiểm như bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn diện rộng, lũ lụt, lũ quét và sạt lở đất xảy ra với tần suất cao, trên phạm vi rộng và có tính chồng lấn, vượt xa các quy luật khí hậu thông thường. Cụ thể, trong năm đã xuất hiện 15 cơn bão và 6 áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông. Nhiều đợt mưa lớn cực đoan gây lũ vượt mức lịch sử trên 18 tuyến sông tại khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ; triều cường đạt và vượt kỷ lục tại hạ lưu sông Tiền và sông Hậu. Tình trạng ngập lụt nghiêm trọng xảy ra tại nhiều đô thị và vùng trũng thấp, trong đó có các địa phương trọng điểm như Hà Nội, Thái Nguyên và Bắc Ninh.

Theo đánh giá của EVN và Công ty Vận hành Hệ thống điện và Thị trường điện Quốc gia (NSMO), trong bối cảnh tỷ trọng các nguồn điện phụ thuộc thời tiết gia tăng nhanh, vai trò điều tiết và linh hoạt của Thủy điện ngày càng trở nên rõ nét. Trong năm 2025, các hồ chứa Thủy điện trên cả nước đã được vận hành tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình vận hành đơn hồ và liên hồ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, qua đó góp phần điều tiết dòng chảy, hỗ trợ cắt giảm lũ cho hạ du và duy trì khả năng cung ứng điện ổn định cho hệ thống điện Quốc gia trong điều kiện thời tiết không thuận lợi. Tuy nhiên, trong các đợt mưa lớn kéo dài, khả năng cắt giảm lũ của một số hồ chứa bị giới hạn về mặt vật lý, ngay cả khi vận hành hoàn toàn đúng quy trình. Hạn chế này thể hiện rõ tại các lưu vực miền Trung và Tây Nguyên, nơi có địa hình dốc, thời gian tập trung lũ ngắn và mưa tập trung với cường độ cao trong thời gian ngắn.

Tổng thể, trong năm 2025, hệ thống hồ Thủy điện đã được vận hành an toàn, hiệu quả, đóng vai trò quan trọng trong việc điều tiết dòng chảy, giảm thiểu tác động của thiên tai và bảo đảm cung ứng điện ổn định, liên tục cho hệ thống điện Quốc gia. Áp lực cân bằng giữa mục tiêu phòng, chống lũ và yêu cầu bảo đảm cung ứng điện trong bối cảnh nhu cầu phụ tải tiếp tục tăng cao tiếp tục là vấn đề cần được xem xét thận trọng trong công tác điều hành và hoạch định chiến lược trong giai đoạn tiếp theo.

## ĐIỆN MẶT TRỜI ÁP MÁI – VẪN CÒN NHIỀU DƯ ĐỊA PHÁT TRIỂN

Phát triển Điện Mặt trời Áp mái trong các Khu công nghiệp được đánh giá là một trong những giải pháp quan trọng nhằm giảm áp lực cho hệ thống điện Quốc gia, đồng thời thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Theo thống kê, Việt Nam hiện có 431 Khu công nghiệp và hơn 1.000 cụm công nghiệp đang hoạt động. Trong thời gian tới, dự kiến sẽ có thêm 221 Khu công nghiệp mới, 76 Khu công nghiệp mở rộng và 22 Khu công nghiệp điều chỉnh quy hoạch, qua đó tạo dư địa rất lớn cho việc phát triển Điện Mặt trời Áp mái quy mô công nghiệp. Thực tế giai đoạn 2024–2025 ghi nhận sự gia tăng nhanh chóng các DA Điện Mặt trời Áp mái trong Khu công nghiệp trên cả ba miền Bắc, Trung và Nam. Theo số liệu của BCT, tổng công suất Điện Áp Mặt trời mái trong các Khu công nghiệp trên cả nước đã vượt 3.200 MWp, trong đó khoảng 25% số hệ thống đã được tích hợp pin lưu trữ năng lượng (BESS), góp phần nâng cao khả năng tự tiêu thụ và giảm phụ thuộc vào lưới điện.

Về trung và dài hạn, BCT dự báo tiềm năng kỹ thuật của Điện Mặt trời Áp mái trong các Khu công nghiệp Việt Nam có thể đạt trên 40.000 MWp, trong đó khả năng triển khai thực tế đến năm 2030 ước khoảng 20.000 MWp. Nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ còn hạn chế về năng lực tài chính để đầu tư trực tiếp; chi phí đầu tư ban đầu cho hệ thống pin quang điện và pin lưu trữ năng lượng vẫn ở mức cao; trong khi khả năng tiếp cận nguồn vốn vay, lãi suất ưu đãi và các cơ chế bảo lãnh DA chưa thực sự phổ biến.

Trong thời gian vừa qua, BCT gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo lần 3 NĐ sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ 57/2025 về cơ chế mua bán điện trực tiếp và NĐ 58/2025 quy định chi tiết Luật Điện lực liên quan đến phát triển điện NLTT, năng lượng mới, trong đó đề xuất điều chỉnh quy định liên quan đến các trường hợp được bán sản lượng dư và giá mua bán điện dư. BCT cũng đang khẩn trương xây dựng quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình lắp đặt Điện Mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ và hệ thống lưu trữ điện cho giai đoạn 2026-2030. Nếu quyết định được ban hành, các hộ gia đình lắp đặt hệ thống Điện Mặt trời tự sản xuất, tự tiêu thụ sẽ được hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật, qua đó thúc đẩy loại hình này phát triển mạnh mẽ.

### DỰ THẢO LẦN 3 SỬA ĐỔI NĐ 58/2025, MỘT SỐ ĐIỂM ĐÁNG CHÚ Ý:

- Các trường hợp được bán sản lượng điện dư gồm: **nguồn của hộ gia đình sử dụng nhà ở riêng lẻ**; nguồn đấu nối với hệ thống điện Quốc gia tại cấp điện áp hạ áp,....
- Giá mua bán sản lượng điện dư là giá điện năng thị trường điện bình quân trong năm trước liền kề do đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện công bố, nhưng không cao hơn mức giá tối đa của khung giá phát điện loại hình Điện Mặt trời mặt đất tương ứng.
- Tổ chức, cá nhân bán điện dư phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực, trừ trường hợp được miễn giấy phép hoạt động điện lực theo quy định.
- Tổ chức, cá nhân lắp đặt hệ thống có công suất từ 100kW trở lên, không đấu nối với hệ thống điện Quốc gia, phải gửi thông báo đến UBND cấp xã nơi lắp đặt.

## ĐIỆN GIÓ – KHUNG PHÁP LÝ ĐANG DẦN HOÀN THIỆN VÀ TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN ĐIỆN GIÓ NGOÀI KHƠI

Sau khi cơ chế FIT hết hiệu lực từ cuối năm 2021, thị trường Điện Gió bước vào giai đoạn chuyển tiếp, trong đó các dự án cần thời gian hoàn thiện khung pháp lý và các điều kiện liên quan để tiến tới đàm phán, ký kết hợp đồng mua bán điện với EVN. Trong bối cảnh đó, cơ chế giá chuyển tiếp theo QĐ số 21/QĐ-BCT do BCT ban hành ngày 07/01/2023 từng bước tháo gỡ vướng mắc cho các DA tồn đọng. Dù đóng vai trò quan trọng trong việc khơi thông một phần thị trường, mức giá áp dụng trong giai đoạn chuyển tiếp vẫn mang tính thận trọng, chưa phản ánh đầy đủ các biến động chi phí đầu tư trong điều kiện lãi suất tăng, tỷ giá biến động và giá nguyên vật liệu xây dựng leo thang.

Ngày 30/5/2025, BCT đã chính thức ban hành QĐ số 1508/QĐ-BCT, phê duyệt khung giá phát điện năm 2025 cho các DA Điện Gió trên bờ và gần bờ. Động thái này được giới chuyên gia và doanh nghiệp đánh giá là một bước đi quan trọng, đồng thời mở ra kỳ vọng cho một chu kỳ tăng trưởng mới của ngành NLTT tại Việt Nam. Khung giá mới không chỉ tạo hành lang pháp lý cần thiết cho các DA đã và đang triển khai, mà còn góp phần tái lập niềm tin của nhà đầu tư. Dù vậy, vẫn tồn tại những lo ngại nhất định khi mức giá trần hiện nay được đánh giá là còn hạn chế so với chi phí đầu tư thực tế của nhiều DA, đặc biệt là các DA Điện Gió có điều kiện địa hình phức tạp hoặc yêu cầu đầu tư lớn cho hạ tầng đấu nối. Trong bối cảnh đó, việc đạt được mức giá điện đủ hấp dẫn để thu hút dòng vốn dài hạn vẫn là bài toán cần tiếp tục được cân nhắc trong quá trình hoàn thiện cơ chế.

| | QĐ 39/2018/QĐ-TTg | QĐ số 21/QĐ-BCT | Khung giá hiện nay |
|---|---|---|---|
| **Điện Gió trên bờ** | 8,5 Uscent/kWh (1.928 đồng, tỷ giá 22.683 đồng/USD) | 1.587,12 đồng/kWh | Miền Bắc: 1.959,4 đồng/kWh<br>Miền Trung: 1.807,4 đồng/kWh<br>Miền Nam: 1.840,3 đồng/kWh<br>(Theo QĐ số 1508/QĐ-BCT) |
| **Điện Gió gần bờ** | 9,8 UScent/kWh (2.223 đồng/kWh, tỷ giá 22.683 đồng/USD) | 1.815,95 đồng/kWh | Miền Bắc/Trung/Nam: 1.987,4 đồng/kWh<br>(Theo QĐ số 1508/QĐ-BCT) |
| **Điện Gió ngoài khơi** | - | - | Bắc Bộ: 3.975,1 đồng/kWh<br>Nam Trung Bộ: 3.078,9 đồng/kWh<br>Miền Nam: 3.868,5 đồng/kWh<br>(Theo QĐ số 1824/QĐ-BCT ngày 26/06/2025) |

*Nguồn: Tổng hợp*

Đầu tháng 01/2026, BCT đang xây dựng và tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo NĐ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thực hiện, hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 253/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về các cơ chế, chính sách phát triển năng lượng Quốc gia giai đoạn 2026–2030. Tại dự thảo NĐ, BCT đề xuất nhiều quy định quan trọng liên quan đến phát triển Điện Gió ngoài khơi, nhằm từng bước hoàn thiện khung pháp lý cho loại hình năng lượng này như: điều kiện đối với đơn vị thực hiện khảo sát phục vụ lập chủ trương đầu tư DA Điện Gió ngoài khơi; cơ chế xử lý chi phí khảo sát và chi phí lập hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư trong trường hợp doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao thực hiện khảo sát; thành phần hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các DA Điện Gió ngoài khơi bán điện lên hệ thống điện Quốc gia theo quy hoạch phát triển điện lực, cũng như điều kiện đối với doanh nghiệp lập hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư DA, v.v...

Kỳ vọng rằng, sau khi NĐ được ban hành và chính thức có hiệu lực, khung pháp lý đối với Điện Gió ngoài khơi sẽ từng bước được hoàn thiện, tạo nền tảng quan trọng trong quá trình chuẩn bị và triển khai DA. Các quy định rõ ràng hơn về khảo sát, chấp thuận chủ trương đầu tư và phân bổ chi phí được kỳ vọng sẽ giảm thiểu rủi ro pháp lý, nâng cao tính minh bạch và khả năng dự báo, qua đó củng cố niềm tin của nhà đầu tư trong và ngoài nước.

## ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2050 – NLTT TIẾP TỤC ĐÓNG VAI TRÒ QUAN TRỌNG TRONG LỘ TRÌNH CHUYỂN DỊCH NĂNG LƯỢNG

Trong bối cảnh nhu cầu điện năng tiếp tục tăng trưởng cao, yêu cầu bảo đảm an ninh năng lượng Quốc gia song hành với mục tiêu PTBV và giảm phát thải khí nhà kính, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành QĐ số 1415/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 phê duyệt Chiến lược phát triển ngành điện lực Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chiến lược xác định rõ vai trò then chốt của NLTT trong lộ trình chuyển dịch năng lượng, phù hợp với các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu và mục tiêu tăng trưởng xanh của Việt Nam. Đồng thời, chiến lược nhấn mạnh việc ưu tiên phát triển mạnh các nguồn NLTT, bao gồm Thủy điện, Điện Gió (trên bờ và ngoài khơi), Điện Mặt trời, sinh khối và các dạng năng lượng mới, nhằm từng bước nâng cao tỷ trọng điện sạch trong cơ cấu nguồn điện Quốc gia. Song song đó, Chính phủ định hướng giảm dần sự phụ thuộc vào các nguồn năng lượng hóa thạch, đặc biệt là nhiệt điện than, hướng tới hệ thống năng lượng phát thải thấp và thân thiện với môi trường.

Bên cạnh việc mở rộng quy mô nguồn điện tái tạo, Chiến lược cũng đặt trọng tâm vào phát triển đồng bộ hạ tầng hỗ trợ, bao gồm lưới điện truyền tải, lưới điện thông minh, hệ thống lưu trữ năng lượng và các nguồn điện linh hoạt, nhằm nâng cao khả năng tích hợp, điều độ và vận hành an toàn hệ thống điện trong bối cảnh tỷ trọng NLTT ngày càng gia tăng. Song song đó, việc hoàn thiện cơ chế thị trường điện và chính sách đầu tư được xác định là yếu tố then chốt để thu hút nguồn lực trong nước và quốc tế cho các DA NLTT.

Tại QĐ số 1415/QĐ-TTg, Chính Phủ cũng khuyến khích ứng dụng khoa học – công nghệ và chuyển đổi số trong toàn bộ chuỗi giá trị của ngành điện, từ đầu tư, xây dựng đến vận hành và quản lý các DA NLTT, nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, tối ưu chi phí và gia tăng tính minh bạch trong hoạt động sản xuất – kinh doanh điện năng. Việc triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển ngành điện lực, với trọng tâm là NLTT, không chỉ góp phần đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia mà còn mở ra cơ hội lớn cho các doanh nghiệp tham gia phát triển điện sạch, đồng thời tạo nền tảng để Việt Nam thực hiện thành công mục tiêu Net Zero, thúc đẩy tăng trưởng xanh và hội nhập sâu rộng vào chuỗi giá trị năng lượng toàn cầu.



| Loại hình | Đến năm 2030 | Định hướng GĐ 2030-2050 | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| Thủy điện | 33.294 - 34.667 MW | • Năm 2050: 40.624 MW | Khai thác gần tối đa tiềm năng kỹ thuật (gồm Thủy điện nhỏ) |
| Điện Gió trên bờ và gần bờ | 26.066 - 38.029 MW | | Ưu tiên bố trí tại các địa phương có tiềm năng gió tốt, điều kiện kinh tế khó khăn |
| Điện Gió ngoài khơi phục vụ nhu cầu điện trong nước | | • GĐ 2030-2035: 6.000 - 17.032 MW<br>• Năm 2050: 113.503 - 139.097 MW | Định hướng kết hợp với các loại hình NLTT khác để sản xuất năng lượng mới (hydrogen, ammonia xanh v.v...) phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. |
| Điện Gió ngoài khơi để sản xuất năng lượng mới | | • Năm 2035: 15.000 MW<br>• Năm 2050: 240.000 MW | |
| Điện Mặt trời (Gồm Điện Mặt trời tập trung & Điện Áp mái) | 46.459 - 73.416 MW | • Năm 2050: 293.088 - 295.646 MW | Phát triển Điện Mặt trời tập trung phải kết hợp với lắp đặt pin lưu trữ với tỷ lệ tối thiểu 10% công suất và tích trong 2 giờ. |
| Điện Sinh Khối | 1.523 - 2.699 MW | • Năm 2050: 4.829 - 6.960 MW | |
| Điện Rác, Chất thải rắn | 1.441 - 2.137 MW | • Năm 2050: 1.784 - 2.137 MW | |
| Điện địa nhiệt và Năng lượng mới | 45 MW | • Năm 2050: 464 MW | |
| Thủy điện tích năng | 2.400 - 6.000 MW | • Năm 2050: 20.691 - 21.327 MW | |
| Pin lưu trữ | 10.000 - 16.300 MW | • Năm 2050: 95.983 - 96.120 MW | Bố trí phân tán gắn các trung tâm nguồn Điện Gió, Điện Mặt trời hoặc các trung tâm phụ tải. |
| Điện hạt nhân | | • GĐ 2030 - 2035: 4.000 - 6.400 MW<br>• Năm 2050: 8.000 MW | |
| Nhiệt điện than | 31.055 MW | • Năm 2050, không còn sử dụng than để phát điện, chuyển hoàn toàn sang sử dụng sinh khối/ amoniac. | Dừng hoạt động các NM có tuổi thọ trên 40 năm nếu không thể chuyển đổi nhiên liệu. Nghiên cứu xem xét áp dụng công nghệ thu hồi, lưu trữ carbon (CCS/CCS) để đảm bảo mục tiêu về giảm phát thải khí nhà kính. |
| Nhiệt điện khí trong nước | 10.861 - 14.930 MW | • Năm 2050: khoảng 7.900 MW tiếp tục sử dụng khí trong nước hoặc chuyển sang sử dụng LNG; 7.030 MW dự kiến chuyển sang sử dụng hydrogen hoàn toàn. | Ưu tiên sử dụng tối đa khí trong nước cho phát điện. Trong trường hợp sản lượng khí trong nước suy giảm thì nhập khẩu bổ sung bằng khí thiên nhiên hoặc LNG. |
| LNG | 22.524 MW | • LNG kèm hydrogen 18.200 - 26.123 MW<br>• LNG chạy hoàn toàn bằng hydrogen 8.576 - 11.325 MW<br>• LNG công nghệ thu giữ và lưu trữ carbon (CCS): 1.887 - 2.269 MW | Phát triển phù hợp các nguồn điện sử dụng LNG nếu có phương án thay thế để giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu nhập khẩu. |
| Nguồn điện linh hoạt | 2.000 - 3.000 MW | • 21.333 - 38.641 MW | Đầu tư phát triển các nguồn điện linh hoạt để điều hòa phụ tải, duy trì ổn định hệ thống điện để hấp thụ nguồn điện NLTT quy mô lớn. |

*Nguồn: Tổng hợp theo QĐ số 1415/QĐ-TTg ngày 30/6/2025*

## CHUỖI GIÁ TRỊ VỀ NLTT TẠI GEC

Trong bối cảnh nhu cầu năng lượng ngày càng gia tăng và cơ cấu nguồn điện đang dịch chuyển mạnh mẽ, ngành điện cần được phát triển theo hướng toàn diện, đồng bộ cả về quy mô lẫn chiều sâu. Trọng tâm của quá trình này là xây dựng và hoàn thiện chuỗi giá trị ngành điện, qua đó tối ưu hiệu quả vận hành, kiểm soát chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng cường khả năng hội nhập quốc tế. Chuỗi giá trị ngành điện được hình thành xuyên suốt từ khâu phát triển nguồn, đầu tư – xây dựng, truyền tải – phân phối đến vận hành và tiêu thụ điện, tạo nền tảng cho sự PTBV của toàn ngành.

Tại GEC, định hướng phát triển chuỗi giá trị trong lĩnh vực NLTT được triển khai nhất quán và có chiều sâu. GEC chủ động tham gia các công đoạn cốt lõi, từ phát triển DA và M&A đến vận hành NM điện, cung cấp dịch vụ NLTT và hoạt động kinh doanh thương mại. Trên cơ sở đó, GEC không ngừng hoàn thiện mô hình kinh doanh nhằm thích ứng linh hoạt với biến động của thị trường, đa dạng hóa nguồn doanh thu, duy trì tăng trưởng bền vững các chỉ tiêu kinh doanh và đặc biệt là tiếp tục phát huy lợi thế về hiệu quả sinh lời vốn – một trong những thế mạnh trọng tâm trong hoạt động của GEC.

## GIÁ TRỊ ĐẦU VÀO

### TÀI CHÍNH

- VĐL: **4.148 tỷ đồng**
- VCSH: **6.498 tỷ đồng**
- TTS: **15.111 tỷ đồng**
- Tổng Nợ vay: **8.343 tỷ đồng**
- Đa dạng tài chính, quản lý vốn hiệu quả
- Quản lý tài chính minh bạch
- Đầu tư PTBV

### SẢN XUẤT

- Công suất đã và đang xây dựng: **769 MWp**
- Hợp đồng mua bán điện: **56 hợp đồng**
- **96 tỷ đồng** Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ phát triển khoa học công nghệ
- Mạng lưới hoạt động trên khắp **12 tỉnh thành**
- Đầu tư cơ sở hạ tầng dữ liệu hiện đại

### NHÂN SỰ

- **509 Nhân sự**
- **88 Khóa đào tạo**
- **22 - 61 độ tuổi lao động**
- Lương thưởng, phúc lợi và chế độ đãi ngộ công bằng
- Môi trường làm việc bình đẳng, an toàn
- Cơ hội đào tạo, thăng tiến

### TÀI NGUYÊN

- **46.840 lít** dầu Diesel tiêu thụ
- **2,6 tỷ $m^3$** lượng nước khai thác
- **6,2 m/s** vận tốc gió trung bình
- **1.656 $kWh/m^2$/ngày** bức xạ trung bình
- Các DA NLTT của GEC trước khi thi công đều được khảo sát kỹ càng để đảm bảo hiệu suất và hiệu quả hoạt động tối ưu

### QUAN HỆ XÃ HỘI

- Cam kết với môi trường - xã hội
- **8** Tiêu chuẩn IFC
- **2** Tiêu chuẩn GRI 300, 400
- **17** mục tiêu PTBV
- **4** tuyên bố chính sách bảo trợ xã hội (SPS)
- SASB
- TCFD

## HOẠT ĐỘNG VẬN HÀNH

### CHUỖI GIÁ TRỊ TRONG SẢN XUẤT ĐIỆN

**TÌM KIẾM VÀ PHÁT TRIỂN DA NLTT TIỀM NĂNG**

**PTDA & M&A:** BSQH - Tự triển khai và tìm kiếm M&A DA NLTT

**PHÁP LÝ & THIẾT KẾ:** Tư vấn thiết kế, Tư vấn chuyên ngành điện, Tư vấn ký kết PPA, Cung cấp thiết bị...

**THI CÔNG XÂY DỰNG:** Xây lắp, cơ khí, tổng thầu EPC

**VẬN HÀNH NM & KINH DOANH THƯƠNG MẠI:** Quản lý vận hành, Thí nghiệm dịch vụ và kỹ thuật, Cung cấp máy móc thiết bị NM Năng lượng, Bán chứng chỉ Năng lượng sạch RECs

**PHÁT ĐIỆN VÀ CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN**

**TRUYỀN TẢI VÀ PHÂN PHỐI**

**12 NM THỦY ĐIỆN**

**5 NM ĐIỆN MẶT TRỜI**

**4 NM ĐIỆN GIÓ**

**36 HỆ THỐNG ÁP MÁI**

**DỊCH VỤ:** Quản lý vận hành, Thí nghiệm Dịch vụ, Dịch vụ Kỹ thuật,...

**CUNG CẤP HÀNG HÓA THIẾT BỊ:** chứng chỉ REC/ TIGR/ GOLD STANDARD

**CUNG CẤP NGUỒN ĐIỆN CHO KHÁCH HÀNG**

Cung cấp điện trực tiếp cho EVN/Khách hàng lớn theo PPA 20 năm.

Đối với NM Thủy điện: theo Biểu giá Chi phí tránh được

Đối với NM Điện Mặt trời và Điện Gió: theo cơ chế giá FiT ưu đãi. Riêng NM Điện Gió Tân Phú Đông 1 theo cơ chế giá điện chuyển tiếp

Đối với các DA đang phát triển: NM Điện Mặt trời Đức Huệ theo cơ chế giá DPPA và NM Điện Gió VPL2 theo cơ chế giá đàm phán

Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, hàng hóa thuộc lĩnh vực NLTT cho các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực NLTT.

Khách hàng tiềm năng khác khi thị trường đang dần dịch chuyển sang bán lẻ điện cạnh tranh.

## GIÁ TRỊ MANG LẠI

### TÀI CHÍNH

- LNST: **947 tỷ đồng**
- Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản: **6,27%**
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu: **14,57%**
- Mức cổ tức ổn định qua các năm: từ **6%** cổ tức bằng tiền mặt đối với CĐ sở hữu cổ phiếu ưu đãi cổ tức chuyển đổi và 5%-8% cổ tức cho CĐ phổ thông giai đoạn 2021-2025
- Đảm bảo thực thi nghĩa vụ đối với các Tổ chức tín dụng: tổng chi phí lãi vay chi trả năm 2025: **665 tỷ đồng**
- Tăng cường mở rộng mối quan hệ với các Định chế tài chính trong và ngoài nước, đảm bảo nguồn vốn huy động đa dạng từ cả kênh Thị trường tiền tệ và Thị trường vốn, đặc biệt là tín dụng nhà thầu, phục vụ nhu cầu vốn phát triển DA

### SẢN XUẤT

- Tổng sản lượng điện đóng góp vào lưới điện Quốc gia 2025: **1,3 tỷ kWh**, tương ứng cung cấp điện cho hơn **460 ngàn** hộ gia đình.
- Cộng hưởng vào sự phát triển cùng các đối tác đồng hành: tổng chi phí nguyên vật liệu cung cấp cho Nhà cung cấp và nhà thầu: **81 tỷ đồng**
- Duy trì hoạt động ổn định, liên tục trước thách thức về điều kiện thời tiết, lạm phát.
- Tăng cường nghiên cứu các sản phẩm, dịch vụ kỹ thuật cao nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động của NM, tối ưu hóa sản lượng và đa dạng hóa nguồn thu ra thị trường.

### NHÂN SỰ

- Lương bình quân: **20,9 triệu đồng/tháng**
- Tỷ lệ nữ giới trong lực lượng lao động: **15%**
- Tỷ lệ nữ trong các vị trí quản lý cấp trung và cấp cao: **18,6%**
- Đội ngũ nhân sự dày dặn kinh nghiệm chuyên môn cao, tập trung chủ yếu là trong Ngành NLTT, phát triển DA, Tài chính đến Vận hành.

### TÀI NGUYÊN

- **858.298** chứng chỉ REC và tín chỉ carbon, góp phần vào các mục tiêu chống biến đổi khí hậu và cam kết Net-zero.
- Tìm kiếm và mở rộng các danh mục NLTT tiềm năng khác (Hydrogen...) để mở rộng quy mô đầu tư, giảm thiểu bớt các rủi ro tác động bởi thời tiết.

### MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI

- **305 tỷ đồng** đóng góp cho Ngân sách Nhà nước
- **1,2 tỷ đồng** đóng góp cho cộng đồng thông qua các hoạt động CSR
- **5.139 cây trồng** mới tại các NM điện
- **10 giải thưởng** trong và ngoài nước về ESG và BCTN

## HOẠT ĐỘNG VẬN HÀNH















# PHÂN TÍCH SWOT

## STRENGTH - ƯU ĐIỂM

S

### Chiến lược phát triển NLTT đồng bộ, rõ ràng và bền vững

- Danh mục tiềm năng đa dạng loại hình cho phép linh hoạt tối ưu cơ cấu nguồn, thích ứng với chính sách thị trường và biến đổi khí hậu.
- Danh mục DA được lựa chọn tại các khu vực có điều kiện tự nhiên thuận lợi và hạ tầng truyền tải sẵn có, phù hợp với đặc thù từng loại hình NLTT, qua đó nâng cao khả năng triển khai và hiệu quả khai thác.
- Tổng công suất các NM đã và đang xây dựng khoảng 769 MWp, được phân bổ rộng khắp khu vực Tây Nguyên, miền Trung và Nam Bộ, góp phần giảm thiểu rủi ro quá tải lưới và cắt giảm công suất. Danh mục này chưa bao gồm các DA GEC đang tiếp cận và dự kiến triển khai trong giai đoạn 2026-2030, tạo dư địa tăng trưởng trong trung và dài hạn.

### Tiên phong đón đầu cơ chế và xu hướng phát triển cho lĩnh vực NLTT

- Vận hành 2 NM Điện Mặt trời đầu tiên tại Việt Nam từ năm 2018 với tổng công suất 117 MWp, khẳng định năng lực triển khai sớm và khả năng thích ứng nhanh với chính sách.
- Triển khai và COD thành công 3 NM Điện Gió để hưởng cơ chế giá ưu đãi của Chính phủ theo QĐ số 39/2018/QĐ-TTg trong bối cảnh dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, qua đó khẳng định năng lực thực thi, khả năng bám sát chính sách, kiểm soát rủi ro và điều phối nguồn lực hiệu quả.
- Tiên phong tham gia cơ chế DPPA thông qua DA Điện Mặt trời Đức Huệ 2 (dự kiến đưa vào vận hành trong Quý II/2026), góp phần hình thành cơ sở tham chiếu cho các mô hình DPPA sau này.
- Là một trong những NM Điện Gió đầu tiên hoàn tất đàm phán giá điện theo cơ chế giá điện chuyển tiếp theo QĐ số 21/QĐ-BCT ngày 07/01/2023.
- Tích lũy kinh nghiệm sâu rộng trong triển khai các DA NLTT thông qua việc trực tiếp tham gia thi công, giúp kiểm soát tốt tiến độ, chất lượng và rủi ro kỹ thuật.
- Tối ưu chi phí đầu tư nhờ chủ động cập nhật và ứng dụng các xu hướng khoa học – công nghệ mới, nâng cao hiệu quả DA và khả năng cạnh tranh dài hạn.

### Nền tảng tài chính vững chắc và năng lực huy động vốn hiệu quả

- Dòng tiền ổn định từ danh mục vận hành gồm 12 NM Thủy điện, 5 NM Điện Mặt trời, 4 NM Điện Gió cùng hệ thống Điện Mặt trời Áp mái, tạo nguồn thu bền vững và phân tán rủi ro.
- Duy trì quan hệ hợp tác lâu năm với các ngân hàng thương mại hàng đầu Việt Nam, hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động tài trợ và mở rộng đầu tư.
- Xây dựng uy tín với các định chế tài chính quốc tế, tạo nền tảng hợp tác đầu tư các DA đáp ứng tiêu chuẩn xanh và PTBV.
- Gia tăng khả năng huy động vốn trên thị trường với chi phí hợp lý, nhờ hồ sơ tín dụng tốt và hiệu quả hoạt động ổn định.
- Suất đầu tư phù hợp đối với các loại hình Thủy điện, Điện Mặt trời và Điện Gió, góp phần nâng cao hiệu quả tài chính và biên lợi nhuận DA.

### Đội ngũ nhân sự chất lượng cao và hệ sinh thái đối tác uy tín

- Thiết lập quan hệ hợp tác với các nhà thầu EPC và nhà cung cấp thiết bị uy tín như PC1, Sharp, JGC, Vestas..., bảo đảm chất lượng kỹ thuật và tiến độ DA.
- Phối hợp với các đơn vị tư vấn quốc tế hàng đầu như K2M, Tractebel, Fichtner..., nâng cao tính chuẩn mực, minh bạch và bảo đảm DA được thực hiện đúng thiết kế, yêu cầu kỹ thuật và quy định hiện hành.
- Đội ngũ CBNV có năng lực triển khai DA nhanh, hiệu quả và linh hoạt, góp phần tối ưu chi phí, rút ngắn thời gian thực hiện và nâng cao hiệu quả đầu tư.

### CĐ chiến lược quốc tế uy tín và nền tảng tăng trưởng bền vững

- CĐ chiến lược quốc tế JERA là doanh nghiệp năng lượng LNG hàng đầu Nhật Bản và Top 3 công ty năng lượng lớn nhất Nhật Bản, góp phần nâng cao uy tín, năng lực quản trị và vị thế của Công ty.
- Tạo nền tảng thuận lợi để phát triển trên thị trường vốn quốc tế, tiếp cận các công nghệ, khoa học – kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, đồng thời mở rộng và phát triển các loại hình NLTT tiềm năng trong dài hạn; qua đó tăng khả năng tiếp cận các nguồn vốn đa dạng và ưu đãi từ các đối tác quốc tế.
- Chính sách cổ tức ổn định trong nhiều năm, duy trì mức chi trả cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành, củng cố niềm tin của CĐ và NĐT.

### Tiềm năng giá trị doanh nghiệp và uy tín thị trường cao

- Được FiinRatings xếp hạng tín nhiệm ở mức "A-" với triển vọng "Ổn định" trong nhiều năm, phản ánh năng lực tài chính vững vàng, khả năng thanh toán tốt và mức độ rủi ro thấp so với mặt bằng thị trường.
- Gặt hái nhiều giải thưởng uy tín trong và ngoài nước về BCTN và ESG, khẳng định cam kết minh bạch thông tin, chuẩn mực quản trị và chất lượng công bố thông tin của Công ty.

## WEAKNESS – NHƯỢC ĐIỂM

W

### Quy mô và hiệu quả danh mục Thủy điện

- Phần lớn các NM Thủy điện có quy mô vừa và nhỏ, dẫn đến hiệu quả kinh tế theo quy mô còn hạn chế.
- Quy mô công suất Thủy điện thấp hơn so với các Doanh nghiệp Nhà nước, làm giảm lợi thế cạnh tranh về chi phí và khả năng điều tiết hệ thống.
- Một số NM Thủy điện có mức đóng góp doanh thu không đáng kể trong hiệu quả tổng thể danh mục.
- Chi phí nâng cấp, sửa chữa và bảo dưỡng định kỳ chiếm tỷ trọng cao vì nhiều NM đã vận hành lâu năm.

### Các DA đang trong quá trình hoàn thiện khung pháp lý liên quan

- Nhiều DA NLTT đang trong giai đoạn hoàn thiện hồ sơ pháp lý, dẫn đến chưa thể triển khai xây dựng hoặc ghi nhận doanh thu trong ngắn hạn.
- Thời gian chuẩn bị đầu tư kéo dài, làm gia tăng chi phí cơ hội và ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn trong giai đoạn đầu.

### Lĩnh vực kỹ thuật chưa được thương mại hóa hiệu quả

- Hoạt động kỹ thuật chủ yếu đáp ứng nhu cầu nội bộ, chưa hình thành thương hiệu và vị thế rõ ràng trên thị trường.
- Quy mô các hợp đồng dịch vụ kỹ thuật với các trang trại Điện Mặt trời bên ngoài còn nhỏ, mức độ đóng góp doanh thu còn hạn chế.
- Chưa khai thác tối ưu nguồn thu từ việc thương mại hóa các dịch vụ kỹ thuật, bao gồm bảo trì, bảo dưỡng và thí nghiệm, dẫn đến dư địa tăng trưởng chưa được tận dụng hiệu quả.

### Chỉ số tài chính chịu áp lực trong giai đoạn mở rộng đầu tư

- Triển khai đồng thời nhiều DA NLTT, dẫn đến các chỉ số liên quan đến nợ ở mức tương đối cao trong ngắn hạn.
- Chi phí tài chính gia tăng trong giai đoạn đầu tư, ảnh hưởng đến lợi nhuận ròng ngắn hạn.
- Khả năng cải thiện các chỉ số tài chính phụ thuộc vào tiến độ hoàn thành và đưa các DA mới vào vận hành, cần thời gian để phản ánh đầy đủ hiệu quả đầu tư.

## THREAT – THÁCH THỨC

T

### Các yếu tố thị trường và khung pháp lý tiếp tục trong quá trình hoàn thiện, đòi hỏi sự thích ứng linh hoạt trong phát triển DA

- Mặt bằng giá phát điện đối với điện mặt trời và điện gió hiện còn đặt ra một số thách thức trong việc cân đối hiệu quả đầu tư trong bối cảnh chi phí và lãi suất ở mức tương đối cao.
- Tiến độ hoàn thiện cơ chế mua bán điện trực tiếp (DPPA), đấu thầu – đấu giá và các hướng dẫn thực thi Quy hoạch Điện VIII điều chỉnh vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện.
- Sự phát triển nhanh của công nghệ có thể tạo áp lực điều chỉnh chính sách mua điện của EVN, làm gia tăng tính bất định cho các DA mới.
- Các DA NLTT đòi hỏi vốn đầu tư ban đầu lớn, thời gian thu hồi vốn dài, trong khi chi phí tài chính chịu ảnh hưởng bởi biến động lãi suất, tỷ giá và điều kiện tín dụng ngày càng thận trọng hơn từ các tổ chức tài chính.

### Tiến độ hoàn thiện và đồng bộ hạ tầng ngành điện có thể ảnh hưởng đến khả năng khai thác nguồn điện trong từng giai đoạn

- Đặc điểm vận hành của lưới điện quốc gia tại một số khu vực có tỷ trọng NLTT cao đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện và đồng bộ hạ tầng, qua đó có thể ảnh hưởng đến mức độ huy động nguồn điện và hiệu quả vận hành của các nhà máy trong từng thời điểm.
- Rủi ro kỹ thuật và gián đoạn trong quá trình vận hành hệ thống điện vẫn hiện hữu.

### Áp lực cạnh tranh và gia tăng chi phí tiếp cận DA

- Nhiều DA NLTT đã và đang chờ phê duyệt BSQH, kéo dài thời gian chuẩn bị đầu tư và ảnh hưởng đến tiến độ triển khai.
- Gia tăng cạnh tranh từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính mạnh, kinh nghiệm phát triển và vận hành DA quy mô lớn.
- Nguồn quỹ đất và vị trí đấu nối thuận lợi ngày càng hạn chế, làm tăng chi phí tiếp cận DA.

### Rủi ro khí hậu và tác động môi trường xã hội

- Các hiện tượng thời tiết (El Niño, La Niña) gây biến động bất thường về lượng nước, bức xạ Mặt trời và vận tốc Gió, ảnh hưởng đến sản lượng và tính ổn định vận hành của các NM Thủy điện, Điện Mặt trời và Điện Gió.
- Thời tiết thất thường làm gia tăng rủi ro vận hành, chi phí bảo trì và yêu cầu dự phòng kỹ thuật.
- Hoạt động của tuabin Gió có thể phát sinh tiếng ồn, đòi hỏi kiểm soát chặt chẽ các tiêu chuẩn môi trường – xã hội nhằm hạn chế tác động đến cộng đồng dân cư xung quanh.

## OPPORTUNITIES - CƠ HỘI

### Xu thế chuyển dịch năng lượng và cam kết khí hậu toàn cầu

- Net Zero tại COP26, Cam kết Làm mát Toàn cầu tại COP28, tiếp tục thúc đẩy phát triển NLTT, lưu trữ năng lượng và các giải pháp giảm phát thải tại Việt Nam.
- Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của Liên minh châu Âu (EU) và các tiêu chuẩn carbon quốc tế làm gia tăng nhu cầu sử dụng điện sạch, điện xanh có thể truy xuất nguồn gốc từ các doanh nghiệp xuất khẩu và khu công nghiệp, mở rộng dư địa thị trường cho NLTT.
- Phong trào RE100 và nhu cầu điện sạch của các Tập đoàn đa quốc gia thúc đẩy các mô hình mua bán điện trực tiếp (DPPA), Điện Mặt trời Áp mái dài hạn.
- Tiến bộ công nghệ và xu hướng năng lượng mới (BESS, Hydrogen xanh, Ammonia xanh) tạo cơ hội đa dạng hóa danh mục và nâng cao giá trị dài hạn cho doanh nghiệp NLTT.

### Vị thế của Việt Nam trên thị trường Năng lượng

- Việt Nam là một trong những quốc gia tiêu thụ điện lớn nhất Đông Nam Á, phản ánh nhu cầu điện tiếp tục tăng trưởng cùng quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa.
- Quy mô công suất nguồn điện của Việt Nam hiện đứng thứ hai trong ASEAN, khẳng định vai trò quan trọng của Việt Nam trong thị trường năng lượng khu vực.
- Việt Nam đã ký kết nhiều thỏa thuận hợp tác song phương và đa phương với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới về phát triển NLTT, chuyển dịch năng lượng và giảm phát thải, qua đó mở rộng cơ hội đầu tư và tiếp cận công nghệ.

### Điều kiện thuận lợi để phát triển NLTT tại Việt Nam

- Định hướng chiến lược rõ ràng của Chính phủ trong việc thúc đẩy phát triển NLTT, gắn với mục tiêu chuyển dịch năng lượng và giảm phát thải dài hạn.
- Theo Quy hoạch Điện VIII điều chỉnh, Điện Mặt trời và Điện Gió được ưu tiên phát triển mạnh mẽ, với mục tiêu chiếm khoảng 39,5% – 50,4% tổng công suất hệ thống vào năm 2030, qua đó mở ra cơ hội lớn cho các nhà đầu tư và doanh nghiệp tham gia phát triển các DA Điện Mặt trời và Điện Gió trong trung và dài hạn.
- Khung chính sách khuyến khích phát triển NLTT tiếp tục được duy trì và hoàn thiện, bao gồm cơ chế giá điện, ưu đãi về thuế, phí và tín dụng, tạo môi trường đầu tư thuận lợi cho các DA năng lượng sạch.
- Tiến bộ công nghệ nhanh chóng trong lĩnh vực NLTT, giúp giảm suất đầu tư, nâng cao hiệu suất phát điện và cải thiện hiệu quả kinh tế của các DA trong trung và dài hạn.

### Chính sách ưu đãi đầu tư và hỗ trợ tài chính cho NLTT

- Ưu đãi về thuế, phí và lệ phí đối với các DA NLTT, bao gồm ưu đãi thuế TNDN theo lộ trình trong 15 năm, miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị – vật tư chưa sản xuất được trong nước và miễn các loại phí, lệ phí liên quan.
- Ưu đãi về đất đai và thời hạn DA, theo đó nhiều DA NLTT được miễn tiền thuê đất do triển khai tại khu vực có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn, đồng thời được thuê đất với thời hạn lên đến 50 năm.
- Khả năng tiếp cận các nguồn tài chính ưu đãi, hỗ trợ hiệu quả cho việc triển khai và mở rộng các DA NLTT trong trung và dài hạn.

### Nâng cao năng lực triển khai và tối ưu hiệu quả vận hành

- Tích lũy kinh nghiệm trong triển khai và vận hành các NM NLTT, tạo nền tảng mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh.
- Chủ động nghiên cứu, ứng dụng khoa học – công nghệ vào hoạt động SXKD, góp phần tối ưu hiệu suất, giảm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Khai thác đội ngũ kỹ thuật chuyên nghiệp để đa dạng hóa nguồn thu, thông qua cung cấp các dịch vụ năng lượng, vận hành, bảo trì và kỹ thuật cho các NM NLTT; đồng thời tự triển khai EPC các DA Điện Mặt trời và hướng tới EPC Điện Gió nhằm tối ưu chi phí đầu tư.

### Chiến lược PTBV theo chuẩn mực Quốc tế

- Định hướng QTCT tiệm cận và tuân thủ các thông lệ quốc tế, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản trị.
- Tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về Môi trường & Xã hội (E&S), tạo lợi thế trong việc tiếp cận các nguồn vốn xanh và hợp tác với các đối tác quốc tế.
- Nhận được sự đồng hành của CĐ chiến lược nước ngoài, hỗ trợ Công ty trong việc hoàn thiện chuẩn mực quản trị, chuyển giao kinh nghiệm và PTBV trong dài hạn.







# Điểm sáng hoạt động năm 2025



## THỦY ĐIỆN

**2.097 TỶ ĐỒNG**
DOANH THU THỦY ĐIỆN 2021 - 2025

**1,7 TỶ KWH**
SẢN LƯỢNG THỦY ĐIỆN 2021 - 2025

**430 TỶ ĐỒNG**
DOANH THU THỦY ĐIỆN 2025

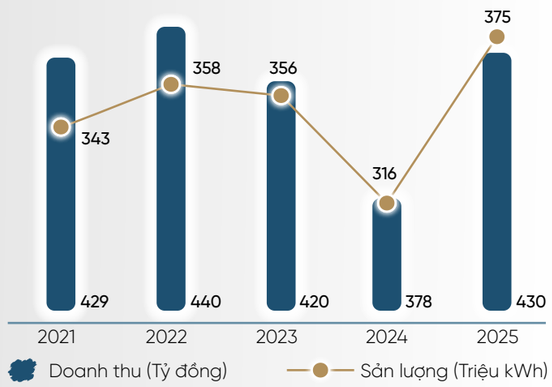
**375 TRIỆU KWH**
SẢN LƯỢNG THỦY ĐIỆN 2025

Năm 2025, hoạt động Thủy điện diễn ra trong bối cảnh kinh tế vĩ mô từng bước ổn định, nhu cầu điện năng tiếp tục gia tăng cùng với sự phục hồi của sản xuất, kinh doanh và đầu tư trong nước. Trước những biến động khó lường của giá các nguồn năng lượng truyền thống, Thủy điện tiếp tục giữ vai trò là nguồn điện nền quan trọng, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng và ổn định chi phí phát điện cho hệ thống. So với năm 2024 chịu ảnh hưởng bất lợi từ hiện tượng El Niño và tình trạng khô hạn kéo dài, điều kiện thời tiết và thủy văn trong năm 2025 ghi nhận sự cải thiện rõ rệt, với lượng mưa phục hồi và lưu lượng nước về hồ tăng so với năm trước. Đây là yếu tố thuận lợi giúp các NM Thủy điện nâng cao số giờ vận hành, tối ưu công suất phát điện và cải thiện hiệu quả khai thác. Nhờ đó, sản lượng Thủy điện năm 2025 phục hồi mạnh và đạt mức cao trong giai đoạn 2021-2025, phản ánh khả năng thích ứng của ngành trước biến động khí hậu cũng như hiệu quả công tác điều phối và huy động nguồn điện.

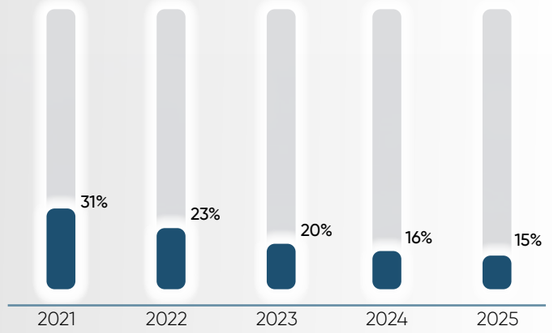
Là một trong những lĩnh vực hoạt động cốt lõi, công tác vận hành các NM Thủy điện luôn được GEC đặc biệt chú trọng. Công ty tập trung điều tiết nguồn nước một cách tối ưu, đảm bảo vận hành liên tục, an toàn và giảm thiểu tối đa thời gian xử lý sự cố. Song song đó, GEC duy trì công tác bảo trì, bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch, chủ động kiểm soát chi phí nhằm đảm bảo tỷ lệ sẵn sàng phát điện của các NM Thủy điện đạt mức 100%, ngay cả trong những giai đoạn điều kiện thời tiết không thuận lợi.

Tính đến cuối năm 2025, GEC đã và đang xây dựng, đưa vào vận hành danh mục NM Thủy điện với tổng công suất đạt 90 MW, chiếm khoảng 14% tổng công suất điện toàn hệ thống. Danh mục Thủy điện của GEC hiện bao gồm 13 NM đã và đang phát triển tại các tỉnh Gia Lai, Huế, Lâm Đồng và Đắk Lắk, tương ứng với khoảng 0,4% tổng công suất Thủy điện toàn quốc. Trong những năm qua, GEC đã nỗ lực đa dạng hóa nguồn thu để giảm thiểu rủi ro về thời tiết, điều này thể hiện rõ qua cơ cấu doanh thu Thủy điện của GEC qua các năm, Doanh thu Thủy điện năm 2025 đạt 430 tỷ đồng, chiếm khoảng 15% tổng doanh thu điện của Tập đoàn. Việc chủ động đa dạng hóa cơ cấu nguồn điện trong những năm qua đã giúp GEC giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào thời tiết, đồng thời duy trì sự ổn định trong hoạt động sản xuất – kinh doanh.

**SẢN LƯỢNG - DOANH THU THỦY ĐIỆN**




**TỶ TRỌNG DOANH THU NM THỦY ĐIỆN (% DOANH THU ĐIỆN)**




*Nguồn: GEC*

Bên cạnh việc vận hành hiệu quả các NM hiện hữu, GEC tiếp tục theo đuổi chiến lược mở rộng danh mục Thủy điện thông qua tìm kiếm và thực hiện các cơ hội đầu tư, đấu thầu và/hoặc M&A đối với các DA có hiệu quả, phù hợp với định hướng phát triển dài hạn của Công ty. Đồng thời, GEC đang gấp rút triển khai DA Thủy điện Ea Tih - 8,6 MW tại tỉnh Đắk Lắk, tập trung hoàn thiện các thủ tục và đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhằm sớm bổ sung công suất vận hành mới vào hệ thống. Trong thời gian tới, GEC sẽ tiếp tục ưu tiên lựa chọn các DA Thủy điện có tiềm năng, hiệu quả kinh tế cao, qua đó nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng thị phần và đóng góp tích cực vào mục tiêu PTBV.

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỦY ĐIỆN TRONG GIAI ĐOẠN TỚI:

Trên cơ sở đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động Thủy điện, đặc biệt là rủi ro biến động thủy văn, diễn biến thời tiết khó lường do tác động của biến đổi khí hậu, cũng như yêu cầu tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về vận hành hồ chứa và duy trì dòng chảy tối thiểu, BĐH đã xây dựng kế hoạch sản lượng Thủy điện năm 2026 theo hướng thận trọng và khả thi. Mục tiêu sản lượng điện gần 341 triệu kWh được xác lập trên cơ sở điều kiện thủy văn trung bình nhiều năm, năng lực vận hành thực tế của các NM hiện hữu và định hướng đảm bảo an toàn, hiệu quả, bền vững trong dài hạn. Trên nền tảng kế hoạch này, BĐH đã và đang triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm tối đa hóa sản lượng, nâng cao hiệu quả khai thác và giảm thiểu rủi ro trong quá trình vận hành.

**1 TỐI ƯU CÁC CÔNG TÁC DUY TU, BẢO TRÌ, SỬA CHỮA**

- Xây dựng quy trình, kế hoạch duy tu, bảo trì, sửa chữa các NM Thủy điện theo định kỳ, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giám sát công tác duy tu, bảo trì, sửa chữa.
- Nghiên cứu và từng bước ứng dụng các giải pháp trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích dữ liệu vận hành, đánh giá và dự báo khả năng xảy ra lỗi của thiết bị, qua đó chủ động xây dựng các phương án bảo trì, sửa chữa phù hợp, nâng cao độ tin cậy và hiệu quả vận hành của các NM.
- Tối ưu chi phí, giảm thiểu tổn thất về doanh thu.

**2 ĐÁNH GIÁ VÀ NÂNG CAO CƠ SỞ VẬT CHẤT, HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH VÀ THIẾT BỊ**

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ, đột xuất nhằm phát hiện kịp thời các rủi ro liên quan đến việc vận hành NM Thủy điện.
- Đề xuất các giải pháp xử lý hợp lý, đảm bảo an toàn vận hành, kéo dài tuổi thọ thiết bị, giảm thiểu rủi ro kỹ thuật.

**3 XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI PHƯƠNG ÁN VẬN HÀNH TỐI ƯU**

- Xây dựng phương án vận hành tối ưu cho từng NM Thủy điện, phù hợp với đặc điểm thủy văn và yêu cầu của hệ thống điện quốc gia, nhằm nâng cao hiệu quả phát điện, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về duy trì dòng chảy tối thiểu và đảm bảo hiệu quả kinh tế.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong vận hành, điều khiển NM Thủy điện.

**4 MỞ RỘNG THỊ PHẦN**

- Tổ chức triển khai các thủ tục pháp lý và thi công DA Thủy điện Ea Tih tại Đắk Lắk, đảm bảo tiến độ đưa vào vận hành thương mại và kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu tư.
- Tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu, thực hiện đấu thầu và M&A các DA Thủy điện mới tiềm năng, phù hợp với định hướng phát triển dài hạn
- Đẩy mạnh hợp tác với các đối tác nhằm mở rộng thị phần trên thị trường năng lượng.



## ĐIỆN MẶT TRỜI

**4.124** TỶ ĐỒNG
DOANH THU ĐIỆN MẶT TRỜI 2021 - 2025

**1,9** TỶ KWH
SẢN LƯỢNG ĐIỆN MẶT TRỜI 2021 - 2025

**827** TỶ ĐỒNG
DOANH THU ĐIỆN MẶT TRỜI 2025

**357** TRIỆU KWH
SẢN LƯỢNG ĐIỆN MẶT TRỜI 2025

Trong giai đoạn 2021-2025, mảng Điện Mặt trời toàn ngành diễn ra trong bối cảnh thị trường NLTT Việt Nam từng bước chuyển dịch từ giai đoạn tăng trưởng nóng sang giai đoạn phát triển theo chiều sâu, gắn với yêu cầu cao hơn về hiệu quả đầu tư, năng lực vận hành cũng như sự thay đổi của cơ chế giá và chính sách quản lý. Nhu cầu điện năng tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng cùng với quá trình phục hồi kinh tế, mở rộng sản xuất – kinh doanh và định hướng chuyển dịch sang sử dụng năng lượng sạch, tạo nền tảng dài hạn cho sự phát triển của lĩnh vực Điện Mặt trời.

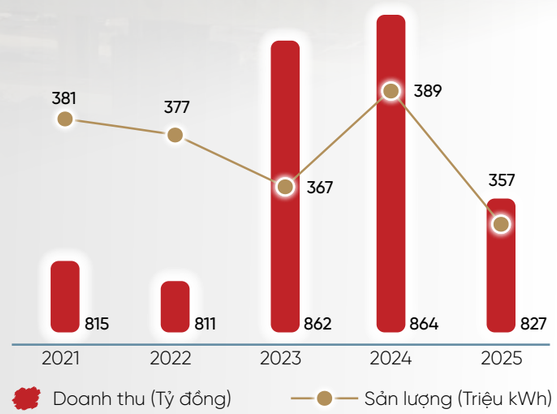
Là đơn vị tiên phong khi vận hành 2 NM Điện Mặt trời đầu tiên tại Việt Nam, tính đến cuối năm 2025, GEC duy trì vận hành ổn định 5 NM Điện Mặt trời mặt đất với tổng công suất 260 MWp và hệ thống Điện Mặt trời áp mái khoảng 40 MWp được triển khai tại nhiều tỉnh, thành trên cả nước. Nhờ công tác quản lý vận hành, bảo trì được chuẩn hóa và tối ưu, các DA Điện Mặt trời của GEC duy trì hiệu suất phát điện tốt, đóng góp ổn định vào cơ cấu nguồn điện toàn hệ thống. Trong năm 2025, Điện Mặt trời ghi nhận kết quả ổn định trong bối cảnh điều kiện thời tiết – thủy văn nhìn chung thuận lợi hơn cho Thủy điện, dẫn đến sự dịch chuyển nhất định về cơ cấu huy động nguồn trong hệ thống. Tổng sản lượng Điện Mặt trời năm 2025 đạt khoảng 357 triệu kWh, trong đó Điện Mặt trời mặt đất đạt khoảng 319 triệu kWh, chiếm xấp xỉ 89% tổng sản lượng Điện Mặt trời, và điện áp mái đạt khoảng 38 triệu kWh, tương đương 11% sản lượng Điện Mặt trời, tương ứng với mức doanh thu 746 tỷ đồng và 81 tỷ đồng.

So với năm 2024 – giai đoạn điều kiện thời tiết chưa thuận lợi đối với Thủy điện nhưng tích cực cho Điện Mặt trời – năm 2025 ghi nhận sự đảo chiều khi thủy văn cải thiện rõ nét, giúp sản lượng Thủy điện phục hồi, đồng thời làm giảm tương đối mức độ huy động của các nguồn Điện Mặt trời trong một số thời điểm. Diễn biến này phản ánh đặc điểm bổ trợ giữa các loại hình NLTT trong điều kiện biến động thời tiết, đồng thời cho thấy hiệu quả chiến lược đa dạng hóa danh mục nguồn điện mà GEC đã kiên trì theo đuổi trong nhiều năm qua. Việc cơ cấu nguồn điện được phân bổ hợp lý giữa Thủy điện, Điện Mặt trời và các loại hình khác giúp GEC giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào một yếu tố thời tiết đơn lẻ, góp phần ổn định sản lượng và doanh thu toàn hệ thống qua các chu kỳ khí hậu khác nhau.

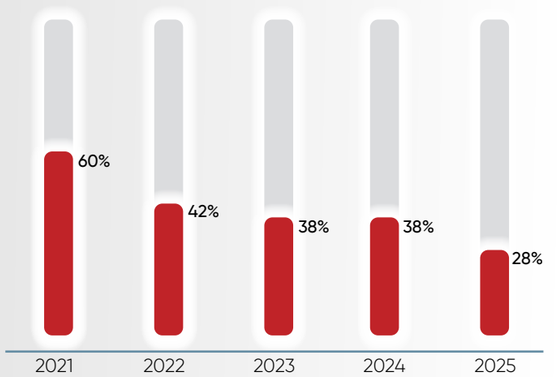
Năm 2025 cũng là giai đoạn thị trường Điện Mặt trời từng bước thích ứng với cơ chế giá điện chuyển tiếp và khung giá trần, thay thế cho cơ chế giá FIT trước đây. Theo QĐ số 988/QĐ-BCT ngày 10/04/2025, cơ chế giá Điện Mặt trời được xác định theo khu vực, vùng miền và có sự phân biệt giữa các DA có hoặc không tích hợp hệ thống lưu trữ điện. Việc chuyển từ cơ chế giá cố định từ đồng USD sang Việt Nam đồng đòi hỏi các chủ đầu tư phải nâng cao năng lực phân tích tài chính, kiểm soát chi phí đầu tư – vận hành và xây dựng phương án khai thác phù hợp nhằm đảm bảo hiệu quả dài hạn khi tham gia đấu thầu và triển khai DA. Song song với đó, cơ chế mua bán điện trực tiếp (DPPA) đang từng bước được hoàn thiện, mở ra kênh tiêu thụ điện mới cho các DA Điện Mặt trời, đặc biệt là các DA có khả năng cung cấp điện ổn định cho các khách hàng tiêu thụ lớn. DPPA được kỳ vọng sẽ góp phần giảm dần sự phụ thuộc vào một cơ chế giá bán điện duy nhất, tăng tính linh hoạt cho thị trường và tạo điều kiện để các doanh nghiệp năng lượng chủ động hơn trong chiến lược kinh doanh và QTRR.

Hưởng ứng định hướng chính sách mới, trong năm 2025 GEC tiếp tục tạo thêm dư địa tăng trưởng thông qua việc tái khởi động DA Điện Mặt trời Đức Huệ 2 sau thời gian chờ hoàn thiện các hướng dẫn pháp lý liên quan. DA đang được gấp rút triển khai và dự kiến đưa vào vận hành thương mại trong Quý II/2026, đồng thời tham gia thị trường DPPA. Đây được xem là một trong những DA tiên phong áp dụng cơ chế DPPA trên thị trường, tạo tiền đề thực tiễn quan trọng cho việc triển khai và vận hành các DA Điện Mặt trời theo mô hình DPPA trong thời gian tới.

**SẢN LƯỢNG - DOANH THU ĐIỆN MẶT TRỜI**




**TỶ TRỌNG DOANH THU NM ĐIỆN MẶT TRỜI (% DOANH THU ĐIỆN)**




*Nguồn: GEC*

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐIỆN MẶT TRỜI TRONG GIAI ĐOẠN TỚI:

Bước sang năm 2026, trong bối cảnh cơ chế giá Điện Mặt trời đã dần chuyển sang cơ chế đấu thầu và mua bán điện trực tiếp (DPPA), GEC xác định mảng Điện Mặt trời tiếp tục giữ vai trò là trụ cột bổ trợ quan trọng trong cơ cấu nguồn điện, tập trung vào tối ưu vận hành, mở rộng có chọn lọc và phát huy hiệu quả chiến lược đa dạng hóa nguồn điện nhằm giảm thiểu rủi ro do biến động thời tiết và yếu tố thị trường.

Theo đó, GEC đặt mục tiêu sản lượng Điện Mặt trời đạt khoảng 449 triệu kWh, trong đó các NM Điện Mặt trời mặt đất nỗ lực đạt gần 405 triệu kWh/năm (bao gồm sự đóng góp của NM Đức Huệ 2) và hệ thống Điện Mặt trời Áp mái đạt 44 triệu kWh/năm, thông qua các định hướng và giải pháp trọng tâm sau:

**1 ĐƯA DA ĐỨC HUỆ 2 VÀO VẬN HÀNH THƯƠNG MẠI**

- Tập trung hoàn thiện các hạng mục còn lại của DA Đức Huệ 2 để đưa DA vận hành thương mại đúng tiến độ, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật, pháp lý và hợp đồng mua bán điện. Đây cũng là DA mang tính nền tảng, tạo tiền đề thực tiễn cho việc tham gia và triển khai hiệu quả cơ chế DPPA trong giai đoạn tiếp theo.

**2 VẬN HÀNH ỔN ĐỊNH VÀ TỐI ƯU CÁC NM HIỆN HỮU**

- Chú trọng công tác duy tu, bảo trì, sửa chữa và tối ưu hóa kỹ thuật tại các NM Điện Mặt trời hiện hữu trên cơ sở cân đối chi phí hợp lý, hướng đến mục tiêu đảm bảo sản lượng và hạn chế tối đa rủi ro vận hành.
- Tăng cường các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát chi phí sửa chữa và giảm thiểu sự cố phát sinh, nâng cao tính ổn định của toàn hệ thống.

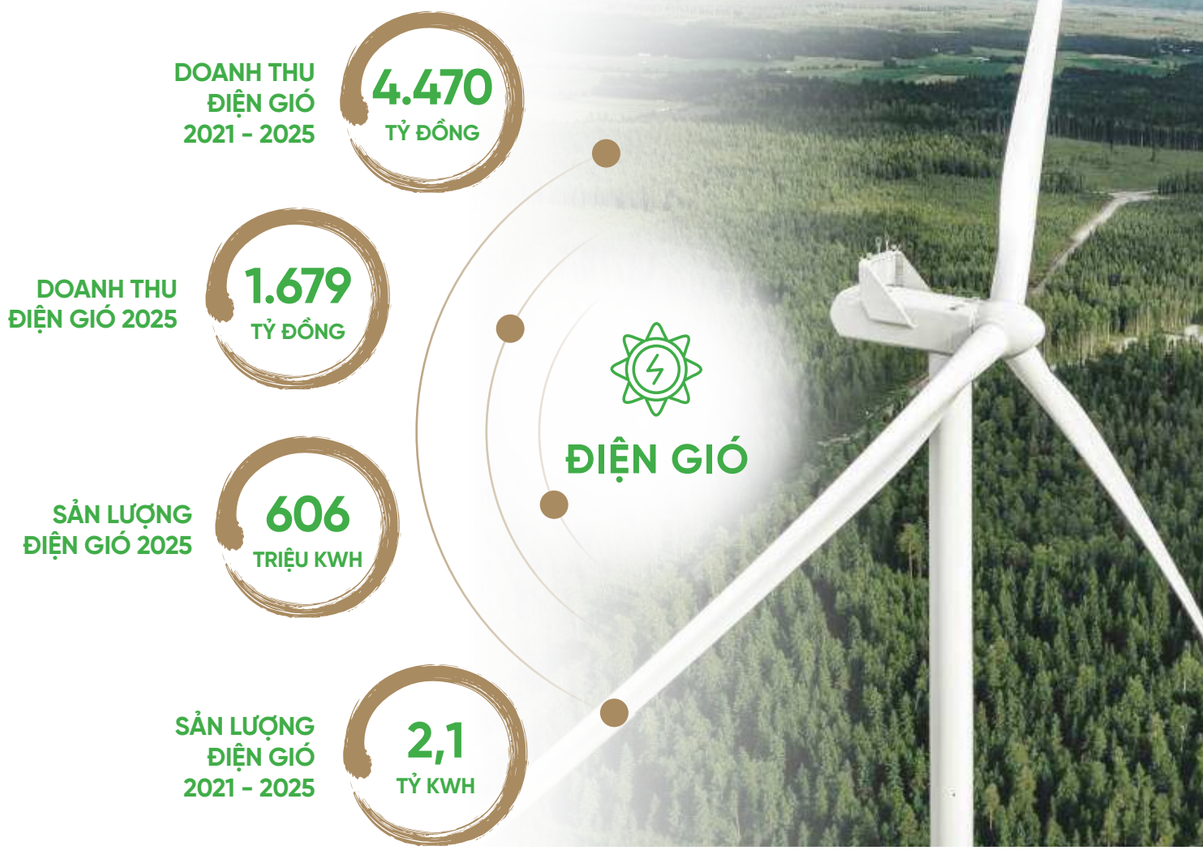
**3 HOÀN THIỆN HỆ THỐNG QUẢN LÝ VẬN HÀNH**

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát và dự báo nhằm giảm tối thiểu các sự cố bị ảnh hưởng bởi các yếu tố chủ quan, đảm bảo hiệu suất ổn định của toàn hệ thống
- Đào tạo nội bộ, làm chủ kiến thức về công nghệ, thiết bị, đồng thời triển khai thực hiện công tác EHSS đầy đủ và đúng yêu cầu của Pháp luật hiện hành.
- Định hướng từng bước ứng dụng hệ thống AI trong công tác dự báo lỗi, sớm nhận diện rủi ro và cảnh báo sự cố, qua đó giảm thiểu thời gian dừng máy và tổn thất sản lượng.

**4 TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI PHÙ HỢP VỚI CƠ CHẾ MỚI**

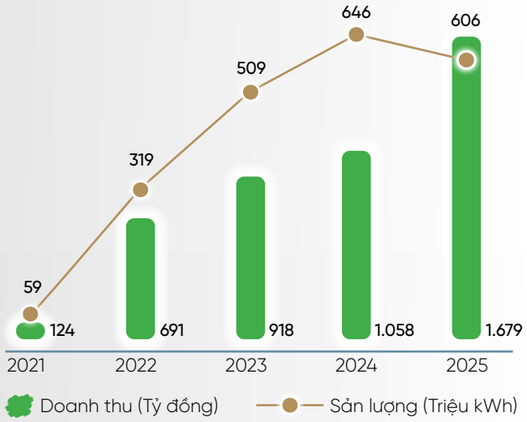
- Tìm kiếm, phát triển và tham gia đấu thầu, đồng thời nghiên cứu M&A các DA Điện Mặt trời tiềm năng phù hợp với định hướng phát triển của ngành và tiêu chí đầu tư của Công ty. Giai đoạn này cũng mở ra cơ hội đón đầu cơ chế DPPA, đặc biệt trong bối cảnh các yêu cầu về CBAM, RE100 và chuyển dịch chuỗi cung ứng xanh ngày càng rõ nét từ các doanh nghiệp tiêu thụ điện.
- Định hướng Quy hoạch điện VIII điều chỉnh đặt mục tiêu khoảng 50% tòa nhà công sở và hộ tiêu thụ phù hợp được lắp đặt Điện Mặt trời áp mái đến năm 2030, tạo dư địa tăng trưởng lớn. Qua đó, năm 2026 GEC sẽ đẩy mạnh tìm kiếm và hợp tác với các khách hàng tiềm năng, góp phần mở rộng quy mô Điện Mặt trời áp mái, gia tăng quy mô và giảm áp lực điều độ công suất cho hệ thống.

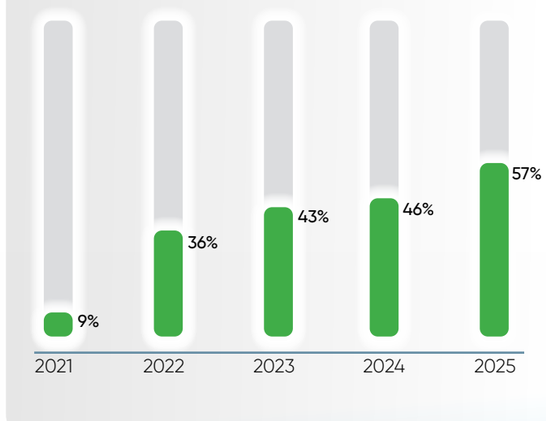
Năm 2026, GEC tập trung phát triển mảng Điện Mặt trời theo hướng hiệu quả – linh hoạt – thích ứng với cơ chế mới, lấy vận hành ổn định làm nền tảng, DPPA làm động lực tăng trưởng và đa dạng hóa nguồn điện làm trụ cột chiến lược. Đây là cơ sở quan trọng để Công ty tiếp tục duy trì tăng trưởng bền vững trong giai đoạn chuyển đổi của thị trường năng lượng.




Năm 2025 ghi nhận điều kiện thủy văn thuận lợi tại nhiều khu vực, mực nước các hồ chứa được cải thiện đáng kể, dẫn đến việc hệ thống điện ưu tiên huy động nguồn Thủy điện do có chi phí phát thấp và khả năng điều chỉnh linh hoạt. Việc tăng tỷ trọng huy động Thủy điện đã phần nào làm giảm cơ hội phát điện của các nguồn NLTT biến đổi, trong đó có Điện Gió.

Hoạt động của lĩnh vực Điện Gió diễn ra trong bối cảnh vĩ mô có nhiều biến động khi hệ thống điện quốc gia tiếp tục ưu tiên huy động các nguồn điện có chi phí thấp nhằm tối ưu chi phí vận hành, đồng thời đặc điểm vận hành của hệ thống điện tại một số khu vực có tỷ trọng NLTT cao cũng phần nào ảnh hưởng đến mức độ huy động của các dự án trong từng thời điểm. Bên cạnh đó, điều kiện gió trong năm có sự phân hóa theo mùa và giữa các khu vực, ảnh hưởng nhất định đến khả năng phát điện của một số NM. Trong bối cảnh đó, các NM Điện Gió của Công ty vẫn duy trì tỷ lệ sẵn sàng vận hành ở mức cao, tối ưu công tác vận hành – bảo dưỡng và điều độ phát điện, qua đó ghi nhận doanh thu năm 2025 đạt khoảng 1.679 tỷ đồng, tiếp tục xu hướng tăng trưởng mạnh so với giai đoạn trước và khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của mảng Điện Gió trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Điểm nhấn là DA Tân Phú Đông 1 hoàn tất đàm phán giá chính thức và được ghi nhận 50% doanh thu còn lại của giai đoạn 2023 – 2024, nhờ đó cơ cấu tỷ trọng doanh thu của GEC có sự chuyển hóa rõ rệt. Tỷ trọng doanh thu Điện Gió trong tổng doanh thu điện đã tăng mạnh từ mức 9% năm 2021 lên khoảng 57% trong năm 2025, trở thành nguồn đóng góp chủ lực trong danh mục phát điện của Công ty. Sự chuyển dịch này không chỉ phản ánh hiệu quả của chiến lược đầu tư đồng bộ các DA Điện Gió trong giai đoạn vừa qua mà còn góp phần nâng cao khả năng cân bằng rủi ro giữa các loại hình nguồn điện trước biến động của điều kiện thời tiết và nhu cầu huy động của hệ thống điện quốc gia.




*Nguồn: GEC*

Song song với việc nâng cao hiệu quả vận hành các DA hiện hữu, GEC tiếp tục tập trung triển khai các DA mới nhằm tạo động lực tăng trưởng cho giai đoạn tới. DA Điện gió VPL Bến Tre – Giai đoạn 2 đang được đẩy nhanh tiến độ thi công và hoàn thiện các hạng mục còn lại, hướng tới mục tiêu đưa vào vận hành cuối năm 2026. Việc bổ sung công suất từ DA này không chỉ góp phần gia tăng sản lượng điện thương phẩm và nâng cao hiệu quả khai thác danh mục Điện Gió, mà còn củng cố nền tảng tăng trưởng dài hạn của GEC trong bối cảnh nhu cầu sử dụng năng lượng sạch ngày càng gia tăng.

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐIỆN GIÓ TRONG GIAI ĐOẠN TỚI:

Trong năm 2026, GEC tiếp tục định hướng phát triển mảng Điện Gió theo hướng mở rộng quy mô – tối ưu vận hành – nâng cao hiệu quả quản trị, góp phần củng cố vai trò của Điện Gió trong cơ cấu nguồn điện và đảm bảo tăng trưởng bền vững. Với mục tiêu nâng tổng công suất vận hành lên khoảng 260 MW, sản lượng Điện Gió năm 2026 được kỳ vọng đạt khoảng 642 triệu kWh, tiếp tục là nguồn đóng góp quan trọng trong cơ cấu sản lượng và doanh thu của Công ty, các giải pháp trọng tâm bao gồm:

### 1 ĐƯA VÀO VẬN HÀNH NM ĐIỆN GIÓ V.P.L BẾN TRE GIAI ĐOẠN 2

- Tập trung hoàn thiện các hạng mục đầu tư, pháp lý và đấu nối để đưa DA vào vận hành thương mại theo tiến độ, qua đó nâng tổng công suất Điện Gió của GEC lên 260 MW vào cuối năm 2026.
- Tổ chức vận hành an toàn, ổn định ngay từ giai đoạn đầu, tối ưu sản lượng và đảm bảo hiệu quả khai thác.

### 2 VẬN HÀNH ỔN ĐỊNH VÀ TỐI ƯU CÁC NM HIỆN HỮU

- Duy trì độ sẵn sàng cao của các tua bin thông qua công tác bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và kiểm soát chặt chẽ tình trạng thiết bị.
- Tăng cường bảo trì phòng ngừa, tối ưu chi phí sửa chữa trên cơ sở đảm bảo mục tiêu sản lượng và hiệu quả vận hành.
- Tiếp tục đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ kỹ thuật, từng bước làm chủ công nghệ và thiết bị Điện Gió.

### 3 ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG QUẢN LÝ VẬN HÀNH

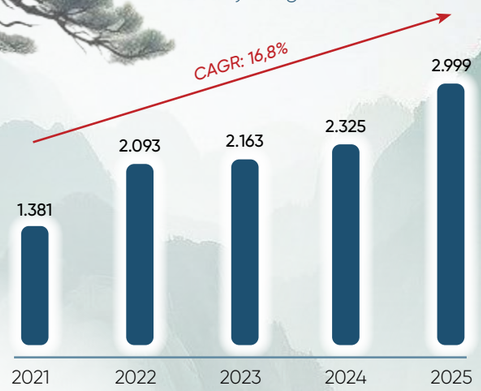
- Tăng cường khai thác hệ thống giám sát vận hành từ xa (SCADA), phân tích dữ liệu để phát hiện sớm các bất thường và giảm thiểu thời gian dừng máy.
- Nghiên cứu ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) trong dự báo sản lượng, tối ưu vận hành và lập kế hoạch bảo trì.
- Chuẩn hóa, số hóa quy trình quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và kiểm soát vận hành.

### 4 CHUẨN BỊ NỀN TẢNG CHO GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN TIẾP THEO

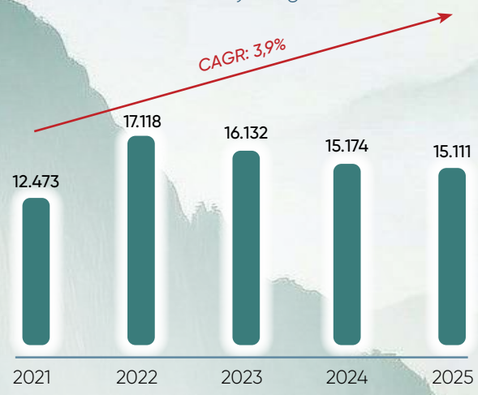
- Đối với các DA đã được bổ sung quy hoạch: Bám sát cơ chế hướng dẫn tính toán giá bán điện cho các DA Điện Gió, đảm bảo tuân thủ theo quy định Pháp luật đồng thời đảm bảo hiệu quả kinh tế DA để triển khai xây dựng DA.
- Theo dõi và bám sát danh mục DA tiềm năng, đồng thời thực hiện hồ sơ Bổ sung quy hoạch, tham gia đấu thầu và M&A các DA tiềm năng phù hợp với định hướng phát triển trung và dài hạn của Công ty.
- Tiếp tục nghiên cứu mở rộng và phát triển DA Điện Gió và NLTT khác tại các địa phương phù hợp với chủ trương của GEC và quy hoạch phát triển của Tỉnh.
- Chủ động công tác kiểm soát chi phí đầu tư nhằm đảm bảo hiệu quả tài chính cho các DA.

# Bức tranh tài chính

**DOANH THU THUẦN**
*Đvt: Tỷ đồng*



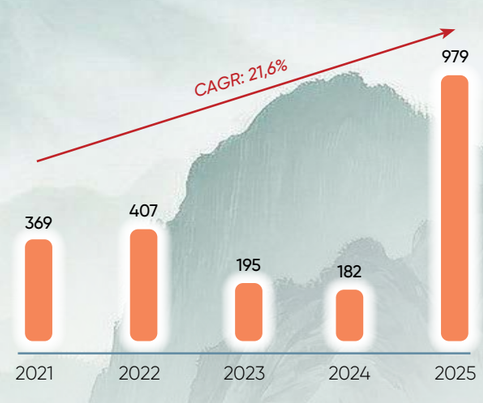

**TỔNG TÀI SẢN**
*Đvt: Tỷ đồng*




**EBITDA**
*Đvt: Tỷ đồng*



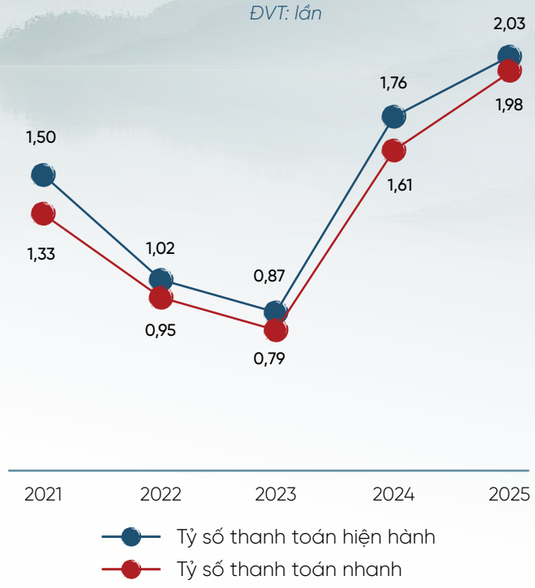

**LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**
*Đvt: Tỷ đồng*




| | CAGR 2021-2025 | Tăng/giảm cùng kỳ | 2025 | 2024 |
|---|---|---|---|---|
| **KẾT QUẢ KINH DOANH** | | | | |
| Doanh thu thuần | 16,8% | 29,0% | 2.999 | 2.325 |
| Lợi nhuận gộp | 17,4% | 59,7% | 1.714 | 1.073 |
| Lợi nhuận thuần từ HĐKD | 27,7% | 443,5% | 978 | 180 |
| EBITDA | 15,9% | 37,9% | 2.443 | 1.772 |
| LNST | 23,8% | 928,3% | 947 | 92 |
| **CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** | | | | |
| Tổng tài sản | 3,9% | -0,4% | 15.111 | 15.174 |
| Tiền & Đầu tư tài chính | 10,5% | 4,6% | 422 | 403 |
| Nợ vay | 3,3% | -9,2% | 8.343 | 9.193 |
| VCSH | 11,7% | 12,7% | 6.498 | 5.764 |
| Vốn điều lệ | 6,4% | -1,8% | 4.148 | 4.225 |
| **HIỆU SUẤT HOẠT ĐỘNG (%)** | | | | |
| ROA | | | 6% | 1% |
| ROE | | | 15% | 2% |
| ROS | | | 32% | 4% |
| **THÔNG TIN GIÁ THỊ TRƯỜNG** | | | | |
| Giá thị trường tại 31/12/2025 (đồng/cổ phiếu) | | | 15.400 | 11.450 |
| EPS (đồng/cổ phiếu) | | | 1.738 | 174 |
| Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | | | 358.308.371 | 358.308.371 |

## CHỈ SỐ KHẢ NĂNG THANH TOÁN: TỐT

**TỶ SỐ THANH TOÁN**
*ĐVT: lần*

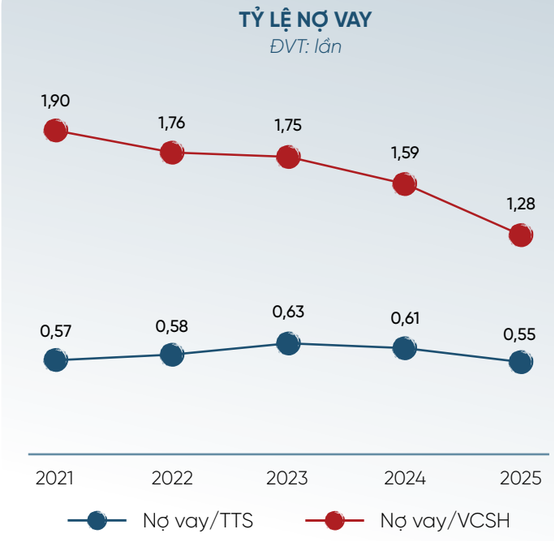



Năm 2025, các chỉ tiêu thanh khoản của GEC luôn đảm bảo và tiếp tục được duy trì ở mức phù hợp. Cụ thể, tỷ số thanh toán hiện hành đạt 2,03 lần và tỷ số thanh toán nhanh đạt 1,98 lần, đều cao hơn mức tham chiếu thông thường. Các chỉ số này phản ánh khả năng đáp ứng nghĩa vụ tài chính ngắn hạn và mức độ ổn định của dòng tiền trong kỳ.

Kết quả trên chủ yếu đến từ việc Công ty duy trì quản lý vốn theo hướng thận trọng, bao gồm kiểm soát chi phí sử dụng vốn, chủ động thu xếp nguồn vốn, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính và quản lý vốn lưu động. Đồng thời, dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh duy trì ổn định, trên cơ sở các nhà máy điện vận hành liên tục, góp phần hỗ trợ khả năng thanh khoản của Công ty.

Những kết quả trên là minh chứng cho sự chú trọng của BLĐ trong việc xây dựng một cấu trúc tài chính lành mạnh, bám sát nguyên tắc PTBV với định hướng duy trì các tỷ số thanh toán luôn ở mức an toàn (> 1 lần) trong hiện tại và tương lai. Điều này đồng thời khẳng định uy tín cũng như cam kết mạnh mẽ của GEC trong việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với CĐ, nhà đầu tư và các đối tác tín dụng đã đồng hành cùng Công ty.

## CHỈ SỐ NỢ VAY: AN TOÀN



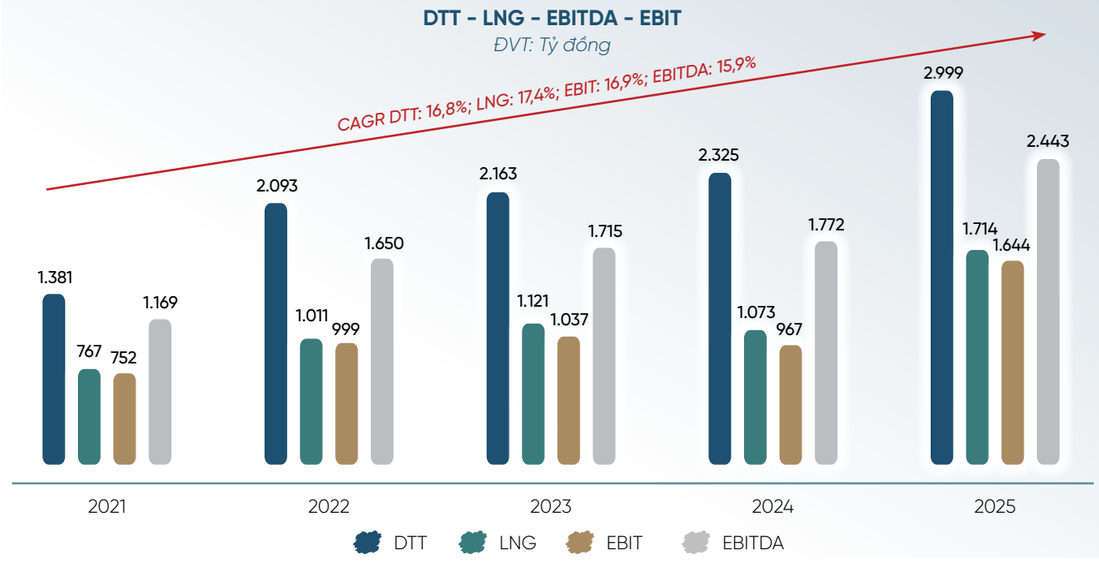

Giai đoạn 2021 - 2023 đánh dấu cột mốc tăng tốc khi Công ty dồn lực triển khai và đưa vào vận hành 4 NM Điện Gió với tổng công suất 230 MW, qua đó mở rộng nhanh chóng danh mục tài sản và gia tăng vị thế trong lĩnh vực NLTT, tiếp theo giai đoạn 2023- 2025, tỷ lệ dư nợ vay đã có xu hướng giảm dần với tỷ lệ Nợ vay/Tổng Tài sản là 0,55 lần và Tỷ lệ Nợ vay/VCSH là 1,28 lần. Với đặc thù Ngành Năng lượng cần nguồn vốn lớn để triển khai DA, công ty luôn cân đối kế hoạch trả nợ phù hợp nhằm đảm bảo tỷ lệ nợ an toàn, dòng tiền ổn định và lợi nhuận tối ưu.

Các chỉ tiêu nợ giảm phản ánh xu hướng giảm dần đòn bẩy tài chính, đặc biệt giảm sau giai đoạn đầu tư cao điểm. Kết quả tích cực này đến từ việc gia tăng lợi nhuận giữ lại, kiểm soát chặt chẽ chi phí tài chính và sự chủ động trong công tác cân đối nguồn vốn của BLĐ.

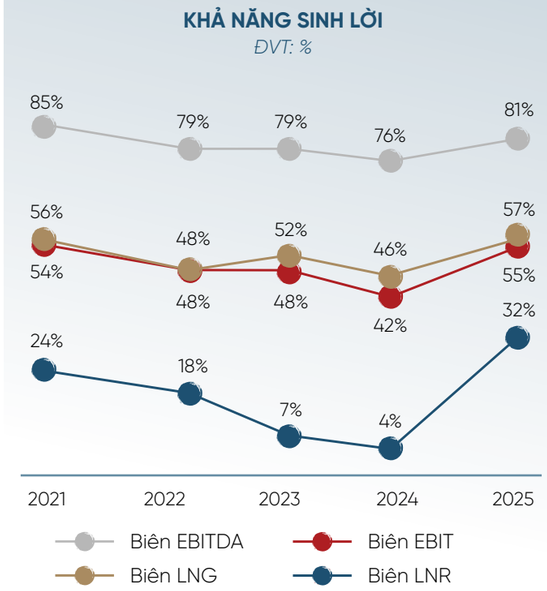
Mức đòn bẩy hiện tại được đánh giá là lý tưởng đối với một doanh nghiệp năng lượng sở hữu danh mục tài sản dài hạn hiệu quả và dòng tiền ổn định. Đây chính là nền tảng tài chính vững chắc, tạo dư địa thuận lợi cho việc triển khai các DA mới trong những năm tiếp theo.

Kết quả này cho thấy sự chuẩn bị đầy đủ nguồn lực tài chính, con người và các thế mạnh của GEC được phát huy triệt để nhằm chuẩn bị triển khai đồng loạt các DA sắp tới, bám sát Quy hoạch Điện VIII điều chỉnh đã được ban hành.

## KẾT QUẢ KINH DOANH: TIẾP TỤC TĂNG TRƯỞNG




## CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG SINH LỜI: PHỤC HỒI TÍCH CỰC




Năm 2025 ghi nhận sự cải thiện về hiệu quả hoạt động của GEC sau giai đoạn chờ hoàn tất đàm phán giá điện đối với các DA chuyển tiếp. Các chỉ số biên lợi nhuận có xu hướng tăng, trong đó biên LNR đạt 32%, cao hơn so với năm 2024. Bên cạnh đó, biên EBITDA và biên lợi nhuận gộp lần lượt đạt 81% và 57%, duy trì ở mức cao so với đặc thù ngành.

Sự cải thiện này chủ yếu đến từ việc kiểm soát chi phí, vận hành ổn định các NM hiện hữu và ghi nhận doanh thu từ các NM Điện Gió sau khi hoàn tất đàm phán giá điện. Đồng thời, việc cơ cấu lại danh mục đầu tư tại các công ty liên kết cũng đóng góp thêm vào kết quả lợi nhuận trong năm.

Kết quả năm 2025 phản ánh quá trình triển khai kế hoạch SXKD theo định hướng đã được thông qua, cùng với việc các DA lần lượt đi vào vận hành sau giai đoạn đầu tư trước đó.

Trong thời gian tới, GEC dự kiến bổ sung thêm công suất từ các DA Điện Mặt trời Đức Huệ 2 và Điện Gió VPL2, dự kiến đưa vào vận hành trong năm 2026, qua đó góp phần mở rộng quy mô hoạt động và hỗ trợ tăng trưởng trong các giai đoạn tiếp theo.

Năm 2025, kết quả kinh doanh của GEC ghi nhận sự tăng trưởng với tất cả các chỉ tiêu trọng yếu đều đạt mức cao nhất trong giai đoạn 5 năm qua. DTT đạt xấp xỉ 3.000 tỷ đồng, tăng trưởng 29% so với năm 2024 và tăng 37% so với bình quân giai đoạn 2021-2025. Sự cải thiện này là thành quả của việc hoàn tất đàm phán và ký kết phụ lục Hợp đồng mua bán điện (PPA) cho các NM Điện gió chuyển tiếp, giúp Công ty ghi nhận phần doanh thu chênh lệch giữa giá tạm và giá chính thức.

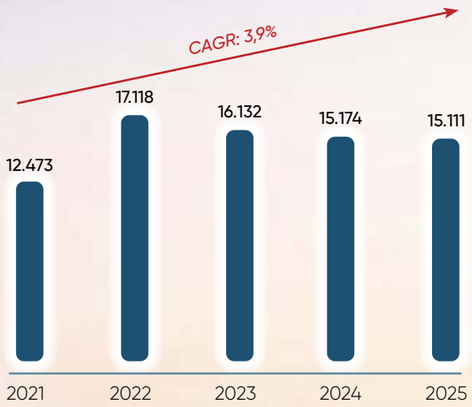
Bên cạnh yếu tố thuận lợi về cơ chế giá, hiệu quả hoạt động còn được củng cố bởi:

- Điều kiện tự nhiên: Thủy văn và lưu tốc gió diễn biến tích cực, hỗ trợ tối đa sản lượng phát điện.
- Quản trị vận hành: Các NM duy trì hệ số sẵn sàng cao, kết hợp với công tác kiểm soát OPEX chặt chẽ.

Đáng chú ý, tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) giai đoạn 2021 – 2025 của các chỉ tiêu cốt lõi như Doanh thu thuần (16,8%) và Lợi nhuận gộp (17,4%) cho thấy mô hình kinh doanh của GEC không chỉ tăng trưởng về quy mô mà còn đảm bảo chất lượng lợi nhuận bền vững. Điều này khẳng định hoạt động sản xuất điện cốt lõi đã bước vào giai đoạn khai thác tối ưu, tạo nguồn lực tài chính dồi dào để GEC sẵn sàng bứt phá trong chu kỳ đầu tư mới từ năm 2026 – 2030.

## TỔNG TÀI SẢN: TĂNG TRƯỞNG GẮN LIỀN VỚI GIA TĂNG QUY MÔ CÔNG SUẤT

**TỔNG TÀI SẢN**
*Đvt: Tỷ đồng*



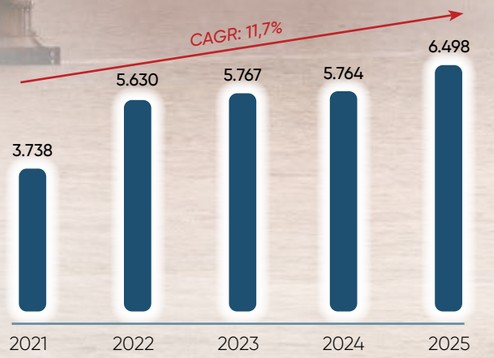

Tổng tài sản của GEC đã ghi nhận sự tăng trưởng trong giai đoạn 2021 – 2022, song hành với chiến lược mở rộng quy mô hoạt động và tập trung đầu tư vào các DA NLTT trọng điểm. Tính đến cuối năm 2025, tổng công suất đang vận hành và phát triển của GEC đã đạt 769 MWp. Đồng thời, Công ty tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý để sẵn sàng triển khai các DA mới trong giai đoạn kế tiếp.

Đến năm 2025, Tổng tài sản đạt 15.111 tỷ đồng, giảm nhẹ so với các năm trước. Sự sụt giảm này chủ yếu do Công ty hoàn thất thanh toán các khoản nợ vay đến hạn theo các hợp đồng đã ký kết. Việc giảm nợ vay không chỉ giúp GEC giảm bớt áp lực tài chính mà còn trực tiếp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản. Minh chứng rõ nét nhất là chỉ số hiệu suất sử dụng tài sản (DTT/TTS) đã được cải thiện đáng kể, tăng từ 15% (năm 2024) lên 20% (năm 2025).

Công tác quản trị tài sản hiệu quả, đầu tư có chọn lọc và duy trì cơ cấu tài sản hợp lý chính là chìa khóa giúp GEC đảm bảo sự ổn định tài chính và tạo đà PTBV trong tương lai.

## VỐN CHỦ SỞ HỮU: TIẾP TỤC GHI NHẬN SỰ TĂNG TRƯỞNG

**VỐN CHỦ SỞ HỮU**
*Đvt: Tỷ đồng*




Giai đoạn 2021–2025 ghi nhận sự tăng trưởng về vốn chủ sở hữu của Công ty, với quy mô năm 2025 đạt 6.498 tỷ đồng, gấp 1,7 lần so với năm 2021 và duy trì tốc độ tăng trưởng kép CAGR ở mức 11,7%. Nguồn vốn này được tích lũy và gia tăng một cách bền vững qua từng giai đoạn, đến từ lợi nhuận giữ lại hằng năm, phát hành cổ phiếu ưu đãi cho CĐ, cũng như việc huy động nguồn lực nhằm triển khai các DA năng lượng xanh, bao gồm cả hợp tác đầu tư với nhà đầu tư chiến lược cho 2 NM Điện Gió Tân Phú Đông 1&2 (150 MW).

Đến nay, quy mô vốn của GEC đã được mở rộng, phản ánh niềm tin từ CĐ và các đối tác đồng hành, cùng với năng lực điều hành hiệu quả của BLĐ. Nhờ đó, Công ty đã tích lũy lợi nhuận, tạo nền tảng cho các bước phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Quy mô vốn liên tục mở rộng là minh chứng cho năng lực tích lũy nội tại và chính sách quản trị vốn thận trọng, hiệu quả của GEC, tạo nền tảng vững chắc để Công ty thực hiện các mục tiêu chiến lược trong giai đoạn tới.

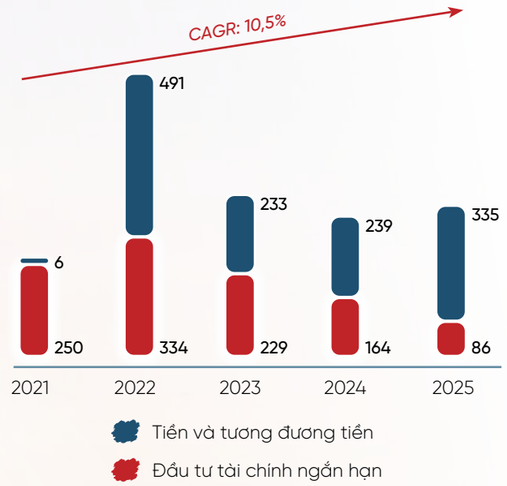


## TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN: ĐẢM BẢO THANH KHOẢN

Lượng tiền và các khoản tương đương tiền của GEC được duy trì ở ngưỡng an toàn, đặc biệt ghi nhận mức tăng trong giai đoạn 2021 - 2022. Bước sang giai đoạn 2023 - 2025, Công ty đã thực hiện chiến lược điều phối dòng tiền linh hoạt: ưu tiên nguồn lực để đầu tư vào các DA mới và thanh toán các khoản nợ vay đến hạn. Đây là định hướng quản trị trọng yếu giúp GEC duy trì sự phát triển liên tục, đồng thời đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời các nghĩa vụ tài chính.

Trong năm 2025, GEC chủ động cân đối dòng tiền nhằm phục vụ hiệu quả các DA đang triển khai, đồng thời đảm bảo đầy đủ nghĩa vụ đối với CĐ thông qua việc chi trả cổ tức ưu đãi theo đúng cam kết, song song với việc thực hiện mua lại cổ phiếu ưu đãi trên cơ sở chủ động và phù hợp với chiến lược tài chính của Công ty. Các hoạt động này được triển khai dựa trên kế hoạch dòng tiền được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo tối ưu hóa sử dụng vốn mà không gây ảnh hưởng đến hệ số thanh khoản của Công ty. Tính đến cuối năm 2025, tổng lượng tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn đạt 422 tỷ đồng, duy trì tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) ấn tượng ở mức 10,5% trong cả giai đoạn.

**TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN, ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**
*Đvt: Tỷ đồng*



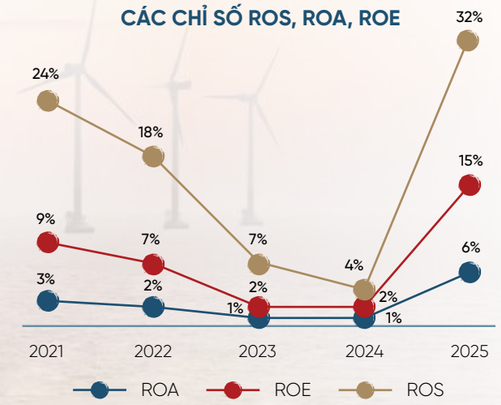

Bên cạnh đó, GEC tiếp tục chú trọng tích lũy các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn nhằm giảm thiểu rủi ro thị trường và tạo nguồn vốn đối ứng sẵn sàng cho các DA NLTT trọng điểm trong tương lai. Việc quản lý dòng tiền chặt chẽ và duy trì mức thanh khoản hợp lý là yếu tố cơ bản giúp GEC đảm bảo sự ổn định tài chính và hiện thực hóa chiến lược mở rộng dài hạn.

## PHÂN TÍCH DUPONT: HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH TĂNG TRƯỞNG VƯỢT TRỘI

Năm 2025 ghi nhận sự cải thiện rõ rệt trong hiệu quả tài chính của GEC khi các chỉ tiêu trong mô hình Dupont đồng loạt tăng trưởng. ROS đạt 32%, ROA đạt 6% và ROE đạt 15%. Kết quả này phản ánh khả năng tạo lợi nhuận trên doanh thu, tài sản và vốn chủ sở hữu đều được nâng cao rõ rệt so với giai đoạn trước.

Sự tăng trưởng này chủ yếu đến từ việc hoàn tất đàm phán giá bán điện và ghi nhận doanh thu chính thức cho các DA Điện Gió, kết hợp với việc duy trì vận hành ổn định tại các NM hiện hữu và kiểm soát hiệu quả chi phí hoạt động. Nhờ đó, biên lợi nhuận thuần và hiệu suất khai thác tài sản đều được cải thiện đáng kể.

**CÁC CHỈ SỐ ROS, ROA, ROE**




Đáng chú ý, đòn bẩy tài chính tiếp tục được kiểm soát ở mức hợp lý với hệ số Nợ vay/VCSH giảm xuống còn 1,28 lần. Điều này cho thấy sự gia tăng của ROE (từ 2% lên 15%) chủ yếu được thúc đẩy bởi hiệu quả hoạt động cốt lõi và khả năng sinh lời nội tại, thay vì gia tăng nợ vay. Đây là minh chứng cho chất lượng lợi nhuận bền vững và nền tảng tài chính ngày càng vững chắc của GEC.

Các chỉ số cho thấy năm 2025 là giai đoạn GEC tối ưu hóa hiệu quả khai thác danh mục tài sản sau chu kỳ đầu tư lớn. Đây chính là bệ phóng vững chắc cho lộ trình tăng trưởng khi các DA NLTT mới lần lượt đi vào vận hành trong những năm tới. Cụ thể, năm 2026, GEC dự kiến bổ sung NM Điện Mặt trời Đức Huệ 2 và Điện Gió VPL2 vào danh mục khai thác, qua đó tiếp tục mở rộng quy mô danh mục và gia tăng đóng góp vào KQKD.

# TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2021-2025

| CHỈ TIÊU | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 | Tăng/ Giảm cùng kỳ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** | | | | | | |
| **TÀI SẢN** | **12.473** | **17.118** | **16.132** | **15.174** | **15.111** | **0%** |
| **Tái sản ngắn hạn** | **1.316** | **2.118** | **1.458** | **1.382** | **1.793** | **30%** |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 250 | 334 | 229 | 164 | 86 | -47% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 6 | 491 | 233 | 239 | 335 | 40% |
| Khoản phải thu ngắn hạn | 772 | 750 | 829 | 823 | 1.280 | 55% |
| Hàng tồn kho | 146 | 155 | 127 | 119 | 46 | -61% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 142 | 389 | 40 | 36 | 46 | 25% |
| **Tài sản dài hạn** | **11.156** | **15.000** | **14.674** | **13.792** | **13.318** | **-3%** |
| Khoản phải thu dài hạn | 9 | 2 | 41 | 29 | 54 | 85% |
| Tài sản cố định | 10.495 | 9.965 | 14.068 | 13.296 | 12.506 | -6% |
| Tài sản dở dang dài hạn | 499 | 4.877 | 359 | 268 | 666 | 148% |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 100 | 113 | 168 | 174 | 58 | -67% |
| Tài sản dài hạn khác | 54 | 42 | 38 | 24 | 33 | 36% |
| **NGUỒN VỐN** | **12.473** | **17.118** | **16.132** | **15.174** | **15.111** | **0%** |
| **Nợ phải trả** | **8.735** | **11.488** | **10.365** | **9.409** | **8.613** | **-8%** |
| Nợ phải trả ngắn hạn | 878 | 2.071 | 1.679 | 785 | 884 | 13% |
| Nợ phải trả dài hạn | 7.857 | 9.418 | 8.686 | 8.624 | 7.729 | -10% |
| **Vốn chủ sở hữu** | **3.738** | **5.630** | **5.767** | **5.764** | **6.498** | **13%** |
| **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH** | | | | | | |
| **Doanh thu thuần** | **1.381** | **2.093** | **2.163** | **2.325** | **2.999** | **29%** |
| Giá vốn hàng bán | 614 | 1.082 | 1.043 | 1.252 | 1.284 | 3% |
| **Lợi nhuận gộp** | **767** | **1.011** | **1.121** | **1.073** | **1.714** | **60%** |
| **Doanh thu tài chính** | **38** | **214** | **101** | **38** | **142** | **273%** |
| **Chi phí tài chính** | **409** | **657** | **871** | **801** | **683** | **-15%** |
| *Chi phí lãi vay* | *384* | *592* | *842* | *786* | *665* | *-15%* |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết | 6 | 13 | 5 | 5 | 5 | -7% |
| Chi phí Bán hàng và QLDN | 114 | 161 | 159 | 136 | 200 | 48% |
| **Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh** | **288** | **420** | **197** | **180** | **978** | **443%** |
| Lợi nhuận khác | 81 | (14) | (2) | 2 | 1 | -59% |
| **Lợi nhuận trước thuế** | **369** | **407** | **195** | **182** | **979** | **439%** |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 43 | 36 | 52 | 89 | 32 | -64% |
| **Lợi nhuận ròng sau thuế** | **325** | **371** | **143** | **92** | **947** | **928%** |
| *EBIT* | *752* | *999* | *1.037* | *967* | *1.644* | *70%* |
| *EBITDA* | *1.169* | *1.650* | *1.715* | *1.772* | *2.443* | *38%* |

| CHỈ TIÊU | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 | Tăng/ Giảm cùng kỳ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** | | | | | | |
| **Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh** | | | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 369 | 407 | 195 | 182 | 979 | 439% |
| Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD | 2.542 | 496 | 1.063 | 913 | 933 | 2% |
| **Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** | | | | | | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | (5.883) | (4.405) | (1.363) | 12 | 2 | -84% |
| **Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** | | | | | | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 3.456 | 3.993 | 195 | (990) | (1.012) | 2% |
| **Lưu chuyển tiền tệ thuần trong kỳ** | **115** | **84** | **(105)** | **(65)** | **(77)** | **18%** |
| **Tiền và tương đương tiền cuối kỳ** | **250** | **334** | **229** | **164** | **86** | **-47%** |

## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

ĐVT: tỷ đồng

| CHỈ SỐ TÀI CHÍNH | ĐVT | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 | Đánh giá so với cùng kỳ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Chỉ số thanh toán** | | | | | | | |
| Tỷ số thanh toán hiện hành | Lần | 1,50 | 1,02 | 0,87 | 1,76 | 2,03 | |
| Tỷ số thanh toán nhanh | Lần | 1,33 | 0,95 | 0,79 | 1,61 | 1,98 | |
| Tỷ số thanh toán tiền mặt | Lần | 0,28 | 0,16 | 0,14 | 0,21 | 0,10 | |
| **Chỉ số cấu trúc vốn** | | | | | | | |
| Nợ phải trả/Tổng tài sản | Lần | 0,70 | 0,67 | 0,64 | 0,62 | 0,57 | |
| *Nợ vay/Tổng tài sản* | *Lần* | *0,57* | *0,58* | *0,63* | *0,61* | *0,55* | |
| Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu | Lần | 2,34 | 2,04 | 1,8 | 1,63 | 1,33 | |
| *Nợ vay/Vốn chủ sở hữu* | *Lần* | *1,90* | *1,76* | *1,75* | *1,59* | *1,28* | |
| **Chỉ số hoạt động** | | | | | | | |
| Vòng quay khoản phải thu | Số lần | 4,35 | 6,22 | 5,19 | 5,23 | 4,74 | |
| *Vòng quay khoản phải thu* | *Số ngày* | *83,98* | *58,73* | *70,28* | *69,76* | *76,99* | |
| Vòng quay khoản phải trả | Số lần | 0,66 | 0,44 | 1,45 | 23,21 | 51,47 | |
| *Vòng quay khoản phải trả* | *Số ngày* | *554,75* | *835,07* | *251,36* | *15,73* | *7,09* | |
| **Chỉ số sinh lợi** | | | | | | | |
| Biên EBITDA | % | 85 | 79 | 79 | 76 | 81 | |
| Biên Lợi nhuận gộp | % | 56 | 48 | 52 | 46 | 57 | |
| Biên EBIT | % | 54 | 48 | 48 | 42 | 55 | |
| Biên Lợi nhuận từ HĐKD | % | 21 | 20 | 9 | 8 | 33 | |
| Biên Lợi nhuận ròng | % | 24 | 18 | 7 | 4 | 32 | |

Tốt hơn cùng kỳ  Tương đương cùng kỳ  Chưa tốt bằng cùng kỳ

# Hệ thống Công ty Thành viên

Hệ thống các CTTV của GEC được xây dựng và phát triển nhằm triển khai hiệu quả chiến lược đầu tư, quản lý và vận hành các DA theo từng lĩnh vực hoạt động chủ đạo của GECG. Trên cơ sở mô hình Công ty Mẹ – Công ty Con, GEC thực hiện quản lý tập trung về định hướng chiến lược, đồng thời phân cấp cho các CTTV trực tiếp quản lý và vận hành từng DA hoặc lĩnh vực hoạt động riêng biệt. Hiện nay, hệ thống của GEC bao gồm 9 CTTV đang hoạt động, 1 công ty liên kết và 4 công ty đang trong giai đoạn triển khai DA. Cơ cấu này được thể hiện chi tiết trong mô hình dưới đây và tại BCTC hợp nhất năm 2025 của GEC, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

## CTCP ĐIỆN GIA LAI CÔNG TY MẸ

- Tên viết tắt: GEC
- Vốn điều lệ: **4.148** tỷ đồng
- TTS: **6.441** tỷ đồng
- Lĩnh vực hoạt động:
- Thủy điện: Ia Đrăng 1, Ia Đrăng 2, Ia Đrăng 3, Ia Meur 3, Ia Puch 3, Đăk Pi Hao 1, Đăk Pi Hao 2, Ayun Thượng 1A, Đa Khai
- Điện Mặt trời: Phong Điền, Krông Pa
- Điện Mặt trời Áp mái.

### CT TNHH MTV THỦY ĐIỆN THƯỢNG LỘ

- Tên viết tắt: GTLC
- Vốn điều lệ: **70** tỷ đồng
- TTS: **94** tỷ đồng
- Tỷ lệ lợi ích: **100%**
- Quyền biểu quyết: **100%**
- Lĩnh vực hoạt động: Thủy điện Thượng Lộ

### CTCP THỦY ĐIỆN GIA LAI

- Tên viết tắt: GHC
- Vốn điều lệ: **477** tỷ đồng
- TTS: **1.486** tỷ đồng
- Tỷ lệ lợi ích: **62,53%**
- Quyền biểu quyết: **62,53%**
- Lĩnh vực hoạt động:
  - Thủy điện: H'Chan, H'Mun
  - Điện Mặt trời: Hàm Phú 2
  - Điện Mặt trời Áp mái.

### CTCP NM ĐIỆN MẶT TRỜI TRÚC SƠN

- Tên viết tắt: TSO
- Vốn điều lệ: **349** tỷ đồng
- TTS: **680** tỷ đồng
- Tỷ lệ lợi ích: **99,96%**
- Quyền biểu quyết: **99,96%**
- Lĩnh vực hoạt động: Điện Mặt trời Trúc Sơn và Điện Áp mái

### CTCP ĐIỆN TTC ĐỨC HUỆ - LONG AN

- Tên viết tắt: ĐH-LA
- Vốn điều lệ: **935** tỷ đồng
- TTS: **1.653** tỷ đồng
- Tỷ lệ lợi ích: **99,92%**
- Quyền biểu quyết: **99,92%**
- Lĩnh vực hoạt động: Điện Mặt trời TTC Đức Huệ 1 và Điện áp mái
- DA đang xây dựng: Điện Mặt trời TTC Đức Huệ 2

### CTCP HỢP TÁC PHÁT TRIỂN NLTT VIJA

- Tên viết tắt: VIJA
- Vốn điều lệ: **150** tỷ đồng
- TTS: **222** tỷ đồng
- Tỷ lệ lợi ích: **99%**
- Quyền biểu quyết: **99%**
- Lĩnh vực hoạt động: Điện Mặt trời áp mái và hoạt động cung cấp dịch vụ EPC Điện Mặt trời

### CTCP NĂNG LƯỢNG VPL

- Tên viết tắt: VPL
- Vốn điều lệ: **841** tỷ đồng
- TTS: **1.812** tỷ đồng
- Tỷ lệ lợi ích: **88,84%**
- Quyền biểu quyết: **99,98%**
- Lĩnh vực hoạt động: Điện Gió VPL Bến Tre - GĐ1
- DA đang xây dựng: Điện Gió VPL Bến Tre – GĐ2

### CTCP ĐIỆN GIÓ IA BANG

- Tên viết tắt: IBE
- Vốn điều lệ: **430** tỷ đồng
- TTS: **1.508** tỷ đồng
- Tỷ lệ lợi ích: **84,72%**
- Quyền biểu quyết: **99,53%**
- Lĩnh vực hoạt động: Điện Gió Ia Bang 1

### CTCP NĂNG LƯỢNG ĐIỆN GIÓ TIỀN GIANG

- Tên viết tắt: TGE
- Vốn điều lệ: **2.450** tỷ đồng
- TTS: **6.815** tỷ đồng
- Tỷ lệ lợi ích: **54,93%**
- Quyền biểu quyết: **54,93%**
- Lĩnh vực hoạt động: Điện Gió Tân Phú Đông 1, Tân Phú Đông 2

### CT TNHH MTV TƯ VẤN VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG GIA LAI

- Tên viết tắt: TVNL
- Vốn điều lệ: **1,5** tỷ đồng
- TTS: **3,7** tỷ đồng
- Tỷ lệ lợi ích: **100%**
- Quyền biểu quyết: **100%**
- Lĩnh vực hoạt động: Kiến trúc và tư vấn kỹ thuật điện

### CTCP NĂNG LƯỢNG SOLWIND (CÔNG TY LIÊN KẾT)

- Tên viết tắt: SWE
- Vốn thực góp: **100** tỷ đồng
- Tỷ lệ lợi ích: **49,99%**
- Quyền biểu quyết: **49,99%**

# NHÓM CÔNG TY SỞ HỮU TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP – ĐANG TRIỂN KHAI DA

### CTCP NLTT TIỀN GIANG

- Tên viết tắt: TGR
- Vốn thực góp: **3,4** tỷ đồng
- Tỷ lệ lợi ích: **99,71%**
- Quyền biểu quyết: **99,71%**

### CTCP NĂNG LƯỢNG XANH CÀ MAU

- Tên viết tắt: CME
- Vốn thực góp: **2** tỷ đồng
- Tỷ lệ lợi ích: **95%**
- Quyền biểu quyết: **95%**

### CTCP NĂNG LƯỢNG ĐIỆN CAO NGUYÊN

- Tên viết tắt: CNE
- Vốn thực góp: **93** tỷ đồng
- Tỷ lệ lợi ích: **99%**
- Quyền biểu quyết: **99,99%**
- DA đang phát triển: Thủy điện Ea Tih

### CTCP NLTT TÂN THÀNH

- Tên viết tắt: TTR
- Vốn thực góp: **24** tỷ đồng
- Tỷ lệ lợi ích: **99,17%**
- Quyền biểu quyết: **99,17%**

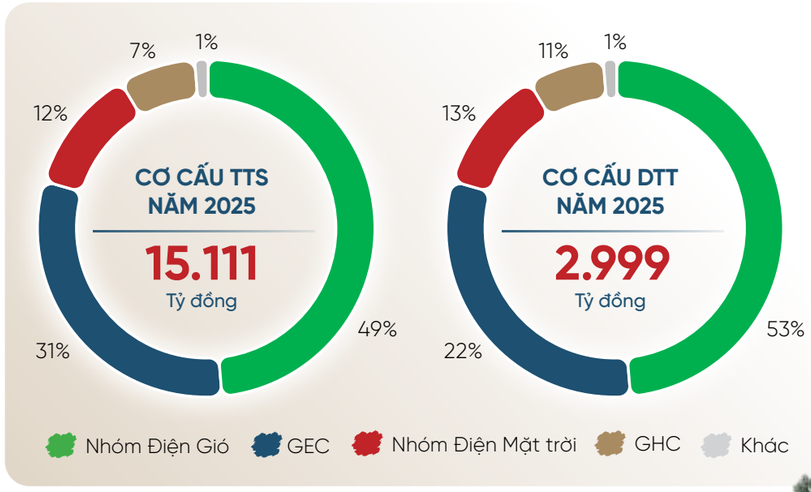
Trong những năm gần đây, GEC từng bước tham gia và đóng góp vào lĩnh vực NLTT thông qua việc theo đuổi chiến lược phát triển một cách chủ động và nhất quán. Với định hướng Phát triển đồng bộ các loại hình NLTT, Công ty không ngừng mở rộng danh mục đầu tư, đa dạng hóa loại hình nguồn điện và mở rộng phạm vi hoạt động trên nhiều khu vực trọng điểm. Đến cuối năm 2025, hệ thống DA đã và đang xây dựng của GEC bao gồm 5 NM Điện Gió, 6 NM Điện Mặt trời, 13 NM Thủy điện cùng hệ thống áp mái phân bổ tại khu vực Tây Nguyên, miền Trung và Nam Bộ. Các DA đang vận hành và phát triển thông qua 9 công ty con đang hoạt động, 1 công ty liên kết và 4 công ty đang trong giai đoạn phát triển DA, với tổng công suất đạt 769 MWp.

Tại thời điểm 31/12/2025, TTS hợp nhất của GEC đạt 15.111 tỷ đồng, trong cơ cấu tài sản, nhóm Công ty Điện Gió giữ vai trò chủ lực với tỷ trọng 49% TTS hợp nhất, cho thấy Điện Gió đang là trụ cột trong chiến lược phát triển trung và dài hạn của GECG. Công ty Mẹ – GEC chiếm 31% TTS, hiện trực tiếp quản lý và vận hành các NM Thủy điện, Điện Mặt trời và hệ thống Điện Áp mái, đồng thời giữ vai trò điều phối xuyên suốt toàn hệ thống. Nhóm Công ty Điện Mặt trời đóng góp 12% TTS, duy trì nền tảng hoạt động ổn định. CTCP Thủy điện Gia Lai (Mã chứng khoán: GHC) chiếm tỷ trọn 7% TTS, trong khi các đơn vị còn lại chỉ chiếm khoảng 1%, chủ yếu là các công ty dịch vụ và DA đang trong giai đoạn triển khai.

Năm 2025, DTT hợp nhất của GEC đạt 2.999 tỷ đồng, phản ánh hiệu quả vận hành ngày càng được cải thiện của các DA NLTT. Trong cơ cấu doanh thu, mảng Điện Gió tiếp tục là động lực tăng trưởng chính, đóng góp 53% DTT. Mức tăng trưởng này chủ yếu đến từ việc DA Điện Gió Tân Phú Đông 1 và trụ A7 của VPL1 đã hoàn tất đàm phán giá điện chính thức, cho phép ghi nhận bổ sung 50% phần doanh thu giá điện còn lại theo hợp đồng, qua đó, trở thành điểm nhấn về kết quả kinh doanh trong năm nay.

Bên cạnh đó, Công ty Mẹ – GEC đóng góp 22% DTT, tiếp tục thực hiện vai trò trung tâm trong công tác quản lý, điều phối và trực tiếp vận hành các NM trong toàn hệ thống. Nhóm công ty Điện Mặt trời chiếm 13% doanh thu, duy trì mức đóng góp ổn định, trong khi GHC đóng góp 11% DTT, tiếp tục là một cấu phần quan trọng trong danh mục nguồn điện của GECG. Các hoạt động khác chỉ chiếm khoảng 1% doanh thu và không ảnh hưởng đáng kể đến cơ cấu doanh thu hợp nhất.

Nhìn chung, kết quả đạt được trong năm 2025 cho thấy chiến lược tập trung phát triển NLTT và đa dạng hóa danh mục nguồn điện của GEC đang phát huy hiệu quả rõ nét. Trong đó, Điện Gió giữ vai trò dẫn dắt tăng trưởng, còn các mảng Điện Mặt trời và Thủy điện góp phần ổn định dòng tiền và cân bằng cơ cấu doanh thu của GECG trong dài hạn.




## GHC CHUYỂN NIÊM YẾT SANG HOSE, NÂNG CAO TÍNH MINH BẠCH VÀ QTCT

CTCP Thủy điện Gia Lai (GHC) là doanh nghiệp duy nhất trong hệ thống CTTV của GEC có cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán. Với nền tảng hoạt động hiệu quả và định hướng PTBV, GHC được ghi nhận là một trong những doanh nghiệp NLTT tiêu biểu của GEC, duy trì hiệu quả vận hành ổn định và khả năng sinh lời bền vững trong dài hạn. Trong giai đoạn 2021–2025, Công ty liên tục ghi nhận sự tăng trưởng ổn định về quy mô hoạt động, KQKD và giá trị vốn hóa thị trường, qua đó từng bước khẳng định vị thế của một nhà đầu tư năng lượng uy tín, minh bạch và đáng tin cậy trên thị trường vốn.

### Niêm yết HOSE - nâng cao chuẩn mực quản trị

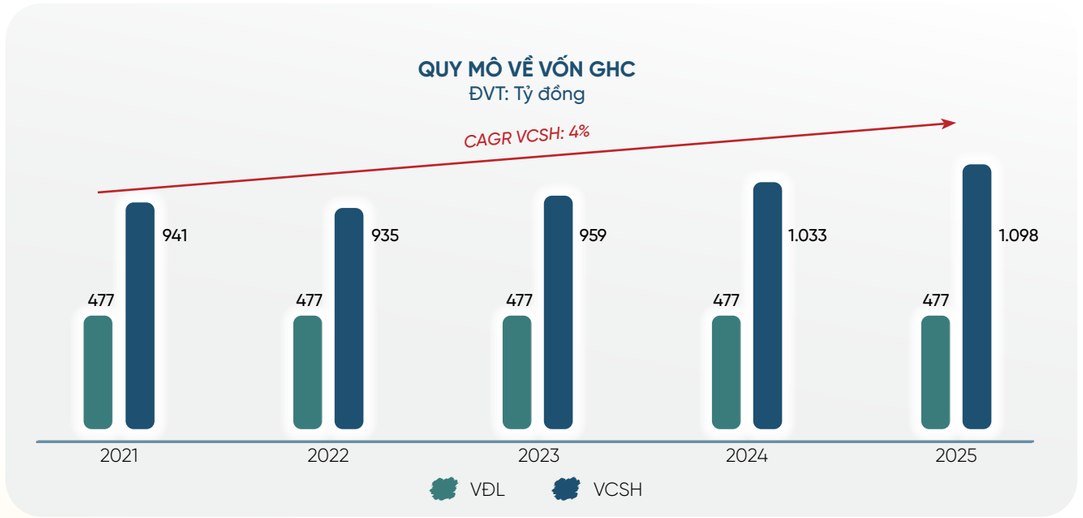
Trên nền tảng KQKD tích cực cùng hệ thống quản trị doanh nghiệp ngày càng hoàn thiện, GHC đã triển khai lộ trình đăng ký giao dịch từ UPCoM sang niêm yết trên HOSE nhằm nâng cao tính minh bạch, cải thiện nâng cao công tác chuẩn mực quản trị và gia tăng khả năng tiếp cận các Nhà đầu tư tiềm năng.

Ngày 31/12/2025, HOSE đã ban hành QĐ số 1262/QĐ-SGDHCM về việc chính thức chấp thuận cho cổ phiếu GHC niêm yết trên HOSE. Theo đó, ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu GHC trên HOSE là ngày 30/01/2026 với giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 29.000 đồng/cổ phiếu, đánh dấu cột mốc quan trọng trong lộ trình phát triển của Công ty.

### Quy mô vốn và năng lực tài chính

GHC duy trì chiến lược phát triển thận trọng, tập trung nâng cao hiệu quả vận hành và củng cố nền tảng tài chính. VCSH của Công ty ghi nhận mức tăng trưởng ổn định, từ 941 tỷ đồng năm 2021 lên 1.098 tỷ đồng năm 2025, tương ứng với CAGR khoảng 4,0%, chủ yếu nhờ kết quả sản xuất – kinh doanh ổn định và chính sách quản trị vốn thận trọng.

Tại thời điểm 31/12/2025, TTS của GHC đạt 1.486 tỷ đồng, giảm nhẹ 7 tỷ đồng so với năm trước, do Công ty thực hiện đúng hạn các nghĩa vụ tài chính theo cam kết. Điều này phản ánh định hướng tối ưu hóa cấu trúc tài sản, cân đối hài hòa giữa tăng trưởng và kiểm soát rủi ro trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.






## Hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi

GHC hiện tập trung phát triển hai lĩnh vực cốt lõi là Thủy điện và Điện Mặt trời, tạo nền tảng cho cơ cấu doanh thu ổn định và bền vững. Đối với mảng Thủy điện, GHC sở hữu và trực tiếp vận hành hai NM Thủy điện H'Chan và H'Mun với tổng công suất lắp đặt đạt 28,2 MW, hai NM này duy trì hiệu suất hoạt động cao và tiếp tục đóng vai trò là nguồn tạo doanh thu chủ lực trong lĩnh vực Thủy điện của GECG. Năm 2025, doanh thu từ hai NM Thủy điện đạt 162 tỷ đồng, chiếm khoảng 49% doanh thu điện của GHC và chiếm 38% tỷ trọng doanh thu Thủy điện của GEC.

Ở mảng Điện Mặt trời, GHC đang vận hành NM Điện Mặt trời Hàm Phú 2 cùng với hệ thống Điện Mặt trời áp mái, tổng công suất gần 52 MWp. Nhờ lợi thế điều kiện tự nhiên thuận lợi và cơ chế giá bán điện ổn định, các DA Điện Mặt trời của Công ty duy trì hiệu quả vận hành và đóng góp quan trọng vào cơ cấu doanh thu. Riêng trong năm 2025, doanh thu từ mảng Điện Mặt trời đạt hơn 171 tỷ đồng, chiếm khoảng 51% doanh thu điện của GHC. Bên cạnh các DA do GHC trực tiếp sở hữu và vận hành, GHC còn mở rộng hình thức sở hữu gián tiếp thông qua danh mục đầu tư góp vốn, liên doanh, liên kết. Với quy mô đầu tư khoảng 420 tỷ đồng vào các DA Điện Gió tương ứng với tổng công suất 80 MW, GHC từng bước đa dạng hóa danh mục tài sản, gia tăng quy mô, mở rộng hiện diện trong chuỗi giá trị NLTT.

## Hiệu quả tài chính và chính sách CĐ

Với chiến lược đầu tư bài bản, GHC đã ghi dấu ấn bằng hiệu quả tài chính ổn định và dòng tiền bền vững. Trong giai đoạn 2020 – 2024, Công ty luôn duy trì hoạt động chi trả cổ tức tiền mặt ổn định qua các năm, từ 20% – 32%/năm. Kết quả kinh doanh gần đây tiếp tục củng cố nền tảng đó. Năm 2025, DTT đạt gần 334 tỷ đồng, LNST đạt 169 tỷ đồng, vượt 2% kế hoạch do ĐHĐCĐ giao phó. Kết quả này tiếp tục khẳng định năng lực vận hành hiệu quả, khả năng thích ứng linh hoạt trước biến động thị trường và cam kết nhất quán trong việc mang lại giá trị bền vững cho CĐ.





## NHÓM CÔNG TY ĐIỆN GIÓ – TRỤ CỘT TĂNG TRƯỞNG VÀ ĐIỂM SÁNG TRONG HOẠT ĐỘNG 2025

GEC chính thức tham gia vào lĩnh vực Điện Gió từ cuối năm 2021 khi COD 3 NM Điện Gió gồm la Bang 1 thuộc IBE, VPL Bến Tre Giai đoạn 1 (VPL1) thuộc VPL và Tân Phú Đông 2 thuộc TGE với tổng công suất 130 MW. Các NM này đều được hưởng giá FiT 1 với mức giá 8,5 Uscents/kWh đối với Điện Gió trên bờ và 9,8 Uscents/kWh với Điện Gió gần bờ. Tiếp nối đà phát triển, năm 2023, GEC tiếp tục đưa vào vận hành NM Tân Phú Đông 1 thuộc TGE với công suất 100 MW nâng tổng công suất các Điện Gió đang vận hành lên 230 MW. DA Tân Phú Đông 1 được triển khai với sự chuẩn chỉnh ngay từ khâu pháp lý, kỹ thuật và tài chính, cho phép NM sớm hòa lưới và vận hành ổn định theo cơ chế giá điện chuyển tiếp với mức giá 50% khung giá trần. Sau hơn hai năm chờ chính sách hướng dẫn và kiên trì đàm phán giá với các cơ quan chức năng, NM Tân Phú Đông 1 đã hoàn tất đàm phán giá bán điện chính thức, với mức giá đạt 99,8% giá trần theo khung giá tại QĐ số 21/QĐ-BCT ngày 07/01/2023. Đồng thời, Công ty được ghi nhận 50% doanh thu của giai đoạn 2023–2024, qua đó tạo nền tảng doanh thu và cải thiện dòng tiền và là điểm sáng nổi bật trong hoạt động năm 2025 của Nhóm Công ty Điện Gió.

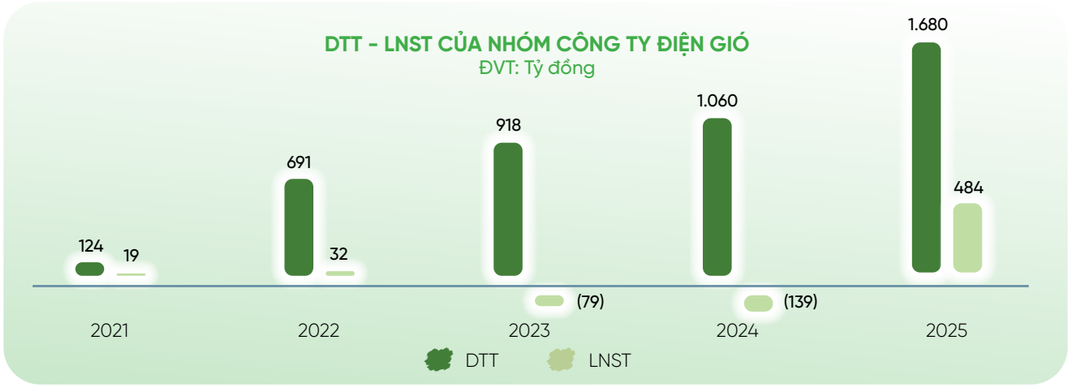
### Tăng trưởng quy mô và cải thiện mạnh mẽ hiệu quả kinh doanh

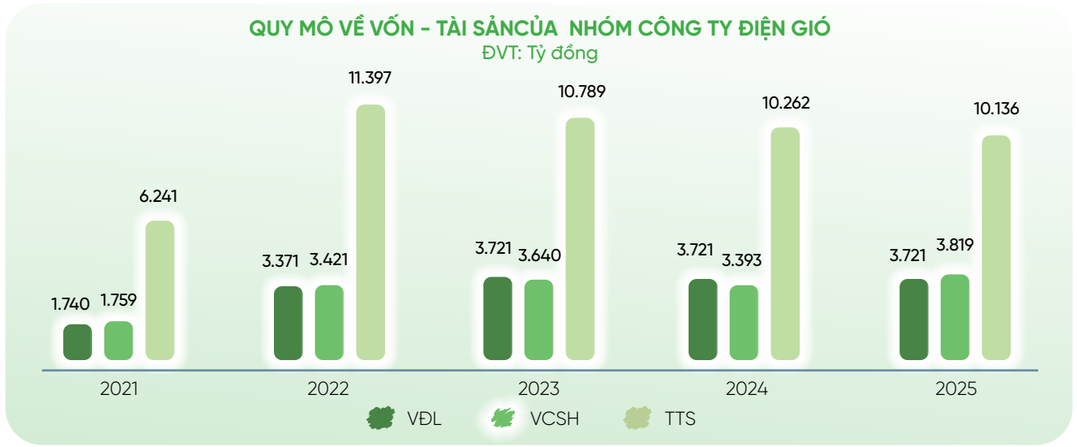
Trong giai đoạn 2021-2025, Nhóm Công ty Điện Gió ghi nhận sự mở rộng nhanh về quy mô hoạt động, song song với quá trình hoàn thiện cơ chế giá bán điện và từng bước nâng cao hiệu quả vận hành. DTT của Nhóm Công ty Điện Gió tăng trưởng mạnh, từ 124 tỷ đồng năm 2021 lên 1.680 tỷ đồng năm 2025, phản ánh việc đưa thêm các DA vào vận hành thương mại, đặc biệt là tác động tích cực từ việc hoàn tất đàm phán giá bán điện chính thức của NM Tân Phú Đông 1.

Hiệu quả sinh lời của mảng Điện Gió cũng được cải thiện rõ nét, sau giai đoạn đầu chịu áp lực ghi nhận đầy đủ chi phí khấu hao và tài chính trong bối cảnh NM Tân Phú Đông 1 chỉ được ghi nhận 50% khung giá, năm 2025 đánh dấu bước chuyển quan trọng khi LNST của Nhóm Công ty Điện Gió đạt 484 tỷ đồng so với năm 2024 ghi nhận lỗ 139 tỷ đồng. Biên lợi nhuận ròng (ROS) theo đó được nâng lên khoảng 29%, ROE cũng được cải thiện khi đạt 13% cho thấy hiệu quả khai thác tài sản và năng lực kiểm soát chi phí được cải thiện khi các DA bước sang giai đoạn vận hành ổn định.

Song song với tăng trưởng về KQKD, nền tảng tài chính của Nhóm Công ty Điện Gió tiếp tục được củng cố. VCSH tăng từ 1.759 tỷ đồng năm 2021 lên 3.819 tỷ đồng năm 2025, phản ánh chiến lược đầu tư dài hạn và năng lực tài chính ngày càng vững mạnh. Tại thời điểm 31/12/2025, TTS Nhóm Công ty Điện Gió đạt 10.136 tỷ đồng.

Nhìn chung, giai đoạn 2021–2024 là thời kỳ Nhóm Công ty Điện Gió tập trung đầu tư, hoàn thiện pháp lý và cơ chế giá điện. Bước sang năm 2025, mảng Điện Gió của GEC đã chuyển sang giai đoạn khai thác ổn định, đóng góp ngày càng rõ nét vào KQKD hợp nhất, qua đó khẳng định vai trò là động lực tăng trưởng dài hạn và bền vững trong chiến lược phát triển NLTT.



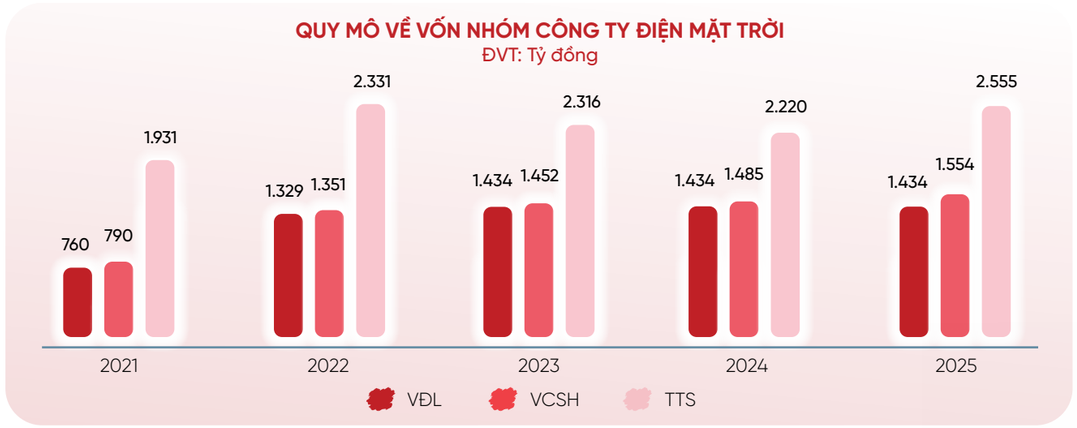


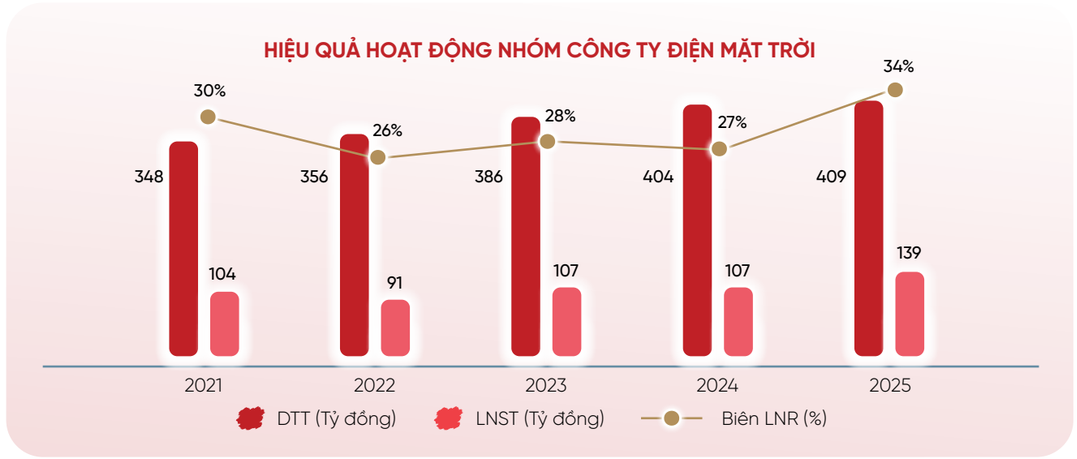

## NHÓM CÔNG TY ĐIỆN MẶT TRỜI – GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH ỔN ĐỊNH, TẠO DÒNG TIỀN NỀN TẢNG

Nhóm Công ty Điện Mặt trời hiện đang vận hành 5 NM Điện Mặt trời mặt đất cùng với hệ thống áp mái với tổng công suất đạt 300 MWp. Danh mục DA được phân bổ tại nhiều địa phương, đa dạng hóa điều kiện bức xạ và góp phần ổn định sản lượng phát điện trong dài hạn. Sau giai đoạn đầu tư và mở rộng mạnh mẽ, mảng Điện Mặt trời của GEC đã chính thức bước sang giai đoạn vận hành ổn định, với cơ cấu tài sản hoàn chỉnh, cơ chế giá điện rõ ràng và hiệu quả khai thác ngày càng được cải thiện.

### Quy mô tài sản và nền tảng tài chính ổn định

Trong giai đoạn 2021-2025, quy mô vốn của Nhóm Công ty Điện Mặt trời tiếp tục được củng cố. VCSH tăng từ 790 tỷ đồng năm 2021 lên 1.554 tỷ đồng năm 2025, tương ứng với CAGR 18%, phản ánh chiến lược đầu tư dài hạn, đồng thời cho thấy khả năng tích lũy vốn nội tại trong quá trình vận hành. Tại thời điểm 31/12/2025, TTS của Nhóm Điện Mặt trời đạt 2.555 tỷ đồng vào cuối năm 2025, chủ yếu là do triển khai DA Điện Mặt trời Đức Huệ 2, với công tác thi công và hoàn thiện được đẩy nhanh theo đúng kế hoạch. DA Điện Mặt trời Đức Huệ 2 dự kiến đưa vào vận hành thương mại trong Quý II/2026, qua đó bổ sung thêm công suất mới cho danh mục Điện Mặt trời, đồng thời mở rộng quy mô tài sản vận hành và tạo dư địa tăng trưởng doanh thu cho giai đoạn tiếp theo. Đáng chú ý, Đức Huệ 2 là DA Điện Mặt trời đầu tiên của Việt Nam tham gia cơ chế DPPA, thể hiện định hướng tiên phong trong việc hưởng ứng các cơ chế và chính sách ưu đãi của Ngành Năng lượng.




### Doanh thu duy trì tăng trưởng bền vững và hiệu quả sinh lời được cải thiện

DTT của Nhóm Công ty Điện Mặt trời duy trì xu hướng tăng trưởng ổn định, từ 348 tỷ đồng năm 2021 lên 409 tỷ đồng năm 2025. Mức tăng trưởng này phản ánh sản lượng điện phát được duy trì đều đặn qua các năm, cùng với việc các NM vận hành ngày càng tối ưu hơn sau giai đoạn đầu hòa lưới. Đối với mảng Điện Mặt trời, đặc thù cơ chế giá cố định và mô hình vận hành ổn định giúp doanh thu ít biến động, đóng vai trò nguồn thu nền tảng trong cơ cấu doanh thu hợp nhất của GEC.

Song song với sự ổn định về doanh thu, hiệu quả sinh lời của Nhóm Công ty Điện Mặt trời tiếp tục được cải thiện. Lợi nhuận sau thuế tăng từ 104 tỷ đồng năm 2021 lên 139 tỷ đồng năm 2025, cho thấy các DA đã vượt qua giai đoạn chịu áp lực chi phí khấu hao và tài chính cao trong những năm đầu vận hành. Biên lợi nhuận ròng (ROS) duy trì ở mức tích cực, phản ánh khả năng kiểm soát chi phí vận hành hiệu quả và đặc thù chi phí biến đổi thấp của các DA Điện Mặt trời khi đã đi vào khai thác ổn định.

Nhìn chung, mảng Điện Mặt trời của GEC đã chuyển sang giai đoạn khai thác bền vững, đóng vai trò là trụ cột tạo dòng tiền ổn định, góp phần cân bằng rủi ro chu kỳ cho trong bối cảnh GEC tiếp tục mở rộng sang các lĩnh vực NLTT khác như Điện Gió. Việc duy trì hiệu quả vận hành, tối ưu sản lượng và kiểm soát chi phí tại Nhóm Công ty Điện Mặt trời sẽ tiếp tục là nền tảng quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng lợi nhuận và củng cố sức khỏe tài chính hợp nhất của GEC trong giai đoạn tiếp theo.





# Hoạt động kỹ thuật

Trong bối cảnh ngành NLTT tiếp tục phát triển mạnh mẽ và yêu cầu về an toàn, hiệu quả và tối ưu vận hành ngày càng cao, Khối Kỹ thuật đã giữ vai trò nòng cốt trong việc bảo đảm hoạt động an toàn, ổn định và liên tục cho toàn bộ các NM Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Gió và hệ thống Điện Mặt trời Áp mái của GEC. Thông qua việc triển khai đồng bộ các hoạt động quản lý vận hành, bảo trì – bảo dưỡng, thí nghiệm và kiểm định thiết bị điện, cùng với công tác hỗ trợ kỹ thuật điện và cơ khí cho các NM, Khối Kỹ thuật không chỉ duy trì hiệu suất vận hành tối ưu mà còn góp phần nâng cao độ tin cậy của hệ thống, kéo dài tuổi thọ thiết bị và kiểm soát hiệu quả các rủi ro kỹ thuật.

Song song với nhiệm vụ nội bộ, Khối Kỹ thuật đã chủ động nghiên cứu, tiếp thu và ứng dụng các công nghệ, giải pháp kỹ thuật tiên tiến, đáp ứng các tiêu chuẩn – quy chuẩn hiện hành của ngành năng lượng. Qua đó, Khối Kỹ thuật không chỉ góp phần gia tăng doanh thu, mà còn khẳng định vị thế và uy tín thương hiệu của GEC trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật năng lượng, tạo nền tảng vững chắc cho sự PTBV trong giai đoạn tiếp theo.

## HOẠT ĐỘNG KỸ THUẬT

Trong thời gian vừa qua, hoạt động kỹ thuật của GEC tập trung chủ yếu vào lĩnh vực điện và cơ khí, do Phòng Kỹ thuật phụ trách. Trọng tâm công việc của Phòng là thực hiện sửa chữa các hạng mục cơ khí cho toàn bộ các NM thủy điện nội bộ. Bên cạnh đó, Phòng Kỹ thuật cũng triển khai công tác kiểm tra, giám sát và xử lý các sự cố kỹ thuật điện tại các NM thủy điện cũng như các loại hình NM khác. Cụ thể như sau:

### KIỂM SOÁT CHI PHÍ

- Kiểm soát chi phí của Phòng Kỹ thuật theo Kế hoạch nghân sách đã được phê duyệt
- Phối hợp thực hiện Kế hoạch sửa chữa 2025 ở các NM Thủy điện theo kế hoạch được phê duyệt

### CÔNG TÁC KỸ THUẬT

- Giám sát và kiểm tra định kỳ thiết bị cơ điện ở các NM Thủy điện
- Phối hợp khắc phục các sự cố cơ điện phát sinh (nếu có)
- Phối hợp với các Chi nhánh/NM lập dự toán và phương án thực hiện Kế hoạch sửa chữa định kỳ hàng năm

### SỬA CHỮA CƠ ĐIỆN

- Sửa chữa **22 hạng mục** cơ điện trọng tâm ở **10 NM** Thủy điện
- Gia công, sửa chữa **4 hạng mục** thiết bị dự phòng ở **3 NM** Thủy điện

### CÔNG TÁC KHÁC

- DA NM Điện Mặt Trời TTC Đức Huệ 2: Nhân sự kỹ thuật phối hợp thực hiện DA.

### CÔNG TÁC ĐÀO TẠO/ NHÂN SỰ

- Hoàn thành tham gia 9 khóa đào tạo theo chương trình của Công ty.
- Mua sắm và đào tạo nhân sự sử dụng các thiết bị đo Phóng điện cục bộ phục vụ công tác Bảo trì phòng ngừa trong tương lai.
- Thực hiện 1 khóa đào tạo và sát hạch an toàn điện định kỳ năm 2025 cho CBNV vận hành cho các NM điện và CTTV.





## HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN VÀ MÁY MÓC

Nhằm đảm bảo các thiết bị, dụng cụ và công cụ điện tại các NM điện thuộc GECG được kiểm định, thử nghiệm theo đúng quy định và duy trì trạng thái hoạt động an toàn, hiệu quả, Phòng Thí nghiệm và Dịch vụ là đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện công tác kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định và hỗ trợ xử lý sự cố. Trên cơ sở đó, Phòng triển khai các hoạt động cụ thể như sau:

| NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM | HIỆU QUẢ VẬN HÀNH | HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH |
|---|---|---|

### HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM

| NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM | HIỆU QUẢ VẬN HÀNH | HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH |
|---|---|---|
| ● Kiểm tra và giám sát việc kiểm định các thiết bị điện, máy móc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn điện theo quy định của Pháp luật<br>● Thí nghiệm Dụng cụ an toàn nội bộ: **18 đợt thí nghiệm/20 NM**<br>● Thí nghiệm Thiết bị điện nội bộ: **18 đợt thí nghiệm/ 20 NM**<br>● Thí nghiệm và cung cấp dịch vụ Kỹ thuật cho một số khách hàng bên ngoài: Công ty TNHH Kỹ thuật, Thương mại và Dịch vụ Tự Động Hóa; Công ty TNHH Cao Su Bình Thuận; Công ty TNHH Kasekam Youveakchun Svay Reang<br>● Hỗ trợ kiểm tra và xử lý 16 sự cố kỹ thuật cho các NM của GEC và Khách hàng. | ● Hỗ trợ công tác chuyên môn cho các NM khi cần thiết<br>● Hỗ trợ xử lý sự cố kịp thời và hiệu quả<br>● Cung cấp dịch vụ Thí nghiệm cho các NM thuộc GEC và các khách hàng bên ngoài. | ● Doanh thu 2025: 15,4 tỷ đồng<br>● LNTT 2025: 13,1 tỷ đồng. |

### HOẠT ĐỘNG PHÁP LÝ, QUẢN LÝ HỆ THỐNG VÀ ĐÀO TẠO

- Hoạt động duy trì hệ thống quản lý phòng thí nghiệm:
  - Hoàn thành đánh giá giám sát lần 1 Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 theo văn bản số 290/KT2-N1 ngày 06/3/2025 cấp bởi Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2 - Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia - Bộ Khoa học và Công nghệ.
  - Hoàn thành đánh giá giám sát lần 2 Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO/IEC17025:2017 theo văn bản số 1054/VPCNCLQG ngày 14/8/2025 thông báo kết quả đánh giá giám sát duy trì tiếp giấy công nhận theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 mã số VILAS 878 cấp bởi Văn phòng công nhận chất lượng - Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Hoàn thành khóa đào tạo cho 3 kiểm định viên phục vụ công tác thí nghiệm, kiểm định ngày 28/4/2025 và hoàn thành khóa đào tạo bắt buộc về An toàn điện tháng 11/2025.
- Đảm bảo duy trì hoạt động của Đơn vị theo quy định pháp luật và tiêu chuẩn quốc tế.
- Nâng cao kiến thức chuyên môn cho nhân sự.
- Đảm bảo nhân sự được đào tạo nắm rõ các quy định về an toàn điện khi làm việc tại các NM điện



# HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VẬN HÀNH

Trong suốt thời gian qua, Phòng Quản lý Vận hành là đơn vị tham gia kiểm tra, giám sát và hỗ trợ các NM điện trong toàn bộ công tác vận hành. Đồng thời, Phòng Quản lý Vận hành cũng chịu trách nhiệm tổng hợp dữ liệu, số liệu báo cáo và nghiên cứu các phương án nhằm tham mưu cho Ban Lãnh đạo trong việc nâng cao hiệu quả vận hành các NM.

## O&M LĨNH VỰC ĐIỆN GIÓ

**Độ sẵn sàng của các NM (BoP)**

Độ sẵn sàng BoP của các NM luôn duy trì ở mức cao trên 99,55% đối với NM Ia Bang, Tân Phú Đông 1 và Tân Phú Đông 2. Riêng NM V.P.L 1 ghi nhận mức 94,66% nguyên nhân là do các sự cố đường dây, bảo trì phối hợp với Điện lực Vĩnh Long và phối hợp kéo dây cho DA V.P.L 2.

**Độ sẵn sàng cánh quạt (WT)**

Độ sẵn sàng WT của các NM có giảm nhẹ so với năm 2024, cụ thể NM Tân Phú Đông 1 là -0,22%; NM Tân Phú Đông 2 là -0,69%; NM V.P.L 1 là -5,08%; NM Ia Bang là -1,42%. Nguyên nhân của độ sẵn sàng WT tại các NM giảm là do việc bảo trì cánh tại các NM Tân Phú Đông 1, Tân Phú Đông 2 và V.P.L 1; thay thế hộp số tại trụ WT12 của Tân Phú Đông 2; và một số đầu mục công việc khác tại tất cả NM như: kiểm tra và sửa chữa liên quan đến ống cân bằng cánh; thay thế gối đỡ cao su; dừng để kiểm tra cánh.

| NM | 2023 | | | 2024 | | | 2025 | | | Tăng/giảm so với 2024 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | BOP | WT | Tổng | BOP | WT | Tổng | BOP | WT | Tổng | Tổng | |
| Ia Bang | 99,60% | 99,00% | 98,50% | 99,70% | 99,30% | 99,00% | 99,86% | 97,73% | 97,58% | -1,42% | Chưa Tốt |
| Tân Phú Đông 2 | 99,90% | 98,90% | 98,70% | 99,40% | 98,70% | 98,10% | 99,70% | 97,71% | 97,41% | -0,69% | Chưa Tốt |
| V.P.L 1 | 99,40% | 94,40% | 93,83% | 98,00% | 99,30% | 97,27% | 94.66% | 97,40% | 92,19% | -5,08% | Chưa Tốt |
| Tân Phú Đông 1 | 99,90% | 98,80% | 98,70% | 99,50% | 99,10% | 98,60% | 99,55% | 98,83% | 98,38% | -0,22% | Chưa Tốt |
| Bình quân | **99,70%** | **97,78%** | **97,43%** | **99,15%** | **99,10%** | **98,24%** | **98,94%** | **97,92%** | **96.89%** | **-1,35%** | **Chưa Tốt** |

** BOP: Cân bằng của NM*
*** WT: Cánh quạt*

| | |
|---|---|
| 99% | *Độ sẵn sàng mục tiêu* |
| 97% | |

**Hệ số đầy tải**

(CF) là tỷ lệ giữa tổng sản lượng điện năng thực tế mà một NM điện sản xuất được trong một khoảng thời gian nhất định so với sản lượng điện năng lý thuyết tối đa mà NM đó có thể sản xuất nếu vận hành liên tục ở 100% công suất thiết kế trong cùng khoảng thời gian đó. Hệ số đầy tải thể hiện năng suất vận hành của 1 NM điện so với công suất lắp đặt, hệ số đầy tải càng cao thể hiện năng suất NM càng tốt.

Tổng quan tại GEC, trong năm 2025, NM Ia Bang ghi nhận kết quả tích cực và đạt cao hơn kỳ vọng năm 2025 (tỷ lệ thực hiện đạt 104,88%), các NM còn lại bao gồm Tân Phú Đông 1, Tân Phú Đông 2 và V.P.L 1 đều có hệ số đầy tải thực tế thấp hơn kỳ vọng 2025 và mức thực hiện năm 2024. Khi mở rộng so sánh với dữ liệu năm 2023, xu hướng giảm vẫn tiếp diễn tại Tân Phú Đông 2 (giảm từ 32,27% xuống 28,54%) và V.P.L 1 (giảm từ 31,91% xuống 30,22%), riêng Tân Phú Đông 1 ghi nhận mức tăng nhẹ so với năm 2023 (từ 29,98% lên 30,35%). Nguyên nhân chính dẫn đến sự biến động hiệu suất này là do diễn biến thời tiết năm 2025 không thuận lợi, với mùa gió chính về muộn hơn so với chu kỳ của cả năm 2023 và 2024.

| NM | 2023 | | | 2024 | | | 2025 | | | Tăng/giảm so với 2024 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thực tế | Kỳ vọng | Tỷ lệ | Thực tế | Kỳ vọng | Tỷ lệ | Thực tế | Kỳ vọng | Tỷ lệ | Thực tế | |
| Ia Bang | 30,09% | 29,88% | 100,71% | 31,60% | 29,79% | 106,07% | 31,38% | 29,92% | 104,88% | -1,19% | Chưa Tốt |
| Tân Phú Đông 2 | 32,27% | 32,44% | 99,48% | 32,35% | 31,18% | 103,75% | 28,54% | 31,03% | 91,96% | -11,79% | Chưa Tốt |
| V.P.L 1 | 31,91% | 30,31% | 105,28% | 32,99% | 31,77% | 103,84% | 30,22% | 32,46% | 93,11% | -10,73% | Chưa Tốt |
| Tân Phú Đông 1 | 29,98% | 29,61% | 101,25% | 32,35% | 29,36% | 110,18% | 30,35% | 33,62% | 90,28% | -1,99% | Chưa Tốt |
| Bình quân | **31,06%** | **30,56%** | **101,68%** | **32,32%** | **30,53%** | **105,96%** | **30,12%** | **31,76%** | **95,04%** | **-10,92%** | **Chưa Tốt** |

**Thời gian bảo trì Phòng ngừa của Tuabin**

Sau 3 năm vận hành, thời gian cần để thực hiện bảo trì của WT theo kế hoạch đã giảm khá nhiều so với năm đầu 2024 ở NM V.P.L 1 -229,60 giờ và NM Tân Phú Đông 1 là -1.770,74 giờ, và có tăng nhẹ ở NM Ia Bang 102,02 giờ; NM Tân Phú Đông 2 là 39,57 giờ, do có thực hiện phát sinh 1 số mục như phòng ngừa sự cố rơi ống hơi của bộ cân bằng cánh.

Thời gian bảo trì định kỳ đã giảm đi đáng kể do Vestas đã nắm rõ các điểm trọng yếu trong quá trình thực hiện công tác bảo trì định kỳ, cùng với đó là quy trình phối hợp giữa NM và đơn vị Vestas đã chuẩn hóa và linh động hơn, ngoài ra năm 2025 các kiểm tra định kỳ thuộc mục nhỏ so với các mục lớn của 2 năm 2023 và 2024.

Trong kế hoạch Bảo trì Phòng ngừa năm 2026, các đợt bảo trì sẽ được tăng cường và được thực hiện vào những thời điểm gió thấp. Việc tăng cường Bảo trì phòng ngừa dự kiến trong năm 2026 sẽ bảm bảo các tuabin vận hành tốt nhất.

*Thời gian được tính theo số giờ bảo trì cho từng Tuabin.*

| NM | 2023 | 2024 | 2025 | Tăng/giảm so với 2024 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| Ia Bang | 946,10 | 643,70 | 750,72 | 16,63% | Chưa Tốt |
| Tân Phú Đông 2 | 985,50 | 866,30 | 905,87 | 4,57% | Chưa Tốt |
| V.P.L 1 | 3.000,60 | 643,50 | 413,90 | -35,68% | Rất Tốt |
| Tân Phú Đông 1 | 1.051,60 | 2.280,60 | 509,86 | -77,64% | Rất Tốt |
| Bình quân | **1.495,95** | **1.108,53** | **645,09** | **-41,81%** | **Rất Tốt** |

## O&M LĨNH VỰC ĐIỆN MẶT TRỜI

**Độ sẵn sàng của NM**

Sau hơn 6 năm vận hành, các NM Điện Mặt trời vẫn duy trì ổn định với độ sẵn sàng cao. Tất cả các NM đều đạt trên mức kỳ vọng 99%, bình quân của các NM đạt mức 99,75%. Bảo trì phòng ngừa luôn được duy trì và phát huy hiệu quả, góp phần phát hiện sớm các tồn tại của NM và tiến hành khắc phục kịp thời, phòng ngừa xảy ra các sự cố. Đối với các sự cố bất thường do thiên tai, các NM cũng đã chủ động cô lập khu vực sự cố và khôi phục vận hành.

| NM | 2023 | 2024 | 2025 | Tăng/giảm so với 2024 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Phong Điền** | 99,77% | 98,54% | 99,97% | 1,43% | Rất tốt |
| **Krông Pa** | 99,82% | 99,97% | 99,38% | -0,59% | Tốt |
| **Hàm Phú 2** | 99,99% | 99,99% | 99,76% | -0,23% | Rất tốt |
| **Đức Huệ 1** | 99,99% | 99,70% | 99,99% | 0,29% | Rất tốt |
| **Trúc Sơn** | 99,98% | 99,97% | 99,95% | -0,02% | Rất tốt |
| **Bình quân** | **99,91%** | **99,63%** | **99,81%** | **0,18%** | **Rất tốt** |

*Độ sẵn sàng kế hoạch là 99% và phấn đấu ở mức 99,5%.*

**Tỷ lệ tổn thất sản lượng do sự cố của các NM Điện Mặt trời thấp**

Bình quân các NM duy trì tỉ lệ tổn thất do sự cố dưới 1%. Tổng tổn thất do sự cố trong năm 2025 của cả 5 NM là khoảng 718 MWh, tương đương 0,24% sản lượng đạt được.

**Hệ số hiệu suất**

Mặc dù các tấm quang điện bị suy giảm hiệu suất qua các năm, tuy nhiên các NM vẫn duy trì được hiệu suất vận hành ở mức tốt. Việc chủ động thực hiện công tác vệ sinh bề mặt các tấm quang điện đúng quy trình và thực hiện bảo trì phòng ngừa tốt cũng góp phần nâng cao hiệu suất vận hành của các NM. So sánh với hiệu suất mục tiêu, các NM đạt được hiệu suất cao hơn từ 0,5-7%.

| NM | Kế hoạch | 2023 | 2024 | 2025 | Tăng/giảm so với 2024 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Phong Điền** | 72,79% | 80,24% | 81,67% | 79,89% | -1,85% | Tốt |
| **Krông Pa** | 76,76% | 80,24% | 79,20% | 79,89% | 0,69% | Tốt |
| **Hàm Phú 2** | 75,31% | 80,76% | 80,04% | 81,81% | -0,13% | Tốt |
| **Đức Huệ 1** | 75,62% | 82,17% | 81,94% | 81,61% | 1,57% | Tốt |
| **Trúc Sơn** | 77,31% | 79,23% | 78,51% | 78,60% | 0,09% | Tốt |
| **Bình quân** | **75,56%** | **80,53%** | **80,27%** | **80,35%** | **0,07%** | |

## O&M LĨNH VỰC THỦY ĐIỆN

**Độ sẵn sàng của NM**

Hệ số sẵn sàng của máy móc thiết bị tại các NM Thủy điện bình quân đạt 96,35% cao hơn mục tiêu 90,00%. So với năm 2024, chỉ số sẵn sàng máy móc thiết bị năm 2025 tăng 1,47%, thời gian dừng máy do sự cố máy móc thiết bị, sửa chữa lớn và bảo trì định kỳ tối ưu hơn năm 2024. Thời tiết mưa to và nhiều ngày liên tục trong quý IV/2025 ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên đã giúp các NM Thủy điện vượt kế hoạch sản lượng 8,8%, và vượt kế hoạch doanh thu 2,1% mặc dù nhu cầu phụ tải lưới điện Quốc Gia và Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia (NSMO) cắt giảm sản lượng phát điện cao hơn đáng kể so với năm 2024. (NSMO cắt giảm sản lượng 2025 là 2,48 GWh ~ 0,66% sản lượng, tương ứng 2,13 tỷ đồng ~ 0,57% doanh thu gấp 6 lần năm 2024: Cắt giảm 0,36 GWh ~ 0,11% sản lượng, tương ứng 0,45 tỷ đồng ~ 0,14% doanh thu).

Trong năm 2025, tổng tổn thất sản lượng 3,32 GWh tương ứng tỉ lệ tổn thất sản lượng ở mức trung bình 0,89% (năm 2024, tổn thất sản lượng là 1,51 GWh tương ứng tỉ lệ tổn thất sản lượng ở mức thấp 0,32%). Tổng tổn thất doanh thu 2,67 tỷ đồng, tương ứng tỉ lệ tổn thất doanh thu ở mức trung bình 0,71% (năm 2024, tổn thất doanh thu là 1,30 tỉ đồng tương ứng tỉ lệ tổn thất doanh thu ở mức thấp 0,25%).

| NM Thủy điện | 2023 | 2024 | 2025 | Tăng/giảm so với 2024 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Ia Đrăng 1** | 99,48% | 98,50% | 98,51% | 0,01% | Rất Tốt |
| **Ia Đrăng 2** | 97,28% | 91,57% | 91,76% | 0,20% | Tốt |
| **Ia Đrăng 3** | 97,66% | 97,83% | 97,01% | -0,82% | Rất Tốt |
| **Ia Meur 3** | 99,30% | 96,66% | 99,54% | 2,88% | Rất Tốt |
| **Ia Puch 3** | 92,24% | 82,13% | 90,77% | 8,64% | Tốt |
| **Đăk Pi Hao 1** | 92,90% | 92,90% | 97,62% | 4,72% | Rất Tốt |
| **Đăk Pi Hao 2** | 97,92% | 98,64% | 95,32% | -3,31% | Rất Tốt |
| **Đa Khai** | 94,23% | 91,66% | 94,89% | 3,23% | Tốt |
| **Ayun Thượng 1A** | 97,40% | 94,83% | 96,25% | 1,42% | Rất Tốt |
| **H'Chan** | 98,22% | 98,04% | 98,24% | 0,20% | Rất Tốt |
| **H'Mun** | 94,50% | 97,04% | 97,51% | 0,47% | Rất Tốt |
| **Thượng Lộ** | 86,75% | 98,82% | 98,79% | -0,04% | Rất Tốt |
| **Bình quân** | **95,66%** | **94,89%** | **96,35%** | **1,47%** | **Rất Tốt** |

**Hệ số đầy tải**

CF của năm 2025 tăng mạnh so với năm 2024 (bình quân tăng 8,20%), do thời tiết thuận lợi, mưa to và kéo dài nhiều ngày so với năm 2024. Trong đó, NM Ia Đrăng 2 có hiệu suất vận hành cao nhất (CF = 59,66%) và có 10/12 NM Thủy điện có CF trên 51,80%.

| NM Thủy điện | 2023 | 2024 | 2025 | Tăng/giảm so với 2024 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Ia Đrăng 1** | 56,95% | 51,39% | 57,86% | 6,47% | Rất Tốt |
| **Ia Đrăng 2** | 54,71% | 53,22% | 59,66% | 6,44% | Rất Tốt |
| **Ia Đrăng 3** | 52,90% | 50,31% | 57,91% | 7,60% | Rất Tốt |
| **Ia Meur 3** | 41,18% | 39,91% | 49,83% | 9,92% | Tốt |
| **Ia Puch 3** | 45,37% | 43,16% | 51,81% | 8,65% | Rất Tốt |
| **Đăk Pi Hao 1** | 52,35% | 50,34% | 58,92% | 8,58% | Rất Tốt |
| **Đăk Pi Hao 2** | 47,40% | 40,00% | 53,48% | 13,48% | Rất Tốt |
| **Đa Khai** | 58,85% | 53,37% | 58,88% | 5,51% | Rất Tốt |
| **Ayun Thượng 1A** | 54,46% | 45,48% | 54,05% | 8,57% | Rất Tốt |
| **H'Chan** | 56,82% | 49,80% | 56,76% | 6,96% | Rất Tốt |
| **H'Mun** | 52,57% | 46,58% | 55,37% | 8,78% | Rất Tốt |
| **Thượng Lộ** | 33,40% | 28,76% | 36,21% | 7,46% | Tốt |
| **Bình quân** | **49,26%** | **44,70%** | **52,84%** | **8,20%** | **Rất Tốt** |

**Công tác đào tạo**

Hoàn thành thực hiện 8 buổi Chia sẻ kiến thức chuyên ngành giúp các nhân sự trong phòng và Khối Kỹ thuật cập nhất kiến thức mới và chuyên sâu về công nghệ mới và hệ thống thiết bị đang vận hành.

Thực hiện các Bản tin công nghệ góp phần cập nhật công nghệ cho thành viên công ty.



# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## KỸ THUẬT

- Tiếp tục phối hợp kỹ thuật, giám sát và khắc phục các sự cố phát sinh (nếu có) ở các NM điện thuộc GEC và CTTV.
- Tiếp tục đề xuất các giải pháp kỹ thuật góp phần đảm bảo an toàn thiết bị và tăng hiệu quả vận hành ở các NM.
- Hoàn thành các hạng mục sửa chữa cơ điện trọng tâm ở các NM Thủy điện.
- Duy trì ổn định đội ngũ nhân sự, thực hiện đào tạo nội bộ và tham gia các khóa đào tạo theo chương trình của Công ty.
- Thực hiện đào tạo và sát hạch an toàn điện cho CBNV vận hành cho các NM điện và CTTV.

## THÍ NGHIỆM VÀ DỊCH VỤ

- Duy trì hoạt động thử nghiệm, kiểm định, xử lý sự cố kỹ thuật đảm bảo cho tất cả các NM thuộc GEC và CTTV hoạt động tốt.
- Mở rộng dịch vụ thí nghiệm ra khách hàng bên ngoài các DA mới và các DA thí nghiệm định kỳ bao gồm các NM Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Gió, NM Nhiệt điện bã mía, Áp mái...
- Kiểm soát chi phí trong hạn mức theo Kế hoạch ngân sách của đơn vị và đảm bảo kiểm soát tốt chi phí giá vốn thực hiện hợp đồng để có hiệu quả lợi nhuận tốt.
- Không ngừng đào tạo, trau dồi kiến thức và kỹ năng cho đội ngũ nhân sự, cập nhật và áp dụng tốt các VBLQ, đảm bảo hoạt động thử nghiệm và kiểm định đáp ứng theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025, ISO 9001 và các quy định pháp luật trong lĩnh vực này.
- Tăng cường công tác kiểm tra phòng ngừa để giảm thiểu tổn thất do sự cố máy móc thiết bị.

## QUẢN LÝ VẬN HÀNH

- Ổn định đội ngũ, đảm bảo công tác giám sát bảo trì bảo dưỡng nghiêm túc.
- Đào tạo và xây dựng kế hoạch bảo trì cho 5 năm tiếp theo của các DA Điện Mặt trời và tiếp cận các kỹ thuật mới về BESS.
- Đào tạo, huấn luyện, xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên môn và kinh nghiệm để triển khai công tác tự vận hành các NM Điện Gió trong 5 năm tới.
- Đào tạo tại Trung Quốc về bảo trì Turbine hãng Gold Wind.
- Thường xuyên cập nhật các thay đổi của Ngành, đặc biệt khi Luật Điện lực 2024 có hiệu lực.
- Ứng dụng công nghệ mới AI vào hoạt động Bảo trì bảo dưỡng như: bảo trì theo điều kiện, kiểm tra phóng điện nhằm phát hiện sớm các tồn tại trong hệ thống...
- Ứng dụng đo kiểm phóng điện trong công tác bảo trì phòng ngừa các sự cố.





# Hoạt động công nghệ thông tin

## VỮNG NỀN TẢNG SỐ - SÁNG TƯƠNG LAI XANH

Năm 2025, GEC hiện thực hóa mục tiêu tối ưu hiệu suất phát điện và quản trị tài sản bền vững. Các hoạt động tập trung vào việc hoàn thiện kế hoạch CNTT giai đoạn 2021 - 2025 với trọng tâm **Số hóa hạ tầng năng lượng – An toàn hóa vận hành**, đảm bảo sự phát triển hài hòa giữa hiệu quả kinh tế và tính an toàn hệ thống điện.

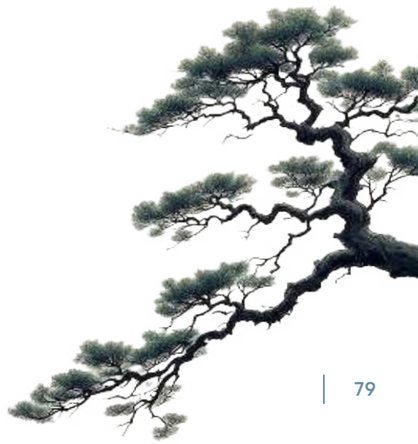
**CÁC THÀNH TỰU TRỌNG ĐIỂM NĂM 2025**

| Nội dung | Thành tựu | Giá trị |
|---|---|---|
| 1 **Chuẩn hóa Quản trị Tài chính Năng lượng (ERP & Thông tư 99)**<br>Do đặc thù quy mô đầu tư lớn, vòng đời tài sản dài và chịu sự điều tiết pháp lý chặt chẽ, công tác quản trị tài chính - kế toán trong ngành năng lượng đòi hỏi mức độ chuẩn hóa, nhất quán và chính xác cao trên toàn bộ chu trình hạch toán (doanh thu, chi phí, tài sản, khấu hao, BCTC) | Hoàn tất cấu hình hệ thống ERP theo Thông tư 99/2020/TT-BTC, tích hợp quy trình hạch toán đặc thù cho ngành điện. | Đảm bảo dữ liệu tài chính - kế toán minh bạch, nhất quán trên toàn hệ thống, phục vụ hiệu quả các kỳ thanh toán tiền điện, quản lý tài sản và BCTC; qua đó nâng cao chất lượng quản trị và ra quyết định tại 21 NM với 260 người dùng. |
| 2 **An ninh hạ tầng năng lượng trọng yếu**<br>Đối với các NM Thủy điện, Điện Mặt trời và Điện Gió, việc bảo vệ hệ thống điều khiển khỏi các cuộc tấn công mạng là nhiệm vụ thiết yếu | Triển khai hệ thống Tường lửa (Firewall) nhằm đáp ứng tiêu chuẩn vận hành cho mạng SCADA tại NM Điện Mặt trời Đức Huệ 1. | Tạo "vành đai thép" ngăn cách mạng vận hành tại NM (OT) với mạng văn phòng (IT), đảm bảo hoạt động phát điện luôn liên tục, ổn định và tuân thủ các quy định về an ninh mạng theo tiêu chuẩn EVN. |
| 3 **Nâng cao năng suất lao động bằng AI và phần mềm Văn phòng** | Đào tạo **12 khóa học CNTT** liên quan kỹ năng ứng dụng AI, ERP và các phần mềm khác vào công việc văn phòng hằng ngày cho **586 Cán bộ nhân viên**. | Tối ưu hóa quy trình xử lý văn bản, báo cáo và phân tích dữ liệu, giúp nâng cao đáng kể hiệu suất làm việc của đội ngũ nhân sự trực tiếp và gián tiếp. |

## TÍNH SẴN SÀNG VÀ ỔN ĐỊNH

Năm 2025 ghi nhận tính sẵn sàng và sự ổn định của hệ thống số:

| Chỉ tiêu quản trị | Mục tiêu | Thực hiện 2025 |
|---|---|---|
| Độ ổn định hệ thống SCADA/ERP | 99,9% | 99,99% |
| Tính chính xác dữ liệu đo đếm điện | 100% | 100% |
| Tỉ lệ nhân sự hoàn thành đào tạo | 90% | 90% |



# ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2026

Hướng tới mô hình "Doanh nghiệp năng lượng số thông minh" và lộ trình CNTT giai đoạn 2026-2030 hướng đến vận hành bán tự chủ các NM điện. Năm 2026, GEC tập trung nghiên cứu và ứng dụng AI trong Phân tích dự báo và Bảo trì bảo dưỡng thiết bị tại các NM.

## VẬN HÀNH NHÀ MÁY ĐIỆN THÔNG MINH




**1 | Hệ thống Phân tích Dự báo (Predictive Analytics)**

Nghiên cứu và áp dụng AI để dự báo thời tiết và sản lượng phát điện trên nền tảng Đám mây, quản trị tập trung hệ thống Scada và dữ liệu ERP đã chuẩn hóa, nhằm tối ưu hóa công tác giám sát vận hành và quản trị điều hành.

**2 | Bảo trì dự báo (Predictive Maintenance)**

Nghiên cứu và áp dụng AI để phân tích dữ liệu cảm biến từ các Tuabin gió, Pin năng lượng,... phát hiện sớm các hư hỏng tiềm ẩn.

**Sự kết hợp giữa năng lượng sạch và công nghệ thông minh không chỉ là một mục tiêu chiến lược, mà là cam kết của Công ty đối với sự PTBV. Việc làm chủ nền tảng số giúp Công ty tối ưu hóa hiệu suất vận hành tại các NM NLTT, hướng tới mục tiêu cung cấp nguồn năng lượng xanh và ổn định cho cộng đồng.**

# Phát triển dự án NLTT

**Với mục tiêu trở thanh tổ chức phát triển tối ưu các loại hình NLTT, GEC đặt trọng tâm vào việc liên tục trau dồi và phát triển năng lực trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị ngành. Với bề dày 35 năm kinh nghiệm thực tiễn, GEC luôn đề cao sự gắn kết giữa tư duy chiến lược và thực tiễn doanh nghiệp, giữa kỹ năng chuyên môn và tốc độ triển khai dự án. Sự kết hợp này không chỉ đảm bảo tiến độ vận hành các DA mà còn tối ưu hóa khả năng thích ứng của GEC trước các biến động pháp lý, bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp và CĐ.**

## DẤU ẤN NỔI BẬT NĂM 2025

### TIÊN PHONG TRONG CÔNG TÁC ĐÀM PHÁN GIÁ

Năm 2025 đánh dấu bước tiến quan trọng của GEC trong công tác đàm phán giá điện và PPA cho các DA đã và đang triển khai của Công ty với EVN. Đối với hai DA thuộc cơ chế giá chuyển tiếp là Tân Phú Đông 1 và trụ A7 của VPL, đã vận hành theo giá tạm bằng 50% giá trần, quy định tại QĐ 21/QĐ-BCT ngày 07/01/2023, từ giữa năm 2023, sau một thời gian nỗ lực đàm phán, cung cấp bổ sung hồ sơ chứng minh, đội ngũ phát triển DA của GEC đã thành công thống nhất giá điện và ký kết hợp đồng mua bán điện với mức giá tiệm cận giá trần, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả DA.

Thành quả này không chỉ đảm bảo hiệu quả tài chính tối ưu cho các DA mà còn tạo tiền lệ tích cực trên thị trường. Đặc biệt, DA Tân Phú Đông 1 chính là DA Điện Gió theo cơ chế giá chuyển tiếp đầu tiên thống nhất được giá điện chính thức tại thị trường Việt Nam vào ngày 26/3/2025.

Phát huy bề dày kinh nghiệm và kỹ năng đàm phán chuyên sâu, đội ngũ Phát triển DA đã vận dụng linh hoạt các quy tắc đàm phán trong công tác phát triển DA và chuẩn bị hồ sơ đàm phán phù hợp cho các DA đang phát triển. Ngày 24/12/2025, GEC cũng là đơn vị đầu tiên đã đàm phán thành công giá điện cho DA Điện Gió VPL giai đoạn 2 (30 MW) theo khung giá quy định tại QĐ số 1508/QĐ-BCT ngày 30/5/2025. Với mức giá tiệm cận giá trần, DA đã kiện toàn các điều kiện cần thiết để thu xếp vốn đầu tư, ký kết các hợp đồng tổng thầu, mua thiết bị, tạo tiền đề vững chắc để khởi công và đảm bảo mục tiêu vận hành vào Quý IV/2026.

### TÍN HIỆU TÍCH CỰC TRONG PHÁT TRIỂN THEO CƠ CHẾ DPPA

Bên cạnh khách hàng truyền thống là EVN, GEC cũng đã chủ động nghiên cứu tiềm kiếm cơ hội hợp tác với các khách hàng tiêu thụ điện lớn khác thông qua cơ chế mua bán điện trực tiếp DPPA từ năm 2020. Ngày 14/11/2025, CTCP TTC Đức Huệ Long An, công ty con 100% vốn của GEC, đã hoàn thành ký kết thoả thuận sơ bộ bán toàn bộ 100% sản lượng điện của DA điện mặt trời Đức Huệ 2 với Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên. Hai bên hiện đang nỗ lực cùng các cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện hồ sơ sẵn sàng đưa DA vào vận hành theo cơ chế DPPA trong Quý II/2026.

Trước làn sóng chuyển dịch xanh toàn cầu và các tiêu chuẩn khắt khe như RE100 hay Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Carbon (CBAM) của thị trường châu Âu, GEC xác định đây là thời điểm vàng để đồng hành cùng các doanh nghiệp FDI. Trong giai đoạn tới, Công ty sẽ tiếp tục mở rộng danh mục DA phù hợp với cơ chế DPPA, đáp ứng nhu cầu điện sạch đang tăng cao, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp xuất khẩu và hỗ trợ chính sách thu hút dòng vốn FDI xanh của Chính phủ.



# CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỜI GIAN TỚI

## ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC:

### A TỐI ƯU HÓA TỔNG MỨC ĐẦU TƯ VÀ GIẢM TỔN THẤT SẢN LƯỢNG:

Trong giai đoạn tới, chiến lược phát triển danh mục năng lượng của GEC sẽ tập trung vào tối ưu hóa tổng mức đầu tư thông qua 2 hình thức:

- Đầu tư công nghệ sản xuất điện tiên tiến, chất lượng cao và bền bỉ với hiệu suất chuyển đổi điện năng cao, đường cong công suất vượt trội nhằm làm giảm số lượng tấm pin PV và tua bin gió, từ đó tối ưu hóa chi phí đất và đền bù giải phóng mặt bằng mà vẫn đảm bảo sản lượng điện năng thiết kế.
- Tập trung phát triển DA tại các khu vực có hạ tầng lưới điện thuận lợi, tận dụng tối đa hệ thống hạ tầng dùng chung với các DA hiện hữu để tiết giảm chi phí đấu nối và truyền tải.

Về vận hành, GEC chú trọng tối ưu hóa việc vận hành và bảo dưỡng (O&M) các NM hiện hữu để đảm bảo sản lượng đầu ra và giảm tổn thất do sự cố. Đặc biệt, Công ty chủ động nghiên cứu và thực thi các kịch bản QTRR về cắt giảm công suất từ NSMO, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả dòng tiền trước khi triển khai DA.

### B XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN VÀ CƠ CẤU VỐN HẤP DẪN:

Đặc thù của ngành năng lượng là thâm dụng vốn lớn, đặc biệt trong bối cảnh GEC đang đẩy mạnh mở rộng danh mục các DA NLTT, nhu cầu vốn dự kiến sẽ tăng trưởng nhanh chóng. Để tối ưu hóa khả năng tiếp cận thị trường vốn, GEC đã và đang triển khai các quyết sách tài chính chiến lược, bao gồm:

- Xây dựng khung tài chính xanh: tạo nền tảng tiếp cận nguồn tín dụng xanh với lãi suất ưu đãi và điều khoản linh hoạt từ các tổ chức tài chính quốc tế.
- Khẳng định năng lực tài chính qua Xếp hạng tín dụng: duy trì mức xếp hạng tín nhiệm ở mức 'A-' với triển vọng xếp hạng 'Ổn định" được đánh giá bởi FinnRatings - Đơn vị xếp hạng tín nhiệm hàng đầu Việt Nam.
- Đa dạng hóa mô hình hợp tác: chủ động liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước có nguồn vốn và kinh nghiệm dồi dào, qua đó tối ưu hóa cấu trúc vốn và nâng cao hiệu quả đầu tư.

Song song, các chính sách hỗ trợ đầu tư xanh của Chính phủ nhiều nước như ưu đãi thuế thu nhập cho tài sản xanh, cộng hưởng với cơ chế giá điện hấp dẫn và xu hướng giảm chi phí thiết bị đã làm gia tăng sức hút của các DA NLTT. Ngoài ra, theo các chuyên gia dự báo, nhu cầu vốn để phát triển nguồn điện và hệ thống lưới trong giai đoạn 2026-2030 của Việt Nam có thể đạt mức 136 - 172 tỷ USD, tương ứng với khoảng 27 tỷ USD mỗi năm. Điều này cho thấy thị trường sẽ cần lượng vốn khổng lồ từ các quỹ và tổ chức đầu tư quốc tế. Với kinh nghiệm hợp tác cùng các tập đoàn và định chế tài chính quốc tế như SK E&S, IFC và JERA, GEC sẽ tiếp tục tận dụng uy tín và thương hiệu đã được thiết lập để mở rộng quan hệ với đối tác hiện hữu và tiềm năng, đảm bảo nguồn vốn để phát triển trong giai đoạn bứt phá này. Đồng thời, GEC cũng chú trọng các hoạt động ngoài lĩnh vực cốt lõi như chương trình trao đổi tín chỉ carbon quốc tế JCM của Nhật Bản và hợp tác phát triển năng lượng xuyên quốc gia, nhằm khẳng định vị thế và mở rộng tiếp cận thị trường toàn cầu.

### C THEO DÕI CHUYỂN BIẾN GIÁ ĐIỆN:

GEC tiếp tục chủ động theo dõi biến động giá bán lẻ điện của EVN theo cơ chế điều chỉnh khung giá hằng năm và chính sách giá điện hai thành phần, từ đó xây dựng định hướng phát triển mới nhằm cạnh tranh trực tiếp với giá bán lẻ điện, đặc biệt hướng đến nhóm khách hàng FDI sản xuất thông qua cơ chế DPPA. Đồng thời, GEC cũng sẽ quan sát diễn biến khung giá phát điện của Điện Gió và Điện Mặt trời để đưa ra quyết định chiến lược về đầu tư và lựa chọn hình thức phân phối điện phù hợp (bán điện trực tiếp cho EVN hoặc thông qua DPPA) nhằm đảm bảo lợi ích kinh tế cao nhất. Nhìn chung, việc tăng giá bán lẻ điện hoặc nâng khung giá phát điện NLTT đều mang lại những tác động tích cực cho HĐKD của GEC. Minh chứng cụ thể trong năm 2025, Bộ Công Thương đã phê duyệt mức giá bán lẻ điện bình quân cho khối sản xuất tăng 4,8% theo QĐ 1279/QĐ-BCT. Sự điều chỉnh này, kết hợp với cơ chế DPPA, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp bán điện trực tiếp như GEC đưa ra mức giá phù hợp với thị trường, phục vụ khách hàng tiêu thụ điện lớn cũng như các đơn vị bán lẻ điện tại khu công nghiệp và khu chế xuất.

# HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM TRONG PHÁT TRIỂN DA

Đến năm 2030, nhằm hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng nguồn điện trong quy hoạch điện VIII điều chỉnh, GEC phấn đấu phát triển thêm danh mục gần 2.000 MW các loại hình NLTT, gồm:

| Thủy điện | Điện Gió | Điện Mặt trời | Khác |
|---|---|---|---|
| 300 MW+ | 900 MW+ | 700 MW+ | 100 MW+ |

So với công suất lắp đặt hiện tại ở mức 769 MWp, yêu cầu này đặt ra thách thức cũng như cơ hội tăng trưởng vô cùng lớn cho GEC trong khoảng thời gian 5 năm tiếp theo. Đứng trước bài toán này, GEC đã chủ động lập kế hoạch và bước đầu áp dụng bộ giải pháp chiến lược phát triển dự án, chủ yếu xoay quanh việc thúc đẩy nhanh quá trình triển khai DA và tăng cường năng lực cạnh tranh cốt lõi.

### THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG M&A VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ

Trong ngắn hạn, GEC tiếp tục thúc đẩy mạnh hoạt động M&A với loạt DA tiềm năng, phù hợp với định hướng phát triển và trọng tâm đa dạng hóa danh mục của GEC. Cách tiếp cận này giúp rút ngắn thời gian hoàn thiện thủ tục pháp lý, đảm bảo tiến độ xây dựng và nhanh chóng đưa DA vào vận hành, đáp ứng mục tiêu tăng trưởng công suất thời kỳ 2026-2030. Cụ thể, đến hiện tại, GEC đang phát triển nhiều DA điện mặt trời và sẵn sàng triển khai thi công sau khi hoàn tất các thủ tục M&A và hợp tác đầu tư. Những DA này hứa hẹn sẽ cải thiện tỷ suất hoàn vốn nội bộ và tạo động lực tăng trưởng cho GEC trong thời gian tới. Song song với các DA Điện Gió, GEC sẽ tiến hành thương thảo mua lại các DA tiềm năng để phát triển theo cơ chế bán điện cho EVN, kỳ vọng hưởng lợi từ mức giá trần đã xác định cao hơn.

### NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH

Trong tầm nhìn trung và dài hạn, chiến lược của GEC được mở rộng sang việc trau dồi năng lực đấu thầu, phát triển DA, nâng cao chuyên môn và kỹ năng đàm phán giá – coi đây là lợi thế cạnh tranh cốt lõi để đảm bảo tăng trưởng bền vững trước biến động của ngành. GEC luôn chủ động bám sát và cập nhật các quy định pháp luật về đất đai, đầu tư và điện lực để triển khai DA phù hợp với khung pháp lý. Chiến lược phát triển của GEC sẽ tập trung vào hai nhóm DA chính:

- Các DA do GEC trực tiếp đề xuất và phát triển.
- Các DA tiềm năng từ chủ đầu tư khác không còn ý định thực hiện, nhưng có thể khai thác theo cơ chế và chính sách khuyến khích mới.

# Vũng Chãi

Chương 03

# Mô hình QTCT

## SƠ ĐỒ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC

Trong năm 2025, HĐQT hoạt động phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty; đặc biệt hướng tới phù hợp với thông lệ Quản trị quốc tế, hoàn thiện mô hình Quản trị Công ty theo tiêu chuẩn ESG, E&S của IFC. Các Thành viên HĐQT hoạt động tích cực, mẫn cán; giải quyết công việc một cách trách nhiệm và chuyên nghiệp. Một số nội dung quan trọng được các Thành viên HĐQT thảo luận và thông qua trong năm vừa qua như sau:




## TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG QTCT TẠI GEC

Thực tiễn trong nước và kinh nghiệm quốc tế cho thấy, QTCT hiệu quả không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, mà còn là yếu tố quan trọng giúp Công ty củng cố niềm tin của nhà đầu tư, giảm chi phí vốn, nâng cao khả năng tiếp cận thị trường và uy tín thương hiệu, hướng tới mục tiêu PTBV.

Trong bối cảnh thị trường vốn có nhiều biến động và xu thế hội nhập ngày càng sâu rộng, việc áp dụng các chuẩn mực và thông lệ QTCT tốt theo thông lệ quốc tế là yêu cầu tất yếu đối với các doanh nghiệp niêm yết và công ty đại chúng.

Nhận thức rõ tầm quan trọng đó, GEC luôn chú trọng hoàn thiện mô hình QTCT trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam, đồng thời chủ động cập nhật và từng bước áp dụng các thông lệ quản trị tốt phù hợp với đặc thù hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty. Qua đó, GEC được đánh giá là doanh nghiệp có nền tảng QTCT tương đối vững chắc, hướng tới tính minh bạch, hiệu quả và PTBV.

Theo đó, HĐQT giao Thành viên HĐQT, Người phụ trách QTCT và Tổ Pháp chế thường xuyên theo dõi, cập nhật các quy định pháp luật, hướng dẫn và thông lệ quản trị hiện hành, bảo đảm việc áp dụng phù hợp với chiến lược và định hướng phát triển của Công ty trong từng giai đoạn. Các tiêu chuẩn về QTCT và Thông lệ quốc tế được áp dụng, cập nhật như sau:

| | Tiêu chuẩn về QTCT áp dụng | Nội dung |
|---|---|---|
| **Quy định pháp luật Việt Nam** | | |
| 1 | Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 | |
| 2 | Luật 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính | Quy định các hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực chứng khoán; tổ chức thị trường chứng khoán; quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán. |
| 3 | NĐ 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn Luật Chứng khoán | |
| 4 | NĐ 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn Luật Chứng khoán | Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. |
| **Thông lệ quốc tế** | | |
| 1 | Bộ Nguyên tắc QTCT Việt Nam 2026 | Bộ nguyên tắc QTCT Việt Nam được tinh gọn còn 9 nguyên tắc nhưng bao quát sâu rộng hơn các vấn đề của quản trị hiện đại. |

| Tiêu chuẩn về QTCT áp dụng | Nội dung |
|---|---|
| **Thông lệ quốc tế** | |
| | Những cập nhật chính của Bộ nguyên tắc QTCT Việt Nam 2026:<br>• Đổi tên thành "Bộ Nguyên tắc QTCT Việt Nam" để phù hợp với quy ước đặt tên tại nhiều quốc gia trên thế giới.<br>• Các sửa đổi đề xuất được tham chiếu tới các nguyên tắc QTCT cập nhật do G20/OECD ban hành năm 2023 cũng như các Bộ nguyên tắc QTCT mới được ban hành tại thị trường ASEAN tiên tiến và các nước phát triển khác. Những thay đổi trong quy định liên quan đến QTCT tại Việt Nam cũng được phản ánh vào Bộ nguyên tắc.<br>• Các sửa đổi đã bao gồm các vấn đề ngày càng được quan tâm là PTBV, quản trị biến đổi khí hậu, môi trường và xã hội.<br>• Bộ nguyên tắc được triển khai theo phương thức "Tuân thủ hoặc Giải thích". Việc áp dụng phương thức này là thông lệ rộng rãi trên toàn cầu và tại các quốc gia ASEAN. |
| 2 Thẻ điểm QTCT Khu vực ASEAN 2024 | Đánh giá quản trị cấp độ Doanh nghiệp dựa trên các nội dung trọng yếu: (1) Quyền và sự đối xử công bằng với các CĐ; (2) Bền vững và năng lực chống chịu (3) Minh bạch và CBTT; (4) Trách nhiệm của HĐQT. |
| 3 Bộ Nguyên tắc QTCT G20/OECD 2023 | Mục tiêu của Bộ Nguyên tắc là giúp các nhà hoạch định chính sách và nhà quản lý đánh giá và cải thiện các khuôn khổ pháp lý, quy định và thể chế về QTCT nhằm hỗ trợ niềm tin và sự toàn vẹn của thị trường, hiệu quả kinh tế, tăng trưởng bền vững, ổn định tài chính. |

Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ, ban hành các tài liệu liên quan đến QTCT và CBTT đầy đủ như sau:

- Sơ đồ tổ chức
- Điều lệ Công ty
- Quy chế nội bộ về QTCT
- Quy chế hoạt động của HĐQT
- Điều lệ UBKT
- Quy chế tổ chức hoạt động của UBKT
- Quy chế CBTT.

Các nguyên tắc QTCT không chỉ giúp củng cố niềm tin, sự tín nhiệm, bảo đảm quyền lợi dài hạn của cổ đông và các BLQ, mà còn góp phần giúp Công ty kịp thời thích ứng với những biến động kinh doanh. Đây cũng là một trong những nền tảng quan trọng của PTBV. Các nguyên tắc trong hoạt động QTCT mà Công ty đặt ra và thực hiện:

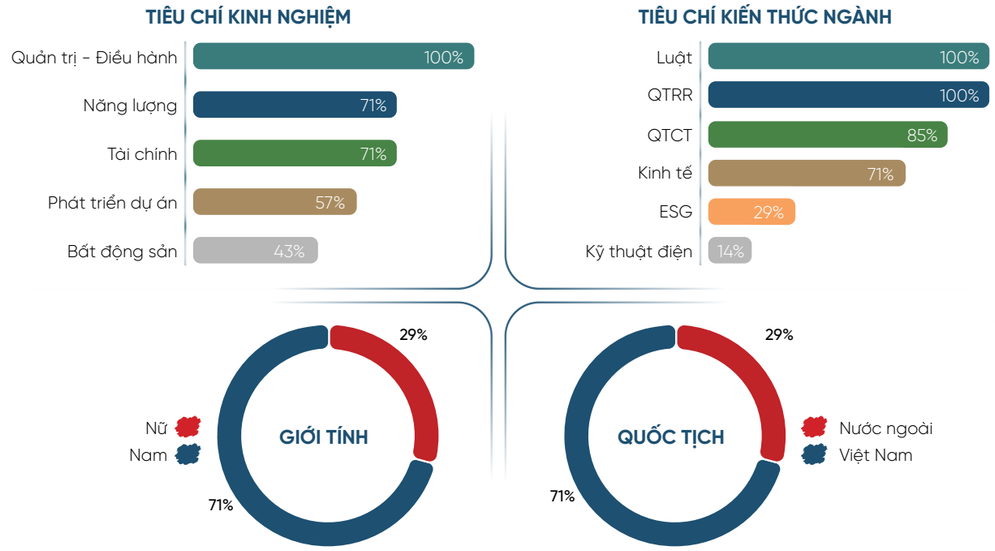
- Tuân thủ quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.
- Vận dụng linh hoạt các thông lệ tốt trên thị trường và chuẩn mực quốc tế.
- Đảm bảo cơ cấu QTCT hợp lý, hoạt động hiệu quả.
- Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông và các BLQ, đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông.
- Tăng cường tính công khai, minh bạch trong mọi hoạt động của Công ty.



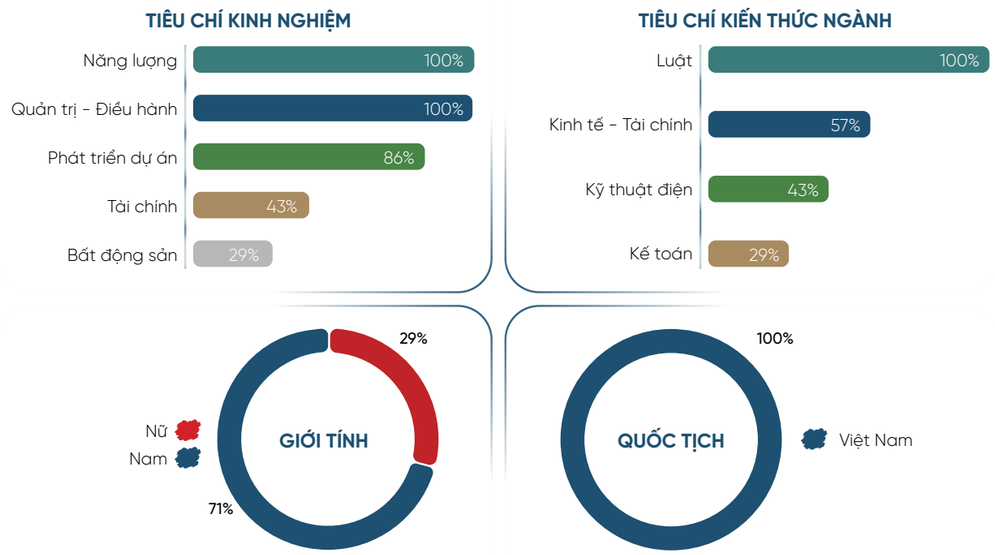


Để đạt được mục tiêu, vận hành các nguyên tắc này, HĐQT và BĐH – những người có đầy đủ năng lực, phẩm chất, không có xung đột lợi ích cá nhân với Công ty, giữ trọng trách quản trị, quản lý, xây dựng chiến lược, cơ cấu tổ chức và vận hành hoạt động Công ty được tiếp tục kiện toàn, tổ chức hợp lý cả về cơ cấu, thành phần, kinh nghiệm, kỹ năng, cũng như trau dồi nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng sự phát triển; đồng thời các thành viên HĐQT, BĐH có trình độ am hiểu chuyên nghiệp, nhiều năm kinh nghiệm không chỉ về ngành mà còn trong cả nhiều lĩnh vực liên quan đến HĐKD, thể hiện qua ma trận kỹ năng HĐQT, BĐH như sau:

## MA TRẬN KỸ NĂNG HĐQT




## MA TRẬN KỸ NĂNG BĐH



Với quy mô Công ty ngày càng lớn, hệ thống Công ty con và mức độ phức tạp, tầm quan trọng của các vấn đề cần HĐQT ra quyết định ngày càng nhiều, do đó trong năm 2025, HĐQT tiếp tục duy trì hoạt động và kiện toàn nhân sự Tiểu ban để xử lý hiệu quả, chuyên trách từng lĩnh vực, giám sát, kiểm soát hiệu quả hoạt động của BĐH, cũng như tăng cường tính khách quan và độc lập trong các phán quyết của mình, đặc biệt trong lĩnh vực lương thưởng, đề cử thành viên HĐQT, Đầu tư, Phát triển DA như: UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng; UB Đầu tư bên cạnh UBKT.

- UBKT có đầy đủ tính độc lập và chuyên môn thực hiện nhiệm vụ, Chủ tịch UBKT là Bà Nguyễn Thùy Vân - Thành viên HĐQT độc lập. Hai Thành viên còn lại là Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn và Ông Eiji Hagio cùng là Thành viên HĐQT không điều hành.

- UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng tiếp tục đảm bảo các chính sách phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển của Công ty, đồng thời đáp ứng yêu cầu minh bạch, công bằng và tạo động lực cho đội ngũ nhân sự. Chủ tịch UB là Ông Tân Xuân Hiến - Chủ tịch HĐQT. Hai Thành viên còn lại là: Bà Nguyễn Thùy Vân - Thành viên HĐQT độc lập và Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn - Thành viên HĐQT không điều hành.

- UB Đầu tư đảm bảo hiệu quả tư vấn chiến lược đầu tư, quản lý danh mục đầu tư và hiệu quả các DA đầu tư của Công ty. Chủ tịch UB cũng là Chủ tịch HĐQT - Thành viên HĐQT không điều hành. Một Phó Chủ tịch là Ông Mark Houghton Scott Leslie - Thành viên HĐQT không điều hành. Ba Thành viên còn lại là: Ông Eiji Hagio - Thành viên HĐQT không điều hành, Bà Nguyễn Thái Hà - TGĐ và Ông Nguyễn Phong Phú – Phó TGĐ.

Công ty xác định QTRR và ESG là định hướng trọng tâm cần được duy trì và nâng cao chất lượng, đóng vai trò then chốt đối với PTBV trong bối cảnh các hiện tượng thời tiết còn nhiều biến động và yêu cầu ứng phó với biến đổi khí hậu ngày càng cấp thiết trên cả ba phương diện Môi trường – Xã hội – Quản trị. Công ty định hướng khai thác và sử dụng năng lượng hiệu quả, ưu tiên các nguồn năng lượng tái tạo dồi dào như năng lượng Mặt trời, gió tự nhiên..., qua đó giảm phụ thuộc vào các nguồn năng lượng hữu hạn, hạn chế nguy cơ cạn kiệt tài nguyên, bảo đảm hoạt động ổn định và bền vững, đồng thời góp phần thực hiện các cam kết của Chính phủ về giảm phát thải khí nhà kính và thúc đẩy tăng trưởng xanh. Tiếp nối kết quả đạt được, HĐQT duy trì phân công Bà Nguyễn Thùy Vân - Thành viên HĐQT độc lập phụ trách về QTRR. Trong hoạt động ESG, Bà Nguyễn Thùy Vân và Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn được giao phụ trách nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả triển khai trong năm 2026.

## CÁC NQ/QĐ CỦA HĐQT:

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng quý và thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm xem xét, thảo luận và thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền, HĐQT đã ban hành 29 NQ trong năm, cụ thể:

| | Số NQ/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|---|---|---|---|
| 1 | 01/2025/NQ-HĐQT | 10/2/2025 | Cập nhật, bổ sung thông tin Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Chi nhánh TTC Thừa Thiên Huế của CTCP Điện Gia Lai |
| 2 | 02/2025/NQ-HĐQT | 10/2/2025 | Cập nhật, bổ sung thông tin Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp các Chi nhánh và CTTV của CTCP Điện Gia Lai |
| 3 | 03/2025/NQ-HĐQT | 26/2/2025 | Tái bổ nhiệm Trưởng phòng KTNB - Ông Lê Thái Bình |
| 4 | 04/2025/NQ-HĐQT | 12/3/2025 | Về việc triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ Thường Niên năm tài chính 2024 |
| 5 | 05/2025/NQ-HĐQT | 12/3/2025 | Thông qua các nội dung thảo luận được đề cập tại Tài liệu họp HĐQT Quý IV/2024 |
| 6 | 06/2025/NQ-HĐQT | 12/3/2025 | Phê duyệt khoản cấp tín dụng ngắn hạn từ Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai (tái cấp tín dụng) |
| 7 | 07/2025/NQ-HĐQT | 12/3/2025 | Phê duyệt khoản cấp tín dụng ngắn hạn từ Ngân Hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định (tái cấp tín dụng) |
| 8 | 08/2025/NQ-HĐQT | 31/3/2025 | Phê duyệt chủ trương chuyển nhượng cổ phần tại CTCP Thuỷ điện Trường Phú (TPH) |
| 9 | 09/2025/NQ-HĐQT | 01/4/2025 | Phê duyệt Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên Năm Tài chính 2024 |
| 10 | 10/2025/NQ-HĐQT | 24/4/2025 | Phê duyệt cập nhật, bổ sung Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên Năm Tài chính 2024 |
| 11 | 11/2025/NQ-HĐQT | 29/4/2025 | Bầu Chủ tịch HĐQT CTCP Điện Gia Lai |
| 12 | 12/2025/NQ-HĐQT | 06/6/2025 | Phân công nhiệm vụ Thành viên HĐQT tham gia các UB trực thuộc HĐQT |
| 13 | 13/2025/NQ- HĐQT | 19/6/2025 | Thông qua Báo cáo tình hình HĐKD Quý I/2025 và Kế hoạch HĐKD năm Quý II/2025 |
| 14 | 14/2025/NQ-HĐQT | 19/6/2025 | Phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT |
| 15 | 15/2025/NQ-HĐQT | 19/6/2025 | Phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025 |
| 16 | 16/2025/NQ-HĐQT | 19/6/2025 | Phê duyệt chủ trương ký kết các hợp đồng với các Bên có liên quan |
| 17 | 17/2025/NQ-HĐQT | 19/6/2025 | Phê duyệt chủ trương đầu tư DA NM Điện Gió VPL Bến Tre - Giai đoạn 2 (VPL2) |
| 18 | 18/2025/NQ-HĐQT | 19/6/2025 | Thông qua quy trình phê duyệt giao dịch với BLQ |
| 19 | 19/2025/NQ-HĐQT | 19/6/2025 | Thông qua việc Triển khai phương án mua lại Cổ phần Ưu đãi Cổ tức chuyển đổi đã phát hành năm 2022 |
| 20 | 20/2025/NQ-HĐQT | 24/7/2025 | Phê duyệt thay đổi địa chỉ và mẫu con dấu của Công ty và các đơn vị trực thuộc |
| 21 | 21/2025/NQ-HĐQT | 14/8/2025 | Sửa đổi một số điều của NQ số 19/2025/NQ-HĐQT ngày 19/06/2025 về việc thông qua việc Triển khai phương án mua lại Cổ phần Ưu đãi Cổ tức chuyển đổi phát hành năm 2022 |
| 22 | 22/2025/NQ-HĐQT | 10/9/2025 | Thông qua Báo cáo tình hình HĐKD Quý II/2025 và Kế hoạch HĐKD năm Quý III/2025 |
| 23 | 23/2025/NQ-HĐQT | 30/9/2025 | Thông qua chủ trương phát triển DA Thủy điện tại Công ty Con |

| Số NQ/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|---|---|---|
| 24 24/2025/NQ-HĐQT | 20/10/2025 | Phê duyệt chủ trương M&A DA Điện Mặt trời |
| 25 25/2025/NQ-HĐQT | 27/10/2025 | Thông qua chủ trương hợp tác đầu tư và nhận chuyển nhượng (M&A) DA Thủy điện tại Công ty Con |
| 26 26/2025/NQ-HĐQT | 13/11/2025 | Chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt cho Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi cổ tức chuyển đổi |
| 27 27/2025/NQ-HĐQT | 08/12/2025 | Phê duyệt chủ trương triển khai kế hoạch đầu tư phát triển DA Điện Mặt trời tại Huế |
| 28 28/2025/NQ-HĐQT | 22/12/2025 | Thông qua Tình hình HĐKD Quý III/2025, kế hoạch HĐKD Quý IV/2025 và kế hoạch HĐKD năm 2026 |
| 29 29/2025/NQ-HĐQT | 31/12/2025 | Trích lập dự phòng khoản phải thu quá hạn theo yêu cầu của kiểm toán |

## THỐNG KÊ CUỘC HỌP VÀ THƯ LẤY Ý KIẾN HĐQT

Thực hiện quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trong năm 2025, HĐQT tiến hành 13 lần lấy ý kiến bằng văn bản, duy trì 4 cuộc họp định kỳ hàng quý nhằm đánh giá kết quả hoạt động của quý trước, thảo luận và thông qua các kế hoạch SXKD của quý tiếp theo.

| Cuộc họp HĐQT định kỳ | Ngày gửi tài liệu | Ngày tổ chức họp | Nội dung thảo luận |
|---|---|---|---|
| 1 Cuộc họp HĐQT Quý IV/2024 | 24/2/2025 | 11/3/2025 | Về việc triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ Thường Niên năm tài chính 2024<br>Thông qua các nội dung thảo luận được đề cập tại Tài liệu họp HĐQT Quý IV/2024<br>Phê duyệt khoản cấp tín dụng ngắn hạn từ Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai (tái cấp tín dụng)<br>Phê duyệt khoản cấp tín dụng ngắn hạn từ Ngân Hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định (tái cấp tín dụng) |
| 2 Cuộc họp HĐQT Quý I/2025 | 03/6/2025 | 18/6/2025 | Thông qua Báo cáo tình hình HĐKD Quý I/2025 và Kế hoạch HĐKD năm Quý II/2025<br>Phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT<br>Phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025<br>Phê duyệt chủ trương ký kết các hợp đồng với các Bên có liên quan<br>Phê duyệt chủ trương đầu tư DA NM Điện Gió VPL Bến Tre - Giai đoạn 2 (VPL2)<br>Thông qua quy trình phê duyệt giao dịch với BLQ<br>Thông qua việc Triển khai phương án mua lại Cổ phần Ưu đãi Cổ tức chuyển đổi đã phát hành năm 2022 |
| 3 Cuộc họp HĐQT Quý II/2025 | 26/8/2025 | 09/9/2025 | Thông qua Báo cáo tình hình HĐKD Quý II/2025 và Kế hoạch HĐKD năm Quý III/2025 |
| 4 Cuộc họp HĐQT Quý III/2025 | 03/11/2025 | 18/12/2025 | Thông qua Tình hình HĐKD Quý III/2025, kế hoạch HĐKD Quý IV/2025 và kế hoạch HĐKD năm 2026 |



| Nội dung | | Đơn vị | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| Cuộc họp HĐQT định kỳ | Số lần họp/năm | Cuộc họp | 4 | 4 | 4 |
| | Tỷ lệ tham dự họp + ủy quyền | % | 100% | 100% | 100% |
| Lấy ý kiến HĐQT | Số lần lấy ý kiến/năm | Lần | 14 | 15 | 13 |
| | Tỷ lệ phản hồi | % | 100% | 100% | 100% |
| Tổng số NQ HĐQT ban hành | NQ HĐQT đã ban hành | NQ | 32 | 27 | 29 |

## ĐÀO TẠO VỀ QTCT

Trong năm 2025, Thành viên HĐQT, BĐH và Thư ký Công ty đã tham gia nhiều chương trình đào tạo, hội thảo và diễn đàn chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp, PTBV, tài chính xanh và ESG nhằm nâng cao năng lực quản trị, cập nhật chính sách và bắt kịp các xu hướng phát triển mới, cụ thể:

- Diễn đàn "Vì một mùa Đại hội đồng cổ đông đổi mới" năm 2025
- Lễ phát động Chương trình CSI 2025
- Hội thảo NQ 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân: Cơ hội nào cho các Doanh nghiệp Niêm yết và Công ty Đại chúng?
- Chương trình tập huấn về Bộ Chỉ số Doanh nghiệp Bền vững Việt Nam (CSI) 2025
- Hội thảo Tài chính Bền vững Việt Nam 2025: Hướng tới Chuẩn mực Xanh Quốc tế và Việt Nam
- Hội thảo Tài chính xanh Việt Nam 2025: Kiến tạo tương lai bền vững
- Hội thảo Các Chuỗi cung ứng quan tâm thế nào đến chương trình "Sử dụng nước" và Công bố thông tin về sử dụng nước trong Báo cáo Phát triển Bền vững
- Diễn đàn ESG Việt Nam 2025
- Hội nghị doanh nghiệp niêm yết 2025
- Hội thảo Kiến tạo & Dẫn dắt Chuyển đổi Bền vững: Tài chính – Nhân lực trong Kỷ nguyên AI.

# Đánh giá của HĐQT đối với hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

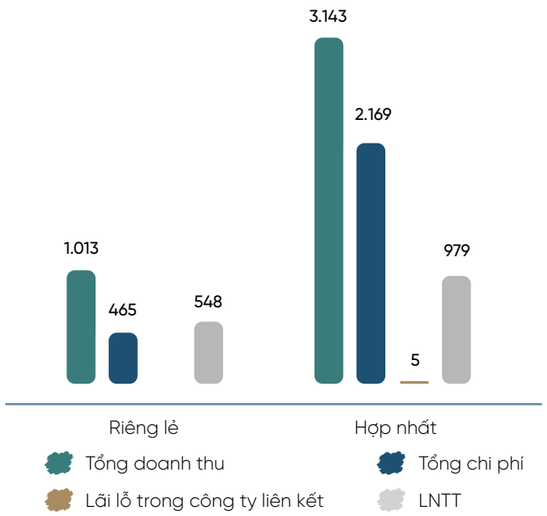
Trong năm 2025, HĐQT hoạt động phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty; đặc biệt hướng tới phù hợp với thông lệ Quản trị quốc tế, hoàn thiện mô hình QTCT theo tiêu chuẩn ESG, E&S của IFC. Các Thành viên HĐQT hoạt động tích cực, mẫn cán; giải quyết công việc một cách trách nhiệm và chuyên nghiệp. Một số nội dung quan trọng được các Thành viên HĐQT thảo luận và thông qua trong năm vừa qua như sau:

- Sau khi ĐHĐCĐ Năm tài chính 2024 tái bổ nhiệm và bầu bổ sung 4 Thành viên HĐQT, HĐQT đã triển khai bầu Chủ tịch và phân công nhiệm vụ cho các Thành viên HĐQT
- Các Thành viên HĐQT tham gia hầu hết các cuộc họp cũng như phản hồi tương đối đầy đủ về các nội dung lấy ý kiến HĐQT
- Đóng góp ý kiến, thông qua chủ trương hợp tác đầu tư, nhận chuyển nhượng và phát triển các DA NLTT tại GEC và các CTTV
- Thông qua nội dung cập nhật, bổ sung thông tin Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; thay đổi địa chỉ và mẫu con dấu của Công ty, Chi nhánh và các Đơn vị trực thuộc theo địa giới hành chính sau sáp nhập
- Thông qua quy trình phê duyệt giao dịch cũng như chủ trương ký kết các hợp đồng với Bên có liên quan
- Phê duyệt chủ trương chuyển nhượng cổ phần tại CTCP Thủy điện Trường Phú
- Triển khai phương án mua lại cổ phần ưu đãi cổ tức chuyển đổi để hoàn lại phần vốn góp của CĐ sở hữu cổ phần ưu đãi
- Chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt cho CĐ sở hữu Cổ phần ưu đãi cổ tức chuyển đổi
- Hoàn thành công việc theo phân công nhiệm vụ trên tinh thần trách nhiệm vì sự phát triển của Công ty, phối hợp hiệu quả với UBKT để đảm bảo các hoạt động của Công ty minh bạch
- Tổ chức CBTT đầy đủ theo quy định.

GEC hiện đang sở hữu danh mục DA đang vận hành và phát triển với 24 NM Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Gió và Hệ thống Điện Mặt trời Áp mái tại nhiều tỉnh thành trên cả nước, với tổng công suất đạt 769 MWp. Kết thúc năm tài chính 2025, sau khi hoàn tất việc mua lại 7.704.000 cổ phiếu để hoàn lại phần vốn góp của CĐ sở hữu cổ phần ưu đãi, Vốn Điều lệ GEC đạt 4.148 tỷ đồng.

Về kết quả hoạt động SXKD, nhờ kết quả đàm phán giá điện cho các DA NM Điện Gió chuyển tiếp và hoàn thành chuyển nhượng cổ phần tại CTCP Thủy điện Trường Phú, Công ty ghi nhận Tổng Doanh thu hợp nhất năm 2025 đạt 3.143 tỷ đồng, trong đó, doanh thu chủ yếu đến từ hoạt động bán điện, chiếm khoảng 98% tổng doanh thu, phần còn lại đến từ hoạt động cung cấp dịch vụ và thiết bị. LNTT hợp nhất đạt 979 tỷ đồng, vượt 26% so với kế hoạch đề ra.

**KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025**




Các NM Điện được kiểm soát tốt để đảm bảo công tác vận hành hiệu quả. Công tác bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa định kỳ các NM Điện được thực hiện theo kế hoạch, góp phần đảm bảo vận hành liên tục thông suốt, thời gian khắc phục sự cố được rút ngắn để hạn chế thiệt hại do dừng máy. Chi phí quản lý vận hành, sửa chữa theo kế hoạch được kiểm soát và tiết giảm ở mức tối ưu.

Cũng trong năm 2025, Công ty đã tiến hành khởi công xây dựng DA NM Thủy điện Ea Tih (8,6 MW) tại tỉnh Đắk Lắk, DA Điện Mặt trời Đức Huệ 2 (49 MWp) tại tỉnh Tây Ninh, và hoàn tất ký thỏa thuận khung về giá bán điện cho DA Điện Gió VPL 2 (30 MW) tại tỉnh Vĩnh Long. Trong đó, DA Điện Mặt trời Đức Huệ 2 được kỳ vọng là DA chủ động đón đầu các cơ chế - chính sách mới, áp dụng cơ chế mua bán điện trực tiếp (DPPA) với nhiều lợi thế so với phương án bán điện truyền thống.

## HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BĐH

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với BĐH của Công ty được thực hiện đúng theo quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. Trong năm 2025, ngoài 4 phiên họp định kỳ, 13 nội dung được trao đổi theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, các Thành viên HĐQT còn tham dự các phiên họp giao ban mở rộng với BĐH, thông qua các báo cáo, nhằm kịp thời hỗ trợ và đưa ra các chính sách, chủ trương đáp ứng cho công tác Quản trị, Điều hành của Công ty.

Thông qua hoạt động giám sát cho thấy:

| | |
|---|---|
| BĐH Công ty được duy trì ổn định, đứng đầu là TGĐ, 1 Phó TGĐ thường trực, 1 Phó TGĐ, GĐ Tài chính kiêm Kế toán trưởng. BĐH tổ chức điều hành hoạt động SXKD, các nội dung nhiệm vụ kế hoạch theo NQ ĐHĐCĐ Thường niên Năm Tài chính 2024 của Công ty đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, và các NQ được HĐQT thông qua. | BĐH duy trì lịch họp định kỳ hàng quý để báo cáo việc thực hiện kế hoạch và các chỉ đạo đã được đưa ra bởi HĐQT trong từng giai đoạn, đánh giá rút kinh nghiệm để điều chỉnh các giải pháp quản lý và sản xuất một cách linh hoạt và đạt hiệu quả; đồng thời, chủ động, kịp thời trao đổi, lấy ý kiến các Thành viên HĐQT đối với các nội dung phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT. |
| Các Thành viên BĐH đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo đúng quyền hạn được giao, đồng thời khai thác và sử dụng tốt các nguồn lực về vốn, tài sản, lao động và thương hiệu của Công ty. Các quyết định của BĐH được đưa ra một cách hợp lý, đúng thẩm quyền và đúng thời điểm. | HĐQT đánh giá sự tuân thủ của BĐH trong hoạt động điều hành liên tục của Công ty dựa trên các báo cáo kiểm tra của UBKT. BĐH thực hiện đầy đủ việc cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho UBKT tiếp cận, kiểm tra tình hình tài chính và các hoạt động khác của Công ty. |

## ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2026



Năm 2026 là năm bản lề trong chiến lược 5 năm giai đoạn 2026 - 2030, GEC tập trung:

- Tối ưu hóa vận hành tại các NM hiện hữu, hoàn tất thi công và đưa vào vận hành các DA theo tiến độ; đồng thời, tiếp tục xúc tiến, hoàn thiện thủ tục pháp lý cho các DA đã được phê duyệt chủ trương phát triển và triển khai thi công khi có điều kiện phù hợp
- Tiếp tục tìm kiếm, hợp tác phát triển, mở rộng danh mục DA NLTT, đa dạng loại hình năng lượng
- Tiếp tục tối ưu hóa nguồn vốn, tìm kiếm các đối tác hợp tác đầu tư, và khai thác tiềm năng từ các cơ chế tài chính xanh để đảm bảo nguồn lực phát triển các DA tiềm năng
- Tiếp tục cam kết cung cấp các giải pháp Năng lượng bền vững để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện ngày càng tăng phục vụ sản xuất và đời sống bằng cách tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường năng lực kỹ thuật
- Tập trung phát huy nguồn nhân lực trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động, bất cập; chú trọng nâng cao chuyên môn của CBNV, phát huy tinh thần trách nhiệm, nỗ lực hoàn thành các mục tiêu do ĐHĐCĐ giao phó
- Chủ động phát triển và cung cấp các dịch vụ thử nghiệm mới cho khách hàng, nghiên cứu đầu tư công nghệ, thiết bị mới để nâng cao hiệu quả hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật.

**Với những định hướng nêu trên, trong năm 2026, HĐQT sẽ tiếp tục tăng cường định hướng và giám sát chặt chẽ để đảm bảo hiệu quả kinh doanh theo kế hoạch được ĐHĐCĐ giao phó và cải thiện chế độ đãi ngộ của CBNV.**

# Đánh giá của BOD đối với hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

## KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Nhìn chung, năm 2025, ngành năng lượng Việt Nam vận hành trong bối cảnh nhu cầu điện tăng cao nhưng cơ bản được kiểm soát tốt, tạo nền tảng thuận lợi cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời đặt ra yêu cầu tiếp tục đầu tư đồng bộ nguồn và lưới điện, cũng như nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống.

### CÁC CHÍNH SÁCH BAN HÀNH NĂM 2025 ẢNH HƯỞNG TRỰC TIẾP ĐẾN NGÀNH NĂNG LƯỢNG

**Quy hoạch, chiến lược và định hướng phát triển ngành điện:**

- QĐ số 768/QĐ-TTg (15/4/2025): Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- QĐ số 1415/QĐ-TTg (30/6/2025): Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành điện lực Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- NQ số 253/2025/QH15 (11/12/2025): Quy định các cơ chế, chính sách phát triển năng lượng quốc gia giai đoạn 2026-2030.

**Cơ chế giá bán lẻ điện và điều chỉnh giá điện:**

- NĐ số 72/2025/NĐ-CP (28/3/2025): Quy định cơ chế và thời gian điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân.
- QĐ số 07/2025/QĐ-TTg (31/3/2025): Quy định khung giá bán lẻ điện bình quân, bao gồm mức giá tối thiểu và tối đa.

**Cơ chế và phương pháp xác định giá phát điện:**

- TT số 09/2025/TT-BCT (01/2/2025): Quy định hồ sơ, trình tự, phương pháp xác định và phê duyệt khung giá phát điện cho các loại nguồn điện, bao gồm NLTT và điện nhập khẩu.
- TT số 12/2025/TT-BCT (01/2/2025): Quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phát điện, nguyên tắc xác định giá điện thực hiện DA điện lực và nội dung hợp đồng mua bán điện.
- QĐ số 1198/QĐ-BCT (26/4/2025): Phê duyệt khung giá phát điện cho NM Thủy điện tích năng năm 2025.
- QĐ số 1508/QĐ-BCT (30/5/2025): Ban hành khung giá phát điện tối đa đối với Điện Gió trên đất liền và gần bờ theo các miền Bắc, Trung và Nam.

**NĐ hướng dẫn Luật Điện lực:**

- NĐ số 56/2025/NĐ-CP (03/3/2025): Hướng dẫn triển khai một số điều của Luật Điện lực liên quan đến quy hoạch phát triển điện lực, phát triển lưới điện, kế hoạch đầu tư và đấu thầu lựa chọn NĐT.
- NĐ số 58/2025/NĐ-CP (03/3/2025): Hướng dẫn Luật Điện lực liên quan đến phát triển NLTT và các loại hình điện mới.
- NĐ số 57/2025/NĐ-CP (03/3/2025): Quy định cơ chế mua bán điện trực tiếp (DPPA) giữa NM NLTT và khách hàng sử dụng điện lớn thông qua lưới điện riêng hoặc lưới điện quốc gia. Dự thảo sửa đổi, bổ sung NĐ này đã được Bộ Công Thương lấy ý kiến từ tháng 10/2025 nhằm hoàn thiện cơ chế DPPA và tháo gỡ vướng mắc trong thực tiễn, tuy nhiên, tính đến thời điểm này vẫn chưa được ban hành.

## THUẬN LỢI

- Với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, điều hành trách nhiệm của BĐH cùng sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ CBNV giàu kinh nghiệm, có chuyên môn cao trong lĩnh vực NLTT, Công ty đã bảo đảm công tác quản lý, vận hành an toàn và hiệu quả các NM Điện đang hoạt động, đồng thời tích cực nghiên cứu, tìm kiếm và chuẩn bị các cơ hội đầu tư mới, phù hợp với định hướng phát triển dài hạn.
- Song song đó, Công ty tiếp tục nhận được sự đồng hành và hỗ trợ từ các định chế tài chính và ngân hàng lớn, với điều kiện tín dụng và lãi suất cạnh tranh, qua đó nâng cao năng lực tài chính và khả năng triển khai các DA.
- Bên cạnh đó, khung pháp lý và cơ chế chính sách trong lĩnh vực NLTT đang tiếp tục được hoàn thiện đảm bảo tính minh bạch và đồng bộ, từ đó tạo nền tảng thuận lợi cho doanh nghiệp chủ động xây dựng chiến lược đầu tư, mở rộng quy mô hoạt động và PTBV trong trung và dài hạn.

## KHÓ KHĂN

- Quy hoạch điện VIII ban hành chậm và sau đó thực hiện điều chỉnh, làm ảnh hưởng đến tiến độ DA và kế hoạch mở rộng công suất của doanh nghiệp.
- Các cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn liên quan vẫn đang trong quá trình hoàn thiện; đồng thời, việc sáp nhập một số tỉnh/địa phương kéo theo điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh, làm chậm quá trình cấp chủ trương đầu tư và lựa chọn NĐT cho các DA NLTT.
- Diễn biến thời tiết bất lợi, các đợt bão lũ liên tiếp trong năm 2025, cùng với tình trạng hư hỏng một số tuyến đường dây và hệ thống truyền tải điện của EVN, đã ảnh hưởng nhất định đến công tác vận hành và khả năng phát điện của các NM NLTT.

**780–900**
tỷ USD
**Quy mô GDP dự kiến vào năm 2030**

**10%**
**Tốc độ tăng trưởng GDP dự kiến 2026 - 2030**

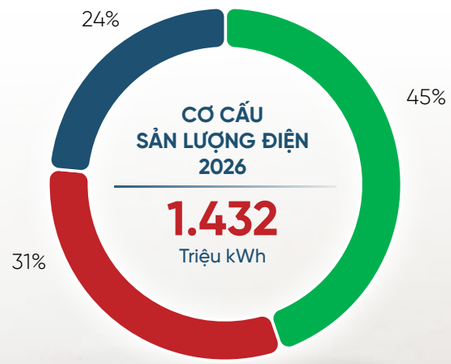
**3.107**
tỷ đồng
**Tổng Doanh thu dự kiến 2026 xấp xỉ năm 2025**

**460**
tỷ đồng
**LNTT dự kiến 2026 vượt 1% so với năm 2025 trong cùng điều kiện vận hành**

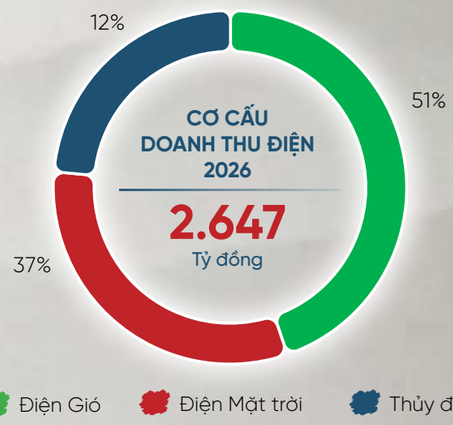
## KẾ HOẠCH NĂM 2026

Giai đoạn 2026-2030, Việt Nam đặt mục tiêu duy trì tăng trưởng GDP bình quân từ 10%/năm, quy mô nền kinh tế đạt 780-900 tỷ USD vào năm 2030, kiểm soát lạm phát khoảng 4% và đẩy mạnh chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kinh tế số, chuyển đổi năng lượng và kinh tế xanh được xác định là các động lực tăng trưởng mới, cùng với sự phục hồi của đầu tư tư nhân và triển khai các DA hạ tầng trọng điểm.

Đà tăng trưởng kinh tế, mở rộng sản xuất công nghiệp, phát triển hạ tầng và kinh tế số dự kiến sẽ làm gia tăng mạnh nhu cầu năng lượng, đặc biệt là điện cho khu công nghiệp, trung tâm dữ liệu và đô thị. Yêu cầu bảo đảm an ninh năng lượng, ổn định hệ thống và thực hiện cam kết giảm phát thải sẽ thúc đẩy phát triển nguồn điện tái tạo, lưới truyền tải và các giải pháp lưu trữ trong trung - dài hạn. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn đối mặt với các rủi ro từ biến động kinh tế toàn cầu, áp lực chi phí chuyển đổi xanh, điểm nghẽn thể chế và tác động ngày càng rõ nét của biến đổi khí hậu, đòi hỏi sự điều hành linh hoạt và nâng cao năng lực QTRR của doanh nghiệp.




**Thủy điện** 341 Triệu kWh
**Điện Gió** 642 Triệu kWh
**Điện Mặt trời** 449 Triệu kWh




**Thủy điện** 329 Triệu kWh
**Điện Gió** 1.344 Triệu kWh
**Điện Mặt trời** 974 Triệu kWh

Trước những cơ hội và thách thức đan xen của bối cảnh kinh tế trong giai đoạn tới, Công ty chủ động xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp, tập trung kiểm soát rủi ro và tối ưu hiệu quả hoạt động.

## HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH ĐIỆN NĂNG

Để thực hiện hoàn thành kế hoạch Sản lượng và Doanh thu, Công ty sẽ thực hiện một số giải pháp trọng tâm sau:

- Đưa vào vận hành NM Điện Mặt trời Đức Huệ 2 (Quý II/2026) và NM Điện Gió VPL2 (Quý IV/2026).
- Tiếp tục củng cố công tác vận hành tối ưu các NM Điện. Chủ động thực hiện công tác kiểm tra tình hình vận hành, thiết bị tại các cơ sở sản xuất để phát hiện, xử lý kịp thời, ngăn ngừa, giảm thiểu sự cố. Nghiên cứu thiết kế, cải tiến, thực hiện các giải pháp kỹ thuật hợp lý hóa, tối ưu và nâng cao tính an toàn, tin cậy trong sản xuất.
- Thực hiện và kiểm soát tốt kế hoạch sửa chữa năm trên cơ sở đảm bảo cho SXKD và tối ưu chi phí. Triển khai các hạng mục bảo trì, bảo dưỡng trên cơ sở cân đối ngân sách phù hợp với tình hình thực tế.
- Phân tích, đánh giá hiệu suất vận hành, đồng thời đảm bảo hệ số hoạt động như: hệ số an toàn thiết bị, hệ số sẵn sàng... luôn duy trì mức cao nhất. Chủ động rà soát và dự báo khả năng phát sinh rủi ro trong quá trình vận hành nhằm giảm thiểu thời gian dừng máy do sự cố ở mức thấp nhất.
- Tiếp tục tìm kiếm DA hiệu quả để xây dựng phương án hợp tác đầu tư, M&A đồng thời triển khai vào thời điểm phù hợp để bổ sung Doanh thu và đa dạng danh mục NLTT cho Công ty.

## HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Đẩy mạnh triển khai Dịch vụ Kỹ thuật, Thí nghiệm, Quản lý vận hành, Cung cấp thiết bị cho các khách hàng nội bộ, đồng thời mở rộng hoạt động cung cấp dịch vụ hướng tới các Đơn vị bên ngoài khi thị trường NLTT đặc biệt là Điện Mặt trời Áp mái phát triển đáp ứng nhu cầu tiêu dùng điện của khách hàng trong nước.
- Đảm bảo công tác vận hành hiệu quả cho toàn bộ các NM Điện, tiếp tục thực hiện chương trình kiểm tra định kỳ hiện trạng vận hành các NM. Nghiên cứu các phương án kiểm soát việc tuân thủ thực hiện theo kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ của các NM.
- Hoàn thành các giải pháp công nghệ và hợp lý hóa sản xuất, gia tăng hiệu quả cho các NM.
- Tiếp tục phát huy vai trò quản lý kỹ thuật năng lượng tại các NM/DA, đảm bảo hoạt động an toàn, ổn định và hiệu quả.

## HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- Bám sát các chính sách/quy định về kế toán/thuế hiện hành để đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, chủ động trong công tác kế hoạch, định hướng hoạt động tài chính để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu chiến lược 2026, tầm nhìn đến 2030.
- Tối ưu hóa công tác quản lý dòng tiền nhằm tối ưu chi phí vốn của GEC và các CTTV.
- Trong trường hợp thuận lợi, sẽ đánh giá và tái cấu trúc vốn đầu tư tại các DA để nâng cao chỉ số tài chính, đồng thời kết hợp xem xét tái đầu tư vào các DA NLTT mới.

## HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ DA

- Phát triển DA NLTT mới phù hợp với Quy hoạch Điện VIII và Quy hoạch Điện VIII điều chỉnh, cũng như kế hoạch triển khai Quy hoạch tại các tỉnh.
- Tiếp tục nghiên cứu phát triển các loại hình NLTT tại các tỉnh, thực hiện phân kỳ đầu tư cũng như áp dụng công nghệ phù hợp, đảm bảo hiệu quả đầu tư.
- Tăng cường hợp tác đầu tư, tham gia đấu thầu và thực hiện M&A các DA NLTT tiềm năng tại các địa phương nhằm mở rộng và phát triển danh mục đầu tư, gia tăng quy mô vận hành hướng đến mang lại giá trị cao hơn cho CĐ
- Tiếp tục thi công xây dựng DA đang triển khai theo tiến độ.
- Tiếp tục tìm kiếm, mở rộng quan hệ với các Đơn vị/Tổ chức có năng lực tài chính, kinh nghiệm và chuyên môn trong lĩnh vực NLTT để hợp tác phát triển các DA mới.

## CÔNG TÁC NHÂN SỰ

- Tuân thủ đầy đủ và kịp thời các quy định mới của pháp luật về lao động, tiền lương và các chính sách liên quan; đồng thời rà soát, cập nhật hệ thống quy chế nội bộ nhằm bảo đảm tính phù hợp và tuân thủ.
- Tiếp tục rà soát, củng cố và xây dựng thêm các chính sách về nhân sự đảm bảo phù hợp với mục tiêu định hướng hoạt động của Công ty; phù hợp với tình hình chung của thị trường theo ngành nghề.
- Tiếp tục chuẩn hóa hệ thống đánh giá hiệu quả công việc với mục tiêu công bằng - công khai.
- Quan tâm đến các chính sách đảm bảo sức khỏe cho CBNV, an toàn lao động. Thực hiện rà soát và điều chỉnh các chế độ phúc lợi dành cho người lao động đầy đủ và kịp thời.
- Tiếp tục chú trọng, đầu tư cho công tác đào tạo nhằm đảm bảo điều kiện hoạt động cũng như nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao kỹ năng, xây dựng đội ngũ lao động chuyên nghiệp, có khả năng thích nghi với sự thay đổi và chấp nhận những thách thức, luôn nỗ lực hoàn thiện để cải tiến năng suất lao động mang lại hiệu quả trong kinh doanh, góp phần quan trọng vào sự phát triển của Công ty.

## CÔNG TÁC TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

- Triển khai các giải pháp huy động vốn nhằm đảm bảo nguồn vốn giải ngân đáp ứng nhu cầu phát triển trong năm 2026 và các năm tiếp theo như VCSH, Vốn vay tại các Tổ chức tín dụng, huy động các Nguồn vốn Xanh quốc tế để gia tăng năng lực tài chính, đảm bảo thanh khoản, đầu tư vào các DA NLTT, hướng đến hoàn thành mục tiêu chiến lược của Công ty.
- Tiếp tục tìm kiếm, mở rộng mối quan hệ với các tổ chức tín dụng, định chế tài chính trong và ngoài nước để tối ưu nguồn vốn chi phí tốt cho các DA NLTT.
- Nâng cao kiểm tra, kiểm soát về chi phí, giá thành theo hướng tối ưu và hiệu quả hơn đồng thời đảm bảo thanh khoản cũng như các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

# Hoạt động Quản trị công ty minh bạch tại GEC

## PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA GEC DỰA TRÊN BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY VIỆT NAM 2026

Bộ Nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất là một tập hợp các nguyên tắc và khuyến nghị về thực hành QTCT theo thông lệ tốt, được xây dựng trên cơ sở tham chiếu các chuẩn mực và thông lệ quốc tế, đặc biệt là Nguyên tắc QTCT của OECD/G20. Bộ Nguyên tắc lần đầu được công bố vào năm 2019, hướng tới việc hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam từng bước tiệm cận các thông lệ quản trị phổ biến trong khu vực và quốc tế, trong bối cảnh nhiều quốc gia ASEAN đã áp dụng các bộ nguyên tắc QTCT như là yêu cầu bắt buộc từ sớm.

Kể từ khi ban hành Bộ Nguyên tắc QTCT 2019, bối cảnh thị trường vốn Việt Nam đã có nhiều thay đổi quan trọng. Nguyên tắc Quản trị Công ty OECD/G20 phiên bản tháng 10 năm 2023 được cập nhật sửa đổi với Nguyên tắc mới nhấn mạnh vào "Tính bền vững và năng lực chống chịu" của Doanh nghiệp. Mục tiêu nâng hạng thị trường chứng khoán, cùng với yêu cầu thu hút dòng vốn dài hạn đáp ứng kỳ vọng từ các nhà đầu tư có trách nhiệm, đặt ra áp lực ngày càng lớn đối với chất lượng QTCT tại doanh nghiệp niêm yết. Do đó, việc cập nhật thành Bộ Nguyên tắc QTCT Việt Nam 2026 không chỉ nhằm phản ánh các thay đổi về chuẩn mực quốc tế và khung pháp lý trong nước, mà còn đánh dấu sự chuyển dịch về vị thế của Bộ Nguyên tắc: từ một tập hợp các thông lệ tốt mang tính tham chiếu, khuyến nghị sang một Bộ Nguyên tắc mang tính chuẩn mực quốc gia, gắn liền với trách nhiệm giải trình của Doanh nghiệp và được thực hiện theo cơ chế "Tuân thủ hoặc giải trình".

### PHẦN 1: TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thực hiện tốt | Thực hiện khá | Thực hiện trung bình | Không xảy ra trường hợp này tại GEC

### NGUYÊN TẮC 1 - THIẾT LẬP RÕ VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM, VÀ CAM KẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| Khuyến nghị | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|
| 1.1 HĐQT xác định rõ ràng và công bố toàn bộ các vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình | **Quy chế hoạt động của HĐQT cần được ĐHĐCĐ thông qua và công bố công khai trên website của công ty.**<br>1 • Quy chế hoạt động của HĐQT được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 14/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022 của CTCP Điện Gia Lai, được công bố công khai trên website của Công ty.<br>**HĐQT có Quy chế hoạt động riêng, xác định rõ vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của HĐQT, được công bố trên trang Website Công ty:**<br>2 • 06/5/2021, HĐQT đã ban hành NQ 12/2021/NQ-HĐQT, có quy định rõ nhiệm vụ của từng Thành viên HĐQT<br>• 06/6/2025, HĐQT ban hành NQ 12/2025/NQ-HĐQT, phân công nhiệm vụ của từng Thành viên HĐQT tham gia vào các UB trực thuộc HĐQT | |
| 1.2 HĐQT cần phải xem xét và định hướng chiến lược, tầm nhìn và sứ mệnh công ty, các kế hoạch hoạt động lớn, ngân sách và kế hoạch kinh doanh hàng năm; đặt ra các mục tiêu hoạt động; theo dõi việc thực hiện mục tiêu và hoạt động của công ty; và giám sát các hoạt động đầu tư, thâu tóm và thoái vốn lớn. HĐQT có trách nhiệm CBTT về cách thức thực hiện những nội dung này. | **HĐQT cần đóng vai trò chủ đạo trong xây dựng và rà soát chiến lược hàng năm của công ty, bảo đảm rà soát và cập nhật tầm nhìn và sứ mệnh nếu cần thiết.**<br>1 • BĐH thực hiện kế hoạch Ngân sách phiên bản đầu tiên tháng 10, đệ trình HĐQT chính thức vào kỳ họp HĐQT định kỳ quý 04/2024 ngày 11/3/2025 và được HĐQT chấp thuận và trình ĐHĐCĐ phê duyệt vào kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2024 ngày 29/4/2025<br>• HĐQT thành lập UB Đầu tư từ tháng 3/2023 nhằm hỗ trợ HĐQT trong công tác Quản trị các hoạt động đầu tư, phát triển, vận hành và thoái vốn của Công ty<br>**Quy chế hoạt động của HĐQT cần quy định về quy trình theo dõi, và giám sát việc thực hiện chiến lược của công ty.**<br>2 • Quyền và nhiệm vụ HĐQT được quy định rõ trong Quy chế hoạt động của HĐQT trong đó có những quyền trọng yếu để thể hiện trách nhiệm cao nhất của HĐQT: QĐ chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm; Xác định mục tiêu hoạt động cụ thể trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua | |
| 1.1 | • UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng là cơ quan trực thuộc HĐQT, có chức năng tham mưu cho HĐQT trong việc QTCT, chính sách bổ nhiệm và lương thưởng<br>• Vai trò và trách nhiệm của HĐQT còn được quy định trong các văn bản nội bộ như Quy chế tổ chức hoạt động UBKT 18/6/2021, Quy chế hoạt động của HĐQT 26/4/2022, Quy chế nội bộ QTCT 26/4/2022, Quy chế Tổ chức và Hoạt động UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng 07/12/2022, Điều lệ Công ty 22/12/2025<br>**HĐQT có trách nhiệm bảo đảm tính trung thực của hệ thống báo cáo và kế toán của công ty, bao gồm kiểm toán độc lập và bảo đảm có các hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp, tuân thủ luật pháp và các tiêu chuẩn liên quan.**<br>3 • BCTC được xây dựng hàng quý, soát xét giữa năm và kiểm toán cuối năm bởi Công ty Kiểm toán Big 4 – E&Y<br>• HĐQT với UBKT trực thuộc đã xây dựng và chuẩn hóa hệ thống kiểm soát, KTNB, đảm bảo thông tin số liệu về tài chính minh bạch và chính xác trước khi CBTT<br>**HĐQT có trách nhiệm giám sát quá trình CBTT và truyền thông của công ty. HĐQT cần thiết lập rõ ràng chức năng và trách nhiệm của HĐQT và BĐH liên quan đến CBTT và truyền thông.**<br>4 • HĐQT chú trọng công tác CBTT đầy đủ, minh bạch<br>• Bộ phận Quan hệ NĐT thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ truyền thông, cầu nối giữa GEC và CĐ/NĐT cũng như các BLQ<br>• GEC lần thứ 5 liên tiếp vào danh sách "Doanh nghiệp đạt chuẩn CBTT" do Vietstock phối hợp với Hiệp hội VAFE và Tạp chí điện tử FiLi bình chọn | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 1.2 | | **HĐQT cần bảo đảm rằng kế hoạch chiến lược của công ty hỗ trợ việc tạo ra giá trị dài hạn và bao gồm chiến lược về kinh tế, môi trường và xã hội làm nền tảng cho PTBV. Khi rà soát công tác xây dựng chiến lược, cần lưu ý đến tác động của công ty và các công ty con liên quan đến PTBV, bao gồm tác động đối với con người và môi trường:** | |
| | 3 | • Trong các cuộc họp HĐQT đều thực hiện trao đổi chiến lược, các hoạt động và kết quả QTRR bao gồm cả các Rủi ro E&S<br>• HĐQT đề cử và phân công Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn - Thành viên không Điều hành chịu trách nhiệm về các Rủi ro E&S, các vấn đề liên quan đến ESG tại GEC | |
| 1.3 | | **HĐQT phải thiết lập khẩu vị và văn hóa rủi ro, rà soát và đánh giá các chính sách và quy trình QLRR.** | |
| | 1 | • Áp dụng "Mô hình 3 Tuyến" với 4 Cấp độ tham gia. HĐQT xây dựng môi trường chính sách QTRR và thiết lập khẩu vị rủi ro phù hợp với từng thời kỳ khác nhau | |
| HĐQT cần phải rà soát và đánh giá được những rủi ro lớn mà công ty phải đối diện và những chính sách và quy trình mà BĐH phải thực hiện để theo dõi và kiểm soát những rủi ro đó. HĐQT có trách nhiệm CBTT về cách thức thực hiện những nội dung này. | | **HĐQT cần bảo đảm trách nhiệm giải trình và trách nhiệm QLRR, quy định rõ các loại và mức độ rủi ro mà công ty sẵn sàng chấp nhận để thực hiện mục tiêu, cũng như cách thức công ty sẽ QLRR thông qua các hoạt động và mối quan hệ.** | |
| | | • Giám sát, đánh giá độc lập của KTNB và UBKT nhằm đánh giá hiệu quả QTRR và đưa ra các khuyến nghị cải thiện phù hợp với môi trường và sự biến động của rủi ro | |
| | 2 | • Khung QTRR của Công ty được HĐQT và UBKT phối hợp cùng Bộ phận QTRR của BĐH rà soát ít nhất 1 lần/năm<br>• Bộ phận QTRR và BĐH báo cáo hiệu quả hoạt động QTRR, đánh giá lại Danh mục rủi ro và các đề xuất cải thiện lên UBKT ít nhất 1 lần/năm<br>• KTNB giám sát và đánh giá hiệu quả QTRR trong Công ty và gửi báo cáo độc lập định kỳ hàng năm lên UBKT<br>• UBKT rà soát báo cáo của KTNB, hiệu quả hoạt động kiểm soát, biến động trong danh mục rủi ro, hiệu quả của khung QTRR và báo cáo lên HĐQT | |
| | | **Khi rà soát rủi ro, HĐQT cần bảo đảm xem xét các vấn đề trọng yếu về PTBV, theo dõi rủi ro và cơ hội liên quan đến môi trường, xã hội và khí hậu, bảo đảm giám sát rủi ro bảo mật kỹ thuật số, rủi ro về quản lý thuế và tuân thủ thuế, nhằm bảo đảm các rủi ro tài chính, pháp lý, và danh tiếng liên quan đến thuế được xác định và đánh giá đầy đủ. Để cải thiện năng lực chống chịu, HĐQT cũng cần bảo đảm có quy trình phù hợp trong khuôn khổ khung QLRR công ty để giải quyết những rủi ro đáng kể từ bên ngoài có liên quan đến công ty** | |
| | 3 | • Năm 2025, GEC nhận diện 7 nhóm rủi ro sơ cấp có tác động chính yếu đến hoạt động của Công ty: Rủi ro Chiến lược - Thị trường - Tài chính - Vận hành và Kỹ thuật - Tuân thủ và Pháp lý - Môi trường, Xã hội và An toàn Sức khỏe (ESG) - Quản trị nội bộ. Tương ứng với các rủi ro sơ cấp, GEC cũng nhận diện ra 21 rủi ro thứ cấp đồng thời thực hiện phân tích tác động cũng như đưa ra các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa thích hợp. Chi tiết tại bài QTRR | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 1.4 | | **Thành viên HĐQT cần phải hiểu biết và thực hiện đầy đủ vai trò và trách nhiệm của HĐQT theo quy định của luật pháp và chính sách công ty.** | |
| | 1 | • HĐQT được yêu cầu nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm Quản trị, Kiểm soát theo KPI của từng Thành viên, phù hợp quy định của Luật pháp Việt Nam và bảng phân công nhiệm vụ của Thành viên HĐQT<br>• HĐQT chịu trách nhiệm trước Pháp luật về những vấn đề ra quyết định không đúng với Pháp luật Việt Nam, Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế UBKT, Quy chế UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng và Bộ QCƯX<br>• HĐQT thực hiện phân công nhiệm vụ cho Thành viên theo nhu cầu phát triển của Công ty và theo năng lực chuyên môn và sự đồng thuận của Thành viên HĐQT, CĐ và các BLQ | |
| Thành viên HĐQT cần phải thực hiện trách nhiệm trên cơ sở có đầy đủ thông tin, một cách có thiện ý và vì lợi ích cao nhất của công ty và tất cả CĐ, và có tính đến lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan khác. | | **Thành viên HĐQT cần phải áp dụng mức độ cẩn trọng tối đa trong khi thực hiện trách nhiệm theo chuẩn mực được kỳ vọng đối với một thành viên HĐQT trong những tình huống và hoàn cảnh tương tự.** | |
| | 2 | • UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng tham mưu HĐQT về việc phân công nhiệm vụ Thành viên HĐQT mới, thiết lập KPI công việc, xác định vai trò, trách nhiệm của từng Thành viên HĐQT và đánh giá hiệu quả sau 1 năm hoạt động<br>• Thành viên HĐQT thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của mình theo đúng phân công công việc của từng Thành viên HĐQT trong 2025<br>• Họp HĐQT 4 lần 1 năm để nắm bắt hoạt động và đưa ra những quyết sách phù hợp với chiến lược phát triển Công ty<br>• Triển khai 13 Thư lấy ý kiến các Thành viên HĐQT theo đúng thẩm quyền đối với các NQ HĐQT | |
| | | **Thành viên HĐQT cần tích cực tham gia giám sát hoạt động của công ty, tham gia thảo luận với các cơ quan liên quan và nỗ lực đầy đủ để thu thập thông tin liên quan đến các vấn đề được thảo luận. Các thành viên HĐQT được kỳ vọng sẽ xem xét tất cả các tài liệu được cung cấp và tìm kiếm thông tin cần thiết trước các cuộc họp HĐQT để chuẩn bị cho đóng góp hiệu quả của thành viên HĐQT trong cuộc họp HĐQT.** | |
| | 3 | • Tài liệu họp HĐQT định kỳ hàng quý và 4 lần trong năm 2025 vào tháng 3, 5, 9, 12 năm 2025 được gửi đến HĐQT trước 15 ngày họp<br>• 13 vấn đề lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản, HĐQT có 15 ngày để ra quyết định từ từng Thành viên | |
| | | **Lịch họp HĐQT phải được xây dựng trước khi bắt đầu năm tài chính. Mỗi thành viên HĐQT cần phải có trách nhiệm tham gia tất cả các cuộc họp HĐQT của công ty trong năm và đưa ra ý kiến rõ ràng về các vấn đề được thảo luận của công ty trong năm. HĐQT cần họp tối thiểu sáu lần trong năm; và các thành viên HĐQT không điều hành cần họp tối thiểu một lần mà không có sự hiện diện của các thành viên HĐQT điều hành để xem xét hoặc thảo luận các vấn đề điều hành** | |
| | 4 | • Mặc dù một số Thành viên HĐQT không thường trực tại Việt Nam, nhưng tỷ lệ dự họp trực tiếp, trực tuyến và ủy quyền của các Thành viên đều đạt 100% | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| | | • Trong 2025, Công ty tổ chức 4 cuộc họp trực tiếp với sự tham gia hầu hết của các Thành viên HĐQT (Tỷ lệ tham dự của Thành viên HĐQT tại các cuộc họp như sau: Quý IV/2024: 5/7, Quý I/2025: 5/7, Quý II/2025: 6/7, Quý III/2025: 6/7), tỷ lệ thông qua các nội dung xin ý kiến tại cuộc họp đạt 100%<br>• Trong 13 lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản, hầu hết các Thành viên đều có ý kiến đồng thuận | |
| 1.4 | 5 | **Bên cạnh việc quan tâm đến lợi ích của CĐ, HĐQT cần cân nhắc lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan khác, đặc biệt khi ra quyết định kinh doanh để hướng đến hiệu quả, PTBV, và năng lực chống chịu trong dài hạn của công ty**<br>• Quyền và nhiệm vụ HĐQT được quy định rõ trong Quy chế hoạt động của HĐQT trong đó có những quyền trọng yếu để thể hiện trách nhiệm cao nhất của HĐQT: QĐ chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm; Xác định mục tiêu hoạt động cụ thể trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua; Xây dựng và thực hiện cơ chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng...<br>• Tháng 9/2018, Công ty thành lập UBKT với vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền, cơ cấu và quy trình hoạt động được quy định cụ thể trong Điều lệ UBKT ban hành 08/3/2023. Năm 2025, UB này đã thực hiện 2 cuộc họp<br>• 13/9/2021, Công ty thành lập bổ sung UB QTCT, Bổ nhiệm, Lương thưởng, ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động ngày 07/12/2022. Năm 2025, UB này đã thực hiện 2 cuộc họp và thông qua 6 vấn đề về Nhân sự<br>• GEC ban hành 29 NQ HĐQT trong năm 2025 nhằm thực hiện 10 NQ ĐHĐCĐ<br>• Trách nhiệm trung thành của Thành viên HĐQT chỉ liên quan đến Công ty và CĐ<br>• Thành viên HĐQT không tiết lộ bất kỳ thông tin mật nào trong quá trình làm việc, không sử dụng những thông tin mật đó vì lợi ích cá nhân | |
| 1.5 Thành viên HĐQT cần phải thực hiện trách nhiệm một cách trung thành, có thiện ý và vì lợi ích cao nhất của công ty và tất cả CĐ, và tránh phát sinh các xung đột lợi ích hiện hữu và tiềm tàng. | 1 | **Thành viên HĐQT cần phải thực hiện trách nhiệm một cách có thiện ý và vì lợi ích cao nhất của công ty và tất cả CĐ, tránh tất cả các xung đột lợi ích phát sinh hiện hữu và tiềm tàng. HĐQT cần đối xử công bằng với tất cả CĐ.**<br>• HĐQT được yêu cầu nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm Quản trị, Kiểm soát theo KPI của từng Thành viên, phù hợp quy định của Luật pháp Việt Nam và bảng phân công nhiệm vụ của Thành viên HĐQT<br>• HĐQT chịu trách nhiệm trước Pháp luật về những vấn đề ra quyết định không đúng với Pháp luật Việt Nam, Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế UBKT, Quy chế UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng và Bộ QCƯX<br>• HĐQT thực hiện phân công nhiệm vụ cho Thành viên theo nhu cầu phát triển của Công ty và theo năng lực chuyên môn và sự đồng thuận của Thành viên HĐQT, CĐ và các BLQ | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| | | **Đối với những thành viên HĐQT đang làm việc trong cơ cấu của một tập đoàn: mặc dù một công ty có thể chịu sự kiểm soát của một chủ thể khác, trách nhiệm trung thành của thành viên HĐQT chỉ liên quan tới công ty và toàn bộ CĐ của công ty đó mà không liên quan tới chủ thể kiểm soát tập đoàn đó** | |
| 1.5 | 2 | • Chính sách giao dịch BLQ cập nhật điều chỉnh vào ngày 10/2/2025 và được áp dụng theo chuẩn mực BCTC Quốc tế IFRS và định nghĩa IAS24<br>• Thành viên BĐH, UBKT, HĐQT và các CĐ Công ty tuân thủ đầy đủ về việc báo cáo các xung đột lợi ích tiềm năng<br>• Giao dịch BLQ được ghi nhận và báo cáo đầy đủ tại kỳ họp HĐQT Quý IV/2024 ngày 11/3/2025, đảm bảo tuân thủ theo Chính sách giao dịch BLQ và các quy định theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các chuẩn mực về QTCT<br>• Công ty thực hiện CBTT về giao dịch BLQ trong Báo cáo QTCT bán niên và thường niên trên trang Website Công ty, mục QTCT<br>• KTNB thực hiện việc giám sát các giao dịch với BLQ và báo cáo trực tiếp cho UBKT<br>• Thành viên điều hành 0% và không điều hành 100% - yêu cầu của QTCT tốt là tối thiểu 2/3 không điều hành (67%)<br>• Thành viên Độc lập 43% - vượt yêu cầu của QTCT tốt 33%, trên mức quy định NĐ 155/2020/NĐ-CP (HĐQT có từ 6 - 8 thành viên phải có tối thiểu 2 thành viên độc lập)<br>• Bảo đảm để không có một hoặc một nhóm Thành viên nào có thể chi phối quá trình ra quyết định của HĐQT và bảo đảm lợi ích của Công ty cao hơn lợi ích của các CĐ cá nhân | |
| | 3 | **Thành viên HĐQT cần phải thực hiện nhiệm vụ dựa trên kiến thức, năng lực chuyên môn và nhận định khách quan của bản thân, và không chịu tác động của bất kỳ mối quan hệ cá nhân hay chuyên môn nào. Thành viên HĐQT phải tạo ra và bảo toàn giá trị cho doanh nghiệp nói chung, trên cơ sở các nguyên tắc pháp lý và đạo đức phù hợp.**<br>• Thành viên HĐQT có đầy đủ năng lực và kinh nghiệm về QTCT, liên tục cập nhật và nâng cao năng lực QTCT nhằm đảm bảo yêu cầu và sự phát triển của Ngành và Công ty<br>• Bộ QCƯX quy định rõ trách nhiệm của HĐQT trong việc làm gương thực hiện và liên tục giám sát tính hiệu quả của việc triển khai, giải quyết các vấn đề được trình báo lên HĐQT - thông qua số đường dây nóng của UBKT được cung cấp rõ ràng và chi tiết, góp phần vào việc thúc đẩy văn hóa QTCT<br>• HĐQT tham gia 10 buổi hội thảo và huấn luyện về QTCT cũng như chuyên môn trong 2025, tương đương với năm 2024 | |
| | 4 | **Các thành viên HĐQT có xung đột về một vấn đề cụ thể cần tránh tham gia thảo luận và quyết định về vấn đề cụ thể đó. Ngoài ra, những thành viên HĐQT nào nếu cảm thấy không thể duy trì được tính độc lập khách quan trong khi thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của mình thì nên từ nhiệm.** | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 1.5 | | • Quyền và nhiệm vụ HĐQT được quy định rõ trong Quy chế hoạt động của HĐQT trong đó có những quyền trọng yếu để thể hiện trách nhiệm cao nhất của HĐQT: QĐ chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm; Xác định mục tiêu hoạt động cụ thể trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua; Xây dựng và thực hiện cơ chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng... | |
| | 5 | **Thành viên HĐQT không được làm tư vấn hoặc cố vấn được trả phí bởi công ty.**<br>• Thành viên HĐQT không tham gia cố vấn hay cung cấp dịch vụ tư vấn được trả phí cho Công ty, Công ty Con trực thuộc hay Công ty Liên kết, đảm bảo tính liêm chính và độc lập với vai trò điều hành của các Thành viên HĐQT | |
| | 6 | **Trong quá trình làm việc trong HĐQT hoặc sau đó, ngoại trừ luật pháp có quy định, thành viên HĐQT không được tiết lộ bất kỳ thông tin mật nào mà thành viên đó biết được trong quá trình làm việc. Thành viên HĐQT không được phép sử dụng những thông tin mật đó vì lợi ích cá nhân.**<br>• Trách nhiệm trung thành của Thành viên HĐQT chỉ liên quan đến Công ty và CĐ<br>• Thành viên HĐQT không tiết lộ bất kỳ thông tin mật nào trong quá trình làm việc, không sử dụng những thông tin mật đó vì lợi ích cá nhân | |
| 1.6 | | **HĐQT cần phải thiết lập chính sách QTCT dựa trên thông lệ tốt nhất vượt trên tuân thủ và phù hợp với thông lệ quản trị tốt nhất toàn cầu và quốc gia để thực hiện cam kết của công ty đối với các nguyên tắc QTCT tốt về công bằng, minh bạch, trách nhiệm và giải trình:** | |
| HĐQT và BĐH cần phải thúc đẩy thông lệ tốt về QTCT trong công ty và liên tục giám sát tính hiệu quả của QTCT. HĐQT có trách nhiệm CBTT về cách thức thực hiện nội dung này. | 1 | • Quy chế nội bộ về QTCT không dừng ở mức tuân thủ quy định Pháp luật hiện hành mà cần áp dụng các thông lệ QTCT tốt nhất trong nước và quốc tế<br>• Quy chế Nội bộ về QTCT được GEC ban hành lần đầu vào ngày 18/9/2018, hiệu chỉnh và sửa đổi 4 lần, cập nhật mới nhất vào ngày 26/4/2022, phù hợp với Pháp luật Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế hiện hành | |
| | 2 | **HĐQT cần cập nhật thông tin về thông lệ mới trong QTCT và áp dụng những nguyên tắc này vào chính sách quản trị của công ty.**<br>• Ngoài việc tuân thủ Pháp luật Việt Nam, HĐQT còn đặt mục tiêu thúc đẩy văn hóa QTCT theo các tiêu chuẩn quốc tế hiện hành như GRI 2021, OECD 2023, ASEAN SCORECARD 2024, Bộ Nguyên tắc QTCT Việt Nam 2026. | |
| | 3 | **HĐQT có vị trí trung tâm trong hệ thống QTCT và đóng vai trò giám sát quan trọng trong việc thực hiện QTCT:**<br>• Được thực hiện thông qua Thành viên HĐQT Độc lập, UBKT trực thuộc HĐQT và KTNB trực thuộc UBKT<br>• Đây là những kênh trọng yếu hỗ trợ HĐQT thực hiện giám sát các hoạt động Quản trị tại GEC từ Tài chính, Phi Tài chính đến E&S | |



| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 1.6 | | • Dưới sự điều hành của HĐQT, UBKT luôn chủ động rà soát, cập nhật và cải thiện quy trình QTDN và QTRR đóng góp một phần vào những thành quả mà GEC đạt được thông qua phương pháp tiếp cận có hệ thống, có nguyên tắc nhằm rà soát, đánh giá và cải thiện tính hiệu quả của quy trình quản lý, hoạt động Kiểm toán và Kiểm soát. | |
| | | **HĐQT cần phải chủ động đánh giá thường xuyên trách nhiệm giải trình của các cấp quản lý với ma trận thẩm quyền rõ ràng trong toàn công ty trong việc thực hiện chính sách QTCT.** | |
| | 4 | • HĐQT có nhiệm vụ nghiên cứu mô hình tổ chức Bộ máy Điều hành tinh gọn, bố trí Cán bộ Điều hành hợp lý, có theo dõi, chỉ đạo, giám sát khoa học, áp dụng quy định, quy chế và chế tài cụ thể để Quản trị và Giám sát<br>• Điều lệ Công ty: Ban hành và liên tục được cập nhật, sửa đổi 28 lần và cập nhật mới nhất 22/12/2025<br>• CBTT trên trang Web:<br>◦ Quy chế nội bộ về QTCT: Ban hành lần 1 ngày 18/9/2018, sửa đổi 4 lần và cập nhật mới nhất 26/4/2022<br>◦ Quy chế hoạt động HĐQT: Ban hành lần 1 ngày 23/7/2019, sửa đổi 4 lần và cập nhật mới nhất 26/4/2022<br>◦ Quy chế tổ chức hoạt động UBKT: Ban hành lần 1 ngày 18/6/2021, sửa đổi 2 lần và cập nhật mới nhất 08/3/2023<br>◦ Quy chế tổ chức hoạt động UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng: Ban hành lần 1 ngày 07/12/2022 | |
| 1.7 | | **HĐQT có trách nhiệm bảo đảm việc thực hiện một chương trình quy hoạch kế cận để bổ nhiệm thành viên HĐQT và BĐH để xây dựng đội ngũ có năng lực, chuyên môn, trung thực, và nhiệt tình, phù hợp với định hướng chiến lược của công ty, có thể gia tăng giá trị cho công ty, và bảo đảm duy trì kinh doanh liên tục:** | |
| HĐQT cần phải lựa chọn, chi trả thù lao, theo dõi, và khi cần thiết, thay đổi cá nhân thành viên HĐQT, BĐH thông qua một chương trình quy hoạch kế cận hiệu quả. HĐQT có trách nhiệm CBTT về cách thức thực hiện nội dung này | 1 | • HĐQT có 7/7 Thành viên không điều hành, thực hiện nghĩa vụ Quản trị và Giám sát hoạt động của BĐH<br>• UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng được thành lập và phụ trách tuyển chọn, đánh giá các CBQL chủ chốt phù hợp với vị trí đặc thù sau đó tiến hành đề xuất lên BĐH, HĐQT nhằm đánh giá ứng viên trước khi tổ chức họp ra quyết định bổ nhiệm theo quy định về tổ chức bộ máy Công ty<br>• BĐH có 8 Thành viên: 1 TGĐ phụ trách điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty; 1 Phó TGĐ thường trực phụ trách điều hành Khối Điện Mặt trời và NLTT khác, Khối Kỹ thuật gồm Phòng O&M, Phòng Kỹ thuật và Phòng Thí nghiệm Dịch vụ và Lĩnh vực Kinh doanh; 1 Phó TGĐ phụ trách Khối Phát triển DA gồm Phòng Phát triển DA và Phòng Quản lý Xây dựng Cơ bản; 1 GĐ Tài chính phụ trách Khối Tài chính gồm Phòng Kế toán và Phòng Tài chính Kế hoạch; 1 GĐ Khu vực Miền Tây phụ trách toàn bộ hoạt động thuộc Khu vực Miền Tây; 1 GĐ Khu vực Lào phụ trách toàn bộ hoạt động thuộc Khu vực Lào; 1 GĐ Khối Thủy điện phụ trách xây dựng và vận hành các NM Thủy điện | |
| | 2 | **HĐQT cần bảo đảm cân nhắc sự đa dạng trong quy hoạch kế cận. HĐQT cần bảo đảm CBTT về chính sách đa dạng của công ty. Nội dung CBTT bao gồm thành phần HĐQT và BĐH về giới tính, dân tộc, và các tiêu chí đa dạng khác:** | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 1.7 | | • HĐQT GEC bao gồm 7/7 Thành viên không điều hành (100%) - duy trì mô hình hoạt động phù hợp thông lệ tốt kể từ 2017, 3/7 tương đương 43% Thành viên Độc lập - trên mức quy định NĐ 155/2020/NĐ-CP (HĐQT có từ 6 - 8 thành viên phải có tối thiểu 2 thành viên độc lập) là 1/5 (20%), trên mức yêu cầu 33% của chuẩn mực QTCT IFC<br>• 2 Thành viên HĐQT từ nhóm CĐ lớn trong nước và 2 Thành viên từ CĐ lớn nước ngoài: Ông Mark Houghton Scott Lesie và Ông Eiji Hagio là Thành viên không Điều hành, đại diện CĐ chiến lược nước ngoài JERA<br>• Cấu trúc Thành viên HĐQT đáp ứng kiến nghị về số lượng Thành viên HĐQT là số lẻ, 7 người<br>• Việc bổ nhiệm 2 Thành viên HĐQT là người nước ngoài - đại diện của Tập đoàn JERA Nhật Bản, trên 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản trị Điều hành, Quản lý cấp cao tại các Công ty, Tập đoàn Năng lượng lớn trên thế giới, góp phần tăng tính đa dạng trong cơ cấu HĐQT, đem đến những góc nhìn đa diện, kinh nghiệm kỹ thuật từ việc quản lý vận hành các NM Điện hàng đầu, tận dụng được lợi thế của các Thành viên mới để ra quyết định chính xác và đáng tin cậy hơn<br>• HĐQT với trên 5 năm kinh nghiệm Quản trị Điều hành (100%); Thành viên Độc lập (43%); Nữ (29%); Nước ngoài (29%)<br>• Tất cả Thành viên HĐQT đều tốt nghiệp Cử nhân Đại học, 43% Thành viên HĐQT có bằng Thạc sĩ và nắm giữ vai trò Quản trị Điều hành từ 8-27 năm<br>• HĐQT với năng lực chuyên môn đa dạng trong các lĩnh vực Quản trị Điều hành (100%), Năng lượng (71%), Tài chính (57%), Phát triển DA (43%), Bất động sản (43%) đảm bảo sự đa dạng về kinh nghiệm và năng lực chuyên môn của HĐQT<br>• Với 29% nữ, GEC đã đáp ứng kiến nghị tối thiểu 2 Thành viên nữ tham gia vào HĐQT theo các thông lệ QTCT tốt nhất để tối ưu hóa lợi ích của sự đa dạng về giới trong HĐQT. Với những thế mạnh của nữ và thành công được ghi nhận từ các vị trí Lãnh đạo, sự cân bằng tương đối về mặt giới tính đã hỗ trợ các hoạt động của HĐQT có tính cẩn trọng, chu đáo và hài hòa hơn | |
| | 3 | **Quy hoạch kế cận cần quy định rõ vai trò và trách nhiệm cho từng vị trí với ma trận kiến thức, kỹ năng, và năng lực chính cần thiết, nhằm mục đích tuyển dụng các ứng cử viên tiềm năng được xác định nội bộ hoặc bên ngoài**<br>• Các vị trí CBQL đều được thực hiện tuyển chọn kỹ lưỡng trong những nhân sự làm việc lâu năm tại Công ty và được thăng tiến sau khi được thử thách phù hợp với vị trí được chọn theo đúng tiêu chuẩn về Mô tả công việc và có KPIs để hoàn thành công việc<br>• Trình độ chuyên môn của các CBQL cấp cao với kinh nghiệm đa dạng Quản trị - Điều hành (100%), Năng lượng (100%), Tài chính (50%), Phát triển DA (75%), Bất động sản (38%)<br>• Toàn bộ BĐH tốt nghiệp Đại học trở lên, 57% Thành viên BĐH có trình độ Thạc sĩ và nắm vai trò Lãnh đạo từ 10-24 năm, đảm bảo năng lực Điều hành và Lãnh đạo Công ty | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 1.7 | | • Những hoạt động liên quan đến đào tạo được chú trọng và thực hiện thường xuyên nhằm nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ CBNV và CBQL. Trong 2025, Công ty tổ chức 76 khóa học với sự tham gia của 2.349 lượt học viên, 1.326 giờ học để cập nhật các điểm mới của Pháp luật, chia sẻ nội bộ về kiến thức, kinh nghiệm, đào tạo kỹ năng mềm. Có 3 Nhóm Chương trình chính gồm Năng lực Chuyên môn, Năng lực Cốt lõi và Năng lực Quản lý Lãnh đạo | |
| | 4 | **Quy trình bổ nhiệm thành viên HĐQT mới, bao gồm cách thức tìm kiếm thành viên HĐQT mới từ các nguồn nội bộ và bên ngoài, và cách thức đánh giá sự phù hợp của ứng cử viên, cần được thực hiện minh bạch đối với CĐ và các bên có quyền lợi liên quan khác**<br>• Ngày 13/9/2021, Công ty thành lập bổ sung UB QTCT, Bổ nhiệm, Lương thưởng phụ trách tuyển chọn, đánh giá các CBQL chủ chốt phù hợp với vị trí đặc thù sau đó tiến hành đề xuất lên BĐH, HĐQT nhằm đánh giá ứng viên trước khi tổ chức họp ra quyết định bổ nhiệm theo quy định về tổ chức bộ máy Công ty | |
| | 5 | **Trong việc xác định ứng cử viên để bổ nhiệm thành viên HĐQT, HĐQT không chỉ dựa vào đề xuất của các thành viên HĐQT, BĐH hoặc các CĐ lớn hiện tại mà còn sử dụng các nguồn độc lập để tìm kiếm và xác định các ứng viên có đủ năng lực. Nếu việc lựa chọn ứng viên dựa trên khuyến nghị của thành viên HĐQT, BĐH hoặc CĐ lớn hiện tại, UB Đề cử nên giải thích rõ lý do tại sao các nguồn này được coi là đủ và tại sao không sử dụng các nguồn khác**<br>• Tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2024 ngày 29/4/2025 đã thực hiện miễn nhiệm 2 Thành viên HĐQT (Ông Toshihiro Oki và Ông Simon Wilson), bầu bổ sung 2 Thành viên HĐQT (Ông Mark Houghton Scott Lesie và Ông Eiji Hagio) và tái bổ nhiệm 2 Thành viên HĐQT (Ông Tân Xuân Hiến và Bà Phạm Thị Khuê) | |
| 1.8 | HĐQT cần phải theo dõi và quản lý các xung đột lợi ích tiềm tàng của các thành viên trong BĐH, HĐQT và CĐ, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan. | **Chính sách quản lý xung đột lợi ích cần phải bao gồm quy trình và thủ tục giải quyết xung đột lợi ích. Quy chế hoạt động cũng cần phải quy định rõ giao dịch nào cần được HĐQT phê duyệt.**<br>• GEC đã ban hành và áp dụng Chính sách Giao dịch với BLQ nhằm tránh xung đột và đảm bảo quyền lợi của Công ty. Ban hành đầu tiên 18/7/2018 và được chỉnh sửa 1 lần 05/8/2019 theo chuẩn IFC và đảm bảo tuân thủ Pháp luật Việt Nam<br>• Chính sách cũng tuân thủ yêu cầu của NĐT Chiến lược mới JERA để nâng cao tính minh bạch trong QTCT<br>• Chính sách quy định về ngưỡng trọng yếu - bắt buộc phải được sự rà soát và đánh giá của UBKT, báo cáo cho HĐQT về vấn đề quan trọng | |
| | 2 | **HĐQT, bao gồm thành viên HĐQT độc lập và thành viên HĐQT không liên quan đến các tình huống xung đột lợi ích tiềm tàng, hoặc UBKT, nếu phù hợp, chịu trách nhiệm ra quyết định giải quyết xung đột lợi ích.**<br>• Thành viên HĐQT và CBQL cấp cao công khai cho HĐQT biết lợi ích đáng kể nào trong bất kỳ giao dịch | |

## NGUYÊN TẮC 2 - THIẾT LẬP MỘT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ NĂNG LỰC, CHUYÊN NGHIỆP, ĐỘC LẬP VÀ CÂN ĐỐI THÀNH PHẦN

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 1.8 | 3 | **HĐQT và BĐH cần cảnh giác với xung đột lợi ích và trong mọi trường hợp phải tránh những hành vi sau: i. cạnh tranh với công ty; ii. yêu cầu hoặc nhận quà tặng giá trị lớn từ công ty cho bản thân hoặc các bên liên quan; iii. cung cấp lợi thế không chính đáng cho bên thứ ba bằng chi phí của công ty; iv. lợi dụng cơ hội kinh doanh của công ty cho bản thân hoặc các bên liên quan.**<br>• Trước khi chấp thuận bất kỳ giao dịch với BLQ nào, UBKT phải xem xét các yếu tố điều khoản của giao dịch có theo điều khoản hoạt động kinh doanh bình thường, công bằng với Công ty và tuân thủ nguyên tắc khách quan thị trường; Có lý do bắt buộc về kinh doanh để Công ty thực hiện giao dịch và sự sẵn có, tính chất, và chi phí cơ hội của giao dịch thay thế; Rủi ro danh tiếng tiềm tàng có thể phát sinh cho Công ty; Giao dịch đó có ảnh hưởng đến tính độc lập của Thành viên Độc lập; Có gây xung đột lợi ích cho bất kỳ Thành viên HĐQT hoặc BĐH<br>• Tất cả các giao dịch phát sinh được xem xét và phê duyệt/phủ quyết nghiêm ngặt bởi UBKT theo Chính sách giao dịch BLQ chuẩn IFC đang áp dụng tại GEC<br>• Thành viên HĐQT và CBQL cấp cao công khai cho HĐQT biết lợi ích đáng kể nào trong bất kỳ giao dịch. | |
| | 4 | **Thành viên HĐQT hoặc BĐH có xung đột lợi ích tiềm tàng phải báo cáo ngay mọi xung đột lợi ích tiềm tàng trong một giao dịch cùng với tất cả thông tin liên quan có ý nghĩa trọng yếu đối với công ty và/hoặc đối với các thành viên HĐQT hoặc BĐH đó cho chủ tịch HĐQT và các thành viên khác của BĐH. Nếu chủ tịch HĐQT có xung đột lợi ích tiềm tàng, chủ tịch HĐQT phải báo cáo ngay cho phó chủ tịch HĐQT hoặc cho các thành viên HĐQT độc lập, hoặc nếu có thể, cho UBKT.**<br>• Năm 2025 không phát sinh xung đột | |
| | 5 | **Tất cả các giao dịch liên quan đến xung đột lợi ích với công ty phải bao gồm các điều khoản theo thông lệ trên thị trường. Các giao dịch đó phải được công bố trong báo cáo quản trị, cùng với tuyên bố về xung đột lợi ích và tuyên bố về bảo đảm tuân thủ các điều khoản theo thông lệ tốt nhất.**<br>• Danh sách các BLQ của GEC được trình thông qua tại ĐHĐCĐ năm tài chính 2024<br>• Tất cả các giao dịch với các BLQ của GEC thực hiện trong năm đều được công bố cụ thể trong Báo cáo QTCT định kỳ được công bố, cũng như được nêu chi tiết tại BCTC Kiểm toán 2025 tại mục Thuyết minh BCTC | |
| | 6 | **Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho CĐ là thành viên HĐQT, BĐH và người có liên quan của các đối tượng này. Trong trường hợp, thành viên HĐQT hoặc BĐH không phải là CĐ thì công ty chỉ được cấp khoản vay, bảo lãnh hoặc lợi ích tương tự dựa trên cơ sở giao dịch thông thường, theo các điều khoản áp dụng cho tất cả nhân viên công ty và được ĐHĐCĐ thông qua**<br>• Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho CĐ là thành viên HĐQT, BĐH và người có liên quan của các đối tượng này | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 2.1 Các thành viên HĐQT cần phải có các quan điểm, kiến thức, kinh nghiệm, chuyên môn, kỹ năng và năng lực rộng, đa dạng và phù hợp để đóng vai trò chèo lái và giám sát công ty hiệu quả. | | **Cơ cấu của HĐQT cần phải tính đến sự đa dạng về kiến thức, kinh nghiệm, chuyên môn, kỹ năng, hành vi, văn hoá, tuổi và giới tính.** | |
| | 1 | • HĐQT GEC bao gồm 7/7 Thành viên không điều hành (100%) - duy trì mô hình hoạt động phù hợp thông lệ tốt kể từ 2017, 3/7 tương đương 43% Thành viên Độc lập - trên mức quy định NĐ 155/2020/NĐ-CP (HĐQT có từ 6 - 8 thành viên phải có tối thiểu 2 thành viên độc lập) là 1/5 (20%), trên mức yêu cầu 33% của chuẩn mực QTCT IFC<br>• 2 Thành viên HĐQT từ nhóm CĐ lớn trong nước và 2 Thành viên từ CĐ lớn nước ngoài: Ông Mark Houghton Scott Lesie và Ông Eiji Hagio là Thành viên không Điều hành, đại diện CĐ chiến lược nước ngoài JERA<br>• Cấu trúc Thành viên HĐQT đáp ứng kiến nghị về số lượng Thành viên HĐQT là số lẻ, 7 người<br>• Việc bổ nhiệm 2 Thành viên HĐQT là người nước ngoài - đại diện của Tập đoàn JERA Nhật Bản, trên 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản trị Điều hành, Quản lý cấp cao tại các Công ty, Tập đoàn Năng lượng lớn trên thế giới, góp phần tăng tính đa dạng trong cơ cấu HĐQT, đem đến những góc nhìn đa diện, kinh nghiệm kỹ thuật từ việc quản lý vận hành các NM Điện hàng đầu, tận dụng được lợi thế của các Thành viên mới để ra quyết định chính xác và đáng tin cậy hơn<br>• HĐQT với trên 5 năm kinh nghiệm Quản trị Điều hành (100%); Thành viên Độc lập (43%); Nữ (29%); Nước ngoài (29%)<br>• Tất cả Thành viên HĐQT đều tốt nghiệp Cử nhân Đại học, 43% Thành viên HĐQT có bằng Thạc sĩ và nắm giữ vai trò Quản trị Điều hành từ 8-27 năm<br>• HĐQT với năng lực chuyên môn đa dạng trong các lĩnh vực Quản trị Điều hành (100%), Năng lượng (71%), Tài chính (57%), Phát triển DA (43%), Bất động sản (43%) đảm bảo sự đa dạng về kinh nghiệm và năng lực chuyên môn của HĐQT | |
| | 2 | **HĐQT cần phải xây dựng ma trận kỹ năng HĐQT có mô tả về năng lực cần thiết cho việc bổ nhiệm, bao gồm các yếu tố như sự độc lập, đa dạng, độ tuổi, giới tính, kỹ năng, chuyên môn, bề dày kinh nghiệm, kiến thức về hoạt động kinh doanh và ngành nghề hoạt động của công ty, và cam kết dành đủ thời gian và nỗ lực để hoàn thành trách nhiệm của HĐQT. Ma trận kỹ năng phản ánh cơ cấu cũng như nhu cầu hiện hành của HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT. Ma trận kỹ năng cần phải phù hợp với định hướng chiến lược của công ty.**<br>• GEC đã ban hành Quy chế tổ chức hoạt động UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng 07/12/2022 để hướng dẫn tổ chức, hoạt động của UB<br>• UB để cử nhân sự thuộc HĐQT giám sát việc xây dựng và thực hiện quy trình đề cử HĐQT chính thức | |
| | 3 | **Tất cả các CĐ đều phải có cơ hội để cử ứng cử viên cho Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm CĐ sở hữu tối thiểu 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần của công ty phải có quyền đề xuất ứng cử viên. Cổ đông sở hữu dưới 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần biểu quyết của công ty nên có cơ hội để xuất ứng cử viên. Thời hạn cho việc đề xuất ứng cử viên HĐQT, thủ tục xem xét đề xuất và đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên phải được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của HĐQT.** | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 2.1 | | • CĐ hoặc nhóm CĐ nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 ứng viên<br>• CĐ hoặc nhóm CĐ nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 ứng viên<br>• CĐ hoặc nhóm CĐ nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 ứng viên<br>• CĐ hoặc nhóm CĐ nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 ứng viên<br>• CĐ hoặc nhóm CĐ nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 ứng viên<br>• CĐ hoặc nhóm CĐ nắm giữ trên 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng viên<br>• Quy định này được nêu rõ trong Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về QTCT, Quy chế hoạt động HĐQT và những VBLQ này được thông qua tại kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất tháng 4/2022 | |
| | | **HĐQT cần phải bảo đảm BĐH thông qua và thúc đẩy các chính sách để tạo cơ hội công bằng cho phụ nữ được tiếp cận các vị trí lãnh đạo trong doanh nghiệp.**<br>4<br>• Tại GEC, bình đẳng giới luôn là giá trị cốt lõi trong mọi hoạt động. Công ty đảm bảo cơ hội tuyển dụng, đào tạo, thăng tiến và nắm giữ các vị trí quan trọng được chia đều cho mọi giới tính và độ tuổi lao động.<br>• Tỷ lệ nữ trong HĐQT và BĐH năm 2025 là 2/7 thành viên, tương ứng với tỷ lệ 29%, tương đương năm 2024. | |
| | | **HĐQT cần có tối thiểu 1 (một) thành viên nữ để tối ưu hoá lợi ích của sự đa dạng về giới trong HĐQT. HĐQT cần CBTT trong BCTN về chính sách của công ty về đa dạng giới đối với HĐQT và BĐH**<br>5<br>• GEC đã đáp ứng kiến nghị tối thiểu 2 Thành viên nữ tham gia vào HĐQT (29%) theo các thông lệ QTCT tốt nhất để tối ưu hóa lợi ích của sự đa dạng về giới trong HĐQT.<br>• BCTN các năm đều thể hiện rõ tỷ lệ giới tính trong cơ cấu HĐQT và BĐH. Với những thế mạnh của nữ và thành công được ghi nhận từ các vị trí Lãnh đạo, sự cân bằng tương đối về mặt giới tính đã hỗ trợ các hoạt động của HĐQT, BĐH có tính cẩn trọng, chu đáo và hài hòa hơn | |
| 2.2 | | **HĐQT cần có cơ cấu phù hợp của thành viên HĐQT điều hành và không điều hành để bảo đảm không có một thành viên hoặc một nhóm thành viên nào có thể chi phối quá trình ra quyết định của HĐQT.**<br>1<br>• Thành viên điều hành 0% và không điều hành 100% - yêu cầu của QTCT tốt là tối thiểu 2/3 không điều hành (67%) | |
| | | **Cơ cấu thành viên HĐQT điều hành và không điều hành bảo đảm phân chia trách nhiệm phù hợp và rõ ràng giữa vai trò lãnh đạo của HĐQT và vai trò điều hành của BĐH đối với công ty. Thành viên HĐQT không điều hành được kỳ vọng sẽ làm tăng giá trị của công ty nhờ đóng góp những quan điểm đa dạng trong thảo luận của HĐQT.**<br>2<br>• HĐQT GEC bao gồm 7/7 Thành viên không điều hành (100%) - duy trì mô hình hoạt động phù hợp thông lệ tốt kể từ 2017, 3/7 tương đương 43% Thành viên Độc lập - trên mức quy định NĐ 155/2020/NĐ-CP (HĐQT có từ 6 - 8 thành viên phải có tối thiểu 2 thành viên độc lập) là 1/5 (20%), trên mức yêu cầu 33% của chuẩn mực QTCT IFC | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 2.2 | HĐQT cần phải bao gồm các thành viên không điều hành có các tiêu chuẩn cần thiết để tham gia một cách hiệu quả và giúp HĐQT luôn có các nhận định khách quan, độc lập về hoạt động của công ty và bảo đảm có được cơ chế kiểm soát và cân bằng phù hợp. Thông tin về các thành viên không điều hành cần phải được công bố cụ thể trong các BCTN và báo cáo QTCT. | **Thành viên HĐQT không điều hành đóng góp các giá trị về kiến thức, kinh nghiệm, chuyên môn, kỹ năng, hành vi, nền tảng văn hóa, độ tuổi và giới tính.**<br>3<br>• HĐQT với trên 5 năm kinh nghiệm Quản trị Điều hành (100%); Thành viên Độc lập (43%); Nữ (29%); Nước ngoài (29%)<br>• Tất cả Thành viên HĐQT đều tốt nghiệp Cử nhân Đại học, 43% Thành viên HĐQT có bằng Thạc sĩ và nắm giữ vai trò Quản trị Điều hành từ 8-27 năm<br>• HĐQT với năng lực chuyên môn đa dạng trong các lĩnh vực Quản trị Điều hành (100%), Năng lượng (71%), Tài chính (57%), Phát triển DA (43%), Bất động sản (43%) đảm bảo sự đa dạng về kinh nghiệm và năng lực chuyên môn của HĐQT | |
| | | **HĐQT có trách nhiệm quy định rõ tiêu chuẩn chuyên môn của các thành viên HĐQT không điều hành để bảo đảm những thành viên này có thể tham gia hiệu quả vào thảo luận của HĐQT và hoàn thành vai trò và trách nhiệm của mình. Thành viên HĐQT không điều hành cần dành đủ thời gian để hoàn thành trách nhiệm và được kỳ vọng sẽ cung cấp phản biện có tính xây dựng, định hướng chiến lược, tư vấn chuyên môn, và bảo đảm BĐH thực thi đầy đủ trách nhiệm của mình.**<br>4<br>• UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng tham mưu HĐQT về việc phân công nhiệm vụ Thành viên HĐQT mới, thiết lập KPI công việc, xác định vai trò, trách nhiệm của từng Thành viên HĐQT và đánh giá hiệu quả sau 1 năm hoạt động<br>• Thành viên HĐQT thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của mình theo đúng phân công công việc của từng Thành viên HĐQT trong 2025 | |
| 2.3 | Để thúc đẩy tính độc lập của HĐQT và tính hoàn chỉnh của hệ thống quản trị, công ty cần phải có tối thiểu một phần ba thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Các thành viên HĐQT độc lập phải được xác định và công bố rõ ràng trong các BCTN và báo cáo QTCT | **Sự có mặt của thành viên HĐQT độc lập trong HĐQT bảo đảm việc nhận định và ra quyết định độc lập, khách quan về các vấn đề của công ty; giám sát khách quan phù hợp đối với các hoạt động của BĐH; và ngăn ngừa xung đột lợi ích và cân bằng các nhu cầu mang tính cạnh tranh lẫn nhau của công ty.**<br>1<br>• Thành viên Độc lập 43% - vượt yêu cầu của QTCT tốt 33%, trên mức quy định NĐ 155/2020/NĐ-CP (HĐQT có từ 6 - 8 thành viên phải có tối thiểu 2 thành viên độc lập)<br>• Bảo đảm để không có một hoặc một nhóm Thành viên nào có thể chi phối quá trình ra quyết định của HĐQT và bảo đảm lợi ích của Công ty cao hơn lợi ích của các CĐ cá nhân | |
| | | **HĐQT cần phải bảo đảm tối thiểu một phần ba thành viên HĐQT, hoặc tối thiểu hai thành viên HĐQT – tùy thuộc số nào lớn hơn - là thành viên độc lập.**<br>2<br>• Số lượng Thành viên Độc lập tại GEC năm 2025 là 3 người - 43%, đảm bảo các quy định về QTCT của IFC (33%)<br>• 2/3 - 67% Thành viên Độc lập tại GEC là nữ và có kinh nghiệm trên 15 năm về Quản trị và Điều hành | |
| | | **HĐQT cần phải bảo đảm các thành viên HĐQT độc lập có đầy đủ các tiêu chuẩn năng lực cần thiết, vì năng lực cũng có tầm quan trọng như tính độc lập.**<br>3<br>• Thành viên Độc lập là trung gian giữa Chủ tịch và các Thành viên HĐQT khác khi cần thiết và góp phần đánh giá hiệu quả công việc của Chủ tịch theo yêu cầu<br>• Bà Nguyễn Thùy Vân: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, 21 năm kinh nghiệm Quản trị và Điều hành lĩnh vực Tài chính, Đầu tư, Kế toán Kiểm toán | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 2.3 | | • Ông Nguyễn Thế Vinh: Cử nhân Kinh tế, 27 năm kinh nghiệm Quản trị và Điều hành lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, Bất động sản và Du lịch<br>• Bà Phạm Thị Khuê: Thạc sĩ Châu Á học, 20 năm Quản lý Vận hành lĩnh vực Truyền thông - Tiếp thị, Bất động sản, Thương mại - Dịch vụ, Xe hơi, Y tế | |
| | 4 | **Điều quan trọng là thành viên HĐQT độc lập có đầy đủ các tiêu chuẩn và vị thế giúp họ tham gia hiệu quả và khách quan vào thảo luận của HĐQT.**<br>• Các Thành viên này cũng đảm bảo không sở hữu gián tiếp và trực tiếp trên 1% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty ngoài những yêu cầu của Thành viên độc lập theo Luật Việt Nam và các chuẩn mực quốc tế | |
| | 5 | **Công ty cần phải có tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập có chuyên môn và kinh nghiệm tài chính để tham gia và lãnh đạo UBKT**<br>• Bà Nguyễn Thùy Vân, Thành viên Độc lập, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, 21 năm kinh nghiệm Quản trị và Điều hành lĩnh vực Tài chính, Đầu tư, Kế toán - Kiểm toán giữ chức Chủ tịch UBKT, báo cáo trực tiếp cho HĐQT | |
| 2.4 | Thành viên HĐQT độc lập chỉ nên tham gia HĐQT tối đa mười năm cộng dồn. | **Việc tham gia là thành viên độc lập trong một HĐQT trong thời gian dài có thể gây ảnh hưởng đến khả năng hành động độc lập và khách quan của thành viên HĐQT đó. Vì vậy, tổng thời gian làm việc cộng dồn trong các nhiệm kỳ của thành viên HĐQT độc lập không được vượt quá mười năm** | |
| | 1 | • Bà Nguyễn Thùy Vân, Thành viên HĐQT Độc lập tham gia HĐQT GEC từ tháng 9/2018 đến nay - 7 năm 4 tháng<br>• Bà Phạm Thị Khuê, Thành viên HĐQT Độc lập tham gia HĐQT GEC từ tháng 6/2020 đến nay - 5 năm 7 tháng<br>• Ông Nguyễn Thế Vinh, Thành viên HĐQT GEC từ tháng 4/2021 đến nay và trở thành Thành viên Độc lập từ tháng 3/2022 đến nay - 4 năm 9 tháng | |
| | 2 | **Sau mười năm trên, thành viên HĐQT độc lập đó vĩnh viễn không được đưa ra bầu lại vào vị trí thành viên HĐQT độc lập của công ty, nhưng có thể tiếp tục đủ điều kiện để được đề cử và bầu chọn làm thành viên HĐQT không độc lập.**<br>• Tại GEC, không có Thành viên HĐQT tham gia HĐQT trên 10 năm | |
| 2.5 | Cần thiết lập cơ chế phù hợp để bảo đảm quan điểm và góc nhìn độc lập của HĐQT. Thực hành giai đoạn gián đoạn bắt buộc đối với trường hợp TGĐ sau khi từ nhiệm, chủ tịch HĐQT độc lập, hoặc thành viên HĐQT độc lập đứng đầu | | |
| | 1 | **Để tăng tính khách quan và vai trò giám sát của HĐQT, khuyến khích không bố trí TGĐ vừa thôi đảm nhiệm chức vụ hoặc từ nhiệm vào vị trí thành viên HĐQT. Nếu HĐQT quyết định việc một TGĐ nghỉ hưu chuyển sang vai trò chủ tịch HĐQT, điều lệ công ty phải yêu cầu lấy ý kiến trước của CĐ, trình bày lý do thuyết phục và giải thích chi tiết trong BCTN và trên website của công ty. Ngoại trừ những trường hợp đặc biệt, cần có giai đoạn gián đoạn bắt buộc (cooling off) giữa hai vai trò này, lý tưởng nhất là hai năm.**<br>• Ông Tân Xuân Hiến - Chủ tịch HĐQT là Thành viên không điều hành và tham gia vào GEC 26 năm bao gồm 12 năm làm GĐ Công ty khi chưa Cổ phần hóa và lần đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch mới nhất là từ 2018 đến nay.<br>• Các Thành viên HĐQT còn lại chưa từng giữ chức vụ trong BĐH GEC. | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 2.5 | | **Vai trò của chủ tịch HĐQT và TGĐ cần được các cá nhân khác nhau đảm nhiệm để bảo đảm phân bổ quyền lực cân bằng, tăng cường trách nhiệm giải trình, và nâng cao năng lực ra quyết định độc lập của HĐQT. Theo thông lệ tốt nhất, chủ tịch HĐQT cũng nên là thành viên HĐQT độc lập.** | |
| | 2 | • GEC chưa bao giờ có trường hợp kiêm nhiệm Chủ tịch và TGĐ từ ngày đầu thành lập năm 1989 cho đến nay<br>• Ông Tân Xuân Hiến - Chủ tịch HĐQT là Thành viên không điều hành. Ông là Kỹ sư Điện, Cử nhân Kinh tế; 32 năm Lãnh đạo cấp cao - Quản trị Điều hành thuộc lĩnh vực Năng lượng và tại GEC. Tuy nhiên, GEC chưa đáp ứng thông lệ tốt nhất khi Chủ tịch HĐQT được khuyến khích là Thành viên Độc lập<br>• Bà Nguyễn Thái Hà - TGĐ đảm nhiệm chức vụ này 6 năm liên tục từ 10/10/2018 đến nay. Bà là Thạc sĩ Kinh tế phát triển, 23 năm kinh nghiệm Quản trị và Điều hành tại CTCP Thành Thành Công và Ngân hàng thương mại | |
| | 3 | **Trường hợp chủ tịch HĐQT không độc lập, HĐQT cần đề xuất các thành viên HĐQT độc lập bầu ra một 'thành viên HĐQT độc lập đứng đầu' để đại diện và có tiếng nói bảo đảm quan điểm và góc nhìn độc lập; Theo thông lệ tốt nhất trong trường hợp chủ tịch HĐQT không phải là thành viên độc lập thì HĐQT nên bao gồm đa số là thành viên độc lập.**<br>• Tuy Chủ tịch không phải là Thành viên độc lập nhưng 100% các Thành viên HĐQT đều là không điều hành và 43% là Thành viên Độc lập.<br>• Cơ cấu này đảm bảo được tính khách quan, minh bạch khi đưa ra QĐ và không gây xung đột lợi ích. | |
| | 4 | **Thành viên HĐQT độc lập đứng đầu cần có đủ thẩm quyền để dẫn dắt HĐQT trong những trường hợp các thành viên HĐQT còn lại có xung đột lợi ích rõ ràng.**<br>• Bà Nguyễn Thùy Vân, Thành viên Độc lập, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, 20 năm kinh nghiệm Quản trị và Điều hành lĩnh vực Tài chính, Đầu tư, Kế toán - Kiểm toán giữ chức Chủ tịch UBKT, báo cáo trực tiếp cho HĐQT | |
| | 5 | **Ngoài những chức năng khác, thành viên HĐQT độc lập đứng đầu còn có những chức năng sau đây: i. Là trung gian giữa Chủ tịch và các thành viên HĐQT khác khi cần thiết; ii. Triệu tập và làm chủ tọa các cuộc họp của thành viên HĐQT không điều hành; iii. Góp phần đánh giá hiệu quả công việc của Chủ tịch theo yêu cầu.**<br>• Tính độc lập và khách quan của HĐQT được quy định rõ trong Điều lệ Công ty Điều 24-28, Quy chế tổ chức HĐQT Điều 9, Quy chế Nội bộ về QTCT Điều 16-18<br>• Năm 2025, 100% HĐQT là Thành viên không Điều hành và 43% là Thành viên Độc lập. Sau khi được bầu chọn, tất cả Thành viên đều có quyền và nghĩa vụ để đưa ý kiến đối với tất cả các đề xuất của BĐH qua các các Thư lấy ý kiến hoặc tại cuộc họp HĐQT định kỳ hoặc bất thường nếu có trên nguyên tắc thượng tôn Pháp luật và các tiêu chuẩn đạo đức phù hợp<br>• Tất cả các chủ trương, NQ của HĐQT đã ban hành đều được lưu trữ thành bộ đầy đủ, bao gồm các Tài liệu họp HĐQT, Thư lấy ý kiến và Biên bản họp HĐQT<br>• Trường hợp Thành viên HĐQT có liên quan đến vấn đề được lấy ý kiến HĐQT không tiến hành cho ý kiến và tham gia biểu quyết cho ý kiến, quy định rõ trong Quy chế tổ chức HĐQT<br>• Quy định nhằm giảm thiểu xung đột lợi ích, giao dịch BLQ, đảm bảo sự độc lập của Thành viên HĐQT cũng được quy định rõ trong Quy chế HĐQT, Quy định về giao dịch BLQ | |

## NGUYÊN TẮC 3 - THÀNH LẬP CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| Khuyến nghị | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|
| 3.1 HĐQT cần phải thành lập một UBKT và bảo đảm để ủy ban này có đủ nguồn lực và thẩm quyền. UBKT phải bảo đảm các kiểm soát nội bộ phù hợp được duy trì và công ty tuân thủ mọi luật pháp và quy định liên quan | 1 **HĐQT cần phải thành lập một UBKT, bao gồm tối thiểu ba thành viên HĐQT, hoặc hai thành viên HĐQT trong trường hợp các công ty có quy mô HĐQT nhỏ. Tất cả thành viên của UBKT là thành viên HĐQT không điều hành và đa số là thành viên độc lập, bao gồm vị trí chủ tịch UB. Trong trường hợp công ty có Ban Kiểm soát, UBKT vẫn cần được thành lập.**<br>• UBKT được thành lập từ tháng 9/2018. UBKT GEC bao gồm 3 Thành viên HĐQT - 100% là Thành viên không điều hành - đáp ứng chuẩn mực, 33% là Thành viên độc lập - chưa đáp ứng chuẩn mực yêu cầu đa số là Thành viên độc lập<br>2 **UB này cần phải có kiến thức về kiểm toán nội bộ, kế toán theo Chuẩn mực BCTC quốc tế (IFRS) và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS), báo cáo tuân thủ, tài chính, kiểm soát và PTBV. Chủ tịch của UBKT phải có chuyên môn về tài chính và là thành viên HĐQT độc lập.**<br>• Bà Nguyễn Thùy Vân là Chủ tịch UBKT có chuyên môn về Tài chính và Kế toán - Kiểm toán, KTNB với trên 20 năm kinh nghiệm<br>• Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn là Cử nhân Quản trị Du lịch, 9 năm kinh nghiệm Quản lý, Điều hành trong lĩnh vực Du lịch và Năng lượng<br>• Ông Eiji Hagio là Thạc sĩ Luật, với nhiều năm kinh nghiệm trong các vai trò quản lý và điều hành, đặc biệt là trong lĩnh vực pháp lý và NLTT, tại các tập đoàn lớn ở Nhật Bản<br>**Trách nhiệm chính của UBKT:**<br>• UBKT được thành lập từ tháng 9/2018 với vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền, cơ cấu và quy trình hoạt động được quy định cụ thể trong Điều lệ UBKT ban hành 08/3/2023 và được đăng trên trang Website Công ty<br>3 • Từ 2018, BCTN có riêng Báo cáo về hoạt động của UBKT trong năm liên quan đến các vấn đề cơ chế hoạt động của UBKT, hoạt động trọng yếu của UBKT trong năm và kế hoạch trọng tâm của UBKT trong năm tiếp theo<br>• Tại ĐHĐCĐ thường niên Năm tài chính 2018 đến nay, UBKT có báo cáo riêng trình bày hoạt động giám sát cũng như định hướng hoạt động năm tiếp theo đến toàn bộ CĐ của Công ty<br>• Trong năm 2025, UBKT tổ chức 2 cuộc họp vào ngày 17/4/2025 và 8/9/2025 | |
| 3.2 HĐQT cần phải thành lập một UB Quản lý rủi ro có năng lực để bảo đảm các rủi ro tiềm tàng trong hoạt động kinh doanh của công ty được quản lý phù hợp | 1 **Đối với quy mô của GEC cũng như hoạt động đặc thù của Ngành năng lượng, Công ty chưa cần thiết thành lập riêng UB QLRR. Hiện nay, UBKT kết hợp trách nhiệm giám sát kiểm toán và QLRR:**<br>• GEC áp dụng "Mô hình 3 Tuyến" và ISO 31000:2018: Nguyên tắc, hướng dẫn QTRR trong hoạt động QTRR tại Công ty<br>• HĐQT - Xây dựng môi trường chính sách QTRR và thiết lập khẩu vị rủi ro phù hợp; BĐH và QTRR - Xây dựng môi trường Kiểm soát, cấu trúc QTRR và phối hợp các BLQ; Quản lý nghiệp vụ và Nhân viên - Thực thi, hành động theo chuẩn mực, giám sát sự thay đổi của danh mục rủi ro đặc thù và phối hợp trong hoạt động QTRR<br>• KTNB thực hiện các công việc trọng yếu: Kiểm tra, giám sát độc lập đối với BĐH và QTRR; Thực hiện hoạt động KTNB, báo cáo trực tiếp cho UBKT về tính hiệu quả của hoạt động quản lý và kiểm soát rủi ro; Cung cấp sự đảm bảo và khuyến nghị một cách khách quan đối với tất cả vấn đề liên quan đến việc đạt được mục tiêu của Công ty | |

| Khuyến nghị | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|
| 3.3 HĐQT cần phải thành lập UB Đề cử và thù lao, để tăng cường hiệu quả của khung QTCT và bảo đảm rằng chính sách và hoạt động bổ nhiệm và thù lao của công ty hỗ trợ được việc bổ nhiệm, phát triển, thu hút và giữ chân các thành viên HĐQT và BĐH tài năng. | 1 **HĐQT cần phải thành lập một UB Đề cử và thù lao, bao gồm tối thiểu ba thành viên HĐQT không điều hành có năng lực chuyên môn, hoặc hai thành viên trong trường hợp công ty có quy mô HĐQT nhỏ, đa số là thành viên độc lập, bao gồm vị trí chủ tịch ủy ban.**<br>• GEC thành lập UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng vào tháng 9/2021 bao gồm 3 thành viên HĐQT, 100% Thành viên là Thành viên HĐQT không điều hành có năng lực chuyên môn - đáp ứng chuẩn mực, 33% là Thành viên Độc lập - chưa đáp ứng chuẩn đa số Thành viên độc lập, Chủ tịch UB là Thành viên không điều hành - chưa đáp ứng chuẩn là Thành viên Độc lập<br>• 3 Thành viên gồm Chủ tịch Ông Tân Xuân Hiến - Thành viên không điều hành, Bà Nguyễn Thùy Vân - Thành viên Độc lập và Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn - Thành viên không điều hành<br>2 **Chủ tịch HĐQT không nên là chủ tịch UB Đề cử và thù lao để bảo đảm có cơ chế kiểm soát và cân bằng cũng như đánh giá khách quan của HĐQT.**<br>• Ông Tân Xuân Hiến – Chủ tịch HĐQT giữ chức vị Chủ tịch UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng<br>3 **Ngày 07/12/2022, HĐQT đã ban hành Quy chế hoạt động của UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng với 11 nhiệm vụ chính**<br>• Trong năm 2025, UB đã tổ chức 2 cuộc họp chính thức vào ngày 25/3/2025 và 30/10/2025 dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các cuộc họp diễn ra với sự tham gia của 3/3 thành viên (100% thành viên) và tỷ lệ đồng thuận các nội dung cuộc họp là 100% | |

## NGUYÊN TẮC 4 - BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| Khuyến nghị | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|
| 4.1 HĐQT phải bảo đảm có chính sách, quy trình, thời gian và nguồn lực cần thiết để hoạt động có hiệu lực và hiệu quả trong điều kiện có đầy đủ thông tin | 1 **HĐQT cần phải bảo đảm thiết lập và duy trì quy trình nội bộ để bảo đảm HĐQT được biết tất cả thông tin liên quan một cách kịp thời. HĐQT cần giám sát việc thiết lập và thực hiện các quy trình này.**<br>• Quyền và nhiệm vụ HĐQT được quy định rõ trong Quy chế hoạt động của HĐQT trong đó có những quyền trọng yếu để thể hiện trách nhiệm cao nhất của HĐQT: QĐ chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm; Xác định mục tiêu hoạt động cụ thể trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua; Xây dựng và thực hiện cơ chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng... | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 4.1 | | **HĐQT cần phải đưa ra quyết định trong điều kiện được cung cấp đầy đủ thông tin. Tài liệu họp HĐQT phải được cung cấp trước cho HĐQT tối thiểu năm ngày làm việc.** | |
| | 2 | • Tài liệu họp HĐQT định kỳ hàng quý và 4 lần trong năm 2025 vào tháng 3, 5, 9, 12 năm 2025 được gửi đến HĐQT trước 15 ngày họp<br>• 13 vấn đề lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản, HĐQT có 15 ngày để ra quyết định từ từng Thành viên | |
| | | **Thành viên HĐQT được yêu cầu cung cấp thông tin phù hợp mà họ cho là cần thiết để thực hiện nhiệm vụ.** | |
| | 3 | • Mọi yêu cầu cung cấp thông tin phù hợp, cần thiết để HĐQT thực hiện nhiệm vụ đều được thực hiện và cung cấp kịp thời đảm cho việc ra quyết định. | |
| | | **Trường hợp một công ty đại chúng là công ty mẹ trong tập đoàn, HĐQT cần bảo đảm tiếp cận được thông tin quan trọng về hoạt động của các công ty con để QLRR toàn tập đoàn và thực hiện các mục tiêu của tập đoàn** | |
| | 4 | • Công ty đã ban hành Quy chế Quản lý Công ty con Ban hành đầu tiên 11/11/2020 và được chỉnh sửa 3 lần 25/12/2024 thiết lập cơ chế báo cáo nội bộ giữa công ty mẹ và công ty con<br>• BCTC hợp nhất thể hiện tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và dòng tiền của toàn bộ GEC và các CTTV | |
| 4.2 | | **Thư ký Công ty - Người phụ trách QTCT hiện đang là Chánh Văn phòng HĐQT được phân công nhiệm vụ tư vấn chuyên môn cho CĐ, HĐQT, BĐH và các BLQ về các khía cạnh QTCT có liên quan đến các quyết định chiến lược:** | |
| HĐQT cần bổ nhiệm một Thư ký Quản trị công ty có năng lực và trình độ chuyên môn, chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT về mọi vấn đề liên quan đến hoạt động phù hợp của HĐQT. Việc bổ nhiệm và bãi nhiệm Thư ký Quản trị công ty phải được HĐQT thông qua | 1 | • Ông Phạm Thành Tuấn Anh đảm nhiệm vai trò Người phụ trách QTCT 7 năm dựa trên kiến thức Quản trị - Tài chính, cùng 10 năm kinh nghiệm công tác Văn phòng trong Lĩnh vực Năng lượng<br>• Ông có kiến thức về môi trường kinh doanh của Ngành cũng như luật pháp, quy tắc và quy định điều chỉnh hoạt động của Công ty<br>• Ông cùng phối hợp hiệu quả với Bộ phận Quan hệ NĐT đảm bảo hành động một cách độc lập với sự liêm chính cao nhất để bảo vệ lợi ích của Công ty, CĐ và các BLQ<br>• Ông phụ trách các công việc liên quan đến BĐH, HĐQT, ĐHĐCĐ, tư vấn cho HĐQT và các UB trực thuộc HĐQT về vai trò và trách nhiệm tương ứng | |
| | | **Bộ phận Quan hệ NĐT đóng vai trò cầu nối về thông tin, truyền thông, cố vấn và trọng tài giữa HĐQT và BĐH; đồng thời là cầu nối giữa Công ty với CĐ và các BLQ** | |
| | 2 | • Bộ phận Quan hệ NĐT được thành lập cách đây 9 năm và do nhân sự có chuyên môn Tài chính - Chứng khoán đảm nhiệm, phụ trách toàn bộ các công việc liên quan đến QTCT, Chứng khoán, CĐ, Cổ phần và NĐT<br>• Bộ phận thực hiện báo cáo cho HĐQT và BĐH<br>• Bộ phận Pháp chế cố vấn HĐQT về CBTT một cách đầy đủ, minh bạch, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán đối với Công ty niêm yết; đề xuất các phương án theo dõi, đánh giá, cải thiện chất lượng QTCT theo các nguyên tắc QTCT tốt nhất hiện hành, đáp ứng kỳ vọng của các BLQ, tham gia giải quyết các vấn đề về QTCT | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 4.3 | | **Việc đánh giá HĐQT giúp các thành viên HĐQT rà soát lại kỹ lưỡng mức độ hiệu quả trong việc thực hiện vai trò và trách nhiệm của HĐQT, các ủy ban trực thuộc HĐQT, và từng thành viên HĐQT theo quy định tại quy chế hoạt động của HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT.** | |
| HĐQT cần phải thực hiện đánh giá hàng năm đối với kết quả công việc của mình, bao gồm kết quả công việc của Chủ tịch, từng thành viên, các ủy ban, toàn thể HĐQT và TGĐ (cho trường hợp TGĐ không phải là thành viên HĐQT). HĐQT có trách nhiệm CBTT về cách thức thực hiện nội dung này. Định kỳ tối thiểu ba năm một lần, việc đánh giá này nên được hỗ trợ bởi chuyên gia tư vấn/cố vấn bên ngoài | 1 | • HĐQT hàng năm đều đánh giá từng Thành viên vào cuối năm và có báo cáo cụ thể trong tài liệu của kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên cũng như trong BCTN - chuyên mục QTCT<br>• UBKT cũng sẽ báo cáo cụ thể công việc từng Thành viên trong tài liệu ĐHĐCĐ thường niên và BCTN<br>• UB QTCT, Thù lao và Lương thưởng có báo cáo công việc từng Thành viên được tích hợp trong Báo cáo HĐQT tại ĐHĐCĐ và BCTN | |
| | | **Mỗi thành viên HĐQT cần tích cực tham gia quá trình đánh giá và thực hiện các chương trình và hoạt động phù hợp để thực hiện các yêu cầu đòi hỏi cải tiến nào được xác định từ kết quả đánh giá.** | |
| | 2 | • Mặc dù một số Thành viên HĐQT không thường trực tại Việt Nam, nhưng tỷ lệ dự họp trực tiếp, trực tuyến và ủy quyền của các Thành viên đều đạt 100%<br>• Trong 2025, Công ty tổ chức 4 cuộc họp trực tiếp với sự tham gia hầu hết của các Thành viên HĐQT (Tỷ lệ tham dự của Thành viên HĐQT tại các cuộc họp như sau: Quý IV/2024: 5/7, Quý I/2024: 5/7, Quý II/2024: 6/7, Quý III/2024: 6/7, tỷ lệ thông qua các nội dung xin ý kiến tại cuộc họp đạt 100%<br>• Trong 13 lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản, hầu hết các Thành viên đều có ý kiến đồng thuận<br>• UBKT họp 2 lần trong năm 2025 với tỷ lệ tham dự các thành viên đạt 100%<br>• UB QTCT, Thù lao và Lương thưởng họp 2 lần trong năm 2025 với tỷ lệ tham dự các thành viên đạt 100% | |
| | | **HĐQT cần xây dựng và duy trì một hệ thống đánh giá minh bạch để xem xét hiệu quả hoạt động của HĐQT, từng thành viên HĐQT và các ủy ban trực thuộc** | |
| | 3 | • GEC xây dựng và công bố các tiêu chí, quy trình và kết quả đánh giá chung sẽ bảo đảm sự minh bạch và cho phép CĐ và các BLQ đánh giá tính hiệu quả của Thành viên HĐQT. VBLQ tại GEC để thực hiện việc này gồm có Điều lệ Điều 33-37, Quy chế nội bộ về QTCT Điều 31, 32, 38, Quy chế hoạt động HĐQT Điều 33-40, Quy chế tổ chức hoạt động UBKT Điều 7-12, Quy chế tổ chức hoạt động UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng Điều 5,11,12. | |
| | | **Trong khi thiết lập các tiêu chí, cần cân nhắc các giá trị, nguyên tắc, và kỹ năng thiết yếu đối với công ty. UB QTCT, Thù lao và Lương thưởng giám sát quy trình đánh giá này:** | |
| | 4 | • UB hiện đang hoạt động dựa theo Quy chế tổ chức hoạt động UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng<br>• Trong 2025, UB đã tổ chức 2 cuộc họp định kỳ 6 tháng một lần vào ngày 15/7 và 6/12 với tỷ lệ các Thành viên tham dự họp đạt 100%. Nội dung họp gồm: Bảo đảm việc tuân thủ chính sách QTCT, QCUX; Rà soát, đánh giá năng lực của các Thành viên HĐQT nhằm đảm bảo đủ điều kiện để tiếp tục đảm nhiệm nhiệm vụ trong HĐQT, BĐH; Triển khai và tổng hợp các ý kiến tham mưu từ các Phòng Ban/Công ty thành viên trong việc Xây dựng Kế hoạch hành động, | |

| Khuyến nghị | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|
| 4.3 | Kế hoạch ngân sách về nguồn nhân lực cho năm sau; Hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm liên quan đến lương thưởng HĐQT, BĐH và Thư ký Công ty. Chế độ lương thưởng phù hợp với công việc, loại hình kinh doanh, khu vực làm việc, hiệu quả công việc và tuân thủ đầy đủ pháp luật và các quy định về chính sách lương thưởng | |
| 4.4 Quy chế hoạt động HĐQT và Quy chế QTCT của doanh nghiệp cần quy định về một chương trình phát triển năng lực liên tục dành cho các thành viên HĐQT. HĐQT có trách nhiệm công bố cách thức thực hiện những chương trình này | **1** **Tất cả các thành viên HĐQT mới cần được định hướng phù hợp khi tham gia HĐQT để bảo đảm các thành viên mới được cung cấp đầy đủ thông tin về nhiệm vụ, trách nhiệm, và kỳ vọng cụ thể đối với mình trước khi bắt đầu đảm nhiệm vị trí thành viên HĐQT.**<br>• Vai trò và trách nhiệm của HĐQT được quy định trong các văn bản nội bộ như Quy chế hoạt động của HĐQT 26/4/2022, Quy chế tổ chức hoạt động UBKT 18/6/2021, Quy chế hoạt động của HĐQT 26/4/2022, Quy chế nội bộ QTCT 26/4/2022, Quy chế Tổ chức và Hoạt động UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng 07/12/2022, Điều lệ Công ty 22/12/2025<br>• 06/5/2021, HĐQT đã ban hành NQ 12/2021/NQ-HĐQT, có quy định rõ nhiệm vụ của từng Thành viên HĐQT<br>• 06/6/2025, HĐQT ban hành NQ 12/2025/NQ-HĐQT, phân công nhiệm vụ của từng Thành viên HĐQT tham gia vào các UB trực thuộc HĐQT<br>• Người phụ trách QTCT và Văn phòng Công ty sẽ hỗ trợ Thành viên HĐQT mới thực hiện vấn đề này từ khi mới gia nhập và trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ tại Công ty<br>**2** **Chương trình định hướng được HĐQT xây dựng với sự hỗ trợ của UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng cùng với Người phụ trách QTCT**<br>• Các chủ đề quan trọng về QTCT được thực hiện như giới thiệu về Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ QTCT, Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế UBKT, Quy chế UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng, Bộ QCUX, bức tranh hoạt động của Công ty để hỗ trợ Thành viên mới trong việc thực hiện hiệu quả vai trò chức năng của mình<br>**3** **HĐQT cần phải có nguồn lực và mạng lưới chuyên môn đầy đủ, bao gồm các cơ quan quản trị trong nước và quốc tế, để nâng cao và duy trì kiến thức, kỹ năng, và chuyên môn nhằm thúc đẩy hiệu quả công việc của HĐQT và bảo đảm thành viên HĐQT có đủ năng lực để hoàn thành nhiệm vụ và trách nhiệm của mình một cách hiệu quả.**<br>• 2 Thành viên HĐQT từ nhóm CĐ lớn trong nước và 2 Thành viên từ CĐ lớn nước ngoài: Ông Mark Houghton Scott Lesie và Ông Eiji Hagio là Thành viên không Điều hành, đại diện CĐ chiến lược nước ngoài JERA, với trên 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản trị Điều hành, Quản lý cấp cao tại các Công ty, Tập đoàn Năng lượng lớn trên thế giới, góp phần tăng tính đa dạng trong cơ cấu HĐQT, đem đến những góc nhìn đa diện, kinh nghiệm kỹ thuật từ việc quản lý vận hành các NM Điện hàng đầu, tận dụng được lợi thế của các Thành viên mới để ra quyết định chính xác và đáng tin cậy hơn<br>**4** **Tất cả các thành viên HĐQT cần phải tham gia tối thiểu một chương trình đào tạo thành viên HĐQT hoặc QTCT của một tổ chức chuyên nghiệp có uy tín để bảo đảm họ hiểu rõ những nguyên tắc cơ bản về QTCT tốt cũng như nỗ lực thường xuyên cập nhật những xu hướng và yêu cầu mới nhất về quản tr**<br>HĐQT tham gia 10 buổi hội thảo và huấn luyện về QTCT cũng như chuyên môn trong 2025, tương đương với năm 2024 | |

| Khuyến nghị | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|
| 4.4 | • Diễn đàn "Vì một mùa ĐHĐCĐ đổi mới" năm 2025<br>• Lễ phát động Chương trình CSI 2025<br>• Hội thảo: "Nghị quyết 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân: Cơ hội nào cho các Doanh nghiệp Niêm yết và Công ty Đại chúng?<br>• Chương trình tập huấn về Bộ Chỉ số Doanh nghiệp Bền vững Việt Nam (CSI) 2025<br>• Hội thảo Tài chính Bền vững Việt Nam 2025: Hướng tới Chuẩn mực Xanh Quốc tế và Việt Nam<br>• Hội thảo Tài chính xanh Việt Nam 2025: Kiến tạo tương lai bền vững<br>• Hội thảo Các Chuỗi cung ứng quan tâm thế nào đến chương trình "Sử dụng nước" và Công bố thông tin về sử dụng nước trong Báo cáo PTBV<br>• Diễn đàn ESG Việt Nam 2025<br>• Hội nghị doanh nghiệp niêm yết 2025<br>• Hội thảo Kiến tạo & Dẫn dắt Chuyển đổi Bền vững: Tài chính – Nhân lực trong Kỷ nguyên AI | |
| 4.5 HĐQT cần phải gắn mức thù lao của BĐH và thành viên HĐQT với khẩu vị rủi ro và lợi ích lâu dài của công ty và CĐ một cách phù hợp, tương xứng với vai trò và trách nhiệm của họ. HĐQT có trách nhiệm CBTT về cách thức thực hiện những nội dung này. | **1** **Gói thù lao công bằng có vai trò rất quan trọng trong việc thu hút, giữ chân, và tạo động lực cho thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao. Gói thù lao cần phải tính đến mức độ phức tạp của hoạt động kinh doanh của công ty và trách nhiệm của từng cá nhân.**<br>• Mức thù lao hiện nay của GEC là hợp lý với trung bình 50 triệu/người/tháng cho Chủ tịch và 30 triệu/người/tháng cho Thành viên HĐQT<br>**2** **Mức thù lao của thành viên HĐQT phải phù hợp với chiến lược và mục tiêu dài hạn của công ty, và phản ánh kinh nghiệm, nghĩa vụ, trách nhiệm giải trình, phạm vi công việc, trách nhiệm thực thi, đóng góp và cam kết thời gian của mỗi thành viên HĐQT. Những thành viên HĐQT có vai trò và trách nhiệm bổ sung, ví dụ làm thành viên của một ủy ban, nên được hưởng thù lao bổ sung, tương đương với thông lệ của ngành.**<br>• Tổng lương và thù lao của HĐQT 2025 là 2,97 tỷ đồng<br>• Tổng lương của cán bộ chủ chốt là 9,66 tỷ đồng<br>• Lương được chi trả theo đúng trách nhiệm của từng Thành viên và được rà soát hàng năm theo đúng Quy chế và Quy trình<br>**3** **Thù lao của thành viên HĐQT không điều hành nên hướng đến việc tạo ra giá trị dài hạn cho CĐ.**<br>• Tất cả Thành viên HĐQT đều là Thành viên không điều hành<br>**4** **Đối với các thành viên BĐH là thành viên HĐQT, chính sách và việc trả lương thưởng, thù lao phải phản ánh được cách thức các khoản tiền thưởng gắn với kết quả hoạt động của công ty, bao gồm các khoản thưởng ngắn hạn và dài hạn, các khoản phí, phụ cấp, phúc lợi bằng hiện vật, và các khoản thù lao khác.**<br>• Tại GEC không có thành viên BĐH là thành viên HĐQT<br>**5** **Khi xác định mức thù lao phù hợp cho các thành viên HĐQT và cán bộ quản lý chủ chốt, HĐQT hoặc UB Thù lao (nếu có) cũng cần phải xem xét kết quả hoạt động của công ty về khía cạnh QLRR và cơ hội PTBV trọng yếu.** | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 4.5 | 6 | • Trước khi trình ĐHĐCĐ, UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng đánh giá thận trọng dựa trên kinh nghiệm, vai trò trách nhiệm, phạm vi công việc và đóng góp của từng Thành viên HĐQT vào sự phát triển của Công ty; cân nhắc sự phù hợp của mỗi loại thù lao, cả về tỷ lệ cố định - thù lao hàng tháng; phụ cấp và thù lao trả theo kết quả hoạt động của Công ty - tiền thưởng, phúc lợi<br>• Mức thù lao không quá cao để đảm bảo HĐQT tập trung vào kết quả của Công ty trong dài hạn thay vì ngắn hạn.<br>**ĐHĐCĐ phải phê duyệt cơ cấu thù lao của HĐQT:**<br>• Hàng năm HĐQT trình ĐHĐCĐ phê duyệt thù lao và dự trù kinh phí hoạt động HĐQT và các cơ quan trực thuộc HĐQT.<br>• Tại ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2024 đã phê duyệt thù lao HĐQT là 50 triệu/người/tháng cho Chủ tịch và 30 triệu/người/tháng cho Thành viên HĐQT, chưa bao gồm tháng 13 (tương dương với năm 2024)<br>• Chi trả tiền vé máy bay, lưu trú, chi phí đi lại Thành viên HĐQT tham gia 4 cuộc họp/năm, thanh toán theo thực tế phát sinh với mức khoán không quá 400 triệu đồng/người/năm | |

## NGUYÊN TẮC 5 - THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ VĂN HÓA ĐẠO ĐỨC CÔNG TY

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 5.1 HĐQT có trách nhiệm xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức cao và giám sát việc áp dụng Bộ Quy tắc ứng xử để thiết lập văn hoá công ty trung thực, minh bạch và công bằng | 1 | **Bộ QCƯX quy định chính thức các giá trị văn hoá, là một công cụ quan trọng để văn hoá doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh được triển khai áp dụng trên toàn GEC:**<br>• Bộ QCƯX được ban hành lần đầu ngày 22/01/2019 và được sửa đổi, cập nhật 1 lần vào ngày 20/5/2020<br>• HĐQT và UBKT thực hiện xây dựng, cải thiện và giám sát thực hiện Bộ QCƯX<br>• Trước khi được đưa vào thực hiện, HĐQT đã chỉ đạo định hướng về việc đào tạo phù hợp cho HĐQT, BĐH và CBNV<br>• Trong quá trình áp dụng, GEC đã không ngừng tìm hiểu và thay đổi các quy định nhằm phù hợp với tình hình thực tế và học hỏi cả những thông lệ quốc tế<br>• Bộ QCƯX có 3 nội dung chính về Cam kết: Của Công ty, Đạo đức nghề nghiệp của CBNV, Quy tắc giao tiếp ứng xử của CBNV; 4 Nguyên tắc trong Tuyên bố về Quyền Lao động Cơ bản của Tổ chức Lao động Quốc tế - ILO<br>• Nội dung chính được công bố trên trang Website Công ty, đảm bảo sự tiếp cận thông tin và minh bạch | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 5.2 HĐQT cần phải bảo đảm triển khai phù hợp và hiệu quả và theo dõi việc tuân thủ Bộ Quy tắc ứng xử và các chính sách nội bộ. HĐQT có trách nhiệm CBTT về cách thức thực hiện nội dung này | 1 | **HĐQT và UBKT bảo đảm các chốt KSNB được thiết lập để bảo đảm việc Công ty tuân thủ Bộ Quy tắc và các chính sách và quy trình nội bộ:**<br>• Xây dựng các kênh truyền thông hiệu quả trong nội bộ Công ty, các Phòng Ban chức năng, CBNV và BĐH cũng như với các BLQ<br>• Hỗ trợ và khuyến khích BLQ lên tiếng về những lo ngại về hành vi phi đạo đức, vi phạm luật pháp tới kênh truyền thông phù hợp của HĐQT, không lo ngại bị trả thù<br>• 1 năm 2 lần vào tháng 7 và tháng 12, việc đào tạo sẽ được thực hiện cho toàn bộ CBNV, cùng với định kỳ hàng tháng nhắc nhở, hướng dẫn bởi Ban 5S<br>• Trong 5 năm, không có trường hợp nào vi phạm Bộ QCƯX<br>• Mỗi nhân sự mới sau khi được tuyển dụng sẽ được tham gia các khóa đào tạo hội nhập trong tháng đầu tiên làm việc để được phổ biến văn hóa ứng xử của Công ty<br>• Thường xuyên tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về ngành cũng như lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cho toàn thể CBNV nhằm nâng cao nhận thức, đào tạo liên tục kiến thức ngành, hình thành nét văn hóa của Công ty<br>• Khi phát hiện sai phạm, CBNV có nghĩa vụ báo cáo lên CBQL trực tiếp hoặc UBKT hoặc Phòng Nhân sự. Quy trình xử lý vi phạm theo nội dung tương ứng sẽ được thực hiện nhằm xử lý và đưa ra những biện pháp cải thiện, ngăn ngừa sai phạm tiếp tục xảy ra | |
| 5.3 HĐQT là đầu mối và chịu trách nhiệm tập thể về việc triển khai Bộ quy tắc ứng xử vì sự thành công trong dài hạn của công ty, và mang lại giá trị bền vững cho các bên có quyền lợi liên quan của công ty | 1 | **HĐQT và BĐH hành động một cách đạo đức, trung thực và liêm chính trong mọi quan hệ đã được quy định trong Bộ QCƯX và các VBLQ có liên quan:**<br>• HĐQT và BĐH của Công ty bảo đảm để mọi thảo luận, quyết định và hành động đều dựa trên các giá trị nòng cốt là nền tảng của Quản trị tốt - trách nhiệm, trách nhiệm giải trình, công bằng và minh bạch<br>• HĐQT và BĐH tuân thủ Chính sách Giao dịch các BLQ, tránh xung đột lợi ích, đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong trường hợp phát sinh giao dịch | |
| | 2 | **HĐQT cần phải bảo đảm để mọi thảo luận, quyết định và hành động đều dựa trên các giá trị nòng cốt là nền tảng của quản trị tốt - trách nhiệm, trách nhiệm giải trình, công bằng, và minh bạch.**<br>• UBKT trực thuộc HĐQT thực hiện hoạt động giám sát và báo cáo theo định kỳ cũng như bất thường nếu có | |
| | 3 | **HĐQT đóng vai trò hình mẫu về trách nhiệm giải trình, thể hiện cam kết đối với thành công lâu dài và mang lại giá trị bền vững cho các bên có quyền lợi liên quan, thiết lập tiêu chuẩn cho BĐH và nhân viên noi theo**<br>• Trong 2025, không ghi nhận trường hợp vi phạm nào. HĐQT, BĐH và CBNV tuân thủ đầy đủ chính sách Công ty một cách có đạo đức, trung thực và liêm chính | |

# PHẦN 2: MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT

## NGUYÊN TẮC 6 - THIẾT LẬP KHUNG QUẢN LÝ RỦI RO VÀ MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT VỮNG MẠNH

| Khuyến nghị | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|
| 6.1 HĐQT cần phải bảo đảm sự tích hợp giữa chiến lược, rủi ro, và kiểm soát, và giám sát sự hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty. | **HĐQT có trách nhiệm cuối cùng trong giám sát khung kiểm soát nội bộ và QLRR của công ty thông qua UBKT**<br>1<br>• Quy trình QTRR tại GEC được xây dựng theo Nguyên tắc và Hướng dẫn ISO 31000:2018 bao gồm các bước: (i) Thiết lập bối cảnh, (ii) Xác định và Phân tích các yếu tố của rủi ro, (iii) Đánh giá rủi ro, (iv) Ứng phó và xử lý rủi ro<br>• HĐQT - Xây dựng môi trường chính sách QTRR và thiết lập khẩu vị rủi ro phù hợp; BĐH và QTRR - Xây dựng môi trường Kiểm soát, cấu trúc QTRR và phối hợp các BLQ; Quản lý nghiệp vụ và Nhân viên - Thực thi, hành động theo chuẩn mực, giám sát sự thay đổi của danh mục rủi ro đặc thù và phối hợp trong hoạt động QTRR<br>• Môi trường kiểm soát: Công tác báo cáo, tham vấn và giám sát được duy trì xuyên suốt giữa Trưởng Đơn vị - BĐH - HĐQT. Các hoạt động đảm bảo được thực hiện một cách liên tục nhằm đảm bảo sự hiệu quả của QTRR và đưa ra những điều chỉnh phù hợp trước sự biến động của rủi ro<br>• Hoạt động phối hợp và điều phối của QTRR đóng vai trò xây dựng và tích hợp hoạt động QTRR, điều phối các BLQ trong hoạt động tổng hợp của Công ty liên quan đến QTRR, giám sát hiệu quả và định kỳ báo cáo lên BĐH, UBKT và HĐQT về hoạt động và hiệu quả của QTRR<br>• Báo cáo về QTRR: Định kỳ hàng năm, HĐQT và UBKT nhận báo cáo về hiệu quả QTRR từ BĐH và KTNB, đồng thời đánh giá lại Danh mục rủi ro, Khẩu vị rủi ro, Khung QTRR và các quyết sách liên quan đến QTRR | |
| | **HĐQT cần phải giám sát hiệu quả việc thực hiện các chiến lược đã phê duyệt trong khi giám sát rủi ro với hỗ trợ của các UBKT thông qua việc rà soát định kỳ hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty. Các hoạt động của HĐQT liên quan đến kiểm soát nội bộ không được cứng nhắc mà cần được điều chỉnh để phù hợp với các vấn đề và rủi ro cần sự chú ý cao nhất của HĐQT**<br>2<br>• Với hỗ trợ của UBKT, HĐQT rà soát định kỳ hiệu quả của hệ thống KSNB của Công ty và thực hiện báo cáo trong cuộc họp định kỳ UBKT 2 lần trong năm 2025<br>• BĐH có các cơ chế và thiết lập được các chốt kiểm soát để nhận dạng, đánh giá và giảm thiểu rủi ro xuống mức phù hợp với khẩu vị rủi ro của Công ty. KTNB dưới sự chỉ đạo của UBKT dự báo được các rủi ro tiềm tàng<br>• UBKT tổ chức họp trực tiếp với BĐH để tìm hiểu các vấn đề về KSNB<br>• Thông qua Bộ QCƯX, HĐQT và UBKT xây dựng cơ chế báo cáo sai phạm để cho phép CBNV và các BLQ báo cáo sớm các sai phạm để nhận biết và xử lý kịp thời. Nhân viên phải được bảo vệ để không bị trả thù và không phải đối mặt với rủi ro mất việc hoặc bất kỳ hình thức trừng phạt nào do báo cáo sai phạm<br>• Hệ thống KSNB của GEC được thiết kế theo tiêu chuẩn COSO 2013 - Committee of Sponsoring Organizations of the Treadway Commission - 1 trong các chuẩn mực của thế giới trong lĩnh vực KSNB được IFC khuyến nghị sử dụng | |

| Khuyến nghị | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|
| 6.1 | **HĐQT cần phải báo cáo cho CĐ và các bên có quyền lợi liên quan khác về cách thức bảo đảm hiệu quả của hệ thống QLRR và kiểm soát nội bộ của công ty.**<br>3<br>• Từ 2018, BCTN có riêng Báo cáo về hoạt động của UBKT và QTRR: báo cáo các vấn liên quan công tác QLRR và kiểm toán nội nộ của công ty<br>• Tại ĐHĐCĐ thường niên Năm tài chính 2018 đến nay, UBKT có báo cáo riêng trình bày hoạt động giám sát cũng như định hướng hoạt động năm tiếp theo đến toàn bộ CĐ của Công ty | |
| | **UBKT cần bảo đảm rằng BĐH có các cơ chế và thiết lập được các kiểm soát nội bộ để nhận dạng, đánh giá và giảm thiểu rủi ro xuống mức phù hợp với khẩu vị rủi ro của công ty.**<br>4<br>• BĐH có các cơ chế và thiết lập được các chốt kiểm soát để nhận dạng, đánh giá và giảm thiểu rủi ro xuống mức phù hợp với khẩu vị rủi ro của Công ty. KTNB dưới sự chỉ đạo của UBKT dự báo được các rủi ro tiềm tàng<br>• Đánh giá rủi ro: BĐH ý thức cao về việc QTRR, tối ưu các cơ hội để đề ra các quyết sách phát triển Công ty một cách bền vững. Việc nhận diện, phân tích, đánh giá rủi ro tác động đến các mục tiêu hoạt động của Công ty để có các phương án ứng phó phù hợp thể hiện thông qua công tác tổ chức thực hiện kế hoạch mục tiêu cũng như các hoạt động điều hành, kiểm soát trước biến động của rủi ro<br>• Hoạt động kiểm soát: Kiểm soát được thực hiện ở tất cả các cấp độ trong Công ty và trong tất cả các giai đoạn. Hoạt động kiểm soát được thiết lập thông qua các chính sách, quy trình, quy định, phân quyền, ủy quyền, cơ chế kiểm tra, kiểm soát, phê duyệt để đảm bảo giảm thiểu rủi ro<br>• Thông tin và truyền thông: Các hoạt động tham vấn và hỗ trợ về chuyên môn cũng như báo cáo, thông tin giữa các cấp được đảm bảo nhằm cung cấp thông tin một cách kịp thời và đầy đủ về biến động của môi trường rủi ro. Các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về rủi ro cũng được chú trọng nhằm nâng cao năng lực và nhận thức về rủi ro của đội ngũ nhân sự Công ty và các BLQ<br>• Hoạt động giám sát: Các cuộc đánh giá thường xuyên, định kỳ ở tất cả các cấp độ HĐQT, BĐH, Phòng Ban chuyên môn như hoạt động giám sát của Phòng KTNB; Phòng Kỹ thuật đối với Thủy điện, Phòng O&M đối với Điện Mặt trời, Điện Gió; Phòng EHSS đối với lĩnh vực môi trường, sức khỏe, an toàn, xã hội... và cả hoạt động giám sát định kỳ của các BLQ<br>• Hoạt động phối hợp và điều phối của QTRR đóng vai trò xây dựng và tích hợp hoạt động QTRR, điều phối các BLQ trong hoạt động tổng hợp của Công ty liên quan đến QTRR, giám sát hiệu quả và định kỳ báo cáo lên BĐH, UBKT và HĐQT về hoạt động và hiệu quả của QTRR | |
| | **HĐQT cần bảo đảm rằng các bộ phận kiểm soát cần thiết trong công ty được thành lập với vị trí, quyền hạn và kênh báo cáo phù hợp**<br>5<br>• Phòng KTNB độc lập đứng đầu là Trưởng KTNB, báo cáo trực tiếp cho UBKT, đảm bảo cho HĐQT về hiệu quả và hiệu lực của các hệ thống KSNB, khung QLRR và QTCT<br>• KTNB thực hiện các công việc trọng yếu: Kiểm tra, giám sát độc lập đối với BĐH và QTRR; Thực hiện hoạt động KTNB, báo cáo trực tiếp cho UBKT về tính hiệu quả của hoạt động quản lý và kiểm soát rủi ro; Cung cấp sự đảm bảo và khuyến nghị một cách khách quan đối với tất cả vấn đề liên quan đến việc đạt được mục tiêu của Công ty | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 6.1 | 6 | **Tất cả các ủy ban thuộc HĐQT cần bảo đảm có các kênh thông tin phù hợp liên quan đến các sự cố hoặc các chủ đề có rủi ro hoặc các xu hướng mới nổi**<br>• Các hoạt động tham vấn và hỗ trợ về chuyên môn cũng như báo cáo, thông tin giữa các cấp được đảm bảo nhằm cung cấp thông tin một cách kịp thời và đầy đủ về biến động của môi trường rủi ro. Các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về rủi ro cũng được chú trọng nhằm nâng cao năng lực và nhận thức về rủi ro của đội ngũ nhân sự Công ty và các BLQ<br>• Định kỳ hàng năm, HĐQT và UBKT nhận báo cáo về hiệu quả QTRR từ BĐH và KTNB, đồng thời đánh giá lại Danh mục rủi ro, Khẩu vị rủi ro, Khung QTRR và các quyết sách liên quan đến QTRR | |
| | 7 | **Với mục tiêu hỗ trợ khung KSNB, HĐQT cần xây dựng chính sách báo cáo sai phạm để cho phép nhân viên và các bên có quyền lợi liên quan khác báo cáo sớm các sai phạm qua đó các vấn đề có thể được nhận biết và xử lý kịp thời. Nhân viên phải được bảo vệ để không bị trả thù và không phải đối mặt với rủi ro mất việc hoặc bất kỳ hình thức trừng phạt nào do báo cáo sai phạm**<br>• Thông qua Bộ QCƯX, HĐQT và UBKT xây dựng cơ chế báo cáo sai phạm để cho phép CBNV và các BLQ báo cáo sớm các sai phạm để nhận biết và xử lý kịp thời. Nhân viên phải được bảo vệ để không bị trả thù và không phải đối mặt với rủi ro mất việc hoặc bất kỳ hình thức trừng phạt nào do báo cáo sai phạm | |
| 6.2 Kiểm toán nội bộ phải bảo đảm tính khách quan trong quá trình tư vấn cho HĐQT nhằm gia tăng giá trị và cải tiến hoạt động, PTBV, và gia tăng năng lực chống chịu của công ty | 1 | **Chức năng kiểm toán nội bộ cung cấp đảm bảo độc lập cho HĐQT về hiệu quả và hiệu lực của quản trị, PTBV, năng lực chống chịu, khung QLRR, và hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty. Quyền hạn, thành phần, thù lao lương thưởng, ngân sách hoạt động hàng năm, qui trình làm việc và các vấn đề liên quan khác của KTNB cần được qui định trong quy chế hoạt động kiểm toán nội bộ do UBKT phê duyệt**<br>• HĐQT phê duyệt chủ trương thành lập Phòng KTNB tháng 9/2018, hoạt động liên tục đến nay<br>• Quyền hạn, nhiệm vụ, mục tiêu, phạm vi hoạt động cũng như cụ thể hóa các tiêu chí, tỷ trọng, phương pháp đo lường, thang điểm và kết quả đánh giá tương ứng với từng tiêu chí đánh giá hoạt động tại các Đơn vị trong Công ty của KTNB được quy định trong Quy chế của KTNB ban hành vào tháng 6/2021 và Quy chế Đánh giá tuân thủ ngày 13/5/2024<br>• Cẩm nang KTNB mới nhất được ban hành tháng 12/2022, cung cấp hướng dẫn cụ thể cho đội ngũ KTNB cũng như các BLQ trong việc phối hợp và thực thi chức năng của KTNB, hướng tới kiện toàn và cải thiện hiệu quả của hoạt động KTNB | |
| | 2 | **Trưởng KTNB báo cáo trực tiếp lên UBKT, hoặc HĐQT. Trưởng KSNB được xếp ngang hàng với các lãnh đạo điều hành nhưng không thuộc BĐH. Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm Trưởng Kiểm toán Nội bộ cần phải được UBKT phê duyệt.**<br>• Trưởng KTNB là Quản lý Cấp trung và không thuộc BĐH<br>• Việc bổ nhiệm Trưởng KTNB - Ông Lê Thái Bình là do UBKT đề xuất và được HĐQT phê duyệt. Ông được bổ nhiệm lần đầu vào 26/2/2022 và tái bổ nhiệm vào 26/2/2025. Từ 2018, KTNB ghi nhận 2 lần thay đổi Trưởng KTNB, nhân sự thay thế được lựa chọn và đề cử bởi UBKT | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 6.2 | 3 | **UBKT cần được nhận kết quả đánh giá rủi ro hàng năm, các báo cáo kiểm toán nội bộ, kết quả của kế hoạch hoàn thiện và đánh giá chất lượng của phòng kiểm toán nội bộ, cập nhật các vấn đề kiểm toán có rủi ro cao, các đề xuất của kiểm toán nội bộ và đưa ra hướng dẫn cần thiết**<br>• KTNB thực hiện đánh giá và tham mưu cho UBKT về tính đầy đủ, phù hợp và hiệu quả của hệ thống KSNB trong việc thiết lập, kiểm soát và giám sát các hoạt động về tài chính, kinh doanh, kỹ thuật, vận hành NM cũng như Công ty<br>• UBKT nhận kết quả đánh giá rủi ro hàng năm, các Báo cáo KTNB, kết quả của kế hoạch hoàn thiện và đánh giá chất lượng của Phòng KTNB, cập nhật các vấn đề kiểm toán có rủi ro cao, các đề xuất của KTNB và đưa ra hướng dẫn cần thiết | |
| 6.3 HĐQT cần phải bảo đảm thiết lập một chức năng tuân thủ với vai trò và quyền hạn cần thiết | 1 | **Công ty cần phải thiết lập một chức năng tuân thủ để bảo đảm tuân thủ với các qui định của luật pháp cũng như các chính sách nội bộ. Chức năng tuân thủ cần giám sát các hoạt động của công ty và nhân viên để bảo đảm tuân thủ và định kỳ báo cáo lên BĐH và HĐQT**<br>Bộ QCƯX quy định chính thức các giá trị văn hoá, là một công cụ quan trọng để văn hoá doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh được triển khai áp dụng trên toàn GEC:<br>• Bộ QCƯX được ban hành lần đầu ngày 22/01/2019 và được sửa đổi, cập nhật 1 lần vào ngày 20/5/2020<br>• HĐQT và UBKT thực hiện xây dựng, cải thiện và giám sát thực hiện Bộ QCƯX<br>• Trước khi được đưa vào thực hiện, HĐQT đã chỉ đạo định hướng về việc đào tạo phù hợp cho HĐQT, BĐH và CBNV<br>• Trong quá trình áp dụng, GEC đã không ngừng tìm hiểu và thay đổi các quy định nhằm phù hợp với tình hình thực tế và học hỏi cả những thông lệ quốc tế<br>• Bộ QCƯX có 3 nội dung chính về Cam kết: Của Công ty, Đạo đức nghề nghiệp của CBNV, Quy tắc giao tiếp ứng xử của CBNV; 4 Nguyên tắc trong Tuyên bố về Quyền Lao động Cơ bản của Tổ chức Lao động Quốc tế - ILO | |
| | 2 | **HĐQT và UBKT bảo đảm các chốt KSNB được thiết lập để bảo đảm việc Công ty tuân thủ Bộ Quy tắc và các chính sách và quy trình nội bộ:**<br>• Xây dựng các kênh truyền thông hiệu quả trong nội bộ Công ty, các Phòng Ban chức năng, CBNV và BĐH cũng như với các BLQ<br>• Hỗ trợ và khuyến khích BLQ lên tiếng về những lo ngại về hành vi phi đạo đức, vi phạm luật pháp tới kênh truyền thông phù hợp của HĐQT, không lo ngại bị trả thù<br>• UBKT trực thuộc HĐQT thực hiện hoạt động giám sát và báo cáo theo định kỳ cũng như bất thường nếu có.<br>• Trong 2025, không có bất kỳ hành vi vi phạm Bộ QCƯX cũng như vi phạm pháp luật của bất kỳ CBNV nào trong Công ty. | |
| | 3 | **Trưởng bộ phận tuân thủ cần phải tư vấn cho BĐH và HĐQT về các quy định của luật pháp, các quy tắc và chuẩn mực hiện hành bao gồm việc cập nhật các thay đổi; đào tạo nhân viên về các vấn đề tuân thủ; nhận dạng, ghi nhận, đánh giá, đo lường, giám sát và báo cáo các rủi ro tuân thủ liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.** | |

| Khuyến nghị | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|
| 6.3 | • 1 năm 2 lần vào tháng 7 và tháng 12, việc đào tạo sẽ được thực hiện cho toàn bộ CBNV, cùng với định kỳ hàng tháng nhắc nhở, hướng dẫn bởi Ban 5S<br>• Trong 5 năm, không có trường hợp nào vi phạm Bộ QCUX<br>• Mỗi nhân sự mới sau khi được tuyển dụng sẽ được tham gia các khóa đào tạo hội nhập trong tháng đầu tiên làm việc để được phổ biến văn hóa ứng xử của Công ty<br>• Thường xuyên tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về ngành cũng như lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cho toàn thể CBNV nhằm nâng cao nhận thức, đào tạo liên tục kiến thức ngành, hình thành nét văn hóa của Công ty<br>• Khi phát hiện sai phạm, CBNV có nghĩa vụ báo cáo lên CBQL trực tiếp hoặc UBKT hoặc Phòng Nhân sự. Quy trình xử lý vi phạm theo nội dung tương ứng sẽ được thực hiện nhằm xử lý và đưa ra những biện pháp cải thiện, ngăn ngừa sai phạm tiếp tục xảy ra | |
| 6.4 HĐQT cần phải giám sát hệ thống QLRR toàn doanh nghiệp và bảo đảm rằng các hoạt động QLRR hỗ trợ công ty ra các quyết định chiến lược tốt hơn và dựa trên cơ sở hiểu biết đầy đủ về các rủi ro trong phạm vi khẩu vị rủi ro của công ty | **HĐQT cần phải theo dõi giám sát việc thực hiện chiến lược của công ty và thường xuyên thảo luận về các rủi ro kinh doanh của công ty, các đánh giá của BĐH về hệ thống kiểm soát nội bộ, QLRR và bất cứ thay đổi đáng kể nào đối với các hệ thống này. HĐQT cần bảo đảm dành đủ thời gian trong các cuộc họp để trao đổi về chiến lược, hoạt động và kết quả QLRR, bao gồm rủi ro môi trường và xã hội trọng yếu.**<br>• Trong các cuộc họp HĐQT đều thực hiện trao đổi chiến lược, các hoạt động và kết quả QTRR bao gồm cả các Rủi ro kinh doanh, Rủi ro E&S<br>1<br>• HĐQT đề cử và phân công Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn - Thành viên không Điều hành chịu trách nhiệm về các Rủi ro E&S, các vấn đề liên quan đến ESG tại GEC<br>• Khung QTRR của Công ty được HĐQT và UBKT phối hợp cùng Bộ phận QTRR của BĐH rà soát ít nhất 1 lần/năm<br>• Bộ phận QTRR và BĐH báo cáo hiệu quả hoạt động QTRR, đánh giá lại Danh mục rủi ro và các đề xuất cải thiện lên UBKT ít nhất 1 lần/năm<br>• KTNB giám sát và đánh giá hiệu quả QTRR trong Công ty và gửi báo cáo độc lập định kỳ hàng năm lên UBKT<br>• UBKT rà soát báo cáo của KTNB, hiệu quả hoạt động kiểm soát, biến động trong danh mục rủi ro, hiệu quả của khung QTRR và báo cáo lên HĐQT<br>**HĐQT cần phải thiết lập khẩu vị rủi ro và các mức rủi ro có thể chấp nhận được đối với chiến lược của công ty. HĐQT cần phải bảo đảm rằng khung QLRR của công ty được rà soát ít nhất một năm một lần. UBKT cần phải nhận được một báo cáo từ kiểm toán nội bộ về hiệu quả của khung QLRR một năm một lần**<br>2<br>• HĐQT - Xây dựng môi trường chính sách QTRR và thiết lập khẩu vị rủi ro phù hợp; BĐH và QTRR - Xây dựng môi trường Kiểm soát, cấu trúc QTRR và phối hợp các BLQ; Quản lý nghiệp vụ và Nhân viên - Thực thi, hành động theo chuẩn mực, giám sát sự thay đổi của danh mục rủi ro đặc thù và phối hợp trong hoạt động QTRR<br>• KTNB thực hiện đánh giá và tham mưu cho UBKT về tính đầy đủ, phù hợp và hiệu quả của hệ thống KSNB trong việc thiết lập, kiểm soát và giám sát các hoạt động về tài chính, kinh doanh, kỹ thuật, vận hành NM cũng như Công ty | |

| Khuyến nghị | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|
| 6.4 | • UBKT nhận kết quả đánh giá rủi ro hàng năm, các Báo cáo KTNB, kết quả của kế hoạch hoàn thiện và đánh giá chất lượng của Phòng KTNB, cập nhật các vấn đề kiểm toán có rủi ro cao, các đề xuất của KTNB và đưa ra hướng dẫn cần thiết<br>**HĐQT cần phải xây dựng và công bố một chính sách QLRR với khung và cơ cấu QLRR rõ ràng. Khung QLRR này cần phù hợp với "Mô hình Ba tuyến" (The Three Lines Model) phân định rõ trách nhiệm giữa Vận hành, Quản lý rủi ro và Kiểm toán Nội bộ.**<br>3<br>• Khung QTRR phù hợp với mô hình 3 Tuyến với HĐQT vai trò thiết lập nền tảng và giám sát hoạt động QTRR. Phòng Ban chức năng và nhân sự cơ sở ở tuyến 1, BĐH và chức năng QTRR ở tuyến 2, KTNB là tuyến 3 giám sát độc lập<br>• HĐQT bảo đảm khẩu vị rủi ro được thiết lập phù hợp với lợi ích bền vững của Công ty và được điều chỉnh để phù hợp tất cả các rủi ro trong danh mục<br>• Mô hình này cho phép việc giám sát của UBKT được thực hiện cả trước, trong và sau khi BĐH và HĐQT ra quyết định quản lý trọng yếu<br>• Công ty đang xây dựng chức năng QTRR độc lập và phù hợp với đặc thù Công ty và các nhu cầu về hoạt động QTRR tại GEC | |
| 6.5 HĐQT cần phải bảo đảm việc công ty thiết lập một khung QLRR an ninh mạng, kỹ thuật số và trí tuệ nhân tạo | **HĐQT cần phải có khả năng phù hợp để hiểu được các rủi ro an ninh mạng, kỹ thuật số và trí tuệ nhân tạo và các ảnh hưởng pháp lý mà các rủi ro này có thể mang lại. HĐQT có trách nhiệm bảo đảm việc triển khai các biện pháp an ninh mạng mạnh mẽ để bảo vệ dữ liệu của công ty và bảo vệ quyền riêng tư của các bên có quyền lợi liên quan.**<br>1<br>• Rủi ro an ninh mạng được quản lý như là một phần của hệ thống QTRR tổng thể của Công ty. Bộ phận QTRR phối hợp Phòng CNTT trong việc quản lý các rủi ro liên quan đến an ninh mạng, đảm bảo quản lý hiệu quả các rủi ro tiềm năng. Định kỳ hàng năm, QTRR đánh giá lại danh mục rủi ro an ninh mạng và báo cáo lên UBKT<br>• KTNB đánh giá độc lập về chương trình an ninh mạng của Công ty, các rủi ro an ninh mạng tiềm năng hoặc gia tăng trong năm và báo cáo lên UBKT và HĐQT<br>• GEC tuân thủ Luật Sở hữu trí tuệ, mua và sử dụng các phần mềm bản quyền như MS Office, MS Project, MS Dynamic và các phân hệ ERP phục vụ công tác SXKD để tránh rủi ro về bản quyền<br>**Các rủi ro an ninh mạng, kỹ thuật số và trí tuệ nhân tạo cần được quản lý như là một phần của hệ thống QLRR tổng thể của công ty thay vì quản lý tách rời khỏi hệ thống. HĐQT cần dành đủ thời gian để xem xét trao đổi về nội dung này trong các cuộc họp để bảo đảm rằng công ty sẽ được bảo vệ an toàn trước các rủi ro này. HĐQT cần phải phê duyệt chiến lược của công ty về nhận dạng và giảm thiểu các rủi ro an ninh mạng, kỹ thuật số và trí tuệ nhân tạo. Công ty cân nhắc việc mua bảo hiểm để chuyển giao rủi ro**<br>2<br>• Chiến lược QTRR có cân nhắc đến các rủi ro an ninh mạng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa một cách chủ động và các biện pháp giảm thiểu rủi ro an ninh thông tin, rủi ro an ninh mạng<br>• Công ty ban hành hơn 14 văn bản hướng dẫn sử dụng hệ thống CNTT và đảm bảo an ninh thông tin, bảo mật thông tin nhằm tăng cường nhận thức của đội ngũ nhân sự trong sử dụng và vận hành hệ thống CNTT | |

| Khuyến nghị | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|
| 6.5 | • Các hệ thống dự phòng, tường lửa, khóa bảo mật và phân cấp, phân quyền hệ thống nhằm đảm bảo sự an toàn và liên tục của hệ thống trước các rủi ro an ninh thông tin và các sự cố tiềm năng<br>• Tổ chức các khóa đào tạo, nâng cao nhận thức về an ninh thông tin cũng như sử dụng hệ thống CNTT cho CBNV nhằm gia tăng nhận thức người dùng và giảm thiểu các rủi ro liên quan đến an ninh thông tin, CNTT<br><br>**HĐQT cần phải xem xét các báo cáo định kỳ và cập nhật của bộ phận kiểm toán nội bộ về chương trình an ninh mạng, kỹ thuật số và trí tuệ nhân tạo của công ty.**<br>3<br>• Bộ phận QTRR phối hợp Phòng CNTT trong việc quản lý các rủi ro liên quan đến an ninh mạng, đảm bảo quản lý hiệu quả các rủi ro tiềm năng. Định kỳ hàng năm, QTRR đánh giá lại danh mục rủi ro an ninh mạng và báo cáo lên UBKT để báo cáo HĐQT | |
| HĐQT cần phải thiết lập các tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, đánh giá chất lượng công việc của kiểm toán độc lập cũng như qui trình để theo dõi việc thực hiện các khuyến nghị mà kiểm toán độc lập đưa ra.<br>6.6 | **Công ty Kiểm toán độc lập E&Y - 1 trong 4 Công ty kiểm toán uy tín nhất trên thị trường là đơn vị Kiểm toán BCTC năm 2025 được bổ nhiệm bởi ĐHĐCĐ:**<br>1<br>• UBKT báo cáo lên HĐQT và ĐHĐCĐ về các khuyến nghị của UB liên quan đến việc lựa chọn Công ty Kiểm toán, Phi Kiểm toán và các điều khoản dịch vụ do Công ty Kiểm toán cung cấp<br>• UBKT xác định và giám sát các chỉ số đo lường chất lượng của Công ty Kiểm toán và giám sát hoạt động kiểm toán của Công ty Kiểm toán cũng như tính hiệu quả của quy trình Kiểm toán<br>• UBKT rà soát các chính sách của Công ty đối với Công ty Kiểm toán và báo cáo lên HĐQT nếu có các khuyến nghị cần thiết để điều chỉnh các chính sách này phù hợp<br><br>**Công ty kiểm toán cần phải độc lập, có đầy đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ của mình mà không bị vướng vào các xung đột lợi ích. Công ty kiểm toán cần đưa ra ý kiến kiểm toán một cách độc lập và chú ý hạn chế cung cấp các dịch vụ phi kiểm toán cho công ty. BCTC nên được kiểm toán tuân thủ theo các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế (ISA).**<br>2<br>• Công ty Kiểm toán E&Y có đầy đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ mà không bị vướng vào các xung đột lợi ích<br>• BCTC được kiểm toán tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam về BCTC và chuẩn mực kiểm toán Việt Nam<br>• E&Y ra ý kiến kiểm toán một cách độc lập với ý kiến kiểm toán trong các năm trước đó là trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính, kết quả HĐKD, lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các Chuẩn mực VAS, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan<br>• Công ty luôn nhận được ý kiến Kiểm toán là "Chấp nhận toàn phần". Công ty chưa bao giờ nhận được ý kiến Kiểm toán là "Ý kiến loại trừ" "Ý kiến trái ngược" và "Từ chối đưa ra ý kiến" trong Báo cáo Kiểm toán độc lập các năm<br>• UBKT rà soát số liệu kế toán và thẩm tra BCTC hàng quý, bán niên và cuối niên độ, đóng góp ý kiến hoàn thiện BCTC riêng và BCTC hợp nhất trước khi CBTT<br>• GEC tiến tới áp dụng Chuẩn mực BCTC quốc tế IFRS nhằm phù hợp với các thông lệ quốc tế, tuân thủ các quy tắc chung để BCTC đáp ứng yêu cầu của các NĐT và CĐ nước ngoài | |

| Khuyến nghị | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|
| 6.6 | **Công ty cần công bố tất cả các loại phí trả cho công ty kiểm toán, bao gồm phí dịch vụ kiểm toán và phí dịch vụ phi kiểm toán. UBKT cần bảo đảm rằng phí trả cho các dịch vụ phi kiểm toán, nếu có, không được vượt quá mức phí trả cho dịch vụ kiểm toán.**<br>3<br>• Phí Kiểm toán GEC thanh toán cho E&Y năm 2025 là 324 triệu đồng (Chưa bao gồm thuế).<br>• Trong năm 2025, E&Y có cung cấp dịch vụ Phi Kiểm toán cho GEC, cụ thể: Dịch vụ phi kiểm toán Hỗ trợ chuyển đổi BCTC từ VAS sang IFRS của cùng Đơn vị kiểm toán BCTC với chi phí là 1,3 tỷ đồng (Chưa bao gồm thuế) | |
| Hệ thống QLRR và kiểm soát nội bộ cần xem xét những rủi ro và cơ hội trọng yếu về PTBV.<br>6.7 | **Rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu, môi trường và xã hội cần được đưa vào chính sách và quy trình kiểm soát nội bộ**<br>1<br>• HĐQT bảo đảm thiết lập các chính sách và quy trình Quản trị phù hợp để theo dõi chất lượng của thông tin E&S. Thông tin được gắn với chiến lược, quản trị và hiệu quả hoạt động của Công ty, thúc đẩy thành công bền vững trong dài hạn<br>• Hoạt động giám sát: Các cuộc đánh giá thường xuyên, định kỳ ở tất cả các cấp độ HĐQT, BĐH, Phòng Ban chuyên môn như hoạt động giám sát của Phòng KTNB; Phòng Kỹ thuật đối với Thủy điện, Phòng O&M đối với Điện Mặt trời, Điện Gió; Phòng EHSS đối với lĩnh vực an toàn, sức khỏe, môi trường, xã hội... và cả hoạt động giám sát định kỳ của các BLQ<br><br>**Nhân viên của công ty cần được đào tạo về các vấn đề liên quan đến khí hậu, môi trường và xã hội trong ngành để nhận thức được và tuân thủ quy trình kiểm soát nội bộ mới liên quan đến rủi ro và cơ hội về môi trường và xã hội trong công việc hàng ngày.**<br>2<br>• Năm 2025, Công ty đã ký kết hợp đồng với Đơn vị bên ngoài để tổ chức đào tạo, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho 501 người. Bên cạnh đó, theo phân công của BLĐ, Phòng EHSS đã thực hiện 03 chương trình đào tạo nội bộ, bao gồm: (i) đào tạo về việc tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường cho 43 người; (ii) đào tạo về dự báo thời tiết trong bối cảnh biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan cho 105 người. (iii) Đào tạo Cán bộ liên lạc cộng đồng DA Điện Mặt trời Đức Huệ 2 ngày 11/9/2025 cho 1 người<br><br>**Quy trình kiểm soát nội bộ liên quan đến khí hậu, môi trường và xã hội cần được mở rộng áp dụng cho nhà thầu, nhà thầu phụ, bên thứ ba, nhà cung cấp, người lao động trong chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị nếu có liên quan.**<br>3<br>• Hệ thống ESMS của GEC được xây dựng dựa trên Luật pháp Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế bao gồm các tiêu chuẩn thực hành của IFC và ISO 14001:2015. Hệ thống này bao gồm 37 Văn bản, trong đó bao gồm các chính sách, quy trình và công cụ giám sát, đảm bảo rằng mọi hoạt động của công ty đều được thực hiện một cách có trách nhiệm và bền vững. ESMS không chỉ giúp GEC QLRR mà còn tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, tăng cường sự minh bạch và trách nhiệm giải trình. Định kỳ hàng năm, hệ thống ESMS được rà soát và cải tiến để đáp ứng các yêu cầu mới, tạo sự tin cậy cho các BLQ<br><br>**UBKT giám sát hành động khắc phục liên quan đến thực hiện kiểm soát nội bộ của công ty và các bên có quyền lợi liên quan.**<br>4<br>• UBKT nhận kết quả đánh giá rủi ro hàng năm, các Báo cáo KTNB, kết quả của kế hoạch hoàn thiện và đánh giá chất lượng của Phòng KTNB, cập nhật các vấn đề kiểm toán có rủi ro cao, các đề xuất của KTNB và đưa ra hướng dẫn cần thiết | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 6.7 | | • Tăng cường công tác tiền kiểm trong vai trò tư vấn hoàn thiện các chốt kiểm soát, hiệu chỉnh hệ thống VBLQ phù hợp với tình hình thực tế hoạt động thông qua từng cuộc kiểm toán<br>• Thực hiện đánh giá tính hiệu quả của hoạt động QLRR bao gồm các rủi ro về Chiến lược - Thị trường - Tài chính - Vận hành - Pháp lý và Tuân thủ - Môi trường, Xã hội và Các bên liên quan (ESG) - Quản trị và Nhân sự. Đồng thời, khuyến khích môi trường giao tiếp cởi mở và sự chia sẻ từ các cấp quản lý, xây dựng cơ chế đánh giá và cải tiến liên tục, đáp ứng các yêu cầu thay đổi của tổ chức và môi trường hoạt động. | |
| | 5 | **Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm toán định kỳ việc thực hiện chính sách, quy trình về dữ liệu, danh mục rủi ro, và kiểm soát liên quan đến khí hậu. Kiểm toán nội bộ soát xét thông tin và dữ liệu quan trọng liên quan đến khí hậu, môi trường và xã hội về tính chính xác và khả năng xác minh.**<br>• KTNB thực hiện kiểm tra định kỳ và đột xuất việc tuân thủ thực hiện chính sách, quy trình về dữ liệu, danh mục rủi ro, và kiểm soát liên quan đến khí hậu tại từng phòng ban và công ty thành viên.<br>• Rà soát thông tin, dữ liệu ESG trọng yếu, bao gồm dữ liệu công bố ra thị trường, để đánh giá tính chính xác và khả năng xác minh<br>• KTNB giám sát và đánh giá hiệu quả QTRR trong Công ty và gửi báo cáo độc lập định kỳ hàng năm lên UBKT<br>• UBKT rà soát báo cáo của KTNB, hiệu quả hoạt động kiểm soát, biến động trong danh mục rủi ro, hiệu quả của khung QTRR và báo cáo lên HĐQT | |

## PHẦN 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

### NGUYÊN TẮC 7 - TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG CBTT BAO GỒM CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ PTBV CỦA CÔNG TY

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 7.1 | HĐQT cần phải thiết lập các nguyên tắc và chính sách về CBTT cho CĐ và các bên có quyền lợi liên quan khác và giám sát việc thực hiện các nguyên tắc và quy trình này | **HĐQT cần phải thiết lập và/hoặc phê duyệt chính sách CBTT để bảo đảm mọi thông tin liên quan về quản trị, hoạt động, chiến lược và kết quả kinh doanh của công ty được công bố một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời theo quy định luật pháp hiện hành. Những thông tin công bố cần phải được cung cấp cho tất cả các CĐ và các bên có quyền lợi liên quan khác một cách đồng thời. Cụ thể, công ty phải công bố đầy đủ, khách quan, chính xác, và kịp thời mọi sự việc hoặc sự kiện trọng yếu xảy ra, đặc biệt là về việc mua hoặc bán những tài sản quan trọng, có thể ảnh hưởng bất lợi đến khả năng phát triển hoặc lợi ích của CĐ và các bên có quyền lợi liên quan khác**<br>• Công ty thực hiện 35 đợt CBTT bao gồm CBTT định kỳ, bất thường, 24h, 10 ngày, theo yêu cầu, CBTT của các đối tượng liên quan, sở hữu Cổ phiếu của CĐ lớn, giao dịch Cổ phiếu quỹ, phát hành Trái phiếu riêng lẻ và Trái phiếu ra công chúng<br>• Công ty công bố đầy đủ, khách quan, chính xác và kịp thời mọi sự việc hoặc sự kiện trọng yếu xảy ra, đặc biệt là về việc mua hoặc bán những tài sản quan trọng, có thể ảnh hưởng bất lợi đến khả năng phát triển hoặc lợi ích của CĐ và các BLQ | |
| | 1 | | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 7.1 | | • Hệ thống CBTT bảo đảm để CĐ/NĐT và các BLQ tiếp cận được thông tin một cách công bằng. Quy chế CBTT được ban hành lần đầu tháng 7/2018. HĐQT phê duyệt sửa đổi tháng 1/2022 đảm bảo cập nhật các quy định mới của Luật Chứng khoán 2019, TT 96 hướng dẫn CBTT trên TTCK, QĐ 21 về Quy chế CBTT của SGDCK Việt Nam, NĐ 153 quy định về chào bán, giao dịch Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và Trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế. Các Phòng, Ban, Đơn vị liên quan đến hoạt động CBTT có trách nhiệm thực hiện đầy đủ theo quy định | |
| | 2 | **HĐQT cần phải bảo đảm hiệu quả của hệ thống CBTT để hoạt động CBTT của công ty tuân thủ chính sách CBTT. Hệ thống CBTT của công ty phải bảo đảm để CĐ, NĐT, và các bên có quyền lợi liên quan tiếp cận được thông tin một cách công bằng và không cho phép lạm dụng thông tin nội bộ hoặc giao dịch nội gián**<br>• Không cho phép lạm dụng thông tin nội bộ hoặc giao dịch nội gián. Tại GEC không xảy ra bất kỳ tình huống vi phạm nào<br>• UBKT giám sát Báo cáo Tài chính và Phi Tài chính theo đúng quy định của chính sách CBTT<br>• UBKT thực thi giám sát việc CBTT theo quy định, đảm bảo tuân thủ và CBTT đầy đủ, minh bạch<br>• HĐQT có chính sách yêu cầu mọi Thành viên HĐQT và Lãnh đạo cấp cao phải báo cáo cho Công ty tất cả các giao dịch Cổ phiếu của Công ty trong 3 ngày làm việc | |
| | 3 | **Công ty đã có Bộ phận Quan hệ NĐT chuyên nghiệp, chịu trách nhiệm giám sát truyền thông ra bên ngoài và lưu trữ thông tin theo quy định của Pháp luật:**<br>• Là đầu mối làm việc với các CQBN liên quan chứng khoán (UBCKNN, VNX, HOSE, HNX, VSD), CĐ/NĐT, Quỹ Đầu tư, Định chế Tài chính, CTCK...<br>• Đảm bảo việc truyền đạt thông tin chính xác, kịp thời<br>• Xử lý các vấn đề liên quan đến khủng hoảng truyền thông có ảnh hưởng đến thương hiệu Cổ phiếu GEG<br>• Thiết lập và duy trì mối quan hệ thường xuyên với CĐ/NĐT. Giải đáp các thắc mắc của NĐT những vấn đề liên quan đến Cổ phiếu, Công ty<br>• Lên kế hoạch và biên soạn các ấn phẩm như BCTN, Báo cáo PTBV đạt tiêu chuẩn khu vực và thế giới<br>• Biên soạn các tài liệu phục vụ cho NĐT song ngữ<br>• Kết hợp với các CTCK/Quỹ đầu tư tổ chức các hội thảo NĐT, hội thảo phân tích về Công ty và Cổ phiếu GEG<br>• Cung cấp thông tin và làm việc với bộ phận phân tích của các CTCK để ban hành các Báo cáo Ngành, Báo cáo phân tích chuyên sâu về Công ty, Báo cáo nhanh<br>• Cập nhật, lựa chọn và tham gia các giải thưởng trong và ngoài nước để gia tăng giá trị thương hiệu Công ty | |
| 7.2 | 1 | **Công ty bảo đảm CBTT liên quan và cập nhật về cơ cấu, chính sách và hoạt động QTCT, thông tin về tình hình công ty tuân thủ Bộ Nguyên tắc QTCT Việt Nam trên website và trong BCTN**<br>• HĐQT công bố mức độ và lộ trình Công ty tuân thủ các chuẩn mực QTCT thông lệ tốt từ năm 2018 đến nay trong mục QTCT của BCTN | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 7.2 | HĐQT cần phải bảo đảm việc CBTT về chính sách và hoạt động QTCT bao gồm tuyên bố tuân thủ hoặc giải thích việc áp dụng Bộ Nguyên tắc Quản trị công ty | • Các hoạt động liên quan đến QTCT được công bố cụ thể trên trang Website Công ty, Báo cáo Quản trị, BCTN mục QTCT từ 2018-2025, CBTT thường lệ hoặc bất thường theo quy định<br>• Các thông tin được công bố theo quy định về CBTT và QTCT cũng như các thông lệ tốt, đảm bảo thông tin một cách đầy đủ và minh bạch<br>• BCTN hàng năm có đánh giá mức độ cải thiện về QTCT qua các năm nhằm cung cấp thông tin một cách chính xác và đầy đủ đến CĐ/NĐT và các BLQ<br>**HĐQT cần phải bảo đảm CBTT về tình hình công ty tuân thủ Bộ Nguyên tắc QTCT Việt Nam**<br>2 • BCTN 8 năm liên tiếp (2018-2025) đều thực hiện phân tích hoạt động QTCT theo các tiêu chuẩn trong nước như là Bộ Nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất 2019 và cập nhật theo Bộ Nguyên tắc QTCT Việt Nam tháng 2/2026; song song đó hoạt động QTCT tại Công ty cũng được phân tích theo các tiêu chuẩn quốc tế OECD 2023 và ASEAN SCORECARD 2024 | |
| 7.3 | HĐQT cần phải bảo đảm CBTT về PTBV và năng lực chống chịu | **HĐQT CBTT về tác động E&S và phương pháp QLRR E&S của Công ty:**<br>• Thông tin được chuẩn bị theo các chuẩn mực được chấp nhận chung trên toàn cầu, như chuẩn mực do Hội đồng Báo cáo Tích hợp Quốc tế (IIRC), Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) và Hội đồng Chuẩn mực Đảm bảo Bền vững (SASB)<br>• HĐQT bảo đảm thiết lập các chính sách và quy trình Quản trị phù hợp để theo dõi chất lượng của thông tin E&S. Thông tin được gắn với chiến lược, quản trị và hiệu quả hoạt động của Công ty, thúc đẩy thành công bền vững trong dài hạn<br>1 • Công ty thực hiện 8 Tiêu chuẩn E&S của IFC, 17 Mục tiêu PTBV của Liên Hiệp Quốc, 36 tiêu chí của Tiêu chuẩn lập Báo cáo PTBV GRI, E&S theo Tiêu chuẩn ADB, Tiêu chuẩn E&S của Ngân hàng Thế giới (World Bank), Tiêu chuẩn lao động cốt lõi của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Nhóm nhiệm vụ liên quan đến khí hậu (TCFD) và đạt được Chứng nhận ISO 14001:2015, ISO 45001:2018, ISO 26000:2010<br>• Công ty thực hiện khuôn khổ các yêu cầu về Hệ thống quản lý Môi trường, đảm bảo công tác E&S luôn đồng hành trong những giai đoạn triển khai DA và vận hành NM<br>• CBTT trên các phương tiện truyền thông đến các BLQ và nhận được sự thuận duyệt từ các Bên để cùng nhau thực hiện<br>• GEC công bố minh bạch Chiến lược PTBV, mô hình E&S và Báo cáo E&S theo chuẩn mực GRI tại BCTN 2024 - Chương 4 cũng như trong BCTN 6 năm liên tiếp trước đó (2018-2023)<br>• BCTN tích hợp Báo cáo PTBV của GEC luôn được đánh giá rất cao, nhiều năm liên tiếp đạt các giải thưởng uy tín trong và ngoài nước | |
| 7.4 | | **HĐQT cần phải xây dựng và CBTT về chính sách giao dịch với bên liên quan bao gồm quy trình chặt chẽ để xem xét, phê duyệt và giám sát giao dịch với bên liên quan và phòng ngừa mọi xung đột lợi ích tiềm tàng**<br>1 • Chính sách giao dịch BLQ cập nhật điều chỉnh vào ngày 10/2/2025 và được áp dụng theo chuẩn mực BCTC Quốc tế IFRS và định nghĩa IAS24<br>• Thành viên BĐH, UBKT, HĐQT và các CĐ Công ty tuân thủ đầy đủ về việc báo cáo các xung đột lợi ích tiềm năng | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 7.4 | HĐQT cần ngăn ngừa mọi hình thức xung đột lợi ích giữa công ty và các thành viên HĐQT, BĐH, và các bên kiểm soát khác. Để tránh xung đột lợi ích, cần áp dụng đầy đủ các biện pháp và CBTT. HĐQT cần bảo đảm CBTT trọng yếu về giao dịch với bên liên quan, cơ cấu vốn, cơ cấu tập đoàn, quyền sở hữu cổ phần để bảo đảm công ty được điều hành với sự quan tâm đúng mức lợi ích của tất cả các NĐT | • Giao dịch BLQ được ghi nhận và báo cáo đầy đủ tại kỳ họp HĐQT Quý IV/2024 ngày 11/3/2025, đảm bảo tuân thủ theo Chính sách giao dịch BLQ và các quy định theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các chuẩn mực về QTCT<br>• KTNB thực hiện việc giám sát các giao dịch với BLQ và báo cáo trực tiếp cho UBKT<br>**HĐQT thực hiện CBTT đầy đủ về tất cả các giao dịch với bên liên quan và công bố rằng các điều khoản của các giao dịch đó được thực hiện theo thông lệ thị trường.**<br>2 • Công ty thực hiện CBTT về giao dịch BLQ trong Báo cáo QTCT bán niên và thường niên trên trang Website Công ty, mục QTCT<br>**HĐQT cần phải thông qua một chính sách yêu cầu mọi thành viên HĐQT và BĐH phải công bố/báo cáo cho công ty tất cả các giao dịch cổ phiếu của công ty trong vòng 3 (ba) ngày làm việc trước và sau khi giao dịch với thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 (ba mươi) ngày**<br>3 • Quy chế CBTT được ban hành lần đầu tháng 7/2018. HĐQT phê duyệt sửa đổi tháng 1/2022 đảm bảo cập nhật các quy định mới của Luật Chứng khoán 2019, TT 96 hướng dẫn CBTT trên TTCK, QĐ 21 về Quy chế CBTT của SGDCK Việt Nam, NĐ 153 quy định về chào bán, giao dịch Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và Trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.<br>• Mọi thành viên HĐQT và BĐH đảm bảo công bố/báo cáo cho công ty đối với giao dịch cổ phiếu công ty có giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá trong vòng 3 (ba) ngày làm việc trước và sau khi giao dịch với thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 (ba mươi) ngày<br>**HĐQT cần phải bảo đảm CBTT về cơ cấu sở hữu/ vốn, cơ cấu tập đoàn và thỏa thuận kiểm soát trong BCTN để giúp CĐ, chủ nợ và NĐT tiềm năng ra quyết định dựa trên đầy đủ thông tin.**<br>4 • Cơ cấu CĐ được công bố cụ thể trong bài Quan hệ NĐT của BCTN 2018-2025, trình bày chi tiết các CĐ chiến lược, CĐ lớn trong nước và nước ngoài theo nhiều cấu trúc khác nhau<br>• CĐ hoặc nhóm CĐ sở hữu từ 5% trở lên tổng số Cổ phần phổ thông trở lên sẽ được quyền xem xét, tra cứu, trích lục các tài liệu ảnh hưởng đến quyền lợi CĐ; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền CĐ, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền; yêu cầu UBKT kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty; kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Tính đến 31/12/2024, GEC có 5 CĐ lớn sở hữu trên 5%, tương đương năm 2023<br>• CĐ hoặc nhóm CĐ sở hữu từ 10% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT. GEC có 2 CĐ nắm giữ trên 10% Cổ phần là JERA và CTCP Thành Thành Công<br>• Điều lệ quy định về quyền ưu tiên cho CĐ để cho phép CĐ hiện hữu duy trì tỷ lệ sở hữu Cổ phần tương ứng khi Công ty phát hành Cổ phần mới. Giá mua Cổ phần và điều khoản mua được áp dụng với các CĐ hiện hữu không kém ưu đãi hơn so với giá và điều khoản chào bán cho bên thứ 3 | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 7.5 HĐQT cần phải bảo đảm CBTT về những rủi ro trọng yếu có thể lường trước được của công ty để cung cấp đầy đủ thông tin cho các NĐT và các bên có quyền lợi liên quan khác | 2 | **HĐQT đánh giá những rủi ro lớn ảnh hưởng đến hoạt động công ty và CBTT đầy đủ**<br>• Năm 2025, GEC nhận diện 7 nhóm rủi ro sơ cấp có tác động chính yếu đến hoạt động của Công ty: rủi ro về Chiến lược - Thị trường - Tài chính - Vận hành - Pháp lý và Tuân thủ - Môi trường, Xã hội và Các bên liên quan (ESG) - Quản trị và Nhân sự. Tương ứng với các rủi ro sơ cấp, GEC cũng nhận diện ra 21 rủi ro thứ cấp đồng thời thực hiện phân tích tác động cũng như đưa ra các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa thích hợp. Chi tiết tại bài QTRR | |
| 7.6 HĐQT cần phải bảo đảm thù lao của các thành viên HĐQT và BĐH được công bố công khai nhằm cung cấp thông tin cho CĐ về thù lao, hiệu quả hoạt động và tạo ra giá trị. | 1 | **HĐQT công bố trong BCTN từ 2018 đến nay về chính sách và tiêu chí xác định lương thưởng/thù lao, cũng như tên, số tiền và chi tiết lương thưởng/thù lao của từng Thành viên HĐQT, TGĐ và BĐH thực hiện CBTT:**<br>• HĐQT công bố mọi hình thức lương thưởng/thù lao và các khoản chi và lợi ích khác, do Công ty và các Công ty Con chi trả<br>• Chế độ thù lao, lương, thưởng của HĐQT và BĐH được quy định trong Quy chế hoạt động của HĐQT và công bố rộng rãi trong tài liệu ĐHĐCĐ, BCTN và BCTC tự lập cũng như Soát xét và Kiểm toán trong vòng 7 năm từ 2018 đến nay<br>• Lương thưởng và các chế độ khác của BĐH được đánh giá và chi trả dựa trên thành quả hoạt động trong năm và được sự thuận duyệt của HĐQT thông qua lương hàng tháng, thưởng tháng 13, thưởng KPI, thưởng vượt kế hoạch và thưởng ESOP<br>• Từ 2021, UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng là đơn vị tham mưu cho HĐQT về chính sách lương thưởng và thù lao của các Thành viên HĐQT. | |
| 7.7 Để thúc đẩy tiếp cận hiệu quả và tối ưu về chi phí đối với các thông tin liên quan, HĐQT cần phải bảo đảm các bên có quyền lợi liên quan có được sự tiếp cận dễ dàng và không phân biệt đối xử với những thông tin đã được công bố bằng cách sử dụng truyền thông đa phương tiện | 1 | **HĐQT bảo đảm thông tin liên quan của công ty được công bố càng sớm càng tốt, và bảo đảm NĐT nước ngoài có cơ hội tiếp cận hiệu quả đối với thông tin đã công bố bằng cách bảo đảm CBTT liên quan bằng tiếng Anh một cách kịp thời**<br>• Nhận thức rõ vai trò quan trọng của thông tin trong quá trình ra quyết định đầu tư, GEC luôn chú trọng đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các kênh cung cấp thông tin nhằm đảm bảo CĐ và NĐT được tiếp cận đầy đủ, chính xác và kịp thời các nội dung liên quan đến định hướng chiến lược, kết quả HĐKD, tình hình quản trị doanh nghiệp...<br>• Bên cạnh việc tuân thủ nghiêm túc quy định về CBTT theo TT số 96/2020/TT-BTC, GEC chủ động cung cấp các thông tin trọng yếu có thể ảnh hưởng đến quyền lợi của NĐT một cách kịp thời và minh bạch. Đặc biệt, việc duy trì phát hành Thông cáo báo chí song ngữ Việt - Anh với nội dung phân tích chuyên sâu về các chỉ tiêu tài chính và nghiệp vụ đặc thù trong HĐKD của GEC đã nhận được sự đánh giá cao từ cộng đồng đầu tư và các chuyên gia phân tích. Điều này không chỉ nâng cao tính minh bạch trong hoạt động CBTT mà còn giúp các bên liên quan có góc nhìn toàn diện hơn về hoạt động của GEC và các đơn vị thành viên. | |
| | 2 | **Công ty cần phải xây dựng và thường xuyên cập nhật một website công ty**<br>• Công ty xây dựng và duy trì trang thông tin điện tử chính thức tại địa chỉ https://geccom.vn/, bảo đảm thân thiện, dễ truy cập và được cập nhật thường xuyên; đồng thời cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin quan trọng về hoạt động quản trị, điều hành và CBTT của công ty bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh nhằm đáp ứng yêu cầu minh bạch và phục vụ tốt nhu cầu tra cứu của CĐ, NĐT và các bên liên quan. | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 7.7 | 3 | **Công ty cần phải tạo điều kiện cho NĐT và nhà phân tích thị trường tham gia và tìm kiếm thông tin bổ sung liên quan đến hoạt động của công ty.**<br>• Công ty duy trì phát hành Thông cáo báo chí song ngữ Việt - Anh với nội dung phân tích chuyên sâu về các chỉ tiêu tài chính và nghiệp vụ đặc thù trong HĐKD của GEC đã nhận được sự đánh giá cao từ cộng đồng đầu tư và các chuyên gia phân tích | |

## PHẦN 4: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

### NGUYÊN TẮC 8 - THIẾT LẬP KHUÔN KHỔ ĐỂ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 8.1 HĐQT cần phải thiết lập và công bố các chính sách bảo vệ quyền của CĐ, và giám sát việc thực hiện các chính sách này. | 1 | **Công ty cần phải công bố chính sách và quy trình thực hiện quyền của CĐ và quan hệ NĐT trong điều lệ công ty và công bố trên website công ty.**<br>• Công ty công bố chính sách dành cho CĐ, quy tắc và thủ tục tham gia họp ĐHĐCĐ trên trang Website Công ty, trong thư mời gửi tới CĐ và trong thông tin gửi tới UBCKNN, HOSE, HNX<br>• Điều lệ Công ty - Điều 11-23 quy định rõ Quyền CĐ, ĐHĐCĐ, Quy trình triệu tập và làm việc của ĐHĐCĐ, Thẩm quyền và thể thức Lấy ý kiến CĐ bằng văn bản, Cơ chế yêu cầu hủy bỏ NQ ĐHĐCĐ | |
| | 2 | **Công ty nên công bố chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng (nêu rõ đích danh cá nhân và tổ chức) từ 5% tổng số cổ phần trở lên, bao gồm cả sở hữu trực tiếp và sở hữu gián tiếp.**<br>• CĐ hoặc nhóm CĐ sở hữu từ 5% trở lên tổng số Cổ phần phổ thông trở lên sẽ được quyền xem xét, tra cứu, trích lục các tài liệu ảnh hưởng đến quyền lợi CĐ; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền CĐ, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền; yêu cầu UBKT kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty; kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Tính đến 31/12/2025, GEC có 5 CĐ lớn sở hữu trên 5%, tương đương năm 2024<br>• CĐ hoặc nhóm CĐ sở hữu từ 10% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT. GEC có 2 CĐ nắm giữ trên 10% Cổ phần là JERA và CTCP Đầu tư Thành Thành Công<br>• Điều lệ quy định về quyền ưu tiên cho CĐ để cho phép CĐ hiện hữu duy trì tỷ lệ sở hữu Cổ phần tương ứng khi Công ty phát hành Cổ phần mới. Giá mua Cổ phần và điều khoản mua được áp dụng với các CĐ hiện hữu không kém ưu đãi hơn so với giá và điều khoản chào bán cho bên thứ 3<br>• Cơ cấu CĐ được công bố cụ thể trong bài Quan hệ NĐT của BCTN 2018-2025, trình bày chi tiết các CĐ chiến lược, CĐ lớn trong nước và nước ngoài theo nhiều cấu trúc khác nhau | |
| | 3 | **HĐQT cần phải giám sát nỗ lực của BĐH trong việc duy trì quan hệ với CĐ của công ty. HĐQT cần phải bảo đảm rằng công ty thiết lập và công bố trên website Chính sách tiếp nhận và cơ chế giải quyết khiếu nại của CĐ hiệu quả**<br>• Việc bỏ phiếu của CĐ sẽ dựa trên cơ sở "1 cổ phiếu phổ thông, 1 quyền biểu quyết" | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 8.1 | | • Tất cả các quyền liên quan đến từng loại cổ phần được công bố công khai<br>• CĐ trong và ngoài nước tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ<br>• Tài liệu họp bao gồm tài liệu, NQ và Biên bản được cung cấp bằng tiếng Anh và Việt nhằm tạo điều kiện cho các CĐ nước ngoài tham gia cuộc họp hiệu quả<br>• Công ty công bố trên trang Web và BCTN Chính sách và cơ chế Khiếu nại hiệu quả cho phép CĐ và những người khác thực hiện khiếu nại và đảm bảo các khiếu nại này được điều tra và xử lý | |
| | 4 | **Ngoài các cuộc họp ĐHĐCĐ chính thức, chủ tịch HĐQT nên thường xuyên gặp gỡ các CĐ lớn để hiểu rõ quan điểm của họ về quản trị, kết quả hoạt động so với chiến lược.**<br>• Bên cạnh việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên theo quy định, Công ty duy trì phát hành Thông cáo báo chí song ngữ Việt - Anh với nội dung phân tích chuyên sâu về các chỉ tiêu tài chính và nghiệp vụ đặc thù trong HĐKD của GEC đã nhận được sự đánh giá cao từ cộng đồng đầu tư và các chuyên gia phân tích. Điều này không chỉ nâng cao tính minh bạch trong hoạt động CBTT mà còn giúp các bên liên quan có góc nhìn toàn diện hơn về hoạt động của GEC và các đơn vị thành viên. | |
| | 5 | **Các NĐT ngày càng xem xét nhiều hơn việc CBTT về cách thức các công ty đánh giá, nhận dạng, và QLRR cũng như cơ hội trọng yếu về biến đổi khí hậu và PTBV khác, bao gồm cả quản lý nguồn nhân lực.**<br>• Mục QTRR - Báo cáo thường niên hằng năm công bố đầy đủ cách thức đánh giá, nhận dạng và QLRR, cơ hội trọng yếu về biến đổi khí hậu và PTBV khác, và quản lý nguồn nhân lực. | |
| 8.2 | HĐQT cần phải tổ chức họp ĐHĐCĐ hiệu quả | **HĐQT gửi thông báo về các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường với các thông tin đầy đủ và có liên quan 21 ngày trước cuộc họp từ năm 2018 đến nay:** | |
| | 1 | • Mỗi CĐ nhận được thông báo họp, chương trình họp, cũng như thông tin chính xác, khách quan và kịp thời<br>• GEC tiến hành CBTT họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2024 ngày 12/3/2025; ngày đăng ký cuối cùng 02/4/2025 (trước ngày họp 27 ngày), ngày gửi tài liệu cho CĐ là 08/4/2025 (trước 21 ngày ĐHĐCĐ được tổ chức 29/4/2025)<br>• HĐQT công bố cho CĐ thông tin đầy đủ về kinh nghiệm và lý lịch của các ứng cử viên Thành viên HĐQT, CBTT cùng với Bộ tài liệu ĐHĐCĐ đảm bảo quy trình đề cử và bổ nhiệm vào HĐQT | |
| | 2 | **HĐQT cần phải thông qua một chính sách toàn diện mô tả cụ thể các quyền của CĐ và những yêu cầu về quyền, thủ tục chuẩn bị, tiến hành và ra quyết định tại các cuộc họp ĐHĐCĐ**<br>• Công ty công bố chính sách dành cho CĐ, quy tắc và thủ tục tham gia họp ĐHĐCĐ trên trang Website Công ty, trong thư mời gửi tới CĐ và trong thông tin gửi tới UBCKNN, HOSE, HNX<br>• Điều lệ Công ty - Điều 11-23 quy định rõ Quyền CĐ, ĐHĐCĐ, Quy trình triệu tập và làm việc của ĐHĐCĐ, Thẩm quyền và thể thức Lấy ý kiến CĐ bằng văn bản, Cơ chế yêu cầu hủy bỏ NQ ĐHĐCĐ | |
| | 3 | **Tất cả các thành viên HĐQT cần phải tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ.**<br>• Tất cả thành viên HĐQT tham dự ĐHDCĐ CĐ thường niên năm tài chính 2024 ngày 29/4/2025 với tỷ lệ 100% | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| | 4 | **Kiểm toán độc lập có thể bị CĐ chất vấn liên quan đến báo cáo của mình về sự chính xác của báo cáo tài chính. Kiểm toán độc lập cần phải tham dự và có quyền trả lời chất vấn tại các cuộc họp ĐHĐCĐ cho mục đích này**<br>• Đơn vị kiểm toán độc lập được mời đến dự ĐHĐCĐ thường niên và có quyền trả lời chất cấn của CĐ liên quan đến báo cáo của mình về sự chính xác của báo cáo tài chính nếu có | |
| 8.1 | 5 | **Những CĐ lớn sở hữu trên 5% luôn được CBTT trên các phương tiện Quan hệ NĐT để CĐ nắm bắt thông tin để thực hiện quyền lợi**<br>• CĐ hoặc nhóm CĐ sở hữu từ 5% trở lên tổng số Cổ phần phổ thông trở lên sẽ được quyền xem xét, tra cứu, trích lục các tài liệu ảnh hưởng đến quyền lợi CĐ; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền CĐ, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền; yêu cầu UBKT kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty; kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Tính đến 31/12/2025, GEC có 5 CĐ lớn sở hữu trên 5%, tương đương năm 2024<br>• CĐ hoặc nhóm CĐ sở hữu từ 10% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT. GEC có 2 CĐ nắm giữ trên 10% Cổ phần là JERA và CTCP Đầu tư Thành Thành Công<br>• Điều lệ quy định về quyền ưu tiên cho CĐ để cho phép CĐ hiện hữu duy trì tỷ lệ sở hữu Cổ phần tương ứng khi Công ty phát hành Cổ phần mới. Giá mua Cổ phần và điều khoản mua được áp dụng với các CĐ hiện hữu không kém ưu đãi hơn so với giá và điều khoản chào bán cho bên thứ 3 | |
| 8.2 | 6 | **Các cuộc họp ĐHĐCĐ nên được tổ chức vào thời gian và địa điểm thuận tiện nhất cho các CĐ**<br>• Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2024 được tổ chức ngày 29/4/2025 đảm bảo thời gian và địa điểm thuận tiện nhất cho các CĐ. Từ năm 2020 đến nay, Công ty tổ chức ĐHĐCĐ tại Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, TP.HCM, cùng toà nhà với Văn phòng TP.HCM của Công ty | |
| | 7 | **Trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc kết hợp, cần tạo điều kiện để có thảo luận có ý nghĩa giữa HĐQT, BĐH, và CĐ thông qua các công cụ để bảo đảm truyền tải và tham gia tương tác thông suốt. Các câu hỏi của CĐ phải được hiển thị cho tất cả thành viên tham dự trong suốt cuộc họp và được ghi nhận trong biên bản họp**<br>• Năm 2025 Công ty tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2024 theo hình thức tham dự trực tiếp. | |
| | 8 | **Công ty cần phải sử dụng công nghệ để tạo điều kiện cho việc: i. biểu quyết, bao gồm biểu quyết vắng mặt và/hoặc biểu quyết điện tử; và ii. tham gia của CĐ từ xa và biểu quyết từ xa tại các cuộc họp ĐHĐCĐ.**<br>• Năm 2025 Công ty tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2024 theo hình thức tham dự trực tiếp. | |
| | 9 | **Chủ tịch HĐQT cần phải tạo điều kiện cho thảo luận giữa HĐQT, BĐH, và CĐ mang tính tương tác và thiết thực.**<br>• Điều lệ quy định rõ vv quyền của CĐ khi tham dự ĐCĐCĐ: Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức khác theo Điều lệ, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| | | • Mọi câu hỏi hợp lệ của CĐ tại ĐHĐCĐ đều được HĐQT hoặc BĐH trả lời đầy đủ và trung thực và được ghi chép đầy đủ trong biên bản họp ĐHĐCĐ | |
| 8.2 | 10 | **Biên bản họp được công bố trên trang Web trong 24 tiếng kể từ thời điểm Đại hội kết thúc:**<br>• Ngoài các yêu cầu theo quy định, Biên bản có thêm các nội dung (1) thủ tục biểu quyết; (2) các ghi chép chứng minh CĐ có cơ hội để đưa ra các câu hỏi, cũng như trình bày cụ thể các câu hỏi và câu trả lời nhận được tại cuộc họp; (3) các vấn đề được thảo luận và nội dung NQ thông qua; (4) kết quả bỏ phiếu cho từng nội dung; (5) danh sách các Thành viên HĐQT, BĐH, đại diện của Công ty Kiểm toán và các CĐ tham dự cuộc họp; (6) ý kiến không tán thành đối với mọi nội dung trong chương trình họp | |
| | 11 | **Cho mục đích đề cử thành viên HĐQT, HĐQT cần cung cấp cho CĐ thông tin toàn diện về lý lịch của các ứng cử viên, bao gồm trình độ chuyên môn và tính khách quan**<br>• HĐQT công bố cho CĐ thông tin đầy đủ về kinh nghiệm và lý lịch của các ứng cử viên Thành viên HĐQT tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ, CBTT cùng với Bộ tài liệu ĐHĐCĐ đảm bảo quy trình đề cử và bổ nhiệm vào HĐQT<br>• Tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2024 ngày 29/4/2025 đã thực hiện miễn nhiệm 2 Thành viên HĐQT (Ông Toshihiro Oki và Ông Simon Wilson), bầu bổ sung 2 Thành viên HĐQT (Ông Mark Houghton Scott Lesie và Ông Eiji Hagio) và tái bổ nhiệm 2 Thành viên HĐQT (Ông Tân Xuân Hiến và Bà Phạm Thị Khuê) | |
| | 12 | **GEC CBTT về tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2024 vào ngày 08/4/2025 (trước 21 ngày so với ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên ngày 29/4/2025:**<br>• Công ty thực hiện việc CBTT về tài liệu họp ĐHĐCĐ (ĐHĐCĐ) tối thiểu 21 ngày trước ngày tổ chức họp theo đúng quy định. Việc CBTT sớm và đầy đủ này giúp CĐ: Có thời gian nghiên cứu kỹ lưỡng tài liệu, Chủ động chuẩn bị ý kiến, câu hỏi hoặc ủy quyền tham dự. Nhờ đó, CĐ có thể tham gia ĐHĐCĐ một cách chủ động, minh bạch và đưa ra quyết định biểu quyết chính xác, phù hợp với lợi ích của mình.<br>• Tài liệu ĐHĐCĐ có đầy đủ thông tin về việc phê duyệt kiểm toán độc lập, phương án mua bán, sáp nhập, triển khai DA thuộc thẩm quyền xin ý kiến ĐHĐCĐ (nếu có) và thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT | |
| 8.3 Phải xây dựng và thực hiện chính sách cổ tức công bằng và nhất quán. | 1 | • HĐQT CBTT trả cổ tức thông qua NQ được đăng tải trên trang Website Công ty, BCTN cũng như các cuộc họp với CĐ/NĐT và Chuyên gia phân tích<br>• ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2024 phê duyệt phương án không chi trả cổ tức năm 2024 (tỷ lệ 0%) đối với CĐ phổ thông.<br>• ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt chi trả cổ tức từ 6% đối với Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi cổ tức, cụ thể tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2025 là 6,3673% | |
| 8.4 Phải đối xử bình đẳng đối với tất cả các CĐ | 1 | **Tất cả các quyền của CĐ được HĐQT công nhận, tôn trọng và bảo vệ:**<br>• Việc bỏ phiếu của CĐ sẽ dựa trên cơ sở "1 cổ phiếu phổ thông, 1 quyền biểu quyết"<br>• Tất cả các quyền liên quan đến từng loại cổ phần được công bố công khai | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 8.4 | | • CĐ trong và ngoài nước tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ<br>• Tài liệu họp bao gồm tài liệu, NQ và Biên bản được cung cấp bằng tiếng Anh và Việt nhằm tạo điều kiện cho các CĐ nước ngoài tham gia cuộc họp hiệu quả | |
| 8.5 Giao dịch với bên liên quan cần phải được thông qua và tiến hành theo cách thức bảo đảm các xung đột lợi ích được quản lý hợp lý và bảo vệ lợi ích của công ty và CĐ | 1 | **Giao dịch với bên liên quan cần phải được thông qua và tiến hành theo cách thức bảo đảm các xung đột lợi ích được quản lý hợp lý và bảo vệ lợi ích của công ty và CĐ**<br>• Giao dịch BLQ được ghi nhận và báo cáo đầy đủ tại kỳ họp HĐQT Quý IV/2024 ngày 11/3/2025, đảm bảo tuân thủ theo Chính sách giao dịch BLQ và các quy định theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các chuẩn mực về QTCT<br>• Công ty thực hiện CBTT về giao dịch BLQ trong Báo cáo QTCT bán niên và thường niên trên trang Website Công ty, mục QTCT<br>• KTNB thực hiện việc giám sát các giao dịch với BLQ và báo cáo trực tiếp cho UBKT | |
| | 2 | **Thành viên HĐQT và BĐH cần phải công khai cho HĐQT biết họ có lợi ích đáng kể nào trong bất kỳ một giao dịch hay vấn đề gì ảnh hưởng trực tiếp tới công ty**<br>• Thành viên HĐQT, UBKT, BĐH và các CĐ Công ty tuân thủ đầy đủ về việc báo cáo các xung đột lợi ích tiềm năng<br>• Tất cả các chủ trương, NQ của HĐQT đã ban hành đều được lưu trữ thành bộ đầy đủ, bao gồm các Tài liệu họp HĐQT, Thư lấy ý kiến và Biên bản họp HĐQT<br>• Trường hợp Thành viên HĐQT có liên quan đến vấn đề được lấy ý kiến HĐQT không tiến hành cho ý kiến và tham gia biểu quyết cho ý kiến, quy định rõ trong Quy chế tổ chức HĐQT<br>• Quy định nhằm giảm thiểu xung đột lợi ích, giao dịch BLQ, đảm bảo sự độc lập của Thành viên HĐQT cũng được quy định rõ trong Quy chế HĐQT, Quy định về giao dịch BLQ | |
| | 3 | **Công ty cần phải ban hành một chính sách bằng văn bản về giao dịch với các bên liên quan (được HĐQT phê duyệt) và công bố trên website công ty.**<br>• Chính sách giao dịch BLQ cập nhật điều chỉnh vào ngày 10/2/2025 và được áp dụng theo chuẩn mực BCTC Quốc tế IFRS và định nghĩa IAS24 | |
| | 4 | **UBKT hoặc một ủy ban bao gồm các thành viên HĐQT độc lập, không có xung đột lợi ích, có trách nhiệm hỗ trợ HĐQT trong việc thiết lập và triển khai chính sách giao dịch BLQ. UB có trách nhiệm xem xét, thông qua hoặc phủ quyết giao dịch BLQ và giám sát chặt chẽ giao dịch bên liên quan với hỗ trợ của bộ phận KTNB và kiểm toán độc lập, là các bộ phận đưa ra đảm bảo đối với giao dịch bên liên quan.**<br>• Tháng 9/2018, Công ty thành lập UBKT. Bà Nguyễn Thùy Vân, Thành viên Độc lập, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, 20 năm kinh nghiệm Quản trị và Điều hành lĩnh vực Tài chính, Đầu tư, Kế toán - Kiểm toán giữ chức Chủ tịch UBKT, báo cáo trực tiếp cho HĐQT.<br>• KTNB thực hiện việc giám sát các giao dịch với BLQ và báo cáo trực tiếp cho UBKT<br>• Công ty thực hiện CBTT về giao dịch BLQ trong Báo cáo QTCT bán niên và thường niên trên trang Website Công ty, mục QTCT | |

| Khuyến nghị | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|
| 8.5 | 5 **Trong trường hợp giao dịch bên liên quan có quy mô lớn hoặc có thể có ảnh hưởng lớn đối với định hướng chiến lược hoặc cơ cấu vốn của công ty, CĐ phải có quyền thông qua giao dịch bên liên quan. HĐQT phải trình giao dịch để CĐ thông qua và CBTT**<br>• NQ ĐHĐCĐ số 08/2025/NQ-DHDCD ngày 29/4/2025 phê duyệt Khung nội dung giao dịch với Bên có liên quan dự kiến phát sinh trong năm 2025 và Danh sách các bên có liên quan dự kiến phát sinh Gia dịch trong năm 2025. | |

## PHẦN 5: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ VAI TRÒ THAM GIA CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

### NGUYÊN TẮC 9 - PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ TĂNG CƯỜNG THAM GIA HIỆU QUẢ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

| Khuyến nghị | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|
| 9.1 HĐQT bảo đảm xem xét đầy đủ các rủi ro và cơ hội về PTBV trọng yếu khi thực hiện các chức năng chính của HĐQT trong giám sát quản trị, CBTT, chiến lược, kết quả hoạt động, hệ thống QLRR và kiểm soát nội bộ, bao gồm cả rủi ro chuyển đổi xanh và rủi ro vật chất liên quan đến biến đổi khí hậu. | 1 **HĐQT cần phải bảo đảm rằng công ty có chính sách hoặc xây dựng một chương trong chính sách QTCT để giải quyết vấn đề quản trị và cam kết về các vấn đề biến đổi khí hậu, môi trường và xã hội.**<br>• Chính sách E&S, An toàn và Sức khoẻ được ban hành và áp dụng đối với các nhà thầu thực hiện các DA NLTT cho GEC nhằm đảm bảo yêu cầu của IFC và tuân thủ các chính sách EHSS tại GEC<br>2 **Trong BCTN, HĐQT cần phải trình bày về những thay đổi liên quan đến khí hậu có tác động đáng kể như thế nào đến rủi ro và cơ hội, hoạt động hiện tại và tương lai của công ty. HĐQT cũng phải báo cáo về cách thức HĐQT giám sát các vấn đề liên quan đến khí hậu, môi trường và xã hội.**<br>• BCTN 8 năm liên tiếp (2018-2025) đều thực hiện đầy đủ Chương mục QTCT và PTBV để đảm bảo cung cấp đủ thông tin về tình hình thực hiện các nguyên tắc QTCT theo Luật và các thông lệ tốt trên thế giới<br>• Chương 4 trong BCTN trình bày về sự tuân thủ của Công ty theo các nguyên tắc ESG, E&S của IFC<br>3 **Rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu, môi trường và xã hội cần phải được đưa vào nội dung họp định kỳ của HĐQT. HĐQT cần phải giám sát chiến lược công ty, mô hình kinh doanh và kế hoạch tài chính trong ngắn, trung, và dài hạn trong đó xem xét tổng thể và toàn diện các yếu tố ESG.**<br>• HĐQT thông qua UBKT thực hiện giám sát ESG và E&S, được báo cáo trong các Báo cáo tổng hợp của KTNB và UBKT<br>• Thông tin hoạt động ESG được công bố hàng năm trên BCTN, Báo cáo PTBV, bài thuyết trình tóm tắt và ngắn gọn về Công ty<br>4 **HĐQT cần phải giám sát việc thực hiện các chính sách và hoạt động nhận diện và đánh giá rủi ro trọng yếu liên quan đến khí hậu, môi trường và xã hội. HĐQT cần giám sát việc tích hợp rủi ro liên quan đến khí hậu, môi trường và xã hội vào khung QLRR tổng thể của công ty, và việc triển khai các biện pháp ứng phó rủi ro**<br>• Áp dụng "Mô hình 3 Tuyến" với 4 Cấp độ tham gia. HĐQT xây dựng môi trường chính sách QTRR và thiết lập khẩu vị rủi ro phù hợp với từng thời kỳ khác nhau | |

| Khuyến nghị | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|
| 9.1 | • Giám sát, đánh giá độc lập của KTNB và UBKT nhằm đánh giá hiệu quả QTRR và đưa ra các khuyến nghị cải thiện phù hợp với môi trường và sự biến động của rủi ro<br>• Năm 2025, GEC nhận diện 7 nhóm rủi ro sơ cấp có tác động chính yếu đến hoạt động của Công ty: Rủi ro Chiến lược - Thị trường - Tài chính - Vận hành và Kỹ thuật - Tuân thủ và Pháp lý - Môi trường, Xã hội và An toàn Sức khỏe (ESG) - Quản trị nội bộ. Tương ứng với các rủi ro sơ cấp, GEC cũng nhận diện ra 21 rủi ro thứ cấp đồng thời thực hiện phân tích tác động cũng như đưa ra các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa thích hợp. Chi tiết tại bài QTRR | |
| 9.2 Khung quản trị của công ty phải bảo đảm có quản trị hiệu quả và các biện pháp kiểm soát nội bộ để bảo đảm HĐQT và BĐH tiếp cận được với vấn đề PTBV | 1 **HĐQT cần cân nhắc thành lập một ủy ban riêng chịu trách nhiệm về PTBV, hoặc tích hợp chức năng PTBV vào một ủy ban hiện hữu để chịu trách nhiệm giám sát rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu, môi trường và xã hội.**<br>• HĐQT phân công Thành viên HĐQT không điều hành - Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn chịu trách nhiệm giám sát hoạt động và tuân thủ của Công ty về ESG Quốc tế và Tiêu chuẩn E&S IFC<br>• HĐQT thông qua UBKT thực hiện giám sát ESG và E&S, được báo cáo trong các Báo cáo tổng hợp của KTNB và UBKT<br>**HĐQT và BĐH phải luôn cập nhật và hiểu rõ các vấn đề về PTBV liên quan đến công ty và hoạt động kinh doanh của công ty thông qua đào tạo liên tục về rủi ro và cơ hội chung liên quan đến môi trường, xã hội và khí hậu, cũng như về rủi ro và cơ hội liên quan đến môi trường, xã hội và khí hậu cụ thể theo từng ngành**<br>2 • Năm 2025, Công ty đã ký kết hợp đồng với Đơn vị bên ngoài để tổ chức đào tạo, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho 501 người. Bên cạnh đó, theo phân công của BLĐ, Phòng EHSS đã thực hiện 3 chương trình đào tạo nội bộ, bao gồm: (i) đào tạo về việc tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường cho 43 người; (ii) đào tạo về dự báo thời tiết trong bối cảnh biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan cho 105 người; (iii) Đào tạo Cán bộ liên lạc cộng đồng DA Điện Mặt trời Đức Huệ 2 ngày 11/9/2025 cho 1 người<br>**Để bảo đảm công ty thực sự đạt được mục tiêu hoặc chỉ tiêu liên quan đến PTBV, các mục tiêu và các chỉ số PTBV lượng hóa cần được thiết lập và giám sát thông qua cơ chế quản trị và kiểm soát nội bộ**<br>3 • Áp dụng "Mô hình 3 Tuyến" với 4 Cấp độ tham gia. HĐQT xây dựng môi trường chính sách QTRR và thiết lập khẩu vị rủi ro phù hợp với từng thời kỳ khác nhau<br>• Giám sát, đánh giá độc lập của KTNB và UBKT nhằm đánh giá hiệu quả QTRR và đưa ra các khuyến nghị cải thiện phù hợp với môi trường và sự biến động của rủi ro | |
| 9.3 HĐQT cần phải bảo đảm công ty thiết lập các kênh và hoạt động đối thoại để khuyến khích các bên có quyền lợi liên quan nội bộ và bên ngoài trao đổi quan điểm và thu thập phản hồi về các vấn đề PTBV | 1 **HĐQT thiết lập và giám sát cơ chế chính thức dành cho người lao động và các BLQ đưa ra các câu hỏi và khiếu nại:**<br>• HĐQT áp dụng quy trình giao tiếp minh bạch và dễ dàng tiếp cận để cho phép thông qua danh sách liên lạc dành cho các BLQ được công bố rộng rãi để (1) tiếp nhận và đăng ký những thông tin từ các BLQ; (2) đánh giá các vấn đề được nêu ra và xác định các thức phản hồi từ các vấn đề về Kinh tế, Môi trường đến Xã hội<br>• BCTN hàng năm, các đầu mối liên hệ cho các BLQ trong yếu bao gồm CĐ/NĐT tiềm năng, Cơ quan Nhà nước, Cộng đồng Xã hội, Đối tác mua bán Điện, Đối tác triển khai DA và Người lao động được công khai bao gồm chức vụ, địa chỉ và số di động để các BLQ liên lạc khi có nhu cầu về công việc cũng như giải quyết khiếu nại | |

| Khuyến nghị | | GEC thực hiện trong 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| 9.3 | | • BLQ, Mức độ ảnh hưởng, Mức độ quan tâm được xác định rõ để Công ty có khả năng xác định mức độ ưu tiên, phương pháp tương tác và quản lý các BLQ. Kế hoạch Quản lý BLQ cũng được lập và tương tác với các đơn vị phụ trách nhằm đảm bảo việc thực thi và quản lý BLQ đầy đủ và hiện quả. | |
| 9.4 | Để bảo đảm công ty có năng lực chống chịu về tài chính trước các kịch bản khác nhau, HĐQT cần phải đánh giá xem cơ cấu vốn của công ty có tương thích với các mục tiêu chiến lược và mức độ chấp nhận rủi ro liên quan hay không | **Thành viên BĐH và HĐQT có vị thế tốt nhất để quyết định liệu cơ cấu vốn của công ty có tương thích với các mục tiêu chiến lược và mức độ chấp nhận rủi ro liên quan hay không, trong phạm vi những hạn chế hiện hành do CĐ đặt ra.**<br>1 • HĐQT với trên 5 năm kinh nghiệm Quản trị Điều hành (100%); Thành viên Độc lập (43%); Nữ (29%); Nước ngoài (29%). Tất cả Thành viên HĐQT đều tốt nghiệp Cử nhân Đại học, 43% Thành viên HĐQT có bằng Thạc sĩ và nắm giữ vai trò Quản trị Điều hành từ 8-27 năm<br>• Toàn bộ BĐH tốt nghiệp Đại học trở lên, 63% Thành viên BĐH có trình độ Thạc sĩ và nắm vai trò Lãnh đạo từ 10-24 năm, đảm bảo năng lực Điều hành và Lãnh đạo Công ty<br>**Việc thực hiện vai trò của HĐQT trong giám sát cơ cấu vốn và nợ, khả năng trả nợ, tiềm lực vốn phải được thực hiện hàng năm và báo cáo rõ ràng trong BCTN.**<br>2 • BCTC được xây dựng hàng quý, soát xét giữa năm và kiểm toán cuối năm bởi Công ty Kiểm toán Big 4 – E&Y<br>• HĐQT với UBKT trực thuộc đã xây dựng và chuẩn hóa hệ thống kiểm soát, KTNB, đảm bảo thông tin số liệu về tài chính minh bạch và chính xác trước khi CBTT<br>• BCTN thể hiện rõ cơ cấu vốn nợ, khả năng trả nợ, tiềm lực vốn | |
| 9.5 | HĐQT cần phải bảo đảm thiết lập các chính sách tính đến quyền, trách nhiệm và lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan để khuyến khích việc phối hợp tích cực giữa công ty, CĐ và các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo ra giá trị, việc làm có chất lượng, và sự PTBV và năng lực chống chịu của công ty | **HĐQT có một quy trình chính thức để xác định 6 BLQ của Công ty được sắp xếp theo mức độ ảnh hưởng lẫn nhau từ phía GEC và từ phía BLQ:**<br>1 • HĐQT áp dụng các chính sách rõ ràng, minh bạch đối với BLQ theo mức độ ưu tiên được xác định cho từng nhóm<br>• Các BLQ được xác định định kỳ hàng năm trong Báo cáo PTBV của Công ty, Mức độ tác động và Mức độ ảnh hưởng cũng được phân tích nhằm đưa ra phương pháp tương tác phù hợp<br>• Danh mục các BLQ được báo cáo và tham vấn với HĐQT, BĐH và các Phòng Ban có liên quan nhằm lập kế hoạch và tương tác tốt hơn với các BLQ. Danh mục BLQ, Mức độ ảnh hưởng, Mức độ quan tâm và Ma trận các BLQ Công ty được rà soát và đánh giá định kỳ hàng năm trong Chương PTBV nhằm cập nhật so với thực tế và hỗ trợ cho việc lập kế hoạch Quản lý BLQ hiệu quả hơn<br>• Công ty tôn trọng lợi ích và quyền lợi hợp pháp của các BLQ trong Bộ QCƯX<br>• Chính sách E&S, An toàn và Sức khoẻ được ban hành và áp dụng đối với các nhà thầu thực hiện các DA NLTT cho GEC nhằm đảm bảo yêu cầu của IFC và tuân thủ các chính sách EHSS tại GEC. | |





## PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA GEC THEO BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY G20/OECD 2023

Trong năm 2025, GEC tiếp tục củng cố và hoàn thiện mô hình QTCT theo các Nguyên tắc QTCT của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (G20/OECD), coi đây là nền tảng cốt lõi nhằm bảo đảm quản trị minh bạch, trách nhiệm, hiệu quả và PTBV trong dài hạn. Trong bối cảnh ngành năng lượng đang chuyển dịch mạnh mẽ trước các yêu cầu về an ninh năng lượng, chuyển đổi xanh và mục tiêu phát thải ròng bằng "0" (Net Zero), GEC xác định QTCT không chỉ là công cụ tuân thủ pháp luật mà còn là đòn bẩy chiến lược, giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực thích ứng, QTRR và tận dụng hiệu quả các cơ hội tăng trưởng mới.

Phiên bản cập nhật của Bộ nguyên tắc QTCT OECD (2023), với trọng tâm về tính bền vững và khả năng phục hồi (Sustainability & Resilience), tiếp tục là khung tham chiếu quan trọng để GEC rà soát, điều chỉnh và nâng cấp hệ thống quản trị, phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện hoạt động tại Việt Nam.

Các nguyên tắc QTCT tại GEC năm 2025 được hệ thống và đánh giá như sau:

Thực hiện tốt | Thực hiện khá | Thực hiện trung bình | Không xảy ra trường hợp này tại GEC

| Nguyên tắc | | GEC thực hiện 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|---|
| Đảm bảo cơ sở cho một khuôn khổ QTCT hiệu quả | 1 | Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ QTCT theo hướng tích hợp giữa quản trị tài chính, QTRR và PTBV, nhằm bảo đảm hiệu quả kinh tế dài hạn và ổn định tài chính. | |
| | 2 | Hệ thống quy chế nội bộ được rà soát, cập nhật phù hợp với các thay đổi của pháp luật và thông lệ quản trị tốt, bảo đảm tính nhất quán và minh bạch trong toàn bộ hoạt động. | |
| | 3 | Cơ chế phân định rõ ràng giữa chức năng quản trị, giám sát của HĐQT và chức năng điều hành của BĐH tiếp tục được duy trì và củng cố. | |
| | 4 | Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật liên quan đến công ty đại chúng, thị trường chứng khoán và giao dịch với BLQ. | |
| | 5 | UBKT hoạt động độc lập, tăng cường giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ, QTRR và tuân thủ. | |
| | 6 | Ứng dụng công nghệ số trong công tác quản trị, giám sát và báo cáo nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và kịp thời nhận diện rủi ro. | |
| | 7 | Tiếp tục mở rộng hợp tác với các đối tác và tổ chức quốc tế trong lĩnh vực quản trị, tài chính và PTBV. | |
| | 8 | Chính sách giao dịch với BLQ được thực hiện nhất quán theo nguyên tắc minh bạch, kiểm soát xung đột lợi ích và tuân thủ pháp luật Việt Nam. | |
| Quyền lợi và đối xử công bằng với CĐ và các chức năng sở hữu cơ bản | 1 | 1.Bảo đảm đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của CĐ theo quy định pháp luật và chuẩn mực QTCT, bao gồm quyền sở hữu, chuyển nhượng cổ phần, tiếp cận thông tin, tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, bầu và bãi nhiệm thành viên HĐQT, hưởng lợi ích kinh tế và phê duyệt đơn vị kiểm toán độc lập. | |
| | 2 | 2.CĐ được cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời, đồng thời được tham gia phê duyệt hoặc quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty như sửa đổi Điều lệ, quy chế nội bộ, phát hành cổ phiếu, trái phiếu và các giao dịch tài sản theo quy định. Công ty thực hiện CBTT tuân thủ pháp luật chứng khoán hiện hành. | |

| Nguyên tắc | GEC thực hiện 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|
| | 3 Quyền và nghĩa vụ của CĐ khi tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ được bảo đảm và quy định rõ trong Điều lệ Công ty.<br>4 CĐ được bảo đảm quyền thảo luận, chất vấn HĐQT và UBKT tại ĐHĐCĐ; đồng thời GEC duy trì Bộ phận Quan hệ NĐT nhằm tăng cường trao đổi thông tin và minh bạch trong quản trị.<br>5 Tất cả CĐ được đối xử bình đẳng và được cung cấp đầy đủ thông tin về quyền gắn với từng loại cổ phiếu và từng đợt phát hành trước khi giao dịch.<br>6 Các giao dịch với BLQ được xem xét, phê duyệt và giám sát chặt chẽ bởi UBKT nhằm bảo đảm tính minh bạch và bảo vệ quyền lợi của Công ty và CĐ.<br>7 Quyền lợi của CĐ thiểu số được bảo đảm theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.<br>8 Các giao dịch với BLQ được thực hiện nhất quán theo nguyên tắc thị trường, bảo đảm minh bạch, công bằng và tuân thủ pháp luật. | |
| **Các nhà đầu tư tổ chức, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian khác** | Không đánh giá vì nội dung này không liên quan tới GEC<br>(Công ty duy trì quan hệ minh bạch với các nhà đầu tư tổ chức thông qua hoạt động CBTT, quan hệ NĐT và các kênh trao đổi với thị trường.) | |
| **CBTT và tính minh bạch** | 1 GEC thực hiện công bố đầy đủ, trung thực và kịp thời các thông tin liên quan đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động SXKD, chiến lược kinh doanh và các hoạt động đầu tư của Công ty.<br>2 Tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các quy định của pháp luật Việt Nam về CBTT đối với công ty đại chúng, bảo đảm tính trung thực, minh bạch và kịp thời của thông tin công bố.<br>3 BCTC năm 2025 của GEC được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam theo các chuẩn mực kiểm toán quốc tế.<br>4 Hoạt động kiểm toán độc lập và hệ thống kiểm soát nội bộ được duy trì hiệu quả, góp phần nâng cao độ tin cậy của thông tin tài chính và bảo vệ quyền lợi của CĐ, NĐT.<br>5 Sử dụng đa dạng các kênh CBTT như website của Công ty, báo cáo định kỳ, các phương tiện truyền thông nhằm bảo đảm CĐ và các BLQ tiếp cận thông tin đầy đủ và kịp thời. | |
| **Trách nhiệm của HĐQT** | 1 HĐQT thực hiện đầy đủ vai trò định hướng chiến lược, giám sát hoạt động điều hành và QTRR nhằm bảo đảm sự PTBV của Công ty.<br>2 Cơ cấu HĐQT được duy trì phù hợp với quy định pháp luật và thông lệ quản trị tốt; trong năm 2025, tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập đạt 3/7 (43%), bảo đảm tăng cường tính khách quan và hiệu quả giám sát.<br>3 Thành viên HĐQT được phân công chức năng, nhiệm vụ rõ ràng và thực hiện trách nhiệm với tinh thần cẩn trọng, trung thực, vì lợi ích tốt nhất của Công ty và CĐ.<br>4 Thành viên HĐQT được cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về các vấn đề trọng yếu để thực hiện hiệu quả vai trò giám sát và quyết định chiến lược.<br>5 Xây dựng quy trình KTNB hiệu quả, đảm bảo chức năng KTNB hoạt động dưới sự giám sát chặt chẽ của HĐQT và UBKT. | |

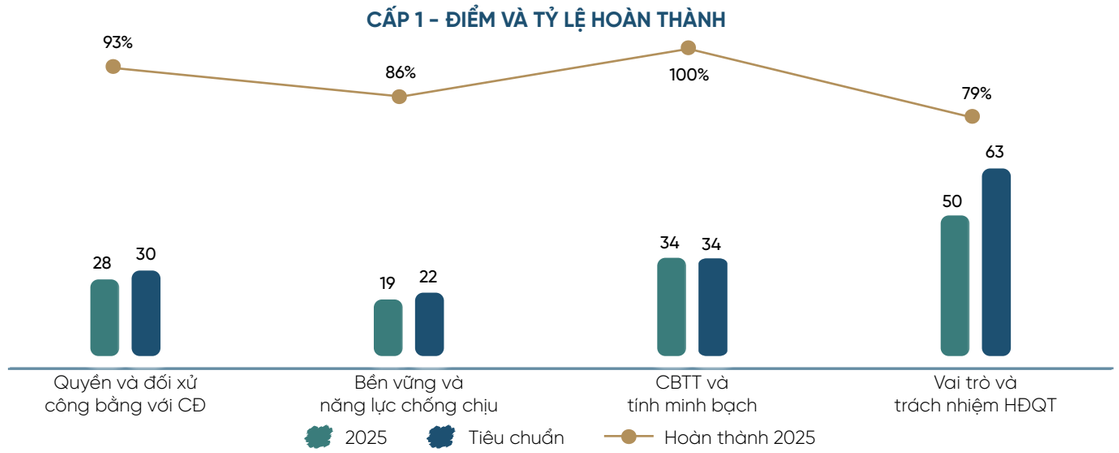
| Nguyên tắc | GEC thực hiện 2025 | Đánh giá 2025 |
|---|---|---|
| | 6 GEC thành lập UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng từ năm 2021, nhằm đảm bảo chính sách thu hút, phát triển và giữ chân nhân sự Lãnh đạo có năng lực.<br>7 GEC cam kết thực hiện hoạt động kinh doanh có trách nhiệm, tích hợp các yếu tố môi trường - xã hội - quản trị (ESG) vào chiến lược phát triển và giám sát việc thực hiện các mục tiêu PTBV của Công ty. | |
| **Tính bền vững và khả năng phục hồi** | 1 Công bố đầy đủ và minh bạch các thông tin liên quan đến PTBV, bảo đảm tính nhất quán và khả năng tiếp cận của CĐ và các BLQ.<br>2 Công ty chủ động xác định, đánh giá và quản lý các rủi ro, cơ hội liên quan đến biến đổi khí hậu, chuyển dịch năng lượng và các yếu tố môi trường - xã hội nhằm nâng cao năng lực thích ứng trong dài hạn.<br>3 Các mục tiêu và chương trình hành động về giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng hiệu quả tài nguyên và thực hành quản trị bền vững được triển khai phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.<br>4 HĐQT và BĐH giám sát việc thực hiện các mục tiêu PTBV, bảo đảm tính xuyên suốt từ chiến lược đến vận hành.<br>5 Duy trì nguyên tắc hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp, CĐ, người lao động và cộng đồng, góp phần củng cố khả năng phục hồi và tăng trưởng ổn định trong môi trường kinh doanh. | |

## PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA GEC THEO THẺ ĐIỂM QTCT ASEAN SCORECARD 2024

Trong năm 2025, GEC tiếp tục triển khai đánh giá và hoàn thiện hệ thống QTCT theo Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN (ASEAN Corporate Governance Scorecard – ACGS). Việc tham chiếu và đánh giá theo ACGS không chỉ giúp Công ty đo lường mức độ tuân thủ các nguyên tắc quản trị theo chuẩn khu vực, mà còn tạo cơ sở để nâng cao chất lượng quản trị theo thông lệ quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh thị trường vốn Việt Nam đang hướng tới mục tiêu nâng hạng.

ACGS được xây dựng dựa trên các Nguyên tắc QTCT của G20/OECD và được áp dụng tại các quốc gia thành viên ASEAN nhằm thúc đẩy minh bạch, trách nhiệm giải trình, bảo vệ quyền CĐ và nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT.

**CẤP 1 - ĐIỂM VÀ TỶ LỆ HOÀN THÀNH**





ASEAN CORPORATE GOVERNANCE

**CÂU HỎI CẤP 1 (GỒM 149 TIÊU CHÍ)**

**131 Điểm**

**CÂU HỎI CẤP 2**
**THẺ ĐIỂM THƯỞNG (GỒM 18 TIÊU CHÍ)**

**+11 Điểm**

**THẺ ĐIỂM PHẠT (GỒM 26 TIÊU CHÍ)**

**-1 Điểm**

**TỔNG ĐIỂM QTCT CỦA GEC**

**141 Điểm**

## PHÂN TÍCH THẺ ĐIỂM THƯỞNG

| | Tiêu chí | Hoạt động trong 2025 | 2025 |
|---|---|---|---|
| 1 | Công ty có cho phép việc biểu quyết bằng hình thức ủy quyền hay không? | Có. Công ty cho phép CĐ tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ thông qua hình thức ủy quyền (tham chiếu Giấy ủy quyền tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2024). | +1 |
| 2 | Công ty có thông báo việc tổ chức ĐHĐCĐ (bao gồm nội dung họp và các tài liệu giải trình) cho SGDCK ít nhất 28 ngày trước ngày tổ chức đại hội hay không? | Thư mời họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2024 được CBTT vào ngày 8/4/2025, trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ 21 ngày | 0 |
| 3 | Công ty có công bố cách QLRR và cơ hội liên quan đến khí hậu không? | Được tích hợp và công bố trong Chương 4 - BCTN của Công ty | +1 |
| 4 | Công ty có công bố Báo cáo PTBV được bảo đảm bởi đơn vị độc lập bên ngoài không? | Các chỉ tiêu tài chính theo BCTC năm 2025 của GEC được kiểm toán bởi CT TNHH Ernst & Young Việt Nam<br>Chứng nhận ISO 14001:2015 được cấp bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH;<br>Báo cáo quan trắc môi trường tại các NM trực thuộc GEC tại Gia Lai được thực hiện bởi Trung tâm Kỹ thuật Quan trắc Môi trường tỉnh Quảng Ngãi, còn tại các NM thuộc CTTV và tại các tỉnh được thực hiện bởi các Đơn vị có chức năng của Tỉnh/thành phố;<br>Công tác kiểm định thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn lao động được thực hiện bởi Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn khu vực III;<br>Quan trắc môi trường lao động được thực hiện bởi CT TNHH Tư vấn Môi trường Ban Mê Xanh.<br>Chứng từ Chất thải nguy hại do CT TNHH Thương Mại và Môi trường Hậu Sanh ban hành. | +1 |
| 5 | Công ty có công bố Kênh tương tác với các nhóm BLQ và các công ty thành viên liên quan đến vấn đề ESG của các BLQ không? | Tương tác với các BLQ thông qua nhiều kênh như website, email, hotline,... | +1 |





| | Tiêu chí | Hoạt động trong 2025 | 2025 |
|---|---|---|---|
| 6 | Công ty có đơn vị/bộ phận phụ trách giám sát việc quản lý các vấn đề PTBV không? | Phòng EHSS phụ trách các vấn đề về E&S, tuân thủ Luật VN, tiêu chuẩn IFC và tối ưu hóa hoạt động của NM | +1 |
| 7 | Công ty công bố hoạt động giám sát của HĐQT/Thành viên HĐQT đối với các rủi ro và cơ hội liên quan đến tính bền vững? | Thể hiện trong phần Báo cáo hoạt động của các Thành viên HĐQT trong BCTN | +1 |
| 8 | Công ty công bố mối liên hệ giữa thù lao của HĐQT, quản lý cấp cao năm trước không? | Thù lao, lương thưởng HĐQT và BĐH trong BCTN và BCTC Kiểm toán phần thuyết minh BCTC | +1 |
| 9 | Hệ thống tiếp nhận khiếu nại và tố giác hành vi sai phạm có được quản lý bởi các bên độc lập? | Phòng KTNB là đơn vị độc lập, đảm nhận tiếp nhận và giám sát xử lý khiếu nại, bảo đảm tính khách quan và công bằng | +1 |
| 10 | BCTC năm đã được kiểm toán có được công bố trong vòng 60–90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính không? | BCTC hợp nhất và BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2025 được CBTT ngày 30/3/2026, 90 ngày sau khi kết thúc năm Tài chính | 0 |
| 11 | Công ty có ít nhất 1 nữ Thành viên HĐQT Độc lập? | GEC có 2 Nữ Thành viên HĐQT Độc lập, chiếm 29% | +1 |
| 12 | Công ty có chính sách và công bố các mục tiêu có thể đo lường được để thực hiện sự đa dạng trong HĐQT và báo cáo tiến độ đạt được các mục tiêu của mình? | Được công bố trong BCTN mục QTCT từ năm 2018 đến nay | +1 |
| 13 | UB Nhân sự có bao gồm toàn bộ Thành viên HĐQT Độc lập? | UB QTCT, Bổ nhiệm, Lương Thưởng bao gồm 1/3 (33%) Thành viên Độc lập, 3/3 (100%) Thành viên không Điều hành | 0 |
| 14 | UB Nhân sự có thực hiện quy trình xác định chất lượng ứng viên HĐQT phù hợp định hướng chiến lược không? | Quy trình xây dựng tiêu chí chất lượng các Thành viên HĐQT được nêu trong Điều lệ Công ty<br>UB QTCT, Bổ nhiệm, Lương thưởng đóng vai trò tham mưu HĐQT về xây dựng tiêu chí và đánh giá Thành viên HĐQT | +1 |
| 15 | Công ty sử dụng Công ty tìm kiếm chuyên nghiệp hoặc các nguồn ứng viên bên ngoài khác (như cơ sở dữ liệu Quản trị được thiết lập bởi các tổ chức quản trị hoặc CĐ) khi tìm kiếm ứng viên cho HĐQT? | GEC công bố tiêu chuẩn ứng cử viên 21 ngày trước ĐHĐCĐ, tìm kiếm từ CĐ chiến lược và nguồn ứng viên chất lượng cao. | 0 |
| 16 | Thành viên HĐQT Độc lập không điều hành chiếm trên 50% số lượng Thành viên HĐQT với Chủ tịch của Công ty là Thành viên độc lập? | 100% Thành viên không điều hành, 43% là Thành viên Độc lập, Chủ tịch không phải Thành viên Độc lập | 0 |
| 17 | Công ty công bố HĐQT đã xác định rủi ro chính liên quan đến CNTT bao gồm gián đoạn, an ninh mạng và khắc phục thảm họa, để đảm bảo rằng những rủi ro đó được quản lý và tích hợp vào khung QLRR tổng thể? | GEC đã lồng ghép rủi ro CNTT vào chiến lược, có quy trình ứng phó sự cố, đảm bảo bảo mật và nâng cao nhận thức nhân viên. | +1 |
| 18 | Công ty có UB QLRR riêng biệt thuộc HĐQT? | UBKT thực hiện chức năng QTRR, hỗ trợ HĐQT trong đánh giá và giám sát | 0 |
| | **TỔNG CỘNG** | | **+12** |

## PHÂN TÍCH THẺ ĐIỂM PHẠT

| | Tiêu chí | Hoạt động trong 2025 | 2025 |
|---|---|---|---|
| 1 | Công ty đã không thực hiện hoặc bỏ qua việc đối xử bình đẳng với tất cả các CĐ? | Không có trường hợp vi phạm hoặc sơ suất nào phát sinh. | 0 |
| 2 | Có bằng chứng nào cho thấy CĐ không thể tiếp cận các CĐ giao tiếp hoặc tham khảo ý kiến với các CĐ khác? | Không có dấu hiệu hoặc báo cáo nào về việc cản trở CĐ trao đổi và tham khảo ý kiến với nhau. | 0 |
| 3 | Công ty có đưa thêm nội dung chương trình nghị sự nào chưa được công bố vào thông báo họp ĐHĐCĐ không? | CBTT trước 21 ngày theo đúng quy định. Nếu có thay đổi tài liệu, công ty cập nhật thông tin trước 5 ngày để đảm bảo minh bạch và tuân thủ tiêu chuẩn QTCT. | 0 |
| 4 | Chủ tịch HĐQT và Chủ tịch tất cả các UB HĐQT và GĐ điều hành có vắng mặt trong ĐHĐCĐ gần đây? | Tất cả các lãnh đạo đều tham gia đầy đủ, thể hiện trách nhiệm và sự minh bạch. | 0 |
| 5 | Công ty đã không tiết lộ sự tồn tại của Thỏa thuận CĐ? | 1 CĐ chiến lược nước ngoài là Tập đoàn JERA, nắm giữ 35,1% | 0 |
| 6 | Công ty đã không tiết lộ sự tồn tại của Cổ phiếu giới hạn biểu quyết? | 56,5 triệu Cổ phiếu Ưu đãi không có quyền biểu quyết của DEG | 0 |
| 7 | Công ty đã không tiết lộ sự tồn tại của Cổ phiếu nhiều quyền biểu quyết? | Không có cổ phiếu nhiều quyền biểu quyết. | 0 |
| 8 | Cấu trúc sở hữu kim tự tháp và/hoặc cấu trúc sở hữu chéo có rõ ràng không? | Công ty có tồn tại mô hình sở hữu kim tự tháp nhưng đã được công khai minh bạch. | -1 |
| 9 | Có bất kỳ vấn đề nào về giao dịch nội gián liên quan đến thành viên HĐQT, Ban Điều hành hoặc nhân viên? | Không vi phạm nào liên quan đến giao dịch nội gián. | 0 |
| 10 | Có trường hợp giao dịch nội bộ hoặc giao dịch với BLQ chưa được phê duyệt đúng quy trình? | Không có vi phạm, công ty áp dụng chính sách giao dịch BLQ theo chuẩn IFC. | 0 |
| 11 | Có bất kỳ giao dịch BLQ nào có thể được phân loại là hỗ trợ tài chính (tức là không được thực hiện trực tiếp) cho các đơn vị không phải là Công ty con thuộc sở hữu toàn phần? | Không có giao dịch nào thuộc nhóm hỗ trợ tài chính không trực tiếp. | 0 |
| 12 | Có vi phạm pháp luật nào liên quan đến vấn đề lao động/việc làm/người tiêu dùng/vỡ nợ/thương mại/cạnh tranh hoặc môi trường? | Không có vi phạm được ghi nhận trong các lĩnh vực này. | 0 |
| 13 | Công ty có đối mặt với bất kỳ lệnh trừng phạt nào của cơ quan quản lý do không đưa ra thông báo trong khoảng thời gian cần thiết cho các sự kiện quan trọng? | Không có trường hợp bị xử phạt hoặc nhắc nhở từ cơ quan quản lý. | 0 |
| 14 | Có bằng chứng nào cho thấy Công ty đang tham gia vào các hoạt động rửa xanh? | Không có dấu hiệu hoặc cáo buộc về hoạt động "tẩy xanh". | 0 |
| 15 | Công ty có nhận được "ý kiến ngoại trừ" trong Báo cáo kiểm toán độc lập? | BCTC kiểm toán không có ý kiến ngoại trừ. | 0 |
| 16 | Công ty có nhận được "ý kiến bất lợi" trong Báo cáo kiểm toán độc lập? | Không có ý kiến bất lợi từ kiểm toán. | 0 |
| 17 | Công ty có nhận được "ý kiến từ chối trách nhiệm" trong Báo cáo kiểm toán độc lập? | Không có ý kiến từ chối trách nhiệm từ kiểm toán. | 0 |
| 18 | Công ty có sửa đổi BCTC vì những lý do khác ngoài lý do thay đổi chính sách kế toán? | Không có chỉnh sửa nào ngoài lý do thay đổi chính sách kế toán theo quy định. | 0 |
| 19 | Có bằng chứng nào cho thấy Công ty đã không tuân thủ bất kỳ quy tắc và quy định niêm yết nào ngoài các quy định về CBTT? | Không có vi phạm nào được ghi nhận liên quan đến quy tắc và quy định niêm yết. | 0 |
| 20 | Có trường hợp nào Thành viên HĐQT không điều hành đã từ chức và nêu ra bất kỳ vấn đề nào liên quan đến Quản trị? | Không có trường hợp từ chức nào liên quan đến vấn đề quản trị. | 0 |
| 21 | Công ty có Thành viên HĐQT/ủy viên độc lập nào đã phục vụ hơn 9 năm hoặc 2 nhiệm kỳ, mỗi nhiệm kỳ 5 năm (tùy trường hợp nào cao hơn) với cùng chức vụ? | Không có Thành viên HĐQT độc lập nào phục vụ quá thời hạn quy định. | 0 |
| 22 | Có phải Công ty đã không xác định chính xác mô tả của Thành viên HĐQT Độc lập là độc lập, không điều hành và điều hành? | Công ty đã xác định rõ ràng vai trò của 3 Thành viên HĐQT Độc lập (43%) và 100% Thành viên Không điều hành. | 0 |
| 23 | Công ty có Thành viên HĐQT/không điều hành/ủy viên độc lập nào phục vụ trong tổng cộng hơn 5 HĐQT của các Công ty niêm yết? | Không có trường hợp nào vi phạm giới hạn số lượng HĐQT tham gia. | 0 |
| 24 | Có GĐ hoặc quản lý cấp cao nào từng là nhân viên hoặc đối tác cũ của kiểm toán viên bên ngoài hiện tại (trong 2 năm qua)? | Không có trường hợp nào thuộc diện này. | 0 |
| 25 | Chủ tịch có phải là GĐ điều hành của Công ty trong 3 năm qua? | Chủ tịch không giữ chức vụ GĐ điều hành trong 3 năm gần nhất. | 0 |
| 26 | Thành viên HĐQT không điều hành có nhận được quyền chọn, cổ phiếu hoặc tiền thưởng? | Không phát sinh trong năm 2025 | 0 |
| | TỔNG CỘNG | | -1 |

# Hoạt động của thành viên độc lập

## THÔNG TIN THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Nhìn chung, năm 2025, ngành năng lượng Việt Nam vận hành trong bối cảnh nhu cầu điện tăng cao nhưng cơ bản được kiểm soát tốt, tạo nền tảng thuận lợi cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời đặt ra yêu cầu tiếp tục đầu tư đồng bộ nguồn và lưới điện, cũng như nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống.

### Bà NGUYỄN THÙY VÂN

- 45 tuổi – Việt Nam
- Thành viên HĐQT độc lập (Từ 18/9/2018 đến nay)

**Chức vụ kiêm nhiệm tại GEC**

- Chủ tịch UBKT (từ 18/9/2018 đến nay)
- Thành viên UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng (từ 13/9/2021 đến nay)

### Ông NGUYỄN THẾ VINH

- 49 tuổi – Việt Nam
- Thành viên HĐQT độc lập (Từ 03/3/2022 đến nay)

**Chức vụ kiêm nhiệm tại GEC**

- Không

### Bà PHẠM THỊ KHUÊ

- 42 tuổi – Việt Nam
- Thành viên HĐQT độc lập (Từ 12/6/2020 đến nay)

**Chức vụ kiêm nhiệm tại GEC**

- Không

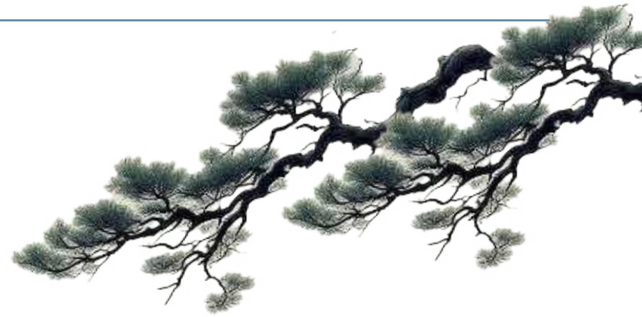
## TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Để đảm bảo tính độc lập, các Thành viên HĐQT độc lập tại GEC không những đạt tiêu chuẩn theo quy định pháp luật Việt Nam mà còn đáp ứng các tiêu chuẩn được khuyến nghị trong Bộ Nguyên tắc QTCT Việt Nam 2026 dành cho Công ty đại chúng, bao gồm:

- Thành viên HĐQT độc lập là thành viên không có mối quan hệ nào với Công ty, các công ty liên quan của Công ty, CĐ lớn của Công ty (là CĐ nắm giữ từ 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) hoặc cán bộ của công ty người mà có khả năng can thiệp, hoặc được cho là đã can thiệp, vào việc thực hiện phán quyết kinh doanh độc lập của thành viên HĐQT vì lợi ích tốt nhất của Công ty.
- Các thành viên HĐQT độc lập phải được xác định và công bố rõ ràng trong các Báo cáo thường niên và Báo cáo QTCT.
- Các thành viên HĐQT độc lập phải có đầy đủ các tiêu chuẩn năng lực cần thiết, vì năng lực cũng có tầm quan trọng như tính độc lập.
- Phải có tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập có chuyên môn và kinh nghiệm tài chính để tham gia và lãnh đạo UBKT.
- Thành viên HĐQT độc lập chỉ nên tham gia HĐQT tối đa mười năm cộng dồn.

Việc đáp ứng các tiêu chí nêu trên nhằm nâng cao tính độc lập của Thành viên HĐQT độc lập thông qua việc ngăn chặn xung đột lợi ích, quan hệ sở hữu cũng như quan hệ cá nhân có khả năng ảnh hưởng đến việc thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm.

## CƠ CẤU THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP



Hoạt động QTCT tốt sẽ thúc đẩy HĐKD hiệu quả, gia tăng giá trị Công ty và góp phần vào tăng trưởng đầu tư cũng như PTBV. QTCT bao hàm việc xây dựng nền tảng chính sách, thiết lập khung hướng dẫn, đồng thời quản lý và kiểm soát hiệu quả các mối quan hệ giữa BGĐ, HĐQT, CĐ và các bên có quyền lợi liên quan. Trong bối cảnh thị trường NLTT năm 2025 nhiều biến động và các yêu cầu về PTBV ngày càng khắt khe, GEC xác định QTCT không chỉ là khung tuân thủ pháp lý mà còn là "hệ điều hành" cốt lõi để kiến tạo giá trị thặng dư.

Năm 2025, GEC tiếp tục khẳng định cam kết đối với các thông lệ QTCT tiên tiến thông qua việc duy trì vững chắc mô hình quản trị một lớp (nhất nguyên). Theo các nghiên cứu của OECD, mô hình này được áp dụng phổ biến tại nhiều quốc gia phát triển như Mỹ, Anh, Canada và Úc. Đồng thời, mô hình quản trị một lớp cũng đề cao vai trò của Thành viên HĐQT độc lập nhằm tăng cường tính giám sát và đảm bảo sự cân bằng trong quá trình ra quyết định.

Công ty nhận thức rõ vai trò quan trọng của các Thành viên HĐQT độc lập trong việc đảm bảo tính khách quan và công bằng trong quá trình ra quyết định chiến lược, đồng thời góp phần nâng cao tính minh bạch và củng cố niềm tin của CĐ cũng như các BLQ. Trong mô hình quản trị một lớp, chức năng giám sát của HĐQT đối với hoạt động điều hành được tăng cường thông qua sự tham gia và quyền hạn của các Thành viên HĐQT độc lập.

Tại Việt Nam, Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã quy định cụ thể về số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện đối với Thành viên HĐQT độc lập nhằm tăng cường hiệu quả giám sát và đảm bảo tính minh bạch trong quản trị doanh nghiệp. Tuân thủ các quy định này, đồng thời hướng tới các thông lệ quản trị tiên tiến, GEC luôn duy trì tỷ lệ Thành viên HĐQT độc lập ở mức cao. Hiện tại, Công ty có 3/7 Thành viên HĐQT độc lập, tương đương 43% tổng số Thành viên HĐQT, cao hơn đáng kể so với mức tối thiểu 20% theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và mức tối thiểu 1/3 theo khuyến nghị của Bộ Nguyên tắc QTCT Việt Nam cho các công ty đại chúng – ấn bản năm 2026 của UBCKNN.

Theo Bộ Nguyên tắc QTCT Việt Nam, Chủ tịch HĐQT nên là Thành viên HĐQT độc lập. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT không phải là thành viên độc lập, HĐQT nên có đa số thành viên là thành viên độc lập nhằm tăng cường tính khách quan và minh bạch trong hoạt động quản trị.

Tại GEC, mặc dù Chủ tịch HĐQT không phải là thành viên HĐQT độc lập, Công ty vẫn duy trì tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập ở mức cao (43%). Điều này thể hiện cam kết của Công ty trong việc nâng cao chất lượng quản trị, tăng cường tính minh bạch trong quá trình ra quyết định và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của CĐ, đặc biệt là CĐ thiểu số.

Song song với đó, việc thành lập các UB trực thuộc HĐQT như UBKT, UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng, UB Đầu tư... góp phần tăng cường tính minh bạch và đảm bảo thực thi hiệu quả các hoạt động kiểm soát trong toàn Công ty.

Bên cạnh đó, theo các nguyên tắc trong Bộ nguyên tắc QTCT Việt Nam, sự đa dạng về kiến thức, kinh nghiệm, văn hóa và giới tính trong cơ cấu HĐQT được xem là yếu tố quan trọng, giúp doanh nghiệp tận dụng được nhiều góc nhìn khác nhau, từ đó nâng cao chất lượng thảo luận và tăng cường tính hiệu quả trong quá trình ra quyết định.

Các Thành viên HĐQT độc lập tại GEC không chỉ đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về tính độc lập theo quy định mà còn thể hiện sự đa dạng về chuyên môn, kinh nghiệm quản trị và điều hành trong nhiều lĩnh vực như Tài chính, Đầu tư, Kế toán – Kiểm toán, Bất động sản, Thương mại – Dịch vụ... đồng thời có sự am hiểu và gắn bó sâu sắc với ngành năng lượng. Bên cạnh đó, đặc biệt là yếu tố đa dạng về giới tính cũng được Công ty chú trọng, với tỷ lệ nữ giới chiếm 29% tổng số Thành viên HĐQT và 67% trong số các Thành viên HĐQT độc lập. Cơ cấu này góp phần tăng cường sự cân bằng, đa chiều trong quá trình thảo luận và ra quyết định của HĐQT, qua đó nâng cao chất lượng quản trị của Công ty.

Theo số liệu khảo sát dựa trên dữ liệu từ 18.085 Công ty tại 50 quốc gia do Deloitte thực hiện năm 2024 (Báo cáo Women in the boardroom: A global perspective), tỷ lệ nữ giới nắm giữ 23,3% số ghế trong HĐQT trên toàn cầu và 14,8% tại khu vực Châu Á. Tại Việt Nam, tỷ lệ này là 18% theo Báo cáo Đánh giá QTCT cho Doanh nghiệp Niêm yết Việt Nam 2025.

Như vậy, tỷ lệ nữ giới trong HĐQT tại GEC cao hơn nhiều so với mức trung bình trong nước, khu vực và toàn cầu theo khảo sát. Sự hiện diện của nữ giới trong HĐQT góp phần tăng cường sự đa dạng về góc nhìn quản trị, nâng cao chất lượng giám sát và thúc đẩy quá trình ra quyết định toàn diện hơn.

Thêm vào đó, nghiên cứu của IFC cho thấy phụ nữ có xu hướng quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG), góp phần nâng cao uy tín và sức ảnh hưởng của Công ty.

Theo xu thế toàn cầu, ESG là một trong những yếu tố quan trọng tạo nên giá trị dài hạn của doanh nghiệp và thu hút nhà đầu tư có thương hiệu, uy tín trên thị trường.

Đã có nhiều nghiên cứu chỉ ra mối tương quan giữa tính độc lập và sự đa dạng giới của HĐQT đối với hiệu quả ESG. Nghiên cứu của Kamardin tại Malaysia (International Journal of Corporate Social Responsibility, 9/2022), nghiên cứu của Burcu Gurol tại khu vực châu Âu (Social Responsibility Journal, 2/2023) và nghiên cứu Women directors and E&S performance: Evidence from board gender quotas (Journal of Corporate Finance, 12/2023) của Edith Ginglinger và Caroline Raskopf đều cho kết quả rằng:

**"Sự hiện diện của Thành viên HĐQT nữ sẽ tích cực thúc đẩy Công ty trong việc cải thiện các vấn đề thực hành ESG và nâng cao hiệu quả hoạt động của lĩnh vực này."**

Ngoài những yếu tố trên, vai trò giám sát độc lập còn được thực thi hiệu quả hơn khi Bà Nguyễn Thùy Vân kiêm nhiệm Chủ tịch UBKT và Thành viên UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng. Với sự kiêm nhiệm tại các UB trực thuộc HĐQT được thành lập và hoạt động theo chuẩn mực quốc tế và thông lệ tốt nhất về QTCT, Bà Nguyễn Thùy Vân đã thực hiện đầy đủ các chức năng giám sát công tác QLRR, kiểm soát, đảm bảo tính hữu hiệu và hiệu quả của hệ thống KSNB, cũng như công tác quản trị, đánh giá hiệu suất nguồn nhân lực và thiết lập chính sách lương thưởng liên quan nhằm thu hút và giữ chân nhân tài, góp phần tăng cường hiệu quả của khung QTCT.

Với việc bổ nhiệm và thực hiện chức năng theo quy định pháp luật trong nước, đồng thời chú trọng các khuyến nghị của thông lệ quốc tế, các Thành viên HĐQT độc lập đảm bảo không có một hoặc một nhóm Thành viên HĐQT nào có thể chi phối quá trình ra quyết định tại Công ty. Qua đó, các Thành viên độc lập thực hiện vai trò và trách nhiệm ở mức cao nhất, đồng thời có những đóng góp thiết thực cho hoạt động điều hành và QTCT.





# HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP TRONG NĂM 2025

Tại Việt Nam, sở hữu cô đặc vẫn phổ biến: tập đoàn và khu vực công chiếm tỷ trọng lớn, trong khi nhà đầu tư tổ chức - đặc biệt là khối ngoại - còn khiêm tốn so với Singapore hay Malaysia. Điều này cho thấy dư địa tăng trưởng lớn cho dòng vốn tổ chức nhưng cũng là thách thức trong việc nâng cao quản trị, minh bạch và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của CĐ, đặc biệt là CĐ thiểu số.

Trong bối cảnh đó, với mục tiêu chuẩn hóa công tác QTCT theo chuẩn mực quốc tế, hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập luôn thể hiện vai trò giám sát độc lập, gia tăng tính kiểm soát đối với công tác quản trị và điều hành Công ty, bảo vệ quyền và lợi ích của CĐ, đặc biệt là CĐ thiểu số.

Gắn liền với nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Quy chế hoạt động của HĐQT, trong năm 2025, các Thành viên đã có những hoạt động điển hình trong công tác Quản trị, Giám sát, Kiểm soát và Kiểm toán như sau:

## 01 HỖ TRỢ HĐQT THỰC HIỆN QTCT HIỆU QUẢ VÀ MINH BẠCH

- Thực thi những biện pháp mạnh mẽ nhằm cải thiện chất lượng QTCT. Hỗ trợ xây dựng nền tảng QTCT hiệu quả, tiệm cận thông lệ tốt nhất.
- Thúc đẩy tiến trình PTBV, chú trọng các phương hướng tăng trưởng xanh với sự tích hợp giá trị của ba yếu tố Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG).

## 02 GIÁM SÁT HĐQT, BĐH

- Giám sát hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra NQ của HĐQT; đảm bảo HĐQT thực hiện đầy đủ các nội dung NQ của ĐHĐCĐ.
- Giám sát hoạt động của BĐH thông qua việc chấp hành các NQ của HĐQT cũng như cơ chế phân quyền giữa HĐQT và Tổng Giám đốc.
- Các NQ, quyết định của HĐQT và TGĐ được ban hành đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ có liên quan.

## 03 GIÁM SÁT CÔNG TÁC CBTT

- Giám sát việc công bố các thông tin, số liệu bao gồm thông tin tài chính và phi tài chính.
- Đảm bảo thông tin, số liệu chính xác, trung thực và đầy đủ, đáp ứng nhu cầu thông tin trọng yếu của các BLQ.
- Công tác CBTT được thực hiện kịp thời và phù hợp với quy định của pháp luật.

## 04 GIÁM SÁT VÀ KIỂM SOÁT BCTC

- Giám sát việc lập và trình bày BCTC phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.
- Giám sát việc thực thi trách nhiệm giải trình đối với thông tin tài chính và chất lượng của thông tin giải trình.

## 05 GIÁM SÁT GIAO DỊCH CÁC BLQ

- Giám sát tất cả các giao dịch với BLQ, đưa ra ý kiến, khuyến nghị trước khi thực hiện.
- Đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và Chính sách giao dịch với BLQ được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt.
- Tất cả các giao dịch được thực hiện trên cơ sở giá thị trường, không thiên vị và không tồn tại nguy cơ xung đột lợi ích.

### 06 GIÁM SÁT HỆ THỐNG KSNB, QTRR

- Giám sát và thường xuyên đánh giá tính hữu hiệu và hiệu quả của hệ thống KSNB.
- Hệ thống VBLQ được Công ty cập nhật, hoàn thiện và tin học hóa qua E-Office, hỗ trợ tích cực cho hoạt động kiểm soát.
- Xây dựng khung danh mục rủi ro và thúc đẩy quá trình hình thành văn hóa rủi ro, nâng cao khả năng phát hiện, ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro.

### 07 GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG KTNB

- Giám sát hoạt động KTNB, đảm bảo tính độc lập và hiệu quả.
- Tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp của đội ngũ KTNB.

### 08 GIÁM SÁT DỊCH VỤ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

- Đảm bảo tư cách pháp lý và tính độc lập của đơn vị kiểm toán độc lập.
- Đảm bảo đáp ứng yêu cầu về năng lực chuyên môn của đội ngũ kiểm toán viên, tiến độ và chất lượng của kết quả kiểm toán.

## ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BĐH TRONG NĂM 2025

| Nội dung | HĐQT | BĐH |
|---|---|---|
| **Hoạt động năm 2025** | Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ. Ngoài các cuộc họp trực tiếp, HĐQT còn thực hiện lấy ý kiến và biểu quyết bằng văn bản đối với các vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền. Tính đến ngày 31/12/2025, HĐQT đã thông qua 29 NQ nhằm định hướng chiến lược và chỉ đạo hoạt động kinh doanh theo chiến lược phát triển của Công ty.<br><br>HĐQT hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; đặc biệt hướng tới phù hợp với thông lệ Quản trị quốc tế, hoàn thiện mô hình QTCT theo tiêu chuẩn Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG) cũng như các Tiêu chuẩn Môi trường xã hội (ESS) của IFC. Các Thành viên HĐQT hoạt động tích cực, nắm chắc, giải quyết công việc một cách trách nhiệm và chuyên nghiệp. Mỗi Thành viên đều phát huy tốt khả năng, đáp ứng sự tin tưởng của các CĐ tin tưởng, giao phó. | Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, nhờ kết quả đàm phán giá điện cho các DA NM Điện Gió chuyển tiếp và hoàn thành chuyển nhượng cổ phần tại CTCP Thủy điện Trường Phú, Công ty ghi nhận LNTT hợp nhất đạt 979 tỷ đồng, vượt 26% so với kế hoạch.<br><br>Các NM điện được kiểm soát chặt chẽ nhằm đảm bảo vận hành hiệu quả. Công tác bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa định kỳ được thực hiện theo KH, giúp duy trì vận hành liên tục, rút ngắn thời gian khắc phục sự cố và tối ưu chi phí quản lý, vận hành.<br><br>Trong năm 2025, Công ty đã tiến hành khởi công xây dựng DA NM Thủy điện Ea Tih (8,6 MW) tại tỉnh Đắk Lắk, DA Điện Mặt trời Đức Huệ 2 (49 MWp) tại tỉnh Tây Ninh, và hoàn tất ký thỏa thuận khung về giá bán điện cho DA Điện Gió VPL 2 (30 MW) tại tỉnh Vĩnh Long. |

| Nội dung | HĐQT | BĐH |
|---|---|---|
| **Hoạt động năm 2025** | Hoạt động giám sát của HĐQT đối với BĐH của Công ty được thực hiện đúng theo quy định tại Quy chế nội bộ về QTCT, Quy chế hoạt động của HĐQT. Trong năm 2025, ngoài các phiên họp định kỳ, các nội dung được trao đổi theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các Thành viên HĐQT còn tham dự các phiên họp giao ban mở rộng với BĐH, thông qua các báo cáo, nhằm kịp thời hỗ trợ và đưa ra các chỉ đạo, chủ trương đúng đắn cho công tác Quản trị, Điều hành của Công ty. | Tiếp tục mở rộng nghiên cứu phát triển các loại hình NLTT mới như Điện Rác, Hydrogen, Tích trữ năng lượng,... tại các Tỉnh có điều kiện thuận lợi đồng thời định hướng mở rộng tầm phát triển ra bên ngoài Việt Nam như Lào và các nước lân cận.<br><br>Duy trì hệ thống KSNB hữu hiệu và hiệu quả, tiếp tục triển khai các phương pháp QTRR.<br><br>Duy trì tuân thủ các quy định pháp luật về ESS tại các NM điện, đảm bảo vận hành liên tục và hiệu quả, đồng thời thực hiện đánh giá giám sát hằng năm đối với chứng nhận ISO 14001:2015 – Hệ thống quản lý môi trường.<br><br>Rà soát, cập nhật hệ thống VBLQ để đảm bảo tính phù hợp với các quy định pháp luật mới và hoạt động thực tế của doanh nghiệp. |
| **Đánh giá vai trò thành viên HĐQT độc lập** | Thành viên HĐQT độc lập đã phát huy tốt vai trò giám sát và kiểm soát, song hành cùng HĐQT đưa ra những quyết định công bằng, minh bạch trong công tác Quản trị, tôn trọng và trách nhiệm đưa ra những định hướng và giải pháp đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty, không gây xung đột với lợi ích giữa các BLĐ, tạo điều kiện để HĐQT giữ vững vai trò giám sát, đảm bảo trách nhiệm của HĐQT trong việc giám sát, hỗ trợ BĐH. | Thành viên HĐQT độc lập cùng với HĐQT đã giám sát BĐH triển khai hoạt động ổn định, hiệu quả; thực hiện các quy chế, quy định, nhiệm vụ phù hợp với Quy chế tổ chức nghề nghiệp. Ngoài ra, Thành viên độc lập thực hiện giám sát, đảm bảo hoạt động KSNB, QLRR phát huy tối đa vai trò, chức năng giám sát và đánh giá hệ thống KSNB, đảm bảo hiệu quả tối ưu nhất phục vụ hoạt động của Công ty. |

## ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Trong năm 2026, nhằm song hành cùng chiến lược phát triển của Công ty, tiếp tục tối ưu hóa các nguồn lực để gia tăng cơ hội tìm kiếm, M&A và phát triển các DA năng lượng, hướng tới mục tiêu trở thành tổ chức tư nhân hàng đầu trong lĩnh vực phát triển Điện Gió, Điện Mặt trời và các loại hình NLTT, đồng thời cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cho hệ sinh thái năng lượng. Trong bối cảnh yêu cầu về minh bạch, QTRR và PTBV theo chuẩn mực quốc tế ngày càng được chú trọng, các Thành viên HĐQT độc lập tiếp tục phát huy vai trò giám sát, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của CĐ và đáp ứng các nguyên tắc QTCT.

| MỤC TIÊU CỦA NĂM 2026 | ĐỊNH HƯỚNG HÀNH ĐỘNG TRỌNG TÂM CỦA NĂM 2026 | ĐỐI TƯỢNG HƯỚNG ĐẾN |
|---|---|---|
| Thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ trong vai trò giám sát độc lập để duy trì sự minh bạch trong Quản trị và Điều hành, nhất quán trong mục tiêu tối đa hóa giá trị Công ty và bảo vệ lợi ích của CĐ | Giám sát HĐQT và BĐH, sớm phát hiện, ngăn chặn và hóa giải các nguy cơ xung đột lợi ích của các BLQ | HĐQT và BĐH |
| Tạo ra giá trị gia tăng cho Công ty, nâng cao công tác Quản trị và Điều hành | Đưa ra các ý kiến, phân tích, đánh giá, phản biện đối với các chiến lược, kế hoạch của HĐQT và BĐH đảm bảo tính đa chiều, thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong hoạt động Quản trị và Điều hành tại Công ty<br>Là trung gian giữa Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT khác khi cần thiết | HĐQT và BĐH |
| Nâng cao hoạt động KSNB, hoàn thiện hệ thống QTRR để thiết lập môi trường kiểm soát vững mạnh cho Công ty | Tiếp tục đề ra những định hướng, giải pháp hữu hiệu, giám sát hoạt động KSNB phát huy tốt vai trò là tuyến phòng vệ thứ 3 của Công ty<br>Hoàn thiện khung QTRR để nhận diện kịp thời các rủi ro, thực hiện công tác QTRR là điều kiện tiên quyết trong mọi hoạt động | BĐH |
| Nâng cao vị thế HĐQT độc lập, duy trì tính liêm chính, tính độc lập và số lượng Thành viên HĐQT độc lập theo quy định hiện hành | Luôn đảm bảo đủ số lượng từ 2 Thành viên trở lên có kiến thức về kế toán, kiểm toán, sự hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty<br>Thường xuyên chủ động rà soát tính độc lập của Thành viên HĐQT về quan hệ nhân thân, quan hệ kinh tế để đáp ứng yêu cầu của quy định hiện hành | HĐQT |

# Ủy ban Quản trị công ty, Bổ nhiệm và Lương thưởng

UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng là cơ quan trực thuộc HĐQT có chức năng tham mưu cho HĐQT trong việc QTCT, chính sách bổ nhiệm và Lương thưởng.

Vị trí, cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của UB được Công ty quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của UB, do HĐQT phê duyệt ngày 07/12/2022 và được công bố trên trang Web của Công ty để đảm bảo tính minh bạch cũng như là chuẩn đối sánh để dựa vào đó đánh giá được kết quả công việc của UB.

## NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

1. Tham mưu cho HĐQT các vấn đề về QTCT, vấn đề bổ nhiệm Thành viên HĐQT và Lương thưởng.
2. Yêu cầu các Phòng Ban và Nhóm Công ty phối hợp, cung cấp các nội dung, thông tin liên quan phục vụ công tác tham mưu.
3. Xây dựng, kiến nghị, đánh giá hàng năm chính sách QTCT và giám sát các vấn đề QTCT.
4. Xác định các ứng viên có đủ năng lực trở thành Thành viên HĐQT và trình lên HĐQT để thông qua danh sách ứng cử.
5. Kiến nghị lên HĐQT về việc bổ nhiệm các UB liên quan.
6. Điều phối việc đánh giá hàng năm đối với HĐQT, Thành viên HĐQT và các UB.
7. Bảo đảm việc tuân thủ chính sách QTCT và QCUX của Công ty.
8. Hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm liên quan đến lương thưởng HĐQT, BĐH và Thư ký Công ty.
9. Giám sát việc quản lý kế hoạch thù lao và phúc lợi của Công ty.
10. Chuẩn bị BCTN về chính sách và hoạt động lương thưởng là 1 phần của BCTN.
11. Xây dựng các chính sách theo yêu cầu của HĐQT:
    - Tiêu chí, chất lượng các Thành viên HĐQT phù hợp với định hướng chiến lược của Công ty
    - Chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của Thành viên HĐQT và BĐH với lợi ích lâu dài của Công ty.
    - Các chính sách, quy định khác nhằm triển khai chức năng, nhiệm vụ của UB.

## CƠ CẤU TỔ CHỨC

| | Họ và tên Thành viên | Chức danh | Thời gian đảm nhiệm chức vụ |
|---|---|---|---|
| 1 | Ông Tân Xuân Hiến | Chủ tịch | 13/9/2021 đến nay |
| 2 | Bà Nguyễn Thùy Vân | Thành viên | 13/9/2021 đến nay |
| 3 | Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn | Thành viên | 13/9/2021 đến nay |
| 4 | Bà Nguyễn Thị Hồng Vân | Thư ký | |

## SỰ ĐA DẠNG CỦA THÀNH VIÊN ỦY BAN

| | |
|---|---|
| Tuổi | Từ 34 tuổi đến 64 tuổi |
| Giới tính | Nữ chiếm 1/3 số lượng thành viên |
| Học vấn | Thạc sĩ, cử nhân về nhiều linh vực như kinh tế, du lịch, quản trị kinh doanh... |
| Kinh nghiệm | Kinh nghiệm đa dạng. Đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý cấp cao khác nhau như Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch UBKT... tại nhiều lĩnh vực như Năng lượng, Tài chính... |
| Mô hình quản trị | 3/3 Thành viên là Thành viên HĐQT không điều hành, 1/3 Thành viên HĐQT độc lập |

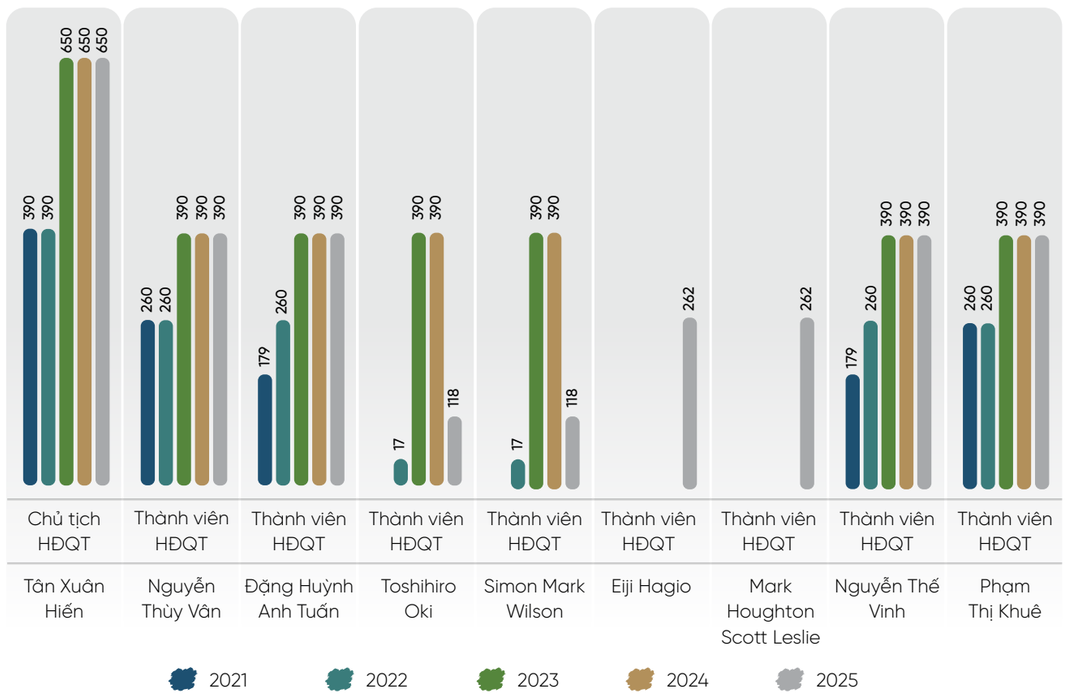
## HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN TRONG NĂM 2025

Theo quy định của Quy chế tổ chức và hoạt động của UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng, các cuộc họp của UB được tổ chức định kỳ ít nhất 6 tháng/lần và có thể phát sinh thêm theo chỉ đạo của Chủ tịch UB hoặc theo đề nghị của HĐQT. Trong năm 2025, UB đã tổ chức 2 cuộc họp chính thức vào ngày 25/3/2025 và 30/10/2025 dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các cuộc họp diễn ra với sự tham gia của 3/3 thành viên (100% thành viên) và tỷ lệ đồng thuận các nội dung cuộc họp là 100%. Các nội dung đề xuất HĐQT xem xét, quyết định những vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản trị nhân sự cụ thể như sau:

- Đánh giá việc thực hiện chính sách và giám sát các vấn đề về hoạt động QTCT.
- Đánh giá và đảm bảo việc thực hiện chế độ Bảo hiểm bắt buộc đối với Nhân sự cấp cao, điều chỉnh Tiền lương chức danh đối với CBNV phù hợp với mặt bằng chung. Rà soát và điều chỉnh thu nhập toàn Công ty không vượt quá 5%/Quỹ lương hiện hữu.
- Rà soát lại toàn bộ Danh sách Cán bộ trung kiên, xây dựng và áp dụng chế độ phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty theo từng giai đoạn.
- Xây dựng và triển khai các Chương trình đào tạo ứng dụng AI trong công việc, với mục tiêu nâng cao trình độ của Cán bộ Nhân viên phục vụ tăng năng suất lao động và khả năng cạnh tranh cho Công ty trong thời đại công nghệ.
- Tiếp tục phát huy vai trò tham mưu HĐQT trong công tác xây dựng kế hoạch tiền lương nói riêng và các chi phí nhân sự nói chung cũng như các Chế độ phúc lợi dành cho Người lao động phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế; đảm bảo thu hút được nguồn nhân lực, giữ chân nhân sự có chuyên môn, kinh nghiệm cho Công ty.
- Chính sách thù lao HĐQT, UB Kiểm toán và UB chuyên trách được thực hiện đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025, tuân thủ hạn mức và nguyên tắc công bằng, minh bạch.
- Công tác đánh giá hiệu quả hoạt động của Ban điều hành được tiến hành theo quy trình đã phê duyệt, gắn với chỉ tiêu tài chính – vận hành (KPI) và tuân thủ nguyên tắc khách quan.
- UB cũng ghi nhận sự chủ động của Ban điều hành trong việc giữ ổn định thu nhập, đảm bảo chính sách phúc lợi và duy trì tinh thần làm việc tích cực của đội ngũ nhân sự trong giai đoạn thị trường năng lượng có nhiều biến động.
- Các chính sách bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ cho cán bộ chủ chốt và nhân viên tiếp tục được duy trì; phạm vi và quyền lợi bảo hiểm đã được mở rộng hơn so với năm 2024.

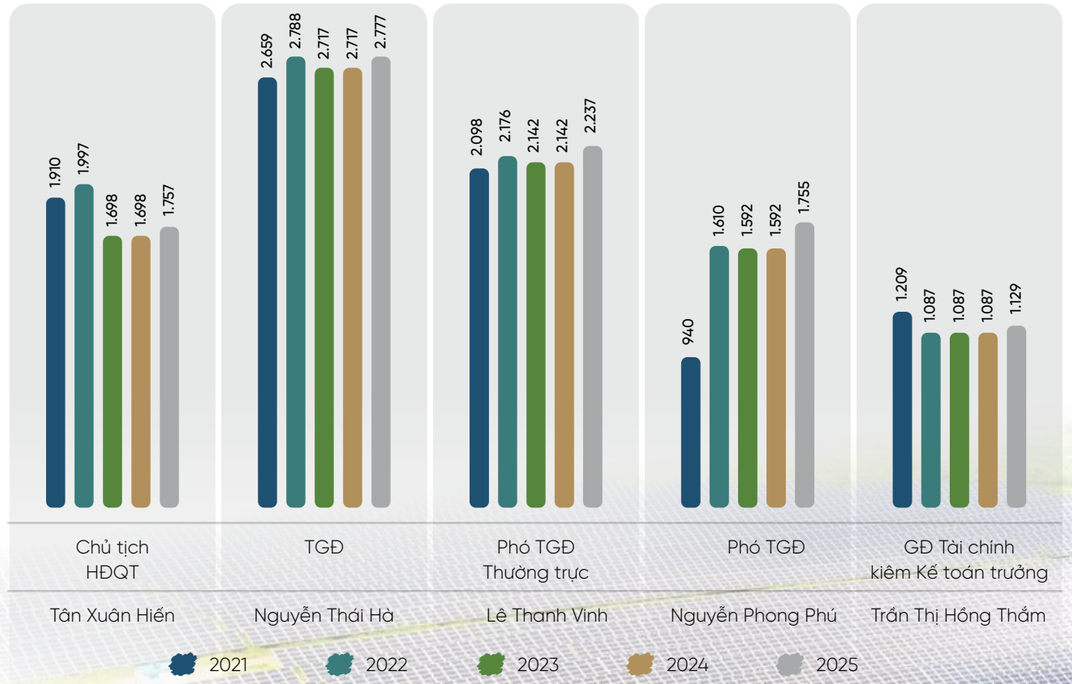
**THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỪ 2021 - 2025**

ĐVT: TRIỆU ĐỒNG




**TIỀN LƯƠNG CÁN BỘ CHỦ CHỐT TỪ 2021-2025**

ĐVT: TRIỆU ĐỒNG




# ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

## Chính sách thù lao và khen thưởng cấp HĐQT – BĐH

- Đề xuất duy trì nguyên tắc "Thù lao gắn với kết quả hoạt động và mức độ đóng góp thực tế" của khối Front Office.
- Cần xây dựng khung thù lao linh hoạt theo từng giai đoạn phát triển của Công ty, trong đó có yếu tố thưởng dài hạn (long-term incentive) dành cho HĐQT, BĐH và nhân sự chủ chốt, phù hợp thông lệ quản trị doanh nghiệp của ASEAN và OECD.
- Cần xem xét so sánh với trung bình ngành về mức thù lao tại các doanh nghiệp năng lượng tương đồng để làm cơ sở cho UB trình HĐQT xem xét điều chỉnh.

## Chính sách nhân sự cấp cao và kế hoạch kế nhiệm

- UB thống nhất cần có chương trình đánh giá năng lực định kỳ và kế hoạch kế nhiệm đối với các vị trí chủ chốt.
- Đề nghị Phòng Nhân sự lập danh sách kế nhiệm sơ bộ cho các vị trí GĐ Chi nhánh, GĐ Khối, và báo cáo tiến độ phát triển năng lực cho UB.
- Khuyến khích thực hiện đào tạo chuyên sâu và luân chuyển vị trí quản lý cấp trung để hình thành đội ngũ kế thừa có đủ năng lực chuyên môn và kỹ năng lãnh đạo.

## Chính sách phúc lợi và khuyến khích dài hạn

- Đề xuất HĐQT nghiên cứu khả năng triển khai Chương trình ESOP hoặc chương trình thưởng cổ phiếu gắn với thành tích trong giai đoạn 2026-2028, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa CĐ và người lao động.
- Tiếp tục nâng cao giá trị phúc lợi, đặc biệt trong các chính sách bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe và đào tạo, với mục tiêu biến GEC trở thành môi trường làm việc có năng lực cạnh tranh cao trong ngành NLTT.

## Giám sát và tuân thủ

- UB khẳng định tầm quan trọng của việc duy trì chuẩn mực quản trị công ty tốt, tuân thủ Quy chế tổ chức hoạt động UB QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng và QCUX, đặc biệt trong bối cảnh GEC là công ty niêm yết có nhiều cổ đông tổ chức trong và ngoài nước.

# Ủy ban kiểm toán

## GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ RỦI RO CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

### CƠ CẤU ỦY BAN KIỂM TOÁN

UBKT gồm 03 Thành viên HĐQT không điều hành, trong đó Chủ tịch UBKT là Thành viên HĐQT độc lập:

| | Thành viên UBKT | Chức vụ UBKT | Ngày bắt đầu/không còn là Thành viên UBKT |
|---|---|---|---|
| 1 | Bà Nguyễn Thùy Vân | Chủ tịch UBKT | Bắt đầu từ 18/9/2018 đến nay |
| 2 | Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn | Thành viên UBKT | Bắt đầu từ 13/9/2021 đến nay |
| 3 | Ông Eiji Hagio | Thành viên UBKT | Bắt đầu từ 06/6/2025 đến nay |
| 4 | Ông Simon Mark Wilson | Thành viên UBKT | Kết thúc từ ngày 29/4/2025 |

Các Thành viên UBKT đều có chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán theo chuẩn mực VAS và IFRS đảm bảo việc thiết lập và duy trì hệ thống KSNB hữu hiệu và hiệu quả, tạo giá trị trong tiến trình PTBV tại GEC cũng như giám sát hoạt động Công ty tuân thủ pháp luật, nguyên tắc đạo đức kinh doanh, quy định nội bộ.

Cơ cấu UBKT của GEC không những được kiện toàn dựa trên yêu cầu của pháp luật Việt Nam mà còn bám sát tiêu chuẩn QTCT theo thông lệ tốt nhất, góp phần quan trọng trong quá trình phát triển và cải thiện chất lượng QTCT. Một trong những điểm nhấn của cơ cấu hiện tại là sự đa dạng về giới, với tỷ lệ Thành viên nữ là 33% đồng thời là Chủ tịch. Điều này không chỉ tạo ra sự cân bằng mà còn phát huy những thế mạnh đặc trưng của nữ giới trong quản trị và kiểm soát, bao gồm tư duy thận trọng, tính kỷ luật cao và khả năng xây dựng môi trường làm việc cởi mở, dân chủ.

Ngày 31/10/2025, Tạp chí Journal of Accounting and Tax (Indonesia) đã công bố bài nghiên cứu theo phương pháp tổng quan tường thuật với tiêu đề Gender Diversity in Audit Committees and Its Impact on Financial Reporting Quality. Trên cơ sở tổng hợp và phân tích các nghiên cứu thực nghiệm trước đó về các công ty niêm yết, nhóm tác giả đánh giá mối quan hệ giữa đa dạng giới trong UBKT và chất lượng BCTC, kết quả cho thấy: Sự hiện diện của nữ giới trong UBKT có mối tương quan tích cực với việc giảm mức độ quản trị lợi nhuận, nâng cao chất lượng giám sát, cải thiện tính minh bạch của BCTC, ngoài ra còn gia tăng các CBTT về ESG và tính bền vững.

Trong một nghiên cứu khác được đăng trên Tạp chí European Research on Management and Business Economics 2023, sự hiện diện của nữ giới trong UBKT có liên hệ đến phí kiểm toán thấp hơn. Nguyên nhân được đánh giá do chất lượng BCTC được cải thiện, rủi ro được Công ty kiểm soát tốt hơn, dẫn đến các đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán độc lập tiết giảm nguồn lực. Năm 2025, TTS và VĐL của GEC không giảm đáng kể so với năm trước trong khi Doanh thu và LNTT ghi nhận mức tăng trưởng khả quan 29% và 441%, tuy nhiên Chi phí kiểm toán vẫn được kiểm soát tốt với mức phí kiểm toán BCTC toàn GECG giảm 6% từ 1,33 tỷ còn 1,28 tỷ. Điều này phản ánh rằng dù tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty có biến động đáng kể, chất lượng BCTC và hệ thống KSNB được duy trì và liên tục củng cố đã giúp kiểm soát rủi ro tài chính hiệu quả, từ đó hạn chế sự gia tăng đột biến chi phí kiểm toán.

Từ kết luận dựa trên các bài nghiên cứu và bằng chứng thực tiễn cho thấy đa dạng giới không chỉ là vấn đề về bình đẳng, mà còn là yếu tố quản trị quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả giám sát và bảo vệ lợi ích của các BLQ, đặc biệt với các công ty niêm yết.





### CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Thẩm quyền, nghĩa vụ, cơ cấu và quy trình hoạt động của UBKT được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động UBKT do HĐQT ban hành và được công bố công khai trên trang web của CTCP Điện Gia Lai. Quy chế Tổ chức hoạt động của UBKT phù hợp với Điều lệ của Công ty và các quy định của Pháp luật hiện hành (Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Luật 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, NĐ 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán, NĐ 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 116/2020/TT-BTC Hướng dẫn NĐ 155/2020/NĐ-CP). Ngoài ra, hoạt động của UBKT đã đáp ứng hầu hết các chuẩn mực khuyến nghị trong Bộ Nguyên tắc QTCT theo Thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng được UBCKNN và IFC phối hợp thực hiện ban hành lần đầu năm 2019 và được cập nhật thành Bộ Nguyên tắc QTCT Việt Nam vào tháng 2/2026.



### CUỘC HỌP CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Trong năm 2025, UBKT đã tiến hành 2 lần họp chính thức và các phiên họp đều được lập Biên bản họp, thỏa điều kiện UBKT họp ít nhất 2 lần/năm theo quy định tại NĐ 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán 2019 do Bộ Tài chính ban hành. Tất cả cuộc họp đều được tổ chức phù hợp với quy định tại Quy chế Tổ chức hoạt động của UBKT đã được Công ty ban hành. Ngoài ra, các Thành viên UBKT cũng đã chủ động sử dụng linh hoạt các kênh trao đổi để giải quyết kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh.

Trong năm 2025, UBKT đã tổ chức 2 cuộc họp, cụ thể:

| Chỉ tiêu | Ngày 17/4/2025 | Ngày 08/9/2025 |
|---|---|---|
| NỘI DUNG | 1 Báo cáo và thảo luận công tác KTNB trong Q1/2025:<br>• Rà soát BCTC riêng và BCTC hợp nhất Q4/2024 CBTT.<br>• Thẩm định BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2024 đã được Đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán.<br>• Rà soát giao dịch BLQ phát sinh trong Q1/2025 và Rà soát quy định hiện hành, xây dựng tích hợp Quy trình phê duyệt các Giao dịch với Người có liên quan.<br>• Hoàn thành việc rà soát và kiểm tra tổng thể các tất cả bài viết BCTN 2024.<br>• Lập báo cáo UBKT trong Báo cáo QTCT năm 2024.<br>• Lập báo cáo liên quan trong Tài liệu ĐHĐCĐ năm 2024.<br>• Các cuộc kiểm toán đã thực hiện đến thời điểm cuộc họp:<br>Kiểm toán hoạt động Phòng EHSS<br>Kiểm toán hoạt động Phòng Tài chính Kế hoạch<br>• Giám sát hoạt động của các NM điện qua hệ thống camera, trao đổi các phát hiện với Phòng O&M. | 1 Báo cáo và thảo luận công tác KTNB đã thực hiện trong Q2/2025 và đến thời điểm cuộc họp:<br>• Rà soát BCTC riêng và BCTC hợp nhất Q1/2025 CBTT.<br>• Thẩm định BCTC riêng và BCTC hợp nhất bán niên năm 2025 đã được Đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán.<br>• Rà soát giao dịch BLQ trong Q2/2025.<br>• Lập báo cáo UBKT trong Báo cáo QTCT 6 tháng đầu năm 2025.<br>• Các cuộc kiểm toán đã thực hiện đến thời điểm cuộc họp:<br>Kiểm toán chuyên đề Chứng từ có giá và hiện trạng bất động sản;<br>Kiểm toán hoạt động CTCP NM Điện Mặt trời Trúc Sơn;<br>Kiểm toán hoạt động CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An;<br>Kiểm toán Phòng Hành chính quản trị.<br>• Báo cáo kết quả đánh giá tuân thủ GECG 6 tháng đầu năm 2025.<br>• Giám sát hoạt động của các NM điện qua hệ thống camera, trao đổi các phát hiện với Phòng O&M. |

| Chỉ tiêu | Ngày 17/4/2025 | Ngày 08/9/2025 |
|---|---|---|
| | 2 UBKT thảo luận các vấn đề:<br>• Đề xuất danh sách Đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC 2024 để trình HĐQT phê duyệt<br>• Thảo luận nội dung Báo cáo của UBKT trên Tài liệu ĐHĐCĐ năm 2024.<br>• Thảo luận về các vấn đề khác. | 2 UBKT thảo luận các vấn đề:<br>• Thư quản lý do Đơn vị kiểm toán độc lập phát hành.<br>• Điều giải các giao dịch BLQ.<br>• Thống nhất kế hoạch hành động Q4/2025. |
| Thành phần | • Bà Nguyễn Thùy Vân - Chủ tịch<br>• Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn - Thành viên<br>• Ông Simon Mark Wilson - Thành viên | • Bà Nguyễn Thùy Vân - Chủ tịch<br>• Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn - Thành viên<br>• Ông Eiji Hagio - Thành viên |
| Lý do không dự họp | • Tham dự cuộc họp đầy đủ | • Tham dự cuộc họp đầy đủ |

## HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

UBKT thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, trao đổi và cách thức đưa ra Nghị quyết của HĐQT; thực hiện giám sát hoạt động của BĐH thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT; đồng thời xem xét, đánh giá cơ chế phân quyền của HĐQT và BĐH.

Trên mục tiêu phối hợp để cùng hoàn thành tốt nhiệm vụ, UBKT luôn tương tác tốt với các Thành viên HĐQT, Thành viên BĐH, thường xuyên trao đổi, tiếp xúc với các cán bộ quản lý chuyên trách trong các lĩnh vực và luôn nhận được sự hợp tác chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau. Dựa trên khuyến nghị của Bộ Nguyên tắc QTCT Việt Nam được cập nhật tháng 2/2026, UBKT đã thực hiện các trách nhiệm và kết quả đạt được như sau:

| Trách nhiệm | UBKT thực hiện | Kết quả |
|---|---|---|
| 1 Giám sát tính trung thực của Báo cáo tài chính của Công ty và mọi công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty | • UBKT đã thực hiện xem xét BCTC hàng quý, bán niên và cuối niên độ do Công ty lập và Kết quả kiểm toán BCTC bán niên và cuối niên độ của các Đơn vị kiểm toán độc lập.<br>• Giám sát tất cả CBTT trên TTCK đảm bảo tuân thủ các quy định tại TT 96/2020/TT-BTC hiệu lực ngày 01/01/2022 và Quy chế CBTT hiện hành của Công ty. | • BCTC phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp chuẩn mực và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. BCTC 2025 phản ánh trung thực tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty, không phát hiện sai sót trọng yếu trên BCTC.<br>• Chính sách kế toán trong năm tài chính 2025 được áp dụng nhất quán, thuyết minh đầy đủ các thông tin trọng yếu trên BCTC. Việc áp dụng các chính sách và nguyên tắc kế toán được đánh giá là phù hợp với đặc điểm hoạt động, điều kiện SXKD của Công ty trong năm vừa qua. |
| | | • Thông tin, số liệu minh bạch trước khi CBTT đến các CĐ, NĐT, Khách hàng, Đối tác, các BLQ khác.<br>• Không có vi phạm về CBTT. |
| 2 Rà soát KSNB về tài chính của Công ty, hệ thống KSNB và QLRR | • Thiết lập công tác tiền kiểm thông qua rà soát, tư vấn hiệu chỉnh VBLQ hiện hành của Công ty.<br>• Tham mưu, đề xuất cải thiện các chốt kiểm soát đảm bảo hoạt động, vận hành ổn định, hiệu quả, phòng tránh rủi ro.<br>• Đánh giá tính tuân thủ trong công tác thực thi hệ thống KSNB và QLRR. | • Công ty tiếp tục duy trì hệ thống KSNB và QLRR hữu hiệu và hiệu quả.<br>• Hệ thống VBLQ được điều chỉnh, cập nhật toàn diện theo quy định Pháp luật hiện hành và thực tế hoạt động. Các VBLQ được công khai trên các nền tảng E-Office đảm bảo tất cả CBNV có thể tiếp cận đầy đủ, kịp thời và thuận tiện đã hỗ trợ tích cực cho hoạt động vận hành cũng như tính tuân thủ trong toàn Công ty.<br>• Quy trình tác nghiệp liên tục được hoàn thiện, giảm thiểu sai sót và kiểm soát được các rủi ro có thể xảy ra. |
| 3 Rà soát giao dịch BLQ trong ngưỡng phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về giao dịch cần phê duyệt của HĐQT hoặc CĐ | • Các giao dịch với BLQ, người có liên quan được kiểm soát ngay từ thời điểm phát sinh, việc phê duyệt các giao dịch thực hiện theo Chính sách giao dịch có liên quan. Đồng thời định kỳ hàng quý, các giao dịch này được KTNB báo cáo kết quả đến UBKT và HĐQT, đảm bảo tuân thủ các chủ trương về giao dịch BLQ được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ.<br>• Đánh giá và đảm bảo CBTT đầy đủ các hoạt động liên quan đến giao dịch các BLQ | • Các giao dịch luôn được thực hiện công bằng, minh bạch trên cơ sở giá thị trường, không đem lại bất kỳ sự thiên vị cho các BLQ. Qua rà soát định kỳ của UBKT và Đơn vị kiểm toán độc lập không phát hiện các trường hợp xung đột lợi ích trong giao dịch với các BLQ.<br>• Các giao dịch tuân thủ và được CBTT theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Chính sách giao dịch có liên quan. |
| 4 Thảo luận, phản biện và yêu cầu được giải thích và phản hồi thỏa đáng từ KTNB và kiểm toán độc lập về hiểu biết, quan điểm và mối quan tâm của họ đối với giao dịch và sự kiện liên quan, cũng như những ảnh hưởng tiềm tàng đến kiểm soát tài chính và BCTC | • Yêu cầu KTNB kiểm tra, giải trình giao dịch và sự kiện có khả năng gây ảnh hưởng tiềm tàng đến các kết quả tài chính của Công ty nếu có phát sinh.<br>• Xem xét Báo cáo kiểm toán, Thư quản lý được cung cấp bởi đơn vị kiểm toán độc lập và tổ chức cuộc trao đổi trực tiếp trong trường hợp cần thiết. | • Trong năm 2025, Công ty không phát sinh giao dịch và sự kiện bất thường ảnh hưởng tiềm tàng đến kiểm soát tài chính và BCTC. BCTC 2025 tiếp tục thuyết minh Nợ tiềm tàng về chi phí hoàn nguyên sau khi kết thúc vòng đời dự án. Theo đó, việc chưa trích lập chi phí này trong nhiều năm qua do chưa có căn cứ pháp luật cụ thể rằng Công ty sẽ chịu chi phí tháo dỡ tài sản gắn liền với đất theo yêu cầu của CQNN hay CQNN sẽ thu hồi đất cùng với tài sản gắn liền với đất và chuyển giao quyền sử dụng cho Đơn vị thuê tiếp theo. Khi có quy định pháp luật cụ thể, Công ty sẽ thực hiện trích lập theo hướng dẫn. |

| Trách nhiệm | UBKT thực hiện | Kết quả |
|---|---|---|
| 4 | | • KTNB đã giải quyết thỏa đáng các mối quan tâm của UBKT theo chức năng, nhiệm vụ được giao.<br>• UBKT đã tiến hành trao đổi EY theo đó các câu hỏi và yêu cầu của UBKT trong quá trình xem xét BCTC đã được EY và BĐH làm rõ, phản hồi thỏa đáng. |
| 5 Bảo đảm bộ phận KTNB hoạt động hiệu quả và bảo đảm tính độc lập | • KTNB là đơn vị trực tiếp triển khai thực hiện công việc kiểm tra, giám sát hoạt động Công ty theo định hướng, chỉ đạo trực tiếp của UBKT. Theo đó, UBKT đã:<br>• Phê duyệt và giám sát việc thực hiện kế hoạch KTNB.<br>• Đánh giá kết quả và chất lượng hoạt động của KTNB.<br>• Tăng cường đào tạo đội ngũ nhân sự về chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp. | • Chức năng KTNB ngày càng gia tăng hiệu quả, đóng góp đáng kể vào việc duy trì và cải thiện hệ thống KSNB và QLRR. Các kiến nghị KTNB phù hợp với thực tế hoạt động Công ty và được BĐH chỉ đạo các Đơn vị được kiểm toán hoàn thiện nhanh chóng.<br>• Kế hoạch kiểm toán hàng năm được xây dựng dựa trên rủi ro trọng yếu trong các hoạt động chính của Công ty. Năm 2025, KTNB hoàn thành kế hoạch kiểm toán được phê duyệt, đảm bảo kết quả kiểm tra mang tính tổng thể và kịp thời đưa ra tư vấn tạo giá trị gia tăng cho Công ty.<br>• Hoạt động KTNB tuân thủ Chuẩn mực KTNB Việt Nam và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp KTNB, đảm bảo tính độc lập và khách quan trong thực thi công việc.<br>• Đội ngũ kiểm toán viên nội bộ có chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn và liên tục đào tạo cập nhật kiến thức, ngày càng nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán. |
| 6 Giới thiệu công ty kiểm toán độc lập để chỉ định và chỉ định lại, cũng như mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để HĐQT thông qua trước khi trình lên ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt | UBKT căn cứ vào báo giá và hồ sơ năng lực để lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, đề xuất lên HĐQT trước khi trình ĐHĐCĐ phê duyệt theo tiêu chí:<br>• Đơn vị kiểm toán uy tín, được phép hoạt động tại Việt Nam, được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.<br>• Đơn vị kiểm toán độc lập có đội ngũ Kiểm toán viên trình độ cao, kinh nghiệm kiểm toán BCTC.<br>• Đơn vị kiểm toán độc lập không xung đột lợi ích khi thực hiện kiểm toán BCTC.<br>• Đơn vị kiểm toán có mức phí hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi, tiến độ kiểm toán theo yêu cầu. | • ĐHĐCĐ thống nhất cao về việc lựa chọn EY thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025<br>• EY đảm bảo phù hợp về tư cách pháp lý, năng lực chuyên môn, tính độc lập và không có bất kỳ xung đột lợi ích với Công ty<br>• Kiểm toán viên hành nghề thực hiện đúng quy định của Luật kiểm toán độc lập, đảm bảo yêu cầu năng lực, tính độc lập, khách quan và minh bạch khi đưa ra ý kiến kiểm toán.<br>• Năm 2025, tổng chi phí cho hoạt động kiểm toán cho toàn GECG là 1,28 tỷ đồng – giảm 6% so với năm 2024. |

| Trách nhiệm | UBKT thực hiện | Kết quả |
|---|---|---|
| 7 Theo dõi và đánh giá sự độc lập và khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của công ty kiểm toán độc lập. Xây dựng và thực hiện chính sách về việc sử dụng dịch vụ ngoài kiểm toán của công ty kiểm toán độc lập hiện tại | • Giám sát chất lượng kiểm toán độc lập, đảm bảo công tác kiểm toán được thực hiện đúng quy định của chuẩn mực kiểm toán độc lập.<br>• Trao đổi với EY về kết quả kiểm toán, các vấn đề trọng yếu và ý kiến tư vấn trong Thư quản lý.<br>• Giám sát bất kỳ sự không thống nhất nào giữa kiểm toán độc lập và BĐH, báo cáo HĐQT khi có sự khác biệt đáng kể về quan điểm.<br>• Thiết lập tiêu chuẩn lựa chọn Đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp các dịch vụ phi kiểm toán:<br>Đơn vị kiểm toán quốc tế uy tín, được phép hoạt động tại Việt Nam, đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao.<br>Không xung đột lợi ích khi thực hiện dịch vụ phi kiểm toán.<br>Mức phí dịch vụ phi kiểm toán phù hợp với phạm vi thực hiện. | • Hoạt động kiểm toán BCTC đảm bảo tính độc lập, khách quan tuân thủ các quy định về kiểm toán độc lập tại Việt Nam.<br>• Không có sự khác biệt trọng yếu về quan điểm trong việc lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán, cũng như các thông tin số liệu giữa Báo cáo kiểm toán và BCTC do Công ty tự lập. UBKT chất vấn EY và BĐH để làm rõ thêm những nội dung quan trọng mà UBKT quan tâm. Các câu hỏi và yêu cầu của UBKT trong quá trình xem xét BCTC đã được EY và BĐH làm rõ, phản hồi thỏa đáng.<br>• Năm 2025, Công ty có sử dụng Dịch vụ phi kiểm toán Hỗ trợ chuyển đổi BCTC từ VAS sang IFRS của cùng Đơn vị kiểm toán BCTC. UBKT đã xem xét nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập, qua đó dịch vụ phi kiểm toán đang được EY cung cấp bổ sung không gây nguy cơ tự kiểm tra, đồng thời EY bố trí nhân sự riêng biệt giữa 2 hoạt động kiểm toán BCTC và cung cấp dịch vụ, đảm bảo không tồn tại nguy cơ khác gây ảnh hưởng đến tính độc lập, khách quan và chất lượng cuộc kiểm toán theo quy định tại Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. |
| 8 Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ mọi quy định pháp luật và yêu cầu của cơ quan quản lý cũng như các quy định nội bộ khác của Công ty. | • Giám sát tính tuân thủ pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.<br>• Giám sát các hoạt động của HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.<br>• Giám sát hoạt động của BĐH triển khai kế hoạch, hành động theo NQ HĐQT.<br>• Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT. | • Hoạt động của Công ty tuân thủ đầy đủ quy định Pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ.<br>• Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT được triển khai đầy đủ và đúng định hướng, HĐQT và BĐH thực hiện tốt trách nhiệm, kế hoạch theo NQ.<br>• Tăng cường vai trò của HĐQT trong việc bảo đảm trách nhiệm giải trình của BĐH.<br>• Duy trì hiệu quả hoạt động HĐQT thông qua việc kịp thời bổ sung Thành viên HĐQT không điều hành.<br>• Thành viên HĐQT thực hiện đúng phân công nhiệm vụ. |

| Trách nhiệm | UBKT thực hiện | Kết quả |
|---|---|---|
| 9 Thực hiện công tác chuẩn bị cho việc ra quyết định của HĐQT liên quan đến giám sát sự trung thực và chất lượng BCTC và Báo cáo PTBV của công ty, cũng như hiệu quả của hệ thống QLRR và kiểm soát nội bộ của công ty | • Chuẩn bị nội dung để HĐQT giám sát tính trung thực và chất lượng của BCTC và Báo cáo PTBV:<br>Thông qua bộ phận KTNB, UBKT rà soát BCTC, làm rõ các vấn đề trọng yếu và yêu cầu BĐH giải trình với các khoản mục bất thường.<br>Rà soát nội dung Báo cáo PTBV bao gồm số liệu, thông tin công bố, tính nhất quán với các CBTT khác trên Báo cáo thường niên, BCTC.<br>• Chuẩn bị cơ sở để HĐQT đánh giá hiệu quả của Hệ thống QLRR và KSNB:<br>Rà soát khung QLRR định kỳ hàng năm.<br>Kết hợp kiểm tra việc vận dụng vào thực tế. | • BCTC được rà soát hàng quý và kết quả rà soát được Phòng Kế toán điều chỉnh trước khi phát hành BCTC.<br>• Báo cáo PTBV được rà soát nội dung trước khi CBTT: Thông tin trình bày nhất quán và phản ánh thực tế thực hiện tại GEC. Công tác CBTT tuân thủ quy định pháp luật.<br>• Hệ thống QLRR và KSNB: Danh mục rủi ro được Công ty cập nhật và trình HĐQT đánh giá định kỳ hàng năm. |
| 10 UBKT cần tổ chức họp tối thiểu 4 lần trong năm để đảm bảo thực hiện hiệu quả vai trò giám sát của mình. | • Tổ chức cuộc họp UBKT tuân thủ đầy đủ điều kiện, thể thức và nội dung cuộc họp theo quy định từng thời kỳ. | • Trong năm 2025, UBKT tổ chức họp định kỳ 2 lần/năm, đã tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, Điều lệ UBKT hiện hành. Ngoài ra, các Thành viên UBKT thường xuyên trao đổi qua kênh thông tin khác như email để đảm bảo thực hiện hiệu quả vai trò giám sát.<br>• Kể từ năm 2026, UBKT sẽ thực hiện họp định kỳ 4 lần/năm theo khuyến nghị của Bộ Nguyên tắc QTCT Việt Nam cập nhật mới nhất từ tháng 2/2026. |

# KẾ HOẠCH TRỌNG TÂM CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN TRONG NĂM 2026

Nhằm thực hiện các mục tiêu của hoạt động kiểm toán và đáp ứng các nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất, thông qua các hoạt động hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá và tư vấn, đưa ra các đảm bảo mang tính độc lập, khách quan, kết hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020, UBKT đề ra các kế hoạch hành động cho năm 2026 với 6 mục tiêu chính:

| Nội dung chính | Thực hiện |
|---|---|
| Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và các quy định nội bộ | • Kiểm tra, giám sát các hoạt động của HĐQT, BĐH theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty đảm bảo tính hợp pháp, minh bạch trong Quản trị Điều hành<br>• Hỗ trợ HĐQT bảo đảm QTDN phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và đáp ứng nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất và chuẩn mực quốc tế<br>• Giám sát việc duy trì và thực thi tính tuân thủ trong các hoạt động của Công ty |
| BCTC và các thông tin công bố trung thực, đúng quy định | • Thực hiện rà soát số liệu kế toán và thẩm tra BCTC hàng quý, bán niên và cuối niên độ, đóng góp ý kiến hoàn thiện BCTC riêng và hợp nhất nhằm đảm bảo việc lập và trình bày BCTC tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành<br>• Giám sát việc CBTT theo đúng quy định<br>• Giám sát chất lượng, cập nhật kịp thời kết quả kiểm toán BCTC và có những tham mưu khi cần thiết, đồng thời duy trì kênh thông tin hiệu quả với kiểm toán độc lập thường xuyên |
| Hoàn thiện hệ thống KSNB và QLRR | • Tăng cường công tác tiền kiểm trong vai trò tư vấn hoàn thiện các chốt kiểm soát, hiệu chỉnh hệ thống VBLQ phù hợp với tình hình thực tế hoạt động thông qua từng cuộc kiểm toán<br>• Duy trì hệ thống KSNB hoạt động hữu hiệu và hiệu quả, khung QTRR được ban hành đầy đủ và phù hợp với khẩu vị rủi ro của HĐQT. Thực hiện tham mưu, tư vấn với HĐQT, BĐH về hệ thống KSNB và khung QTRR nhằm tăng cường tính hiệu quả, tối thiểu hóa rủi ro và tối đa hoá lợi ích của Công ty<br>• Thực hiện đánh giá tính hiệu quả của hoạt động QLRR bao gồm các rủi ro về Chiến lược - Thị trường - Tài chính - Vận hành - Pháp lý và Tuân thủ - Môi trường, Xã hội và Các bên liên quan (ESG) - Quản trị và Nhân sự. |
| Giao dịch Người có liên quan được thực hiện đúng thẩm quyền phê duyệt | • Rà soát các giao dịch với Người có liên quan, đảm bảo việc trình bày và CBTT đầy đủ, tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Chính sách giao dịch với Người có liên quan được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt<br>• Đánh giá giao dịch với các BLQ để xem xét liệu các giao dịch có được thực hiện trên cơ sở giá trị thị trường và không đem lại bất kỳ sự thiên vị cho các BLQ<br>• Giám sát việc thực hiện và đưa ra kiến nghị đối với những giao dịch cần sự phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ |

| Nội dung chính | Thực hiện |
|---|---|
| KTNB của Công ty được giám sát và hoạt động hiệu quả | • Chỉ đạo và giám sát Phòng KTNB, đảm bảo hoạt động KTNB tuân thủ chuẩn mực KTNB Việt Nam và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp KTNB<br>• Giám sát và cải tiến chất lượng hoạt động KTNB, đảm bảo hoạt động KTNB độc lập và hiệu quả, các tư vấn khách quan tạo ra các giá trị gia tăng cho Doanh nghiệp và các BLQ<br>• Kiện toàn đội ngũ nhân sự KTNB, nâng cao năng lực trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp thông qua việc tăng cường công tác đào tạo kiến thức kết hợp với tổ chức các buổi chia sẻ kinh nghiệm nội bộ |
| Kiểm toán độc lập được lựa chọn đáp ứng được tiêu chuẩn của Công ty về năng lực, chất lượng và tính độc lập, khách quan. | • Tham mưu, tư vấn lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để HĐQT thông qua trước khi trình ĐHĐCĐ phê duyệt trên cơ sở tư cách pháp lý và tính độc lập của Đơn vị kiểm toán, uy tín và năng lực chuyên môn của đội ngũ kiểm toán viên<br>• Giám sát chất lượng kiểm toán độc lập, trao đổi với Đơn vị kiểm toán độc lập về kết quả kiểm toán, các vấn đề trọng yếu và ý kiến tư vấn trong Thư Quản lý, đảm bảo công tác kiểm toán được thực hiện đúng quy định của chuẩn mực kiểm toán độc lập, tăng tính minh bạch của thông tin và độ tin cậy cho người sử dụng. |

## CAM KẾT CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN VỀ THÔNG TIN MINH BẠCH, TRUNG THỰC VÀ HỢP LÝ CỦA BCTC VÀ BCTN

UBKT cam kết thực hiện đầy đủ vai trò giám sát độc lập đối với quá trình lập và công bố BCTC và BCTN của Công ty. Trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, quy định pháp luật hiện hành và thông lệ quản trị tốt, UBKT thường xuyên rà soát tính đầy đủ, trung thực và hợp lý của thông tin tài chính, cũng như mức độ minh bạch trong việc CBTT tới CĐ và các BLQ. Thông qua việc phối hợp chặt chẽ với BĐH, KTNB và Kiểm toán độc lập, UBKT bảo đảm rằng các báo cáo được lập phản ánh trung thực tình hình tài chính, kết quả hoạt động và các rủi ro trọng yếu của Công ty, đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của BLQ và CĐ:

| Báo cáo Tài chính | Báo cáo Thường niên |
|---|---|
| Phản ánh trung thực tình hình tài chính và SXKD của Công ty<br>Thông tin và số liệu trình bày trong BCTC được lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán<br>Phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam thông qua công tác tự kiểm tra rà soát và được kiểm toán bởi một trong những đơn vị kiểm toán hàng đầu thế giới | Được thể hiện một cách toàn diện, trung thực và minh bạch<br>Cung cấp bức tranh toàn cảnh về hoạt động tài chính và phi tài chính, chiến lược, định hướng phát triển, hồ sơ ESG của Công ty cho các BLQ. |

**THAY MẶT ỦY BAN KIỂM TOÁN**
**CHỦ TỊCH**

**BÀ NGUYỄN THÙY VÂN**





# Khung quản trị rủi ro

## QTRR CẤP QUẢN TRỊ, GIÁM SÁT VÀ ĐIỀU HÀNH

### TẦM NHÌN

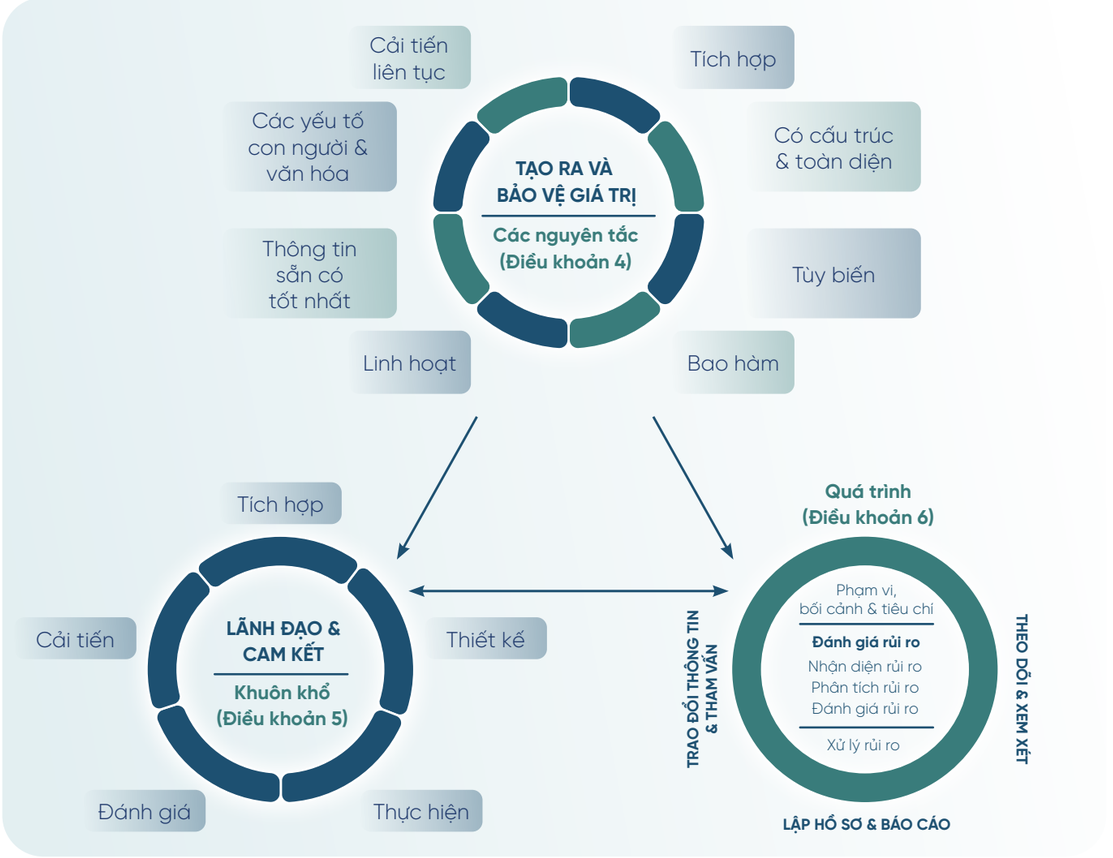
Đóng góp vào sự PTBV của Công ty trở thành Tổ chức hàng đầu về tối ưu các loại hình NLTT.

### SỨ MỆNH

- Hỗ trợ hoàn thành các mục tiêu chiến lược đã đề ra;
- Đảm bảo hoạt động SXKD ổn định và liên tục;
- Tăng cường hiệu quả sử dụng các nguồn lực.

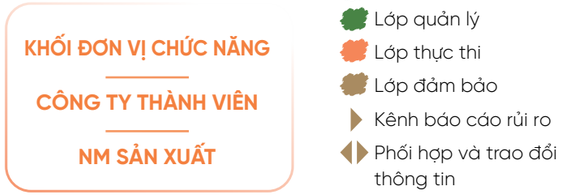
QTRR được xem là công cụ quan trọng để giúp Công ty đạt được mục tiêu và PTBV. GEC đã xây dựng và vận hành Hệ thống QTRR dựa trên khuôn khổ của ISO 31000:2018, hoàn thiện theo các thông lệ tốt và tiêu chuẩn QTCT Quốc tế. Các hoạt động triển khai QTRR hướng đến sự hiệu quả và đồng bộ trong phương pháp về QTRR đồng thời kiến tạo văn hóa rủi ro và tích hợp quy trình QTRR vào các hoạt động trọng yếu nhằm nâng cao khả năng hoàn thành các mục tiêu của Công ty, cải thiện hiệu quả hoạt động và tăng cường năng lực ứng phó trước những biến động của môi trường kinh doanh.

## CÁC NGUYÊN TẮC KHUÔN KHỔ VÀ QUÁ TRÌNH THEO ISO 31000:2018



| Vai trò - Trách nhiệm | Chính sách QTRR |
|---|---|
| 1 Kịp thời nhận diện các rủi ro, đánh giá các cơ hội, hỗ trợ chiến lược phát triển Công ty. | 1 Đóng góp vào sự PTBV và gia tăng khả năng thực hiện các mục tiêu của Công ty. |
| 2 Phối hợp và điều phối các BLQ trong hoạt động QTRR. | 2 Được thiết lập theo hướng phân tán về cấu trúc, tập trung và nhất quán về chính sách được xây dựng bởi Bộ phận QTRR. |
| 3 Xây dựng cơ chế giám sát và báo cáo rủi ro liên tục và hiệu quả. | 3 Liên tục được cải thiện và tối ưu nhằm phù hợp với nhu cầu của Công ty và sự biến động liên tục trong môi trường kinh doanh. |
| 4 Cải thiện và tối ưu hệ thống QTRR phù hợp với sự phát triển, biến động môi trường kinh doanh. | 4 Chú trọng vào hình thành văn hóa và nhận thức về rủi ro, mọi thành viên Công ty là một phần của hoạt động QTRR. |
| 5 Nâng cao văn hóa rủi ro, nhận thức về rủi ro và năng lực QTRR của các BLQ. | |

## HỆ THỐNG QTRR VẬN HÀNH THEO 4 LỚP:




| Cấu trúc | Vai trò |
|---|---|
| 1 LỚP XÁC LẬP HĐQT | Phê duyệt cấu trúc và chính sách QTRR.<br>Giám sát hiệu quả của chức năng QTRR.<br>Định hướng và phê duyệt mức chấp nhận rủi ro, khẩu vị rủi ro. |
| 2 LỚP QUẢN LÝ BLĐ và QTRR | Tổ chức, triển khai và điều phối các hoạt động của QTRR.<br>Giám sát, đánh giá và kiểm soát hiệu quả của chức năng QTRR.<br>Xây dựng, triển khai và hướng dẫn thực hiện các phương pháp, quy trình QTRR.<br>Thực hiện các hoạt động đào tạo, truyền thông và nâng cao nhận thức về QTRR. |
| 3 LỚP THỰC THI Đơn vị chức năng và Chuyên viên phụ trách | Nhận diện, đánh giá và ứng phó với rủi ro theo đặc thù chuyên môn.<br>Phối hợp, trao đổi và thực thi trong ứng phó rủi ro.<br>Đề xuất, báo cáo và tham vấn về các rủi ro trong danh mục.<br>Triển khai các hoạt động đào tạo và nâng cao nhận thức về rủi ro. |
| 4 LỚP ĐẢM BẢO UBKT và KTNB | Thực hiện giám sát và đánh giá hiệu quả của chức năng QTRR.<br>Tham vấn và phối hợp cùng QTRR trong hoạt động cải thiện và nâng cao hiệu quả QTRR.<br>Tham mưu HĐQT về hoạt động QTRR. |





## HỆ THỐNG QTRR ĐƯỢC KIỂM SOÁT THEO 3 TẦNG:

| Phòng ngừa | Phát hiện | Khắc phục/ ứng phó |
|---|---|---|
| Quan tâm vào việc giảm thiểu khả năng xảy ra rủi ro thông qua việc đánh giá rủi ro liên tục, thận trọng và thiết lập các biện pháp kiểm soát phòng ngừa rủi ro. | **Chú trọng vào 2 tiêu chí của rủi ro:**<br>Giảm khả năng/ xác suất xảy ra của rủi ro thông qua các chỉ báo, các cảnh báo sớm.<br>Giảm thiểu mức độ tác động hoặc thiệt hại | Tập trung vào giảm thiểu tác động, thiệt hại trong trường hợp rủi ro xảy ra thông qua các kế hoạch dự phòng, kế hoạch ứng phó sự cố, kiểm soát tổn thất. |

## ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN LOẠI RỦI RO NĂM 2025

Bối cảnh kinh tế - chính trị thế giới và trong nước trong năm 2025 tiếp tục có nhiều biến động và yếu tố khó lường. Căng thẳng địa chính trị tại một số khu vực vẫn kéo dài, xu hướng bảo hộ thương mại và dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu gia tăng, trong khi kinh tế thế giới phục hồi chậm và tiềm ẩn rủi ro biến động về lãi suất, tỷ giá và chi phí vốn.

Tại Việt Nam, quá trình chuyển dịch năng lượng theo định hướng phát triển NLTT, triển khai Quy hoạch Điện VIII điều chỉnh, cũng như quá trình hoàn thiện cơ chế thị trường điện và các chính sách liên quan đến cơ chế giá điện, hợp đồng mua bán điện trực tiếp (DPPA) đang tạo ra cả cơ hội và thách thức đối với các doanh nghiệp trong ngành năng lượng.

Trong bối cảnh đó, hoạt động SXKD của Công ty có thể chịu tác động từ nhiều yếu tố rủi ro liên quan đến chiến lược phát triển, biến động thị trường, điều kiện vận hành kỹ thuật, yêu cầu tuân thủ pháp lý, cũng như các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp.

Công ty đã chủ động thực hiện rà soát, nhận diện và đánh giá các rủi ro trọng yếu có thể ảnh hưởng đến hoạt động SXKD. Trên cơ sở đó, Công ty xây dựng các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro nhằm hạn chế tối đa các tác động bất lợi, đồng thời nâng cao khả năng thích ứng và PTBV trong dài hạn. Các rủi ro được Công ty phân loại theo 7 nhóm rủi ro sơ cấp, bao gồm:

1. **Rủi ro Chiến lược:** Liên quan đến định hướng phát triển trung và dài hạn của Công ty, bao gồm chiến lược đầu tư, mô hình kinh doanh và khả năng thích ứng với các thay đổi lớn của thị trường năng lượng và chính sách phát triển ngành điện.
2. **Rủi ro Thị trường:** Liên quan đến các biến động của thị trường điện, cơ chế giá điện, cạnh tranh trong ngành, cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ và giải tỏa công suất phát điện.
3. **Rủi ro Tài chính:** Liên quan đến các yếu tố tài chính như biến động lãi suất, khả năng huy động vốn, chi phí vốn và các rủi ro có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hiệu quả đầu tư của Công ty.
4. **Rủi ro Vận hành và Kỹ thuật:** Liên quan đến quá trình vận hành các NM điện, bao gồm sự cố kỹ thuật, biến động điều kiện thời tiết và tài nguyên năng lượng, cũng như các yếu tố có thể ảnh hưởng đến hiệu suất và độ tin cậy của hệ thống thiết bị.
5. **Rủi ro Tuân thủ và Pháp lý:** Liên quan đến việc tuân thủ các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực điện lực, đầu tư năng lượng và các nghĩa vụ pháp lý trong quá trình hoạt động của Công ty.
6. **Rủi ro Môi trường, Xã hội và An toàn Sức khỏe (ESG):** Liên quan đến các tác động môi trường, mối quan hệ với cộng đồng địa phương, an toàn lao động, sức khỏe người lao động cũng như các yêu cầu ngày càng cao về PTBV.
7. **Rủi ro Quản trị nội bộ:** Liên quan đến hệ thống quản trị doanh nghiệp, văn hóa tổ chức, nguồn nhân lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị và vận hành của Công ty.

| Rủi ro sơ cấp | Rủi ro thứ cấp |
|---|---|
| 1 Rủi ro Chiến lược | Thay đổi định hướng phát triển nguồn điện quốc gia<br>Chậm hoàn thiện khung pháp lý thị trường điện<br>Chuyển dịch mô hình kinh doanh sang điện xanh và hợp đồng DPPA<br>Chuyển dịch công nghệ năng lượng mới |
| 2 Rủi ro Thị trường | Hạn chế khả năng giải tỏa công suất do quá tải lưới điện truyền tải<br>Gia tăng cạnh tranh từ các NĐT mới<br>Biến động cơ chế giá điện và chính sách giá |
| 3 Rủi ro Tài chính | Biến động lãi suất<br>Thiếu vốn đầu tư cho DA NLTT mới |
| 4 Rủi ro Vận hành và Kỹ thuật | Biến động điều kiện thời tiết và tài nguyên năng lượng<br>Sự cố kỹ thuật, hệ thống điều khiển và hiệu suất thiết bị<br>Chi phí bảo trì, bảo dưỡng cao và thời gian kéo dài |
| 5 Rủi ro Tuân thủ và Pháp lý | Thay đổi quy định pháp luật trong lĩnh vực điện lực và đầu tư năng lượng<br>Tranh chấp pháp lý trong hợp đồng |
| 6 Rủi ro Môi trường, Xã hội và An toàn Sức khỏe (ESG) | Ảnh hưởng đến môi trường và đa dạng sinh học<br>Ảnh hưởng đến cộng đồng địa phương<br>Ảnh hưởng đến an toàn lao động và sức khỏe<br>Khủng hoảng thông tin và truyền thông sai lệch<br>Xung đột với các BLQ |
| 7 Rủi ro Quản trị nội bộ | Duy trì văn hóa doanh nghiệp và Năng lực kiểm soát nội bộ<br>Phát triển và quản lý nguồn nhân lực |

## MA TRẬN ĐÁNH GIÁ RỦI RO

| KHẢ NĂNG XẢY RA \ ẢNH HƯỞNG | NHỎ | VỪA | LỚN | NGHIÊM TRỌNG |
|---|---|---|---|---|
| Chắc chắn xảy ra | Rủi ro cần được quan tâm | Rủi ro đáng kể<br>5 6 | Rủi ro trọng yếu | Rủi ro trọng yếu |
| có thể xảy ra | Rủi ro cần được quan tâm<br>12 13 | Rủi ro đáng kể<br>3 10 11 20 | Rủi ro trọng yếu<br>2 8 9 | Rủi ro trọng yếu<br>1 7 |
| ít khả năng xảy ra | Rủi ro có thể kiểm soát | Rủi ro cần được quan tâm<br>4 18 21 | Rủi ro đáng kể<br>14 | Rủi ro đáng kể<br>17 |
| Hiếm khi xảy ra | Rủi ro có thể kiểm soát | Rủi ro có thể kiểm soát<br>16 19 | Rủi ro cần được quan tâm<br>15 | Rủi ro cần được quan tâm |

Rủi ro có thể kiểm soát · Rủi ro cần được quan tâm · Rủi ro đáng kể · Rủi ro trọng yếu





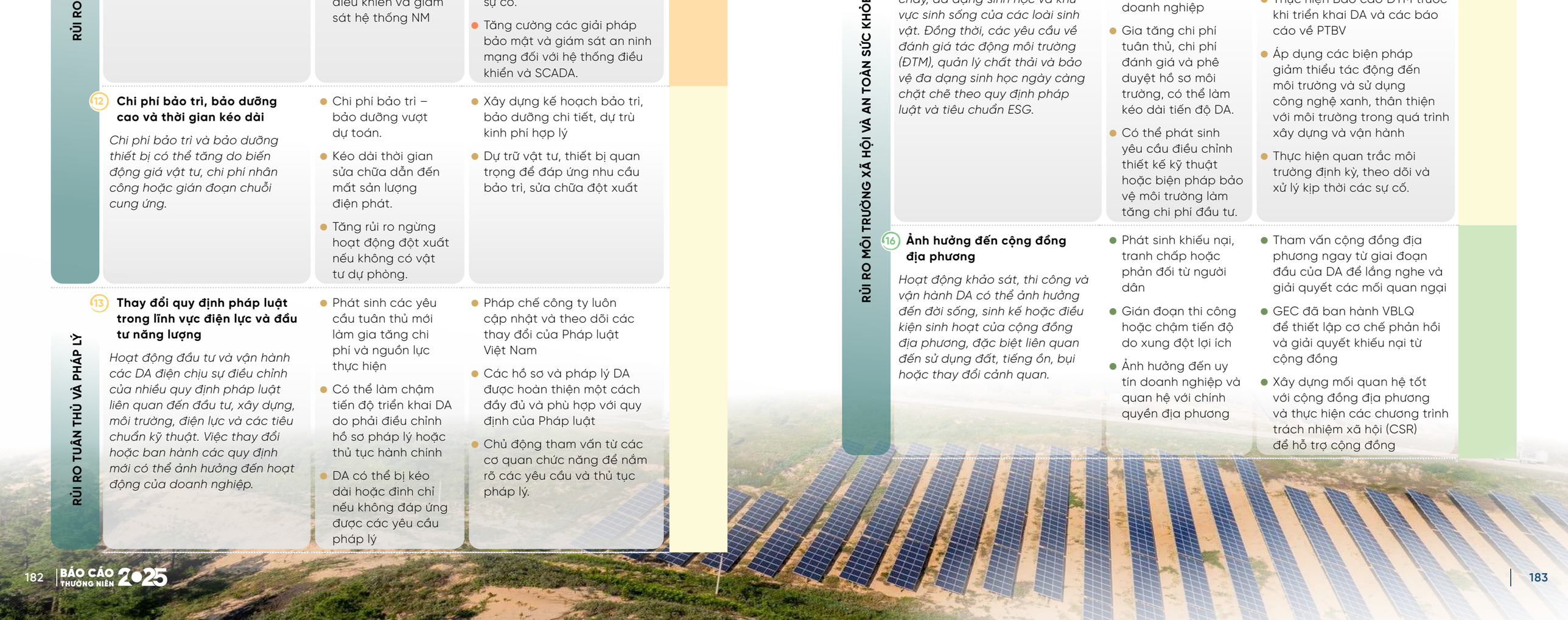
## CÁC LOẠI RỦI RO, TÁC ĐỘNG VÀ BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2025

| RỦI RO SƠ CẤP | RỦI RO THỨ CẤP | TÁC ĐỘNG | BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT | MỨC ĐỘ RỦI RO |
|---|---|---|---|---|
| RỦI RO CHIẾN LƯỢC | 1 **Thay đổi định hướng phát triển nguồn điện quốc gia**<br>Một số điểm chi tiết:<br>● *Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII*<br>● *Điều chỉnh tỷ trọng giữa các loại hình nguồn điện*<br>● *Ưu tiên LNG/điện linh hoạt* | ● DA không còn phù hợp quy hoạch mới hoặc phải điều chỉnh quy mô, công nghệ hoặc tiến độ triển khai.<br>● Gia tăng chi phí phát triển DA, chi phí nghiên cứu và chi phí cơ hội.<br>● Ảnh hưởng đến chiến lược danh mục đầu tư và kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty. | ● Theo dõi các cập nhật liên quan đến Quy hoạch điện quốc gia và các chính sách phát triển ngành điện.<br>● Đánh giá định kỳ các kịch bản phát triển thị trường điện và điều chỉnh chiến lược đầu tư phù hợp.<br>● Đa dạng hóa danh mục DA và công nghệ năng lượng. | |
| | 2 **Chậm hoàn thiện khung pháp lý thị trường điện**<br>Một số điểm chi tiết:<br>● *Thị trường bán buôn điện cạnh tranh*<br>● *Khung pháp lý triển khai DPPA*<br>● *Cơ chế đấu thầu phát triển NLTT*<br>● *Cơ chế giá điện và hợp đồng PPA mới* | ● Trì hoãn triển khai mô hình kinh doanh mới.<br>● Giảm tính chủ động trong việc xây dựng chiến lược phát triển thị trường và khách hàng.<br>● Khó dự báo doanh thu và dòng tiền dài hạn của các DA điện. | ● Theo dõi tiến trình xây dựng và ban hành các văn bản pháp lý liên quan.<br>● Chuẩn bị sẵn phương án kinh doanh theo nhiều mô hình hợp đồng mua bán điện (PPA/DPPA).<br>● Tăng cường tham gia góp ý chính sách ngành. | |
| | 3 **Chuyển dịch mô hình kinh doanh sang điện xanh và hợp đồng DPPA**<br>*Xu hướng điện xanh (RE100, ESG) của khách hàng lớn gia tăng nhu cầu DPPA và các mô hình mua điện trực tiếp/Điện Mặt trời mái nhà.* | ● Thay đổi cấu trúc doanh thu và mô hình hợp đồng mua bán điện dài hạn.<br>● Tăng rủi ro tín dụng từ khách hàng mua điện trực tiếp.<br>● Phát sinh các yêu cầu mới về quản trị hợp đồng, quản lý thị trường và dự báo nhu cầu điện. | ● Phát triển năng lực quản lý hợp đồng PPA/DPPA.<br>● Đánh giá tín dụng và năng lực tài chính của khách hàng công nghiệp.<br>● Xây dựng chiến lược thị trường khách hàng điện xanh và mở rộng tệp khách hàng tiềm năng. | |
| | 4 **Chuyển dịch công nghệ năng lượng mới**<br>*Sự phát triển của các công nghệ năng lượng mới như hệ thống lưu trữ năng lượng (BESS), Điện Gió ngoài khơi, hydrogen xanh và lưới điện thông minh.* | ● Công nghệ chưa ổn định gây rủi ro kỹ thuật và rủi ro đầu tư.<br>● Chi phí CAPEX cao và khó dự báo hiệu quả tài chính.<br>● Thiếu nhân lực và kinh nghiệm triển khai và vận hành các công nghệ mới. | ● Đầu tư thí điểm và đánh giá công nghệ theo giai đoạn.<br>● Hợp tác với các đối tác công nghệ để tiếp cận kinh nghiệm và chuyển giao công nghệ.<br>● Chuẩn hóa tiêu chuẩn kỹ thuật và nâng cao năng lực nhân sự. | |

| RỦI RO SƠ CẤP | RỦI RO THỨ CẤP | TÁC ĐỘNG | BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT | MỨC ĐỘ RỦI RO |
|---|---|---|---|---|
| RỦI RO THỊ TRƯỜNG | 5 **Hạn chế khả năng giải tỏa công suất do quá tải lưới điện truyền tải**<br>*Sự phát triển nhanh của các DA NLTT tại một số khu vực đã tạo áp lực lớn lên hệ thống lưới điện truyền tải quốc gia. Tình trạng quá tải cục bộ tại một số tuyến đường dây và trạm biến áp, đặc biệt tại các khu vực tập trung nhiều DA Điện Gió và Điện Mặt trời, dẫn đến việc điều độ hệ thống điện phải cắt giảm công suất phát điện của các NM.* | • Cắt giảm công suất, gây tổn thất doanh thu.<br>• Trì hoãn hoặc không thể kết nối các DA mới vào lưới điện.<br>• Gia tăng rủi ro thu hồi vốn và kéo dài thời gian hoàn vốn của DA. | • Công ty thực hiện việc đa dạng vị trí các NM nhằm giảm thiểu tác động của hoạt động điều độ công suất.<br>• Bám sát quy hoạch lưới và phối hợp chặt với EVN/NSMO về điều độ.<br>• Xây dựng phương án tối ưu vận hành. | |
| | 6 **Gia tăng cạnh tranh từ các NĐT mới**<br>*Sự tham gia ngày càng nhiều của các NĐT trong và ngoài nước trong lĩnh vực NLTT, đặc biệt là các tập đoàn năng lượng và quỹ đầu tư quốc tế.* | • Giảm cơ hội tiếp cận các vị trí DA tiềm năng.<br>• Gia tăng chi phí phát triển DA và giảm tỷ suất lợi nhuận đầu tư.<br>• Tăng áp lực trong việc đàm phán hợp đồng với các điều kiện tối ưu. | • Phát triển danh mục DA sớm, đa dạng hóa vị trí và loại hình.<br>• Xây dựng quan hệ hợp tác với các đối tác địa phương và các nhà cung cấp.<br>• Tối ưu hóa chi phí vận hành nhằm duy trì lợi thế cạnh tranh. | |
| | 7 **Biến động cơ chế giá điện và chính sách giá**<br>Một số điểm chi tiết:<br>• *Cơ chế đấu thầu NLTT*<br>• *Giá trần thị trường điện* | • Biên lợi nhuận của các DA điện có thể bị ảnh hưởng nếu cơ chế giá thay đổi.<br>• Nguy cơ kéo dài thời gian đàm phán PPA hoặc điều khoản bất lợi cho chủ đầu tư.<br>• Khó khăn trong việc dự báo dòng tiền và lập kế hoạch tài chính dài hạn. | • Nghiên cứu, áp dụng Quy định mới để xây dựng giá phù hợp và tối ưu.<br>• Tìm kiếm các cơ hội bán điện trực tiếp cho khách hàng công nghiệp.<br>• Đánh giá hiệu quả tài chính DA theo nhiều kịch bản giá điện khác nhau. | |
| RỦI RO TÀI CHÍNH | 8 **Biến động lãi suất**<br>*Vốn đầu tư lớn và phụ thuộc đáng kể vào nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng. Sự biến động của lãi suất trên thị trường tài chính có thể ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí vốn của doanh nghiệp.* | • Chi phí lãi vay tăng làm giảm lợi nhuận ròng và và khả năng đầu tư vào các DA mới.<br>• Gia tăng áp lực dòng tiền trong giai đoạn xây dựng và vận hành, đặc biệt với các DA vay cao. | • Tích cực đánh giá tình hình tài chính và biến động của thị trường, cân đối các nhu cầu tài chính và đảm bảo thanh khoản cho hoạt động SXKD. | |
| RỦI RO TÀI CHÍNH | | • Khả năng tiếp cận vốn trở nên khó khăn khi ngân hàng siết tín dụng hoặc nâng chuẩn đánh giá rủi ro. | • GEC lập kế hoạch vay và trả cụ thể cho từng khoản vay, ký kết các hợp đồng tài trợ với giới hạn biên độ dao động của lãi suất cho vay trong tầm kiểm soát, đàm phán với các đối tác kịp thời điều chỉnh phương án vốn theo tình hình của thị trường tài chính.<br>• Tái cấu trúc các khoản nợ có lãi suất cao bằng các khoản nợ có lãi tốt hợp và kỳ hạn thích hợp. | |
| | 9 **Thiếu vốn đầu tư cho DA NLTT mới**<br>*Nhu cầu vốn đầu tư lớn và thời gian hoàn vốn dài của các DA NLTT khiến doanh nghiệp phụ thuộc đáng kể vào nguồn vốn vay và vốn đầu tư dài hạn. Khả năng tiếp cận vốn có thể bị ảnh hưởng khi thị trường tài chính biến động hoặc khi các tiêu chuẩn tín dụng và tiêu chuẩn ESG của các tổ chức tài chính ngày càng chặt chẽ.* | • Mất cơ hội tham gia vào các thị trường hoặc DA tiềm năng làm giảm khả năng tăng trưởng<br>• Chậm trễ trong việc triển khai thi công DA<br>• Gia tăng phụ thuộc vào nguồn vốn nội bộ, làm hạn chế các kế hoạch chiến lược khác. | • Mở rộng làm việc với các định chế tài chính quốc tế và NĐT chiến lược nhằm đa dạng hóa nguồn vốn.<br>• Chuẩn hóa tiêu chuẩn ESG, hoàn thiện hồ sơ tín dụng để tăng khả năng thuyết phục các tổ chức tài trợ.<br>• Đa dạng hóa nguồn vốn bằng cách kết hợp vốn vay, vốn chủ sở hữu và các hình thức tài trợ khác. | |
| RỦI RO VẬN HÀNH VÀ KỸ THUẬT | 10 **Biến động điều kiện thời tiết và tài nguyên năng lượng**<br>• *Các hiện tượng thời tiết cực đoan như bão, lũ lụt, sét đánh hoặc gió mạnh có thể gây gián đoạn hoạt động của NM điện và ảnh hưởng đến độ an toàn của hệ thống thiết bị.*<br>• *Đồng thời, sự biến động của các yếu tố tài nguyên tự nhiên như lưu lượng nước, bức xạ mặt trời hoặc tốc độ gió so với dự báo có thể làm thay đổi sản lượng phát điện của các DA NLTT.* | • Gián đoạn sản xuất do dừng máy hoặc giảm hiệu suất phát điện, ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng của từng loại hình NLTT<br>• Hư hỏng tài sản và thiết bị quan trọng như đường dây truyền tải, trạm biến áp, tua-bin gió hoặc tấm pin mặt trời.<br>• Gây nguy hiểm cho người lao động và làm tăng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng. | • Tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp phòng chống thiên tai theo quy định pháp luật và hướng dẫn của cơ quan chức năng<br>• Thực hiện kiểm tra, nâng cấp hạ tầng và thiết bị thường xuyên, đặc biệt trước mùa mưa bão hoặc mùa gió mạnh;<br>• Thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố như: Trang bị hệ thống chống va, kết nối dữ liệu với cơ quan hàng hải; lắp đặt hệ thống cảm biến cáp ngầm cho NM Điện Gió<br>• Mua bảo hiểm tài sản để chia sẻ rủi ro, giảm thiểu thiệt hại của tổn thất<br>• Ứng dụng các hệ thống CNTT và dữ liệu khí tượng để giám sát, phân tích và kịp thời cảnh báo các nguy cơ thời tiết bất lợi. | |

| RỦI RO SƠ CẤP | RỦI RO THỨ CẤP | TÁC ĐỘNG | BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT | MỨC ĐỘ RỦI RO |
|---|---|---|---|---|
| RỦI RO VẬN HÀNH VÀ KỸ THUẬT | 11 **Sự cố kỹ thuật, hệ thống điều khiển và hiệu suất thiết bị**<br>• *Các thiết bị và hệ thống kỹ thuật trong NM điện có thể gặp sự cố vận hành, hư hỏng hoặc suy giảm hiệu suất theo thời gian, ảnh hưởng đến khả năng phát điện ổn định.*<br>• *Ngoài ra, các hệ thống điều khiển và giám sát NM (SCADA) cũng có thể đối mặt với rủi ro tấn công mạng hoặc sự cố CNTT, ảnh hưởng đến khả năng điều khiển và giám sát hoạt động vận hành của NM.* | • Giảm sản lượng điện, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu<br>• Các sự cố vận hành tại NM (cháy, nổ, rò rỉ thiết bị) gây gián đoạn hoạt động phát điện, thậm chí ngừng hoạt động<br>• Gia tăng chi phí vận hành và sửa chữa, kéo dài thời gian dừng máy<br>• Các sự cố lưới điện truyền tải gây gián đoạn hoạt động sản xuất<br>• Gián đoạn hoạt động điều khiển và giám sát hệ thống NM | • Lựa chọn thiết bị từ các nhà sản xuất uy tín, có chất lượng và điều khoản bảo hành tối ưu<br>• Ban hành đầy đủ các quy trình vận hành và bảo trì thiết bị chi tiết, rõ ràng, tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật<br>• Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị định kỳ theo kế hoạch, sử dụng các thiết bị kiểm tra chuyên dụng<br>• Đào tạo đội ngũ kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao, có khả năng xử lý sự cố nhanh chóng và hiệu quả<br>• Nâng cao mức độ ứng dụng CNTT vào trong vận hành nhằm tăng cường hoạt động giám sát và phối hợp xử lý sự cố.<br>• Tăng cường các giải pháp bảo mật và giám sát an ninh mạng đối với hệ thống điều khiển và SCADA. | |
| | 12 **Chi phí bảo trì, bảo dưỡng cao và thời gian kéo dài**<br>*Chi phí bảo trì và bảo dưỡng thiết bị có thể tăng do biến động giá vật tư, chi phí nhân công hoặc gián đoạn chuỗi cung ứng.* | • Chi phí bảo trì – bảo dưỡng vượt dự toán.<br>• Kéo dài thời gian sửa chữa dẫn đến mất sản lượng điện phát.<br>• Tăng rủi ro ngừng hoạt động đột xuất nếu không có vật tư dự phòng. | • Xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng chi tiết, dự trù kinh phí hợp lý<br>• Dự trữ vật tư, thiết bị quan trọng để đáp ứng nhu cầu bảo trì, sửa chữa đột xuất | |
| RỦI RO TUÂN THỦ VÀ PHÁP LÝ | 13 **Thay đổi quy định pháp luật trong lĩnh vực điện lực và đầu tư năng lượng**<br>*Hoạt động đầu tư và vận hành các DA điện chịu sự điều chỉnh của nhiều quy định pháp luật liên quan đến đầu tư, xây dựng, môi trường, điện lực và các tiêu chuẩn kỹ thuật. Việc thay đổi hoặc ban hành các quy định mới có thể ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.* | • Phát sinh các yêu cầu tuân thủ mới làm gia tăng chi phí và nguồn lực thực hiện<br>• Có thể làm chậm tiến độ triển khai DA do phải điều chỉnh hồ sơ pháp lý hoặc thủ tục hành chính<br>• DA có thể bị kéo dài hoặc đình chỉ nếu không đáp ứng được các yêu cầu pháp lý | • Pháp chế công ty luôn cập nhật và theo dõi các thay đổi của Pháp luật Việt Nam<br>• Các hồ sơ và pháp lý DA được hoàn thiện một cách đầy đủ và phù hợp với quy định của Pháp luật<br>• Chủ động tham vấn từ các cơ quan chức năng để nắm rõ các yêu cầu và thủ tục pháp lý. | |

| RỦI RO SƠ CẤP | RỦI RO THỨ CẤP | TÁC ĐỘNG | BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT | MỨC ĐỘ RỦI RO |
|---|---|---|---|---|
| RỦI RO TUÂN THỦ VÀ PHÁP LÝ | 14 **Tranh chấp pháp lý trong hợp đồng**<br>• *Sự khác biệt trong việc thực hiện các điều khoản hợp đồng với nhà thầu, nhà cung cấp, hoặc các đối tác liên quan.*<br>• *Các thay đổi phạm vi, tiến độ, chất lượng, hoặc nghĩa vụ của các bên dễ dẫn đến tranh chấp.* | • Mất uy tín và thiệt hại về hình ảnh nếu xảy ra tranh chấp công khai.<br>• Phát sinh chi phí pháp lý, bồi thường hoặc phạt hợp đồng.<br>• Ảnh hưởng dòng tiền và tiến độ DA. | • Rà soát kỹ lưỡng các điều khoản hợp đồng trước khi ký kết, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật.<br>• Đảm bảo các nghĩa vụ của các BLQ được hiểu và quy định rõ ràng.<br>• Thiết lập cơ chế giám sát để đảm bảo khả năng thực hiện và hoàn thành các nghĩa vụ các bên.<br>• Xây dựng hệ thống quản lý hợp đồng chặt chẽ, hồ sơ hợp đồng đầy đủ và khoa học. | |
| RỦI RO MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI VÀ AN TOÀN SỨC KHỎE | 15 **Ảnh hưởng đến môi trường & đa dạng sinh học**<br>*Các DA NLTT có thể tác động đến hệ sinh thái tự nhiên, dòng chảy, đa dạng sinh học và khu vực sinh sống của các loài sinh vật. Đồng thời, các yêu cầu về đánh giá tác động môi trường (ĐTM), quản lý chất thải và bảo vệ đa dạng sinh học ngày càng chặt chẽ theo quy định pháp luật và tiêu chuẩn ESG.* | • Nguy cơ vi phạm các tiêu chuẩn môi trường, đa dạng sinh học hoặc các cam kết ESG của doanh nghiệp<br>• Gia tăng chi phí tuân thủ, chi phí đánh giá và phê duyệt hồ sơ môi trường, có thể làm kéo dài tiến độ DA.<br>• Có thể phát sinh yêu cầu điều chỉnh thiết kế kỹ thuật hoặc biện pháp bảo vệ môi trường làm tăng chi phí đầu tư. | • Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học<br>• Thực hiện Báo cáo ĐTM trước khi triển khai DA và các báo cáo về PTBV<br>• Áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường và sử dụng công nghệ xanh, thân thiện với môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành<br>• Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ, theo dõi và xử lý kịp thời các sự cố. | |
| | 16 **Ảnh hưởng đến cộng đồng địa phương**<br>*Hoạt động khảo sát, thi công và vận hành DA có thể ảnh hưởng đến đời sống, sinh kế hoặc điều kiện sinh hoạt của cộng đồng địa phương, đặc biệt liên quan đến sử dụng đất, tiếng ồn, bụi hoặc thay đổi cảnh quan.* | • Phát sinh khiếu nại, tranh chấp hoặc phản đối từ người dân<br>• Gián đoạn thi công hoặc chậm tiến độ do xung đột lợi ích<br>• Ảnh hưởng đến uy tín doanh nghiệp và quan hệ với chính quyền địa phương | • Tham vấn cộng đồng địa phương ngay từ giai đoạn đầu của DA để lắng nghe và giải quyết các mối quan ngại<br>• GEC đã ban hành VBLQ để thiết lập cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại từ cộng đồng<br>• Xây dựng mối quan hệ tốt với cộng đồng địa phương và thực hiện các chương trình trách nhiệm xã hội (CSR) để hỗ trợ cộng đồng | |



| RỦI RO SƠ CẤP | RỦI RO THỨ CẤP | TÁC ĐỘNG | BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT | MỨC ĐỘ RỦI RO |
|---|---|---|---|---|
| RỦI RO MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI VÀ AN TOÀN SỨC KHỎE | 17 **Ảnh hưởng đến an toàn lao động và sức khỏe**<br>*Hoạt động xây dựng và vận hành các DA năng lượng tiềm ẩn nhiều rủi ro về an toàn lao động, đặc biệt trong các công việc liên quan đến thiết bị điện, làm việc trên cao và điều kiện thời tiết khắc nghiệt.* | • Các sự cố, tai nạn lao động trong quá trình xây dựng và vận hành DA<br>• Ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động<br>• Tăng rủi ro pháp lý và ảnh hưởng hình ảnh doanh nghiệp nếu xảy ra sự cố nghiêm trọng. | • Xây dựng quy trình hướng dẫn, các quy định về an toàn và thực hiện chính sách an toàn lao động nghiêm ngặt<br>• Trang bị đầy đủ thiết bị an toàn và dụng cụ bảo hộ lao động.<br>• Thiết lập hệ thống giám sát và báo cáo sự cố an toàn lao động<br>• Thực hiện kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người lao động<br>• Đào tạo nâng cao nhận thức cho NLĐ về an toàn lao động, PCCC và sơ cứu cơ bản. | |
| | 18 **Khủng hoảng thông tin và truyền thông sai lệch**<br>*Các thông tin liên quan đến DA NLTT có thể bị lan truyền sai lệch trên truyền thông hoặc mạng xã hội. Việc cung cấp thông tin không kịp thời hoặc thiếu nhất quán có thể làm gia tăng rủi ro truyền thông.* | • Gây hiểu lầm dẫn đến phản ứng tiêu cực từ công chúng, cộng đồng địa phương và các BLQ<br>• Ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, thương hiệu và hình ảnh của công ty.<br>• Tăng rủi ro can thiệp của cơ quan quản lý hoặc làm gián đoạn hoạt động DA. | • Ban hành và thường xuyên rà soát các VBLQ để hướng dẫn phương thức truyền thông bên trong và bên ngoài, cũng như xây dựng chiến lược truyền thông chủ động và kịp thời<br>• Đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của việc CBTT theo quy định của Pháp luật.<br>• Xây dựng các kênh truyền thông chính thức (website, email, hotline) để cung cấp thông tin chính xác<br>• Theo dõi và phản hồi nhanh chóng các thông tin sai lệch trên mạng xã hội và các phương tiện truyền thông | |
| | 19 **Xung đột với các BLQ**<br>*Các yêu cầu khác nhau từ các BLQ như khách hàng, nhà cung cấp, nhà thầu, chính quyền địa phương hoặc cổ đông có thể dẫn đến xung đột lợi ích trong quá trình triển khai DA hoặc hoạt động kinh doanh.* | • Làm chậm tiến độ DA và hoạt động kinh doanh thông thường<br>• Các yêu cầu bổ sung hoặc thay đổi từ các BLQ có thể làm tăng chi phí và thời gian thực hiện<br>• Tạo rủi ro về quan hệ đối tác và giảm sự tin cậy của các BLQ | • Thiết lập cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại tạo cơ sở cho việc tương tác hiệu quả, chính xác giữa Khách hàng - Nhà cung cấp - Cán bộ nhân viên (CBNV) và các BLQ<br>• Xây dựng mối quan hệ đối tác tin cậy với các nhà thầu, nhà cung cấp và các tổ chức tài chính<br>• Đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong mọi giao dịch, bảo vệ lợi ích cổ đông<br>• Thực hiện đối thoại thường xuyên với chính quyền và các BLQ chính để thống nhất thông tin. | |

| RỦI RO SƠ CẤP | RỦI RO THỨ CẤP | TÁC ĐỘNG | BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT | MỨC ĐỘ RỦI RO |
|---|---|---|---|---|
| RỦI RO QUẢN TRỊ NỘI BỘ | 20 **Duy trì văn hóa doanh nghiệp và Năng lực kiểm soát nội bộ**<br>*Việc duy trì văn hóa doanh nghiệp, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả đóng vai trò quan trọng trong hoạt động quản trị doanh nghiệp. Nếu các quy định nội bộ, quy trình và văn bản quản lý không được triển khai đầy đủ hoặc thiếu cơ chế giám sát hiệu quả, có thể làm suy giảm hiệu quả quản trị và gia tăng rủi ro tuân thủ.* | • Gia tăng rủi ro vi phạm quy định nội bộ hoặc đạo đức nghề nghiệp, ảnh hưởng uy tín doanh nghiệp<br>• Xung đột nội bộ, thiếu sự phối hợp giữa các phòng ban<br>• Làm suy giảm hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ và QTRR. | • GEC đã ban hành bộ QCUX nhằm truyền thông các giá trị cốt lõi, đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp làm cơ sở áp dụng cho CBNV<br>• Xây dựng "Tiêu lệnh chức danh" cụ thể cho từng vị trí từ cấp Lãnh đạo cao nhất đến CBNV để đảm bảo mọi CBNV hiểu rõ được giá trị và trách nhiệm công việc trong Tổ chức<br>• Xây dựng môi trường làm việc cởi mở và tương tác hiệu quả đồng thời thiết lập cơ chế tố giác để đảm giải quyết xung đột kịp thời, công bằng và minh bạch<br>• Áp dụng cơ chế đánh giá thi đua – khen thưởng nhằm khuyến khích tuân thủ và nâng cao hiệu quả làm việc.<br>• Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và các quy trình, văn bản quản lý liên quan.<br>• Phòng KTNB độc lập thực hiện chức năng kiểm tra, đánh giá tuân thủ và giám sát hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ. | |
| | 21 **Phát triển và quản lý nguồn nhân lực**<br>*Hoạt động trong lĩnh vực năng lượng đòi hỏi nguồn nhân lực có chuyên môn cao, đặc biệt trong các lĩnh vực kỹ thuật, vận hành và quản lý DA. Việc thiếu hụt nhân sự chất lượng hoặc tỷ lệ biến động nhân sự cao có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.* | • Thiếu nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực kỹ thuật và quản lý<br>• Tỷ lệ nhân viên nghỉ việc cao, ảnh hưởng đến hoạt động và chi phí đào tạo lại<br>• Hiệu suất làm việc không đạt yêu cầu do thiếu đào tạo hoặc động lực | • GEC có kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và hoạch định lộ trình phát triển nhân sự dài hạn<br>• Tổ chức chương trình đào tạo và phát triển kỹ năng cho nhân viên<br>• GEC áp dụng đánh giá KPI hàng quý để ghi nhận hiệu suất định kỳ có các phản hồi kịp thời để cải thiện hiệu quả làm việc.<br>• Thiết lập chính sách đãi ngộ và phúc lợi cùng với đánh giá thi đua khen thưởng cuối năm thích hợp | |

## CÔNG TÁC QTRR CHÍNH TRONG NĂM 2025

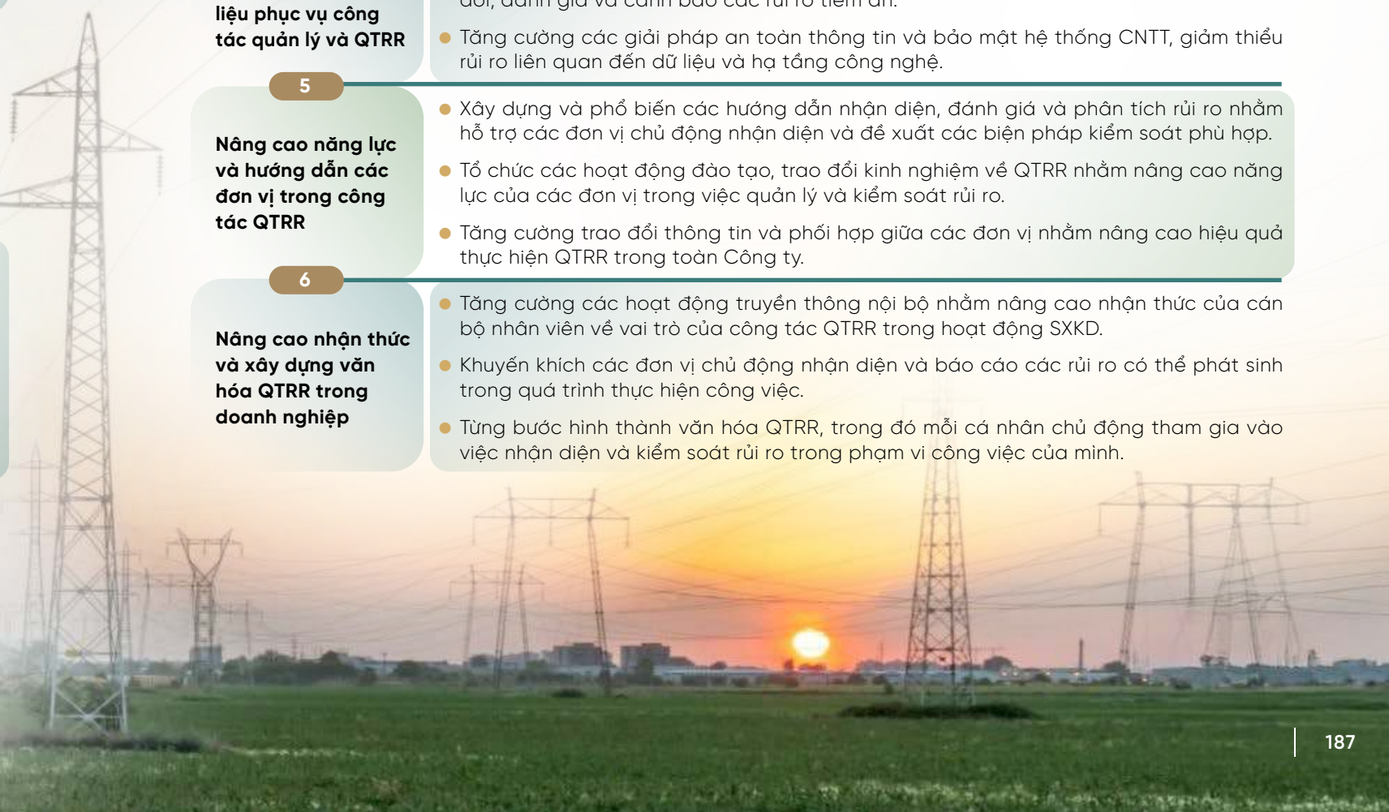
| RỦI RO THỨ CẤP | BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT |
|---|---|
| 1<br>**Cân đối và phân bổ các nguồn lực phù hợp nhằm thực hiện mục tiêu Công ty** | • Các công tác lập và phân bổ kế hoạch được triển khai đồng bộ trong toàn hệ thống nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn lực và hỗ trợ kiểm soát các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD.<br>• Các chỉ tiêu hoạt động, kế hoạch vận hành, sửa chữa lớn và bảo trì bảo dưỡng được xây dựng chi tiết, đồng thời được theo dõi và điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện vận hành thực tế của từng NM.<br>• Tiến độ triển khai DA, kế hoạch thi công và các hoạt động giám sát được cập nhật thường xuyên thông qua các báo cáo quản lý và các cuộc họp điều hành nhằm kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, hạn chế các rủi ro có thể ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả đầu tư. |
| 2<br>**Chủ động trong QTRR Tài chính, giảm thiểu tác động và đáp ứng kịp thời các nhu cầu vốn cho Chiến lược phát triển các loại hình NLTT** | • Thường xuyên theo dõi và phân tích các biến động của thị trường tài chính như lãi suất, tỷ giá và điều kiện tín dụng nhằm đánh giá các tác động tiềm ẩn đối với hoạt động đầu tư và vận hành của các DA năng lượng.<br>• Công tác quản lý dòng tiền và cân đối nguồn vốn được thực hiện chặt chẽ nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng nhu cầu vốn cho các hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty.<br>• Tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức tín dụng và đối tác tài chính nhằm đa dạng hóa nguồn vốn, đồng thời nghiên cứu các giải pháp tài chính phù hợp để hỗ trợ các DA NLTT trong giai đoạn phát triển mới của thị trường. |
| 3<br>**Nâng cao chất lượng QTCT và thúc đẩy các tiêu chuẩn PTBV** | • Tiếp tục triển khai các hoạt động cải thiện QTCT theo các thông lệ trong và ngoài nước, bao gồm Bộ Nguyên tắc QTCT G20/OECD 2023, Thẻ điểm QTCT ASEAN SCORECARD 2024 và Bộ Nguyên tắc QTCT Việt Nam 2026 nhằm nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình trong hoạt động quản trị.<br>• Các yếu tố Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG) được từng bước tích hợp vào hoạt động quản trị và vận hành, hướng tới nâng cao hiệu quả QLRR, thúc đẩy PTBV và tạo giá trị dài hạn cho doanh nghiệp.<br>• Công tác công bố thông tin và minh bạch hóa hoạt động quản trị được tăng cường, qua đó nâng cao uy tín doanh nghiệp và khả năng tiếp cận các nguồn vốn trên thị trường. |
| 4<br>**Tăng cường các hoạt động giám sát, đánh giá và ứng phó rủi ro trong vận hành** | • Duy trì và tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá rủi ro trong toàn hệ thống nhằm kịp thời phát hiện các yếu tố có thể ảnh hưởng đến hoạt động SXKD.<br>• Các quy định và quy trình liên quan đến an toàn lao động, PCCC, an toàn điện và vận hành NM được thực hiện nghiêm túc nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động, hệ thống thiết bị và hoạt động SXKD.<br>• Công tác đào tạo, diễn tập PCCC, huấn luyện an toàn và nâng cao nhận thức về QTRR được triển khai thường xuyên cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và nhân viên vận hành. |
| 5<br>**Kiện toàn hệ thống VBLQ, các Quy định nội bộ và các hoạt động đảm bảo tuân thủ** | • Tiếp tục rà soát, cập nhật và hoàn thiện hệ thống VBLQ, quy chế và quy trình vận hành nhằm đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành cũng như yêu cầu quản trị của Công ty.<br>• Các quy định nội bộ được chuẩn hóa và phổ biến rộng rãi trong toàn hệ thống nhằm đảm bảo tính thống nhất trong hoạt động quản lý và vận hành của các đơn vị<br>• Công tác kiểm tra và đánh giá việc tuân thủ các quy định nội bộ được tăng cường thông qua các hoạt động kiểm toán nội bộ, góp phần nâng cao hiệu quả kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động của Công ty. |
| 6<br>**Tăng cường ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong quản trị và vận hành** | • Tiếp tục vận hành và nâng cấp các hệ thống quản trị doanh nghiệp như ERP, hệ thống quản lý dữ liệu và báo cáo quản trị, qua đó nâng cao khả năng giám sát hoạt động và hỗ trợ công tác ra quyết định của BĐH.<br>• Các thông tin quản trị được thu thập, giám sát và tổng hợp tập trung, giúp nâng cao khả năng phân tích dữ liệu, kiểm soát hoạt động và trích xuất báo cáo phục vụ công tác quản trị.<br>• Các giải pháp bảo mật và an toàn thông tin được chú trọng nhằm giảm thiểu rủi ro liên quan đến hệ thống CNTT, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số ngày càng sâu rộng |





## CÔNG TÁC QTRR CHÍNH TRONG NĂM 2026

| RỦI RO THỨ CẤP | BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT |
|---|---|
| 1<br>**Tiếp tục hoàn thiện khung QTRR và tổ chức triển khai trong toàn Công ty** | • Rà soát và cập nhật Khung QTRR nhằm đảm bảo phù hợp với mô hình hoạt động và định hướng phát triển của Công ty.<br>• Từng bước tổ chức và triển khai các hoạt động QTRR theo hướng thống nhất trong cấu trúc quản trị của Công ty, gắn với chức năng và trách nhiệm của các bộ phận liên quan.<br>• Tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị chuyên môn và KTNB trong việc nhận diện, theo dõi và xử lý các rủi ro phát sinh trong hoạt động SXKD. |
| 2<br>**Tăng cường giám sát rủi ro trong hoạt động vận hành và SXKD** | • Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động vận hành tại các NM nhằm kịp thời phát hiện và xử lý các rủi ro có thể ảnh hưởng đến sản lượng và hiệu quả hoạt động.<br>• Thực hiện nghiêm các quy định liên quan đến an toàn lao động, PCCC, an toàn điện và bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành.<br>• Theo dõi và đánh giá các yếu tố có thể ảnh hưởng đến hoạt động SXKD như điều kiện vận hành, bảo trì thiết bị và các yếu tố khách quan khác. |
| 3<br>**Hoàn thiện hệ thống VBLQ và các quy định liên quan đến QTRR** | • Tiếp tục rà soát, cập nhật và hoàn thiện hệ thống VBLQ, quy chế và quy trình nội bộ nhằm đảm bảo tính đồng bộ và phù hợp với hoạt động của Công ty.<br>• Xây dựng và ban hành các quy định, hướng dẫn liên quan đến hoạt động QTRR nhằm hỗ trợ các đơn vị trong việc nhận diện, đánh giá và QLRR trong quá trình thực hiện công việc.<br>• Từng bước chuẩn hóa các nội dung QTRR trong hệ thống quy định nội bộ theo các tiêu chuẩn QTRR phù hợp với điều kiện hoạt động của Công ty. |
| 4<br>**Tăng cường ứng dụng CNTT và hệ thống quản trị dữ liệu phục vụ công tác quản lý và QTRR** | • Tiếp tục vận hành và nâng cấp các hệ thống CNTT như ERP và hệ thống báo cáo quản trị nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và hỗ trợ công tác điều hành.<br>• Phát triển các báo cáo quản trị và mô hình phân tích dữ liệu nhằm hỗ trợ việc theo dõi, đánh giá và cảnh báo các rủi ro tiềm ẩn.<br>• Tăng cường các giải pháp an toàn thông tin và bảo mật hệ thống CNTT, giảm thiểu rủi ro liên quan đến dữ liệu và hạ tầng công nghệ. |
| 5<br>**Nâng cao năng lực và hướng dẫn các đơn vị trong công tác QTRR** | • Xây dựng và phổ biến các hướng dẫn nhận diện, đánh giá và phân tích rủi ro nhằm hỗ trợ các đơn vị chủ động nhận diện và đề xuất các biện pháp kiểm soát phù hợp.<br>• Tổ chức các hoạt động đào tạo, trao đổi kinh nghiệm về QTRR nhằm nâng cao năng lực của các đơn vị trong việc quản lý và kiểm soát rủi ro.<br>• Tăng cường trao đổi thông tin và phối hợp giữa các đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện QTRR trong toàn Công ty. |
| 6<br>**Nâng cao nhận thức và xây dựng văn hóa QTRR trong doanh nghiệp** | • Tăng cường các hoạt động truyền thông nội bộ nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về vai trò của công tác QTRR trong hoạt động SXKD.<br>• Khuyến khích các đơn vị chủ động nhận diện và báo cáo các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình thực hiện công việc.<br>• Từng bước hình thành văn hóa QTRR, trong đó mỗi cá nhân chủ động tham gia vào việc nhận diện và kiểm soát rủi ro trong phạm vi công việc của mình. |



# Bộ Quy Chế Ứng Xử

Trong tiến trình hướng tới phát triển bền vững, việc xây dựng và ban hành QCUX cùng với Cơ chế khiếu nại hành vi sai phạm theo thông lệ quản trị công ty tiên tiến được xem là nền tảng thiết yếu. Đây không chỉ là công cụ giúp doanh nghiệp đảm bảo tuân thủ pháp luật, mà còn góp phần nâng cao uy tín, khẳng định giá trị cốt lõi và hình thành văn hóa doanh nghiệp bền vững.

## QUY CHẾ ỨNG XỬ

Bộ QCUX của GEC thể hiện rõ các cam kết của Công ty đối với các bên liên quan, đồng thời quy định chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp mà mỗi CBNV cần tuân thủ trong quá trình làm việc. QCUX nhấn mạnh yêu cầu thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc ứng xử, qua đó củng cố niềm tin và trách nhiệm trong hoạt động của doanh nghiệp.

| | Nội dung văn bản | Hiệu lực thi hành |
|---|---|---|
| THỜI GIAN BAN HÀNH | • Ban hành lần đầu: 01/01/2015<br>• Rà soát: 2019, 2020<br>• Hiệu lực hiện tại: 20/05/2020<br>• Toàn bộ CBNV áp dụng | • Áp dụng đầy đủ từ ngày hiệu lực; cập nhật khi có rà soát mới |
| MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI | • Thể hiện cam kết của Công ty với các chuẩn mực pháp lý (BLQ)<br>• Cam kết về đạo đức nghề nghiệp của CBNV<br>• Yêu cầu tuân thủ nghiêm ngặt quy tắc ứng xử | • Liên kết với các văn bản pháp lý và chuẩn đạo đức; tuân thủ trong quá trình làm việc |
| NỘI DUNG TRỌNG YẾU | • Cam kết của Công ty với các BLQ<br>• Cam kết về Đạo đức nghề nghiệp của CBNV<br>• Quy tắc ứng xử của CBNV | • Đảm bảo mọi CBNV nắm vững và thực thi |

Các nội dung trọng yếu của QCUX bao gồm:

**ĐỐI VỚI CBNV**

**Cam kết chính**
- Bảo vệ tối đa quyền con người và tôn trọng quyền lợi hợp pháp
- Đối xử công bằng, bình đẳng
- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, gắn kết

**Mục tiêu thực thi**
- Đảm bảo quyền lợi CBNV được bảo vệ; xây dựng văn hóa đoàn kết và chia sẻ

**ĐỐI VỚI ĐỐI TÁC - NHÀ CUNG CẤP - KHÁCH HÀNG**

**Cam kết chính**
- Đối với Nhà đầu tư, Cổ đông, Đối tác: hợp tác chân thành, tối đa hóa lợi ích chung; xem lợi ích của các bên như lợi ích của mình; cơ hội đầu tư bình đẳng; môi trường kinh doanh minh bạch
- Đối với Nhà cung cấp: quan hệ bền vững, lợi ích hài hòa; hình thành công ty uy tín, tôn trọng và trung thực
- Đối với Khách hàng: hai bên cùng có lợi; mọi hành động dựa trên nền tảng kinh doanh

**Mục tiêu thực thi**
- Xây dựng mối quan hệ dựa trên tin cậy, công bằng và minh bạch

**ĐỐI VỚI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**

**Cam kết chính**
- Không thu thập trái phép hoặc che đậy thông tin để phục vụ lợi ích riêng
- Không thực hiện hành vi hối lộ để nhận ưu đãi
- Không tặng quà/giải trí nhằm đạt mục tiêu không đúng đắn

**Mục tiêu thực thi**
- Tuân thủ quy định và chuẩn mực kiềm chế thù địch với mục tiêu tham vọng cá nhân

**CAM KẾT VỚI PHÁP LUẬT VÀ XÃ HỘI**

**Cam kết chính**
- Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ trước pháp luật
- Đóng góp cho xã hội theo chủ trương vì cộng đồng, phát triển địa phương
- CBNV tuân thủ pháp luật và chính sách nội bộ
- Ra quyết định dựa trên lợi ích cao nhất của Công ty; trung thực, khách quan, công bằng
- Không nhận lợi ích từ đối tác/khách hàng để liên kết giao dịch; không cho phép lợi ích cho bên thứ ba
- Không đề nghị nhận lợi ích có thể ảnh hưởng đến quyết định kinh doanh
- Bảo mật thông tin

**Mục tiêu thực thi**
- Đảm bảo hành động phù hợp với chuẩn mực pháp lý và đạo đức; quản trị công khai

## CƠ CHẾ KHIẾU NẠI HÀNH VI SAI PHẠM

Cơ chế khiếu nại hành vi sai phạm của GEC cung cấp kênh tiếp nhận và giải quyết thông tin khiếu nại, đặc biệt chú trọng đến quyền lợi của người khiếu nại. Cơ chế cho phép sử dụng cả tên thật và ẩn danh để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho sự tương tác thông tin. Cam kết của Công ty là bảo vệ danh tính và quyền lợi của người khiếu nại, với sự tuân thủ đầy đủ các quy định Pháp luật và nội quy nội bộ đồng thời nghiêm cấm trả thù và/hoặc trừng phạt, bảo đảm rằng mọi người khiếu nại không bị đối diện với hành vi trừng phạt hay áp đặt do việc khiếu nại hành vi vi phạm.

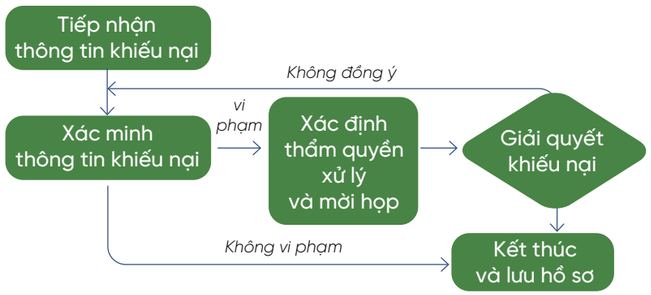
Cơ chế khiếu nại hành vi sai phạm được quy định tại các văn bản sau:

| NỘI DUNG VĂN BẢN | | MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI |
|---|---|---|
| Quy trình cơ chế khiếu nại của người lao động liên quan đến EHSS | • Ban hành lần đầu: 02/08/2023<br>• Rà soát: 2024<br>• Hiệu lực hiện tại: 27/12/2024<br>• Toàn bộ CBNV áp dụng | Quy trình này hướng dẫn giải quyết các khiếu nại của Người lao động liên quan đến các lĩnh vực Môi trường - Sức khỏe - An toàn - Xã hội |
| Quy trình xử lý kỷ luật lao động | • Ban hành lần đầu: 10/12/2015<br>• Rà soát: 2020, 2022<br>• Hiệu lực hiện tại: 09/05/2022<br>• Toàn bộ CBNV áp dụng | Quy trình này tiếp nhận tất cả các khiếu nại còn lại như hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định nội bộ Công ty, phân biệt đối xử, quấy rối,... |

Cơ chế khiếu nại các hành vi sai phạm có thể hệ thống lại như sau:

| CƠ CHẾ KHIẾU NẠI | NGƯỜI KHIẾU NẠI | ĐƠN VỊ TIẾP NHẬN | NHÓM QUẢN LÝ | NHÓM KIỂM SOÁT |
|---|---|---|---|---|
| THÀNH PHẦN | CBNV | PHÒNG NHÂN SỰ/ PHÒNG KTNB/ PHÒNG EHSS (*) | BĐH | HĐQT/UBKT |
| TRÁCH NHIỆM | Khi phát hiện hành vi vi phạm hoặc có cơ sở thích đáng nghi ngờ có hành vi vi phạm, CBNV báo cáo kịp thời với thông tin trung thực, đầy đủ, rõ ràng và chính xác cho Đơn vị tiếp nhận<br>Trường hợp khẩn cấp có thể báo cáo vượt cấp. Đặc biệt nếu thấy không thuận tiện có thể báo cáo qua điện thoại, email đến kênh tiếp nhận của Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch UBKT với thời gian tiếp nhận 24/24 giờ. | Phòng Nhân sự, Phòng EHSS tiếp nhận và giải quyết khiếu nại theo tính chất, lĩnh vực khiếu nại<br>Phòng KTNB cũng là Đơn vị tiếp nhận và cũng là Cơ quan độc lập, giám sát quá trình giải quyết khiếu nại và đưa ra ý kiến khách quan đảm bảo sự công bằng, trách nhiệm. | Định hướng mẫu mực, quan tâm, lắng nghe và phản hồi các ý kiến của CBNV cũng như rà soát ý kiến, phản hồi của Đơn vị tiếp nhận<br>Người quyết định áp dụng các hình thức kỷ luật thích đáng, kể cả hình thức cao nhất là sa thải đối với những hành vi vi phạm. | UBKT - Cơ quan trực thuộc HĐQT tiếp nhận các thông tin từ BĐH; xem xét một cách bảo mật, kịp thời và công bằng; đề xuất các biện pháp xử lý hành vi vi phạm; giám sát quá trình thực hiện đồng thời báo cáo lên HĐQT. |

Lược đồ xử lý khiếu nại khiếu nại hành vi sai phạm:




Công ty kiên quyết xử lý mọi nhân viên có hành vi vi phạm nhưng cũng đặt ra tiêu chí cao đối với việc chứng minh rõ ràng và đầy đủ thông tin khiếu nại. Trong trường hợp người bị khiếu nại không vi phạm và thông tin khiếu nại không có bằng chứng rõ ràng, Công ty sẽ tiến hành xem xét cẩn trọng và không làm tổn hại danh tiếng của người bị khiếu nại. Bất kỳ sự thù ghét cá nhân hoặc mục đích xấu nào trong thông tin khiếu nại cũng được xem xét và đánh giá là vu cáo, có thể dẫn đến xử phạt theo quy định Pháp luật và/hoặc quy định nội bộ.

Năm 2025, GEC không có bất kỳ vi phạm nào về QCƯX cũng như không có khiếu nại nào phải xử lý theo cơ chế. Điều này là kết quả của sự hiểu biết sâu sắc của CBNV hiện hữu về QCƯX bao gồm các cam kết về giá trị đạo đức kinh doanh và các vấn đề tuân thủ.

Với nền tảng đã xây dựng và các kết quả tích cực đạt được, GEC cam kết không ngừng cải tiến và duy trì một môi trường làm việc minh bạch, nơi giá trị tuân thủ được đặt lên hàng đầu.

**100%**
Nhân viên tuân thủ QCƯX Năm 2025

**0**
Sự vụ khiếu nại Năm 2025





# Hoạt động tuân thủ

Năm 2025 ghi nhận nhiều thay đổi quan trọng trong môi trường pháp lý ngành năng lượng, đặc biệt liên quan đến hoàn thiện thị trường điện cạnh tranh, cơ chế mua bán điện trực tiếp (DPPA) và các cam kết quốc gia về phát thải ròng bằng không đến năm 2050. Trong bối cảnh đó, yêu cầu về tuân thủ pháp luật và chuẩn mực quản trị đối với doanh nghiệp năng lượng ngày càng cao.

HĐQT và BĐH xác định tuân thủ không chỉ là nghĩa vụ pháp lý mà còn là nền tảng bảo đảm tính bền vững trong phát triển, nâng cao uy tín doanh nghiệp và tạo điều kiện tiếp cận các nguồn vốn xanh, đối tác tài chính quốc tế. Hoạt động tuân thủ tại GEC được triển khai theo nguyên tắc minh bạch, chính trực và nhất quán trong toàn hệ thống.

## HỆ THỐNG CƠ SỞ PHÁP LÝ ÁP DỤNG

Hoạt động của GEC chịu sự điều chỉnh của một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong nhiều lĩnh vực. Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện rà soát và tuân thủ nghiêm ngặt các nhóm quy định sau:

**Nhóm pháp luật về Quản trị doanh nghiệp và Chứng khoán**

- Là một công ty đại chúng niêm yết quy mô lớn, GEC tuân thủ Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- GEC bảo đảm quyền lợi của cổ đông thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đúng trình tự, thủ tục luật định.
- Các quy định tại NĐ số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán về QTCT đại chúng được áp dụng triệt để trong cơ cấu tổ chức và hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát và BĐH.
- Công tác CBTT theo TT số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính, bảo đảm đầy đủ, kịp thời và minh bạch.

**Nhóm pháp luật chuyên ngành Điện lực và NLTT**

- Luật Điện lực và các văn bản sửa đổi, bổ sung, đặc biệt là các quy định mới về thị trường bán buôn điện cạnh tranh và cơ chế mua bán điện trực tiếp.
- Các TT của BCT quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật đấu nối lưới điện và đo đếm điện năng.
- Các quy định về quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (QHĐ VIII), đảm bảo mọi DA đầu tư mở rộng đều nằm trong danh mục được Thủ tướng Chính phủ và Bộ Công Thương phê duyệt.

**Nhóm pháp luật về Đầu tư, Xây dựng và Đất đai**

- Quá trình phát triển DA của GEC tuân thủ nghiêm ngặt Luật Đầu tư năm 2020, Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi năm 2020) và Luật Đất đai. GEC chú trọng đặc biệt đến tính pháp lý của hồ sơ quy hoạch, giấy phép xây dựng, công tác nghiệm thu công trình và các thủ tục liên quan đến thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và bồi thường giải phóng mặt bằng.

# TUÂN THỦ TRONG HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN DA

Phát triển DA là lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro pháp lý cao. Trong năm 2025, GEC tập trung kiểm soát tuân thủ tại các giai đoạn trọng yếu sau:

### TUÂN THỦ TRONG GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

Mọi DA mới đều được thực hiện thẩm định pháp lý (legal due diligence) trước khi triển khai. Công ty chỉ thực hiện các bước tiếp theo khi DA đáp ứng đầy đủ điều kiện pháp lý, bao gồm việc phù hợp quy hoạch và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định.

### TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ ĐẤT ĐAI VÀ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

Công tác bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng được thực hiện minh bạch, đúng quy định của pháp luật và có sự phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng địa phương. Các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất (nếu có) được thực hiện theo đúng trình tự, thẩm quyền.

### TUÂN THỦ TRONG QUẢN LÝ XÂY DỰNG VÀ ĐẤU THẦU

Công tác lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây lắp được thực hiện thông qua quy trình đấu thầu minh bạch, công khai bảo đảm năng lực tài chính và chuyên môn của nhà thầu. Quá trình thi công tuân thủ tuyệt đối Giấy phép xây dựng, hồ sơ thiết kế đã được thẩm định và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình công nghiệp.

# TUÂN THỦ TRONG VẬN HÀNH SẢN XUẤT

Với danh mục tài sản gồm nhiều NM điện đang vận hành, Hoạt động tuân thủ tập trung vào bảo đảm an toàn và độ tin cậy hệ thống.

### AN TOÀN VẬN HÀNH VÀ ĐIỀU ĐỘ

Các NM của GEC luôn tuân thủ nghiêm ngặt lệnh điều độ của CT TNHH MTV Vận hành Hệ thống điện và Thị trường điện Quốc gia (NSMO) và các cấp điều độ miền. Việc tuân thủ biểu đồ phát, chế độ điện áp và tần số không chỉ là nghĩa vụ hợp đồng mua bán điện mà còn là trách nhiệm bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ được thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo hệ thống thiết bị luôn trong trạng thái sẵn sàng cao nhất.

### CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ

Công ty nhận thức rõ nguy cơ cháy nổ tại các NM điện và trạm biến áp. Do đó, hệ thống trang thiết bị PCCC luôn được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo hoạt động tốt. Trong năm 2025, tại 100% các đơn vị trực thuộc đều đã tổ chức diễn tập phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ với sự tham gia của lực lượng Cảnh sát PCCC địa phương. Hồ sơ quản lý PCCC được lập và lưu trữ đầy đủ theo quy định.

### BẢO VỆ HÀNH LANG AN TOÀN LƯỚI ĐIỆN

Công tác kiểm tra tuyến đường dây truyền tải điện và trạm biến áp được thực hiện thường xuyên nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm hành lang an toàn lưới điện cao áp. Công ty chủ động phối hợp với chính quyền địa phương để tuyên truyền cho người dân, thực hiện phát quang cây cối có nguy cơ ngã đổ vào đường dây, đảm bảo an toàn cho cộng đồng và hệ thống điện.







# ĐÀO TẠO, TUYÊN TRUYỀN VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC PHÁP LUẬT

Con người là yếu tố trung tâm của hệ thống tuân thủ. Do đó, công tác đào tạo pháp luật được GEC đặc biệt chú trọng.

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỊNH KỲ

Trong năm 2025, Công ty đã tổ chức 3 chương trình đào tạo, tập huấn nội bộ về pháp luật cho các đối tượng khác nhau:

- Đào tạo về Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và QTCT cho thành viên phụ trách công tác Văn phòng, Quan hệ NĐT.
- Đào tạo chuyên sâu về Luật Đấu thầu, Hợp đồng thương mại cho cán bộ quản lý DA và mua sắm.
- Đào tạo về An toàn vệ sinh lao động, PCCC cho toàn thể CBNV và người lao động trực tiếp.

## CẬP NHẬT VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Tổ Pháp chế thực hiện việc điểm tin pháp luật hàng tuần, hàng tháng, tổng hợp các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành có liên quan đến hoạt động của Công ty để gửi đến các phòng ban. Hệ thống dữ liệu văn bản pháp luật và quy định nội bộ được số hóa, lưu trữ trên cổng thông tin nội bộ, giúp CBNV dễ dàng tra cứu và áp dụng trong công việc hàng ngày.

| | Nội dung | Số hiệu | Ngày có hiệu lực | Cơ quan ban hành |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Luật Điện lực 2024 | 61/2024/QH15 | 01/2/2025 | Quốc hội |
| | **NGHỊ ĐỊNH LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC** | | | |
| 2 | NĐ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng DA điện lực và đấu thầu lựa chọn NĐT dự án kinh doanh điện lực | 56/2025/NĐ-CP | 03/3/2025 | Chính phủ |
| 3 | NĐ quy định cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện năng lượng tái tạo và khách hàng sử dụng điện lớn | 57/2025/NĐ-CP | 03/3/2025 | Chính phủ |
| 4 | NĐ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện Lực về phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới, trong đó, quy định điều kiện và thời hạn áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển điện năng lượng mới | 58/2025/NĐ-CP | 03/3/2025 | Chính phủ |
| 5 | NĐ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực | 61/2025/NĐ-CP | 04/3/2025 | Chính phủ |
| 6 | NĐ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực | 62/2025/NĐ-CP | 04/3/2025 | Chính phủ |

| | Nội dung | Số hiệu | Ngày có hiệu lực | Cơ quan ban hành |
|---|---|---|---|---|
| 7 | NĐ sửa đổi, bổ sung NĐ số 56/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng DA điện lực và đấu thầu lựa chọn NĐT DA kinh doanh điện lực | 100/2025/NĐ-CP | 08/5/2025 | Chính phủ |
| 8 | NĐ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại | 146/2025/NĐ-CP | 01/7/2025 | Chính phủ |
| | **THÔNG TƯ LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC** | | | |
| 9 | TT quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực | 02/2025/TT-BCT | 01/2/2025 | Bộ trưởng Bộ Công Thương |
| 10 | TT quy định về hồ sơ, trình tự và thủ tục mua bán điện với nước ngoài | 03/2025/TT-BCT | 01/2/2025 | Bộ trưởng Bộ Công Thương |
| 11 | TT quy định về trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện | 04/2025/TT-BCT | 01/2/2025 | Bộ trưởng Bộ Công Thương |
| 12 | TT quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng | 05/2025/TT-BCT | 01/2/2025 | Bộ trưởng Bộ Công Thương |
| 13 | TT quy định điều độ, vận hành, thao tác, xử lý sự cố, khởi động đen và khôi phục hệ thống điện quốc gia | 06/2025/TT-BCT | 01/2/2025 | Bộ trưởng Bộ Công Thương |
| 14 | TT quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, phương pháp xác định, phê duyệt khung giá phát điện; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xây dựng, phê duyệt khung giá nhập khẩu điện | 09/2025/TT-BCT | 01/2/2025 | Bộ trưởng Bộ Công Thương |
| 15 | TT quy định về phương pháp xác định và nguyên tắc áp dụng biểu giá chi phí tránh được cho các NM điện năng lượng tái tạo nhỏ; nội dung chính của hợp đồng mua bán điện | 10/2025/TT-BCT | 01/2/2025 | Bộ trưởng Bộ Công Thương |
| 16 | TT quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phát điện; nguyên tắc tính giá điện để thực hiện DA điện lực; nội dung chính của hợp đồng mua bán điện | 12/2025/TT-BCT | 01/2/2025 | Bộ trưởng Bộ Công Thương |
| 17 | TT quy định xác định tiền điện thanh toán trong các trường hợp thiết bị đo đếm điện không chính xác, ngừng hoạt động hoặc bị mất | 13/2025/TT-BCT | 01/2/2025 | Bộ trưởng Bộ Công Thương |
| 18 | TT quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh | 16/2025/TT-BCT | 01/2/2025 | Bộ trưởng Bộ Công Thương |
| 19 | TT sửa đổi, bổ sung Điều 3 của TT số 09/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, phương pháp xác định, phê duyệt khung giá phát điện; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xây dựng, phê duyệt khung giá nhập khẩu điện | 25/2025/TT-BCT | 13/5/2025 | Bộ trưởng Bộ Công Thương |
| 20 | TT sửa đổi, bổ sung một số điều của TT số 16/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh | 36/2025/TT-BCT | 03/6/2025 | Bộ trưởng Bộ Công Thương |
| 21 | TT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương | 38/2025/TT-BCT | 01/7/2025 | Bộ trưởng Bộ Công Thương |
| 22 | TT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện | 41/2025/TT-BCT | 08/8/2025 | Bộ trưởng Bộ Công Thương |
| 23 | TT sửa đổi, bổ sung một số điều của TT số 04/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện, TT số 05/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng và TT số 06/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định điều độ, vận hành, thao tác, xử lý sự cố, khởi động đen và khôi phục hệ thống điện quốc gia | 46/2025/TT-BCT | 22/9/2025 | Bộ trưởng Bộ Công Thương |
| 24 | TT sửa đổi, bổ sung một số điều của TT số 09/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, phương pháp xác định, phê duyệt khung giá phát điện; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xây dựng, phê duyệt khung giá nhập khẩu điện và TT số 12/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phát điện; nguyên tắc tính giá điện để thực hiện DA điện lực; nội dung chính của hợp đồng mua bán điện | 54/2025/TT-BCT | 21/11/2025 | Bộ trưởng Bộ Công Thương |
| 25 | TT quy định hồ sơ, trình tự, phương pháp xác định, phê duyệt khung giá phát điện và phương pháp xác định giá dịch vụ phát điện của loại hình hệ thống pin lưu trữ năng lượng; nội dung chính của hợp đồng mua bán điện | 62/2025/TT-BCT | 26/1/2026 | Bộ trưởng Bộ Công Thương |
| 26 | TT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Công trình thủy điện | 59/2025/TT-BCT | 01/6/2026 | Bộ trưởng Bộ Công Thương |
| | **GIÁ PHÁT ĐIỆN** | | | |
| 27 | Quyết định phê duyệt khung giá phát điện loại hình NM thủy điện năm 2025 | 982/QĐ-BCT | 10/4/2025 | Bộ Công Thương |
| 28 | Quyết định phê duyệt khung giá phát điện áp dụng cho loại hình NM điện mặt trời | 988/QĐ-BCT | 10/4/2025 | Bộ Công Thương |

| | Nội dung | Số hiệu | Ngày có hiệu lực | Cơ quan ban hành |
|---|---|---|---|---|
| 29 | Quyết định phê duyệt khung giá phát điện loại hình NM điện gió năm 2025 | 1508/QĐ-BCT | 30/5/2025 | Bộ Công Thương |
| | Quyết định phê duyệt khung giá phát điện loại hình NM điện gió ngoài khơi năm 2025 | 1824/QĐ-BCT | 26/6/2025 | Bộ Công Thương |
| | **QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC QUỐC GIA** | | | |
| 30 | Quyết định phê duyệt cập nhật Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 | 618/QĐ-BCT | 05/3/2025 | Bộ trưởng Bộ Công Thương |
| 31 | Quyết định phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 | 768/QĐ-TTg | 15/4/2025 | Thủ tướng Chính phủ |
| 32 | Quyết định phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 điều chỉnh | 1509/QĐ-BCT | 30/5/2025 | Bộ trưởng Bộ Công Thương |

Việc cập nhật đồng bộ các NĐ và TT mới trong năm 2025 đã giúp Công ty chủ động điều chỉnh quy trình nội bộ, đảm bảo tính tương thích với khung pháp lý mới, đặc biệt trong lĩnh vực DPPA và thị trường điện cạnh tranh.

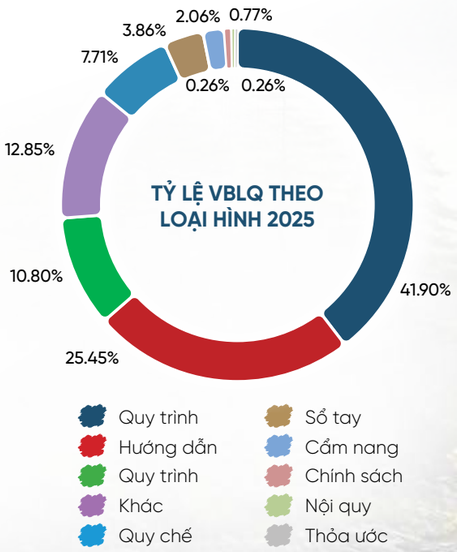
## CÔNG TÁC CHÍNH SÁCH NĂM 2025

Với phương châm VBLQ là công cụ hỗ trợ, quản lý, chuẩn hóa hoạt động của Công ty bảo đảm sự tuân thủ Pháp luật, định hướng Công ty và Chuẩn mực Quốc tế, Công ty tiếp tục ban hành và thực hiện các quy định chính sách thông qua hệ thống VBLQ.

### HỆ THỐNG VBLQ

Hệ thống VBLQ của Công ty được phân chia thành từng nhóm theo Lĩnh vực và Loại hình phù hợp với hoạt động của từng Khối Chức năng, Phòng Ban, Đơn vị trực thuộc, Công ty Con, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Khối Chức năng, Phòng Ban cũng như hiệu quả trong tương tác với các Đơn vị trực thuộc, Công ty Con.

Hàng năm, Công ty luôn xây dựng các Kế hoạch triển khai hệ thống VBLQ, theo đó, Tổ Pháp chế phối hợp cùng các Đơn vị liên quan thực hiện soát xét, điều chỉnh, ban hành các VBLQ để đáp ứng nhu cầu tại từng giai đoạn.




Về tổng quan, số lượng VBLQ có hiệu lực áp dụng trong năm 2025 là 412 văn bản, tăng 23 văn bản so với năm 2024, trong đó:

Quy trình (163 văn bản); Hướng dẫn (99 văn bản); Quy định (42 văn bản); Quy chế (30 văn bản); Sổ tay (15 văn bản); Cẩm nang (8 văn bản); Chính sách (3 văn bản); Nội quy (1 văn bản); Thỏa ước (1 văn bản); Khác (50 văn bản).




## VIỆC BAN HÀNH MỚI VÀ SOÁT XÉT VBLQ NĂM 2025

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện ban hành mới (gồm cả thay thế) 44 văn bản để cập nhật phù hợp quy định pháp luật, chính sách Công ty và Chuẩn mực quốc tế.

44 văn bản ban hành lại tập trung ở các Lĩnh vực: EHSS (5 văn bản); Hỗ trợ (4 văn bản); Nhân sự - Đào tạo (10 văn bản); Quản lý vận hành (3 văn bản); CNTT (3 văn bản); Tổ chức bộ máy (4 văn bản); Khác (2 văn bản); Kỹ thuật (5 văn bản); Tài chính - Kế toán (8 văn bản).

## VIỆC QUẢN LÝ, PHÂN PHỐI, LƯU TRỮ VBLQ TẠI HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐIỆN TỬ EO

Công ty thực hiện quản lý, phân phối, lưu trữ, cập nhật VBLQ phân loại theo từng Lĩnh vực tại hệ thống quản lý điện tử EO để toàn bộ Cán bộ nhân viên có thể tra cứu, sử dụng tiện lợi, đáp ứng nhu cầu công việc.

# Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư

## KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Trong năm 2026, GEC tiếp tục triển khai kế hoạch phát triển chính sách (thông qua việc tối ưu hóa hệ thống VBLQ), định hướng triển khai thực thi chính sách nhằm củng cố nền tảng quản lý, nâng cao tính đồng bộ, minh bạch và hiệu quả trong quản trị điều hành doanh nghiệp, đảm bảo tuân thủ pháp luật trong toàn bộ hệ thống, cũng như đáp ứng các chuẩn mực quản trị hiện đại.

**CẬP NHẬT VÀ TỐI ƯU HÓA HỆ THỐNG VBLQ**

- GEC tiếp tục rà soát, cập nhật và điều chỉnh hệ thống VBLQ để đảm bảo tính phù hợp với các quy định pháp luật mới và yêu cầu thực tế trong hoạt động quản trị doanh nghiệp. GEC tiếp tục thực hiện tinh gọn và tối ưu hóa các quy chế, quy trình, giúp nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thiểu chồng chéo và tăng cường tính nhất quán trong thực thi.
- Bên cạnh đó, GEC sẽ tiếp tục xây dựng và ban hành các VBLQ mới nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu quản lý vận hành, tài chính, nhân sự, kinh doanh và QTRR.

**KIỂM SOÁT TUÂN THỦ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO PHÁP LÝ**

- GEC tiếp tục nâng cao công tác kiểm soát tuân thủ chính sách nội bộ, đảm bảo mọi HĐKD và vận hành của Công ty được thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Việc giám sát chặt chẽ công tác thực hiện chính sách giúp Công ty chủ động phòng ngừa các rủi ro phát sinh, hạn chế tranh chấp pháp lý và bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp trong các giao dịch thương mại, hợp đồng mua bán điện và phát triển DA.

**ĐÀO TẠO VÀ NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT**

- Nhằm đảm bảo chính sách nội bộ được thực thi hiệu quả, GEC sẽ tiếp tục tổ chức các chương trình đào tạo, phổ biến kiến thức pháp luật cho CBNV. Việc đào tạo này giúp nâng cao nhận thức về quản trị doanh nghiệp, pháp luật và tuân thủ chính sách, đồng thời đảm bảo các đơn vị nắm rõ cách thức triển khai quy định trong thực tế.
- Công ty cũng sẽ có các biện pháp tăng cường hỗ trợ các đơn vị thành viên trong việc áp dụng chính sách, giúp tạo sự đồng bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con, đồng thời nâng cao chất lượng thực thi.

**NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ CHÍNH SÁCH**

- GEC sẽ tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả quản lý hệ thống văn bản lập quy, đảm bảo các văn bản được quản lý chặt chẽ, phân loại khoa học và dễ dàng tra cứu. GEC xây dựng cơ chế phản hồi và điều chỉnh chính sách linh hoạt nhằm đáp ứng các yêu cầu thực tiễn và kịp thời cập nhật những thay đổi quan trọng. Việc này giúp đảm bảo các chính sách luôn phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, góp phần hỗ trợ quá trình vận hành doanh nghiệp một cách hiệu quả và nhất quán.

**HỖ TRỢ VÀ PHỐI HỢP VỚI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TRONG GECG**

- GEC cam kết tiếp tục xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa Công ty mẹ và các Công ty con nhằm đảm bảo sự đồng bộ trong hệ thống quản trị và vận hành. Công ty sẽ hỗ trợ các đơn vị thành viên trong việc triển khai chính sách, giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh và tăng cường sự liên kết giữa các bộ phận trong công tác quản lý.

## THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2025

Năm 2025 tiếp tục chứng kiến nhiều biến động trong bối cảnh kinh tế và địa chính trị toàn cầu còn tiềm ẩn nhiều bất ổn. Đáng chú ý, các chính sách thuế nhập khẩu của Mỹ, bao gồm cơ chế thuế đối ứng (reciprocal tariffs) và các quy định liên quan đến chống chuyển tải (transshipment), đã tạo ra những tác động nhất định đến hoạt động xuất khẩu của Việt Nam – trong đó Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất. Những yếu tố này phần nào ảnh hưởng đến tâm lý và diễn biến của TTCK trong nước.

Mặc dù một số khu vực trên thế giới ghi nhận tín hiệu phục hồi kinh tế, sự phân hóa giữa các nền kinh tế vẫn duy trì rõ nét. Dòng vốn quốc tế có xu hướng tập trung vào các thị trường phát triển, trong khi nhiều thị trường mới nổi, bao gồm Việt Nam, tiếp tục chịu áp lực biến động dòng vốn trong ngắn hạn.

Trong bối cảnh đó, tiến trình nâng hạng TTCK Việt Nam vẫn được thúc đẩy thông qua các nỗ lực cải thiện cơ chế vận hành và nâng cấp hạ tầng thị trường của cơ quan quản lý, bao gồm UBCKNN. Đây được xem là một trong những động lực quan trọng nhằm nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và khả năng tiếp cận của thị trường đối với NĐT, đặc biệt là NĐT nước ngoài.

Bất chấp những thách thức từ môi trường bên ngoài, TTCK Việt Nam trong năm 2025 ghi nhận mức tăng trưởng tích cực. Chỉ số VN-Index đóng cửa tại 1.784,49 điểm vào ngày 31/12/2025, tăng 40,9% so với cuối năm 2024, qua đó thiết lập mức cao kỷ lục mới. Giá trị vốn hóa cổ phiếu trên HOSE ước đạt hơn 8,31 triệu tỷ đồng, tương đương 72,2% GDP năm 2024. Thanh khoản thị trường duy trì ở mức cao, với giá trị giao dịch bình quân đạt khoảng 22–24 nghìn tỷ đồng mỗi phiên, phản ánh sự tham gia tích cực của dòng tiền, đặc biệt từ NĐT trong nước.

Theo thống kê của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC), đến cuối năm 2025, thị trường có hơn 11,8 triệu tài khoản chứng khoán, tăng gần 2,6 triệu tài khoản so với cuối năm 2024 (tương ứng với mức tăng trưởng khoảng 28%). Sự bùng nổ này giúp Việt Nam vượt xa mục tiêu 11 triệu tài khoản để ra cho năm 2030 (sớm 5 năm), cho thấy sức hút đối với các NĐT cá nhân, đồng thời từng bước thúc đẩy sự tham gia của các NĐT tổ chức và NĐT nước ngoài.

Về giao dịch của khối ngoại, năm 2025 tiếp tục ghi nhận xu hướng bán ròng mạnh. Ước tính trên toàn thị trường, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng khoảng 134.787 tỷ đồng (tương đương hơn 5,1 tỷ USD), đánh dấu mức bán ròng cao nhất trong lịch sử TTCK Việt Nam. Diễn biến này phản ánh xu hướng tái cơ cấu danh mục của các quỹ đầu tư quốc tế trong bối cảnh dòng vốn toàn cầu biến động và có sự dịch chuyển giữa các thị trường.

Việt Nam đang tiến gần hơn tới mục tiêu được nâng hạng lên Thị trường Mới nổi Thứ cấp theo phân loại của FTSE Russell, với kỳ rà soát quan trọng dự kiến diễn ra vào tháng 3/2026 và khả năng nâng hạng vào tháng 9/2026. Các cải thiện gần đây về khung pháp lý và cơ chế giao dịch được kỳ vọng sẽ góp phần tháo gỡ các rào cản tiếp cận đối với NĐT nước ngoài, qua đó nâng cao mức độ đáp ứng các tiêu chí phân loại thị trường. Theo đánh giá của một số tổ chức tài chính, trong trường hợp quá trình nâng hạng được thực hiện, TTCK Việt Nam có thể thu hút thêm khoảng **3–5 tỷ USD dòng vốn quốc tế**, qua đó hỗ trợ thanh khoản và định giá thị trường trong trung hạn.

# THÔNG TIN CỔ PHIẾU

## THÔNG TIN CHUNG

| | |
|---|---|
| Mã cổ phiếu | GEG |
| Sàn giao dịch | HOSE |
| Cổ phiếu đang lưu hành | 358.308.371 |
| Cổ phiếu Ưu đãi cổ tức | 56.496.000 |
| Trôi nổi | 14,75% |

## THÔNG TIN GIÁ

| | |
|---|---|
| Giá trị sổ sách (đồng) | 15.379 |
| Giá Cổ phiếu tại 31/12/2025 (đồng) | 15.400 |
| Vốn hóa tại 31/12/2025 (tỷ đồng) | 5.520 |
| Giá cao nhất 2025 (đồng) | 18.000 |
| Giá thấp nhất 2025 (đồng) | 11.750 |

## THÔNG TIN CỔ PHIẾU

| | |
|---|---|
| EPS 12T (đồng) | 1.721 |
| P/E (lần) | 8,9x |
| P/B (lần) | 1,0x |

## THÔNG TIN GIAO DỊCH

| | |
|---|---|
| Giới hạn sở hữu NĐT nước ngoài | 49% |
| Sở hữu CĐ nước ngoài | 36,67% |

## DIỄN BIẾN CỔ PHIẾU GEG




*Nguồn: Vietstock, GEC tổng hợp*

# QUAN HỆ NĐT

Trong gần một thập kỷ niêm yết tại TTCK Việt Nam, GEC luôn chú trọng phát triển hoạt động Quan hệ Nhà Đầu Tư (IR), đồng thời không ngừng cập nhật và cải tiến theo các thông lệ QTCT tốt nhất. Công ty luôn đặt việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của CĐ và NĐT làm trọng tâm trong QTDN, chú trọng thực hiện đầy đủ quyền CĐ, tuân thủ quy định pháp luật, đảm bảo CBTT minh bạch và đối xử công bằng giữa các CĐ.




## ĐA DẠNG HÓA CÁC KÊNH CUNG CẤP THÔNG TIN CHO CĐ VÀ NĐT

Nhận thức rõ vai trò của thông tin trong quyết định đầu tư, GEC chú trọng đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin nhằm giúp CĐ và NĐT tiếp cận đầy đủ, chính xác và kịp thời các nội dung về chiến lược, kết quả kinh doanh và tình hình quản trị của Công ty.

Bên cạnh việc tuân thủ quy định CBTT song ngữ theo TT 96/2020/TT-BTC, GEC chủ động cập nhật các thông tin trọng yếu có thể ảnh hưởng đến quyền lợi NĐT thông qua các nền tảng website, trang fanpage, email và các diễn đàn. Định kỳ hằng năm, GEC biên soạn và phát hành BCTN tích hợp Báo cáo PTBV song ngữ theo thông lệ quốc tế nhằm cung cấp thông tin minh bạch, đầy đủ cho NĐT. Bên cạnh đó, Công ty cũng duy trì phát hành Thông cáo báo chí song ngữ Việt – Anh với nội dung phân tích các chỉ tiêu tài chính và hoạt động kinh doanh, qua đó góp phần nâng cao tính minh bạch và giúp các BLQ có cái nhìn rõ hơn về hoạt động của GEC và các đơn vị thành viên.

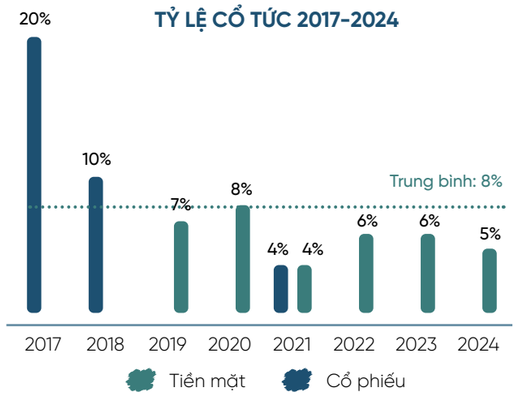
Ngoài ra, GEC tích cực kết hợp với các CTCK tổ chức các ngày hội NĐT định kỳ hàng quý, tham quan DA và cung cấp thông tin để ban hành các báo cáo phân tích.

## CHÍNH SÁCH CỔ TỨC - BẢO VỆ LỢI ÍCH CĐ SONG HÀNH CÙNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Trong giai đoạn 2017 - 2024, GEC duy trì chính sách cổ tức ổn định với mức trung bình khoảng 8%/năm, cao hơn so với mặt bằng chung của Ngành NLTT (khoảng 6%). Riêng năm 2025, Công ty ưu tiên giữ lại lợi nhuận nhằm tăng cường nguồn lực tài chính cho các kế hoạch đầu tư và mở rộng danh mục DA NLTT. Chiến lược này giúp doanh nghiệp củng cố nền tảng tài chính, đồng thời tạo dư địa để triển khai các DA mới và tối ưu hiệu quả vận hành các NM hiện hữu. Trong dài hạn, việc tái đầu tư được kỳ vọng sẽ hỗ trợ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận bền vững cho Công ty.

Theo đó, chính sách cổ tức của GEC được duy trì theo hướng ổn định và linh hoạt, cân đối giữa nhu cầu tái đầu tư và chi trả cho CĐ, hài hòa giữa cổ tức tiền mặt và cổ phiếu phù hợp với kết quả kinh doanh và định hướng quản trị dòng tiền. Trong bối cảnh GEC tiếp tục mở rộng các lĩnh vực NLTT, đa dạng hóa danh mục đầu tư và gia tăng nguồn thu bền vững, chính sách này góp phần củng cố nền tảng tài chính và nâng cao giá trị doanh nghiệp, tối ưu hóa lợi ích CĐ trong dài hạn.

**TỶ LỆ CỔ TỨC 2017-2024**




## GIẢI THƯỞNG UY TÍN TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Trong năm 2025, GEC ghi nhận 10 giải thưởng từ các tổ chức uy tín trong và ngoài nước, phản ánh những nỗ lực của Công ty trong hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

**GIẢI VÀNG**
**BCTN QUỐC TẾ - NHÓM NGÀNH NĂNG LƯỢNG VÀ TIỆN ÍCH**

**TOP**
**BCTN QUỐC TẾ - NHÓM QUỐC GIA VIỆT NAM**

**TOP 100**
**BCTN QUỐC TẾ - NHÓM KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG (HẠNG 59)**

**GIẢI THÀNH TỰU KỸ THUẬT**

Vượt qua hơn 1.000 Công ty từ 20 Quốc gia, GEC vinh dự nhận 4 giải thưởng quốc tế do Hiệp hội Truyền thông chuyên nghiệp Hoa Kỳ - LACP (League of American Communication Professionals) trao tặng

- **Giải Vàng BCTN - Nhóm ngành Năng lượng và Tiện ích -** *Lần thứ 7 liên tiếp.* Chất lượng báo cáo của GEC đã nhận được đánh giá cao từ Hội đồng thẩm định khi đạt điểm tuyệt đối 6/8 hạng mục quan trọng với tổng điểm 98/100, qua đó tiếp tục khẳng định khả năng và nỗ lực của Công ty trong việc nâng cao tính minh bạch và chuẩn mực CBTT theo thông lệ quốc tế.
- **Top BCTN Quốc tế - Nhóm Quốc gia Việt Nam -** *Lần thứ 6 liên tiếp*
- **Top 100 BCTN Quốc tế - Nhóm Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (hạng 5) –** *Lần thứ hai liên tiếp*
- **Giải Thành tựu Kỹ thuật -** *Lần thứ 3 liên tiếp*

**TOP 20**
**BCTN TỐT NHẤT – CUỘC BÌNH CHỌN DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT (VLCA)**

Đây là năm thứ 18 giải thưởng VLCA được tổ chức bởi Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Báo Đầu tư nhằm tôn vinh các doanh nghiệp minh bạch và quản trị xuất sắc.

Tại VLCA 2025, GEC đã vượt qua hơn 500 doanh nghiệp để lọt vào Top 20 BCTN tốt nhất (nhóm Phi tài chính). Kết quả này ghi nhận sự minh bạch trong quản trị và sự thống nhất giữa chiến lược với kết quả vận hành của GEC. Đây cũng là minh chứng cho việc áp dụng tốt chuẩn mực ESG và cam kết lộ trình Net Zero của Công ty.

**TOP 10**
**DOANH NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ KINH DOANH HIỆU QUẢ**

Giải thưởng nhằm đánh giá, nghiên cứu và tôn vinh các doanh nghiệp tiềm năng và hiệu quả kinh doanh tốt nhờ tăng cường áp dụng và đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, cách tân, do Viet Research phối hợp Báo Tài chính - Đầu tư (Bộ Tài chính) trao tặng.

Đây là lần thứ 3 liên tiếp GEC góp mặt trong bảng xếp hạng này, bên cạnh các doanh nghiệp niêm yết lớn cùng ngành, như: Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia (PetroVietnam), Tổng Công ty Khí Việt Nam (PetroVietnam Gas), Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Petro Vietnam PVEP), Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PTSC)

**DOANH NGHIỆP ĐẠT CHUẨN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Lễ Vinh danh IR Awards 2025 được tổ chức nhằm công bố kết quả Bình chọn IR và tôn vinh những doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR xuất sắc nhất do Vietstock phối hợp cùng Hiệp hội VAFE và Tạp chí điện tử FiLi tổ chức, với Hội đồng bình chọn gồm 36 định chế tài chính uy tín trong và ngoài nước, như: SSI, HSC, VNDIRECT, Vietcap, MBKE (Maybank), Dragon Capital, VinaCapital, KIM Việt Nam, AFC Vietnam Fund...

Nằm trong phân khúc vốn hóa vừa (Mid-cap), GEC góp mặt trong danh sách 460 doanh nghiệp niêm yết – chiếm 67% tổng số đơn vị được khảo sát – đáp ứng đầy đủ và kịp thời các quy định về CBTT trên HOSE và HNX, qua đó khẳng định sự minh bạch trong quản trị và nỗ lực bền bỉ của Công ty trong việc bảo vệ quyền lợi tối ưu cho CĐ và NĐT.

**TOP 10**
**DOANH NGHIỆP ESG VIỆT NAM XANH – NGÀNH NĂNG LƯỢNG – DẦU KHÍ**

GEC vinh dự là công ty NLTT duy nhất lần đầu tiên được vinh danh trong Top 10 Doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh 2025 (ESG10) – Ngành Năng lượng – Dầu khí. Chương trình do Viet Research phối hợp với Báo Tài chính – Đầu tư (Bộ Tài chính) tổ chức nhằm tôn vinh các đơn vị tiên phong trong việc đưa ra các cam kết và thực hiện mục tiêu ESG, PTBV trong ngành.

ESG10 ngành Năng lượng – Dầu khí được xem là một điểm khởi đầu quan trọng cho hành trình chuyển đổi xanh của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam hướng tới PTBV, đóng góp vào mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước và hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu.

**TOP 10**
**DOANH NGHIỆP HIỆU QUẢ VƯỢT TRỘI TRONG SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG CHUẨN ESG – ESG AWARDS 2025**

Vietnam ESG Awards là giải thưởng tiên phong tại Việt Nam do Báo Dân trí (thuộc Bộ Nội vụ) tổ chức từ năm 2024, nhằm tôn vinh các doanh nghiệp tiêu biểu trong triển khai ESG một cách thực chất và bài bản, đóng góp tích cực cho mục tiêu PTBV của nền kinh tế.

Giải thưởng được đánh giá bởi Hội đồng giám khảo độc lập gồm các tổ chức uy tín trong và ngoài nước như Deloitte Việt Nam, Ban IV – Văn phòng Nghiên cứu và Phát triển Kinh tế tư nhân, Quỹ VinFuture và AVSE Global. Kết quả được tổng hợp và đánh giá trên cơ sở hơn 100 doanh nghiệp tham gia, qua quá trình khảo sát chuyên sâu kèm theo hệ thống luận cứ và hồ sơ minh chứng đầy đủ; đồng thời tham gia các buổi phỏng vấn và cung cấp thông tin bổ sung theo yêu cầu của Ban Tổ chức, qua đó lựa chọn ra các đơn vị tiêu biểu nhất.

Đây là năm thứ hai liên tiếp GEC đạt danh hiệu này, qua đó khẳng định định hướng PTBV nhất quán của doanh nghiệp, gắn liền chiến lược tăng trưởng xanh với trách nhiệm môi trường - xã hội và nâng cao chất lượng quản trị, hướng tới giá trị bền vững cho CĐ và cộng đồng.

**TOP 500**
**NHÀ TUYỂN DỤNG HÀNG ĐẦU VIỆT NAM**

Bảng xếp hạng Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam (V500) là giải thưởng do Báo Tài chính – Đầu tư (Bộ Tài chính) phối hợp với Viet Research tổ chức.

Việc góp mặt trong VB500 khẳng định nỗ lực không ngừng của GEC trong việc phát triển nguồn nhân lực, số hóa quản trị nhân sự, ưu tiên con người, văn hóa tổ chức và mô hình làm việc linh hoạt. Trong bối cảnh thị trường lao động chuyển biến nhanh chóng với sự lên ngôi của AI, chuyển đổi số và yêu cầu PTBV. GEC luôn đặt con người làm trung tâm, chú trọng thu hút – giữ chân – phát triển nhân tài thông qua môi trường làm việc ổn định, công bằng và cơ hội học tập dài hạn.

Trong nước Quốc tế

## CHỦ ĐỘNG DẪN DẮT XU HƯỚNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Trong năm 2025, các CTCK đã phát hành 29 báo cáo phân tích về cổ phiếu GEG với giá mục tiêu cao nhất lên đến 20.300 đồng/cổ phiếu, cao hơn 26,1% so với giá cổ phiếu tại ngày ra báo cáo.

**FPT Securities**

**THÁNG 10**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 20.300 đồng/cp (+26,1%)

**THÁNG 11**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 17.950 đồng/cp (+18,9%)

**KB Securities**

**THÁNG 3**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 14.600 đồng/cp (+4,3%)

**THÁNG 9**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 18.600 đồng/cp (+16,3%)

**MIRAE ASSET Securities**

**THÁNG 3**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 14.500 đồng/cp (+12%)

**THÁNG 5**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 18.300 đồng/cp (+18%)

**THÁNG 8**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 19.300 đồng/cp (+15,2%)

**THÁNG 11**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 20.100 đồng/cp (+34%)

**ACBS**

**THÁNG 5**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 17.700 đồng/cp (+18%)

**THÁNG 8**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 18.400 đồng/cp (+15,2%)

**VCBS**

**THÁNG 3**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 16.000 đồng/cp (+16%)

**THÁNG 5**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 18.900 đồng/cp (+22%)

**THÁNG 7**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 18.900 đồng/cp (+15%)

**Shinhan Securities**

**THÁNG 7**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 18.300 đồng/cp (+15%)

**HSC**

**THÁNG 1**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 17.800 đồng/cp (+58,9%)

**THÁNG 3 (LẦN 1)**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 17.800 đồng/cp (+40,2%)

**THÁNG 3 (LẦN 2)**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 17.800 đồng/cp (+32,2%)

**THÁNG 6**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 18.800 đồng/cp (+12,9%)

**THÁNG 7**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 18.800 đồng/cp (+18,6%)

**THÁNG 10**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 18.800 đồng/cp (+17,9%)

**THÁNG 11**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 19.200 đồng/cp (+34%)

**THÁNG 12**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 19.200 đồng/cp (+34%)

**AGRISECO**

**THÁNG 8**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 19.000 đồng/cp (+11,7%)

**VPBank Securities**

**THÁNG 10**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 17.250 đồng/cp (+7,1%)

**ASEAN SECURITIES**

**THÁNG 12**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 20.000 đồng/cp (+39%)

**RONG VIET SECURITIES**

**THÁNG 11**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 19.600 đồng/cp (+36%)

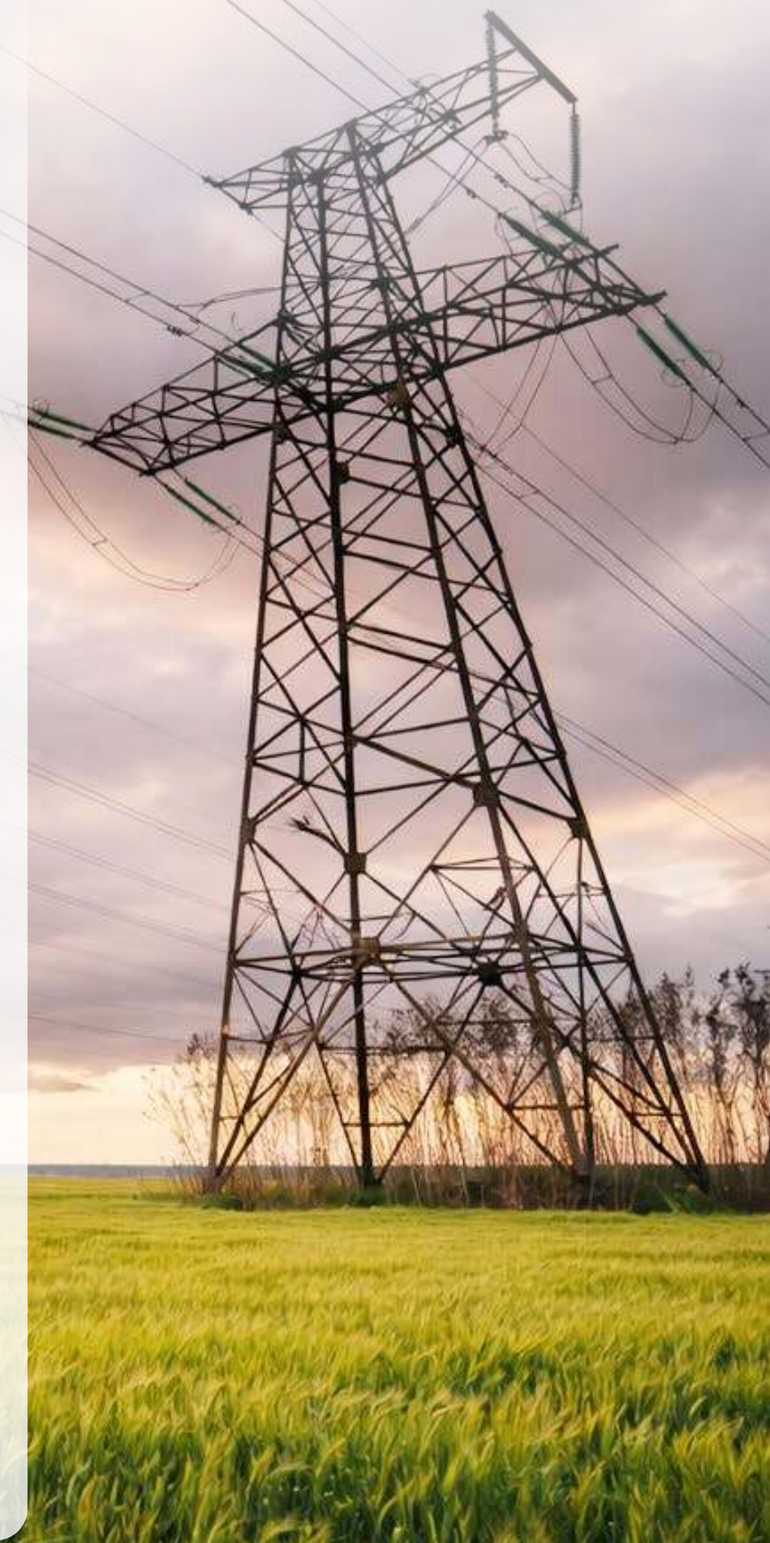
**MBS**

**THÁNG 7 (LẦN 1)**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 20.000 đồng/cp (+21%)

**THÁNG 7 (LẦN 2)**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 19.800 đồng/cp (+22%)

**Phu Hung SECURITIES**

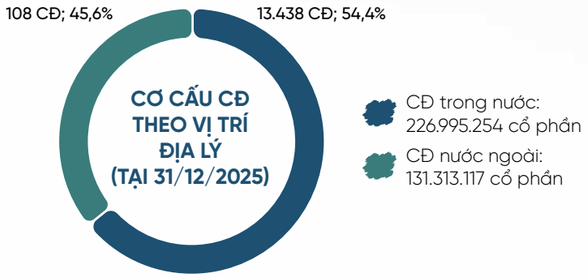
**THÁNG 6**
- Khuyến nghị Mua
- Giá mục tiêu: 18.300 đồng/cp (+31%)

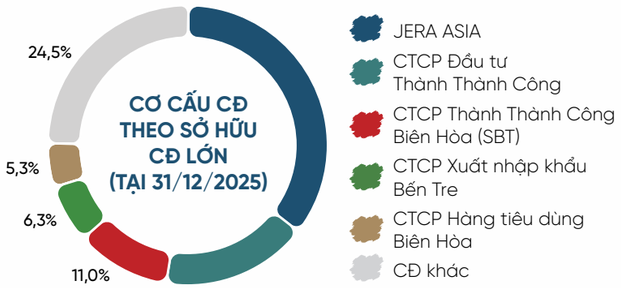





## CƠ CẤU CĐ

Tại thời điểm cuối năm 2025, GEC ghi nhận tổng số CĐ có quyền biểu quyết là 12.057 CĐ, giảm gần 4% so với năm 2024. Trong đó, CĐ nước ngoài gồm 101 CĐ, nắm giữ 131 triệu cổ phiếu phổ thông, tương đương 45,6% tổng số cổ phiếu lưu hành.




GEC hiện áp dụng giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài ở mức 49%, nhằm đảm bảo yếu tố an ninh năng lượng quốc gia. Trong đó, CĐ chiến lược nước ngoài lớn nhất của GEC là JERA ASIA, hiện sở hữu 35,1% VĐL. Ngoài ra, còn có 21 tổ chức nước ngoài khác với tỷ lệ sở hữu dao động quanh 1%.

Xét về tỷ trọng CĐ nước ngoài, GEC đang duy trì mức sở hữu nước ngoài nằm trong nhóm dẫn đầu so với các doanh nghiệp cùng ngành trong lĩnh vực NLTT. Đây cũng là điểm hấp dẫn, phản ánh niềm tin dài hạn của khối ngoại vào tiềm năng phát triển của GEC.

Cơ cấu CĐ của GEC không chỉ phản ánh sự đa dạng trong cơ cấu sở hữu, mà còn cho thấy sự hấp dẫn của cổ phiếu GEC đối với cả NĐT trong và ngoài nước, đặc biệt là các NĐT tổ chức có tầm nhìn dài hạn.

## TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### HOẠT ĐỘNG TĂNG VỐN, PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

- Trong năm 2025, GEC không phát sinh tăng vốn và phát hành cổ phiếu. Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết tại thời điểm 31/12/2025 là 414.804.371 cổ phiếu (358.308.371 cổ phiếu phổ thông và 56.496.000 cổ phiếu ưu đãi cổ tức).
- VĐL tại thời điểm 31/12/2025 đạt 4.148 tỷ đồng.

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

- GEC không sở hữu và phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2025.

## GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

| | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ (%) | Số cổ phiếu | Tỷ lệ (%) | |
| **Người nội bộ** | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thái Hà | TGĐ | 547.024 | 0,13 | 532.324 | 0,125 | Bán |
| 2 | Lê Thanh Vinh | Phó TGĐ thường trực | 392.378 | 0,09 | 331.678 | 0,078 | Bán |
| 3 | Phạm Thành Tuấn Anh | Người phụ trách CBTT | 153.371 | 0,036 | 187.456 | 0,044 | Mua |
| 4 | Công đoàn cơ sở CTCP Điện Gia Lai | Tổ chức có liên quan | 132.017 | 0,031 | 107.517 | 0,025 | Bán |

## LỊCH SỰ KIỆN QUAN HỆ NĐT DỰ KIẾN 2026

**THÁNG 1**
- 28/01: Báo cáo Quản trị 2025
- 28/01: BCTC Q4/2025
- 28/01: Diễn giải BCTC Q4/2025

**THÁNG 2**
- 04/02: Cập nhật KQKD Q4/2025 với các CTCK và Quỹ đầu tư

**THÁNG 3**
- 26/3: Ngày đăng ký cuối cùng tham dự ĐHĐCĐ thường niên Năm Tài chính 2025
- 30/3: BCTC Hợp nhất và Riêng lẻ 2025 kiểm toán
- 30/3: Báo cáo tình hình thanh toán gốc lãi định kỳ Trái phiếu riêng lẻ

**THÁNG 4**
- 03/4: Tài liệu và thư mời họp ĐHĐCĐ thường niên Năm Tài chính 2025
- 03/4: Thông cáo báo chí Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên Năm Tài chính 2025
- 19/4: BCTN 2025
- 24/4: ĐHĐCĐ thường niên Năm Tài chính 2025
- 24/4: NQ ĐHĐCĐ thường niên Năm Tài chính 2025 và Thông cáo báo chí sau Đại hội
- 29/4: BCTC Q1/2026
- 29/4: Diễn giải BCTC Q1/2026

**THÁNG 5**
- 08/5: Cập nhật KQKD Q1/2026 với các CTCK và Quỹ đầu tư

**THÁNG 6**
- 19/6: Hội nghị NĐT và tham quan DA

**THÁNG 7**
- 30/7: Báo cáo Quản trị bán niên 2026
- 30/7: BCTC Q2/2026
- 30/7: Diễn giải BCTC Q2/2026

**THÁNG 8**
- 07/8: Cập nhật KQKD Q2/2026 với các CTCK và Quỹ đầu tư
- 30/8: BCTC bán niên 2026 soát xét
- 30/8: Báo cáo tình hình thanh toán gốc lãi định kỳ Trái phiếu riêng lẻ

**THÁNG 9**
- 10/9: Hội nghị Nhà phân tích

**THÁNG 10**
- 30/10: BCTC Q3/2026
- 31/10: Diễn giải BCTC Q3/2026

**THÁNG 11**
- 10/11: Cập nhật KQKD Q3/2026 với các CTCK và Quỹ đầu tư

**THÁNG 12**
- 15/12: Hội nghị Doanh nghiệp niêm yết thường niên 2026

## CỔNG THÔNG TIN GIAO TIẾP VỚI CĐ

CĐ có thể tìm hiểu thông tin thông qua mục Quan hệ NĐT trên website: www.geccom.vn hoặc liên hệ trực tiếp với Bộ phận Quan hệ NĐT:

Địa chỉ liên hệ: Văn phòng đại diện TP.HCM, Tầng 10, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, TP.HCM

Điện thoại: 0283 999 8822

Email: ir.dir@geccom.vn

# Tòa bóng

Chương 04

# Quản trị Phát triển bền vững

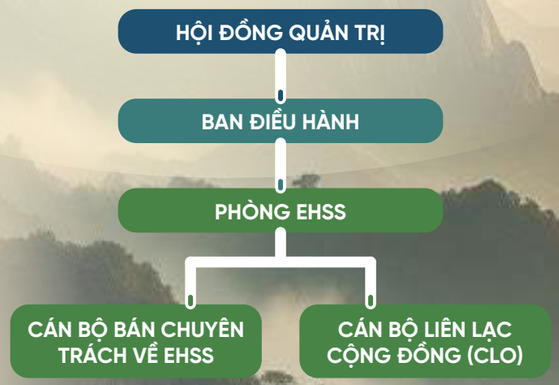
Biến đổi khí hậu tiếp tục bộc lộ rõ nét trong năm 2025 với các hình thái thời tiết phức tạp hơn trung bình nhiều năm (15 cơn bão trên Biển Đông, 6 cơn đổ bộ trực tiếp), tạo ra những thách thức đáng kể về sinh thái và hạ tầng. Chủ trì phiên họp Chính phủ thường kỳ vào sáng 06/12, Thủ tướng Chính phủ cho biết, tác động kinh tế từ các biến số thiên nhiên năm 2025 ước tính đạt 100.000 tỷ đồng (tương đương 0,7-0,8% GDP), đòi hỏi những giải pháp tái thiết và phục hồi linh hoạt. Tại Diễn đàn Kinh tế mùa thu năm 2025 diễn ra từ ngày 24-30/11/2025, Liên Hợp Quốc đã khuyến nghị Việt Nam dùng dữ liệu, trí tuệ nhân tạo để tăng cảnh báo sớm thiên tai, giảm tổn thất GDP 3,2% trước bối cảnh biến đổi khí hậu.

Trong Hội nghị lần thứ 30 các bên tham gia Công ước khung Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu (COP 30) diễn ra tại Belém, Brazil, từ ngày 11-22/11/2025, Việt Nam đã trình bày báo cáo quốc gia và các khuyến nghị rõ ràng nhằm khai thông những vướng mắc toàn cầu và mở ra kỷ nguyên hành động mới về khí hậu. Đoàn Việt Nam, dẫn đầu bởi đại diện Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đã nêu ba giải pháp trọng tâm nhằm thúc đẩy hợp tác quốc tế là tăng cường cam kết giảm phát thải, huy động tài chính khí hậu hiệu quả và mở rộng sáng kiến "Cảnh báo sớm cho tất cả". Việt Nam kỳ vọng các kết quả từ COP 30 sẽ giúp quốc gia tăng cường tiếp cận công nghệ và tài chính để đẩy nhanh quá trình chuyển dịch năng lượng xanh một cách công bằng, bền vững và chống chịu tốt hơn trước những tổn thất ngày càng lớn do biến đổi khí hậu gây ra.

Với những biến số thời tiết đang ngày một gia tăng, việc sớm nhận diện và chủ động quản lý tác động của thời tiết cực đoan lên kết quả SXKD đã trở thành một yếu tố sống còn trong kế hoạch phát triển dài hạn của GEC. Quản trị bền vững không còn là lựa chọn mà đã trở thành cốt lõi của mô hình hoạt động GEC. Nó đóng vai trò quyết định đối với việc thực hiện các mục tiêu Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG), hướng tới một nền kinh tế chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Để thực hiện điều này, GEC đã đưa ra sơ đồ quản trị bền vững, đảm bảo tính hiệu quả, minh bạch và trách nhiệm giải trình xuyên suốt toàn bộ chuỗi giá trị. Sơ đồ quản trị bền vững của GEC bao gồm **Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Phòng EHSS, Cán bộ bán chuyên trách về EHSS và Cán bộ liên lạc cộng đồng**. Với nguồn lực được tối ưu hoá, quyền hạn và trách nhiệm được thể hiện rõ ràng để thúc đẩy sự hợp tác giữa các phòng ban, chi nhánh, NM và tạo điều kiện để tất cả các bên cùng tham gia tích cực vào quá trình quản trị bền vững.

## SƠ ĐỒ QUẢN TRỊ BỀN VỮNG TẠI GEC




## XÁC LẬP VÀ ĐỊNH HƯỚNG

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

***Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn - Thành viên HĐQT không điều hành, quản trị và giám sát các hoạt động ESG nhằm đảm bảo Công ty tích hợp các HĐKD bền vững và có trách nhiệm vào chiến lược và hoạt động chung. Trách nhiệm chính bao gồm:***

- Cung cấp thông tin và tư vấn về chiến lược, chính sách và thực hành về ESG của Công ty và đánh giá mối quan hệ giữa các sáng kiến ESG và chiến lược, mục tiêu dài hạn.
- Xác định và phân tích các rủi ro và cơ hội liên quan đến ESG có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty và làm việc với HĐQT để phát triển các chiến lược giảm thiểu rủi ro ESG.
- Rà soát và đóng góp vào việc phát triển hệ thống thông tin ESG, đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Giám sát tính chính xác và cập nhật của thông tin ESG cung cấp cho các BLQ.
- Đóng góp vào việc phát triển và nâng cao các chính sách và tiêu chuẩn ESG và đảm bảo rằng các chính sách của Công ty đáp ứng với tiêu chuẩn, khung thực hành tốt nhất trong Ngành và xu hướng ESG đang phát triển.
- Đánh giá hiệu quả hoạt động ESG của Công ty so với các chính sách và tiêu chuẩn đã ban hành và đánh giá hiệu quả của các chương trình và sáng kiến ESG.
- Hướng dẫn HĐQT và BĐH áp dụng các tiêu chuẩn, quy định ESG mới và các tiêu chuẩn thực hành tốt nhất trong Công ty.
- Thúc đẩy sự liêm chính và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp và giữ cam kết về tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong các vấn đề ESG.

## QUẢN LÝ

### BAN ĐIỀU HÀNH:

***Ông Lê Thanh Vinh - Phó TGĐ thường trực đảm nhận các trách nhiệm liên quan đến các vấn đề ESG, thể hiện cam kết đưa tính bền vững vào các chức năng hoạt động cốt lõi của GEC. Đóng vai trò chủ chốt trong việc tích hợp tính bền vững vào cấu trúc hoạt động của công ty, thúc đẩy tác động xã hội và thúc đẩy sự phục hồi dài hạn. Các trách nhiệm của BĐH đối với các vấn đề ESG bao gồm:***

- Tích hợp các đề xuất về ESG với chiến lược và HĐKD tổng thể và đảm bảo rằng mục tiêu ESG phù hợp với chiến lược, tầm nhìn và mục tiêu dài hạn của Công ty.
- Xây dựng, thực thi và giám sát các chính sách, thủ tục, quy trình, quy định, hướng dẫn về ESG đảm bảo rằng các chính sách ESG phù hợp với các thông lệ tốt nhất của Ngành Năng lượng và các yêu cầu pháp lý, yêu cầu có liên quan.
- Đánh giá tác động ESG của hoạt động hàng ngày giữa các khối nhằm thúc đẩy các hoạt động bền vững trong phạm vi trách nhiệm của mình.
- Xác định và giải quyết các rủi ro liên quan đến ESG có thể ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động và lập kế hoạch giảm thiểu rủi ro hoạt động liên quan đến các vấn đề môi trường và xã hội.
- Thực hiện các hoạt động minh bạch và có trách nhiệm trong chuỗi cung ứng, phối hợp với các đối tác nhằm nâng cao tính minh bạch và thực hiện các nguyên tắc ESG.
- Thiết lập các KPI về hiệu suất ESG và thường xuyên đánh giá và theo dõi việc thực hiện các mục tiêu ESG của Doanh nghiệp.
- Thúc đẩy đổi mới nhằm nâng cao hiệu suất kinh doanh và giảm thiểu tác động đối với môi trường, xã hội.
- Tương tác với các BLQ bên trong và bên ngoài nhằm giải đáp các mối lo ngại của các BLQ liên quan đến ESG và thúc đẩy các sáng kiến ESG của Công ty.
- Giám sát việc chuẩn bị các báo cáo và CBTT ESG đảm bảo sự trung thực và độ chính xác trong báo cáo ESG, phù hợp với các quy định liên quan.
- Thường xuyên cập nhật về các quy tắc và tiêu chuẩn ESG đang áp dụng và đảm bảo tổ chức đáp ứng các yêu cầu ESG hiện hành.

## THỰC THI

### PHÒNG EHSS, CÁN BỘ BÁN CHUYÊN TRÁCH VỀ EHSS VÀ CLO TẠI CÁC NM, DA:

- Phòng EHSS kết hợp với đội ngũ Cán bộ bán chuyên trách về EHSS và CLO tại các NM và DA đóng vai trò then chốt trong công tác đảm bảo tuân thủ ESG. CBNV bán chuyên trách về EHSS và CLO phối hợp làm việc nhằm triển khai và thúc đẩy các hoạt động phù hợp với các nguyên tắc và tiêu chuẩn ESG, đóng góp vào việc thúc đẩy ESG của GEC; thúc đẩy tinh thần trách nhiệm, tính minh bạch và tính bền vững trên tất cả các lĩnh vực hoạt động.
- Phòng EHSS tập trung vào việc giảm thiểu tác động môi trường, đảm bảo an toàn và sức khoẻ cộng đồng cũng như thực hiện các sáng kiến bền vững, xây dựng và thực hiện các sáng kiến, tiến hành đánh giá rủi ro môi trường E & S và đề xuất các giải pháp để ngăn ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực, rủi ro về EHSS tại các NM, DA. Mục tiêu chủ yếu của Phòng EHSS là giúp hoạt động của NM hiệu quả hơn trên khía cạnh EHSS, đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật VN về EHSS trong phát triển NLTT và nỗ lực thực hiện các khuyến nghị quốc tế của IFC, ADB về EHSS đảm bảo chuẩn mực huy động nguồn vốn xanh.
- Cán bộ bán chuyên trách về EHSS và CLO làm việc tại các NM, DA đóng vai trò là đại diện tại chỗ, đảm bảo rằng các biện pháp thực hành ESG được đưa vào hoạt động mỗi ngày. Họ tham gia với cộng đồng địa phương, chia sẻ các mối quan tâm cộng đồng và tham gia các mối quan hệ cộng đồng tích cực.

# Chiến lược Phát triển Bền vững đến 2030

## BỐI CẢNH VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA PTBV TRONG NGÀNH NĂNG LƯỢNG

Với việc nhiên liệu hóa thạch chiếm khoảng 75% tổng lượng phát thải khí nhà kính toàn cầu, quá trình chuyển dịch năng lượng đang trở thành trọng tâm thiết yếu để ứng phó biến đổi khí hậu. Tại Việt Nam, tính đến hết năm 2025, nhiệt điện than vẫn tiếp tục đóng vai trò chủ đạo khi chiếm tới 46,2% trong tổng sản lượng điện quốc gia. Sự lệ thuộc vào các nguồn nhiên liệu hóa thạch truyền thống không chỉ dẫn đến rủi ro cạn kiệt tài nguyên mà còn đe dọa trực tiếp đến an ninh năng lượng quốc gia trước những biến động địa chính trị phức tạp. Trước sức ép đó, việc chuyển dịch sang một hệ thống năng lượng bền vững đã trở thành yêu cầu sống còn, là điều kiện tiên quyết để hiện thực hóa các cam kết quốc tế về phát thải ròng bằng 0 (Net Zero) và Hiệp định Paris.

Tầm quan trọng của PTBV trong lĩnh vực này trước hết được thể hiện qua vai trò "lá chắn" bảo vệ môi trường toàn cầu. Bằng cách ưu tiên NLTT và giảm dần điện than, chúng ta có thể cắt giảm trực tiếp lượng Carbon thải ra khí quyển, từ đó làm chậm quá trình nóng lên toàn cầu và bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên.

Bên cạnh đó, về mặt kinh tế, PTBV tạo ra một động lực tăng trưởng mới thông qua việc nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Những quốc gia tiên phong trong công nghệ sạch không chỉ giảm được chi phí vận hành mà còn nắm bắt cơ hội tham gia vào chuỗi cung ứng xanh toàn cầu, tạo ra hàng triệu việc làm trong các ngành công nghiệp mới như điện gió, điện mặt trời và hydro xanh.

Cuối cùng, PTBV trong ngành năng lượng còn mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc về mặt xã hội. Một hệ thống năng lượng bền vững hướng tới mục tiêu cung cấp nguồn điện sạch, an toàn và ổn định với chi phí hợp lý cho mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là ở những vùng sâu, vùng xa. Việc thay thế các nguồn năng lượng gây ô nhiễm cũng góp phần trực tiếp vào việc cải thiện chất lượng không khí, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và giảm thiểu gánh nặng y tế. Có thể khẳng định, phát triển năng lượng bền vững chính là nền tảng cốt lõi để xây dựng một tương lai thịnh vượng, nơi sự tăng trưởng kinh tế luôn song hành với sự an toàn của hành tinh và phúc lợi của con người.

## TẦM NHÌN VÀ MỤC TIÊU CỦA GEC ĐẾN 2030

### TẦM NHÌN:

GEC cam kết trở thành Tổ chức hàng đầu phát triển tối ưu các loại hình NLTT, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm thiểu phát thải khí nhà kính và bảo đảm an ninh năng lượng với sự thực hiện đồng bộ, cải tiến liên tục các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế liên quan đến ESG bao gồm: Môi trường/Xã hội: 8 Tiêu chuẩn Thực hiện (PS) của IFC, Khung Môi trường Xã hội (ESF) của ADB, Hệ thống Quản lý Chất lượng & Môi trường: ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015, Lao động và Trách nhiệm Xã hội: Tiêu chuẩn lao động của ILO, Khí hậu và Bền vững Toàn cầu: Mục tiêu PTBV của Liên Hợp Quốc (SDGs), Công bố tài chính liên quan đến biến đổi khí hậu (TCFD), Chuẩn mực kế toán bền vững (SASB), và Sáng kiến mục tiêu dựa trên cơ sở khoa học (SBTi).

### MỤC TIÊU:



MÔI TRƯỜNG (E)

**Giảm phát thải khí nhà kính:**
- Đặt mục tiêu đến 2050 giảm hoặc đạt mức phát thải ròng bằng 0 (Net Zero Carbon).
- Giảm thiểu khí thải trong toàn bộ chuỗi cung ứng.

**Quản lý tài nguyên:**
- Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, hạn chế khai thác quá mức.
- Tăng cường tái chế và tái sử dụng thiết bị, giảm thiểu rác thải.

**Giảm tác động đến hệ sinh thái:**
- Lựa chọn vị trí xây dựng phù hợp để không làm ảnh hưởng đến các khu vực nhạy cảm sinh thái.
- Thực hiện đánh giá tác động môi trường (EIA) nghiêm ngặt và liên tục theo dõi.



XÃ HỘI (S)

**Đóng góp cho cộng đồng:**
- Tạo việc làm tại địa phương.
- Xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội như đường sá, trường học, hoặc cơ sở y tế.

**Bảo vệ quyền lợi người lao động:**
- Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, công bằng, và không phân biệt đối xử.
- Tăng cường đào tạo nhân sự và nâng cao kỹ năng.

**Tôn trọng văn hóa và lợi ích cộng đồng:**
- Tham vấn cộng đồng địa phương để tránh xung đột.

**Đào tạo nội bộ:**
- Tích hợp các chương trình đào tạo PTBV cho CBNV.

**Tăng cường hợp tác:**
- Xây dựng quan hệ đối tác với chính phủ và các NĐT.
- Ưu tiên nhà cung cấp tuân thủ các tiêu chuẩn về môi trường và lao động.



QUẢN TRỊ (G)

**Minh bạch và báo cáo:**
- Thực hiện báo cáo PTBV theo các tiêu chuẩn quốc tế như GRI, SASB, hoặc TCFD.
- Công khai các số liệu và cam kết về PTBV.

**Quản trị rủi ro:**
- Xây dựng cơ chế đối phó với các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu, biến động thị trường năng lượng.
- Đảm bảo tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn quốc tế.

**Hiệu quả tài chính:**
- Tối ưu hóa chi phí đầu tư và vận hành.
- Đảm bảo lợi nhuận bền vững thông qua việc xây dựng các mô hình kinh doanh linh hoạt.

**Đa dạng hóa nguồn vốn:**
- Huy động vốn từ các quỹ PTBV, tổ chức tài chính quốc tế, hoặc phát hành trái phiếu xanh.

**Phát triển công nghệ:**
- Áp dụng công nghệ tiên tiến để tăng hiệu suất sản xuất và giảm chi phí vận hành.
- Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) năng lượng lưu trữ như pin hoặc hydrogen.

## CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

**GIAI ĐOẠN 1** — **XÂY DỰNG NỀN TẢNG VÀ TẬP TRUNG TUÂN THỦ (2025 - 2026)**

Trọng tâm hàng đầu là bắt đầu thu thập số liệu để đáp ứng các quy định mới và thị trường tài chính xanh. Công ty thực hiện xác định lại các chỉ số cần thiết theo chuẩn SASB và TCFD để công bố bổ sung ngoài các khung chỉ tiêu báo cáo PTBV truyền thống như GRI. Đồng thời, phòng chuyên môn sẽ tập trung hoàn thiện hệ thống văn bản nội bộ về EHSS và đẩy mạnh đào tạo nhận thức cho người lao động. Công ty cam kết duy trì chứng nhận ISO 14001:2015, tiếp tục vận hành theo chuẩn ISO 45001 và ISO 26000 dù chưa có chứng nhận chính thức. Đặc biệt, công ty sẽ bám sát diễn biến thị trường tín chỉ carbon, tiếp tục khai thác và quản lý hiệu quả các tín chỉ REC và Carbon đã phát hành từ năm 2020 để tối ưu hóa nguồn thu.

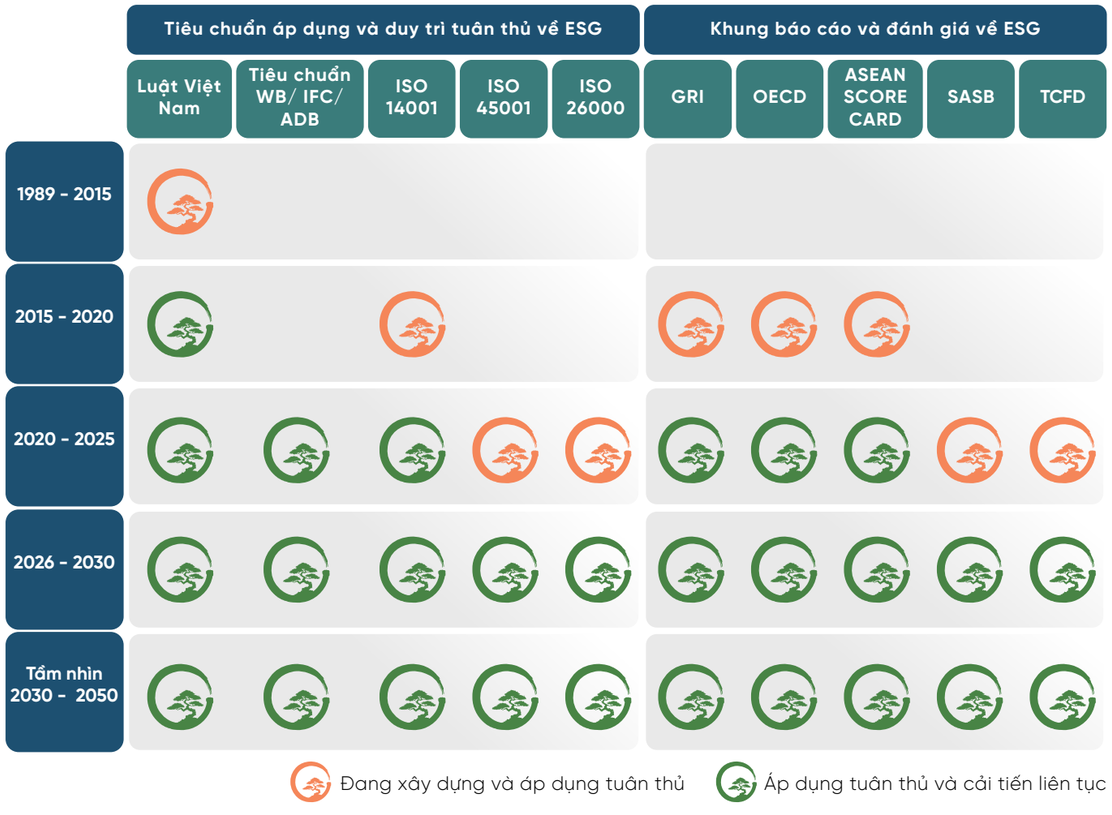
**GIAI ĐOẠN 2** **KIỂM SOÁT RỦI RO VÀ MỞ RỘNG TRÁCH NHIỆM (2027 - 2028)**

Giai đoạn này tập trung quản lý các yếu tố ngoại vi tác động đến sự bền vững. Về chuỗi cung ứng, công ty yêu cầu các nhà cung cấp thiết bị cam kết tuân thủ chuẩn mực cơ bản về môi trường và lao động nhằm giảm thiểu rủi ro gián tiếp. Doanh nghiệp cũng thực hiện đánh giá rủi ro khí hậu theo khung TCFD để chủ động ứng phó với tác động của thiên tai đến tài sản. Bên cạnh đó, công ty bám sát các hướng dẫn của Chính phủ về xử lý tấm pin, cánh quạt hết hạn, chuẩn bị phương án tuân thủ đúng lộ trình kinh tế tuần hoàn và các quy chuẩn quốc gia, quốc tế mới phát sinh để giữ vững lợi thế trên thị trường tín chỉ.

**GIAI ĐOẠN 3** **DUY TRÌ UY TÍN VÀ VẬN HÀNH ỔN ĐỊNH (2029 - 2030)**

Mục tiêu là khẳng định uy tín doanh nghiệp "vận hành xanh, sạch" để giữ vững xếp hạng tín nhiệm với các định chế tài chính. Công ty hệ thống hóa kết quả thực hiện ESG qua các năm, tạo lợi thế khi tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi xanh. Việc công bố thông tin sẽ tập trung vào tính minh bạch và số liệu thực tế, bám sát các yêu cầu từ cơ quan quản lý thay vì các mục tiêu xa vời. Công ty tiếp tục duy trì nghiêm túc các quy chuẩn về xã hội và quản trị, đảm bảo an toàn lao động tuyệt đối và tuân thủ đạo đức kinh doanh, phòng chống tham nhũng theo đúng quy định pháp luật.

## CÁC TIÊU CHUẨN THỰC HIỆN VÀ KHUNG BÁO CÁO ĐƯỢC ÁP DỤNG




## ĐỒNG HÀNH CÙNG MỤC TIÊU NET ZERO THÔNG QUA NLTT VÀ THỊ TRƯỜNG CARBON

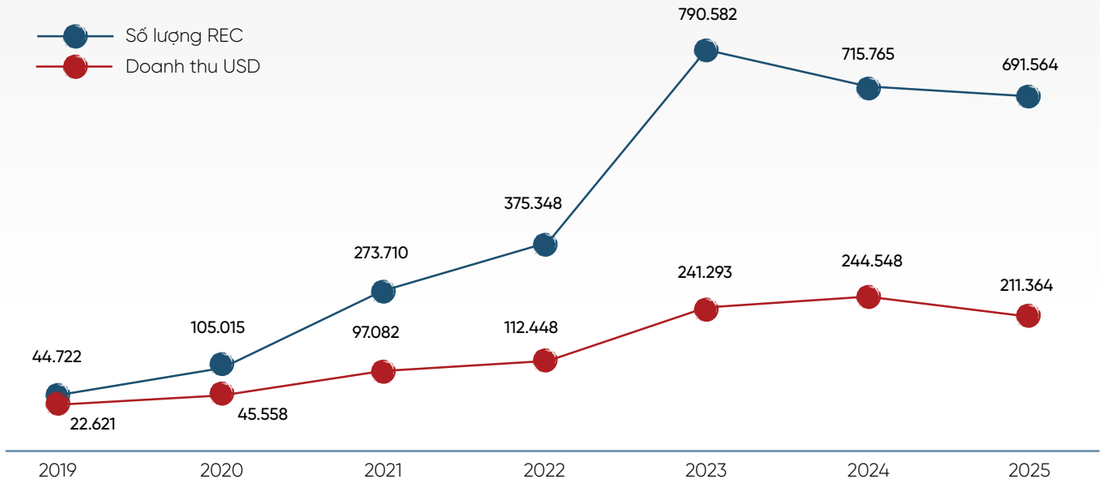
Năm 2025 đánh dấu giai đoạn quan trọng khi Việt Nam chính thức triển khai thí điểm thị trường Carbon trong nước, từng bước hiện thực hóa cam kết phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Trong bối cảnh đó, GEC tiếp tục kiên định chiến lược PTBV, lấy NLTT và các cơ chế thị trường Carbon làm trọng tâm để đồng hành cùng doanh nghiệp và xã hội trong hành trình giảm phát thải khí nhà kính.

Với hệ thống 21 NM NLTT gồm Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Gió và Điện Mặt trời Áp mái, tổng công suất 673 MWp, GEC giữ vai trò nòng cốt trong cung cấp nguồn điện sạch, góp phần giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch và bảo vệ môi trường.

Song song với phát triển NLTT, GEC đẩy mạnh hoạt động phát hành và kinh doanh Chứng chỉ NLTT và Tín chỉ Carbon, xem đây là công cụ trọng yếu để hỗ trợ các tổ chức phát thải GHG đáp ứng yêu cầu tuân thủ, thực hiện cam kết ESG và tiến tới trung hòa Carbon. Tính đến hết năm 2025, GEC đã đưa 14 NM NLTT và 27 hệ thống Điện Mặt trời Áp mái vào HĐKD REC, bán thành công 691.594 Chứng chỉ REC, góp phần giảm phát thải 3,53 triệu tấn $CO_2$. **Đặc biệt, năm 2023 GEC đã phát hành thành công Tín chỉ Carbon theo tiêu chuẩn Gold Standard cho NM Điện gió la Bang. Việc đăng ký và chứng nhận dự án theo tiêu chuẩn quốc tế uy tín này không chỉ khẳng định hiệu quả giảm phát thải của DA mà còn mang lại nhiều giá trị gia tăng cho GEC, bao gồm:**

- **Gia tăng nguồn doanh thu bổ sung** thông qua việc khai thác và thương mại hóa tín chỉ carbon.
- **Nâng cao giá trị và hiệu quả đầu tư** của DA điện gió la Bang.
- **Khẳng định cam kết thực thi các tiêu chuẩn ESG** và định hướng PTBV của Công ty.
- **Tăng cường uy tín thương hiệu và năng lực cạnh tranh quốc tế**, tạo nền tảng thuận lợi cho việc hợp tác với các đối tác và tổ chức tài chính nước ngoài.
- **Chủ động đón đầu thị trường carbon tại Việt Nam**, đồng thời tích lũy kinh nghiệm tham gia thị trường carbon theo thông lệ quốc tế.

**SỐ LƯỢNG VÀ DOANH THU BÁN REC TỪ NĂM 2019-2025**



# Đồng hành phát triển bền vững

**Hành trình phát triển bền vững của GEC được hình thành từ yêu cầu tuân thủ pháp lý cơ bản và từng bước chuyển hóa thành một hệ thống quản trị chuyên sâu, tiệm cận các chuẩn mực quốc tế về môi trường, xã hội và quản trị (ESG). Hành trình này không chỉ phản ánh trách nhiệm của GEC đối với CĐ, đối tác, cộng đồng... mà còn thể hiện năng lực thích ứng chủ động của Công ty trước những biến động ngày càng phức tạp của thị trường năng lượng và bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu.**

**GIAI ĐOẠN NỀN TẢNG** — 01
**Tuân thủ pháp lý và định hình tư duy trách nhiệm (1989-2016)**

**GIAI ĐOẠN CHUẨN HÓA** — 02
**Chuẩn hóa theo tiêu chuẩn quốc tế (2016 - 2018)**

**GIAI ĐOẠN CHUYÊN SÂU** — 03
**Hoàn thiện hệ thống quản lý môi trường và xã hội và chứng nhận quốc tế (2019 - 2023)**

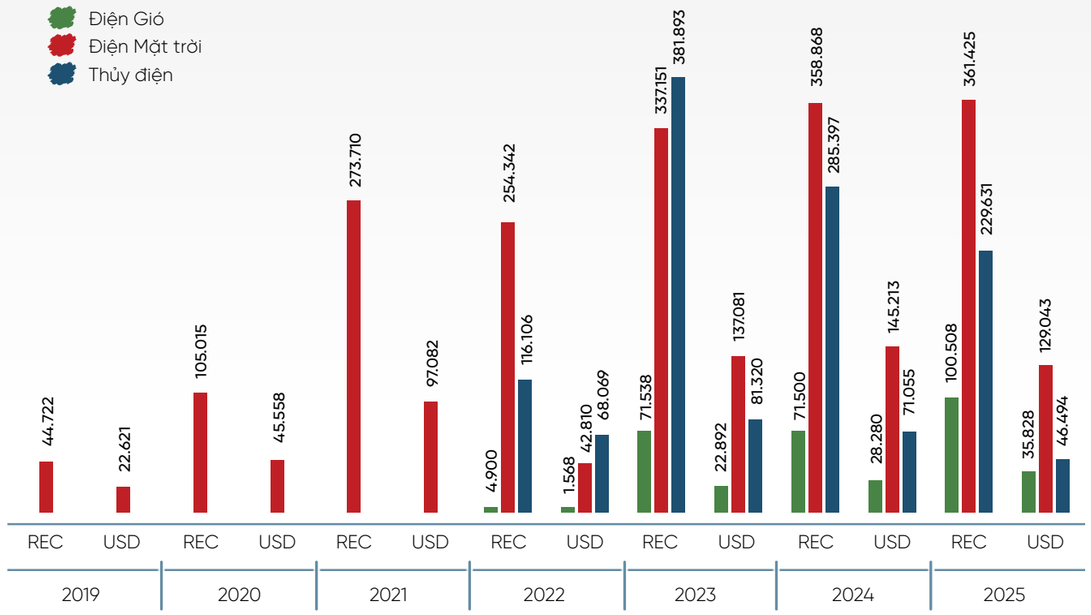
**GIAI ĐOẠN THÍCH ỨNG** — 04
**Từ phản ứng sang bình thường mới với biến đổi khí hậu (2024 - nay)**

## GIAI ĐOẠN NỀN TẢNG:

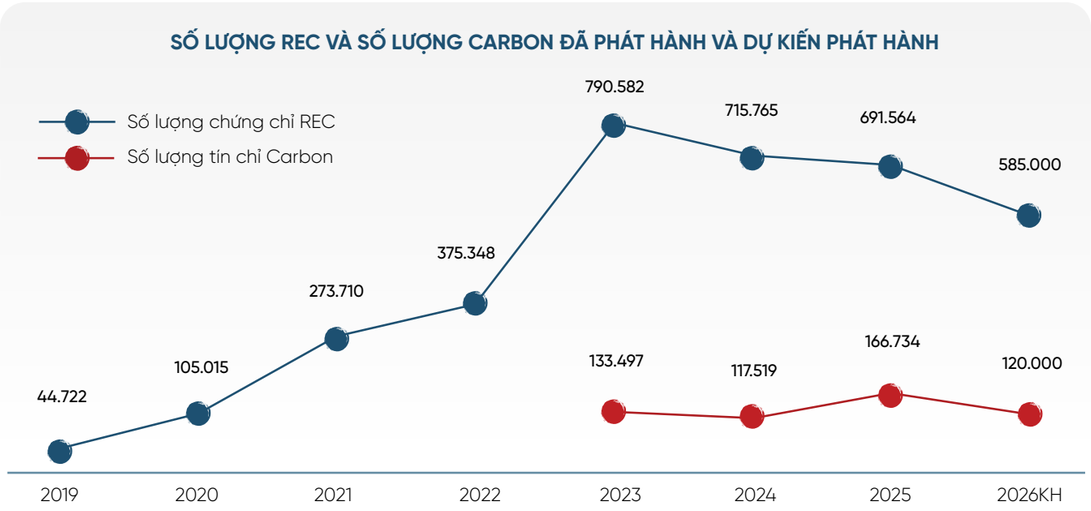
### TUÂN THỦ PHÁP LÝ VÀ ĐỊNH HÌNH TƯ DUY TRÁCH NHIỆM (1989-2016)

Trước năm 2016, GEC tập trung xây dựng nền tảng quản trị bằng việc đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật Việt Nam trong phát triển DA và hoạt động SXKD. Giai đoạn này đóng vai trò như "viên gạch đầu tiên" trong việc hình thành tư duy trách nhiệm về môi trường và xã hội, tạo tiền đề cho các bước đi chiến lược sau này. Việc tuân thủ không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu pháp lý, mà còn giúp Công ty sớm nhận diện các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến môi trường, an toàn lao động và các tác động xã hội xung quanh khu vực NM.

**SỐ LƯỢNG VÀ DOANH THU REC THEO CÁC LOẠI HÌNH**




**SỐ LƯỢNG REC VÀ SỐ LƯỢNG CARBON ĐÃ PHÁT HÀNH VÀ DỰ KIẾN PHÁT HÀNH**




Trong năm 2026, GEC đặt mục tiêu **phát hành khoảng 585.000 Chứng chỉ REC và 120.000 Tín chỉ Carbon**, qua đó ước tính hỗ trợ giảm thêm **khoảng 120.000 tấn $CO_2$**, đồng thời mở rộng danh mục dự án đủ điều kiện tham gia thị trường Carbon trong nước và quốc tế.

Với lợi thế về **hạ tầng năng lượng hiện đại, đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm và mạng lưới hợp tác quốc tế**, GEC định vị vai trò là **đối tác đồng hành chiến lược** của các doanh nghiệp phát thải lớn, cung cấp giải pháp Carbon toàn diện từ năng lượng sạch, REC đến Tín chỉ Carbon chất lượng cao.

Thông qua chiến lược này, GEC không chỉ tạo giá trị kinh tế bền vững mà còn đóng góp thiết thực vào nỗ lực **giảm phát thải khí nhà kính, phát triển kinh tế xanh và thực hiện mục tiêu Net Zero 2050 của Việt Nam**.

# GIAI ĐOẠN CHUẨN HÓA:

## CHUẨN HÓA THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ (2016 - 2018)

Năm 2016 đánh dấu bước ngoặt quan trọng khi GEC chính thức ban hành Chính sách EHSS (Môi trường - Sức khỏe - An toàn - Xã hội). Chính sách này được xây dựng dựa trên 8 Tiêu chuẩn Hoạt động (Performance Standards - PS) của Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), qua đó đưa hệ thống quản lý môi trường và xã hội của Công ty tiệm cận thông lệ quốc tế. Việc áp dụng khung PS của IFC không chỉ giúp chuẩn hóa quy trình kiểm soát rủi ro, mà còn nâng cao khả năng tiếp cận các nguồn vốn xanh và nguồn tài chính phát triển.

Việc IFC và Armstrong trở thành cổ đông chiến lược không đơn thuần là một thương vụ góp vốn, mà là quá trình "quốc tế hóa" vận hành của GEC trong mảng E&S.

Về mặt hệ thống, IFC đóng vai trò tạo nền móng khi áp dụng Bộ Tiêu chuẩn Hoạt động về Môi trường và Xã hội (IFC Performance Standards) vào doanh nghiệp. Thay vì chỉ tuân thủ các quy định môi trường cơ bản của Việt Nam, GEC đã xây dựng một Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMS) toàn diện. Hệ thống này buộc doanh nghiệp phải rà soát rủi ro từ khâu khảo sát thực địa, đánh giá tác động đến đa dạng sinh học cho đến việc đảm bảo quyền lợi của người dân tộc thiểu số tại các DA địa phương.

Song song đó, Armstrong với tư cách là một quỹ chuyên đầu tư vào năng lượng sạch đã mang đến những kinh nghiệm thực thi thực tế tại khu vực Đông Nam Á. Armstrong giúp GEC cụ thể hóa các tiêu chuẩn khắt khe của IFC thành những hành động thực tiễn trên công trường và NM, từ việc quản lý an toàn lao động nghiêm ngặt theo chuẩn An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp (OHS) đến việc thiết lập cơ chế tham vấn cộng đồng minh bạch.

Sự kết hợp giữa một tổ chức tài chính đa phương như IFC và một quỹ đầu tư chuyên biệt như Armstrong không chỉ giảm thiểu rủi ro vận hành mà còn xây dựng được hồ sơ năng lực E&S uy tín.

Để hiện thực hóa chính sách, năm 2017, GEC thành lập Ban EHSS với đội ngũ nhân sự có chuyên môn, chấm dứt tình trạng kiêm nhiệm trước đây. Đồng thời, Ban Lãnh đạo Công ty cũng phân công rõ trách nhiệm bán chuyên trách về EHSS tại các NM, thể hiện cam kết đưa công tác môi trường và xã hội đi vào vận hành thực tiễn. Đến năm 2018, việc thành lập Phòng EHSS chuyên trách đã hoàn thiện cấu trúc tổ chức, tạo điều kiện cho việc triển khai đồng bộ và nhất quán các hoạt động EHSS trên toàn hệ thống.

Cũng trong năm 2018, GEC bắt đầu công bố thông tin theo Tiêu chuẩn GRI trong Báo cáo PTBV, đánh dấu bước tiến quan trọng về minh bạch và trách nhiệm giải trình. Đặc biệt, việc tính toán và theo dõi các chỉ số phát thải khí nhà kính đã giúp doanh nghiệp chuyển từ cách tiếp cận định tính sang quản trị dựa trên dữ liệu, phù hợp với xu hướng đo lường - báo cáo - thẩm tra (MRV) trong quản trị khí hậu ở thời điểm hiện tại.

# GIAI ĐOẠN CHUYÊN SÂU:

## HOÀN THIỆN HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI VÀ CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ (2019 - 2023)

Trong giai đoạn 2019-2021, GEC bắt đầu triển khai xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015. Nỗ lực này được ghi nhận bằng việc đạt chứng nhận ISO 14001 lần đầu vào năm 2021, khẳng định mức độ trưởng thành của hệ thống quản trị môi trường và khả năng kiểm soát tác động trong toàn bộ vòng đời hoạt động.

Từ năm 2022 đến năm 2023, GEC không chỉ duy trì chứng nhận ISO 14001 mà còn mở rộng phạm vi quản trị sang an toàn vệ sinh lao động và phòng cháy chữa cháy theo ISO 45001, đồng thời định hướng thực hành trách nhiệm xã hội theo ISO 26000. Việc tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ môi trường, Luật An toàn vệ sinh lao động và Luật Phòng cháy chữa cháy không chỉ là yêu cầu pháp lý, mà còn là công cụ quan trọng để giảm thiểu rủi ro hệ thống, bảo vệ người lao động và tài sản, đặc biệt đối với một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện năng. Khi quản trị EHSS được vận hành trên nền tảng phòng ngừa và thích ứng khí hậu giúp Công ty có thể xây dựng "hành lang an toàn" vững chắc trước những biến động khó lường của môi trường tự nhiên.

Cũng trong giai đoạn này, sau khi đầu tư vào GEC, DEG đã tiến hành đánh giá rà soát toàn diện về Môi trường và Xã hội (ESDD), bao gồm cả hệ thống quản lý ESMS hiện hữu. Quá trình này đã tạo đòn bẩy để GEC hoàn thiện hơn công tác EHSS thông qua việc nâng cấp hệ thống văn bản lập quy và tổ chức đào tạo chuyên sâu cho 6 nhóm đối tượng trọng yếu (từ Ban lãnh đạo đến cấp nhân viên dự án). Song song đó, các hoạt động khảo sát thực địa tại các DA đang thi công cũng được thực hiện nghiêm túc nhằm đảm bảo sự tuân thủ và vận hành tối ưu.

Dựa trên các kết quả rà soát, DEG đã thiết lập Kế hoạch Hành động về Môi trường và Xã hội (ESAP). GEC đã lộ trình hóa và hoàn tất các hạng mục cam kết. Đồng thời, cơ chế báo cáo định kỳ hàng năm cho DEG cũng được thiết lập và duy trì nghiêm túc, giúp tăng cường năng lực giám sát, đảm bảo mọi hoạt động của công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn mực quản trị bền vững.

Năm 2022, JERA - Tập đoàn năng lượng hàng đầu Nhật Bản trở thành CĐ chiến lược của GEC không chỉ là một thương vụ đầu tư tài chính mà còn là sự cộng hưởng mục tiêu PTBV giữa hai tập đoàn năng lượng hàng đầu. Kỳ vọng trọng tâm của JERA chính là hiện thực hóa tầm nhìn "Phát thải ròng bằng 0 đến năm 2050", thông qua việc tận dụng danh mục năng lượng tái tạo đa dạng và giàu tiềm năng của GEC để trực tiếp giảm thiểu phát thải carbon. Đồng thời, JERA mong muốn cùng GEC tiên phong trong các giải pháp năng lượng mới và chuyển đổi nhiên liệu sạch, nhằm xây dựng một hệ sinh thái năng lượng hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn ESG khắt khe trên toàn cầu.

# GIAI ĐOẠN THÍCH ỨNG:

## TỪ PHẢN ỨNG SANG BÌNH THƯỜNG MỚI VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (2024 - NAY)

Kể từ năm 2024 đến nay, đánh dấu sự chuyển dịch rõ nét trong tư duy quản trị của GEC, khi thích ứng với biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan ảnh hưởng đến sản xuất điện được xác định là một trụ cột chiến lược dài hạn, thay vì các biện pháp ứng phó mang tính tình huống. Với những kỷ lục về thiên tai và hiện tượng thời tiết cực đoan bị xô ngã trong năm 2025 đã gióng lên hồi chuông cảnh báo về sự tổn thương của hệ thống sản xuất, từ đó đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nâng tầm công tác quản lý EHSS lên mức độ cảnh giác cao nhất, đồng thời việc thích ứng với biến đổi khí hậu không còn là câu chuyện của tương lai mà đã trở thành một cuộc đua với thời gian. Các biện pháp đảm bảo an toàn không chỉ đơn thuần là phản ứng tạm thời, mà phải là một chiến lược tổng thể nhằm phòng tránh tuyệt đối các sự cố về người, ngăn ngừa thiệt hại tài sản và đặc biệt là bảo vệ môi trường trước những tác động mang tính hủy diệt của thiên nhiên.

Khi mỗi mắt xích trong công tác EHSS được vận hành dựa trên tinh thần thượng tôn pháp luật và tư duy phòng ngừa rủi ro khí hậu, doanh nghiệp mới có thể tạo ra một hành lang an toàn vững chắc, vừa đảm bảo tính mạng cho người lao động, vừa bảo toàn giá trị tài sản và giữ vững cam kết xanh trước những biến động khôn lường của môi trường toàn cầu. Đây là tinh thần chủ động của GEC trong công tác quản lý EHSS cũng như trong tư duy xuyên suốt trên hành trình quản trị bền vững.

# Con số nổi bật ESG

**5.139**
Cây
Số cây trồng mới 2025

**858.298**
tấn $CO_2$
Tổng số lượng chứng chỉ REC và Carbon 2025

**36,4**
tấn
Tổng khối lượng chất thải xử lý 2025

**100 %** Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và chuyển giao 2025

**0 vụ** Số vụ vi phạm về EHSS 2025

**Top 10** Doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh Ngành Năng lượng - Dầu khí
Viet Research và Báo Đầu tư trao tặng

Vietnam ESG Awards 2024
Hạng mục ESG toàn diện
Báo Dân Trí trao tặng

**769**
MWp
Công suất đã và đang xây dựng

| | | |
|---|---|---|
| **15.111** tỷ đồng<br>Tổng tài sản năm 2025 | **2.999** tỷ đồng<br>Doanh thu thuần năm 2025 | **4.148** tỷ đồng<br>Vốn điều lệ năm 2025 |
| **979** tỷ đồng<br>Lợi nhuận trước thuế năm 2025 | **6,3673%**<br>Cổ tức tiền mặt cho Cổ đông Ưu đãi 2025 | **305** tỷ đồng<br>Đóng góp Ngân sách nhà nước năm 2025 |

**501**
người
Tổng số lao động chính thức 2025

**15%** Tỷ lệ lao động nữ 2025

**18,6%** Tỷ lệ nữ trong các vị trí quản lý cấp trung và cấp cao 2025

**8,9%** Tỷ lệ nhân sự tuyển mới 2025

**6,7%** Tỷ lệ nhân sự nghỉ việc 2025

**0%** Tỷ lệ tai nạn lao động 2025

**0 vụ** Số vụ vi phạm QCUX 2025

**4** tỷ đồng
Tài trợ 50 trẻ em mồ côi do ảnh hưởng của Dịch Covid-19 2022-2025

**100%**
- Tỷ lệ Nhân viên tham gia thỏa ước lao động 2025
- Tỷ lệ người lao động đánh giá hiệu quả công việc định kỳ 2025
- Tỷ lệ người lao động tham gia tổ chức công đoàn 2025

**TOP 500**
Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam
Viet Research và Báo Đầu tư trao tặng

- Học bổng tiếp sức đến trường cho con em CBNV hiếu học
- Hiến máu tình nguyện
- Nâng bước thành công
- Áo trắng yêu thương cùng em đến trường

**36** năm — Phát triển bền vững

**0** vụ — Số vụ vi phạm về CBTT 2025

**1,3** tỷ kWh — Sản lượng điện thương phẩm năm 2025

**43%** — Tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập 2025

**Top 20 BCTN tốt nhất Nhóm phi tài chính**
HOSE, HNX, Báo tài chính - đầu tư và Công ty Quản lý quỹ Dragon Capital Việt Nam trao tặng

# Gắn kết các Bên liên quan

Gắn kết các BLQ là một trong những trụ cột quan trọng bảo đảm cho sự PTBV của GEC. Các hoạt động gắn kết được triển khai không những góp phần đáp ứng kỳ vọng của các BLQ, đồng thời góp phần gia tăng minh bạch, trách nhiệm giải trình và giảm thiểu tác động đối với Môi trường - Xã hội. GEC cam kết tiếp tục tăng cường gắn kết các bên tham gia, đảm bảo rằng tất cả các quyết định và hành động của Công ty luôn hướng về lợi ích của các bên và sự phồ hưởng lâu dài cho Môi trường, Xã hội và Kinh tế.

## NGUYÊN TẮC CƠ BẢN TRONG GẮN KẾT CÁC BLQ



**1** **Nhận diện các BLQ:**
- Các BLQ được xác định dựa trên sự phụ thuộc lẫn nhau và đóng góp của họ trong công việc kinh doanh của GEC.
- Các BLQ bao gồm: Người lao động, Khách hàng - đối tác mua bán điện, Cộng đồng địa phương, Cơ quan Quản lý Nhà nước, CĐ và NĐT, Đối tác triển khai DA và Nhà cung ứng.

**2** **Minh bạch thông tin:**
- GEC cam kết cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ và kịp thời tới các BLQ; Đảm bảo phản hồi được xem xét kỹ lưỡng và tích hợp vào kế hoạch kinh doanh.

**3** **Đồng hành với mục tiêu tăng trưởng bền vững:**
- GEC xem xét các vấn đề ổn định nhất và có ảnh hưởng cao đối với lực lượng lao động, môi trường, an sinh xã hội.

## MA TRẬN SỰ GẮN KẾT CÁC BLQ




## HOẠT ĐỘNG GẮN KẾT CÁC BLQ CỦA GEC

**01 NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Tăng cường giáo dục và phát triển kỹ năng chuyên môn cho nhân viên; tham gia các phong trào thi đua và tạo sự gắn kết trong công ty; tham gia các chương trình phúc lợi như bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm thất nghiệp và các hỗ trợ khác.

**02 KHÁCH HÀNG - ĐỐI TÁC MUA BÁN ĐIỆN LAO ĐỘNG**

Nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Tăng cường sự hợp tác đồng bộ, cung cấp giải pháp linh hoạt và tích cực trong hợp tác kinh doanh.

**03 CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG**

Hợp tác với chính quyền địa phương; tăng cường sự hợp tác và đối thoại bình đẳng giữa doanh nghiệp và chính quyền, tham vấn cộng đồng thường xuyên nhằm lắng nghe ý kiến của cộng đồng.

**04 CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

Theo dõi các thay đổi trong pháp luật và chính sách, quy định để kịp thời điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, đảm bảo tuân thủ quy định nhà nước.

**05 CĐ VÀ NĐT**

Duy trì minh bạch trong BCTC và xây dựng các kế hoạch kinh doanh dài hạn; tổ chức các cuộc gặp mặt, đối thoại trực tiếp với NĐT.

**06 ĐỐI TÁC TRIỂN KHAI DA, NHÀ CUNG ỨNG**

Tạo mối quan hệ dựa trên sự minh bạch, hợp tác và tôn trọng lẫn nhau. Cam kết hợp tác lâu dài để nhà cung ứng có động lực đầu tư và nâng cao chất lượng.

| Nhận diện các BLQ | Chủ đề và mối quan tâm của BLQ | Chiến lược tham gia của BLQ | Phương pháp tiếp cận BLQ | Các giá trị đã mang lại cho BLQ |
|---|---|---|---|---|
| **NGƯỜI LAO ĐỘNG**<br>Người cùng tạo ra và vận hành DA, tạo thu nhập và công ăn việc làm ổn định để đảm bảo cuộc sống<br>• BLĐ<br>• CBNV | • Chính sách lương, thưởng hấp dẫn, công bằng, chế độ phúc lợi đa dạng, cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác<br>• Môi trường làm việc an toàn, lành mạnh, gắn kết, không phân biệt đối xử<br>• Cơ hội đào tạo, phát triển nghề nghiệp, thăng tiến, phát huy năng lực cá nhân<br>• Những thành tựu và đóng góp của cá nhân được ghi nhận | • Thực hiện các chính sách ưu đãi, phúc lợi dành cho người lao động.<br>• Lắng nghe và tiếp thu ý kiến người lao động tại hội nghị đối thoại | • Email, hòm thư góp ý, số điện thoại đường dây nóng, cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại<br>• Hội nghị người lao động<br>• Hội nghị Công đoàn<br>• Các cuộc họp trực tiếp hoặc trực tuyến | • Duy trì và không ngừng nâng cao chính sách phúc lợi và thu nhập tốt; trả lương theo năng lực, vị trí và hiệu quả công việc. Năm 2025, Công ty đã thực hiện tăng lương cho CBNV toàn Công ty.<br>• Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, tự do bình đẳng và chăm lo sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động.<br>• **501 Nhân sự - 100% Người lao động** được tham dự các buổi tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ; nâng cao các chính sách phúc lợi về bảo hiểm hưu trí, phúc lợi sức khoẻ |

| Nhận diện các BLQ | Chủ đề và mối quan tâm của BLQ | Chiến lược tham gia của BLQ | Phương pháp tiếp cận BLQ | Các giá trị đã mang lại cho BLQ |
|---|---|---|---|---|
| | | | | • Chú trọng tổ chức các hoạt động tập thể, văn hóa thể thao nhằm tăng tính gắn kết giữa người lao động<br>• Phát động và khuyến khích CBNV tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng |
| **KHÁCH HÀNG - ĐỐI TÁC MUA BÁN ĐIỆN**<br>• BCT<br>• Cục Điện lực<br>• EVN<br>• Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia (NSMO)<br>• Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc, Trung và Nam | • Tuyệt đối đảm bảo cung ứng điện, không để xảy ra mất cân đối cung-cầu điện trong mọi tình huống, không được để đứt gãy nguồn cung.<br>• Chủ động xây dựng kế hoạch nâng mức dự phòng vật tư, phương tiện, thiết bị để sẵn sàng đối phó với các tình huống bất trắc về kỹ thuật và đối phó với thiên tai, đáp ứng nhu cầu cung ứng điện năng. | • Thông báo về mọi thay đổi xảy ra của Công ty<br>• Tiếp tục tham vấn, thông tin thường xuyên<br>• Chia sẻ thông tin và minh bạch<br>• Thiết lập các kênh trao đổi thông tin rõ ràng | • Hợp đồng<br>• Công văn, báo cáo<br>• Biên bản làm việc<br>• Các cuộc họp, hội nghị, hội thảo trực tiếp hoặc trực tuyến | • Tăng cường hợp tác, trao đổi thông tin, thực hiện theo đúng yêu cầu của Pháp luật |
| **CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG**<br>• Cộng đồng địa phương xung quanh và có liên quan đến DA<br>• Hệ sinh thái xung quanh và có liên quan đến DA | • Tạo dựng một môi trường xã hội cộng đồng bền vững<br>• Tạo ra giá trị gia tăng cho xã hội | • Cung cấp và chia sẻ thông tin minh bạch thông qua trao đổi trực tiếp, đối thoại công khai, minh bạch và trách nhiệm xã hội<br>• Thu hút sự tham gia của cộng đồng BLQ trong tất cả các giai đoạn của DA và đến khi vận hành NM<br>• Xác định và giải quyết các vấn đề của địa phương, tạo công ăn việc làm và tăng trưởng kinh tế tại địa phương<br>• Các chương trình xã hội và đầu tư cộng đồng, bảo vệ môi trường và tính bền vững | • Cán bộ liên lạc cộng đồng<br>• Cuộc họp, hội thảo, toạ đàm trực tiếp hoặc trực tuyến<br>• Thông báo thông tin qua website, niêm yết thông báo ở cơ sở<br>• Cung cấp và duy trì địa chỉ tiếp nhận thông tin (số điện thoại đường dây nóng, email, hộp thư) | • Chia sẻ, chung tay đóng góp xây dựng cộng đồng như tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, đồng hành với cộng đồng trong việc thực hiện các mục tiêu PTBV<br>• Tuyên truyền, phổ biến thông tin về DA đến người dân địa phương<br>• Tạo điều kiện cho người dân địa phương tham gia vào quá trình thực hiện DA<br>• Lắng nghe và giải quyết các thắc mắc, lo ngại của người dân địa phương, đồng thuận các giải pháp, hài hòa lợi ích giữa các bên |

| Nhận diện các BLQ | Chủ đề và mối quan tâm của BLQ | Chiến lược tham gia của BLQ | Phương pháp tiếp cận BLQ | Các giá trị đã mang lại cho BLQ |
|---|---|---|---|---|
| **CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**<br>• Chính phủ, BCT, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Ngoại giao...<br>• Hội đồng Nhân dân, UBND Tỉnh...<br>• Sở Công thương, Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch...<br>• Chi cục Kiểm lâm, Cơ quan Quân đội, Công an, Cảnh sát... | • Tuân thủ các quy định pháp luật nói chung và các quy định của cơ quan quản lý địa phương nói riêng<br>• Thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước | • Cung cấp thông tin công khai, chính xác các hoạt động của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng chính thống như website, BCTN, BCTC, Báo cáo PTBV, các báo cáo định kỳ và đột xuất theo Luật định và theo yêu cầu<br>• Chủ động trao đổi với Cơ quan Nhà nước để tuân thủ theo quy định của Pháp luật<br>• Tiếp nhận và xử lý các công văn, báo cáo của Cơ quan Ban Ngành<br>• Công văn đề xuất tháo gỡ, giải quyết vướng mắc của Doanh nghiệp gửi Cơ quan Nhà nước<br>• Tham gia các buổi làm việc, cuộc họp với Cơ quan Ban Ngành. | • Công văn, báo cáo<br>• Biên bản làm việc<br>• Các cuộc họp, hội nghị, hội thảo trực tiếp hoặc trực tuyến | • Tuân thủ các quy định của Pháp luật.<br>• Tạo mối quan hệ hợp tác với các Cơ quan Nhà nước<br>• Đóng góp cho ngân sách nhà nước |
| **CĐ VÀ NĐT**<br>• CĐ và NĐT: Cung cấp vốn phục vụ SXKD của Công ty. Cổ tức và khả năng sinh lãi trên mỗi cổ phần sở hữu<br>• CĐ liên kết: CĐ lớn trong và ngoài nước; CĐ đại chúng và cá nhân trên TTCK<br>• CĐ tiềm năng | • Hiệu quả hoạt động kinh tế<br>• Thông tin công bố đầy đủ, minh bạch, chính xác và nhanh chóng<br>• Đảm bảo quyền và lợi ích công bằng giữa các CĐ và NĐT<br>• Năng lực quản trị doanh nghiệp của Công ty tốt<br>• Được trao đổi hai chiều với doanh nghiệp | • Tổ chức các buổi họp CĐ thường niên và bất thường nhằm cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của Công ty, giải đáp các câu hỏi của CĐ, NĐT và lắng nghe góp ý<br>• Cung cấp thông tin công khai, minh bạch về tình hình kinh doanh của Công ty thông qua các kênh truyền thông chính thống như website, BCTC, Báo cáo Quản trị và CBTT theo quy định đối với Công ty đại chúng...<br>• Cung cấp tài liệu về ESG cho các NĐT thông qua BCTN, các báo cáo, các cuộc họp với đại diện NĐT, Quỹ Đầu tư; fanpage, báo chí...<br>• Tổ chức các buổi họp, nhóm tập trung nhằm lấy ý kiến của CĐ, NĐT đối với các nội dung liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty | • ĐHĐCĐ<br>• BCTC, BCTN, Báo cáo PTBV<br>• Các cuộc họp trực tiếp hoặc trực tuyến<br>• Công bố thông tin định kỳ qua website. | • GEC duy trì tuân thủ các quy định về EHSS tại DA, đảm bảo suất đầu tư trong mức độ rủi ro đã lường trước (thông qua các hoạt động đánh giá trước khi đầu tư về tài chính, kỹ thuật, môi trường...)<br>• Các hoạt động cung cấp thông tin về tình hình đầu tư.<br>• Quan hệ trách nhiệm với NĐT: duy trì tỉ lệ phân chia lợi nhuận minh bạch và đáng tin cậy; cải thiện BCTC theo chuẩn mực quốc tế |

| Nhận diện các BLQ | Chủ đề và mối quan tâm của BLQ | Chiến lược tham gia của BLQ | Phương pháp tiếp cận BLQ | Các giá trị đã mang lại cho BLQ |
|---|---|---|---|---|
| **ĐỐI TÁC TRIỂN KHAI DA, NHÀ CUNG ỨNG**<br>• Nhà cung ứng<br>• Nhà thầu EPC<br>• Đơn vị tư vấn giám sát<br>• Công ty cung cấp thiết bị, công cụ, dụng cụ, dịch vụ... | • Sự bình đẳng, công bằng, minh bạch và hợp tác trên tinh thần song phương cùng có lợi<br>• Sự cạnh tranh bình đẳng giữa các đối tác triển khai DA, nhà cung cấp<br>• Bảo mật thông tin của đối tác | • Tạo cơ hội cho các đối tác triển khai DA tham gia vào quá trình triển khai DA<br>• Lắng nghe và giải đáp các băn khoăn, lo lắng của các đối tác triển khai DA<br>• Xây dựng các quy trình làm việc rõ ràng, cụ thể cho các đối tác triển khai DA<br>• Xây dựng tinh thần hợp tác, hỗ trợ giữa các đối tác triển khai DA<br>• QTRR EHSS đối với nhà thầu, nhà cung ứng: Xây dựng Quy trình đánh giá rủi ro Môi trường - Xã hội đối với Nhà cung ứng, Hướng dẫn quản lý nhà thầu; thống nhất các điều khoản về EHSS trong Hợp đồng với Nhà thầu để quản lý rủi ro | • Hợp đồng<br>• Email<br>• Các cuộc họp trực tiếp hoặc trực tuyến | • Hiểu rõ yêu cầu và mục tiêu của DA<br>• Cung cấp hỗ trợ và tư vấn chuyên nghiệp<br>• Tạo môi trường hợp tác thuận lợi<br>• Uy tín, thanh toán đúng hạn, hợp tác lâu dài |

# Phát triển bền vững theo các chuẩn mực quốc tế

Vượt qua những thách thức chung, kinh tế năm 2025 ghi nhận đà phục hồi ấn tượng với mức tăng trưởng dự kiến trên 8%, đưa Việt Nam vào nhóm các nền kinh tế phát triển nhanh nhất toàn cầu. Các chính sách của Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2026–2030 từ 10% mỗi năm trở lên. Đây là mục tiêu thách thức, đòi hỏi phải định hình tư duy phát triển mới, xây dựng mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, đồng thời làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống.

Kể từ khi có IFC tham gia làm Cổ đông chiến lược, từ năm 2016, GEC đã áp dụng các chuẩn mực về PTBV như bộ 8 Tiêu chuẩn thực hành về Môi trường - Xã hội của IFC, tham chiếu đến các Hướng dẫn ngành của Ngân hàng Thế giới về Môi trường - Xã hội.

Không chỉ dừng lại ở đó, GEC còn chủ động áp dụng thêm các khung báo cáo về PTBV từ năm 2018. Năm 2025, Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về Phát triển kinh tế tư nhân ra đời đã nhấn mạnh: Đẩy mạnh và đa dạng hoá nguồn vốn cho kinh tế tư nhân, trong đó có **"Đẩy mạnh phát triển tín dụng xanh; Nhà nước có cơ chế hỗ trợ lãi suất và khuyến khích các tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho doanh nghiệp tư nhân vay để triển khai các DA xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG)"**. Như vậy ESG đang là xu hướng và được chính phủ đặc biệt quan tâm, hỗ trợ nhiều ưu đãi. Do đó, GEC càng vững tin vào việc phát triển theo hướng lâu dài, bền vững, tích hợp và tuân thủ chặt chẽ các khung tiêu chuẩn quốc tế hàng đầu vào chiến lược phát triển cốt lõi và các hoạt động vận hành của mình.

## TƯƠNG QUAN CÁC CHUẨN MỰC QUỐC TẾ VỀ ESG VÀ THỰC HÀNH TẠI GEC

| Tiêu chuẩn IFC | Khung MTXH của ADB | 17 Mục tiêu PTBV của LHQ | Tuân thủ tại GEC |
|---|---|---|---|
| PS1 Đánh giá và quản lý rủi ro và tác động Môi trường và Xã hội | ESS1 Đánh giá và quản lý rủi ro và tác động môi trường và xã hội | M3 Sức khỏe và có cuộc sống tốt<br>M10 Giảm bất bình đẳng | • Sàng lọc rủi ro về E&S DA<br>• Đánh giá rủi ro sơ bộ về E&S DA trước khi có quyết định chủ trương đầu tư<br>• Đánh giá tác động E&S cho DA mới<br>• Kế hoạch quản lý E&S cho DA mới<br>• Đánh giá chi tiết E&S cho DA M&A<br>• Kế hoạch hành động về E&S cho DA M&A<br>• Công bố thông tin<br>• Tham vấn các BLQ<br>• Cơ chế khiếu nại bên ngoài |
| PS2 Lao động và điều kiện làm việc | ESS2 Lao động và điều kiện làm việc | M4 Chất lượng giáo dục<br>M8 Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế | • Chính sách và quy trình quản lý nguồn nhân lực<br>• Các điều kiện và điều khoản làm việc quy định tại hợp đồng lao động<br>• Tổ chức Công đoàn |

| Tiêu chuẩn IFC | Khung MTXH của ADB | 17 Mục tiêu PTBV của LHQ | Tuân thủ tại GEC |
|---|---|---|---|
| | | | • Chính sách tuyển dụng (không phân biệt, bình đẳng; tuyển dụng, học việc, đào tạo, thử việc, thăng tiến công việc, thôi việc,..)<br>• Quy chế ứng xử<br>• Hợp đồng lao động<br>• Bảo hiểm<br>• Phúc lợi<br>• Đào tạo<br>• Quyền con người<br>• Cơ chế khiếu nại nội bộ<br>• Cơ chế khiếu nại bên ngoài<br>• Thực hiện quan trắc môi trường lao động, đo kiểm các yếu tố có hại tại nơi làm việc.<br>• Thực hiện khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp ít nhất 1 năm/lần cho tất cả người lao động và 6 tháng/lần đối với người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.<br>• Thực hiện phân tích chất lượng nước uống cho người lao động |
| PS3 Tiết kiệm nguồn tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm | ESS3 Bảo tồn tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm<br>ESS9 Biến đổi khí hậu | M7 Năng lượng sạch với giá thành hợp lý<br>M12 Sản xuất và tiêu dùng có trách nhiệm<br>M13 Hành động về khí hậu<br>M14 Tài nguyên và môi trường biển<br>M15 Tài nguyên và môi trường trên đất liền | • Quản lý chất thải: Phân loại, thu gom, bàn giao xử lý và tái sử dụng<br>• Tiết kiệm năng lượng, nguyên nhiên liệu<br>• Tiết kiệm tài nguyên nước<br>• Thực hiện quan trắc Môi trường định kỳ<br>• Thực hành ứng phó sự cố khẩn cấp định kỳ hàng năm<br>• Thực hiện tính toán phát thải khí nhà kính<br>• Thực hiện dự báo và cảnh báo sớm các hiện tượng thời tiết, lên kế hoạch ứng phó |
| PS4 An toàn, sức khỏe và an ninh cộng đồng | ESS4 An toàn, sức khỏe và an ninh<br>ESS10 Sự tham gia của các bên liên quan và việc công bố thông tin | M3 Sức khỏe và cuộc sống tốt đẹp<br>M11 Các thành phố và cộng đồng bền vững<br>M16 Hòa bình, công lý và các thể chế vững mạnh | • Tham vấn các BLQ<br>• Cơ chế khiếu nại bên ngoài<br>• Ràng buộc các điều khoản về EHSS đối với nhà thầu và nhà thầu phụ đối với công tác thi công trên công trường và đường vận chuyển<br>• Công bố thông tin DA<br>• Hàng rào, biển báo khu vực nguy hiểm bằng tiếng địa phương<br>• Vận hành an toàn đập, hồ chứa<br>• Đo tiếng ồn Tuabin Gió<br>• Đánh giá an toàn văng cánh<br>• Đánh giá hiện tượng bóng nhấp nháy |
| PS5 Thu hồi đất và tái định cư không tự nguyện | ESS5 Thu hồi đất và hạn chế sử dụng đất | M11 Các thành phố và cộng đồng bền vững | • Đánh giá tác động của DA (phần liên quan đến giải phóng mặt bằng và thu hồi đất)<br>• Kế hoạch phục hồi sinh kế (nếu có)<br>• Kế hoạch tái định cư (nếu có) |
| PS6 Bảo tồn đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên | ESS6 Bảo tồn đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên | M6 Nước sạch và vệ sinh<br>M13 Hành động về khí hậu<br>M14 Tài nguyên và môi trường biển<br>M15 Tài nguyên và môi trường trên đất liền | • Sàng lọc và phân loại DA từ bước lựa chọn vị trí DA<br>• Đánh giá tác động của DA (phần liên quan đến đa dạng sinh học)<br>• Giám sát chim, dơi tại NM Điện Gió Ia Bang<br>• Quản lý xói lở trong quá trình xây dựng và vận hành DA NLTT |
| PS7 Người bản địa | ESS7 Người bản địa | M10 Giảm bất bình đẳng<br>M16 Hòa bình, công lý và các thể chế vững mạnh | • Đánh giá tác động của DA (phần liên quan đến Người bản địa) và thực hiện các biện pháp khắc phục (nếu có)<br>• Thực hiện tham vấn, thực hiện Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin (Free, Prior, and Informed Consent - FPIC) đối với người bản địa<br>• Công bố thông tin DA |
| PS8 Di sản văn hóa | ESS8 Di sản văn hóa | M11 Các thành phố và cộng đồng bền vững<br>M16 Hòa bình, công bằng và các thể chế vững mạnh | • Hướng dẫn quản lý di sản văn hóa |






| 17 Mục tiêu PTBV | Chính sách, mục tiêu PTBV GEC 2025 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|
| 3.4 Đến 2030, giảm 1/3 tỷ lệ tử vong sớm do các bệnh không lây nhiễm thông qua phòng ngừa và điều trị, đồng thời tăng cường sức khỏe tinh thần và hạnh phúc | Chính sách thúc đẩy hạnh phúc, đa dạng và hòa nhập của nhân viên | • Chi phí bảo hiểm: 11 tỷ đồng<br>• Bồi dưỡng công việc nặng nhọc độc hại: **0,3** tỷ đồng<br>• Chế độ phúc lợi: **6** tỷ đồng<br>• Quan trắc môi trường lao động: **100%** NM NLTT<br>• Bảo hiểm bắt buộc: **100%** CBNV<br>• Khám sức khỏe và bệnh nghề nghiệp định kỳ: **100%** CBNV | • Chi phí bảo hiểm: **14,3** tỷ đồng<br>• Bồi dưỡng công việc nặng nhọc độc hại: **0,3** tỷ đồng<br>• Chế độ phúc lợi: **5** tỷ đồng<br>• Quan trắc môi trường lao động: **100%** NM NLTT<br>• Bảo hiểm bắt buộc: **100%** CBNV<br>• Khám sức khỏe và bệnh nghề nghiệp định kỳ: **100%** CBNV |
| 4.7 Đến 2030, đảm bảo tất cả người học có được kiến thức và kỹ năng cần thiết để thúc đẩy PTBV, bao gồm thông qua giáo dục vì sự PTBV và lối sống bền vững, nhân quyền, bình đẳng giới, thúc đẩy văn hóa hòa bình và bất bạo động, toàn cầu quyền công dân và đánh giá cao sự đa dạng văn hóa và sự đóng góp của văn hóa cho sự PTBV | Nâng cao năng lực của CBNV nhằm đáp ứng nhu cầu chuyên môn cũng như kỹ năng quản lý luôn là điều cần thiết để PTBV cũng như bắt kịp với xu thế | • Giờ đào tạo: **1.326** giờ<br>• Lượt học viên tham dự: **2.349** lượt<br>• Chi phí đào tạo: **0,6** tỷ đồng | • Giờ đào tạo: **1.301** giờ<br>• Lượt học viên tham dự: **2.681** lượt<br>• Chi phí đào tạo: **0,41** tỷ đồng |
| 5.1 Chấm dứt hình thức phân biệt đối xử với tất cả phụ nữ và trẻ em gái ở khắp mọi nơi<br>5.c Áp dụng và tăng cường các chính sách hợp lý và luật pháp có hiệu lực nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái ở mọi cấp độ | Không khoan nhượng đối với mọi hình thức phân biệt đối xử, bao gồm phân biệt đối xử về giới, bóc lột và vi phạm được quy định trong quy tắc ứng xử | • Vi phạm: **0** lần | • Vi phạm: **0** lần |
| 6.3 Đến 2030, cải thiện chất lượng nước bằng cách giảm ô nhiễm, loại bỏ việc đổ rác và giảm thiểu phát thải các hóa chất và vật liệu độc hại, có tỷ lệ nước thải chưa qua xử lý và tăng đáng kể khả năng tái chế và tái sử dụng an toàn trên toàn cầu<br>6.4 Đến năm 2030, tăng đáng kể hiệu quả sử dụng nước trên tất cả các lĩnh vực và đảm bảo khai thác và cung cấp nước ngọt bền vững để giải quyết tình trạng khan hiếm nước và giảm đáng kể số người bị khan hiếm nước | Quản lý lượng nước tiêu thụ và chất lượng nước sau xử lý. | • NM NLTT sử dụng nước đạt tiêu chuẩn và có nhà vệ sinh đầy đủ, sử dụng nước dưới đất, nước mặt đúng lưu lượng được cấp phép: **21** NM<br>• Quan trắc môi trường định kỳ hàng năm tại các NM: **4** lần<br>• Quan trắc chất lượng nước dưới đất, lắp đồng hồ kiểm soát lưu lượng sử dụng: **4** NM Điện Mặt trời | • NM NLTT sử dụng nước đạt tiêu chuẩn và có nhà vệ sinh đầy đủ, sử dụng nước dưới đất, nước mặt đúng lưu lượng được cấp phép: **21** NM<br>• Quan trắc môi trường định kỳ hàng năm tại các NM: **2** lần Quan trắc chất lượng nước dưới đất, lắp đồng hồ kiểm soát lưu lượng sử dụng: **3** NM Điện Mặt trời và **1** NM Điện Gió<br>• Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất: **16** hệ thống áp mái có sử dụng nước dưới đất |
| 7.2 Đến 2030, tăng đáng kể tỷ trọng NLTT trong cơ cấu Năng lượng toàn cầu | Duy trì thực hiện chiến lược và mục tiêu "Phát triển đồng bộ các loại hình Năng lượng" | • Điện thương phẩm: **1,4** tỷ kWh<br>• Công suất vận hành: **672** MWp<br>• Tín chỉ: **715.765** REC và **117.519** Tín chỉ Cacbon | • Điện thương phẩm: **1,3** tỷ kWh<br>• Công suất vận hành: **673** MWp<br>• Tín chỉ: **691.564** REC và **166.734** Tín chỉ Cacbon |

| 17 Mục tiêu PTBV | Chính sách, mục tiêu PTBV GEC 2025 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|
| 8.7 Thực hiện các biện pháp ngay lập tức và hiệu quả để xóa bỏ lao động cưỡng bức, chấm dứt chế độ nô lệ hiện đại và buôn bán người, đảm bảo cấm và xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, bao gồm tuyển dụng và sử dụng binh lính trẻ em; đến 2025 chấm dứt lao động trẻ em dưới mọi hình thức<br>8.8 Bảo vệ quyền lao động và thúc đẩy môi trường làm việc an toàn và bảo đảm cho tất cả người lao động, bao gồm cả lao động nhập cư, đặc biệt là phụ nữ di cư và những người có việc làm bấp bênh | Cấm lao động trẻ em và lao động vị thành niên trong các hướng dẫn về nhân quyền<br>Quy định quyền người lao động chẳng hạn giờ làm việc và tiền lương, chế độ phúc lợi trong hợp đồng lao động<br>Tuân thủ quy trình tuyển dụng | • **100**% Người lao động có hợp đồng lao động | • **100**% Người lao động có hợp đồng lao động |
| 9.1 Phát triển cơ sở hạ tầng chất lượng, đáng tin cậy, bền vững và linh hoạt, bao gồm cơ sở hạ tầng khu vực và xuyên biên giới, để hỗ trợ phát triển kinh tế và phúc lợi con người, tập trung vào khả năng tiếp cận công bằng và hợp lý cho tất cả mọi người | Nâng cao hiệu quả CNTT | • Kết nối dịch vụ Internet: **21** NM | Kết nối dịch vụ Internet: **21** NM |
| 10.2 Đến 2030, trao quyền và thúc đẩy sự hòa nhập xã hội, kinh tế và chính trị cho tất cả mọi người, không phân biệt tuổi tác, giới tính, khuyết tật, chủng tộc, sắc tộc, nguồn gốc, tôn giáo, kinh tế hoặc các địa vị khác | Nguyên tắc nhân quyền, chính sách đa dạng nhân viên, tiêu chuẩn đa dạng HĐQT | Tỷ lệ Nữ giới:<br>• HĐQT: **29**%<br>• BĐH: **38**%<br>• Quản lý: **17**%<br>• Nhân viên: **16**% | Tỷ lệ Nữ giới:<br>• HĐQT: **29**%<br>• BĐH: **29**%<br>• Quản lý: **18,6**%<br>• Nhân viên: **15**% |
| 11.a Hỗ trợ các liên kết tích cực về kinh tế, xã hội và môi trường giữa các khu vực đô thị, ven đô và nông thôn bằng cách tăng cường quy hoạch phát triển quốc gia và khu vực | Tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho cộng đồng địa phương xung quanh DA | • Chương trình CSR: **1,88** tỷ đồng<br>• Số lượng CBNV (không bao gồm nhân sự kiêm nhiệm): **501** người<br>• Thu nhập bình quân CBNV: **20,3** triệu đồng/tháng | • Chương trình CSR: **1,2** tỷ đồng<br>• Số lượng CBNV (không bao gồm nhân sự kiêm nhiệm): **509** người<br>• Thu nhập bình quân CBNV: **20,9** triệu đồng/tháng |

| 17 Mục tiêu PTBV | Chính sách, mục tiêu PTBV GEC 2025 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|
| 12.2 Đến 2030, đạt được quản lý bền vững và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên<br>12.4 Đến 2020, đạt được sự quản lý hợp lý về mặt môi trường đối với hóa chất và tất cả chất thải trong suốt vòng đời của chúng, phù hợp với các khuôn khổ quốc tế đã được thống nhất và giảm đáng kể việc thải chúng vào không khí, nước và đất nhằm giảm thiểu tác động bất lợi của chúng đối với sức khỏe con người và môi trường<br>12.5 Đến 2030, giảm đáng kể việc phát sinh chất thải thông qua phòng ngừa, giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng<br>12.6 Khuyến khích các Công ty, đặc biệt là các Công ty lớn và xuyên quốc gia, áp dụng các thông lệ bền vững và tích hợp thông tin bền vững vào chu kỳ báo cáo của họ<br>12.8 Đến 2030, đảm bảo người dân khắp mọi nơi có thông tin và nhận thức phù hợp về PTBV và lối sống hài hòa với thiên nhiên | Bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm các loại tài nguyên, năng lượng<br>Giảm thiểu và quản lý các chất gây ô nhiễm không khí, tỷ lệ tái chế rác thải, xử lý nước thải<br>Công bố báo cáo PTBV, quản lý toàn diện và CBTT về hoạt động ESG | • Thu gom và xử lý chất thải: **20,7** tấn chất thải sinh hoạt và **8,38** tấn chất thải nguy hại<br>• Tiêu thụ điện: **8.402** MWh | • Thu gom và xử lý chất thải: **21,8** tấn chất thải sinh hoạt và **14,6** tấn chất thải nguy hại<br>• Tiêu thụ điện: **10.544** MWh |
| 13.1 Tăng cường khả năng phục hồi và thích ứng với các hiểm họa và thiên tai liên quan đến khí hậu ở tất cả các quốc gia<br>13.2 Lồng ghép các biện pháp biến đổi khí hậu vào các chính sách, chiến lược và quy hoạch quốc gia<br>13.3 Cải thiện giáo dục, nâng cao nhận thức và năng lực con người và thể chế về giảm thiểu, thích ứng, giảm tác động và cảnh báo sớm biến đổi khí hậu | Chương trình giáo dục về năng lượng xanh và thân thiện với môi trường<br>Đào tạo ESG cho CBNV của Công ty<br>Đào tạo nâng cao kiến thức về E&S cho Người lao động | Đào tạo các nội dung liên quan đến EHSS:<br>• Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động: **466** người<br>• Đào tạo nội bộ: Luật Tài nguyên nước 2023 và Luật Bảo vệ môi trường 2020: **51** người<br>• Đào tạo nội bộ: Công tác PCCC theo NĐ 50/2024/NĐ-CP: **206** người | Đào tạo các nội dung liên quan đến EHSS:<br>• Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động: **501** người<br>• Đào tạo nội bộ NĐ 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường ngày 14/2/2025: **43** người |

| 17 Mục tiêu PTBV | Chính sách, mục tiêu PTBV GEC 2025 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|
| | | | • Đào tạo nội bộ dự báo thời tiết trong điều kiện biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan ngày 12/8/2025: **105** người<br>• Đào tạo Cán bộ liên lạc cộng đồng DA Điện Mặt trời Đức Huệ 2 ngày 11/9/2025: **1** người |
| 15.1 Đến 2020, đảm bảo bảo tồn, phục hồi và sử dụng bền vững các hệ sinh thái nước ngọt trên cạn và nội địa cũng như các dịch vụ của chúng, đặc biệt là rừng, vùng đất ngập nước, vùng núi và vùng đất khô, phù hợp với các nghĩa vụ theo các thỏa thuận quốc tế<br>15.5 Thực hiện hành động khẩn cấp và quan trọng để giảm sự suy thoái môi trường sống tự nhiên, ngăn chặn sự mất đa dạng sinh học và đến năm 2020, bảo vệ và ngăn chặn sự tuyệt chủng của các loài bị đe dọa | Bảo tồn đa dạng sinh học tại các NM, DA | • Giám sát chim, dơi: **1** NM Điện Gió la Bang<br>• Đánh giá về cá: **1** NM Thủy điện Thượng Lộ<br>• Đánh giá đa dạng sinh học: **1** DA Thủy điện Ea Tih | • Giám sát chim, dơi: **1** NM Điện Gió la Bang<br>• Đánh giá ESDD: **1** DA Điện Gió VPL 2 |
| 16.5 Giảm đáng kể tham nhũng và hối lộ dưới mọi hình thức<br>16.7 Thúc đẩy và thực thi các luật và chính sách không phân biệt đối xử để PTBV | Tuân thủ các quy định của Pháp luật và các quy định khác liên quan<br>Thực hiện cơ chế khiếu nại của Người lao động<br>Tham gia của các BLQ | • Lấy ý kiến Người lao động: **1** lần/năm<br>• Bộ QCƯX: **1** bộ<br>• Báo cáo về công tác phòng chống tham nhũng: **1** lần | • Lấy ý kiến Người lao động: **1** lần/năm<br>• Bộ QCƯX: **1** bộ<br>• Báo cáo về công tác phòng chống tham nhũng: **3** lần |
| 17.16 Tăng cường quan hệ đối tác toàn cầu vì sự PTBV, được bổ sung bởi quan hệ đối tác nhiều bên nhằm huy động và chia sẻ kiến thức, chuyên môn, công nghệ và nguồn lực tài chính để hỗ trợ đạt được các Mục tiêu PTBV ở tất cả các quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển | Hợp tác toàn cầu, PTBV | • NĐT, CĐ chiến lược nước ngoài: **4** NĐT, CĐ<br>• Quốc gia: Nhật, Đức, Thụy Sĩ, Hàn Quốc | • NĐT, CĐ chiến lược nước ngoài: **3** NĐT, CĐ<br>• Quốc gia: Nhật, Đức, Hàn Quốc |

# TIÊU CHUẨN SASB

## A CÁC CÔNG TY ĐIỆN VÀ NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN

**CHỦ ĐỀ: PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH VÀ LẬP KẾ HOẠCH TÀI NGUYÊN NĂNG LƯỢNG**

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Mã số | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| (1) Tổng lượng phát thải Phạm vi 1 toàn cầu, tỷ lệ phần trăm được quy định theo (2) các quy định hạn chế phát thải và (3) các quy định báo cáo phát thải | Tấn $CO_2e$, % | IF-EU-110a.1 | 370,5 tấn $CO_2e$<br>0%<br>0% | 252,5 tấn $CO_2e$<br>0%<br>0% | 254,7 tấn $CO_2e$<br>0%<br>0% |
| Phát thải khí nhà kính (GHG) liên quan đến việc cung cấp điện | Tấn $CO_2e$ | IF-EU-110a.2 | | Không áp dụng | |
| Thảo luận về chiến lược hoặc kế hoạch dài hạn và ngắn hạn để quản lý lượng khí thải thuộc phạm vi 1, các mục tiêu giảm phát thải và phân tích hiệu quả thực hiện so với các mục tiêu đó. | | IF-EU-110a.3 | Về quản lý khí nhà kính, GEC đã chủ động thiết lập hệ thống tính toán và công bố lượng phát thải trực tiếp thuộc Phạm vi 1 trong Báo cáo PTBV, dù hiện tại GEC chưa nằm trong danh mục các cơ sở bắt buộc phải kiểm kê phát thải theo quy định của pháp luật Việt Nam. Việc tự nguyện công bố này khẳng định tinh thần trách nhiệm cao của công ty trong việc tiệm cận các chuẩn mực quốc tế, đó là sự minh bạch về thông tin. Trong chiến lược ngắn hạn, công ty tập trung vào việc giám sát và tối ưu hóa các nguồn phát thải nhỏ lẻ từ vận hành; trong khi về dài hạn, mục tiêu cốt lõi là duy trì vị thế của một đơn vị sản xuất NLTT có mức phát thải thấp. | | |

## CHỦ ĐỀ: PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH VÀ LẬP KẾ HOẠCH TÀI NGUYÊN NĂNG LƯỢNG

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Mã số | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Bản chất của phát thải phạm vi 1 là đốt cháy nhiên liệu như trong lò hơi, máy phát điện hoặc đốt các nhiên liệu hóa thạch như than đá, dầu diesel... hoặc từ các nguồn rò rỉ môi chất lạnh, từ xử lý nước thải công suất lớn...Vì sản xuất điện từ NLTT nên có thể nói, phát thải phạm vi 1 của GEC đã thấp hơn các Công ty sản xuất điện từ nguồn nhiên liệu hóa thạch vì các khâu sản xuất của GEC không có nguồn đốt cháy than đá hoặc khí thiên nhiên. Bên cạnh đó, công tác sản xuất của GEC không cần kho xưởng giữ lạnh để bảo quản hoặc trưng bày sản phẩm, không cần đến hệ thống khí gas hay xử lý nước thải công nghiệp công suất lớn, cũng như không cần đến hệ thống logistic tốn kém vì điện là sản phẩm đặc thù, do đó không phát sinh nhiều nguồn phát thải.<br><br>Song song, công ty đang trong giai đoạn mở rộng quy mô DA và tăng cường các hoạt động bảo trì, vận hành hiện trường để đảm bảo sản xuất kinh doanh, từ đó đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Vì những lý do trên, Công ty chưa đặt mục tiêu giảm phát thải phạm vi 1 trong giai đoạn này. | | | |

## CHỦ ĐỀ: QUẢN LÝ NƯỚC

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Mã số | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| Tổng lượng nước sử dụng trong sản xuất điện | Triệu $m^3$ | IF-EU-140a.1 | 2.481 | 2.203 | 2.610 |
| Số vụ việc không tuân thủ liên quan đến giấy phép, tiêu chuẩn và quy định về chất lượng nước | Số vụ | IF-EU-140a.2 | 0 | 0 | 0 |
| Mô tả các rủi ro quản lý nước và thảo luận về các chiến lược và thực hành để giảm thiểu những rủi ro đó | n/a | IF-EU-140a.3 | Trong lĩnh vực NLTT, rủi ro quản lý nước chủ yếu đến từ sự biến động trữ lượng do biến đổi khí hậu, nguy cơ sụt giảm mực nước ngầm hoặc ô nhiễm nguồn nước mặt do các tác động ngoại vi từ hoạt động công nghiệp và nông nghiệp khu vực. Để giảm thiểu ảnh hưởng các rủi ro này, bên cạnh việc duy trì tính tuân thủ pháp lý nghiêm ngặt thông qua hệ thống giấy phép khai thác, đăng ký sử dụng và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế tài nguyên nước, công ty đã triển khai các chiến lược quản trị tài nguyên nước chuyên sâu và chủ động.<br><br>Cụ thể, GEC thực hiện phân tích chất lượng nước ngầm định kỳ nhằm theo dõi sát sao các chỉ số lý hóa, đồng thời duy trì quan trắc môi trường để đảm bảo mọi nguồn nước thải sau quá trình vận hành đều đạt tiêu chuẩn chất lượng trước khi xả thải ra môi trường. Những thực hành này, kết hợp với việc kiểm soát lưu lượng khai thác, không chỉ giúp ngăn ngừa nguy cơ suy kiệt tài nguyên mà còn khẳng định cam kết của công ty trong việc bảo vệ hệ sinh thái địa phương, đáp ứng hoàn toàn các tiêu chuẩn khắt khe về môi trường trong các khung quản trị quốc gia cũng như quốc tế. | | |

## CHỦ ĐỀ: CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Mã số | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| Lượng khí thải của các chất gây ô nhiễm sau: (1) NOx (trừ $N_2O$), (2) SOx, (3) bụi mịn (PM10), (4) chì (Pb), và (5) thủy ngân (Hg); tỷ lệ phần trăm của mỗi chất trong hoặc gần các khu vực dân cư đông đúc | Tấn, % | IF-EU-120a.1 | Loại trừ, vì hiện tại các hoạt động của GEC không phát sinh các khí này và không nằm trong danh mục phải kiểm soát các khí này. | | |

## CHỦ ĐỀ: QUẢN LÝ TRO THAN

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Mã số | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| (1) Lượng sản phẩm cháy than (CCP) được tạo ra, (2) phần trăm tái chế | Tấn, % | IF-EU-150a.1 | Không áp dụng cho GEC vì GEC không có điện than trong danh mục đầu tư | | |
| Mô tả các chính sách và quy trình quản lý sản phẩm cháy than (CCP) đối với hoạt động vận hành và ngừng vận hành. | n/a | IF-EU-150a.3 | Không áp dụng cho GEC vì GEC không có điện than trong danh mục đầu tư | | |

## CHỦ ĐỀ: KHẢ NĂNG CHI TRẢ NĂNG LƯỢNG

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Mã số | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| Giá điện bán lẻ trung bình cho (1) khách hàng dân cư, (2) khách hàng thương mại và (3) khách hàng công nghiệp | Tỷ lệ | IF-EU-240a.1 | Loại trừ, vì hiện nay GEC chỉ bán sản phẩm (điện năng) cho 1 khách hàng duy nhất là EVN. | | |
| (1) Số lượng khách hàng dân cư bị cắt điện do không thanh toán, (2) phần trăm được nối lại điện trong vòng 30 ngày | Số vụ, % | IF-EU-240a.3 | Loại trừ, vì hiện nay GEC chỉ bán sản phẩm (điện năng) cho 1 khách hàng duy nhất là EVN. | | |
| Thảo luận về tác động của các yếu tố bên ngoài đến khả năng chi trả điện của khách hàng, bao gồm cả điều kiện kinh tế của khu vực cung cấp dịch vụ. | n/a | IF-EU-240a.4 | Loại trừ, vì hiện nay GEC chỉ bán sản phẩm (điện năng) cho 1 khách hàng duy nhất là EVN. | | |

## CHỦ ĐỀ: AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ CỘNG ĐỒNG

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Mã số | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| (1) Tổng tỷ lệ sự cố có thể ghi nhận (TRIR), (2) tỷ lệ tử vong và (3) tỷ lệ tần suất suýt xảy ra tai nạn (NMFR) đối với (a) nhân viên trực tiếp và (b) nhân viên hợp đồng | % | IF-EU-320a.1 | • Tổng tỷ lệ sự cố có thể ghi nhận (TRIR): 0<br>• Tỷ lệ tử vong: 0<br>• Tỷ lệ tần suất suýt xảy ra tai nạn (NMFR): 0 | • Tổng tỷ lệ sự cố có thể ghi nhận (TRIR): 0<br>• Tỷ lệ tử vong: 0<br>• Tỷ lệ tần suất suýt xảy ra tai nạn (NMFR): 0 | • Tổng tỷ lệ sự cố có thể ghi nhận (TRIR): 0<br>• Tỷ lệ tử vong: 0<br>• Tỷ lệ tần suất suýt xảy ra tai nạn (NMFR): 0 |

## CHỦ ĐỀ: HIỆU QUẢ SỬ DỤNG CUỐI CÙNG VÀ NHU CẦU

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Mã số | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| Tỷ lệ phần trăm tải điện được cung cấp bởi công nghệ lưới điện thông minh | Tỷ lệ phần trăm (%) theo megawatt giờ (MWh) | IF-EU-420a.2 | Loại trừ, vì GEC là đơn vị sản xuất, không phải đơn vị bán lẻ điện | | |
| Tiết kiệm điện năng cho khách hàng nhờ các biện pháp tiết kiệm năng lượng, theo thị trường | MWh | IF-EU-420a.3 | Loại trừ, vì GEC là đơn vị sản xuất, không phải đơn vị bán lẻ điện | | |

## CHỦ ĐỀ: AN TOÀN HẠT NHÂN VÀ QUẢN LÝ TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Mã số | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| Tổng số tổ máy điện hạt nhân, được phân loại theo kết quả đánh giá an toàn độc lập gần đây nhất. | Số lượng | IF-EU-540a.1 | Loại trừ, không áp dụng cho GEC vì chưa có điện hạt nhân trong danh mục đầu tư | | |
| Mô tả các nỗ lực quản lý an toàn hạt nhân và chuẩn bị ứng phó sự cố khẩn cấp. | n/a | IF-EU-540a.2 | Loại trừ, không áp dụng cho GEC vì chưa có điện hạt nhân trong danh mục đầu tư | | |

## CHỦ ĐỀ: KHẢ NĂNG PHỤC HỒI CỦA LƯỚI ĐIỆN

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Mã số | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| Số lượng các sự cố không tuân thủ các tiêu chuẩn hoặc quy định về vật lý hoặc an ninh mạng | Số lượng | IF-EU-550a.1 | Loại trừ, vì GEC là đơn vị sản xuất, không phải đơn vị bán lẻ điện | | |
| (1) Chỉ số thời gian gián đoạn trung bình của hệ thống (SAIDI), (2) Chỉ số tần suất gián đoạn trung bình của hệ thống (SAIFI), và (3) Chỉ số thời gian gián đoạn trung bình của khách hàng (CAIDI), bao gồm cả các ngày sự kiện lớn | Phút, số lượng | IF-EU-550a.2 | Loại trừ, vì GEC là đơn vị sản xuất, không phải đơn vị bán lẻ điện | | |



# B CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI VÀ NHÀ PHÁT TRIỂN DA

## CHỦ ĐỀ: QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG TRONG SẢN XUẤT

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Mã số | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| (1) Tổng năng lượng tiêu thụ,<br>(2) phần trăm điện lưới và<br>(3) phần trăm NLTT | GJ, % | RR-ST-130a.1 | Loại trừ, vì GEC không phải đơn vị sản xuất tấm pin và các linh kiện liên quan | | |

## CHỦ ĐỀ: QUẢN LÝ NƯỚC TRONG SẢN XUẤT

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Mã số | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| (1) Tổng lượng nước được rút ra, (2) tổng lượng nước tiêu thụ; tỷ lệ phần trăm của mỗi loại ở các vùng có mức căng thẳng nước cơ bản Cao hoặc Cực kỳ Cao | $m^3$, % | RR-ST-140a.1 | Loại trừ, vì GEC không phải đơn vị sản xuất tấm pin và các linh kiện liên quan | | |
| Mô tả các rủi ro trong quản lý nguồn nước và thảo luận về các chiến lược và biện pháp để giảm thiểu những rủi ro đó. | n/a | RR-ST-140a.2 | | | |

## CHỦ ĐỀ: QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Mã số | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| (1) Khối lượng chất thải nguy hại tạo ra, (2) phần trăm tái chế | Tấn (t), Phần trăm (%) | RR-ST-150a.1 | • 1,3 tấn<br>• 0% tái chế, 100% chuyển giao đơn vị đủ năng lực xử lý | • 0,3 tấn<br>• 0% tái chế, 100% chuyển giao đơn vị đủ năng lực xử lý | • 2,1 tấn<br>• 0% tái chế, 100% chuyển giao đơn vị đủ năng lực xử lý |
| (1) Số lượng và tổng lượng chất tràn có thể báo cáo, (2) lượng chất được thu hồi | Số lượng, kg | RR-ST-150a.2 | Không áp dụng không có sự cố tràn đổ chất thải nguy hại trong năm báo cáo. | | |

## CHỦ ĐỀ: TÁC ĐỘNG SINH THÁI CỦA PHÁT TRIỂN DA

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Mã số | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| (1) Số lượng và (2) thời gian trì hoãn DA liên quan đến tác động sinh thái | Số lượng, Ngày | RR-ST-160a.1 | 0 vụ trì hoãn nào liên quan đến tác động sinh thái của DA | 0 vụ trì hoãn nào liên quan đến tác động sinh thái của DA | 0 vụ trì hoãn nào liên quan đến tác động sinh thái của DA |
| Mô tả các nỗ lực trong phát triển DA hệ thống năng lượng mặt trời để giải quyết tác động cộng đồng và sinh thái | n/a | RR-ST-160a.2 | Trong việc phát triển hệ thống năng lượng mặt trời, công ty cam kết thực hiện trách nhiệm cao nhất đối với môi trường và cộng đồng thông qua việc áp dụng nghiêm ngặt các tiêu chuẩn quốc tế. Tất cả các DA của chúng tôi đều được thực hiện Đánh giá Tác động Môi trường và Xã hội (ESIA) dựa trên Khung Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội (ES) của IFC ngay từ thời điểm khởi công. Với kết quả đánh giá ở mức B (mức có tác động tiềm tàng nhưng có thể kiểm soát và giảm thiểu được), công ty đã thiết lập và vận hành hiệu quả Kế hoạch Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMP) xuyên suốt vòng đời DA.<br><br>Về mặt sinh thái và sinh kế, công ty thực hiện chiến lược lựa chọn địa điểm DA một cách thận trọng và có trách nhiệm. Thay vì sử dụng những khu vực đất nông nghiệp có giá trị canh tác và hiệu suất cao, chúng tôi ưu tiên phát triển DA trên những vùng đất sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả hoặc không còn giá trị kinh tế. Nỗ lực này không chỉ giúp tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên đất, hạn chế tối đa các xung đột về an ninh lương thực và sinh kế của người dân, mà còn góp phần cải tạo và đem lại giá trị mới cho những khu vực đất đai cằn cỗi, đảm bảo sự hài hòa giữa phát triển năng lượng sạch và bảo tồn hệ sinh thái địa phương. | | |

## CHỦ ĐỀ: QUẢN LÝ VIỆC TÍCH HỢP CƠ SỞ HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG VÀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Mã số | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| Mô tả các rủi ro liên quan đến việc tích hợp năng lượng mặt trời vào cơ sở hạ tầng năng lượng hiện có và thảo luận về các nỗ lực quản lý những rủi ro đó | n/a | RR-ST-410a.1 | **Rủi ro:**<br>• Năng lượng mặt trời có tính chất bất định (phụ thuộc vào thời tiết) và phi tập trung. Khi công suất năng lượng mặt trời bùng nổ trong một khu vực nhưng hạ tầng truyền tải (đường dây, trạm biến áp) chưa nâng cấp kịp, hiện tượng "nghẽn mạch" sẽ xảy ra. Bên cạnh đó, trong mùa mưa bão, vì ưu tiên an toàn hồ đập và đảm bảo an ninh năng lượng, buộc phải yêu cầu các DA năng lượng mặt trời cắt giảm công suất. Việc này gây thiệt hại cho chủ đầu tư nhưng là lựa chọn bắt buộc để giữ an toàn cho hệ thống.<br>• Hệ thống BESS được tích hợp vào NM Đức Huệ nằm cạnh khu vực Trạm 110 kV với NM Đức Huệ 1 cũng tạo ra các ảnh hưởng nhất định về PCCC cho toàn NM và trạm 110 kV. | | |



## CHỦ ĐỀ: QUẢN LÝ VIỆC TÍCH HỢP CƠ SỞ HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG VÀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Mã số | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | **Nỗ lực quản lý rủi ro:**<br>• Công ty chủ động thực hiện các biện pháp kỹ thuật để giảm thiểu các rủi ro trên bằng cách khi lập DA, lựa chọn điểm phù hợp có khả năng giải tỏa công suất tốt, các DA có quy mô vừa phải dưới 50 MW dòng điện xoay chiều nhằm đảm bảo khả năng hấp thu lưới.<br>• Tìm hiểu và lựa chọn sản phẩm từ hãng có uy tín, được thống kê bởi Bloomberg. Các thiết bị nằm trong Top 5 của Trung Quốc về sản lượng và độ tin cậy. Hệ thống cũng được trang bị giám sát PCCC ở các cấp độ.<br>• Khu vực đặt BESS tách biệt với Nhà vận hành và Trạm 110 kV bên cạnh khu vực Nhà PCCC đảm bảo khả năng ứng cứu khi có sự cố xảy ra.<br>• Nhân sự được đào tạo kỹ càng về vận hành và ứng cứu theo quy định và hướng dẫn của nhà sản xuất.<br>• Thử nghiệp lắp đặt hệ thống pin lưu trữ BESS: DA Đức Huệ 2 là DA Điện Mặt trời đầu tiên tại GEC lắp đặt hệ thống lưu trữ BESS. Mục đích là dịch chuyển năng lượng phù hợp yêu cầu lưới điện.<br>• Triển khai thực hiện cơ chế DPPA - Hợp đồng Mua bán điện trực tiếp giữa Công ty sản xuất điện và các Doanh nghiệp lớn, mở ra cơ hội thị trường mới. | | |
| Mô tả các rủi ro và cơ hội liên quan đến chính sách năng lượng và ảnh hưởng của nó đến việc tích hợp năng lượng mặt trời vào cơ sở hạ tầng năng lượng hiện có | n/a | RR-ST-410a.2 | **Rủi ro:** Về mặt chính sách, Công ty sẽ phải đối mặt với một số rủi ro như: Rủi ro cắt giảm sản lượng, thậm chí gián đoạn vòng đời DA do phụ thuộc vào tình hình SXKD của khách hàng, rủi ro thay đổi biểu giá và hợp đồng cũng như tiêu chuẩn kỹ thuật ngày càng khắt khe.<br>**Cơ hội:** Dù chính sách có nhiều rào cản, nhưng cũng mở ra những hướng đi mới cho các đơn vị tư nhân như GEC và DPPA chính là cơ hội lớn nhất hiện nay. Doanh nghiệp tư nhân có thể bán điện trực tiếp cho các khách hàng công nghiệp lớn thay vì bán qua đơn vị độc quyền. Điều này giúp công ty chủ động về giá bán và tìm kiếm được các đối tác dài hạn muốn sử dụng năng lượng sạch để đạt chứng chỉ xanh.<br>Bên cạnh đó, chính sách đang dần mở đường cho các hệ thống pin lưu trữ (BESS). Quy hoạch điện VIII khuyến khích doanh nghiệp lắp đặt hệ thống lưu trữ năng lượng BESS, điều này có thể giúp GEC tận dụng cơ hội để lưu trữ điện mặt trời lúc dư thừa (hoặc lúc bị yêu cầu cắt giảm) và cung cấp vào thời điểm khác giúp ổn định lưới điện, tiết kiệm chi phí, đảm bảo nguồn cung liên tục. | | |

## CHỦ ĐỀ: QUẢN LÝ VÒNG ĐỜI SẢN PHẨM

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Mã số | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| Tỷ lệ phần trăm sản phẩm bán ra có thể tái chế hoặc tái sử dụng | % | RR-ST-410b.1 | Loại trừ vì GEC không tái chế tấm pin. | | |
| (1) Khối lượng vật liệu cuối vòng đời được thu hồi, (2) phần trăm tái chế | Khối lượng, % | RR-ST-410b.2 | | | |
| Tỷ lệ phần trăm sản phẩm theo doanh thu có chứa các chất phải khai báo theo tiêu chuẩn IEC 62474, hợp chất asen, hợp chất antimon hoặc hợp chất berili | % | RR-ST-410b.3 | | | |
| Mô tả phương pháp và chiến lược thiết kế sản phẩm để tái chế có giá trị cao | n/a | RR-ST-410b.4 | | | |

## CHỦ ĐỀ: TÌM NGUỒN CUNG ỨNG VẬT LIỆU

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Mã số | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| Mô tả về việc quản lý rủi ro liên quan đến việc sử dụng vật liệu quan trọng | n/a | RR-ST-440a.1 | Loại trừ, vì GEC không phải đơn vị sản xuất tấm pin và các linh kiện liên quan. | | |
| Mô tả về việc quản lý các rủi ro môi trường liên quan đến chuỗi cung ứng polysilicon | n/a | RR-ST-440a.2 | | | |

# C CÔNG NGHỆ GIÓ VÀ NHÀ PHÁT TRIỂN DA

## CHỦ ĐỀ: TÌM NGUỒN CUNG ỨNG VẬT LIỆU

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Mã số | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| (1) Tỷ lệ sự cố có thể ghi nhận tổng thể (TRIR) và<br>(2) tỷ lệ tử vong đối với (a) nhân viên trực tiếp và (b) nhân viên hợp đồng | Tỷ lệ | RR-WT-320a.1 | Loại trừ, vì GEC không phải đơn vị sản xuất tuabin gió và các linh kiện liên quan. | | |

## CHỦ ĐỀ: TÁC ĐỘNG SINH THÁI CỦA VIỆC PHÁT TRIỂN DA

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Mã số | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| Mức công suất âm thanh trung bình (được đo bằng thang A) của các tuabin gió, theo từng loại tuabin gió. | Db(A) | RR-WT-410a.1 | 64,8 đối với Điện Gió trên bờ<br>65 đối với Điện Gió ngoài khơi | 65,2 đối với Điện Gió trên bờ<br>72,3 đối với Điện Gió ngoài khơi | 60,2 đối với Điện Gió trên bờ<br>68,5 đối với Điện Gió ngoài khơi |
| Hủy bỏ đơn hàng tồn đọng liên quan đến tác động đến cộng đồng hoặc sinh thái. | Đơn vị tiền tệ | RR-WT-410a.2 | 0 | 0 | 0 |
| Mô tả các nỗ lực nhằm giải quyết các tác động sinh thái và cộng đồng của việc sản xuất năng lượng gió thông qua thiết kế tuabin. | n/a | RR-WT-410a.3 | GEC hợp đồng với Vestas cung cấp tuabin gió cho toàn bộ các DA Điện Gió của Công ty. Vestas là đơn vị cung cấp tuabin gió uy tín đặt mục tiêu tạo ra các tuabin gió không rác thải vào năm 2040. Điều này thể hiện trách nhiệm của đơn vị cung cấp cũng như lựa chọn sáng suốt của GEC đối với nhà cung ứng. Các tuabin của Vestas đã được tích hợp công nghệ Serrated Trailing Edges – làm giảm mức ồn của cánh quạt ra các khu vực xung quanh. Như vậy về mặt kỹ thuật, thiết kế và cam kết của đơn vị cung cấp đã góp phần giảm thiểu rủi ro đối với cộng đồng xung quanh.<br>Bên cạnh đó, rủi ro của tuabin gió đối với sinh thái đặc trưng nhất chính là ảnh hưởng đến động vật bay (chim, dơi) khi luồng bay của chúng quét qua vòng quay tuabin. Chính vì vậy, các DA Điện Gió của GEC đều đã được thực hiện ESIA trước khi vào vận hành, trong đó, đánh giá tác động đối với chim dơi là một phần không thể thiếu của báo cáo ESIA này. Từ đó công ty đã xây dựng ESMP bao gồm chương trình giám sát chim dơi hàng năm. | | |

## CHỦ ĐỀ: TÁC ĐỘNG SINH THÁI CỦA VIỆC PHÁT TRIỂN DA

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Mã số | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Rủi ro đặc trưng khác của Điện Gió đối với cộng đồng chính là rủi ro văng cánh, văng tuyết cũng như bóng nhấp nháy. Là một nước nhiệt đới, các DA của công ty không có hiện tượng văng tuyết. Các rủi ro còn lại, đã được công ty tham vấn với cộng đồng xung quanh DA một cách kỹ lưỡng và xây dựng cơ chế khiếu nại đầy đủ nhằm tiếp nhận ý kiến của người dân. Thiết kế DA cũng đã tính toán đến khoảng cách an toàn theo quy định về Điện Gió.<br>Với gần 10 năm áp dụng các tiêu chuẩn MTXH quốc tế, việc đánh giá các rủi ro của Điện Gió là điều kiện tiên quyết để GEC xây dựng lộ trình kinh doanh bền vững đối với loại hình năng lượng này. | | |

## CHỦ ĐỀ: TÌM NGUỒN CUNG ỨNG VẬT LIỆU

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Mã số | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| Mô tả về việc quản lý rủi ro liên quan đến việc sử dụng vật liệu quan trọng. | n/a | RR-WT-440a.1 | Loại trừ, vì GEC không phải đơn vị sản xuất tuabin gió và các linh kiện liên quan. | | |

## CHỦ ĐỀ: HIỆU QUẢ VẬT LIỆU

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Mã số | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| Năm loại vật liệu được tiêu thụ nhiều nhất, theo trọng lượng | Tấn | RR-WT-440b.1 | Loại trừ, vì GEC không phải đơn vị sản xuất tuabin gió và các linh kiện liên quan. | | |
| Khối lượng đầu tuabin trung bình trên mỗi công suất tuabin, theo loại tuabin gió | Tấn/MW | RR-WT-440b.2 | | | |
| Mô tả phương pháp tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vật liệu trong thiết kế tuabin gió | n/a | RR-WT-440b.3 | | | |

# NHÓM NHIỆM VỤ VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN TÀI CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN KHÍ HẬU - TCFD

| Trụ cột công bố | Nội dung công bố | Bài viết trong BCTN 2025 |
|---|---|---|
| **QUẢN TRỊ**<br>Vai trò và trách nhiệm của Ban lãnh đạo và đội ngũ điều hành trong việc quản lý rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu. | a) Mô tả sự giám sát của hội đồng quản trị đối với các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu | **Chương 4: Quản trị PTBV** |
| | b) Mô tả vai trò của BĐH trong việc đánh giá và quản lý các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu | **Chương 4: Quản trị PTBV** |
| **CHIẾN LƯỢC**<br>Tiết lộ những tác động thực tế và tiềm ẩn của các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu đối với hoạt động kinh doanh, chiến lược và kế hoạch tài chính của tổ chức | a) Mô tả các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu mà tổ chức đã xác định trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. | **Chương 4: Thân thiện với môi trường** |
| | b) Mô tả tác động của các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu đối với hoạt động kinh doanh, chiến lược và kế hoạch tài chính của tổ chức. | **Chương 4: Thân thiện với môi trường** |
| | c) Mô tả tác động tiềm tàng của các kịch bản khác nhau, bao gồm kịch bản 2°C, đối với hoạt động kinh doanh, chiến lược và kế hoạch tài chính của tổ chức. | **Chương 4: Thân thiện với môi trường** |
| **QUẢN LÝ RỦI RO**<br>Tiết lộ cách tổ chức xác định, đánh giá và quản lý các rủi ro liên quan đến khí hậu | a) Mô tả các quy trình của tổ chức để xác định và đánh giá các rủi ro liên quan đến khí hậu. | **Chương 4: Thân thiện với môi trường** |
| | b) Mô tả các quy trình của tổ chức để quản lý các rủi ro liên quan đến khí hậu. | **Chương 4: Thân thiện với môi trường** |
| | c) Mô tả cách các quy trình để xác định, đánh giá và quản lý các rủi ro liên quan đến khí hậu được tích hợp vào quản lý rủi ro tổng thể của tổ chức | **Chương 4: Thân thiện với môi trường** |
| **SỐ LIỆU VÀ MỤC TIÊU**<br>Công bố số liệu và mục tiêu được sử dụng để đánh giá và quản lý các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu. | a) Công bố các số liệu được tổ chức sử dụng để đánh giá các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu theo chiến lược và quy trình quản lý rủi ro của tổ chức. | **Chương 4: Thân thiện với môi trường** |
| | b) Công bố Phạm vi 1, Phạm vi 2 và nếu phù hợp, Phạm vi 3 phát thải khí nhà kính và các rủi ro liên quan. | **Chương 4: Thân thiện với môi trường** |
| | c) Mô tả các mục tiêu được tổ chức sử dụng để quản lý các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu và hiệu suất so với các mục tiêu | **Chương 4: Chiến lược PTBV đến 2030** |





# Hoạt động tuân thủ EHSS

Trong nhịp chuyển dịch sang mô hình kinh tế tuần hoàn và thích ứng khí hậu tại Việt Nam, GEC khẳng định: EHSS (Môi trường - Sức khỏe - An toàn - Xã hội) không chỉ là trách nhiệm tuân thủ, mà còn là lợi thế cạnh tranh cốt lõi. Công ty tin rằng, việc thực thi tốt các chuẩn mực EHSS là nền tảng để bảo vệ môi trường, thúc đẩy công bằng xã hội và đảm bảo sự thịnh vượng dài lâu cho doanh nghiệp.

Với sự hỗ trợ chiến lược từ các đối tác quốc tế, GEC đã vận hành thành công Hệ thống quản lý tích hợp chuẩn quốc tế. Hệ thống này đảm bảo mọi DA và NM của GEC không chỉ đáp ứng quy định pháp luật Việt Nam mà còn tiệm cận các tiêu chuẩn cao nhất về môi trường và xã hội toàn cầu, đóng góp trực tiếp vào lộ trình chuyển đổi năng lượng xanh.

Để làm được điều này, GEC đặc biệt chú trọng đào tạo thường xuyên nhằm nâng cao nguồn nhân lực về EHSS để đảm bảo mọi hoạt động đều tuân thủ pháp luật và giảm thiểu tối đa rủi ro cho môi trường và cộng đồng. Chúng tôi cam kết:



**01 BẢO TỒN MÔI TRƯỜNG & CHỐNG Ô NHIỄM:**

Áp dụng các giải pháp công nghệ để tiết kiệm năng lượng và xử lý chất thải bền vững. GEC cam kết duy trì hồ sơ môi trường minh bạch và tuân thủ tuyệt đối các quy định pháp lý hiện hành.

**02 LẤY CON NGƯỜI LÀM TRUNG TÂM:**

Thiết lập môi trường làm việc an toàn, công bằng và nhân văn. Chúng tôi đảm bảo mọi quyền lợi về lương thưởng, phúc lợi và nhân quyền theo Luật Lao động. GEC nói không với phân biệt đối xử, tạo cơ hội bình đẳng cho mọi cá nhân phát triển không phân biệt giới tính, độ tuổi hay sắc tộc.

**03 QUẢN TRỊ EHSS XUYÊN SUỐT VÒNG ĐỜI DA:**

Tiêu chuẩn EHSS được thẩm thấu vào mọi giai đoạn: Từ giai đoạn tìm kiếm, khảo sát DA cho đến giai đoạn thiết kế, thi công, vận hành và tháo dỡ DA, đảm bảo không có bất kỳ mắt xích nào bị bỏ lại phía sau.

**04 ĐÁNH GIÁ VÀ CẬP NHẬT LIÊN TỤC:**

Chủ động cập nhật các biến động pháp lý để điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời. Công tác kiểm tra, đánh giá tuân thủ EHSS được thực hiện định kỳ hàng năm nhằm nhận diện và giảm thiểu rủi ro từ sớm.

**05 TRÁCH NHIỆM VÀ MINH BẠCH VỚI CÁC BLQ:**

Xây dựng cơ chế báo cáo định kỳ, chính xác và trung thực tới các cơ quan chức năng, NĐT và cộng đồng về hiệu quả thực thi EHSS tại tất cả các địa điểm hoạt động của GEC.

# TUÂN THỦ TIÊU CHUẨN EHSS THEO LUẬT PHÁP VIỆT NAM VÀ THEO TIÊU CHUẨN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

GEC luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật, bao gồm Luật bảo vệ môi trường, Luật tài nguyên nước, Luật Lao động, Luật PCCC và các nghị định, thông tư liên quan đến pháp luật Việt Nam theo yêu cầu của CĐ JERA. Các biện pháp quản lý môi trường được triển khai đầy đủ, từ Báo cáo Đánh giá tác động Môi trường (ĐTM)/Giấy phép môi trường (GPMT)/Đăng ký môi trường (ĐKMT), giám sát môi trường đến quản lý chất thải nguy hại. Song song đó là các tiêu chuẩn thực hành của IFC theo yêu cầu của Nhà đầu tư DEG, SYM được thực hiện xuyên suốt trong quá trình phát triển DA và vận hành tại các NM.

THỦY ĐIỆN VỪA VÀ NHỎ

ĐIỆN MẶT TRỜI

ĐIỆN GIÓ

| | Tuân thủ Pháp luật Việt Nam; theo yêu cầu của JERA | Tuân thủ Tiêu chuẩn IFC; theo yêu cầu DEG, SYM |
|---|---|---|
| 01 | Báo cáo ĐTM/GPMT/ĐKMT cho các NM, DA | Bố trí cán bộ bán chuyên trách về EHSS tại các NM, DA |
| 02 | Báo cáo định kỳ về an toàn vệ sinh lao động, PCCC, y tế và bảo vệ môi trường theo quy định của Pháp luật | Bố trí cán bộ liên lạc cộng đồng tại các NM, DA |
| 03 | Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, PCCC, Sơ cấp cứu định kỳ | Thống kê các chỉ số liên quan đến EHSS tại các NM hàng tháng: Điện tự dùng, lượng nước sử dụng, lượng dầu, nhớt sử dụng |
| 04 | Kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn | Cập nhật khiếu nại và giải quyết khiếu nại của Cộng đồng vào sổ khiếu nại (khi có phát sinh) |
| 05 | Kiểm định các thiết bị Khí tượng thủy văn | Tuân thủ danh sách loại trừ của Tổ chức Tài chính phát triển Châu Âu |
| 06 | Cập nhật dữ liệu khai thác Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn | Tuân thủ theo Tiêu chuẩn IFC và Hướng dẫn Môi trường - Sức khỏe - An toàn (EHS) của Ngân hàng Thế giới. |
| 07 | Kiểm tra, đánh giá định kỳ về EHSS tại các NM | Báo cáo đánh giá tác động EHSS và biện pháp quản lý EHSS các DA mà DEG trực tiếp đầu tư |
| 08 | Nạp sạc, bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị PCCC và hệ thống PCCC | Gửi các tài liệu về EHSS của các DA mới cho DEG khi có quyết định chủ trương đầu tư |
| 09 | Bàn giao chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại cho các Đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý | Tuân thủ và hoàn thành kế hoạch hành động EHSS |
| 10 | Quan trắc các thông số môi trường | Tuân thủ kế hoạch quản lý EHSS tại các DA |
| 11 | Giám sát, đo đạc môi trường lao động | Áp dụng hệ thống quản lý ESMS đối với các NM, DA |
| 12 | Giám sát chất lượng nước sinh hoạt, ăn uống | Đánh giá tuân thủ EHSS định kỳ hàng năm |
| 13 | Thực tập ứng phó sự cố khẩn cấp: PCCC - cứu nạn cứu hộ tại các NM định kỳ hàng năm | |
| 14 | Cấp phát bảo hộ lao động định kỳ hàng năm | |
| 15 | Khám sức khỏe cho người lao động | |





# HỆ THỐNG QUẢN LÝ ESMS ĐANG THỰC HIỆN TẠI GEC

Hệ thống ESMS của GEC được xây dựng dựa trên Luật pháp Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế bao gồm các tiêu chuẩn thực hành của IFC và ISO 14001:2015. Hệ thống này bao gồm **37 Văn bản**, trong đó bao gồm các chính sách, quy trình và công cụ giám sát, đảm bảo rằng mọi hoạt động của công ty đều được thực hiện một cách có trách nhiệm và bền vững. ESMS không chỉ giúp GEC quản lý rủi ro mà còn tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, tăng cường sự minh bạch và trách nhiệm giải trình. Định kỳ hàng năm, hệ thống ESMS được rà soát và cải tiến để đáp ứng các yêu cầu mới, tạo sự tin cậy cho các BLQ.

Hệ thống được xây dựng dựa trên những nội dung sau:

| Nội dung | VBLQ tương ứng tại GEC |
|---|---|
| **Chính sách EHSS**<br>• GEC xây dựng một chính sách cam kết tuân thủ các quy định pháp luật, tiêu chuẩn quốc tế, và các mục tiêu bền vững.<br>• Cam kết giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng xung quanh các DA. | • Chính sách EHSS (Phụ lục 01 tại EHSS/ST-01 Sổ tay Quản lý hệ thống EHSS)<br>• EHSS/ST-02 Sổ tay mô tả Phạm vi hệ thống theo Tiêu chuẩn ISO 14001:2015 |
| **Nhận diện và Đánh giá Rủi ro**<br>• GEC thực hiện đánh giá tác động EHSS (ESIA) cho các DA mới.<br>• Xác định các rủi ro chính liên quan đến:<br>  ◦ Chất thải nguy hại thể rắn và thể lỏng<br>  ◦ Nước thải<br>  ◦ Đa dạng sinh học.<br>  ◦ Tiếng ồn, bụi, và ô nhiễm.<br>• Tác động đến cộng đồng (quyền sử dụng đất, tái định cư, lao động trẻ em, v.v.). | • EHSS/QĐ-02 Quy định mục tiêu môi trường<br>• EHSS/QĐ-04 Quy định An toàn, Vệ sinh lao động, Môi trường, Sức khỏe và PCCC<br>• EHSS/QT-04 Quy trình vòng đời DA<br>• EHSS/QT-06 Quy trình nhận diện và đánh giá cơ hội, rủi ro khía cạnh Môi trường, an toàn lao động<br>• EHSS/QT-10 Quy trình đánh giá tác động Môi trường xã hội (ESIA)<br>• EHSS/HD-08 Hướng dẫn sàng lọc và đánh giá trách nhiệm MTXH cho DA<br>• EHSS/ST-01 Sổ tay quản lý Hệ thống EHSS<br>• EHSS/ST-03 Sổ tay sơ cấp cứu<br>• EHSS/ST-07 Sổ tay E&S của GECG |
| **Cơ cấu Tổ chức và Trách nhiệm**<br>• GEC cần thiết lập một nhóm quản lý ESMS chuyên biệt, với các vị trí chịu trách nhiệm về:<br>  ◦ Môi trường và xã hội.<br>  ◦ An toàn và sức khỏe. | • EHSS/QĐ-03 Quy định chức danh và Mô tả công việc về EHSS |
| **Chương trình Quản lý và Giám sát**<br>• Thiết lập kế hoạch chi tiết để giảm thiểu và kiểm soát các rủi ro.<br>• Các chương trình cụ thể:<br>  ◦ Quản lý chất thải: Xử lý chất thải theo quy định.<br>  ◦ Bảo vệ đa dạng sinh học: Hạn chế ảnh hưởng đến hệ sinh thái xung quanh các DA thủy điện, điện gió.<br>• Giám sát sức khỏe và an toàn lao động: Thực hiện kiểm tra định kỳ và huấn luyện nhân viên. | • EHSS/ST-04 Sổ tay Môi trường, sức khỏe, an toàn, xã hội cho NM Điện Mặt trời<br>• EHSS/ST-05 Sổ tay Môi trường, sức khỏe, an toàn, xã hội cho NM Thủy điện<br>• EHSS/ST-06 Sổ tay Môi trường, sức khỏe, an toàn, xã hội cho NM Điện Gió<br>**Môi trường:**<br>• EHSS/QT-07 Quy trình ứng phó sự cố khẩn cấp về an toàn, môi trường<br>• EHSS/QT-08 Quy trình quản lý ô nhiễm môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015<br>• EHSS/QT-13 Quy trình quản lý chất thải |

| Nội dung | VBLQ tương ứng tại GEC |
|---|---|
| | • EHSS/HD-01 Hướng dẫn quản lý đa dạng sinh học<br>• EHSS/HD-02 Hướng dẫn quản lý di sản văn hóa<br>• EHSS/HD-10 Hướng dẫn quản lý xói lở<br>**Xã hội:**<br>• EHSS/HD-06 Hướng dẫn về người bản địa<br>• EHSS/HD-09 Hướng dẫn thu hồi đất<br>**Sức khỏe và an toàn cộng đồng:**<br>• EHSS/QT-16 Quy trình sức khỏe và an toàn cộng đồng<br>**Sức khỏe và an toàn lao động:**<br>• EHSS/QT-02 Quy trình kiểm định các thiết bị yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động<br>• EHSS/QT-18 Quy trình trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân<br>**Quản lý bên thứ ba:**<br>• EHSS/QT-09 Quy trình đánh giá rủi ro MTXH nhà cung ứng<br>• EHSS/HD-03 Hướng dẫn quản lý nhà thầu |
| **Tham vấn và Gắn kết Cộng đồng**<br>• GEC thiết lập cơ chế tham vấn cộng đồng minh bạch trong suốt vòng đời DA.<br>• Xử lý khiếu nại: Hệ thống thu nhận và giải quyết ý kiến từ cộng đồng hoặc công nhân. | **BLQ bên ngoài:**<br>• EHSS/QT-05 Quy trình quản lý các báo cáo gửi Cơ quan Nhà nước<br>• EHSS/HD-04 Hướng dẫn tham gia của các BLQ<br>• EHSS/HD-05 Hướng dẫn Cán bộ liên lạc cộng đồng<br>• EHSS/HD-07 Hướng dẫn trao đổi thông tin theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015<br>**BLQ nội bộ:**<br>• EHSS/QT-14 Quy trình cơ chế khiếu nại của người lao động liên quan đến EHSS |
| **Giám sát, Đánh giá và Báo cáo**<br>• Thực hiện các chương trình giám sát định kỳ (hàng quý, hàng năm) để đánh giá hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu.<br>• Báo cáo minh bạch về hiệu quả quản lý EHSS. | • EHSS/QT-11 Quy trình đánh giá nội bộ<br>• EHSS/QT-12 Quy trình họp xem xét của Lãnh đạo theo Tiêu chuẩn ISO 14001:2015<br>• EHSS/QĐ-05 Quy định tương tác, hỗ trợ EHSS |
| **Đào tạo và Nâng cao Năng lực**<br>• GEC tổ chức các chương trình đào tạo cho nhân viên, nhà thầu, và các BLQ về:<br>  • Nhận thức về EHSS.<br>  • Chính sách và quy trình ESMS.<br>  • Ứng phó khẩn cấp và quản lý sự c | • Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Công ty |
| **Cải tiến liên tục**<br>• Đánh giá hiệu quả của ESMS và cải tiến dựa trên:<br>  • Kết quả giám sát.<br>  • Phản hồi từ cộng đồng.<br>  • Các thay đổi trong chính sách hoặc pháp luật. | • EHSS/QT-03 Quy trình xác định nghĩa vụ tuân thủ theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015<br>• EHSS/QT-01 Quy trình quản lý sự không phù hợp và hành động khắc phục, phòng ngừa |





# THỰC HÀNH EHSS TẠI CÁC NM VÀ DA CỦA GEC

Tại GEC, các NM và DA đều được quản lý theo các tiêu chuẩn EHSS cao nhất. Chúng tôi triển khai các biện pháp giám sát môi trường định kỳ, bao gồm kiểm tra chất lượng nước, không khí và đất. Các chương trình quản lý chất thải cũng được thực hiện chặt chẽ, với sự hợp tác từ các đơn vị xử lý chất thải được cấp phép.

## TUÂN THỦ EHSS CHO DA

| GIAI ĐOẠN | TUÂN THỦ EHSS ĐỐI VỚI CÁC NM/DA THỦY ĐIỆN, ĐIỆN MẶT TRỜI VÀ ĐIỆN GIÓ TẠI GEC |
|---|---|
| **Tìm kiếm, khảo sát DA** | Thực hiện theo Quy trình tìm kiếm, khảo sát DA năng lượng mã số PTDA/QT-08 hiệu lực ngày 24/9/2025<br>• Đánh giá sơ bộ tác động môi trường xã hội: sinh kế người dân, đa dạng sinh học, các khu vực nhạy cảm (quốc phòng, bảo tồn) |
| **Chuẩn bị** | • Báo cáo ĐTM/GPMT/ĐKMT<br>• Đào tạo nhận thức cho Cán bộ liên lạc cộng đồng (CLO)<br>• Phân công Nhân sự phụ trách EHSS<br>• Xem xét và phê duyệt các kế hoạch quản lý EHSS của nhà thầu |
| **Xây dựng** | • Quản lý chất thải, chất thải xây dựng, chất thải nguy hại<br>• Quản lý nước thải<br>• Quản lý xói lở<br>• Giấy phép khai thác sử dụng nước mặt, nước dưới đất<br>• Giấy phép sử dụng khu vực biển<br>• Lắp đặt trạm khí tượng thủy văn (đo mưa, đo mực nước, lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu, xả qua nhà máy, xả qua tràn)<br>• Lắp đặt cột thủy chí<br>• Quản lý An toàn vệ sinh lao động<br>• Quản lý phòng chống cháy nổ |
| **Vận hành** | • Duy trì dòng chảy tối thiểu<br>• Báo cáo công tác bảo vệ môi trường<br>• Báo cáo tình hình khai thác sử dụng nước mặt, nước dưới đất<br>• Báo cáo sử dụng khu vực biển<br>• Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại<br>• Quản lý Đa dạng sinh học: Thực vật phù du, tảo, động vật đáy, thành phần cá, giám sát chim dơi.<br>• Quản lý chất lượng Môi trường lao động, Môi trường làm việc<br>• Quản lý an toàn vệ sinh lao động<br>• Quản lý phòng chống cháy nổ |

## TUÂN THỦ CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG TẠI NM VÀ DA

Bên cạnh việc duy trì triển khai các công tác môi trường định kỳ hằng năm, trong năm 2025, GEC đã hoàn thành việc cấp GPMT/ĐKMT cho toàn bộ các NM của GEC trên cơ sở khối lượng chất thải và nước thải phát sinh thực tế. Công tác này nhằm bảo đảm các NM của GEC tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, NĐ số 08/2022/NĐ-CP (NĐ 08) và NĐ số 05/2025/NĐ-CP (NĐ 05) của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 06/01/2025. Toàn bộ GPMT/ĐKMT sau khi được cấp đều được công khai thông tin theo quy định tại UBND cấp xã nơi NM/DA hoạt động.

## HỒ SƠ MÔI TRƯỜNG THEO QUY ĐỊNH LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, NĐ 08 VÀ NĐ 05

| Loại hình | Hoàn thành cấp GPMT/ĐKMT | Ghi chú |
|---|---|---|
| Thủy điện vừa và nhỏ | **12** NM Thủy điện: Ayun Thượng 1A, Đa Khai, Đắk Pi Hao 1, Đắk Pi Hao 2, H'Chan, H'Mun, Ia Đrăng 1, Ia Đrăng 2, Ia Đrăng 3, Ia Meur 3, Ia Puch 3, Thượng Lộ<br>**1** DA Thủy điện: Ea Tih | Theo Khoản 31, Điều 1, NĐ 05 hoàn thành cấp GPMT đối với các NM điện "phát sinh nước thải sinh hoạt xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 20 $m^3$/ngày trở lên hoặc nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 10 $m^3$/ngày trở lên" và hoàn thành cấp ĐKMT đối với các NM điện "phát sinh nước thải sinh hoạt xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng dưới 20 $m^3$/ngày và nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng dưới 10 $m^3$/ngày".<br>Công khai thông tin môi trường theo Điểm b, Khoản 1, Điều 102, NĐ 08. |
| Điện Mặt trời | **5** NM Điện Mặt trời: Đức Huệ 1, Hàm Phú 2, Krông Pa, Phong Điền, Trúc Sơn<br>**1** DA Điện Mặt trời: Đức Huệ 2 | |
| Điện Gió | **4** NM Điện Gió: Ia Bang 1, V.P.L 1, Tân Phú Đông 1 và 2<br>**1** DA Điện gió: VPL 2 | |

Hồ sơ tuân thủ môi trường là tập hợp các văn bản pháp lý và tài liệu kỹ thuật minh chứng việc công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động. Đây không chỉ là nghĩa vụ hành chính mà còn là công cụ để công ty quản trị rủi ro và xây dựng hình ảnh bền vững.

| Danh mục môi trường | Hồ sơ môi trường tuân thủ |
|---|---|
| 1 Hồ sơ quản lý môi trường theo Luật Việt Nam | 1 Báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM)<br>2 Giấy phép môi trường<br>3 Đăng ký môi trường<br>4 Báo cáo công tác bảo vệ môi trường<br>5 Hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt<br>6 Hợp đồng thu gom Chất thải nguy hại<br>7 Chứng từ thu gom Chất thải nguy hại |
| 2 Hồ sơ quản lý môi trường theo tiêu chuẩn Quốc tế | 1 Hồ sơ đánh giá ISO 14001:2015 định kỳ hàng năm<br>2 Báo cáo Đánh giá tác động môi trường và xã hội (ESIA)<br>3 Kế hoạch hành động môi trường và xã hội (ESAP)<br>4 Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (ESMP)<br>5 Hồ sơ tham gia của các bên liên quan (SEP) và công bố thông tin, công bố cơ chế khiếu nại CGM<br>6 Báo cáo sàng lọc E&S và báo cáo đánh giá sơ bộ ESDD dự án |
| 3 Hồ sơ quản lý tài nguyên | 1 Giấy phép khai thác sử dụng nước mặt<br>2 Giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất<br>3 Giấy phép sử dụng khu vực biển<br>4 Báo cáo tình hình khai thác nước mặt<br>5 Báo cáo tình hình khai thác nước dưới đất<br>6 Báo cáo sử dụng khu vực biển<br>7 Sổ nhật ký khai thác tài nguyên nước |
| 4 Hồ sơ quản lý đa dạng sinh học | Báo cáo giám sát chim di hàng năm tại NM |





## TUÂN THỦ AN TOÀN LAO ĐỘNG TẠI NM

An toàn lao động tại các NM và DA là yếu tố then chốt nhằm bảo vệ người lao động, thiết bị và đảm bảo vận hành liên tục. Người lao động tại GEC bắt buộc phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình an toàn, sử dụng đầy đủ trang bị bảo hộ và tuân thủ quy trình thao tác khi vận hành và bảo trì thiết bị. Việc tuân thủ chặt chẽ các tiêu chuẩn an toàn giúp GEC giảm thiểu rủi ro cho con người và tài sản, đồng thời nâng cao hiệu suất làm việc.

| Danh mục an toàn lao động | Hồ sơ an toàn lao động tuân thủ |
|---|---|
| Hồ sơ an toàn lao động và y tế | 1 Báo cáo chấp hành các quy định Pháp luật<br>2 Giấy phép đăng ký kinh doanh<br>3 Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể và Quy chế dân chủ<br>4 Sổ quản lý lao động<br>5 Hợp đồng lao động<br>6 Bảng chấm công, tính lương<br>7 Danh sách Nhân sự làm việc thuộc ngành nghề độc hại<br>8 Hồ sơ phân loại lao động - phân loại người lao động làm các công việc (Văn phòng, NM) có thuộc công việc nặng nhọc độc hại theo Thông tư 03/2025/TT-BLĐTBXH (nay là Bộ Nội vụ)<br>9 Danh sách Nhân sự làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về công tác An toàn vệ sinh lao động<br>10 Kế hoạch an toàn vệ sinh lao động hàng năm<br>11 Quyết định phân công nhiệm vụ các Nhân sự làm công tác chuyên trách/bán chuyên trách An toàn vệ sinh lao động, Sơ cấp cứu, An toàn vệ sinh viên; Quy chế hoạt động của đội An toàn vệ sinh viên, Sơ cấp cứu; Biên bản họp đội An toàn vệ sinh viên; Sổ theo dõi các kiến nghị và thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro tại nơi làm việc<br>12 VBLQ về An toàn:<br>• Quy định An toàn, Vệ sinh lao động, Môi trường, Sức khỏe và PCCC<br>• Quy trình kiểm định các thiết bị yêu cầu nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015<br>• Quy trình quản lý các báo cáo gửi Cơ quan nhà nước<br>• Quy trình nhận diện và đánh giá cơ hội, rủi ro - khía cạnh môi trường, an toàn lao động theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015<br>• Quy trình/Biện pháp đảm bảo An toàn vệ sinh lao động (tự kiểm tra)<br>• Quy trình ứng phó với sự cố khẩn cấp về An toàn Môi trường<br>13 Phiếu khai báo sử dụng các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (khai báo lần đầu/khi có thay đổi tăng hoặc giảm thiết bị)<br>14 Hồ sơ máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động (hồ sơ kỹ thuật Chứng nhận nguồn gốc xuất xứ, Chứng nhận chất lượng, lý lịch máy; sổ theo dõi các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; quyết định cử người quản lý, sử dụng và theo dõi các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; checklist kiểm tra máy, thiết bị định kỳ hàng tháng/quý)<br>15 Kết quả kiểm định định kỳ hàng năm các NM, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; sổ theo dõi kiểm định thiết bị nghiêm ngặt<br>16 Hồ sơ vệ sinh lao động, giấy phép hoạt động của đơn vị kiểm định; hồ sơ kiểm định/hiệu chuẩn của thiết bị sử dụng để kiểm định; chứng chỉ kiểm định viên |

| Danh mục an toàn lao động | Hồ sơ an toàn lao động tuân thủ |
|---|---|
| Hồ sơ an toàn lao động và y tế | 17 Sổ theo dõi liên quan hoạt động đào tạo/huấn luyện: An toàn vệ sinh lao động; Sơ cấp cứu; PCCC; An toàn điện; Vận hành các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn |
| | 18 Chứng chỉ đào tạo: An toàn vệ sinh lao động, an toàn điện; PCCC; Sơ cấp cứu; Vận hành máy, thiết bị nghiêm ngặt |
| | 19 Hồ sơ về Nhân viên Y tế tại Công ty/Hợp đồng dịch vụ y tế (Chăm sóc sức khỏe và cấp cứu) |
| | 20 Hồ sơ quản lý sức khỏe người lao động (file theo dõi có ký hàng năm); Hồ sơ khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp; Hồ sơ khám sức khỏe người lao động mới tuyển |
| | 21 Kết quả quan trắc Môi trường lao động định kỳ |
| | 22 Hồ sơ về việc cấp phát phương tiện bảo hộ cá nhân (Chứng nhận hợp quy bảo hộ lao động - PPE; Danh sách cấp phát và ký nhận cấp phát về PPE; Kiểm định các dụng cụ, phương tiện bảo hộ về an toàn điện: Ủng cách điện, thảm cách điện, sào cách điện...) |
| | 23 Hồ sơ về bồi dưỡng bằng hiện vật (quyết định bồi dưỡng bằng hiện vật; danh sách bồi dưỡng bằng hiện vật và ký nhận hiện vật) |
| | 24 Phiếu tự kiểm tra EHSS tại các NM |
| | 25 Kiểm tra các Biển báo về: An toàn điện; An toàn cơ khí, máy, thiết bị; An toàn làm việc trên cao; An toàn làm việc gần mép nước; An toàn vận hành bình áp lực, khí nén; An toàn làm việc trong không gian hạn chế; An toàn về vận hành thiết bị nâng (cần trục, cầu trục)... |
| | 26 Sổ theo dõi về các Nhà thầu, khách vào làm việc, tham quan NM và ký nhận đã được phổ biến về an toàn khi làm việc/tham quan tại NM<br>Tất cả các báo cáo theo quy định Luật An toàn Vệ sinh lao động: Báo cáo tổng hợp tình hình Tai nạn Lao động - 2 lần/năm; Báo cáo Y tế Lao động - 2 lần/năm; Báo cáo Hưởng ứng tháng an toàn vệ sinh lao động - Nếu có yêu cầu; Báo cáo Tình hình thực hiện công tác An toàn vệ sinh lao động - 1 lần/năm; Báo cáo Tuân thủ Pháp luật lao động - 1 lần/năm |
| Hồ sơ PCCC | 1 Hồ sơ thiết kế, thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu hệ thống PCCC của Công ty |
| | 2 Chứng nhận huấn luyện về PCCC và cứu nạn cứu hộ |
| | 3 Phương án PCCC của Công an PCCC |
| | 4 Phương án PCCC, cứu nạn cứu hộ của Công ty |
| | 5 Tổ chức thực tập PCCC hàng năm |
| | 6 Bộ hồ sơ về PCCC (hồ sơ nạp sạc PCCC; hồ sơ bảo dưỡng hệ thống PCCC; hồ sơ đo điện trở tiếp địa, nối đất; bảo hiểm cháy nổ bắt buộc) |
| | 7 Báo cáo công tác PCCC: Báo cáo công tác PCCC định kỳ - 2 lần/năm; Báo cáo về trang thiết bị PCCC - 1 lần/năm |
| | 8 Biên bản tự kiểm tra PCCC, Biên bản kiểm tra định kỳ của CQNN |
| | 9 Sổ theo dõi hoạt động của các thiết bị PCCC, cứu nạn cứu hộ |
| | 10 Tem kiểm tra PCCC tại các thiết bị PCCC |
| | 11 Nội quy về an toàn PCCC; Biển báo, biển cấm về PCCC, tiêu lệnh PCCC; Biển chỉ dẫn/ sơ đồ thoát nạn |
| | 12 Quyết định thành lập đội PCCC Công ty |
| | 13 Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc |

| Danh mục an toàn lao động | Hồ sơ an toàn lao động tuân thủ |
|---|---|
| An toàn đập | 1 Quy trình vận hành hồ chứa |
| | 2 Phương án phòng chống lụt bão hạ du đập |
| | 3 Phương án phòng chống lụt bão an toàn đập |
| | 4 Phương án bảo vệ đập, hồ chứa |
| | 5 Phương án cắm mốc giới xác định hành lang bảo vệ hồ chứa |
| | 6 Phương án cắm mốc giới xác định hành lang bảo vệ đập |
| | 7 Thu thập số liệu quan trắc đập hàng năm |
| | 8 Báo cáo kiểm định an toàn đập - định kỳ 5 năm/lần |
| | 9 Báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa nước - 1 lần/năm |
| | 10 Báo cáo đánh giá an toàn đập, hồ chứa - 1 lần/năm |
| Ứng phó sự cố khẩn cấp về EHSS | 1 Phương án ứng phó tình huống khẩn cấp |
| | 2 Phương án ứng phó thiên tai |
| | 3 Danh mục các trang thiết bị ứng phó sự cố khẩn cấp về EHSS tại Công ty |
| | 4 Chuẩn bị ứng phó với tình huống khẩn cấp bão, lũ: |
| | 5 • Chuẩn bị về lương thực, thực phẩm<br>• Chuẩn bị các trang thiết bị vật tư y tế<br>• Chuẩn bị phương tiện thông tin liên lạc<br>• Kiểm tra và xác nhận tình hình chuẩn bị và ứng phó tại cơ sở trước khi có sự cố |

## ĐÀO TẠO VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC EHSS

Năm 2025, Công ty đã ký kết hợp đồng với Đơn vị bên ngoài để tổ chức đào tạo, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho 501 người. Bên cạnh đó, theo phân công của BLĐ, Phòng EHSS đã thực hiện 3 chương trình đào tạo nội bộ, bao gồm: (i) đào tạo về việc tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường cho 43 người; (ii) đào tạo về dự báo thời tiết trong bối cảnh biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan cho 105 người; và (iii) đào tạo nâng cao nhận thức cho cán bộ CLO cho 1 nhân sự thuộc DA Điện Mặt trời Đức Huệ 2. Các chương trình đào tạo được triển khai theo hình thức trực tuyến, nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng cho CBNV và các BLQ trong công tác quản lý EHSS.

Thông qua các hoạt động này, GEC từng bước xây dựng đội ngũ nhân lực có năng lực, chủ động thích ứng với các yêu cầu pháp lý và rủi ro môi trường - xã hội, qua đó góp phần thực hiện hiệu quả các cam kết về mục tiêu PTBV của Công ty.

| | Chương trình đào tạo | Thành phần tham gia | Số lượng học viên |
|---|---|---|---|
| Đào tạo bên ngoài | Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động | GĐ chi nhánh, GĐ NM, Kỹ sư trưởng NM, Trạm trưởng NM, Nhân viên vận hành, Nhân sự làm việc tại văn phòng | 466 người |
| Đào tạo nội bộ | Đào tạo nội bộ NĐ 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường | GĐ chi nhánh, GĐ NM, Kỹ sư trưởng NM, Trạm trưởng NM, Nhân viên vận hành | 43 người |
| | Đào tạo nội bộ Dự báo thời tiết trong điều kiện biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan | GĐ chi nhánh, GĐ NM, Kỹ sư trưởng NM, Trạm trưởng NM, Nhân viên vận hành, Nhân sự làm việc tại văn phòng | 105 người |
| | Đào tạo nhận thức Cán bộ liên lạc cộng đồng DA Điện Mặt trời Đức Huệ 2 | Cán bộ liên lạc cộng đồng DA Điện Mặt trời Đức Huệ 2 | 1 người |



GRI 301 GRI 302 GRI 303 GRI 304
GRI 305 GRI 306 GRI 307 GRI 308

# Thân thiện với môi trường

Trong bối cảnh ngành năng lượng đóng vai trò huyết mạch cho nền kinh tế, GEC xác định PTBV không chỉ là trách nhiệm mà còn là sứ mệnh cốt lõi. Chúng tôi hiểu rằng, việc chuyển dịch từ nhiên liệu hóa thạch sang năng lượng tái tạo (NLTT) là chìa khóa để giải quyết cuộc khủng hoảng khí hậu. So với các nguồn điện truyền thống, việc sản xuất điện từ Gió, Mặt trời và Thủy điện của GEC giúp giảm thiểu đáng kể lượng phát thải khí nhà kính, trực tiếp góp phần vào mục tiêu Net Zero của quốc gia.

Việc duy trì và tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn ISO 14001 là minh chứng rõ nét cho chiến lược quản trị môi trường bài bản tại GEC. Bằng cách chuẩn hóa quy trình vận hành theo hệ thống quốc tế, chúng tôi không chỉ dừng lại ở việc đáp ứng các quy định pháp lý, mà còn chủ động tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên và kiểm soát rủi ro sinh thái. Đây chính là nền tảng để GEC kiến tạo các giá trị bền vững, gắn liền lợi ích kinh doanh với trách nhiệm bảo vệ môi trường và cộng đồng.

### CAM KẾT TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG

Doanh nghiệp chúng tôi cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định về môi trường. Trong kỳ báo cáo này, chúng tôi không ghi nhận bất kỳ vi phạm nào liên quan đến luật pháp hoặc quy định môi trường hiện hành. Đồng thời, không có khoản phạt tài chính hay biện pháp xử lý nào từ các cơ quan quản lý do vi phạm các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

## SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NĂNG LƯỢNG

Sở hữu danh mục NLTT đa dạng gồm Thủy điện, Điện Mặt trời và Điện Gió, GEC tối ưu hóa chuỗi giá trị bằng cách loại bỏ hoàn toàn các công đoạn gây tác động môi trường như đóng gói, lưu kho hay vận chuyển hàng hóa. Tuy nhiên, trong bối cảnh biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp với các hiện tượng thiên tai cực đoan như hạn hán kéo dài hay bão lũ bất thường, quản lý các nguồn tài nguyên tái tạo này cũng đi kèm với nhiều thách thức. Trong năm qua, GEC theo dõi biến động của lưu lượng nước, cường độ bức xạ và tốc độ gió, giúp dự báo sớm các kịch bản cực đoan, từ đó chủ động điều chuyển trọng tâm giữa các nguồn phát. Các dữ liệu về khí hậu được tích hợp trực tiếp vào khâu hoạch định, giúp doanh nghiệp linh hoạt điều chỉnh phương án kinh doanh và kịch bản vận hành theo từng giai đoạn thị trường, từ đó biến thách thức của biến đổi khí hậu thành cơ hội để khẳng định nội lực của mình.





## LƯỢNG NƯỚC ĐẦU VÀO

Trong cơ cấu nguồn điện của GEC, Thủy điện đóng vai trò quan trọng nhưng cũng là lĩnh vực chịu tác động trực tiếp và mạnh mẽ nhất từ BĐKH. Năm 2025 ghi nhận những diễn biến thủy văn "vô tiền khoáng hậu", đặt ra thử thách lớn cho năng lực điều tiết và quản trị nguồn nước của chúng tôi.

Nguyên nhân xảy ra các hiện tượng cực đoan về thời tiết diễn ra trong năm 2025 là do sự chuyển pha đột ngột từ El Nino sang trạng thái trung tính, rồi bước sang La Nina chỉ trong vài tháng khiến bầu khí quyển không kịp thích nghi, dẫn đến sự xáo trộn trong dòng gió mùa, dải hội tụ nhiệt đới và áp cao cận nhiệt đới - những yếu tố trực tiếp chi phối thời tiết Việt Nam. Chính sự tương tác phức tạp này đã làm gia tăng hơi nước trong khí quyển, khiến nhiều hệ thống gây mưa xuất hiện dồn dập và mang tính tổ hợp. Những sự kết hợp bất thường, đặc biệt giữa gió mùa, không khí lạnh, dải hội tụ nhiệt đới và hoàn lưu bão, tạo ra các trận mưa vượt xa chuẩn lịch sử. Đáng chú ý nhất là đợt mưa kỷ lục tới 1.739 mm trong 24 giờ tại đỉnh Bạch Mã (Thành phố Huế) diễn ra ngày 26-27/10 - mức lớn nhất từ trước đến nay ở Việt Nam và đứng thứ hai thế giới.

Trong năm này, GEC phải đối mặt với kịch bản thời tiết đối lập gay gắt tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

Nửa đầu năm khô hạn nghiêm trọng do hiện tượng El Nino hoạt động mạnh vào cuối năm 2024 đến đầu năm 2025. Mực nước tại các hồ chứa thường xuyên tiệm cận mực nước chết, làm suy giảm sản lượng điện và số giờ chạy máy. Cuối năm mưa bão kỷ lục: Trái ngược với tình trạng thiếu nước, những tháng cuối năm 2025 chứng kiến các đợt bão lũ dồn dập với lượng mưa kỷ lục tại miền Trung. Lưu lượng nước về hồ tăng đột biến trong thời gian ngắn, gây áp lực cực lớn lên công tác vận hành an toàn đập và điều tiết lũ cho hạ du.

| Sử dụng tài nguyên nước | 2023 | 2024 | 2025 | So sánh 2025/2024 |
|---|---|---|---|---|
| Khối lượng nước khai thác của 12 NM Thủy điện (tỷ $m^3$) | 2,48 | 2,20 | 2,61 | +18,6% |
| Số giờ vận hành trung bình tại các NM (giờ) | 4.551 | 4.043 | 4.735 | +17,1% |

## NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Năm 2025 đánh dấu một năm đầy biến động với những hình thái thời tiết cực đoan, khi mưa bão và lũ lụt xuất hiện với tần suất dày đặc. Đối với các dự án Điện Mặt trời của GEC, việc thiếu hụt nắng do mùa mưa kéo dài đã gây áp lực lên các chỉ tiêu sản lượng. Đặc biệt, tại khu vực ven biển miền Trung, các đợt thiên tai dồn dập không chỉ gây khó khăn cho công tác vận hành mà còn tiềm ẩn nguy cơ hư hại thiết bị quang năng.

Trước tình hình đó, GEC đã thực hiện chiến lược "vận hành bền bỉ", tăng cường hệ thống thoát nước, gia cố cơ cấu giá đỡ và tối ưu hóa quy trình bảo trì phản ứng nhanh. Dù chi phí vận hành có xu hướng tăng do ảnh hưởng của bão lũ, chúng tôi vẫn cam kết đảm bảo an toàn hệ thống và nỗ lực duy trì dòng điện sạch trong mọi điều kiện thời tiết khắc nghiệt.

| Sử dụng tài nguyên Mặt trời | 2023 | 2024 | 2025 | So sánh 2025/2024 |
|---|---|---|---|---|
| NM Điện Mặt trời Trúc Sơn | 1.599 | 1.517 | 1.543 | +1,7% |
| NM Điện Mặt trời Phong Điền | 1.510 | 1.796 | 1.388 | -22,7% |
| NM Điện Mặt trời Krông Pa | 1.771 | 1.866 | 1.688 | -9,5% |
| NM Điện Mặt trời Hàm Phú | 1.886 | 1.891 | 1.867 | -1,3% |
| NM Điện Mặt trời Đức Huệ | 1.825 | 1.627 | 1.796 | +10,4% |
| **Bức xạ trung bình tại các NM Điện Mặt trời (kWh/$m^2$/năm)** | **1.718** | **1.739** | **1.656** | **-4,8%** |

## NĂNG LƯỢNG GIÓ

Năm 2025 mở ra cơ hội vàng để điện gió khẳng định vai trò trụ cột trong hệ thống năng lượng quốc gia, nhưng cũng là bài kiểm tra về sức chống chịu của hạ tầng trước một hành tinh đang ấm lên và các hình thái thời tiết ngày càng khó lường.

Bước sang năm 2025, ngành điện gió Việt Nam đang chứng kiến sự dịch chuyển đáng kể về hình thái thời tiết khi hiện tượng La Nina dần chiếm ưu thế sau một năm 2024 đầy biến động dưới tác động của El Nino. Sự thay đổi này không chỉ làm thay đổi bản đồ nhiệt mà còn trực tiếp tác động đến quy luật vận hành của các dòng khí lưu trên toàn quốc.

Trái ngược với sự suy yếu của gió mùa trong các kỳ El Nino trước đó, năm 2025 ghi nhận sự hoạt động mạnh và đều đặn hơn của gió mùa Đông Bắc. Ở khu vực phía Nam, sự tương tác giữa La Nina và địa hình giúp duy trì tốc độ gió ổn định tại các vùng ven biển Tây Nam Bộ, tạo điều kiện lý tưởng cho các dự án điện gió trên bờ và gần bờ gia tăng sản lượng.

Dù gió mạnh hơn mang lại tiềm năng năng lượng lớn, nhưng La Nina năm 2025 cũng đi kèm với rủi ro cao về bão và áp thấp nhiệt đới tập trung dồn dập vào nửa cuối năm. Những cơn bão mạnh có thể khiến các turbine phải tạm dừng hoạt động (cut-out) để đảm bảo an toàn, gây gián đoạn nguồn cung đột ngột. Bên cạnh đó, mưa lớn kỷ lục và lũ lụt tại miền Trung và Tây Nguyên đòi hỏi các đơn vị vận hành phải nâng cao khả năng bảo trì hạ tầng lưới điện và trạm biến áp trước nguy cơ sạt lở hoặc ngập lụt.

| Sử dụng tài nguyên gió | 2023 | 2024 | 2025 | So sánh 2025/2024 |
|---|---|---|---|---|
| NM Điện Gió la Bang 1 | 6,13 | 6,16 | 6,26 | +1,62% |
| NM Điện Gió Tân Phú Đông 1 | 6,13 | 6,35 | 6,17 | -2.83% |
| NM Điện Gió Tân Phú Đông 2 | 6,28 | 6,37 | 5,99 | -5.96% |
| NM Điện Gió VPL | 6,81 | 6,74 | 6,46 | -4.15% |
| **Vận tốc gió trung bình các NM Điện Gió của GEC khai thác (m/s)** | 6,34 | 6,41 | 6,22 | -2.96% |

Ý thức rõ tác động trực tiếp của BĐKH đến hiệu suất NLTT, năm 2025, GEC tiếp tục duy trì năng lực quản trị rủi ro thông qua hệ thống dự báo thời tiết. Chúng tôi thiết lập mạng lưới tiếp nhận dữ liệu thời gian thực từ các tổ chức uy tín hàng đầu như Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, Cơ quan Khí tượng Nhật Bản (JMA), Cục quản lý Thiên văn, Địa vật lý và Khí quyển Philippines (PAGASA), Viện nghiên cứu quốc tế về khí hậu và xã hội (IRI) và Cơ quan Quản lý Khí quyển và Đại dương Quốc gia Mỹ (NOAA) - các cơ quan khí hậu đã áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để tính toán các mô hình khí hậu chính xác, hiệu quả.

Đặc biệt, vào cuối tháng 12/2025, NOAA đã công bố bộ mô hình thời tiết AI mới bao gồm ba ứng dụng riêng biệt: AIGFS (Hệ thống Dự báo Toàn cầu bằng Trí tuệ Nhân tạo); AIGEFS (Hệ thống Dự báo Tổ hợp Toàn cầu bằng Trí tuệ Nhân tạo); HGEFS (Hệ thống Dự báo Tổ hợp Toàn cầu Lai) càng giúp nâng cao độ chính xác của dự báo quy mô lớn.

Tận dụng, tổng hợp và phân tích chuyên sâu các dữ liệu này, GEC định kỳ phát hành các bản tin dự báo từ ngắn hạn đến dài hạn, giúp nhận diện sớm các hình thái thời tiết cực đoan. Đây là cơ sở quan trọng để Công ty chủ động kịch bản ứng phó khẩn cấp, bảo vệ an toàn cho nguồn nhân lực, tài sản và tối ưu hóa kế hoạch điều tiết sản xuất trước những biến động thất thường của thiên nhiên. Năm 2025 Phòng EHSS cũng đã thực hiện đào tạo nội bộ Dự báo thời tiết trong điều kiện BĐKH và thời tiết cực đoan cho các NM, tổng cộng 105 nhân sự tham gia. Công tác đào tạo này nhằm tăng cường kiến thức và kĩ năng dự báo thời tiết, giúp các đơn vị sản xuất chủ động nắm bắt để tăng cường ứng phó với các hình thái thời tiết, đảm bảo SXKD ổn định.

## TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRONG TỔ CHỨC

GEC cam kết quản lý năng lượng một cách bền vững và minh bạch, tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của GRI 302-1 về tiêu thụ năng lượng trong tổ chức. Trong quá trình vận hành các NM NLTT như Thủy điện, Điện Mặt trời và Điện Gió, Công ty thực hiện đo lường, theo dõi và báo cáo tổng lượng năng lượng tiêu thụ, bao gồm cả năng lượng từ nguồn tái tạo và không tái tạo.

| Năm | Tổng năng lượng tiêu thụ (MWh) | Tiêu thụ dầu Diesel (lít) | Tiêu thụ Xăng (lít) | Sử dụng Gas (kg) | Xăng sử dụng để di chuyển của CBNV (lít) |
|---|---|---|---|---|---|
| 2023* | 8.144 | 56.566 | 36.573 | 503 | 48.385 |
| 2024 | 8.402 | 41.807 | 42.085 | 668 | 58.508 |
| 2025 | 10.544 | 46.840 | 40.361 | 352 | 95.000 |

## NƯỚC

GEC tuân thủ sử dụng nguồn khai thác từ nước ngầm, nước mặt, nước máy theo Luật Tài nguyên nước 2023 và các nghị định, thông tư có liên quan. Thực hiện hướng dẫn, đào tạo cho các NM thực hiện đúng quy định.

### Tương tác với nước như một nguồn tài nguyên

**Thủy điện:** Nguyên vật liệu chủ yếu để vận hành NM Thủy điện là nguồn nước thiên nhiên được dẫn từ các sông, suối về các hồ chứa. Nguồn nước được sử dụng để sản xuất điện từ hồ chứa thông qua đập tràn, đường ống dẫn nước, nước chảy làm quay cánh Tuabin, biến động năng của dòng nước trở thành điện năng. Nước sau khi đi qua cánh Tuabin được đưa trở lại hạ lưu, cung cấp nước tưới tiêu dưới hạ lưu.

Nguồn nước sinh hoạt tại các NM Thủy điện được lấy từ nước bình mua từ bên ngoài, nước giếng, nước mưa hoặc từ nguồn nước mạch (nước chảy ra từ khe đá). Tùy thuộc thời điểm trong năm hoặc điều kiện cho phép, NM sẽ lựa chọn nguồn nước phù hợp để sử dụng.

| NM | Nguồn nước | Thuộc hệ thống sông |
|---|---|---|
| Thủy điện la Đrăng 1 | Suối la Đrăng | Sông Sêrêpôk |
| Thủy điện la Đrăng 2 | Suối la Đrăng | Sông Sêrêpôk |
| Thủy điện la Đrăng 3 | Suối la Đrăng | Sông Sêrêpôk |
| Thủy điện la Meur 3 | Suối la Đrăng | Sông Sêrêpôk |
| Thủy điện la Puch 3 | Sông la Puch | Sông Sêrêpôk |
| Thủy điện Đắk Pi Hao 1 | Suối Đắk Pi Hao | Sông Ba |
| Thủy điện Đắk Pi Hao 2 | Suối Đắk Pi Hao | Sông Ba |
| Thủy điện Ayun Thượng 1A | Sông Ayun | Sông Ba |
| Thủy điện HChan | Sông Ayun | Sông Ba |
| Thủy điện Hmun | Sông Ayun | Phụ lưu cấp 1 Sông Ba |
| Thủy điện Đa Khai | Suối Đa Khai | Sông Đồng Nai |
| Thủy điện Thượng Lộ | Sông Ba Ran | Sông Hương |

**Điện Mặt trời và Điện Gió:** tại các khu vực chưa có nước máy, các NM sử dụng nước dưới đất để cung cấp nước sinh hoạt và sử dụng trong NM với các mục đích tưới cây, rửa tấm quang năng, PCCC. Tất cả các giếng khoan đều xin cấp phép hoặc tiến hành đăng ký khai thác theo quy định.

**Đối với các cơ sở còn lại, bao gồm cả Văn phòng:** sử dụng nước máy theo hệ thống nước máy tại khu vực.

## Quản lý các vấn đề liên quan đến nước

Quản lý tài nguyên nước, đòi hỏi sự kết hợp giữa bảo tồn, giám sát, và sử dụng hợp lý để đảm bảo nguồn nước bền vững cho các nhu cầu hiện tại và tương lai. Quản lý tài nguyên nước hiệu quả không chỉ bảo vệ nguồn cung nước mà còn góp phần ổn định hệ sinh thái, hỗ trợ phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội.

| Nội dung quản lý | Chính sách quản lý | Biện pháp quản lý |
|---|---|---|
| Nước mặt, nước dưới đất, nước biển (trong sử dụng khu vực biển) | Bảo vệ và kiểm soát khai thác | • Kiểm soát chất lượng nước: Thực hiện quan trắc định kỳ nước mặt hồ chứa và nước mặt sau hạ lưu (đối với nước mặt), quan trắc chất lượng nước giếng (đối với nước dưới đất) nhằm kiểm soát chất lượng nước, từ đó đánh giá được cần thêm các biện pháp quản lý chất lượng nước liên quan.<br>• Duy trì dòng chảy tối thiểu: Đảm bảo dòng chảy tối thiểu ở các sông, suối để duy trì hệ sinh thái thủy sinh và cung cấp nước cho cộng đồng hạ lưu. Các DA Thủy điện hoặc hồ chứa cần tích hợp kế hoạch vận hành để không làm suy giảm nguồn nước.<br>• Kiểm soát khai thác: Quản lý việc khai thác nước từ sông suối, giếng khoan để phục vụ sản xuất, sinh hoạt theo Giấy phép khai thác nước mặt đã được cơ quan ban ngành cấp phép. Tuân thủ quy định về lưu lượng khai thác.<br>• Kiểm soát xả thải: Tất cả nước thải từ hoạt động sản xuất hoặc sinh hoạt được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường, tránh gây ô nhiễm dầu, hóa chất, hoặc chất thải. Toàn bộ Chất thải nguy hại, chất thải rắn phát sinh trong quá trình vận hành, bảo trì bảo dưỡng đều được thu gom, phân loại, lưu giữ trong kho chứa của NM, ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có đủ năng lực xử lý.<br>• Ứng phó sự cố tràn dầu hoặc hóa chất: Xây dựng kế hoạch phòng ngừa và ứng phó nhanh với các sự cố tràn dầu, hóa chất để giảm thiểu thiệt hại cho môi trường biển. |
| | Đánh giá rủi ro | • Các công trình xây dựng như đập, hồ chứa, hoặc khai thác nước ngầm cần đánh giá tác động (ĐTM, ESIA) chi tiết và áp dụng biện pháp giảm thiểu phù hợp để không gây suy thoái nguồn nước. |
| | Đảm bảo sự tham gia của cộng đồng và các bên liên quan | • Phối hợp với ngư dân địa phương: Đảm bảo các hoạt động của Công ty không gây xung đột về sử dụng không gian biển, đặc biệt với các cộng đồng dựa vào đánh bắt cá và sinh kế từ biển.<br>• Tuân thủ quy hoạch và quy định: Đảm bảo các hoạt động sử dụng khu vực biển phù hợp với quy hoạch không gian biển quốc gia, bao gồm việc tuân thủ các quy định liên quan đến quyền sử dụng, Bảo vệ Môi trường và an ninh hàng hải.<br>• Phối hợp đa ngành: Quản lý tài nguyên nước phối hợp giữa Sở công thương, Sở Tài nguyên môi trường các tỉnh, Cục quản lý tài nguyên nước. |
| | Giám sát và báo cáo | • Quan trắc môi trường: Quan trắc môi trường định kỳ theo ĐTM đã được phê duyệt.<br>• Báo cáo định kỳ: Thực hiện báo cáo với các cơ quan quản lý nhà nước về khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất, khu vực biển, đảm bảo minh bạch và đáp ứng các yêu cầu pháp lý. |

## Khai thác nước và tiêu thụ nước

Tại GEC, chúng tôi xem nguồn nước là tài sản chiến lược và là mạch máu duy trì hoạt động của hệ thống các NM Thủy điện. Nhận thức sâu sắc về rủi ro cạn kiệt tài nguyên, GEC thực thi triết lý 'Quản trị nước trách nhiệm' thông qua việc tích hợp các tiêu chuẩn vận hành bền vững vượt trên sự tuân thủ đơn thuần. Chúng tôi không chỉ duy trì nghiêm ngặt các giấy phép khai thác nước mặt mà còn tiên phong trong việc bảo tồn dòng chảy môi trường và hệ sinh thái thủy sinh. Quy trình quan trắc chất lượng nước và báo cáo định kỳ được thực hiện với độ chính xác cao, đảm bảo mọi giọt nước được sử dụng hiệu quả, minh bạch và hài hòa với lợi ích của cộng đồng địa phương.

| Tiêu thụ nước | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|
| Nước mặt ($m^3$) | 2.481.162.494 | 2.203.438.334 | 2.610.248.704 |
| Nước ngầm ($m^3$) | 20.348 | 13.441 | 12.549 |
| Nước máy ($m^3$) | 8.656 | 8.788 | 7.586 |

## Xả thải nước

GEC cam kết quản lý nước thải một cách bền vững, tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế theo hướng dẫn của GRI 303-4. Trong mọi hoạt động sản xuất và vận hành, bao gồm Thủy điện, Điện Mặt trời và Điện Gió, chúng tôi thực hiện các biện pháp xử lý nước thải nghiêm ngặt để đảm bảo không gây tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng.

Chúng tôi đã tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, bao gồm việc hoàn thiện và duy trì giấy phép môi trường cũng như đăng ký môi trường đối với các DA và cơ sở hoạt động. Tất cả nước thải phát sinh, từ nước thải sinh hoạt đến nước thải công nghiệp, đều được thu gom và xử lý thông qua các hệ thống xử lý đạt tiêu chuẩn, trước khi xả thải ra môi trường. Hệ thống xử lý này được thiết kế và vận hành để đảm bảo các chỉ số quan trọng như nhu cầu oxy sinh hóa (BOD), nhu cầu oxy hóa học (COD), chất rắn lơ lửng (TSS), và các chất ô nhiễm nguy hại khác đều đạt tiêu chuẩn quy định trong giấy phép môi trường theo QCVN 40:2011/BTNMT Nước thải công nghiệp.

| Thông số | Đơn vị | Giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp | |
|---|---|---|---|
| | | Cột A | Cột B |
| Nhiệt độ | $^0C$ | 40 | 40 |
| pH | | 6-9 | 5,5-9 |
| Nhu cầu oxy sinh hóa BOD5 ($20^0C$) | mg/l | 30 | 50 |
| Nhu cầu oxy hóa học COD | mg/l | 75 | 150 |
| Chất rắn lơ lửng TSS | mg/l | 50 | 100 |
| Amoni tính theo Nitơ | mg/l | 5 | 10 |
| Tổng Nitơ | mg/l | 20 | 40 |
| Tổng Phot Pho | mg/l | 4 | 6 |
| Coliform | vi khuẩn/100 ml | 3.000 | 5.000 |

Công ty cũng thực hiện giám sát định kỳ và báo cáo về lượng nước thải và chất lượng nước xả thải. Chúng tôi đặc biệt chú trọng đến các khu vực nhạy cảm về môi trường như sông ngòi, hồ chứa và các hệ sinh thái xung quanh khu vực DA. Điều này bao gồm đánh giá tác động môi trường thường xuyên và xây dựng các kế hoạch giảm thiểu rủi ro, đảm bảo dòng chảy tối thiểu và duy trì sức khỏe của các hệ sinh thái thủy sinh.

Để đảm bảo minh bạch và đáp ứng yêu cầu về công bố thông tin, chúng tôi thực hiện báo cáo định kỳ với các cơ quan quản lý về quản lý nước thải và hiệu suất xử lý. Ngoài ra, Công ty còn chủ động áp dụng các giải pháp tiết kiệm nước và tái sử dụng nước thải đã xử lý trong các hoạt động vận hành, nhằm giảm thiểu khai thác nguồn nước tự nhiên.

Thông qua các nỗ lực này, Công ty không chỉ đáp ứng yêu cầu pháp lý mà còn khẳng định trách nhiệm trong việc Bảo vệ Môi trường và PTBV, góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên nước cho các thế hệ tương lai.

## ĐA DẠNG SINH HỌC

GEC chỉ đầu tư vào các DA thuộc loại B và C và tuân thủ theo "Danh sách loại trừ" khi đầu tư DA mới hoặc M&A DA. Các NM của GEC thực hành quản lý về E&S đã cam kết trong ESIA khi đầu tư DA mới hoặc theo ESAP cho DA M&A.

| NM đánh giá E&S theo Tiêu chuẩn IFC | Đánh giá tác động đến E&S | Phân loại theo IFC | Tình trạng tuân thủ về E&S tại các NM của GEC |
|---|---|---|---|
| **12 NM Thủy điện:** Ia Đrăng 1, Ia Đrăng 2, Ia Đrăng 3, Ia Muer 3, Ia Puch 3, H'Chan, H'Mun, Đắk Pi Hao 1, Đắk Pi Hao 2, Ayun Thượng 1A, Thượng Lộ, Đa Khai<br>**1 DA Thủy điện:** Ea Tih | Hệ sinh thái trên cạn (các loài chim quan trọng), dưới nước (các loài cá, sinh vật thủy sinh, động vật đáy...)<br>Cộng đồng địa phương xung quanh NM, dưới hạ lưu | B | • Duy trì tuân thủ và thực hiện Hệ thống Quản lý E&S tại các NM<br>• Cập nhật liên tục sổ theo dõi khiếu nại cộng đồng tại các NM là tài liệu sống<br>• Đánh giá rủi ro về E&S định kỳ tại các NM và thực hiện các biện pháp, hành động giảm thiểu và kiểm soát rủi ro về E&S tại các NM<br>• Thực hiện kế hoạch hành động về E&S theo yêu cầu của DEG:<br>  • Khảo sát Chim, Dơi tại NM Điện Gió Ia Bang<br>  • Khảo sát Cá tại NM Thủy điện Thượng Lộ<br>  • Nâng cấp hệ thống ESMS<br>  • Kế hoạch hành động E&S - ESAP đã cam kết thực hiện<br>  • Báo cáo định kỳ hàng năm về E&S theo tiêu chuẩn của IFC<br>  • Đào tạo ESMS cho CBNV theo Tiêu chuẩn IFC sau khi nâng cấp<br>  • Đánh giá áp dụng tuân thủ về ESMS tại 2 NM: Thủy điện H'Chan và Điện Mặt trời Đức Huệ 1 trước khi nâng cấp ESMS<br>  • Đánh giá áp dụng tuân thủ về ESMS tại 1 DA đang triển khai: Thủy điện Ea Tih sau khi nâng cấp ESMS<br>  • Đào tạo cán bộ liên lạc Cộng đồng (CLO) - Đức Huệ 2<br>  • Báo cáo sơ bộ môi trường và xã hội (ESDD) - VPL giai đoạn 2<br>  • Báo cáo sự cố E&S khi phát sinh. |
| **5 NM Điện Mặt trời:** Phong Điền, Trúc Sơn, Hàm Phú 2, Krông Pa, Đức Huệ 1<br>**36 Hệ thống Áp mái**<br>**1 DA Điện Mặt trời:** Đức Huệ 2 | Hệ sinh thái trên cạn (các loài Chim quan trọng)<br>Cộng đồng địa phương xung quanh NM | B | |
| **4 NM Điện Gió:** Ia Bang 1, VPL, Tân Phú Đông 1 & 2<br>**1 DA Điện Gió:** VPL – Giai đoạn 2 | Hệ sinh thái trên cạn (các loài Chim quan trọng), dưới nước (các loài cá, sinh vật thủy sinh, động vật đáy, các loài động vật giáp xác...)<br>Hiện tượng văng cánh tua bin, bóng nhấp nháy<br>Cộng đồng địa phương xung quanh NM, DA | B | |

*Phân loại DA theo Tiêu chuẩn IFC:*

*Loại A: Các DA tiềm ẩn những rủi ro và/hoặc tác động xấu đáng kể, đa dạng, không thể đảo ngược hoặc chưa từng có đến Môi trường hoặc Xã hội*

*Loại B: Các DA có thể gây ra tác động Xã hội hoặc Môi trường bất lợi nhưng các tác động này được giới hạn trong phạm vi của DA và có thể dễ dàng phục hồi và giải quyết được bằng các biện pháp quản lý và giảm thiểu*

*Loại C: Các DA ít hoặc không có rủi ro và/hoặc tác động xấu đến Môi trường hoặc Xã hội.*

### Các biện pháp bảo tồn đa dạng sinh học

Bảo tồn đa dạng sinh học và hệ sinh thái tại các NM của GEC (12 NM Thủy điện, 4 NM Điện Gió, 5 NM Điện Mặt trời và 36 Hệ thống Áp mái, 3 DA đang phát triển) có ý nghĩa quan trọng để duy trì cân bằng sinh thái và đảm bảo PTBV. GEC đã duy trì thực hiện các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái tại các NM, DA.

| NM, DA | Biện pháp bảo tồn đa dạng sinh học và hệ sinh thái | Những thách thức và cân nhắc trong tương lai |
|---|---|---|
| 12 NM Thủy điện<br>1 DA Thủy điện | • Duy trì chế độ dòng chảy tối thiểu để hỗ trợ hệ sinh thái thủy sinh và đảm bảo sự phát triển đa dạng sinh học của khu vực hạ lưu NM Thuỷ điện.<br>• Quản lý hồ chứa để giảm thiểu tác động đến hệ thực vật và động vật địa phương, bao gồm kiểm soát mực nước và ngăn chặn sự lây lan của các loài xâm lấn.<br>• Thực hiện các biện pháp kiểm soát xói mòn để ngăn chặn tình trạng bồi lắng, có thể tác động tiêu cực đến chất lượng nước và môi trường sống của thủy sinh.<br>• Thực hiện giám sát chim, dơi tại DA trên đất liền.<br>• Thực hiện các hành động quản lý môi trường sống xung quanh khu vực DA để bù đắp mọi xáo trộn gây ra trong quá trình xây dựng. | • Các DA Thủy điện đối mặt với áp lực ngày càng lớn về việc duy trì dòng chảy môi trường và bảo vệ các loài sinh vật thủy sinh (trong điều kiện biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan).<br>• Phát triển và áp dụng các công nghệ tiên tiến để giám sát và bảo vệ động vật hoang dã.<br>• Phối hợp với các tổ chức bảo tồn và Cơ quan Nhà nước xây dựng và thực thi các quy định bảo vệ đa dạng sinh học. |
| 5 NM Điện Mặt trời và 36 Hệ thống Áp mái<br>1 DA Điện mặt trời | | |
| 4 NM Điện Gió<br>1 DA điện gió | | |

# CÔNG BỐ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

**Tiêu chuẩn/khung áp dụng để tính toán phát thải Khí nhà kính:** Tính toán phát thải Khí nhà kính tại GEC dựa trên những quy định trong Nghị định thư về Khí nhà kính (GHG Protocol) do Viện Tài nguyên Thế giới (World Resources Institute - WRI) và Hội đồng kinh doanh Thế giới vì sự PTBV (World Business Council for Sustainable Development - WBCSD) phát triển và hướng dẫn của Ủy Ban Liên Chính phủ về BĐKH (Intergovernmental Panel on Climate Change - IPCC)

**Phương pháp tính toán:** Phát thải Khí nhà kính tại GEC được tính toán bằng phương pháp thống kê định lượng có xét đến phát thải từ mọi hoạt động SXKD. Điều này bao gồm hấp thụ Carbon tại nhiều cơ sở khác nhau, chẳng hạn như 12 NM Thủy điện, 5 NM Điện Mặt trời, 4 NM Điện Gió. Ngoài ra 36 Hệ thống Áp mái ứng dụng tại trụ sở Công ty tại 114 Trường Chinh, Văn phòng GEC tại TP.HCM, Nhà công vụ tại Gia Lai, Khu sản xuất Diên Phú và Nhà công vụ tại TP HCM

**Phạm vi phát thải 1:**

Được tính cho các hoạt động liên quan đến việc mua nhiên liệu để vận hành máy móc, thiết bị và các phương tiện (xe, cano) thuộc sở hữu của Công ty, sử dụng môi chất làm lạnh, sử dụng khí cắt SF6, bình chữa cháy di động

**Phạm vi phát thải 3:**

Được tính toán cho các hoạt động liên quan đến việc sử dụng nhiên liệu để vận chuyển nhân viên đi làm cũng như việc đi công tác của nhân viên bằng ô tô hoặc máy bay; chất thải phát sinh được bàn giao và xử lý; xử lý nước thải sinh hoạt

**Phạm vi phát thải 2:**

Được tính cho các hoạt động liên quan đến mua điện từ lưới điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam

**Hấp thụ Khí nhà kính:**

Sự hấp thụ phát thải Khí nhà kính được tính toán dựa trên lượng $CO_2e$ được hấp thụ từ các cây trồng được trồng tại các NM của GEC. Ngoài ra, tín chỉ từ Chứng chỉ NLTT (REC) và Tín chỉ Carbon phát hành từ các NM NLTT của GEC cũng được tính vào tính toán tổng thể.




Từ năm 2019 đến năm 2025, Công ty triển khai **"Ngày Trồng cây hàng năm của GEC Group"** với số lượng **6.506** cây. Việc trồng cây đóng vai trò quan trọng trong việc hấp thụ khí nhà kính, góp phần giảm thiểu tác động của BĐKH. Cây xanh hấp thụ $CO_2$ từ khí quyển thông qua quá trình quang hợp, chuyển hóa thành oxy và sinh khối, giúp giảm lượng khí nhà kính tích tụ trong không khí. Bên cạnh đó, việc trồng cây và phủ xanh các khu vực bị xói lở còn cải thiện chất lượng không khí, bảo vệ đa dạng sinh học và tăng khả năng thích ứng với BĐKH. GEC cam kết triển khai các chương trình trồng cây, không chỉ nhằm mục tiêu PTBV mà còn góp phần tạo ra môi trường sống xanh, sạch và thân thiện hơn cho cộng đồng.

| Năm | Loại cây trồng | Địa điểm trồng | Số lượng |
|---|---|---|---|
| 2019 | Trắc thân gỗ | Ia Đrăng 2 | 45 |
| 2020 | Trắc thân gỗ và trầm hương (gió bầu) | Đa Khai | 250 |
| 2022 | Mai anh đào | Đắk Pi Hao 2 | 250 |
| 2023 | Trắc thân gỗ | H'Chan, H'Mun | 50 |
| | Trắc thân gỗ | Ia Đrăng 1, Đắk Pi Hao 2 | 72 |
| | Hồng Lộc | Phong Điền | 50 |
| | Sao Đen | Thượng Lộ | 100 |
| | Hoa Mai Anh đào Đà lạt | Đa Khai | 200 |
| 2024 | Xà cừ | Đắk Pi Hao 2 | 10 |
| | Bạch đàn | | 70 |
| 2025 | Cây ăn trái, cây xanh, cây cảnh quan | Các NM và các Hệ thống Điện Mặt trời Áp mái nông nghiệp | 5.139 |
| **Tổng số cây giai đoạn 2019-2025** | | | **6.506** |

| Phát thải Khí nhà kính theo 3 Phạm vi | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|
| Phạm vi 1 (tấn $CO_2e$) | 370,5 | 252,5 | 254,7 |
| Phạm vi 2 (tấn $CO_2e$) | 5.880,8 | 5.539,2 | 6.574,4 |
| Phạm vi 3 (tấn $CO_2e$) | 395,9 | 239,5 | 311,8 |
| Hấp thụ phát thải Khí nhà kính (tấn $CO_2e$) | 67,4 | 67,4 | 63,9 |
| Bù trừ phát thải cho Phạm vi 2 bằng sản lượng điện không bán Tín chỉ REC | 0 | 0 | 0 |
| **Tổng phát thải theo 3 Phạm vi (tấn $CO_2e$) (1+3-5)** | **6.579,8** | **5.963,8** | **7.077,02** |

## Cường độ phát thải GHG

| Chỉ tiêu | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|
| Sản lượng điện sản xuất (MWh) | 1.232.684 | 1.507.770 | 1.381.434 |
| Mức phát thải Khí nhà kính theo 3 phạm vi (tấn $CO_2e$) | 6.579,80 | 5.963,80 | 7.077,02 |
| **Cường độ phát thải GHG ($tCO_2e$/MWh Điện sản xuất)** | **0,0053** | **0,0040** | **0,0051** |

*Nguồn: GEC*



# PHÁT SINH CHẤT THẢI VÀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI

**Xử lý chất thải là một phần không thể thiếu trong chiến lược PTBV của doanh nghiệp thông qua việc tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến xử lý chất thải, góp phần đảm bảo cho các doanh nghiệp không những Bảo vệ Môi trường mà còn đảm bảo trách nhiệm xã hội và uy tín thương hiệu.**

| Các loại chất thải phát sinh | Quản lý chất thải | Thu gom và xử lý chất thải | Sáng kiến và biện pháp Bảo vệ Môi trường |
|---|---|---|---|
| **Chất thải không nguy hại**<br>● Chất thải sinh hoạt hàng ngày của CBNV<br>● Chất thải sinh khối như lá, cành, gỗ<br>● Chất thải rắn công nghiệp | **Phân tách chất thải tại nguồn**<br>● Phân loại rác thải tại nguồn một cách nghiêm ngặt<br>● Thực hiện các biện pháp tái chế nhựa, kim loại và giấy | ● Chất thải sinh hoạt được thu gom bởi các đơn vị thu gom chất thải địa phương để xử lý đúng quy định | ● Thực hiện các chương trình nâng cao nhận thức cho người lao động và cộng đồng địa phương<br>● Tuân thủ nghiêm ngặt các hướng dẫn pháp luật về xử lý Chất thải nguy hại mới nhất<br>● Tái chế, tái sử dụng chất thải để hạn chế lượng chất thải phải xử lý. |
| **Chất thải nguy hại:**<br>● Giẻ lau nhiễm dầu<br>● Phin lọc dầu thải<br>● Pin tiểu và bóng đèn huỳnh quang.<br>● Bình ắc quy | **Tái chế, tái sử dụng chất thải:**<br>● Tái lọc và tái sử dụng dầu thủy lực tại các NM Thủy điện | ● Chất thải nguy hại được lưu giữ tại các thùng chứa riêng biệt, có dán nhãn và lưu trong kho chứa Chất thải nguy hại riêng<br>● Bàn giao Chất thải nguy hại cho Đơn vị được cấp phép thu gom, vận chuyển và xử lý | |

## Chất thải được tạo ra

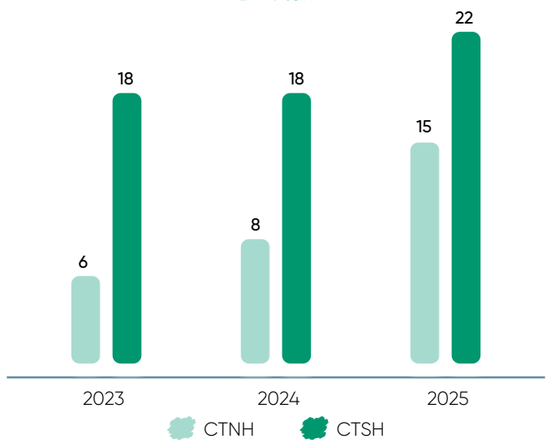
GEC hiện đang duy trì xây dựng hệ thống quản lý chất thải nội bộ, đào tạo NLĐ về ý thức môi trường và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế như ISO 14001 về quản lý môi trường là những cách hiệu quả để nâng cao hiệu suất và giảm thiểu rủi ro pháp lý có liên quan các quy định pháp luật về Bảo vệ Môi trường, như Luật Bảo vệ Môi trường 2020 tại Việt Nam. Riêng đối với Chất thải nguy hại, Công ty đăng ký khối lượng trong giấy phép môi trường/ đăng ký môi trường, quản lý từ nguồn phát sinh, lưu trữ đến vận chuyển và xử lý, đảm bảo không để rò rỉ hay gây nguy hại đến sức khỏe con người và hệ sinh thái.

Quy trình xử lý chất thải của Công ty bao gồm các bước: đăng ký các loại chất thải, phân loại chất thải tại nguồn, ký hợp đồng với các đơn vị có giấy phép vận chuyển và xử lý chất thải đến các cơ sở thu gom và vận chuyển theo tiêu chuẩn, và xử lý an toàn các loại chất thải không tái chế, đặc biệt là Chất thải nguy hại, đồng thời nghiêm túc tuân thủ báo cáo định kỳ về quản lý chất thải đến cơ quan chức năng.

Trong năm 2025, tổng khối lượng chất thải xử lý toàn Công ty là 36,4 tấn, tăng 40% khối lượng so với năm 2024. Trong đó, khối lượng Chất thải nguy hại năm 2025 là 14,6 tấn, tăng 76% 74% so với năm 2024 và khối lượng chất thải không nguy hại tăng 24% 25% so với năm 2024. Việc tăng số liệu phản ánh sự cải thiện rõ rệt trong công tác nhận diện, phân loại và thu gom triệt để CTNH tại nguồn. Năm 2025, các đơn vị sản xuất tăng cường công tác bảo trì bảo dưỡng, thay thế các thiết bị hỏng nhằm đảm bảo công tác vận hành được duy trì năng suất tốt, đồng thời với quy trình kiểm soát chặt chẽ hơn đã giúp chúng tôi thống kê đầy đủ và chính xác mọi phát sinh thực tế.

**CHẤT THẢI NGUY HẠI - CHẤT THẢI SINH HOẠT**

*ĐVT: tấn*




## Chất thải được chuyển hướng khỏi xử lý cuối cùng

Tuân thủ nghiêm ngặt các chỉ tiêu môi trường đã quy định trong giấy phép môi trường/đăng ký môi trường, các NM NLTT của GEC thực hiện các chiến lược quản lý chất thải toàn diện để giảm thiểu tác động đến môi trường. Các chất thải phát sinh tại NM, Văn phòng được phân loại, thu gom, lưu trữ, tái sử dụng và cuối cùng là bàn giao cho Đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành. Tại các NM của GEC, các hoạt động quản lý chất thải phản ánh trách nhiệm với môi trường.

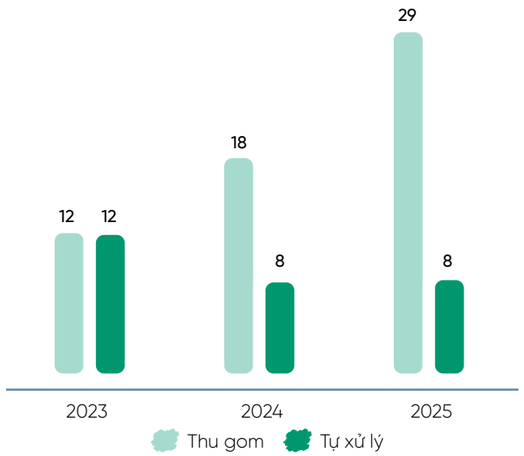
Về phương pháp xử lý, Công ty sử dụng 2 phương pháp:

**Bàn giao cho đơn vị bên ngoài:** bàn giao cho đơn vị bên ngoài có 2 loại gồm (1) Chất thải nguy hại: Toàn bộ Chất thải nguy hại phát sinh tại các VP, NM đều được chuyển giao cho đơn vị có đủ năng lực xử lý theo quy định. Các chất thải này GEC không có chức năng tự xử lý vì đặc thù chất thải này có khả năng nguy hại đến môi trường cũng như sức khỏe người lao động. Các đơn vị xử lý phải có Giấy phép xử lý bao gồm trang thiết bị, phương tiện, máy móc, quy trình xử lý theo quy định và (2) Chất thải sinh hoạt: tại các VP, NM nơi có dịch vụ thu gom chất thải sinh hoạt của địa phương, Công ty đăng ký/ký hợp đồng với đơn vị thu gom nhằm tiến hành bàn giao chất thải sinh hoạt. Định kỳ các phương tiện thu gom sẽ đến lấy rác bằng phương tiện chuyên dụng.

**Tự xử lý:** Chất thải sinh hoạt phát sinh tại 1 số NM không có dịch vụ thu gom địa phương sẽ được tự xử lý bằng cách chôn lấp/tận dụng. Đối với rác thực vật phát sinh tại NM ví dụ như cành cây, lá cây phát sinh tại khuôn viên NM, từ khu vực hồ chứa (đặc biệt phát sinh nhiều trong mùa mưa khi nước cuốn gỗ vụn, cây vụn từ lòng sông về hồ chứa) sẽ được các NM gom lại, đợi khô và xử lý bằng cách cho lại người dân xung quanh lượng gỗ vụn này với chức năng làm củi đốt, phần còn lại được chôn lấp tự nhiên bằng đất, lá cây sẽ tự phân hủy biến thành mùn. Đối với rác sinh hoạt phát sinh, các NM chôn lấp tại khu vực khuôn viên NM. Công tác chôn lấp này tiến hành hợp vệ sinh bằng cách chôn xa giếng nước, khu vực sinh hoạt, đảm bảo không có côn trùng và mùi hôi. Đối với rác có thể tái chế, NM tận dụng lại bán lại cho các cơ sở tái chế.

**BÀN GIAO VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI**

*ĐVT: tấn*



# QTRR LIÊN QUAN ĐẾN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

**Biến đổi khí hậu không còn là câu chuyện của tương lai mà ngày càng tác động sâu rộng đến hoạt động SXKD hàng ngày. Trong những năm gần đây, rủi ro biến đổi khí hậu đang nổi lên như một rủi ro đáng kể cho các doanh nghiệp, do vậy việc ứng phó với biến đổi khí hậu đòi hỏi tầm nhìn xa, cam kết mạnh mẽ, sự đầu tư về thời gian, nguồn lực, cùng với tinh thần học hỏi và cải tiến liên tục.**

## NHỮNG RỦI RO VÀ CƠ HỘI LIÊN QUAN ĐẾN KHÍ HẬU MÀ CÔNG TY ĐÃ XÁC ĐỊNH TRONG NGẮN HẠN, TRUNG HẠN VÀ DÀI HẠN.

GEC xác định chiến lược theo các khung thời gian: ngắn hạn: 1-2 năm; trung hạn: 3-5 năm; dài hạn: 6-10 năm

| Chiến lược theo khung thời gian | Rủi ro | Cơ hội |
|---|---|---|
| **Ngắn hạn** (1-2 năm) | • Rủi ro ngắn hạn bao gồm tác động của các sự kiện thời tiết khắc nghiệt như bão, lũ lụt, hạn hán, dông sét có thể làm gián đoạn sản xuất, ảnh hưởng đến cơ sở hạ tầng và ảnh hưởng đến công tác phát điện.<br>• Những thay đổi trong chính sách quy định ngắn hạn liên quan đến NLTT, trợ cấp hoặc ưu đãi có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận của các DA NLTT. | • Các cơ hội ngắn hạn bao gồm các chính sách thuận lợi của Chính phủ và các ưu đãi hỗ trợ các DA NLTT.<br>• Việc áp dụng các công nghệ, đặc biệt là công nghệ lưu trữ BESS và cải tiến mới trong thời gian ngắn có thể nâng cao hiệu quả và giảm chi phí.<br>• Phát triển và đa dạng hóa các loại hình NLTT để cân bằng với biến động của thời tiết và tăng cường ổn định nguồn cung cấp năng lượng.<br>• Kết hợp giữa các nguồn NLTT như năng lượng Mặt trời, Gió, Thủy điện để tối ưu hóa khả năng hoạt động liên tục.<br>• Phát triển thị trường NLTT bằng cách tìm kiếm và tạo ra các cơ hội kinh doanh mới liên quan đến nguồn năng lượng sạch. |
| **Trung hạn** (3-5 năm) | • Sự gián đoạn liên quan đến khí hậu trong chuỗi cung ứng thiết bị và linh kiện NLTT có thể ảnh hưởng đến tiến độ của DA.<br>• Những thay đổi trong động lực thị trường năng lượng và mô hình nhu cầu có thể ảnh hưởng đến khả năng tồn tại về mặt kinh tế của các DA NLTT. | • Sự quan tâm ngày càng tăng từ các NĐT và tổ chức tài chính đối với các DA bền vững và tái tạo mang lại cơ hội tài trợ vốn và hợp tác.<br>• Sự phát triển về công nghệ NLTT và các công nghệ về trí tuệ nhân tạo thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh và bền vững diễn ra nhanh hơn.<br>• Việc tham gia vào thị trường Tín chỉ carbon và Tín chỉ REC mang lại cơ hội tạo DT từ các DA NLTT. |
| **Dài hạn** (6 - 10 năm) | • Rủi ro dài hạn bao gồm khả năng khan hiếm các nguồn tài nguyên tái tạo (ví dụ: Đất thích hợp cho các DA Năng lượng Mặt trời hoặc Gió) do điều kiện khí hậu thay đổi.<br>• Yêu cầu pháp lý, các tiêu chuẩn và khung thực hành về ESG ngày càng nghiêm ngặt và đòi hỏi tuân thủ khắt khe. | • Định kỳ đánh giá và dự báo tình hình tài nguyên, thực hiện chiến lược đa dạng hóa và xác định vùng đất có tiềm năng cho DA tương lai.<br>• Cơ hội dài hạn phát sinh từ quá trình chuyển đổi toàn cầu sang các nguồn năng lượng sạch hơn, định vị các Công ty NLTT là những Công ty chủ chốt.<br>• Những tiến bộ liên tục trong lĩnh vực hệ thống lưu trữ BESS, công nghệ lưới điện và hệ thống NLTT mang lại cơ hội lâu dài cho sự đổi mới và cải thiện hiệu suất.<br>• Xây dựng và duy trì hệ thống quản lý ESG mạnh mẽ, liên tục cập nhật và đảm bảo tuân thủ đầy đủ để đối mặt với thách thức pháp lý và tuân thủ. |

## MÔ TẢ TÁC ĐỘNG TIỀM TÀNG CỦA CÁC KỊCH BẢN KHÁC NHAU, BAO GỒM KỊCH BẢN 2°C, ĐỐI VỚI HĐKD, CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CỦA TỔ CHỨC

Là một công ty sản xuất điện từ NLTT, GEC đã có vị thế thuận lợi trong bối cảnh chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp. Tuy nhiên, kịch bản 2°C vẫn mang đến cả cơ hội và thách thức, vì nó liên quan đến sự kết hợp giữa tác động vật lý của biến đổi khí hậu và áp lực chính sách toàn cầu.

| Kịch bản | Tác động | Mức độ tác động đến GEC | Chiến lược giảm thiểu rủi ro | Cơ hội |
|---|---|---|---|---|
| **Nhiệt độ Trái đất tăng lên 2°C** | • Biến đổi khí hậu nghiêm trọng, thay đổi môi trường sống, tăng cường hiện tượng thời tiết cực đoan<br>• Nước biển dâng<br>• Môi trường axit hóa | Thấp | • Đầu tư vào công nghệ giảm phát thải khí nhà kính, tăng cường hệ thống chống ngập, phát triển DA xanh, bền vững.<br>• Thiết kế DA tại các khu vực phù hợp, không bị ảnh hưởng bởi nước biển dâng, hạn chế ảnh hưởng bởi thiên tai.<br>• Công nghệ mới trong dự báo và cảnh báo sớm thiên tai (trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ viễn thám) | • Nhu cầu về giải pháp xanh và công nghệ giảm khí nhà kính tăng cao, cơ hội phát huy kinh nghiệm của GEC trong lĩnh vực NLTT.<br>• Đầu tư vào NLTT và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.<br>• Cảnh báo sớm trước 24 giờ, thiệt hại do rủi ro vật lý có thể giảm tới 30%. |

| Kịch bản | Tác động | Mức độ tác động đến GEC | Chiến lược giảm thiểu rủi ro | Cơ hội |
|---|---|---|---|---|
| Nhiệt độ Trái đất tăng lên 1,5°C | • Tác động nhẹ hơn so với kịch bản 2°C nhưng vẫn gây biến đổi khí hậu đáng kể | Thấp | • Chú trọng vào bảo vệ đa dạng sinh học, sử dụng các nguồn NLTT hiệu quả.<br>• Thiết kế DA tại các khu vực phù hợp, có tính đến sự ảnh hưởng của DA bởi nước biển dâng, hạn chế ảnh hưởng bởi thiên tai, môi trường đến các thiết bị và hoạt động của các DA.<br>• Công nghệ mới trong dự báo và cảnh báo sớm thiên tai (trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ viễn thám) | • Phát triển các DA bền vững, thúc đẩy quy trình sản xuất sạch hơn và thân thiện với môi trường.<br>• Cảnh báo sớm trước 24 giờ, thiệt hại do rủi ro vật lý có thể giảm tới 30%. |

## QTRR THEO TIÊU CHUẨN TCFD LÀ MỘT PHẦN QUAN TRỌNG TRONG VIỆC ĐÁNH GIÁ VÀ QUẢN LÝ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

GEC triển khai đánh giá toàn diện nhằm tối ưu hóa lộ trình giảm phát thải khí nhà kính trên toàn bộ hoạt động SXKD. Chiến lược giảm phát thải được xây dựng theo cách tiếp cận vòng đời, bao phủ các tài sản hiện hữu, danh mục phát triển trong tương lai, các hoạt động mua bán - sáp nhập DA/NM, cũng như chuỗi cung ứng. Việc nhận diện và đánh giá rủi ro khí hậu được tích hợp chặt chẽ vào hệ thống QTRR doanh nghiệp, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế như COSO và ISO 31000. Qua đó, Công ty đã xác định rủi ro và đưa ra các biện pháp giảm thiểu rủi ro trong toàn bộ HĐKD. Cách tiếp cận này không chỉ giúp hạn chế các tác động bất lợi mà còn hỗ trợ nhận diện cơ hội, qua đó gia tăng giá trị bền vững cho doanh nghiệp. Đặc biệt là, các yếu tố E&S và rủi ro khí hậu do Phòng EHSS thực hiện được tích hợp như đầu vào quan trọng trong hoạch định chiến lược.

### XÁC ĐỊNH RỦI RO

- Đối với công ty sản xuất điện từ NLTT như GEC, các rủi ro vật lý có thể bao gồm hạn hán, lũ lụt, dông sét, bão và nước biển dâng. Hạn hán cũng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến các nguồn nước dùng trong sản xuất điện của NM Thủy điện và các cơn bão mạnh có thể gây hư hại cho các NM điện, làm gián đoạn hoạt động sản xuất, gây ra tổn thất sản lượng và doanh thu. Dông sét làm hư hỏng các thiết bị điện, gây ra cháy nổ và thất thoát sản lượng tại NM Điện mặt trời. Nước biển dâng có thể ảnh hưởng đến các hoạt động vận hành và bảo dưỡng tại các NM Điện gió tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long - một trong ba đồng bằng trên thế giới dễ bị tổn thương do nước biển dâng. Vì vậy, việc xác định những khu vực dễ bị ảnh hưởng bởi các hiện tượng thời tiết cực đoan và triển khai các biện pháp bảo vệ cơ sở hạ tầng là một phần quan trọng trong chiến lược QLRR.
- Đối với **rủi ro chuyển đổi**, chủ yếu phát sinh từ sự thay đổi ngày càng chặt chẽ của khung pháp lý, đặc biệt là các yêu cầu về giảm phát thải carbon và bảo vệ môi trường trong bối cảnh quy định về KHĐK liên tục được siết chặt. Doanh nghiệp có thể đối mặt với nghĩa vụ pháp lý, chế tài hoặc trách nhiệm bồi thường nếu không tuân thủ đầy đủ các quy định hoặc thiếu các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát tác động môi trường và xã hội. Vì vậy, việc chủ động tuân thủ và thích ứng với các quy định khí hậu không chỉ giúp GEC giảm thiểu rủi ro pháp lý mà còn củng cố uy tín với các bên liên quan, qua đó bảo đảm tính bền vững và khả năng duy trì hoạt động trong dài hạn.
- Bên cạnh đó, rủi ro chuyển đổi còn đến từ yếu tố công nghệ và thị trường. Sự phát triển nhanh của các công nghệ mới, đặc biệt là hệ thống lưu trữ năng lượng (BESS), có thể làm thay đổi cấu trúc chi phí và mô hình kinh doanh nếu doanh nghiệp không kịp thời cập nhật và triển khai. Đồng thời, biến động nhu cầu thị trường đối với năng lượng sạch, cùng với các cơ chế ưu đãi cho NLTT, có thể tác động đáng kể đến hiệu quả đầu tư và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

### CÁC BIỆN PHÁP QTRR

QTRR khí hậu toàn diện yêu cầu GEC đánh giá có hệ thống tác động của biến đổi khí hậu đối với mô hình kinh doanh, chiến lược dài hạn và các chỉ tiêu tài chính, từ đó xây dựng các biện pháp ứng phó và giảm thiểu phù hợp.

- **Tích hợp rủi ro khí hậu vào các quyết định đầu tư và đánh giá rủi ro:** Rủi ro khí hậu được lồng ghép vào quy trình QTRR tổng thể và thẩm định đầu tư. Khi đánh giá dự án mới, GEC xem xét đồng thời rủi ro vật lý và rủi ro chuyển đổi, bao gồm tác động đến tính khả thi, hiệu quả tài chính dài hạn, cũng như các thay đổi về chính sách khí hậu và xu hướng thị trường năng lượng sạch. Việc ban hành Quy trình tìm kiếm, khảo sát dự án năng lượng (PTDA/QT-08) trong năm 2025 với các tiêu chí cụ thể về E&S, đã chuẩn hóa việc tích hợp yếu tố khí hậu vào quyết định đầu tư, qua đó nâng cao chất lượng danh mục dự án và giảm thiểu rủi ro tài chính.

  GEC luôn chủ động theo dõi, cập nhật các quy định và chính sách liên quan đến khí hậu, đảm bảo tuân thủ trong toàn bộ hoạt động. Cách tiếp cận này giúp hạn chế rủi ro chế tài, nghĩa vụ pháp lý và chi phí phát sinh trong tương lai.
- **Thực hiện dự báo thời tiết và cảnh báo sớm:** Phòng EHSS thực hiện dự báo thời tiết định kỳ (tuần, tháng, năm) nhằm hỗ trợ lập kế hoạch SXKD, QTRR tại các NM. Các đơn vị quản lý và bảo dưỡng (Phòng Quản lý vận hành, Phòng Kỹ thuật, Phòng Quản lý Xây dựng Cơ bản) và Đơn vị quản lý Môi trường, An toàn, Sức khỏe, Xã hội (Phòng EHSS) phối hợp chặt chẽ với NM nhằm cảnh báo sớm, giảm thiểu tối đa rủi ro về tính mạng, tài sản, sản lượng kinh doanh cũng như các rủi ro có thể ảnh hưởng đến cộng đồng.
- **Tham khảo ý kiến các BLQ:** GEC duy trì cơ chế tham vấn các BLQ, bao gồm nhà đầu tư, khách hàng, các chuyên gia, chính phủ và cộng đồng địa phương để nhận được thông tin đa chiều có giá trị giúp Công ty đánh giá đầy đủ các tác động của biến đổi khí hậu. Điều này hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng các chiến lược thích ứng sát thực tiễn và phù hợp với kỳ vọng của các BLQ.
- **Tăng cường đào tạo các cấp về các vấn đề liên quan đến khí hậu và biến đổi khí hậu:** Công ty luôn đảm rằng tất cả các cấp đều nhận thức được tầm quan trọng của việc QLRR khí hậu và luôn luôn trau dồi kiến thức về các quy định khí hậu hiện hành, các chiến lược giảm thiểu rủi ro khí hậu và cách thức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong công việc hàng ngày thông qua các chương trình đào tạo nội bộ/bên ngoài. Công tác đào tạo không những giúp tăng cường năng lực của tổ chức trong việc đối phó với các thách thức về khí hậu mà còn xây dựng một văn hóa doanh nghiệp bền vững, nơi tất cả mọi người đều tham gia vào quá trình bảo vệ môi trường và giảm thiểu tác động tiêu cực của khí hậu.

Thông qua các biện pháp trên, GEC nâng cao năng lực QTRR khí hậu, đảm bảo tính chủ động trước các biến động về môi trường và chính sách, đồng thời duy trì hiệu quả hoạt động và định hướng PTBV dài hạn.

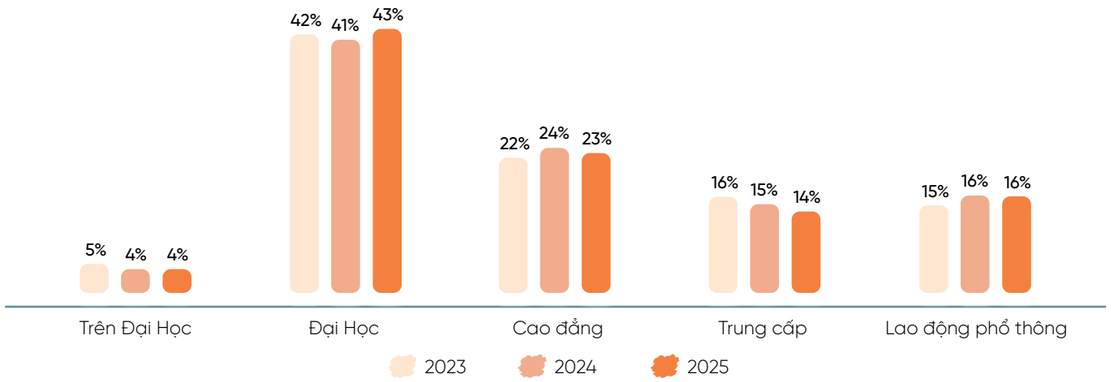
# Trách nhiệm với Xã hội

GRI 401 GRI 403 GRI 404 GRI 405 GRI 413

## TỔNG QUAN VỀ NHÂN SỰ

Tính đến cuối năm 2025, GEC có 509 nhân sự bao gồm lao động chính thức, lao động thời vụ và cộng tác viên. So với năm 2024, số lượng nhân sự tăng 8 người (tương đương 1,6%) và giảm 17 người (3,2%) so với năm 2023. Đối với lực lượng lao động chính thức, nhân sự có trình độ đại học và sau đại học chiếm 47%, cao đẳng chiếm 23%, trung cấp chiếm 14% và lao động phổ thông chiếm 16%. Đội ngũ Nhân sự chất lượng cao của GEC được duy trì ở mức ổn định qua các năm mặc dù tỷ lệ có biến động nhưng không đáng kể.

CƠ CẤU NHÂN SỰ GEC THEO TRÌNH ĐỘ




## SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN THUÊ MỚI VÀ TỶ LỆ THÔI VIỆC

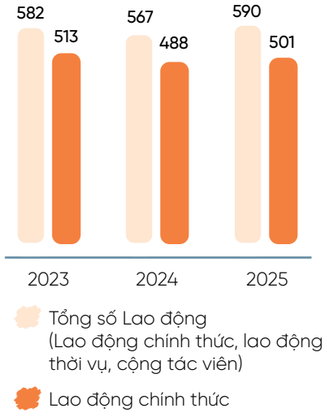
GEC luôn kiên trì mục tiêu xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp thông qua các chính sách lương thưởng đột phá và lộ trình phát triển rõ nét cho CBNV. Với chiến lược "lấy con người làm trọng tâm", GEC không ngừng tối ưu hóa chế độ phúc lợi và môi trường làm việc để thu hút và giữ chân nhân tài, với những nỗ lực bền bỉ đó đã mang lại quả ngọt trong công tác quản trị nhân sự năm 2025. Điểm sáng nổi bật là tỷ lệ nghỉ việc chung đã được kéo giảm xuống mức 7,9% – một sự sụt giảm ấn tượng tới 3% so với mức 11% của giai đoạn 2023-2024. Đáng chú ý, tỷ lệ nghỉ việc tự nguyện năm 2025 ghi nhận ở mức 6,7%. Sự biến động nhẹ này không được xem là rủi ro mà ngược lại, đóng vai trò như một cơ chế "sàng lọc tự nhiên" hiệu quả.

- **Tối ưu hóa nguồn lực:** Quá trình này giúp GEC sàng lọc và giữ lại những nhân sự thực sự phù hợp, tinh nhuệ và có cùng hệ giá trị với doanh nghiệp.
- **Nâng tầm chất lượng:** Việc thắt chặt đội ngũ cốt lõi giúp Công ty không chỉ ổn định về số lượng mà còn gia tăng mạnh mẽ về chất lượng nội lực.

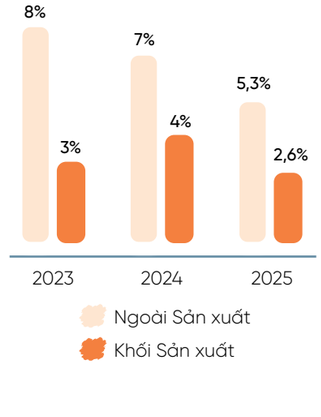
Sự kết hợp hài hòa giữa chính sách phúc lợi tốt và cơ chế sàng lọc chủ động chính là chìa khóa giúp GEC sẵn sàng chinh phục những đỉnh cao mới trong tương lai.

GEC luôn cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về chế độ lao động, đồng thời không ngừng nâng cao phúc lợi và thu nhập cho người lao động, đặc biệt trong giai đoạn kinh tế đầy thách thức. Bên cạnh đó, Công ty cũng triển khai nhiều chương trình đào tạo phát triển kỹ năng mềm, giúp nhân sự cải thiện năng lực và sẵn sàng đối mặt với những yêu cầu ngày càng cao của Ngành Năng lượng.

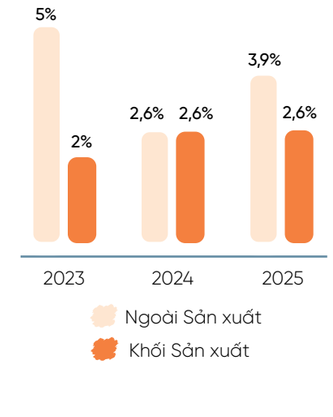
TỔNG SỐ NHÂN SỰ GEC
*ĐVT: Người*




TỶ LỆ NGHỈ VIỆC CHUNG




TỶ LỆ NGHỈ VIỆC TỰ NGUYỆN




## ĐA DẠNG CỦA CẤP QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Trong khuôn khổ định hướng PTBV và thực hành quản trị theo tiêu chí ESG, GEC xác định bình đẳng giới và đa dạng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố trọng yếu thuộc trụ cột "Xã hội" (Social). Phù hợp với các thông lệ quản trị quốc tế về tính minh bạch, công bằng và bao trùm, Công ty không ngừng xây dựng môi trường làm việc tôn trọng sự khác biệt, đề cao năng lực và đảm bảo cơ hội phát triển bình đẳng cho mọi cá nhân.

GEC cam kết đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính trong tất cả các hoạt động, bao gồm tuyển dụng, đào tạo, phát triển và chế độ phúc lợi. Chính sách này không chỉ đảm bảo quyền lợi mà còn tạo điều kiện để mỗi cá nhân phát huy tối đa năng lực và đóng góp vào sự phát triển của Công ty. Do đặc thù của lĩnh vực năng lượng, tỷ lệ lao động nữ tại GEC vẫn ở mức tương đối thấp, chiếm 15% (76 người) trong tổng số nhân sự vào năm 2025, so với 85% (425 người) là nam giới. Tỷ lệ này đã có sự biến động qua các năm từ 2023 đến 2025. Phần lớn lao động nữ đảm nhiệm các vị trí tại văn phòng và hỗ trợ khối sản xuất, đóng góp quan trọng vào các hoạt động hậu cần và quản lý.

Tỷ lệ nữ trong HĐQT giữ nguyên so với năm 2024, với 2/7 thành viên, tương ứng với tỷ lệ 29%. Với 2/7 Thành viên là nữ trong BĐH, tỷ lệ nữ trong BĐH giảm từ 37,5% năm 2024 xuống 28,6% năm 2025, vì có sự giảm nhẹ số lượng BĐH nữ.

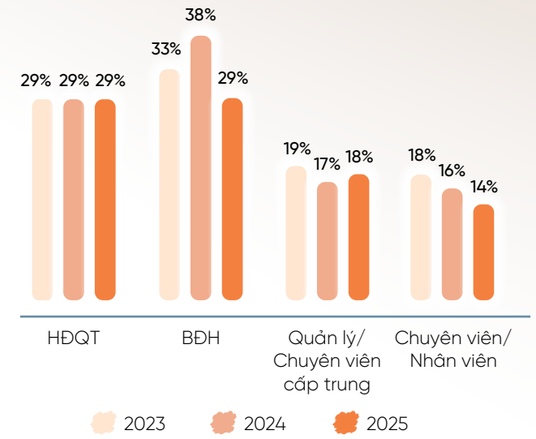
Ở cấp quản lý cấp trung, tỷ lệ nữ năm 2025 tăng 1,1% so với năm 2024, do số lượng nữ quản lý cấp trung tăng. Tương tự, nhóm chuyên viên và nhân viên cũng ghi nhận sự giảm nhẹ tỷ lệ nữ, với mức giảm 1,3% trong năm 2024, chủ yếu do sự biến động số lượng nhân sự nữ trong năm.

Là một Công ty có sự tham gia của nhiều CĐ và NĐT nước ngoài, GEC đối mặt với thách thức trong việc đảm bảo tính đa dạng và bình đẳng. Tuy nhiên, Công ty cam kết thực hiện các nguyên tắc đa dạng, bình đẳng và đối xử công bằng như một điều kiện tiên quyết để hướng tới PTBV trong lĩnh vực NLTT. Chính sách này không chỉ tối ưu hóa hoạt động quản trị và điều hành mà còn phân bổ trách nhiệm công việc một cách hiệu quả.

Tỷ lệ nhân sự trong độ tuổi từ 30-50 chiếm ưu thế, đạt 78,4% vào năm 2025, có sự tăng nhẹ qua các năm trong giai đoạn 2023-2025. Đây là nhóm lao động giàu kinh nghiệm, chuyên môn giỏi và nhiệt huyết, đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của Công ty. Nhân sự trên 50 tuổi, thuộc nhóm cận nghỉ hưu/nghỉ hưu, chiếm 8,6% tổng số lao động và vẫn tích cực đóng góp vào các hoạt động của GEC. Độ tuổi đa dạng của đội ngũ CBNV không chỉ đảm bảo sự ổn định nguồn nhân lực mà còn tối ưu hóa quá trình truyền đạt kinh nghiệm và học hỏi giữa các thế hệ, giúp Công ty duy trì sức mạnh nhân sự bền vững.

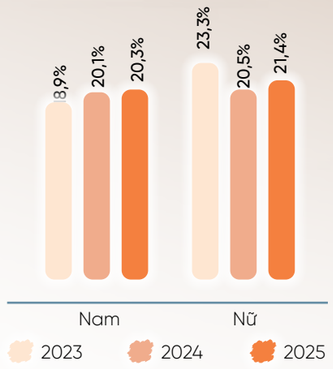
Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực năng lượng, cơ cấu lao động của Công ty hiện có tỷ lệ nam giới cao hơn nữ giới. Tuy nhiên, GEC luôn đặc biệt quan tâm đến việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của lao động nữ. Ban Nữ công được thành lập và hoạt động hiệu quả nhằm đại diện, chăm lo và bảo vệ các quyền lợi chính đáng của nữ người lao động. Đặc biệt, GEC duy trì chính sách tiền lương công bằng, không có sự chênh lệch theo giới tính đối với các vị trí có cùng tính chất và yêu cầu công việc. Tỷ lệ thu nhập bình quân giữa nam và nữ được giữ ở mức cân bằng, với thu nhập bình quân của lao động nam đạt 20,3 triệu đồng/người/tháng và lao động nữ đạt 21,4 triệu đồng/người/tháng. Kết quả này phản ánh cam kết thực chất của Công ty trong việc bảo đảm nguyên tắc trả lương bình đẳng theo quy định pháp luật.

### TỶ LỆ NỮ CÁC CẤP TẠI GEC

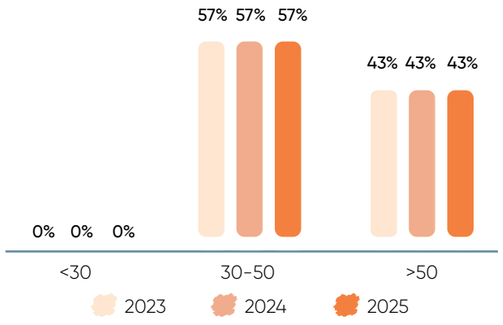



### THU NHẬP BÌNH QUÂN THEO GIỚI TÍNH

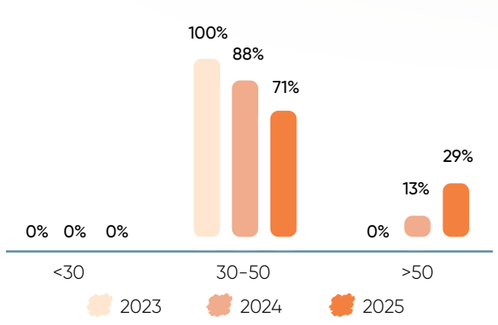
*ĐVT: triệu đồng*



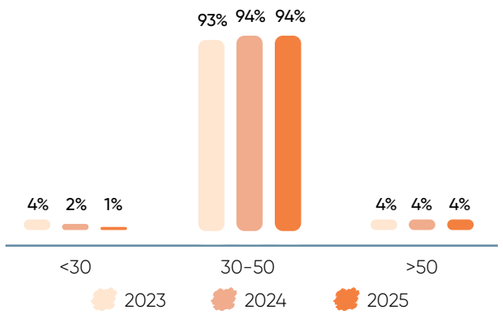

### TỶ LỆ TUỔI TRONG HĐQT CỦA GEC 2023-2025



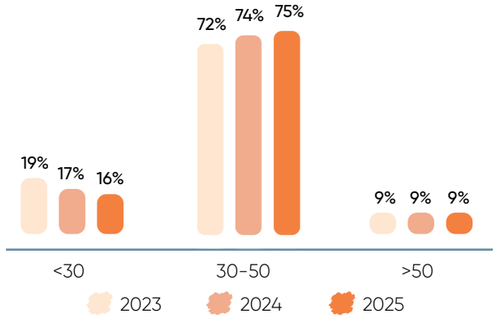

### TỶ LỆ TUỔI TRONG BĐH CỦA GEC 2023-2025




### TỶ LỆ TUỔI QUẢN LÝ/CHUYÊN VIÊN CẤP TRUNG CỦA GEC




### TỶ LỆ TUỔI CHUYÊN VIÊN/NHÂN VIÊN CỦA GEC






# CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

## TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG TUYỂN DỤNG NĂM 2025

Năm 2025, GEC đã đạt được những kết quả tích cực trong công tác tuyển dụng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân sự cho các Đơn vị. Tổng cộng trong năm vừa qua, công ty đã tuyển dụng thành công 44 nhân sự. Trong đó trình độ từ đại học trở lên chiếm tỷ lệ 57%. Đây là minh chứng cho sự chú trọng của công ty trong việc tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng đóng góp hiệu quả vào sự phát triển lâu dài.

## CHÍNH SÁCH VÀ TRIẾT LÝ TUYỂN DỤNG

GEC thực hiện đồng bộ nhiều chính sách Nhân sự như cơ chế tuyển dụng và sử dụng hiệu quả Nhân sự có trình độ cao; phát triển đội ngũ chuyên gia trong những lĩnh vực trọng điểm; tạo môi trường học tập, giao lưu văn hóa cho tất cả các Thành viên dù nhiều NM/đơn vị của GEC phân bố trên nhiều địa phương có khoảng cách địa lý khá xa.

Công ty luôn cam kết thực hiện các chính sách tuyển dụng công bằng, minh bạch và không phân biệt đối xử dựa trên các yếu tố như giới tính, tuổi tác, sắc tộc hay tôn giáo. Quy trình tuyển dụng được tổ chức theo các tiêu chí rõ ràng, đảm bảo:

- Đánh giá năng lực thực sự: Mỗi ứng viên đều được đánh giá dựa trên năng lực, kinh nghiệm, và tiềm năng. Công ty không chỉ tìm kiếm những cá nhân có chuyên môn cao mà còn coi trọng đạo đức nghề nghiệp và khả năng hòa nhập với văn hóa doanh nghiệp.
- Tôn trọng quyền lợi của ứng viên: Tất cả các ứng viên tham gia quy trình tuyển dụng đều được đối xử công bằng và được thông tin rõ ràng về các yêu cầu, tiêu chí và tiến trình xét tuyển.
- Bảo mật thông tin: Công ty cam kết bảo mật tuyệt đối thông tin cá nhân của ứng viên trong suốt và sau quá trình tuyển dụng.

Triết lý tuyển dụng của công ty không chỉ tập trung vào việc tìm kiếm người tài mà còn đảm bảo lợi ích hài hòa giữa hai phía – công ty và ứng viên. Chính sách này giúp công ty không ngừng thu hút và giữ chân những nhân sự tài năng, đồng thời xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và bền vững.

Những nguyên tắc tuyển dụng nổi bật gồm:

- Lựa chọn nhân sự phù hợp với giá trị và mục tiêu phát triển của công ty.
- Ưu tiên phát triển tài năng nội bộ: Tạo cơ hội để nhân viên hiện tại được thăng tiến hoặc chuyển đổi công việc phù hợp hơn trong nội bộ doanh nghiệp.
- Khuyến khích sự đa dạng: Đội ngũ nhân sự của công ty là sự kết hợp của nhiều nền tảng văn hóa, chuyên môn và kinh nghiệm, tạo nên sức mạnh cộng hưởng trong tổ chức.

## XÂY DỰNG VỊ THẾ THƯƠNG HIỆU TUYỂN DỤNG:

Năm 2025 GEC được vinh danh trong **Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam (VBE500)**. Giải thưởng do Viet Research phối hợp với Báo Tài chính – Đầu tư triển khai nghiên cứu và công bố các bảng xếp hạng uy tín, bao phủ toàn quốc và các ngành kinh tế chủ lực, trong đó có lĩnh vực Năng lượng mà GEC đang hoạt động.

Giải thưởng chứng minh cho những nỗ lực không ngừng nghỉ của GEC trong việc xây dựng một tổ chức lấy con người làm trọng tâm, hướng tới sự PTBV và hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và người lao động.

## KẾ HOẠCH TUYỂN DỤNG 2026

Tiếp nối thành công của năm 2025, công ty đặt mục tiêu tuyển dụng thêm các vị trí chiến lược, đảm bảo bổ sung nguồn lực cần thiết để PTBV. Đồng thời, công ty tiếp tục duy trì và cải tiến các chính sách tuyển dụng đồng thời áp dụng các ứng dụng chuyển đổi số để tạo nên môi trường làm việc ngày càng hiện đại, chuyên nghiệp, gắn kết và nhân văn nhằm thu hút những nhân sự chất lượng cao.








# CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG

Năm 2025, trong bối cảnh kinh tế nhiều biến động và áp lực cạnh tranh, GEC cùng các CTTV gặp không ít khó khăn trong công tác quản lý, vận hành các NM Năng lượng. Dù vậy, Công ty vẫn kiên trì thực hiện chính sách tiền lương nhằm bảo đảm đời sống và quyền lợi cho đội ngũ CBNV. Hệ thống chi trả được xây dựng theo hướng linh hoạt, cạnh tranh, dựa trên nhiệm vụ, năng lực và kết quả công việc, đồng thời tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật và quy chế nội bộ. Công tác tham mưu về lương thưởng được định hướng tiệm cận chính sách đãi ngộ trên thị trường lao động, góp phần nâng cao sức hút trong tuyển dụng, thu hút và giữ chân nhân sự chất lượng cao.

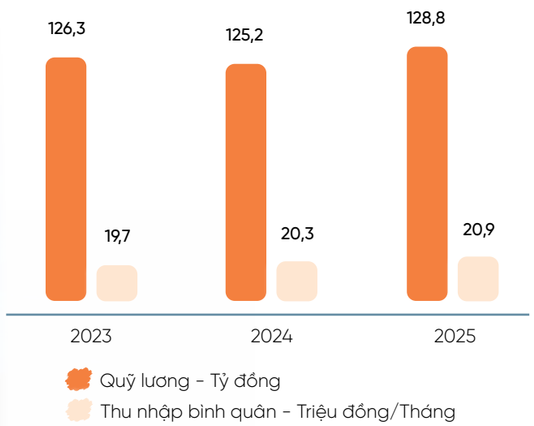
Năm 2025, các chỉ số năng suất lao động của Công ty ghi nhận sự cải thiện rõ rệt so với năm 2024, phản ánh sự ổn định trong chính sách nhân sự và hiệu quả vượt trội trong hoạt động SXKD. Quỹ lương đạt 128,8 tỷ đồng, tăng nhẹ so với 125,2 tỷ đồng năm trước, trong khi thu nhập bình quân của CBNV nâng lên 20,9 triệu đồng/tháng, cao hơn mức 20,3 triệu đồng/tháng năm 2024. Điều này cho thấy Công ty tiếp tục duy trì chính sách tiền lương ổn định, đảm bảo đời sống cho người lao động trong bối cảnh kinh tế nhiều biến động, đặc biệt là đối với nhóm nhân sự trong sản xuất, theo đó lương bình quân Khối Điện Gió là 17 triệu đồng/người/tháng, Khối Điện Mặt trời là 15,2 triệu đồng/người/tháng, Khối Thủy điện là 13,8 triệu đồng/người/tháng. Đây là mức lương cạnh tranh trên thị trường lao động

Đặc biệt, năng suất lao động có bước nhảy vọt: theo lợi nhuận trước thuế đạt 160 triệu đồng/người/tháng, tăng gấp nhiều lần so với 30 triệu đồng/người/tháng năm 2024; theo doanh thu đạt 491 triệu đồng/người/tháng, cao hơn mức 387 triệu đồng/người/tháng của năm trước. Đây là minh chứng cho sự cải thiện mạnh mẽ về hiệu quả sử dụng lao động, đồng thời khẳng định năng lực cạnh tranh và khả năng thích ứng của Công ty.

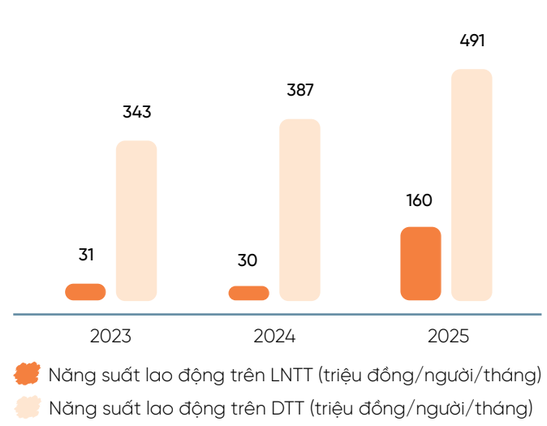
Cơ cấu quỹ lương cũng có sự dịch chuyển hợp lý: Khối Văn phòng/DA giảm nhẹ xuống (chủ yếu giảm đối với khối BO) vẫn đảm bảo nguồn lực cho phát triển dự án 68,4 tỷ đồng (53%), trong khi khối Thủy điện tăng lên 30,5 tỷ đồng (24%). Mảng Điện Gió và Áp mái tiếp tục được ưu tiên, lần lượt đạt 9,2 tỷ đồng (7%) và 3,1 tỷ đồng (2%), phản ánh lực lượng trong sản xuất tiếp tục được quan tâm ngày càng sát sao và chú trọng định hướng PTBV.

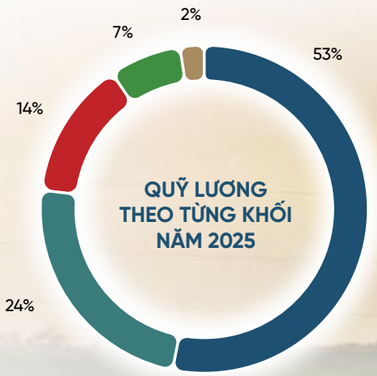
Tổng thể, năm 2025 đánh dấu sự cân bằng giữa việc duy trì chính sách phúc lợi ổn định cho người lao động và nâng cao hiệu quả SXKD. Sự gia tăng thu nhập bình quân, cùng với năng suất lao động vượt trội, không chỉ khích lệ tinh thần làm việc mà còn củng cố niềm tin, sự gắn bó của CBNV với Công ty. Đây là minh chứng cho sự quan tâm sâu sát của BLĐ, vừa đảm bảo tuân thủ pháp luật, vừa tạo dựng môi trường làm việc nhân văn, hướng đến PTBV.

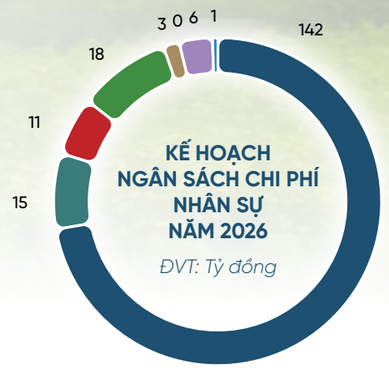
### QUỸ LƯƠNG VÀ THU NHẬP BÌNH QUÂN




### NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG






# CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI

GEC tiếp tục duy trì và từng bước hoàn thiện hệ thống chính sách phúc lợi nhằm bảo đảm đầy đủ quyền lợi cũng như nâng cao chất lượng đời sống cho người lao động. Các chế độ theo quy định pháp luật như bảo hiểm bắt buộc, nghỉ phép năm, nghỉ Lễ, Tết... được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ.

Bên cạnh đó, Công ty không ngừng nâng cao các chương trình phúc lợi bổ sung, bao gồm bảo hiểm chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm nhân thọ dành cho cán bộ quản lý và người thân cán bộ quản lý cấp cao; đồng thời triển khai các chính sách hỗ trợ du lịch, thăm hỏi ốm đau và tặng quà trong các dịp đặc biệt đối với toàn thể CBNV.

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI NĂM 2024

Trong năm 2025, tổng chi phí phúc lợi của GEC (không bao gồm bảo hiểm bắt buộc) là 4,99 tỷ đồng, chiếm 79% kế hoạch. Trong đó chi phí khám sức khỏe là hơn 1 tỷ đồng; chi phí bảo hiểm (bao gồm bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm tai nạn) là 0,68 tỷ đồng. Chi phí Bảo hiểm bắt buộc bao gồm Kinh phí và Phí Công đoàn lên đến gần 14,4 tỷ đồng. Những con số trên đã thể hiện sự nỗ lực và cam kết thực hiện của Ban Lãnh đạo trong việc chú trọng đến sức khỏe của đội ngũ CBNV, định hướng xây dựng tổ chức một cách bền vững với nguồn nhân lực ổn định.

Năm 2025, GEC đã ban hành điều chỉnh Quy định chế độ phúc lợi cho Người lao động ngày 11/08/2025 nhằm điều chỉnh hình thức thực hiện chế độ linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo quyền lợi cho Người lao động. Chi tiết thực hiện như sau:

| Hạng mục | ĐVT | Định mức tối đa (VND) |
|---|---|---|
| 1 Nghỉ mát định kỳ/Teambuilding | Người/năm | Theo thực tế hàng năm |
| 2 Khám sức khỏe định kỳ | Người/lần/năm | 1.200.000 - 10.000.000 |
| 3 Thưởng thâm niên TTC | Người/năm | Theo thực tế hàng năm |
| 4 Quà Tết Cổ truyền | Người/lần/năm | 1.500.000 |
| 5 Bảo hiểm sức khỏe | Người/gói/năm | 4.000.000 - 6.000.000 |
| 6 Bảo hiểm Nhân thọ | | Theo thực tế hàng năm |
| 7 Quà Tết Trung thu | Người/năm | 400.000 |
| 8 Quà sinh nhật | Lần/năm | 300.000 - 1.500.000 |
| 9 Quà Tết Thiếu nhi | Người/năm | 200.000 |
| 10 Tang chế | Lần | 2.000.000 - 4.000.000 (Tiền và/hoặc Vòng hoa viếng/ lễ vật cúng theo định mức) |
| 11 Bảo hiểm tai nạn 24/24/Bảo hiểm kết hợp Con người | Người/gói/năm | 120.000 - 280.000 |
| 12 Lì xì đầu năm | Người/lần/năm | 50.000 |
| 13 Quà 8/3 | Người/năm | 300.000 |
| 14 Quà 20/10 | | |
| 15 Thăm ốm đau | Lần | 500.000 |
| 16 Quà sinh con | Lần | 500.000 |
| 17 Quà kết hôn | Lần | 1.000.000 |

## CÔNG ĐOÀN – ĐIỂM TỰA CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong năm qua, Công đoàn Công ty tiếp tục khẳng định vai trò là tổ chức đồng hành, bảo vệ và chăm lo toàn diện cho Người lao động. Không chỉ thực hiện giám sát việc triển khai quy chế dân chủ cơ sở, thỏa ước lao động tập thể, tổ chức đối thoại và hội nghị Người lao động thường niên, Công đoàn còn chủ động phối hợp với BLĐ để kịp thời hỗ trợ đời sống vật chất và tinh thần của CBNV. Những hoạt động thăm hỏi khi ốm đau, hiếu hỉ, hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn đã trở thành nét đẹp văn hóa, thể hiện sự quan tâm nhân văn và trách nhiệm xã hội của Công ty. Song song đó, Công đoàn phát động nhiều chương trình gắn kết tập thể, từ các hoạt động văn hóa, giao lưu đến phong trào thể dục thể thao. Việc tổ chức thuê sân tập cho nhân viên rèn luyện sức khỏe không chỉ nâng cao đời sống tinh thần mà còn tạo môi trường làm việc năng động, góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp gắn bó và bền vững.



## CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI – ĐỘNG LỰC KHÍCH LỆ VÀ GIỮ CHÂN NHÂN TÀI

Bên cạnh chính sách tiền lương, Công ty đặc biệt chú trọng đến các chế độ phúc lợi bổ sung, coi đây là công cụ quan trọng để khuyến khích và ghi nhận sự đóng góp của Người lao động. Các hình thức khen thưởng đa dạng như thưởng hiệu quả công việc, thưởng thâm niên, thưởng đột xuất cho tập thể/ cá nhân xuất sắc, hay khen thưởng danh hiệu thi đua nhiều năm liền đã tạo động lực mạnh mẽ, khích lệ tinh thần làm việc và nâng cao sự gắn bó lâu dài. Đặc biệt, chế độ dành cho Cán bộ Trung kiên là điểm nhấn nổi bật, thể hiện sự trân trọng của BLĐ đối với những đóng góp bền bỉ. Chính sách ưu tiên tuyển dụng người thân, ưu tiên trong bổ nhiệm, lưu dụng sau tuổi nghỉ hưu, cùng các hỗ trợ về nghỉ dưỡng, y tế, phương tiện đi lại… không chỉ mang tính khích lệ mà còn tạo dựng niềm tin, sự gắn bó và lòng trung thành của nhân viên đối với Công ty.

Ngoài ra, Công ty còn duy trì các chính sách phúc lợi như:

- **Bảo hiểm nhân thọ cho Cán bộ cấp cao:** Đây là chính sách thể hiện sự trân trọng và ghi nhận đối với đội ngũ lãnh đạo, những người gắn bó và cống hiến lâu dài cho sự phát triển của Công ty. Việc tham gia bảo hiểm nhân thọ không chỉ mang lại sự an tâm cho bản thân Cán bộ mà còn là sự bảo đảm cho gia đình, giúp họ yên tâm công tác và cống hiến hết mình.
- **Hỗ trợ trong các mưa lũ:** Với tinh thần "lá lành đùm lá rách", Công ty đã nhiều lần triển khai các chương trình hỗ trợ khẩn cấp cho CBNV và gia đình bị ảnh hưởng bởi thiên tai, mưa lũ. Các khoản hỗ trợ cùng sự động viên tinh thần đã giúp người lao động vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống. Đây không chỉ là chính sách phúc lợi mà còn là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với cộng đồng.
- **Thăm hỏi, hỗ trợ gia đình khó khăn:** Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động thăm hỏi, động viên và hỗ trợ kịp thời đối với những gia đình CBNV gặp hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật hoặc biến cố bất ngờ. Đây là minh chứng cho tinh thần nhân văn, giúp Người lao động cảm nhận rõ sự sẻ chia và đồng hành của tập thể, từ đó thêm gắn bó và tin tưởng vào Công ty.
- **Hoạt động văn hóa – tinh thần:** Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình giao lưu– thể thao nhằm tăng cường sự gắn kết giữa nhân viên và người thân. Những hoạt động này không chỉ tạo không khí vui tươi, đoàn kết mà còn góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp bền vững, nơi mỗi nhân viên đều cảm thấy mình là một phần của đại gia đình GEC.








## AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP – GIÁ TRỊ CỐT LÕI

GEC đặc biệt chú trọng đến sức khỏe và sự an toàn của CBNV, do đó Công ty luôn tuân thủ một cách triệt để các quy định pháp luật về an toàn lao động cũng như quan tâm đặc biệt đến sức khỏe của CBNV. Công tác đo lường đánh giá các yếu tố nặng nhọc độc hại tại GEC được thực hiện định kỳ theo quy chuẩn khoa học, Công ty luôn chủ động triển khai các biện pháp để kiểm soát và giảm thiểu sự tác động.

Đối với nhóm lao động nằm trong điều kiện nặng nhọc độc hại theo quy định của Bộ y tế, GEC cũng xây dựng chính sách ưu tiên bằng việc bồi dưỡng cho CBNV để kịp thời tái tạo sức lao động. Ngoài ra, GEC tiến hành các khoá tập huấn định kỳ nhằm nâng cao hiểu biết của nhân viên về an toàn lao động và sức khoẻ nghề nghiệp.

Các chương trình này nhấn mạnh các biện pháp phòng ngừa và trang bị cho người lao động những kỹ năng thiết yếu nhằm chủ động chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ.

GEC thực hiện đầy đủ và luôn quan tâm cải thiện chế độ khám sức khỏe định kỳ cho CBNV cũng như tham gia các loại hình bảo hiểm bổ trợ như bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm tai nạn.

Với những điều đã và đang thực hiện, GEC định hướng xây dựng một tổ chức xanh, khỏe mạnh và PTBV trong đó sức khỏe của Người lao động là một trong những giá trị cốt lõi.




## ĐỊNH HƯỚNG 2026

Các chính sách phúc lợi toàn diện này đã trở thành động lực quan trọng, khuyến khích Người lao động yên tâm công tác, phát huy năng lực và gắn bó lâu dài với Công ty. Đồng thời, chúng thể hiện rõ sự quan tâm sâu sát của BLĐ, vừa đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, vừa tạo dựng hình ảnh một tổ chức nhân văn, coi trọng con người.

Thông qua việc chăm lo không chỉ cho CBNV mà còn cho gia đình họ, GEC đã khẳng định định hướng PTBV, lấy con người làm trung tâm, xây dựng một môi trường làm việc xanh – khỏe mạnh – gắn kết, nơi sức khỏe, đời sống vật chất và tinh thần của Người lao động luôn được đặt lên hàng đầu.

## CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

### 1 ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Trong bối cảnh chuyển dịch năng lượng toàn cầu diễn ra mạnh mẽ, GEC xác định nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố then chốt quyết định năng lực cạnh tranh và sự PTBV của Công ty. Trên cơ sở đó, chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được GEC xem là một trụ cột chiến lược, gắn liền với tầm nhìn dài hạn trong lĩnh vực NLTT.

Chính sách đào tạo của GEC được xây dựng theo hướng toàn diện, liên tục và phù hợp với đặc thù ngành, tập trung nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý, năng lực đổi mới sáng tạo, đồng thời tăng cường ý thức tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn, môi trường và PTBV (ESG). Thông qua các chương trình đào tạo nội bộ, đào tạo trực tuyến và hợp tác với các tổ chức đào tạo, đơn vị chuyên môn bên ngoài, GEC hướng tới xây dựng đội ngũ nhân sự có trình độ cao, khả năng thích ứng nhanh với công nghệ mới và sẵn sàng đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường.

Việc đầu tư cho đào tạo không chỉ nhằm nâng cao hiệu quả SXKD, mà còn thể hiện cam kết của GEC trong việc xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp lâu dài cho người lao động, qua đó đóng góp tích cực vào mục tiêu PTBV của doanh nghiệp và xã hội.

## 2 NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Chính sách đào tạo của GEC được triển khai trên cơ sở các nguyên tắc sau:

- Gắn đào tạo với chiến lược phát triển dài hạn của Công ty
- Kết hợp linh hoạt giữa đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài và đào tạo trực tuyến nhằm bảo đảm hiệu quả và tối ưu chi phí
- Ưu tiên nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng quản lý, an toàn lao động và tuân thủ các tiêu chuẩn ESG
- Bảo đảm cơ hội tiếp cận đào tạo bình đẳng cho người lao động ở tất cả các vị trí và cấp bậc.

## 3 SỐ GIỜ ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH VÀ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

Trong năm 2025, GEC tiếp tục duy trì và triển khai các hoạt động đào tạo thường xuyên với quy mô và nội dung phù hợp với nhu cầu thực tế. Kết quả đào tạo giai đoạn 2023–2025 được tổng hợp như sau:

| Đào tạo Nhân viên | 2023 | 2024 | 2025 | So sánh năm 2025 với năm 2024 (+) tăng, (-) giảm |
|---|---|---|---|---|
| Số khóa đào tạo (Khóa) | 103 | 76 | 88 | +15,8% |
| Học viên (Lượt) | 2.591 | 2.349 | 2.681 | +14,1% |
| Chi phí đào tạo (Tỷ đồng) | 0,32 | 0,60 | 0,41 | -31,6% |
| Thời lượng đào tạo (Giờ) | 1.469 | 1.326 | 1.301 | -1,9% |
| *Nam giới (Giờ/lượt học viên)* | *3,0* | *3,1* | *2,9* | *-5,2%* |
| *Nữ giới (Giờ/lượt học viên)* | *7,2* | *7,2* | *6,6* | *-8,3%* |
| *Quản lý (Giờ/lượt học viên)* | *10,4* | *9,7* | *7,4* | *-24,1%* |
| *Nhân viên (Giờ/lượt học viên)* | *3,14* | *2,8* | *3,0* | *+5,8%* |

Mặc dù chi phí đào tạo trong năm 2025 giảm so với năm 2024, GEC vẫn gia tăng số khóa đào tạo và số lượt học viên tham gia, cho thấy hiệu quả trong công tác tổ chức, quản lý và tối ưu nguồn lực đào tạo. Các hoạt động đào tạo đã góp phần:

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực
- Hỗ trợ vận hành an toàn, ổn định và hiệu quả các DA NLTT
- Tạo nền tảng nhân sự vững chắc cho chiến lược PTBV của Công ty trong các giai đoạn tiếp theo

Sự khác biệt về số giờ đào tạo giữa lao động nam - nữ và giữa nhóm quản lý - nhân viên chủ yếu xuất phát từ đặc thù vị trí công việc. Trong đó, lao động nam hiện chiếm tỷ trọng lớn tại các vị trí vận hành, bảo trì và kỹ thuật tại các NM điện, nên được tham gia nhiều chương trình đào tạo chuyên môn, an toàn và vận hành thiết bị theo yêu cầu công việc. Đối với cán bộ quản lý, các chương trình đào tạo chủ yếu là các khóa chuyên sâu theo nhóm chức danh, tập trung vào năng lực quản trị, điều hành, QLRR, an toàn và PTBV, dẫn đến thời lượng đào tạo bình quân cao hơn so với nhóm nhân viên.







# Đóng góp vào Kinh tế

GRI 201 GRI 202 GRI 203 GRI 207

## GIÁ TRỊ KINH TẾ ĐƯỢC TẠO RA VÀ PHÂN BỔ

### GEC THỰC HIỆN CÁC CAM KẾT VỚI BÊN LIÊN QUAN THÔNG QUA CÁC CHỈ TIÊU ĐẢM BẢO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

Chiến lược PTBV của GEC hướng tới lợi ích lâu dài cho Cơ quan Nhà nước, Đối tác mua bán Điện, Đối tác triển khai DA, CBNV, CĐ/NĐT tiềm năng và Cộng đồng Địa phương. Hiệu quả Kinh tế được xác định là chủ đề trọng yếu. Qua đó, GEC chú trọng công tác vận hành các NM Thủy điện, Điện Mặt trời, Áp mái, Điện Gió để tạo ra nguồn thu ổn định, đảm bảo trách nhiệm với các BLQ thông qua các phương pháp:

- Tiết giảm chi phí hợp lý để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động.
- Đảm bảo các chỉ tiêu tài chính tăng trưởng hợp lý và ổn định.
- Đảm bảo quyền lợi tài chính cho Chính phủ, CĐ/NĐT, Người lao động và các Nhà cung cấp vốn
- Đa dạng chuyển đổi năng lượng từ Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Mặt trời Áp mái, Điện Gió, tương lai là đến các NLTT tiềm năng khác như Hydrogen,...

### ĐA DẠNG HÓA NGUỒN THU TỪ NHIỀU LOẠI HÌNH HOẠT ĐỘNG

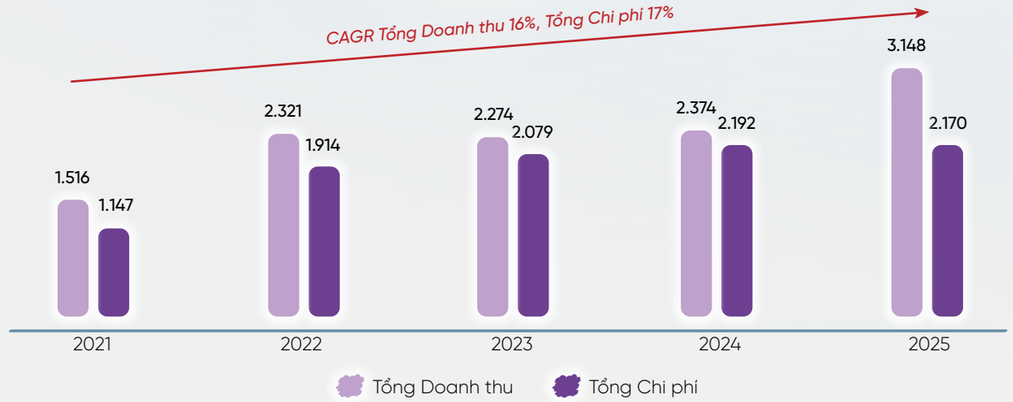
Năm 2025, GEC ghi nhận Tổng Doanh thu hợp nhất đạt 3.148 tỷ đồng, tăng 33% so với năm 2024, tương ứng mức tăng gần 774 tỷ đồng. Tăng trưởng được dẫn dắt bởi hoạt động sản xuất điện – lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, với doanh thu bán điện đạt 2.935 tỷ đồng, tăng gần 638 tỷ đồng và chiếm 93%, cơ cấu doanh thu. Kết quả này chủ yếu đến từ việc hoàn tất đàm phán giá bán điện chính thức cho NM Tân Phú Đông 1 và trụ A7 VPL và được phép ghi nhận 50% phần doanh thu còn lại của giai đoạn 2023–2024.

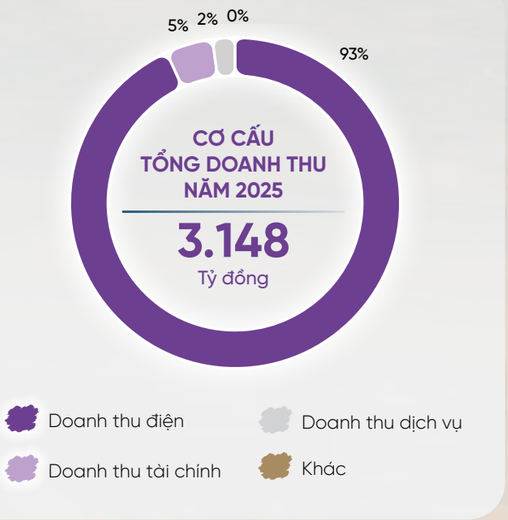
Các nguồn thu khác duy trì ổn định, trong đó doanh thu dịch vụ và bán hàng hóa đạt 63 tỷ đồng, chiếm 2% Tổng Doanh thu. Doanh thu tài chính đạt 142 tỷ đồng, tương đương 5% Tổng Doanh thu, phát sinh từ hoạt động chuyển nhượng cổ phần tại CTCP Thủy điện Trường Phú nhằm tái cơ cấu danh mục đầu tư và bổ sung nguồn lực cho các DA tiềm năng.

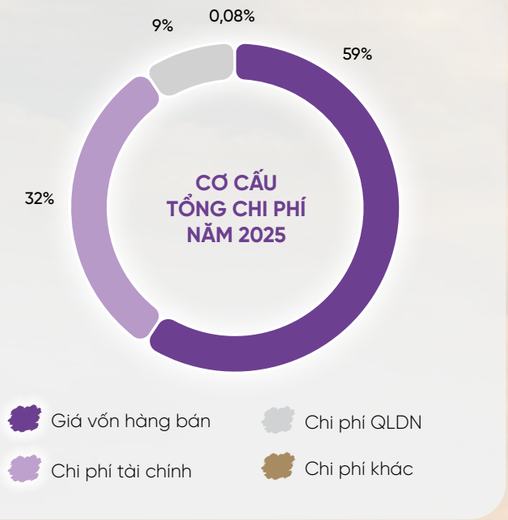
Giai đoạn 2021–2025, Tổng Doanh thu của GEC duy trì tốc độ tăng trưởng kép – CAGR đạt 16%, trong đó doanh thu điện đạt CAGR 17%, khẳng định nền tảng tăng trưởng bền vững từ HĐKD cốt lõi. Năm 2025, Công ty ghi nhận EBITDA đạt 2.443 tỷ đồng, LNG đạt 1.714 tỷ đồng, EBIT đạt 1.644 tỷ đồng và LNTT đạt 979 tỷ đồng, với các biên lợi nhuận lần lượt đạt 81%, 57%, 55% và 33%. Kết quả này phản ánh hiệu quả vận hành ổn định, chất lượng tăng trưởng được cải thiện và năng lực sinh lời tiếp tục được củng cố.

**TỔNG DOANH THU VÀ TỔNG CHI PHÍ 2021-2025**

*ĐVT: Tỷ đồng*




*Nguồn: GEC*

## CHỦ ĐỘNG KIỂM SOÁT VÀ TỐI ƯU CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUA CÁC NĂM

Năm 2025, Tổng Chi phí của GEC đạt 2.170 tỷ đồng, giảm gần 23 tỷ đồng so với năm 2024, tương đương mức thực hiện 99% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này cho thấy nỗ lực của Công ty trong việc kiểm soát và tối ưu chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động trong bối cảnh tiếp tục mở rộng quy mô vận hành.

Trong đó, Giá vốn hàng bán ghi nhận 1.285 tỷ đồng, giảm 32 tỷ đồng so với năm 2024 và chiếm 59% cơ cấu tổng chi phí. Chi phí tài chính ghi nhận 683 tỷ đồng, chiếm 32% tổng chi phí, giảm gần 118 tỷ đồng so với cùng kỳ. Mức giảm chủ yếu đến từ mặt bằng lãi suất duy trì ổn định theo định hướng điều hành của Ngân hàng Nhà nước, cùng với việc Công ty chủ động thực hiện nghĩa vụ tài chính đúng hạn. Trong năm, GEC đã hoàn tất tất toán khoản vay Symbiotics với giá trị 212 tỷ đồng, qua đó giảm áp lực chi phí lãi vay trong các giai đoạn tiếp theo.

Chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận 200 tỷ đồng, tăng khoảng 65 tỷ đồng so với năm 2024. Mức tăng này chủ yếu gắn liền với việc mở rộng quy mô hoạt động, tăng cường nguồn lực nhân sự quản lý, nâng cao năng lực quản trị vận hành và đầu tư cho hệ thống quản trị, chuyển đổi số, kiểm soát nội bộ và tuân thủ. Việc gia tăng chi phí quản lý được đánh giá là phù hợp với định hướng nâng cao chất lượng quản trị, tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn.

Đặc thù của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực NLTT với mô hình sản xuất điện trực tiếp cho hệ thống điện quốc gia, chi phí bán hàng và chi phí khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu chi phí. Năm 2025, các khoản mục này ghi nhận khoảng 1,8 tỷ đồng, tương đương 0,08% tổng chi phí

## NÂNG CAO PHÚC LỢI NGƯỜI LAO ĐỘNG – ĐỒNG HÀNH CÙNG PTBV

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu năm 2025 vẫn tiềm ẩn nhiều biến động và rủi ro, những tác động từ bất ổn địa chính trị, biến động giá năng lượng, chi phí logistics gia tăng cùng ảnh hưởng ngày càng rõ nét của biến đổi khí hậu đã tạo áp lực đáng kể lên hoạt động SXKD và đời sống người lao động. Trước những thách thức đó, GEC luôn kiên định quan điểm lấy con người làm trung tâm, xem đội ngũ cán bộ nhân viên là nền tảng quan trọng cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty. Với định hướng này, GEC tiếp tục triển khai chính sách tiền lương, phúc lợi theo hướng cạnh tranh, linh hoạt và gắn với hiệu quả hoạt động, đồng thời chú trọng nâng cao chất lượng môi trường làm việc, tạo động lực và sự gắn kết lâu dài cho người lao động.

Năm 2025, thu nhập bình quân của CBNV đạt 20,9 triệu đồng/người/tháng, tăng 0,6 triệu đồng/tháng so với mức 20,3 triệu đồng/người/tháng của năm 2024 và cao hơn khoảng 2,1 lần so với thu nhập bình quân của người lao động trên phạm vi cả nước (9,76 triệu đồng/người/tháng). Mức thu nhập cạnh tranh này không chỉ thể hiện nỗ lực của BLĐ trong việc đảm bảo đời sống ổn định cho người lao động trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động, mà còn khẳng định năng lực tài chính, hiệu quả hoạt động và cam kết chia sẻ giá trị tăng trưởng của Công ty với đội ngũ nhân sự. Thông qua việc duy trì chính sách đãi ngộ phù hợp và bền vững, GEC từng bước củng cố nguồn lực nội tại, nâng cao năng suất lao động và xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao – nền tảng quan trọng để Công ty hiện thực hóa chiến lược tăng trưởng dài hạn.

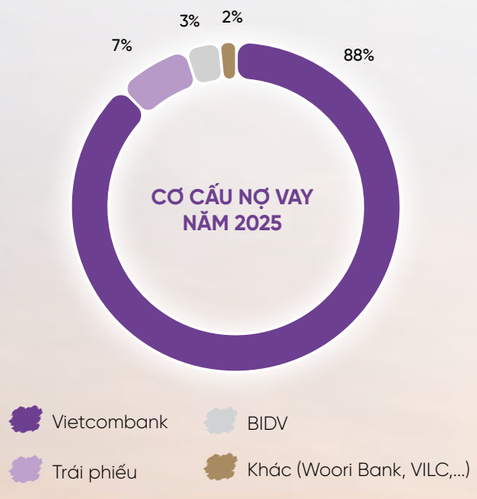


## THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VÀ ĐẢM BẢO LỢI ÍCH CĐ

GEC luôn chú trọng phát triển và duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài với các định chế tài chính và tổ chức tín dụng uy tín trong và ngoài nước nhằm đảm bảo nguồn vốn ổn định, chi phí hợp lý và cơ cấu tài chính bền vững phục vụ cho hoạt động đầu tư, vận hành và mở rộng danh mục DA. Trong cơ cấu dư nợ hiện tại, Vietcombank tiếp tục là đối tác tài trợ vốn chủ lực, chiếm 88% tổng dư nợ vay, tiếp đến là BIDV chiếm 3%, các ngân hàng khác chiếm 2% và trái phiếu chiếm 7%. Cơ cấu nguồn vốn tập trung vào các tổ chức tín dụng có năng lực tài chính mạnh, kinh nghiệm tài trợ DA năng lượng và chính sách tín dụng ổn định đã góp phần giúp Công ty chủ động trong kế hoạch tài chính trung và dài hạn, đồng thời tối ưu hóa chi phí sử dụng vốn.

Tại thời điểm ngày 31/12/2025, tổng dư nợ của GEC ghi nhận ở mức 8.343 tỷ đồng, giảm 850 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, phản ánh nỗ lực của Công ty trong việc thực hiện đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ tài chính, từng bước cải thiện các chỉ tiêu an toàn tài chính. Hoạt động tài chính trong năm diễn ra tích cực với một số điểm nhấn quan trọng, trong đó GEC đã hoàn tất tất toán khoản vay từ Symbiotics với tổng giá trị 212 tỷ đồng, qua đó giảm nghĩa vụ nợ và chi phí tài chính trong các năm tiếp theo. Song song với việc cơ cấu và giảm dần các khoản vay hiện hữu, Công ty cũng chủ động huy động thêm nguồn vốn mới để tài trợ cho DA Điện Mặt trời Đức Huệ 2, dự kiến đóng điện vào đầu năm 2026, với Vietcombank tiếp tục là đối tác tài trợ chính, khẳng định uy tín và năng lực tín dụng của GEC đối với các tổ chức tài chính lớn.

Trong năm 2025, mặt bằng lãi suất trên thị trường tài chính duy trì xu hướng ổn định và từng bước cải thiện so với giai đoạn trước, trong bối cảnh chính sách tiền tệ được điều hành theo hướng linh hoạt nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và ổn định hệ thống tài chính. Mặc dù lãi suất quốc tế vẫn duy trì ở mức cao do chính sách tiền tệ thận trọng của các Ngân hàng Trung ương lớn, Ngân hàng Nhà nước đã chủ động điều tiết thanh khoản thông qua các công cụ chính sách tiền tệ, góp phần duy trì mặt bằng lãi suất cho vay trong nước ở mức hợp lý và hạn chế các biến động bất lợi đối với doanh nghiệp.

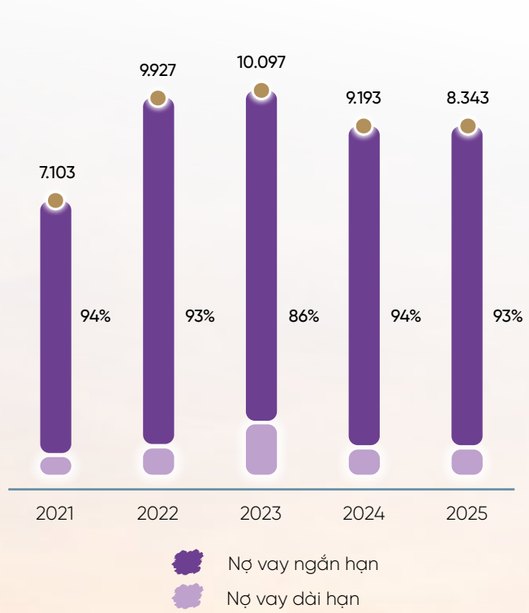



*Nguồn: GEC*

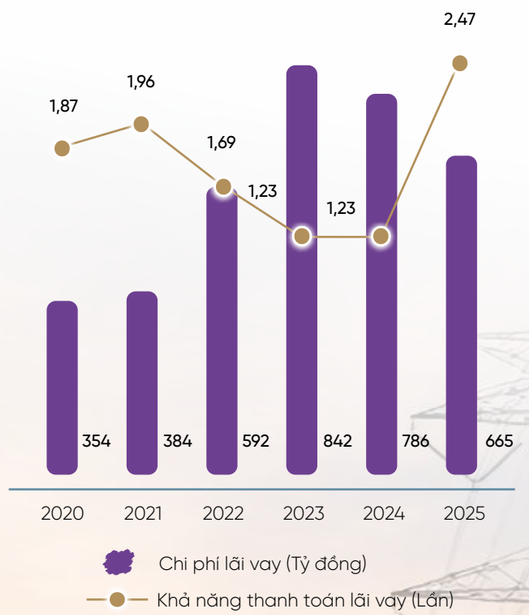
Trong bối cảnh đó, GEC đã chủ động quản lý cơ cấu nguồn vốn, tối ưu danh mục vay và tận dụng điều kiện thị trường thuận lợi để kiểm soát chi phí tài chính. Nhờ tác động tích cực từ diễn biến lãi suất cùng với việc giảm dần dư nợ vay, tổng chi phí lãi vay của Công ty trong năm 2025 đã giảm 121 tỷ đồng so với cùng kỳ, ghi nhận ở mức 665 tỷ đồng, qua đó góp phần cải thiện hiệu quả hoạt động và tăng cường năng lực tài chính của Công ty.

Bên cạnh việc thanh toán lãi vay đầy đủ và đúng hạn, trong năm Công ty đã thực hiện chi trả gần 1.291 tỷ đồng cho các khoản nợ gốc của các DA, nghĩa vụ thuê tài chính và trái phiếu, qua đó tiếp tục giảm áp lực đòn bẩy tài chính. Khả năng chi trả lãi vay của GEC luôn được đảm bảo và cải thiện rõ rệt, thể hiện qua chỉ số EBIT/Lãi vay đạt 2,47 lần, tăng mạnh so với mức 1,23 lần của năm 2024, phản ánh năng lực tạo dòng tiền ổn định và nền tảng tài chính ngày càng vững chắc của Công ty.

### CƠ CẤU NỢ VAY 2021 - 2025




### CHI PHÍ LÃI VAY VÀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN LÃI 2021-2025




*Nguồn: GEC*

Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ tài chính đối với các tổ chức tín dụng và nhà tài trợ vốn, GEC luôn chú trọng đảm bảo hài hòa lợi ích của các CĐ thông qua chính sách cổ tức phù hợp với tình hình hoạt động và chiến lược phát triển dài hạn của Công ty. Trong năm 2025, GEC đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho CĐ ưu đãi DEG với tỷ lệ 6,3673% trên giá trị phát hành - 642 tỷ đồng. DEG là định chế tài chính phát triển hàng đầu Châu Âu, trực thuộc Tập đoàn Ngân hàng Phát triển KfW của Chính phủ Đức, hoạt động với sứ mệnh hỗ trợ các doanh nghiệp PTBV theo các chuẩn mực ESG về Môi trường, Xã hội và Quản trị. Sự đồng hành của DEG trong thời gian qua không chỉ mang lại nguồn vốn dài hạn ổn định mà còn góp phần nâng cao năng lực quản trị, tăng cường tính minh bạch và thúc đẩy việc áp dụng các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp, quản lý môi trường và xã hội theo tiêu chuẩn IFC.

Cũng trong năm 2025, nhằm tối ưu cơ cấu vốn và nâng cao tính chủ động trong quản trị tài chính, GEC đã thực hiện mua lại 7.704.000 cổ phiếu ưu đãi từ CĐ DEG theo các thỏa thuận hai bên. Giao dịch này góp phần giảm nghĩa vụ tài chính liên quan đến cổ phiếu ưu đãi trong các năm tiếp theo, đồng thời cải thiện cấu trúc vốn theo hướng linh hoạt và bền vững hơn. Việc chủ động thực hiện các cam kết tài chính, duy trì chính sách cổ tức ổn định và từng bước tái cơ cấu nguồn vốn đã khẳng định năng lực tài chính vững chắc của GEC, đồng thời củng cố niềm tin của các CĐ và đối tác tài chính đối với triển vọng phát triển dài hạn của Công ty.

## GEC THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ NGHĨA VỤ NGÂN SÁCH, ĐỒNG HÀNH CÙNG PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

Mang trong mình sứ mệnh đáp ứng nhu cầu năng lượng với tầm nhìn dài hạn và định hướng PTBV, hướng đến mục tiêu trở thành đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực phát triển và vận hành tối ưu các loại hình NLTT, GEC luôn ý thức rõ vai trò và trách nhiệm của mình đối với Nhà nước, địa phương và cộng đồng. Bên cạnh việc duy trì hiệu quả hoạt động SXKD, Công ty thực hiện đầy đủ và kịp thời các nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách nhà nước, đặc biệt tại các địa phương nơi các NM của GEC đang đầu tư và vận hành, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn.

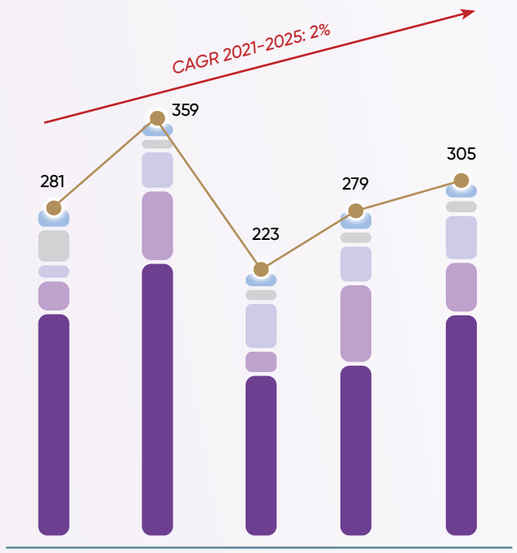
Trong năm 2025, tổng số tiền GEC đóng góp vào ngân sách nhà nước đạt hơn 305 tỷ đồng, tăng hơn 25 tỷ đồng so với năm 2024. Lũy kế giai đoạn 2021–2025, tổng giá trị đóng góp ngân sách của Công ty đạt gần 1.447 tỷ đồng, tương ứng tốc độ tăng trưởng kép CAGR giai đoạn 2021–2025 đạt khoảng 2%, thể hiện sự ổn định trong năng lực tạo giá trị và nghĩa vụ đóng góp của doanh nghiệp đối với nền kinh tế.

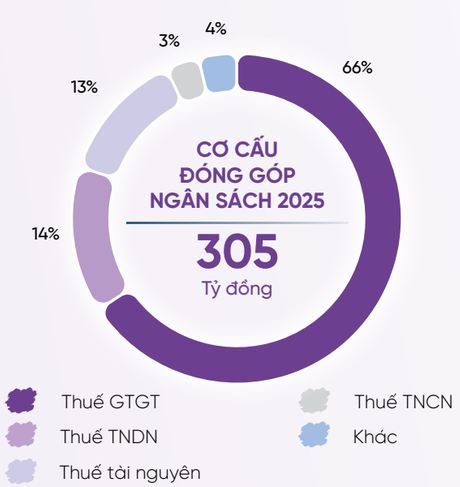
Cơ cấu các khoản nộp ngân sách trong năm 2025 chủ yếu đến từ Thuế Giá trị gia tăng với giá trị khoảng 200 tỷ đồng, chiếm 66% tổng số nộp. Tiếp theo là Thuế thu nhập Doanh nghiệp đạt 44 tỷ đồng, tương ứng 14%, Thuế Tài nguyên đạt 39 tỷ đồng, chiếm 13%. Các khoản còn lại bao gồm Thuế Thu nhập cá nhân và các nghĩa vụ khác lần lượt ghi nhận 10 tỷ đồng và 11 tỷ đồng, tương ứng tỷ trọng 3% và 4%.

Thông qua việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và duy trì mức đóng góp ổn định qua các năm, GEC tiếp tục khẳng định vai trò là doanh nghiệp năng lượng có trách nhiệm, không chỉ tạo ra giá trị kinh tế mà còn đồng hành cùng chính quyền địa phương trong việc phát triển hạ tầng, an sinh xã hội và nâng cao chất lượng đời sống cộng đồng, góp phần vào sự PTBV của nền kinh tế.

**ĐÓNG GÓP NGÂN SÁCH CỦA GEC 2021 - 2025**

*ĐVT: Tỷ đồng*




## ĐÓNG GÓP CHO CÁC HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Bên cạnh việc thực hiện trách nhiệm đối với các bên liên quan, bao gồm CĐ và NĐT tiềm năng, Cơ quan quản lý Nhà nước, Cộng đồng Xã hội, Đối tác mua bán Điện, Đối tác triển khai DA và Người lao động, GEC cũng tích cực triển khai nhiều hoạt động an sinh xã hội tại các địa phương nơi Công ty đầu tư và vận hành các NM. Các chương trình được thực hiện với mục tiêu hỗ trợ cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng đời sống người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn.

Trong năm 2025, GEC đã phối hợp cùng chính quyền và các tổ chức địa phương triển khai nhiều hoạt động ý nghĩa với tổng kinh phí tài trợ cho các hoạt động cộng đồng trong năm ghi nhận gần 1,2 tỷ đồng.




Lũy kế giai đoạn 2021–2025, tổng giá trị tài trợ của GEC dành cho các hoạt động cộng đồng và an sinh xã hội đạt 12 tỷ đồng, thể hiện cam kết lâu dài của Công ty trong việc đồng hành cùng địa phương và chia sẻ trách nhiệm với xã hội. Thông qua các hoạt động thiết thực và bền bỉ qua nhiều năm, GEC tiếp tục khẳng định định hướng phát triển gắn liền với trách nhiệm xã hội và giá trị PTBV.

## ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, CÁC RỦI RO VÀ CƠ HỘI KHÁC DO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

### GEC ĐA DẠNG HÓA CÁC LOẠI HÌNH NĂNG LƯỢNG NHẰM GIẢM TỐI THIỂU HÓA RỦI RO DO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Theo Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia và các tổ chức khí tượng quốc tế, giai đoạn 2025–2026 chịu ảnh hưởng của trạng thái ENSO chuyển pha và duy trì ở điều kiện trung tính, có thời điểm nghiêng về La Niña yếu. Điều kiện này làm gia tăng tính biến động và cực đoan của thời tiết, với sự phân hóa rõ rệt giữa các vùng và theo mùa. Cụ thể:

- Lượng mưa có xu hướng tăng hơn trung bình nhiều năm tại khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên trong mùa mưa, làm gia tăng nguy cơ lũ, ngập lụt và sạt lở đất.
- Khu vực Nam Bộ ghi nhận tổng lượng mưa mùa mưa ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn trung bình, song phân bố không đều, có thể xuất hiện các đợt mưa lớn cục bộ gây ngập úng đô thị.
- Mùa khô tại một số lưu vực có khả năng xảy ra thiếu hụt dòng chảy cục bộ trong các tháng đầu năm, trong khi các tháng cuối năm lại có xu hướng gia tăng lượng nước về hồ.
- Hoạt động bão và áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông được dự báo ở mức tương đương hoặc cao hơn trung bình nhiều năm, tập trung chủ yếu trong nửa cuối năm và tiềm ẩn rủi ro mưa lớn diện rộng tại khu vực miền Trung.

Nhìn chung, bối cảnh khí tượng thủy văn giai đoạn hiện nay được đánh giá là biến động khó lường, xu hướng cực đoan gia tăng, đòi hỏi các đơn vị trong lĩnh vực năng lượng, đặc biệt là Thủy điện và NLTT, phải chủ động trong công tác dự báo, điều tiết vận hành hồ chứa và tối ưu kế hoạch sản xuất để thích ứng với điều kiện thủy văn thay đổi.

Trong bối cảnh điều kiện thời tiết ngày càng bất định, chiến lược phát triển danh mục nguồn điện đa dạng đã giúp GEC giảm thiểu đáng kể rủi ro vận hành do yếu tố khí hậu. Việc phân bổ các DA theo nhiều loại hình NLTT và trên nhiều khu vực địa lý khác nhau góp phần ổn định sản lượng và hiệu quả hoạt động của Công ty. Đồng thời, GEC tiếp tục kiên định với định hướng phát triển đồng bộ các nguồn năng lượng sạch, góp phần giảm phát thải khí nhà kính và chung tay cùng Chính phủ và cộng đồng quốc tế trong nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu, hướng tới mục tiêu PTBV

| Chỉ tiêu | Năm 2025 | | 2024 |
|---|---|---|---|
| | Hiện trạng | Cơ hội | |
| TÁC ĐỘNG | **Thủy điện: 375 triệu kWh**, tăng **19%** so với cùng kỳ<br>**Điện Mặt trời: 319 triệu kWh**, giảm **7%** so với cùng kỳ<br>**Áp Mái: 38 triệu kWh**, giảm **18%** so với cùng kỳ<br>**Điện Gió: 606 triệu kWh**, giảm **6%** so với cùng kỳ. | • Đa dạng hóa hoạt động giúp giảm tác động đáng kể bởi các điều kiện bất lợi như hạn hán hoặc bão lũ.<br>• Tối đa hóa nguồn thu từ các loại hình, tận dụng được tình hình thời tiết trong năm để tạo nguồn thu ổn định và bù đắp thiết hụt nếu có.<br>• Nghiên cứu và tiến hành triển khai các DA NLTT khác như Hydrogen, Thủy điện tích năng... để tiếp tục chiến lược đa dạng hóa nguồn thu, giảm thiểu sự ảnh hưởng rủi ro khí hậu. | **Thủy điện: 316 triệu kWh**<br>**Điện Mặt trời: 343 triệu kWh**<br>**Áp Mái: 47 triệu kWh**<br>**Điện Gió: 646 triệu kWh** |
| PHƯƠNG PHÁP QLRR SỬ DỤNG | • Giám sát hoạt động sản xuất và vận hành các NM điện đảm bảo tuân thủ các quy định của Công ty và Ngành điện.<br>• Thực hiện các giải pháp kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất, chủ động trong công tác sửa chữa các thiết bị dự phòng, giảm thời gian dừng máy.<br>• Triển khai các giải pháp công nghệ mới nhằm tối ưu hiệu quả hoạt động: tập trung thông tin, tập trung vận hành, tập trung hình ảnh giúp BLĐ có cái nhìn tổng quan về các thuận lợi/bất lợi do thời tiết; đánh giá "sức khỏe" NM; từ đó xây dựng kế hoạch bảo trì bảo dưỡng phù hợp với tình hình hoạt động từng NM. | • Tăng cường đào tạo và cập nhật các quy định, quy trình liên quan đến việc vận hành/bảo trì/bảo dưỡng các NM năng lượng đảm bảo công tác vận hành xuyên suốt.<br>• Tiếp tục nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các giải pháp Công nghệ mới, đặc biệt ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào hoạt động bảo trì bảo dưỡng nhằm tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu suất.<br>• Tiến hành nghiên cứu các công nghệ mới như Hydrogen,... nhằm phát triển các loại hình năng lượng mới | • Phối hợp cùng với đơn vị bảo hành các trụ Tuabin gió để đảm bảo hiệu quả vận hành và chuẩn hóa hoạt động bảo trì bảo dưỡng theo thông lệ Quốc tế.<br>• Phối hợp thực hiện đào tạo đội ngũ kỹ sư, công nhân vận hành các NM về các kiến thức kỹ thuật, an toàn điện, xử lý sự cố... đảm bảo đội ngũ nhân sự chất lượng, sẵn sàng cho các NM GEC. |

| Chỉ tiêu | Năm 2025 | | 2024 |
|---|---|---|---|
| | Hiện trạng | Cơ hội | |
| ẢNH HƯỞNG TÀI CHÍNH SAU KHI QLRR | **Nguồn thu bán điện đạt 2.935 tỷ đồng, +28% cùng kỳ**<br>**Điện Gió: 1.679 tỷ đồng**, chiếm **57%**<br>**Điện Mặt trời: 746 tỷ đồng**, chiếm **15%**<br>**Thủy điện: 430 tỷ đồng**, chiếm **15%**<br>**Áp Mái: 81 tỷ đồng**, chiếm **3%** | Cơ cấu Doanh thu có sự chuyển dịch tích cực trong mục tiêu đa dạng hóa nguồn thu, phân bổ các rủi ro đến từ thời tiết. | **Nguồn thu bán điện đạt 2.298 tỷ đồng**<br>**Điện Gió: 1.058 tỷ đồng**, chiếm **46%**<br>**Điện Mặt trời: 776 tỷ đồng**, chiếm **34%**<br>**Thủy điện: 378 tỷ đồng**, chiếm **16%**<br>**Áp Mái: 87 tỷ đồng**, chiếm **4%** |

## HỖ TRỢ TÀI CHÍNH NHẬN ĐƯỢC TỪ CHÍNH PHỦ

### NHẬN ĐƯỢC NHIỀU SỰ QUAN TÂM VÀ HỖ TRỢ TỪ CHÍNH PHỦ

Ngành NLTT luôn nhận được sự quan tâm và hỗ trợ mạnh mẽ từ Chính phủ Việt Nam. Sự hỗ trợ này thể hiện qua nhiều chính sách ưu đãi, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư và phát triển của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, trong đó có GEC.

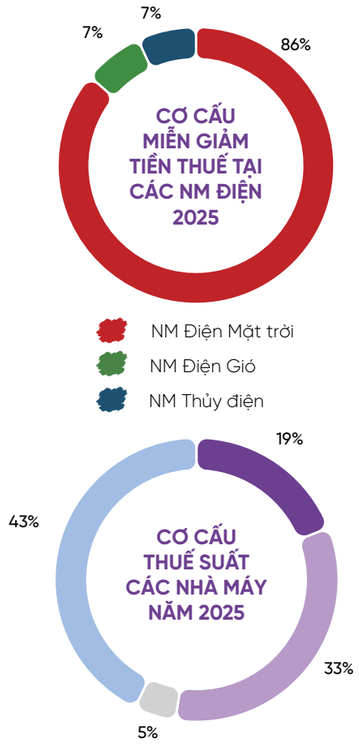
**Thuế Giá trị gia tăng:**

Áp dụng mức thuế suất 10% cho hoạt động bán điện và cung cấp dịch vụ, các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành. Công ty áp dụng thuế suất 8% cho các HĐKD được quy định tại Nghị quyết số 174/2024/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ và Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội.

**Thuế thu nhập Doanh nghiệp:**

Áp dụng mức Thuế suất Thuế thu nhập Doanh nghiệp là 20% theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài Chính. Riêng các DA đầu tư, GEC được hưởng ưu đãi thuế theo Giấy Chứng nhận ưu đãi đầu tư cho từng DA và theo quy định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế Thuế thu nhập Doanh nghiệp và công văn số 11684/BTC-TCT ngày 16/09/2005 hướng dẫn về việc chuyển thuế suất thuế Thuế thu nhập Doanh nghiệp.

Tính đến cuối năm 2025, GEC đang vận hành 21 NM điện, trong đó cơ cấu thuế suất thuế TNDN ưu đãi tiếp tục duy trì ở mức thuận lợi. Cụ thể, có 4 NM được áp dụng thuế suất ưu đãi 0%, chiếm 19% tổng số NM; 7 NM áp dụng thuế suất ưu đãi 5%, chiếm 33%; 1 NM áp dụng thuế suất ưu đãi 10%, tương ứng 5%; và 9 NM còn lại áp dụng mức thuế suất phổ thông 20%, chiếm 43% trong cơ cấu.




So với giai đoạn trước, cơ cấu thuế đã có sự dịch chuyển khi một số NM Điện Mặt trời kết thúc thời gian miễn thuế và chuyển sang giai đoạn áp dụng thuế suất ưu đãi 5% theo lộ trình ưu đãi đầu tư. Sự thay đổi này phản ánh quá trình chuyển tiếp tự nhiên theo vòng đời ưu đãi thuế của các DA NLTT sau thời gian vận hành. Nhìn chung, phần lớn các DA của GEC vẫn đang được hưởng các chính sách ưu đãi thuế theo quy định đối với lĩnh vực NLTT và địa bàn ưu đãi đầu tư. Các ưu đãi này góp phần giảm áp lực chi phí thuế, cải thiện hiệu quả tài chính và dòng tiền, đồng thời tạo điều kiện để Công ty tiếp tục tái đầu tư, mở rộng quy mô hoạt động và thúc đẩy tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

Hầu hết, các NM NLTT tại GEC đều thuộc đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư khi được hưởng miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo cơ chế ưu đãi của Luật Đầu tư do các NM tại GEC đều hoạt động tại Khu vực có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Tính đến cuối năm 2025, 21 NM đang hoạt động của GEC đã được miễn, giảm tiền thuê đất trong suốt thời hạn từ 1-50 năm theo các quy định hiện hành. Trong đó, 86% đến từ các NM Điện Mặt trời, 7% của các NM Thủy điện và 7% của các NM Điện Gió. Những ưu đãi trên của Chính phủ đối với NLTT nói chung và các hoạt động sản xuất của GEC nói riêng đã hỗ trợ tích cực về mặt tài chính, góp phần tạo nên một  hình ảnh cân bằng lợi ích về mối tương giao giữa GEC và Chính phủ.

## SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG

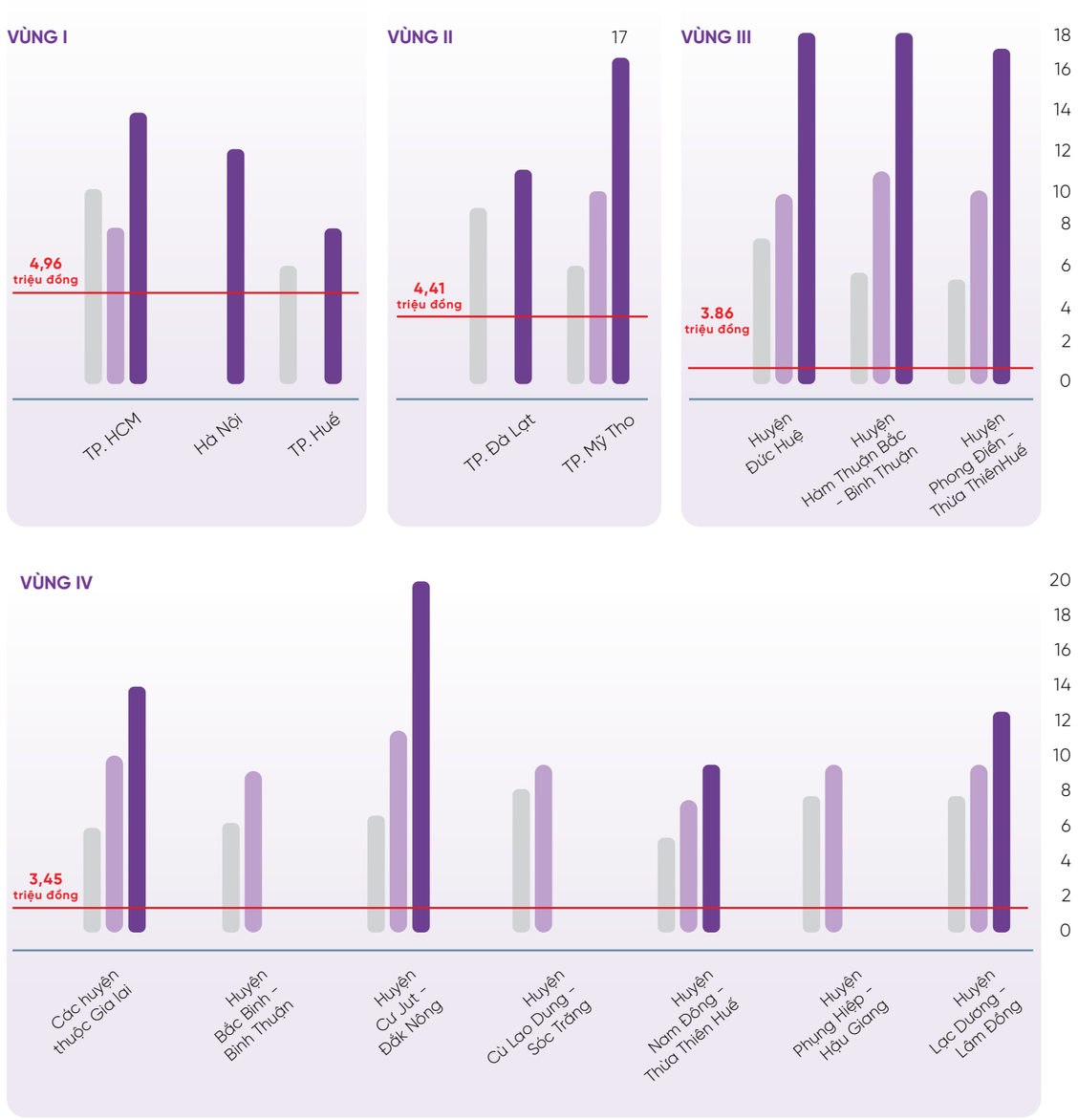
**GEC LUÔN ĐẢM BẢO CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG LINH HOẠT PHÙ HỢP VỚI YÊU CẦU KHÁCH QUAN CỦA MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, QUY CHẾ, QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT, CÔNG BẰNG VÀ HỢP LÝ THÔNG QUA CÁC TIÊU CHÍ:**

- Mức lương bình quân đảm bảo mức sống cơ bản cho CBNV nhưng vẫn phù hợp với tình hình tài chính Công ty
- Chính sách Tiền lương chi trả theo thực tế Doanh thu tại các Đơn vị Sản xuất, khuyến khích tinh thần làm việc, gắn liền giữa trách nhiệm và thu nhập được hưởng
- Mức lương khởi điểm cho CBNV Công ty luôn cao hơn so với mức tối thiểu của Vùng, hỗ trợ người lao động có thu nhập ổn định

### TỶ LỆ CỦA MỨC LƯƠNG KHỞI ĐIỂM THEO GIỚI TÍNH SO VỚI MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU CỦA VÙNG

Với hệ thống NM sản xuất điện và hệ thống Áp mái trải dài rộng khắp kéo dài từ Miền Trung đến các Tỉnh Nam Bộ, GEC luôn đảm bảo cuộc sống của từng CBNV tại mỗi Địa phương GEC đang hoạt động. Công ty cập nhật và cải tiến phù hợp với trung bình Ngành, mức sống từng Khu vực, đảm bảo tối thiểu chi phí trong cuộc sống cho CBNV dựa trên các chính sách lương, phúc lợi, chế độ đãi ngộ khác ngoài lương. Tỷ lệ chênh lệch giữa mức thu nhập CBNV GEC với mức lương tối thiểu Vùng dao động cao hơn từ 13% trở lên tùy theo vị trí và khu vực.

### THU NHẬP BÌNH QUÂN GEC SO VỚI MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU VÙNG THEO CHỨC DANH CÔNG VIỆC NĂM 2025




*Nguồn: GEC*

Trong đó, đối với vị trí Lao động phổ thông, mức lương bình quân của GEC sẽ dao động ở ngưỡng 5-10 triệu đồng, cao hơn mức lương tối thiểu vùng tại các khu vực từ 13% đến 124%. Đối với chức danh Nhân viên, mức lương bình quân dao động 7-11 triệu đồng, cao hơn mức lương tối thiểu vùng tại các khu vực từ 62% đến 235%. Chức danh Chuyên viên, mức lương bình quân sẽ dao động 8-20 triệu đồng, cao hơn mức lương tối thiểu vùng tại các khu vực từ 58% đến 484%.

## ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ CÁC DỊCH VỤ ĐƯỢC HỖ TRỢ

**TÍCH CỰC ĐÓNG GÓP VÀO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ĐỊA PHƯƠNG VÀ CỘNG ĐỒNG THÔNG QUA CÁC HOẠT ĐỘNG SỬA CHỮA, CẢI TẠO NÂNG CẤP ĐOẠN ĐƯỜNG GIAO THÔNG XUNG QUANH KHU VỰC NM GEC ĐANG HOẠT ĐỘNG**

Bên cạnh việc đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, GEC luôn song hành với sự phát triển của cộng đồng địa phương – nơi các dự án mang thương hiệu GEC được triển khai. Công ty xác định trách nhiệm xã hội không chỉ là cam kết, mà còn là hành động thiết thực nhằm góp phần nâng cao chất lượng sống cho người dân sở tại.

Do đặc thù ngành nghề, các dự án của GEC thường được phát triển tại khu vực vùng sâu, vùng xa, nơi điều kiện kinh tế – hạ tầng còn nhiều hạn chế. Vì vậy, GEC đặc biệt chú trọng thực hiện các hoạt động cải thiện cảnh quan, nâng cấp hạ tầng và hỗ trợ đời sống người dân, hướng đến sự phát triển bền vững và hài hòa giữa doanh nghiệp và địa phương.

Từ năm 2021 đến nay, GEC đã dành gần 4,4 tỷ đồng cho các hoạt động bê tông hóa đường giao thông, sửa chữa, cải tạo và nâng cấp các tuyến đường kết nối vào nhà máy, cũng như hệ thống rãnh mương thoát nước tại khu vực lân cận dự án. Những đóng góp này không chỉ tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất mà còn góp phần cải thiện điều kiện đi lại, sinh hoạt của người dân địa phương.

## THUẾ

**GEC LUÔN ĐẢM BẢO TÍNH HỢP LÝ, HỢP LỆ, ĐẦY ĐỦ VÀ KỊP THỜI CỦA TẤT CẢ CÁC CÔNG VIỆC THUỘC NGHIỆP VỤ KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH ĐÚNG CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH, ĐỒNG THỜI TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH VỀ THUẾ, ĐẢM BẢO CÔNG TÁC KÊ KHAI, LẬP VÀ NỘP BÁO CÁO THUẾ TUÂN THỦ THEO QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH THÔNG QUA CÁC PHƯƠNG PHÁP:**

- Thực thi, bám sát, rà soát các công tác triển khai tài chính, kế toán.
- Thường xuyên cập nhật các Chính sách, Luật, NĐ, TT... về Thuế để đảm bảo tính kịp thời và đúng đủ

## CÁCH TIẾP CẬN THUẾ

**TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH VỀ THUẾ TẠI TẤT CẢ CÔNG TY TRỰC THUỘC HỆ THỐNG GEC, ĐẢM BẢO CÔNG TÁC KÊ KHAI NỘP THUẾ CHÍNH XÁC, ĐẦY ĐỦ VÀ KỊP THỜI**

Hàng năm GEC và các CTTV đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước thông qua các khoản Thuế như Thuế thu nhập Doanh nghiệp, Thuế Giá trị gia tăng, Thuế Tài nguyên, Thuế Thu nhập Cá nhân và các loại Thuế khác với giá trị ngày càng tăng dần qua các năm. Để bảo đảm và làm rõ vai trò của các Bộ phận liên quan nhằm hoàn thành nghĩa vụ nộp Thuế được đúng hạn, GEC đã ban hành Quy chế tổ chức và Hoạt động, Quy chế Quản lý Tài chính được rà soát điều chỉnh phù hợp từng thời kỳ với nội dung chính như sau:

| Bộ phận | Chức năng | Nhiệm vụ |
|---|---|---|
| Kế toán | Quản lý những công việc thuộc nghiệp vụ kế toán và thuế theo đúng quy định Pháp luật. | Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của tất cả các loại chứng từ, hồ sơ liên quan đến thủ tục kế toán, thuế đảm bảo phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán và quy định của Công ty.<br>Lập và nộp các báo cáo thuế và các báo cáo số liệu kế toán tuân thủ theo quy định của Pháp luật. |
| Hành chính | Giải quyết các vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính. | Thực hiện các công tác nộp thuế nhà đất, thuế cho thuê liên quan đến HĐKD. |

Công ty thực hiện việc theo dõi và cập nhật các chính sách thuế thông qua các bộ phận chuyên trách, đảm bảo triển khai kịp thời các quy định mới theo các Thông tư, Nghị định và văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước. Trên cơ sở đó, các quy định liên quan đến thuế được rà soát và cập nhật định kỳ nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật. Khi phát sinh các thay đổi về chính sách thuế, các bộ phận liên quan sẽ chủ động đánh giá tác động, báo cáo và đề xuất BLĐ phương án triển khai phù hợp, qua đó đảm bảo công tác hạch toán kế toán, quản lý nghiệp vụ và kê khai thuế được thực hiện chính xác, minh bạch và phù hợp với quy định hiện hành.

Theo thống kê của Tổng cục Thuế, trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025, đã có khoảng 516 văn bản quy phạm và văn bản hướng dẫn liên quan đến lĩnh vực thuế được ban hành trên nhiều ngành, lĩnh vực. Khối lượng văn bản lớn và thường xuyên cập nhật cho thấy môi trường chính sách thuế có mức độ thay đổi tương đối cao, đòi hỏi doanh nghiệp phải chủ động theo dõi và kịp thời triển khai nhằm đảm bảo tuân thủ và hạn chế các rủi ro phát sinh.

Trong bối cảnh đó, GEC tiếp tục duy trì cơ chế quản lý thuế chặt chẽ và chủ động thích ứng với các thay đổi của chính sách. Việc cập nhật và triển khai kịp thời các quy định mới không chỉ giúp Công ty đảm bảo tuân thủ pháp luật, hạn chế rủi ro pháp lý và tài chính, mà còn góp phần nâng cao tính minh bạch, chuẩn hóa công tác quản trị và củng cố nền tảng tài chính bền vững cho hoạt động phát triển dài hạn.

## QUẢN LÝ THUẾ, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT RỦI RO

**CHUYÊN NGHIỆP HÓA CÔNG TÁC KIỂM SOÁT VÀ QUẢN LÝ RỦI RO THÔNG QUA BỘ MÁY KIỂM TOÁN**

Để đảm bảo công tác quản lý thuế, các số liệu về thuế được hạch toán một cách chính xác. Theo Quy định thì UBKT là đơn vị giám sát đánh giá tính chính xác, trung thực của thông tin tài chính do Công ty cung cấp. Điều này được nêu rõ trong Điều lệ UBKT được ban hành ngày 08/03/2023 trong đó bao gồm các nhiệm vụ chính liên quan đến kiểm soát và QLRR về các thông tin tài chính.

**GIÁM SÁT**

Tính trung thực của thông tin tài chính, đặc biệt xem xét sự phù hợp và nhất quán của các chuẩn mực kế toán được sử dụng bởi Công ty và CTTV (ở cấp độ Báo cáo Hợp nhất).

**THIẾT LẬP**

Các chính sách rủi ro, tiêu chí và công cụ kiểm soát rủi ro cho tất cả các hoạt động của Công ty liên quan đến tất cả các loại rủi ro và trình HĐQT phê duyệt.

**RÀ SOÁT**

Các BCTC hàng năm, đánh giá tính đầy đủ và sự nhất quán với các thông tin về hoạt động và thông tin khác mà các Thành viên UBKT đã biết trước đó và thảo luận với BĐH và Kiểm toán bên ngoài.

**ĐÁNH GIÁ**

Trường hợp cần thiết những ước lượng và đánh giá quan trọng trong các BCTC thông qua việc phỏng vấn BĐH, KTNB và Kiểm toán bên ngoài về cơ sở họ đưa ra kết luận về tính hợp lý của các ước lượng của BĐH.

Các giải thích của BĐH về các giao dịch bất thường hoặc các khác biệt đáng kể từ kết quả của năm trước hoặc Ngân sách của năm hiện tại.

Thông tin từ KTNB và Kiểm toán bên ngoài có ảnh hưởng đến chất lượng của các BCTC (ví dụ điều chỉnh kiểm toán mang tính chất lượng trọng yếu tiềm năng và thực tế, công bố BCTC, sự không tuân thủ Pháp luật và Quy định, các vấn đề về KSNB).

Nhằm đảm bảo chuyên nghiệp hóa trong công tác Kiểm soát và QLRR, GEC liên tục cập nhật, rà soát và ban hành các quy trình, quy chế mới phù hợp với thực trạng hoạt động một cách công bằng, khách quan thông qua các văn bản:

(i) Quy chế đánh giá tuân thủ
(ii) Quy chế KTNB
(iii) Quy trình KTNB
(iv) Cẩm nang KTNB.

Với trách nhiệm và vai trò của mình, hằng năm, định kỳ KTNB sẽ thông báo yêu cầu kiểm toán và thực hiện công tác kiểm toán đối với các hoạt động của GEC nói chung và các số liệu về thuế nói riêng. Trường hợp phát hiện ra các điểm bất hợp lý trong số liệu về thuế, Bộ phận sẽ trao đổi và tương tác với đơn vị đồng thời yêu cầu điều chỉnh để đảm bảo đúng các yêu cầu của Pháp luật và hạn chế các rủi ro sai sót.

# Nguyên tắc thiết lập và phạm vi báo cáo

Báo cáo PTBV của GEC được xây dựng dựa trên các nguyên tắc quản trị bền vững, nhằm cung cấp thông tin đầy đủ, minh bạch và chính xác về chiến lược, hoạt động và kết quả PTBV của Công ty, đáp ứng yêu cầu từ các BLQ.

GEC định hướng duy trì tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế hàng đầu, bao gồm: **Môi trường/Xã hội: 8 Tiêu chuẩn Thực hiện (PS) của IFC, Tiêu chuẩn Môi trường Xã hội (E&S) của ADB, Hệ thống Quản lý Chất lượng & Môi trường: ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015, Lao động và Trách nhiệm Xã hội: Tiêu chuẩn lao động của ILO, Khí hậu và Bền vững Toàn cầu: Mục tiêu PTBV của Liên Hợp Quốc (SDGs), Công bố tài chính liên quan đến biến đổi khí hậu (TCFD), Chuẩn mực kế toán bền vững (SASB), và Sáng kiến mục tiêu dựa trên cơ sở khoa học (SBTi).**

GEC không ngừng cải tiến liên tục thông qua việc vận dụng: **Hệ thống quản lý An toàn, sức khỏe nghề nghiệp (ISO 45001:2018) và Trách nhiệm xã hội (ISO 26000:2010)**. Công ty cũng đang tích cực xây dựng và áp dụng **Nghị định thư về khí thải nhà kính (GHG)**, qua đó không ngừng nâng cao chất lượng báo cáo và thúc đẩy giá trị bền vững dài hạn.

Báo cáo này bao gồm các thông tin liên quan đến định hướng chiến lược, quản trị bền vững, kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng phát triển trong các năm tới.

## NGUYÊN TẮC THIẾT LẬP BÁO CÁO

Báo cáo của GEC được lập định kỳ hằng năm. Báo cáo năm 2025 bao gồm dữ liệu được thu thập từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025, với mục tiêu cung cấp cái nhìn toàn diện và kịp thời về hiệu quả quản trị và thực hiện SDGs.

Để đảm bảo báo cáo phản ánh chính xác mối quan tâm của các BLQ và tác động đối với GEC, quy trình xây dựng báo cáo bao gồm: Thu thập ý kiến của các nhóm đối tượng liên quan, bao gồm nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp, chính quyền địa phương và cộng đồng. Bên cạnh đó, GEC xác định các vấn đề trọng yếu dựa trên mối quan tâm của các BLQ và tác động của các vấn đề này đối với chiến lược và hoạt động của GEC.

Ngoài ra, báo cáo năm 2025 còn được lập theo **Chuẩn mực Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI Standards)**, do Hội đồng Tiêu chuẩn PTBV Toàn cầu (GSSB) ban hành. Việc tuân thủ chuẩn mực này giúp đảm bảo rằng báo cáo minh bạch, so sánh được, đáng tin cậy. Báo cáo đảm bảo sự phù hợp với bối cảnh hoạt động của GEC và cam kết đối với SDGs, tập trung vào các lĩnh vực chính bao gồm quản trị bền vững, định hướng chiến lược cho tương lai và sự gắn kết với các BLQ.

## QUY TRÌNH THU THẬP VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU

Báo cáo sử dụng các nguồn chính từ các báo cáo của các phòng ban và chi nhánh, nơi cung cấp thông tin chi tiết về tiến độ, kết quả thực hiện các chương trình PTBV và đã được Phòng KTNB trực thuộc UBKT tra soát tính chính xác, minh bạch của dữ liệu.

## PHẠM VI BÁO CÁO

Báo cáo bao gồm toàn bộ hoạt động của GEC bao gồm các đơn vị trực thuộc, các CTTV đang hoạt động:

Trụ sở, văn phòng đại diện

**21 NM** đang vận hành:
- **12 NM** Thủy điện
- **5 NM** Điện Mặt trời
- **4 NM** Điện Gió

**4 NM** đang phát triển:
- **1 NM** Thủy điện
- **2 NM** Điện Gió và
- **1 NM** Điện Mặt trời

### NHÓM 9 CÔNG TY SỞ HỮU TRỰC TIẾP – CÔNG TY CON ĐANG VẬN HÀNH

- CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An (ĐHLA)
- CTCP NM Điện Mặt trời Trúc Sơn (TSO)
- CTCP Thủy điện Gia Lai (GHC)
- CT TNHH MTV Thủy điện Thượng Lộ (GTLC)
- CT TNHH MTV Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai (TVNL)
- CTCP Điện Gió Ia Bang (IBE)
- CTCP Năng lượng Điện Gió Tiền Giang (TGE)
- CTCP Năng lượng VPL (VPL)
- CTCP Hợp tác Phát triển Năng lượng tái tạo Vija (VIJA)

### NHÓM 5 CÔNG TY SỞ HỮU TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP - ĐANG PHÁT TRIỂN DA

- CTCP Năng lượng Tái tạo Tiền Giang (TGR)
- CTCP Năng lượng Tái tạo Tân Thành (TTR)
- CTCP Điện gió LaVi (LaVi)
- CTCP Năng lượng Xanh Cà Mau (CME)
- CTCP Năng lượng Điện Cao Nguyên (CNE)

### NHÓM 1 CÔNG TY LIÊN KẾT

- CTCP Năng lượng SOLWIND (SOLWIND)

## BẢO ĐẢM BÁO CÁO BỞI BÊN THỨ BA

Thông tin và nội dung Báo cáo PTBV của GEC được xác nhận của các bên thứ 3, cụ thể như sau:

- Các chỉ tiêu tài chính theo BCTC năm 2025 của GEC được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Chứng nhận ISO 14001:2015 được cấp bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH
- Báo cáo quan trắc môi trường tại các NM trực thuộc GEC tại Gia Lai được thực hiện bởi Trung tâm quan trắc môi trường Quảng Ngãi, còn tại các NM thuộc CTTV và tại các tỉnh được thực hiện bởi các Đơn vị có chức năng của Tỉnh/thành phố
- Công tác kiểm định thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn lao động được thực hiện bởi Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn khu vực III
- Quan trắc môi trường lao động được thực thực hiện bởi Công ty TNHH Tư vấn Môi trường Ban mê xanh
- Chứng từ Chất thải nguy hại do Công ty TNHH Thương Mại và Hậu Sanh ban hành

# Thông số về môi trường và lao động

## TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

| Chỉ tiêu | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|
| Tiêu thụ điện (MWh) | 8.144 | 8.402 | 10.544 |
| Tiêu thụ dầu Diesel (lít) | 56.566 | 41.807 | 46.840 |
| Tiêu thụ Xăng (lít) | 36.573 | 42.085 | 40.361 |
| Sử dụng Gas (kg) | 503 | 668 | 352 |
| Xăng sử dụng để di chuyển của CBNV (lít) | 48.385 | 58.508 | 95.000 |

## SẢN XUẤT ĐIỆN TỪ CÁC NM NLTT

| Chỉ tiêu | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|
| Sản xuất điện (MWh) | 1.232.684 | 1.507.770 | 1.381.434 |

## PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

| Phát thải KNK theo 3 Phạm vi | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|
| 1 Phạm vi 1 (tấn $CO_2e$) | 370,5 | 252,5 | 254,7 |
| 2 Phạm vi 2 (tấn $CO_2e$) | 5.880,8 | 5.539,2 | 6.574,4 |
| 3 Phạm vi 3 (tấn $CO_2e$) | 395,9 | 239,5 | 311,8 |
| 4 Hấp thụ phát thải KNK (tấn $CO_2e$) | 67,4 | 67,4 | 63,9 |
| 5 Bù trừ phát thải cho Phạm vi 2 bằng sản lượng điện không bán Tín chỉ REC | 0 | 0 | 0 |
| **Tổng phát thải theo 3 Phạm vi (tấn $CO_2e$) (1+2+3-4-5)** | **6.579,8** | **5.963,8** | **7.077** |

## TIÊU THỤ NƯỚC

| Tiêu thụ nước | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|
| Nước mặt ($m^3$) | 2.481.162.494 | 2.203.438.334 | 2.610.248.704 |
| Nước ngầm ($m^3$) | 20.348 | 13.441 | 13.350 |
| Nước máy ($m^3$) | 8.656 | 8.788 | 7.586 |





## CHẤT THẢI

| Chất thải | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|
| Chất thải nguy hại (tấn) | 5,9 | 8,4 | 14,6 |
| Chất thải sinh hoạt (tấn) | 18 | 17,5 | 21,8 |
| Chất thải thu gom giao cho đơn vị bên ngoài xử lý (tấn) | 12,1 | 18,1 | 28,8 |
| Chất thải tự xử lý (tấn) | 11,8 | 7,8 | 7,6 |
| **Tổng (tấn)** | **23,9** | **25,9** | **36,4** |

| Tổng số Lao động | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|
| **Lao động BO/FO** | **513** | **488** | **501** |
| *Trong Sản xuất* | *324* | *316* | *324* |
| *Ngoài Sản xuất* | *189* | *172* | *177* |
| **Lao động theo Độ tuổi** | **513** | **488** | **501** |
| *< 30 tuổi* | *84* | *71* | *65* |
| *Từ 30 đến 50 tuổi* | *389* | *377* | *393* |
| *> 50 tuổi* | *40* | *40* | *43* |
| **Lao động theo Giới tính** | | | |
| *Nam* | *420* | *409* | *425* |
| *Nữ* | *93* | *79* | *76* |
| **Lao động theo Trình độ** | **513** | **488** | **501** |
| *Trên Đại học* | *23* | *21* | *22* |
| *Đại học* | *214* | *202* | *216* |
| *Cao đẳng* | *115* | *116* | *114* |
| *Trung cấp* | *82* | *73* | *71* |
| *Lao động phổ thông, Sơ cấp* | *79* | *76* | *78* |
| **Lao động theo thâm niên công tác** | **513** | **488** | **501** |
| *Thâm niên dưới 3 năm* | *132* | *81* | *83* |
| *Thâm niên từ 3 năm đến dưới 5 năm* | *95* | *94* | *73* |
| *Thâm niên từ 5 năm đến dưới 10 năm* | *92* | *119* | *146* |
| *Thâm niên từ 10 năm trở lên* | *194* | *194* | *199* |
| **Lao động theo Cấp bậc** | **513** | **488** | **501** |
| *Quản lý Cấp cao* | *10* | *9* | *8* |
| *Quản lý Cấp trung* | *86* | *83* | *89* |
| *Chuyên viên/Nhân viên* | *417* | *396* | *404* |
| **Lao động Khuyết tật** | **0** | **0** | **0** |
| **Lao động người cao tuổi** | **2** | **1** | **4** |
| **Lao động trẻ em** | **0** | **0** | **0** |

| Vòng quay Lao động | 2023 | | 2024 | | 2025 | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Chỉ tiêu | % | Chỉ tiêu | % | Chỉ tiêu | % |
| **Tuyển mới theo nhu cầu Sản xuất** | **47** | **100%** | **34** | **100%** | **44** | **100%** |
| Trong Sản xuất | 16 | 34% | 12 | 35% | 20 | 45% |
| Ngoài Sản xuất | 31 | 66% | 22 | 65% | 24 | 55% |
| **Tuyển mới theo Cấp bậc** | | | | | | |
| Quản lý cấp cao | 0 | 0% | 0 | 0% | 0 | |
| Quản lý Cấp trung | 2 | 4% | 1 | 3% | 1 | 2% |
| Chuyên viên/Nhân viên | 45 | 96% | 33 | 97% | 43 | 98% |
| **Tuyển mới theo Độ tuổi** | **47** | | **34** | | **44** | |
| Từ 18 đến 25 tuổi | 8 | 17% | 12 | 35% | 11 | 25% |
| Trên 25 đến 35 tuổi | 20 | 43% | 14 | 41% | 23 | 52% |
| Trên 35 đến 45 tuổi | 12 | 26% | 6 | 18% | 9 | 21% |
| > 45 tuổi | 7 | 15% | 2 | 6% | 1 | 2% |
| **Tuyển mới theo Giới tính** | | | | | | |
| Nam | 34 | 72% | 25 | 74% | 37 | 84% |
| Nữ | 13 | 28% | 9 | 26% | 7 | 16% |
| **Giảm Lao động** | **35** | **7%** | **26** | **5%** | **33** | **6,7%** |
| **Luân chuyển Lao động nội bộ** | **14** | **2,7%** | **5** | **1%** | **2** | **0,4%** |
| **Bổ nhiệm Nội bộ** | **13** | **81%** | **19** | **90%** | **7** | **88%** |
| **Tạm hoãn Hợp đồng lao động** | **0** | **0%** | **0** | **0%** | **1** | **0,2%** |
| **Nghỉ thai sản** | **9** | **100%** | **5** | **100%** | **3** | **100%** |
| **Quay lại làm việc sau thai sản** | **8** | **89%** | **4** | **80%** | **1** | **33%** |

| Đảm bảo quyền lợi cho Người lao động | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|
| **Tổ chức Hội nghị, Đối thoại định kỳ/đột xuất** | **2** | **3** | **3** |
| Định kỳ | 1 | 1 | 1 |
| Đột xuất | 1 | 2 | 2 |
| **Khám sức khỏe định kỳ** | | | |
| Số Nhân sự tham gia khám sức khỏe, bệnh nghề nghiệp | 513 | 488 | 501 |
| Tỷ lệ tham gia khám sức khỏe | 100% | 100% | 100% |
| Tỷ lệ tham gia khám bệnh nghề nghiệp | 100% | 100% | 100% |
| **Số Nhân sự mắc bệnh nghề nghiệp** | **0** | **0** | **0** |
| **Số Nhân sự bị Tai nạn lao động** | **0** | **0** | **0** |
| **Chế độ, Chính sách dành cho Người lao động** | | | |
| Tổng Quỹ lương + Thưởng (tỷ đồng)<br>(Lương + Phụ cấp +Bảo hiểm bắt buộc) | 144 | 138,4 | 150,4 |
| Chế độ phúc lợi (tỷ đồng) | 10,3 | 6 | 5 |
| Thu nhập Bình quân (triệu đồng/người) | 19,7 | 20,3 | 20,9 |
| Thu nhập Bình quân nam (triệu đồng/người) | 18,9 | 20,1 | 20,3 |
| Thu nhập Bình quân nữ (triệu đồng/người) | 23,3 | 20,5 | 21,4 |

| Đào tạo Nhân viên | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|
| **Số khóa đào tạo (khóa)** | **103** | **76** | **88** |
| **Chi phí đào tạo (tỷ đồng)** | **0,32** | **0,60** | **0,41** |
| **Số lượt học viên (lượt học viên)** | **2.591** | **2.349** | **2.681** |
| **Tổng Số giờ đào tạo (giờ)** | **1.469** | **1.326** | **1.301** |
| **Số giờ đào tạo trung bình (giờ):** | | | |
| *Nam giới* | *3,0* | *3,1* | *2,9* |
| *Nữ giới* | *7,2* | *7,2* | *6,6* |
| *Cấp Quản lý* | *10,4* | *9,7* | *7,4* |
| *Cấp Nhân viên* | *3,14* | *2,8* | *3,0* |
| **Số khóa Huấn luyện An toàn** | **33** | **35** | **34** |
| **Số học viên tham gia Huấn luyện An toàn** | **486** | **466** | **501** |

# Tiêu chuẩn áp dụng

| STT | Nội dung | Bài viết trong Báo cáo thường niên GEC | Trang |
|---|---|---|---|
| | **PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG** | | |
| **1** | **Ma trận ESG** | | |
| **(E) MÔI TRƯỜNG** | E1. Biến đổi khí hậu<br>E2. Quản lý phát thải khí nhà kính<br>E3. Cạn kiệt tài nguyên<br>E4. Sự ô nhiễm<br>E5. Tiêu thụ năng lượng<br>E6. Sử dụng đất đai<br>E7. Mất đa dạng sinh học<br>E8. Hệ sinh thái<br>E9. Sự khai thác và tiêu thụ nước<br>E10. Quản lý chất thải | Chương 4<br>● Chiến lược PTBV đến 2030<br>● Thân thiện với môi trường<br>● Hoạt động tuân thủ EHSS<br>● Thông số môi trường và lao động | 212<br>256<br>247<br>300 |
| **(S) XÃ HỘI** | S1. Cơ hội bình đẳng<br>S2. Đa dạng giới<br>S3. Đào tạo<br>S4. An toàn, an ninh cộng đồng<br>S5. Sức khỏe và sự an toàn<br>S6. Lao động trẻ em và lao động cưỡng bức<br>S7. Cơ chế khiếu nại<br>S8. Quyền con người<br>S9. Quản lý chuỗi cung ứng<br>S10. Tác động xã hội của sản phẩm, dịch vụ<br>S11. Bạo lực và quấy rối trên cơ sở giới | Chương 4<br>● Chiến lược PTBV đến 2030<br>● Trách nhiệm với xã hội<br>● Hoạt động tuân thủ EHSS<br>● Thông số môi trường và lao động | 212<br>272<br>247<br>300 |
| **(G) QUẢN TRỊ CÔNG TY** | G1. Tầm nhìn, giá trị và văn hóa<br>G2. Sự đa dạng, cơ cấu và giám sát của HĐQT<br>G3. Kế hoạch, chiến lược kinh doanh<br>G4. Thù lao HĐQT<br>G5. Kiểm soát nội bộ<br>G6. Quản trị rủi ro và kinh doanh liên tục<br>G7. Đạo đức và tuân thủ<br>G8. Quyền của CĐ<br>G9. Quản trị sự tham gia của các BLQ<br>G10. Công khai và minh bạch | ● Thông tin HĐQT<br>Chương 3<br>● Mô hình QTCT<br>● Đánh giá của HĐQT đối với hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025<br>● Hoạt động QTCT minh bạch tại GEC<br>● Hoạt động của thành viên độc lập<br>● Ủy ban QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng<br>● Ủy ban kiểm toán<br>● Khung QTRR<br>● Bộ Quy chế ứng xử<br>● Hoạt động tuân thủ<br>● Hoạt động Quan hệ NĐT | 86<br>94<br>102<br>154<br>161<br>166<br>175<br>188<br>191<br>199 |
| **2** | **Nhóm nhiệm vụ liên quan đến khí hậu - TCFD** | | |
| 1 | Quản trị | Chương 4:<br>● PTBV theo các chuẩn mực quốc tế | 227 |
| 2 | Chiến lược | | |
| 3 | QTRR | | |
| 4 | Chỉ số và mục tiêu | | |
| **3** | **Báo cáo theo tiêu chuẩn GRI** | | |
| **GRI 201** | **Hiệu quả hoạt động Kinh tế** | | |
| 201-1 | Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ | Chương 4:<br>● Đóng góp vào kinh tế | 283 |
| 201-2 | Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tài chính, các rủi ro và cơ hội khác do biến đổi khí hậu | | |
| 201-4 | Hỗ trợ tài chính nhận được từ Chính phủ | | |
| **GRI 202** | **Sự hiện diện trên thị trường** | | |
| 202-1 | Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng | | |





| STT | Nội dung | Bài viết trong Báo cáo thường niên GEC | Trang |
|---|---|---|---|
| | **PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG** | | |
| **GRI 203** | **Tác động kinh tế gián tiếp** | | |
| 203-1 | Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ | | |
| **GRI 301** | **Vật liệu** | | |
| 301-1 | Vật liệu đã được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng | | |
| **GRI 302** | **Năng lượng** | | |
| 302-1 | Tiêu thụ Năng lượng trong tổ chức | | |
| 302-4 | Giảm tiêu hao Năng lượng | | |
| **GRI 303** | **Nước và nước thải** | | |
| 303-1 | Tương tác với nước như một nguồn tài nguyên chung | | |
| 303-3 | Nước đầu vào | | |
| 303-4 | Nước thải | | |
| 303-5 | Nước tiêu thụ | | |
| **GRI 304** | **Đa dạng sinh học** | | |
| 304-2 | Tác động đáng kể của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đối với đa dạng sinh học | | |
| 304-3 | Các Môi trường sống được bảo tồn hoặc phục hồi | | |
| **GRI 305** | **Phát thải** | | |
| 305-1 | Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1) | Chương 4<br>● Chiến lược PTBV đến 2030<br>● Hoạt động tuân thủ EHSS<br>● Thân thiện với môi trường<br>● Thông số môi trường và lao động | 212<br>247<br>256<br>300 |
| 305-2 | Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp từ Năng lượng (Phạm vi 2) | | |
| 305-3 | Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp khác (Phạm vi 3) | | |
| 305-4 | Thâm dụng phát thải khí nhà kính (GHG) | | |
| 305-5 | Giảm phát thải khí nhà kính (GHG) | | |
| 305-7 | Nitrogen oxides (NOX), sulfur oxides (SOX) và các phát thải khí đáng kể khác | | |
| **GRI 306** | **Chất thải** | | |
| 306-3 | Chất thải phát sinh | | |
| 306-4 | Chất thải được chuyển hướng khỏi phương pháp xử lý cuối cùng | | |
| 306-5 | Chất thải được xử lý | | |
| **GRI 307** | **Tuân thủ về Môi trường** | | |
| 307-1 | Không tuân thủ Pháp luật và các quy định về Môi trường | | |
| **GRI 308** | **Đánh giá Nhà cung cấp về Môi trường** | | |
| 308-1 | Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá hồ sơ bằng cách sử dụng các tiêu chí về Môi trường | | |
| 308-2 | Các tác động Môi trường tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện | | |
| **GRI 401** | **Việc làm** | | |
| 401-1 | Số lượng nhân viên tuyển dụng mới và tỷ lệ thôi việc | | |
| 401-2 | Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian | | |
| 401-3 | Nghỉ thai sản | | |

| STT | Nội dung | Bài viết trong Báo cáo thường niên GEC | Trang |
|---|---|---|---|
| **PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG** | | | |
| **GRI 403** | **An toàn và sức khỏe nghề nghiệp** | Chương 4<br>● Chiến lược PTBV đến 2030<br>● Trách nhiệm với xã hội<br>● Hoạt động tuân thủ EHSS<br>● Thông số môi trường và lao động | <br>212<br>272<br>247<br>300 |
| 403-1 | Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp | | |
| 403-2 | Nhận dạng mối nguy, đánh giá rủi ro và điều tra sự cố | | |
| 403-3 | Dịch vụ sức khỏe nghề nghiệp | | |
| 403-5 | Huấn luyện nhân viên về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp | | |
| **GRI 404** | **Giáo dục và đào tạo** | | |
| 404-1 | Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên | | |
| 404-2 | Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp | | |
| **GRI 405** | **Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng** | | |
| 405-1 | Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên | | |
| 405-2 | Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới | | |
| **GRI 413** | **Cộng đồng địa phương** | | |
| 413-1 | Những hoạt động có sự tham gia của Cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển | | |
| **4** | **17 Mục tiêu PTBV của LHQ** | Chương 4<br>● PTBV theo các chuẩn mực quốc tế | <br>227 |
| 1 | Xóa nghèo | | |
| 2 | Không còn nạn đói | | |
| 3 | Sức khỏe và có cuộc sống tốt | | |
| 4 | Giáo dục có chất lượng | | |
| 5 | Bình đẳng giới | | |
| 6 | Nước sạch và vệ sinh | | |
| 7 | Năng lượng sạch với giá thành hợp lý | | |
| 8 | Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế | | |
| 9 | Công nghiệp, sáng tạo và phát triển hạ tầng | | |
| 10 | Giảm bất bình đẳng | | |
| 11 | Các thành phố và cộng đồng bền vững | | |
| 12 | Tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm | | |
| 13 | Hành động về khí hậu | | |
| 14 | Tài nguyên và môi trường biển | | |
| 15 | Tài nguyên và môi trường trên đất liền | | |
| 16 | Hòa bình, công lý và các thể chế mạnh mẽ | | |
| 17 | Quan hệ đối tác vì các mục tiêu | | |
| **MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI (E&S)** | | | |
| **1** | **Tiêu chuẩn ISO 14001:2015 về Môi trường** | **Chương 4:**<br>● **Hoạt động tuân thủ EHSS**<br>● **Nguyên tắc thiết lập và phạm vi báo cáo** | <br>**247**<br>**298** |
| **2** | **Tiêu chuẩn ISO 45001:2018 về An toàn sức khỏe nghề nghiệp** | **Chương 4:**<br>● **Trách nhiệm với xã hội**<br>● **Hoạt động tuân thủ EHSS**<br>● **Nguyên tắc thiết lập và phạm vi báo cáo** | <br>**272**<br>**247**<br>**298** |
| **3** | **Tiêu chuẩn ISO 26000:2010 về Trách nhiệm xã hội** | | |
| **4** | **E&S theo Tiêu chuẩn IFC** | Chương 4:<br>● PTBV theo các chuẩn mực quốc tế | <br>227 |
| PS1 | Tiêu chuẩn hoạt động 1: Đánh giá và quản lý các rủi ro và tác động đến E&S | | |
| PS2 | Tiêu chuẩn hoạt động 2: Điều kiện làm việc và lao động | | |
| PS3 | Tiêu chuẩn hoạt động 3: Tiết kiệm tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm | | |
| PS4 | Tiêu chuẩn hoạt động 4: Sức khỏe, an toàn và an ninh cộng đồng | | |
| PS5 | Tiêu chuẩn hoạt động 5: Thu hồi đất và tái định cư không tự nguyện | | |
| PS6 | Tiêu chuẩn hoạt động 6: Bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững | | |
| PS7 | Tiêu chuẩn hoạt động 7: Người thiểu số bản địa | | |
| PS8 | Tiêu chuẩn hoạt động 8: Di sản văn hóa | | |
| **5** | **E&S theo Tiêu chuẩn ADB** | Chương 4:<br>● PTBV theo các chuẩn mực quốc tế | <br>227 |
| SPS1 | Các biện pháp bảo vệ Môi trường | | |
| SPS2 | Các biện pháp bảo vệ tái định cư không tự nguyện | | |
| SPS3 | Các biện pháp đảm bảo an toàn cho người dân bản địa | | |
| SPS4 | Yêu cầu đặc biệt đối với các phương thức tài chính khác nhau | | |
| **6** | **Tiêu chuẩn môi trường và xã hội của Ngân hàng Thế giới (World Bank)** | **Chương 4:**<br>● **Hoạt động tuân thủ EHSS** | <br>247 |
| **7** | **Tiêu chuẩn lao động cốt lõi của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO)** | **Chương 4:**<br>● **Hoạt động tuân thủ EHSS** | <br>247 |
| **QUẢN TRỊ CÔNG TY** | | | |
| **1** | **Bộ nguyên tắc QTCT Việt Nam** | Chương 3:<br>● Thông tin HĐQT<br>Chương 3:<br>● Mô hình QTCT<br>● Đánh giá của HĐQT đối với hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025<br>● Hoạt động QTCT minh bạch tại GEC<br>● Hoạt động của thành viên độc lập<br>● Ủy ban QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng<br>● Ủy ban kiểm toán<br>● Khung QTRR<br>● Bộ Quy chế ứng xử<br>● Hoạt động tuân thủ<br>● Hoạt động Quan hệ NĐT | <br>8<br><br>86<br>94<br>102<br>154<br>161<br>166<br>175<br>188<br>191<br>199 |
| 1 | Nguyên tắc 1: Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT | | |
| 2 | Nguyên tắc 2: Thiết lập một HĐQT có năng lực, chuyên nghiệp, độc lập và cân đối thành phần | | |
| 3 | Nguyên tắc 3: Thành lập các UB trực thuộc HĐQT | | |
| 4 | Nguyên tắc 4: Bảo đảm hoạt động hiệu quả của HĐQT | | |
| 5 | Nguyên tắc 5: Thiết lập và duy trì văn hóa đạo đức Công ty | | |
| 6 | Nguyên tắc 6: Thiết lập khung QLRR và môi trường kiểm soát vững mạnh | | |
| 7 | Nguyên tắc 7: Tăng cường hoạt động CBTT bao gồm CBTT về PTBV của công ty | | |
| 8 | Nguyên tắc 8: Thiết lập khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của CĐ | | |
| 9 | Nguyên tắc 9: PTBV và tăng cường tham gia hiệu quả của các bên có quyền lợi liên quan | | |
| **2** | **Asean Scorecard** | | |
| 1 | Quyền và đối xử công bằng với CĐ | | |
| 2 | Bền vững và năng lực chống chịu | | |
| 3 | CBTT và minh bạch | | |
| 4 | Trách nhiệm của HĐQT | | |
| 5 | Thẻ điểm thưởng | | |
| 6 | Thẻ điểm phạt | | |
| **3** | **G20/OECD các Nguyên tắc QTCT** | | |
| 1 | Đảm bảo cơ sở cho một Khuôn khổ QTCT hiệu quả | | |
| 2 | Quyền của CĐ, đối xử công bằng với CĐ và các chức năng sở hữu cơ bản | | |
| 3 | NĐT tổ chức, thị trường chứng khoán và các trung gian khác | | |
| 4 | CBTT và minh bạch | | |
| 5 | Trách nhiệm của HĐQT | | |
| 6 | Bền vững và năng lực chống chịu | | |
| **TIÊU CHUẨN BÁO CÁO** | | | |
| 1 | Báo cáo Tích hợp Quốc tế IIRC | ● Áp dụng tất cả các Chương | |
| 2 | Tiêu chuẩn LACP | | |
| 3 | Bộ Tiêu chí đánh giá BCTN - VLCA | | |

# Chờ Xuân

Chương 05

# Báo cáo Tài chính hợp nhất

## Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025


| NỘI DUNG | TRANG |
|---|---|
| Thông tin chung | 309 |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 311 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 312 |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 314 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 316 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 317 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất | 319 |






# Thông tin chung

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 1 tháng 6 năm 2010 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai, nay là Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai, cấp ngày 9 tháng 9 năm 2010. GCNĐKDN được điều chỉnh gần nhất số 5900181213 cấp ngày 26 tháng 12 năm 2025 với mục đích cập nhật vốn điều lệ của Công ty.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 341/QĐ-SGDHCM ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Thông báo 1173/TB-SGDHCM ngày 10 tháng 9 năm 2019 của HOSE. Mã chứng khoán là GEG.

Hoạt động trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đắp đường và các công trình khác; tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công và giám sát các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; cung cấp dịch vụ xây dựng, dịch vụ tư vấn kỹ thuật; và đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở chính tại số 114 Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam gồm năm (5) chi nhánh độc lập và hai (2) văn phòng đại diện, cụ thể như sau:

- Chi nhánh TTC Lâm Đồng tại Thôn 1, Xã Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Chư Prông tại số 268 Đường Hùng Vương, Xã Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Mang Yang tại Làng Chụp, Xã Lơ Pang, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Đăkpihao tại Quốc lộ 25, Thôn Thanh Thượng, Xã Chư A Thai, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Thừa Thiên Huế tại số 189 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Việt Nam;
- Văn phòng đại diện TTC Hồ Chí Minh tại số 253 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- Văn phòng đại diện TTC Hà Nội tại Nhà số 9, Ngõ 310, Ngách 22, Đường Nghi Tàm, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| | | |
|---|---|---|
| Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau: | Ông Tân Xuân Hiến | Chủ tịch |
| | Ông Nguyễn Thế Vinh | Thành viên độc lập |
| | Bà Nguyễn Thùy Vân | Thành viên độc lập |
| | Bà Phạm Thị Khuê | Thành viên độc lập |
| | Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn | Thành viên |
| | Ông Eiji Hagio | Thành viên *bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2025* |
| | Ông Mark Houghton Scott Leslie | Thành viên *bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2025* |
| | Ông Simon Mark Wilson | Thành viên *miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2025* |
| | Ông Toshihiro Oki | Thành viên *miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2025* |

## ỦY BAN KIỂM TOÁN

| | | |
|---|---|---|
| Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau: | Bà Nguyễn Thùy Vân | Chủ tịch |
| | Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn | Thành viên |
| | Ông Eiji Hagio | Thành viên *bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2025* |
| | Ông Simon Mark Wilson | Thành viên *miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2025* |

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

| | | |
|---|---|---|
| | Bà Nguyễn Thái Hà | Tổng Giám đốc |
| | Ông Lê Thanh Vinh | Phó Tổng Giám đốc Thường trực |
| | Ông Nguyễn Phong Phú | Phó Tổng Giám đốc |

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Tân Xuân Hiến.

Bà Nguyễn Thái Hà được Ông Tân Xuân Hiến ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền số 131/2024/QĐ-CT.HĐQT ngày 8 tháng 8 năm 2024.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.





# Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

## CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**

M.S.D.N: 5900181212-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI
P. PLEIKU - T. GIA LAI

**Nguyễn Thái Hà**
Tổng Giám đốc
Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2026

# Báo cáo kiểm toán độc lập

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 20 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 314 đến trang 367, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025,

cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

***Vấn đề khác***

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 26 tháng 3 năm 2025.

**Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam**




**Trần Nam Dũng**
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2024-004-1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2026

**Dương Phúc Kiên**
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4613-2023-004-1

# Bảng cân đối kế toán hợp nhất

## tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **100** | **TÀI SẢN NGẮN HẠN** | | **1.776.350.024.277** | **1.381.711.542.204** |
| **110** | **Tiền và các khoản tương đương tiền** | **4** | **86.364.663.248** | **163.717.707.072** |
| 111 | Tiền | | 46.702.358.323 | 99.909.204.892 |
| 112 | Các khoản tương đương tiền | | 39.662.304.925 | 63.808.502.180 |
| **120** | **Đầu tư tài chính ngắn hạn** | | **335.162.676.704** | **239.400.000.000** |
| 123 | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5 | 335.162.676.704 | 239.400.000.000 |
| **130** | **Các khoản phải thu ngắn hạn** | | **1.262.943.537.511** | **823.295.838.075** |
| 131 | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 6 | 823.724.875.504 | 414.935.591.105 |
| 132 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 7 | 239.091.992.001 | 20.528.704.499 |
| 135 | Phải thu về cho vay ngắn hạn | 30 | 22.420.000.000 | 242.320.000.000 |
| 136 | Phải thu ngắn hạn khác | 8 | 217.629.201.444 | 146.329.251.106 |
| 137 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 9 | (39.922.531.438) | (817.708.635) |
| **140** | **Hàng tồn kho** | **10** | **46.144.766.536** | **118.822.621.030** |
| 141 | Hàng tồn kho | | 46.144.766.536 | 155.571.782.030 |
| 149 | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | - | (36.749.161.000) |
| **150** | **Tài sản ngắn hạn khác** | | **45.734.380.278** | **36.475.376.027** |
| 151 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 15 | 10.565.104.215 | 21.465.141.796 |
| 152 | Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ | 18 | 34.678.895.414 | 14.876.028.582 |
| 153 | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 18 | 490.380.649 | 134.205.649 |
| **200** | **TÀI SẢN DÀI HẠN** | | **13.334.538.007.425** | **13.791.844.798.232** |
| **210** | **Các khoản phải thu dài hạn** | | **71.304.855.603** | **29.387.889.833** |
| 211 | Phải thu dài hạn của khách hàng | 6 | 26.497.061.861 | - |
| 216 | Phải thu dài hạn khác | 8 | 44.807.793.742 | 29.539.599.675 |
| 219 | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | | - | (151.709.842) |
| **220** | **Tài sản cố định** | | **12.506.295.684.512** | **13.296.243.774.856** |
| 221 | Tài sản cố định hữu hình | 11 | 12.431.886.114.680 | 13.208.513.709.407 |
| 222 | *Nguyên giá* | | 16.897.785.770.660 | 16.881.576.550.705 |
| 223 | *Giá trị khấu hao lũy kế* | | (4.465.899.655.980) | (3.673.062.841.298) |
| 224 | Tài sản cố định thuê tài chính | 12 | 54.171.705.184 | 66.309.267.107 |
| 225 | *Nguyên giá* | | 64.631.262.070 | 74.767.112.572 |
| 226 | *Giá trị khấu hao lũy kế* | | (10.459.556.886) | (8.457.845.465) |
| 227 | Tài sản cố định vô hình | 13 | 20.237.864.648 | 21.420.798.342 |
| 228 | *Nguyên giá* | | 39.381.555.527 | 39.381.555.527 |
| 229 | *Giá trị khấu hao lũy kế* | | (19.143.690.879) | (17.960.757.185) |
| **240** | **Tài sản dở dang dài hạn** | | **666.224.607.122** | **268.369.957.402** |
| 242 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 14 | 666.224.607.122 | 268.369.957.402 |
| **250** | **Đầu tư tài chính dài hạn** | | **57.611.864.671** | **173.517.461.623** |
| 252 | Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết | 16 | 54.485.336.837 | 173.517.461.623 |
| 255 | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 3.126.527.834 | - |
| **260** | **Tài sản dài hạn khác** | | **33.100.995.517** | **24.325.714.518** |
| 261 | Chi phí trả trước dài hạn | 15 | 19.439.188.868 | 24.325.714.518 |
| 262 | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 29.3 | 13.661.806.649 | - |
| **270** | **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | | **15.110.888.031.702** | **15.173.556.340.436** |

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **300** | **NỢ PHẢI TRẢ** | | **8.613.176.045.875** | **9.409.067.317.958** |
| **310** | **Nợ ngắn hạn** | | **884.097.465.558** | **785.159.808.730** |
| 311 | Phải trả người bán ngắn hạn | 17 | 14.804.708.957 | 32.283.866.757 |
| 312 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 1.438.402.447 | 1.490.511.247 |
| 313 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 18 | 74.425.978.296 | 47.951.063.315 |
| 314 | Phải trả người lao động | | 12.317.841.762 | 785.066.665 |
| 315 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 19 | 48.245.959.325 | 24.317.673.288 |
| 318 | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | | 467.702.644 | 93.185.392 |
| 319 | Phải trả ngắn hạn khác | 20 | 11.748.918.862 | 9.480.430.736 |
| 320 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 22 | 615.911.149.968 | 596.947.078.982 |
| 322 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 21 | 104.736.803.297 | 71.810.932.348 |
| **330** | **Nợ dài hạn** | | **7.729.078.580.317** | **8.623.907.509.228** |
| 336 | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | | 149.999.998 | 277.272.726 |
| 337 | Phải trả dài hạn khác | | 41.450.000 | 14.850.000 |
| 338 | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 22 | 7.726.997.449.069 | 8.596.078.933.882 |
| 341 | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 29.3 | - | 25.605.398.335 |
| 342 | Dự phòng phải trả dài hạn | | 1.889.681.250 | 1.931.054.285 |
| **400** | **VỐN CHỦ SỞ HỮU** | | **6.497.711.985.827** | **5.764.489.022.478** |
| **410** | **Vốn chủ sở hữu** | **23** | **6.497.711.985.827** | **5.764.489.022.478** |
| 411 | Vốn cổ phần | | 4.148.043.710.000 | 4.225.083.710.000 |
| 411a | *- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết* | | *3.583.083.710.000* | *3.583.083.710.000* |
| 411b | *- Cổ phiếu ưu đãi* | | *564.960.000.000* | *642.000.000.000* |
| 412 | Thặng dư vốn cổ phần | | 14.462.886.313 | 20.700.057.484 |
| 418 | Quỹ đầu tư phát triển | | 96.180.413.885 | 96.180.413.885 |
| 421 | Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối | | 705.958.927.902 | 83.075.403.683 |
| 421a | *- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước* | | *71.478.650.237* | *9.111.150.106* |
| 421b | *- LNST chưa phân phối của năm nay* | | *634.480.277.665* | *73.964.253.577* |
| 429 | Lợi ích CĐ không kiểm soát | | 1.533.066.047.727 | 1.339.449.437.426 |
| **440** | **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | | **15.110.888.031.702** | **15.173.556.340.436** |

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2026

| | | |
|---|---|---|
| **Trương Nhật Thành** | **Trần Thị Hồng Thắm** | **Nguyễn Thái Hà** |
| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |

B02-DN/HN

# Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

## cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| 10 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 24.1 | 2.998.867.342.581 | 2.325.314.422.750 |
| 11 | Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 25 | (1.284.499.646.212) | (1.252.130.796.010) |
| 20 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 1.714.367.696.369 | 1.073.183.626.740 |
| 21 | Doanh thu hoạt động tài chính | 24.2 | 141.973.185.102 | 38.028.122.572 |
| 22 | Chi phí tài chính | 26 | (683.259.056.290) | (801.100.868.886) |
| 23 | *Trong đó: Chi phí lãi vay* | | *(664.973.670.829)* | *(785.725.023.247)* |
| 24 | Phần lãi trong công ty liên kết | 16 | 4.986.976.457 | 5.367.117.999 |
| 25 | Chi phí bán hàng | | - | (25.000.000) |
| 26 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 27 | (200.053.742.755) | (135.489.654.026) |
| 30 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 978.015.058.883 | 179.963.344.399 |
| 31 | Thu nhập khác | | 2.464.065.959 | 4.866.550.788 |
| 32 | Chi phí khác | | (1.814.529.453) | (3.299.299.015) |
| 40 | Lợi nhuận khác | | 649.536.506 | 1.567.251.773 |
| 50 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 978.664.595.389 | 181.530.596.172 |
| 51 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 29.1 | (71.152.947.253) | (55.371.388.939) |
| 52 | Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại | 29.3 | 39.267.204.984 | (34.085.817.151) |
| 60 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | | 946.778.853.120 | 92.073.390.082 |
| 61 | Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | | 708.521.811.800 | 114.823.028.545 |
| 62 | Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát | | 238.257.041.320 | (22.749.638.463) |
| 70 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 23.5 | 1.738 | 174 |
| 71 | Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 23.5 | 1.738 | 174 |

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2026

**Trương Nhật Thành**
Người lập

**Trần Thị Hồng Thắm**
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thái Hà**
Tổng Giám đốc





B03-DN/HN

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

## cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| | **LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HĐKD** | | | |
| 01 | **Lợi nhuận trước thuế** | | **978.664.595.389** | **181.530.596.172** |
| | *Điều chỉnh cho các khoản:* | | | |
| 02 | Khấu hao và hao mòn | 11, 12, 13 | 799.717.318.649 | 804.297.740.099 |
| 03 | Dự phòng trích lập | | 2.162.578.926 | 36.722.889.238 |
| 04 | Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | (81.753.281) | (47.340.658) |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (147.483.930.955) | (41.203.805.966) |
| 06 | Chi phí lãi vay và phân bổ chi phí phát hành trái phiếu | 26 | 666.988.404.157 | 789.660.456.230 |
| 08 | **Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi vốn lưu động** | | **2.299.967.212.885** | **1.770.960.535.115** |
| 09 | (Tăng) giảm các khoản phải thu | | (796.250.928.051) | 20.157.535.979 |
| 10 | Giảm hàng tồn kho | | 109.427.015.494 | 21.454.988.635 |
| 11 | Tăng (giảm) các khoản phải trả | | 35.051.895.563 | (12.126.088.473) |
| 12 | Giảm (tăng) chi phí trả trước | | 15.786.563.231 | (5.130.188.043) |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (667.102.226.894) | (804.255.448.226) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 18 | (43.699.645.837) | (61.496.640.337) |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (20.509.690.051) | (16.900.045.619) |
| 20 | **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh** | | **932.670.196.340** | **912.664.649.031** |
| | **LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ** | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định | | (408.566.559.815) | (102.100.056.932) |
| 22 | Tiền thu do thanh lý tài sản cố định | | 1.103.251.464 | 39.836.836.420 |
| 23 | Tiền chi cho vay | | (247.289.204.538) | (14.520.211.262) |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay | | 368.300.000.000 | 15.347.911.262 |
| 26 | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 236.153.026.352 | 58.170.262.912 |
| 27 | Tiền thu lãi cho vay và cổ tức | | 52.214.761.118 | 15.645.187.801 |
| 30 | **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư** | | **1.915.274.581** | **12.379.930.201** |

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| | **LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH** | | | |
| 31 | Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu | | - | 200.000.000 |
| 32 | Mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | | (83.057.171.171) | - |
| 33 | Tiền vay nhận được | | 439.098.402.527 | 1.057.809.183.019 |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | | (1.278.405.658.171) | (1.963.830.390.300) |
| 35 | Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | | (12.824.891.511) | (8.460.291.486) |
| 36 | Cổ tức đã trả | 23.3 | (76.830.949.700) | (76.197.803.000) |
| **40** | **Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính** | | **(1.012.020.268.026)** | **(990.479.301.767)** |
| **50** | **Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm** | | **(77.434.797.105)** | **(65.434.722.535)** |
| **60** | **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | | **163.717.707.072** | **229.105.088.949** |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | 81.753.281 | 47.340.658 |
| **70** | **Tiền và tương đương tiền cuối năm** | **4** | **86.364.663.248** | **163.717.707.072** |

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2026

| | | |
|---|---|---|
| **Trương Nhật Thành** | **Trần Thị Hồng Thắm** | **Nguyễn Thái Hà** |
| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |





# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

**vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày**

## 1 THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 1 tháng 6 năm 2010 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai và hoạt động theo GCNĐKDN số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai, nay là Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai, cấp ngày 9 tháng 9 năm 2010. GCNĐKDN được điều chỉnh gần nhất số 5900181213 cấp ngày 26 tháng 12 năm 2025 với mục đích cập nhật vốn điều lệ của Công ty.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 341/QĐ-SGDHCM ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Thông báo 1173/TB-SGDHCM ngày 10 tháng 9 năm 2019 của HOSE. Mã chứng khoán là GEG.

Hoạt động trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đắp đường và các công trình khác; tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công và giám sát các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; cung cấp dịch vụ xây dựng, dịch vụ tư vấn kỹ thuật; và đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở chính tại số 114 Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam gồm năm (5) chi nhánh độc lập và hai (2) văn phòng đại diện, cụ thể như sau:

- Chi nhánh TTC Lâm Đồng tại Thôn 1, Xã Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Chư Prông tại số 268 Đường Hùng Vương, Xã Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Mang Yang tại Làng Chợp, Xã Lơ Pang, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Đăkpihao tại Quốc lộ 25, Thôn Thanh Thượng, Xã Chư A Thai, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Thừa Thiên Huế tại số 189 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Việt Nam;
- Văn phòng đại diện TTC Hồ Chí Minh tại số 253 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- Văn phòng đại diện TTC Hà Nội tại Nhà số 9, Ngõ 310, Ngách 22 Đường Nghi Tàm, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 509 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 501).

## Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có mười hai (12) công ty con trực tiếp, một (1) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết (tại 31 tháng 12 năm 2024: mười hai (12) công ty con trực tiếp, một (1) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết) như sau:

| | | Địa điểm | Lĩnh vực kinh doanh | Tỷ lệ sở hữu theo vốn điều lệ (%) | | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Ngày 31 tháng 12 năm 2025 | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 | Ngày 31 tháng 12 năm 2025 | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 |
| **A. CÔNG TY CON TRỰC TIẾP** | | | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai | Tỉnh Gia Lai | Sản xuất và phân phối điện | 62,53 | 62,53 | 62,53 | 62,53 |
| 2 | Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An | Tỉnh Tây Ninh | Sản xuất và phân phối điện | 99,92 | 99,92 | 99,92 | 99,92 |
| 3 | Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang | Tỉnh Đồng Tháp | Sản xuất và phân phối điện | 54,93 | 54,93 | 54,93 | 54,93 |
| 4 | Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn | Tỉnh Lâm Đồng | Sản xuất và phân phối điện | 99,96 | 99,96 | 99,96 | 99,96 |
| 5 | Công ty Cổ phần Năng lượng VPL | Tỉnh Vĩnh Long | Sản xuất và phân phối điện | 88,84 | 88,84 | 99,98 | 99,98 |
| 6 | Công ty Cổ phần Điện gió Ia Bang | Tỉnh Gia Lai | Sản xuất và phân phối điện | 84,72 | 84,72 | 99,53 | 99,53 |
| 7 | Công ty TNHH Một thành viên Thủy Điện Thượng Lộ | Thành Phố Huế | Sản xuất và phân phối điện | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
| 8 | Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng tái tạo Vi-Ja | Thành Phố Hồ Chí Minh | Sản xuất và phân phối điện | 99,00 | 99,00 | 99,00 | 99,00 |
| 9 | Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tiền Giang (*) | Tỉnh Đồng Tháp | Sản xuất và phân phối điện | 99,71 | 99,71 | 99,71 | 99,71 |
| 10 | Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai | Tỉnh Gia Lai | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật điện có liên quan | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
| 11 | Công ty Cổ phần Năng lượng Xanh Cà Mau (*) | Tỉnh Cà Mau | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện | 95,00 | 95,00 | 95,00 | 95,00 |
| 12 | Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tân Thành (*) (i) | Tỉnh Đồng Tháp | Sản xuất và phân phối điện | 99,17 | 96,15 | 99,17 | 96,15 |
| **B. CÔNG TY CON GIÁN TIẾP** | | | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Năng lượng điện Cao Nguyên | Tỉnh Đắk Lắk | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện | 99,00 | 99,00 | 99,99 | 99,99 |
| **C. CÔNG TY LIÊN KẾT** | | | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú (ii) ("Trường Phú") | Thành Phố Huế | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện | - | 25,09 | - | 25,09 |
| 2 | Công ty Cổ phần Năng lượng Solwind ("Solwind") | Thành Phố Hồ Chí Minh | Hoạt động tư vấn và quản lý điện có liên quan | 49,99 | 49,99 | 49,99 | 49,99 |





*(i)* Vào ngày 26 tháng 5 năm 2025, Tập đoàn đã góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tân Thành ("TTR") với số tiền là 19.000.000.000 VND, nâng tỷ lệ sở hữu và biểu quyết trong TTR lên 99,17%. Chênh lệch giữa vốn góp và giá trị ghi sổ của phần sở hữu tăng thêm được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

*(ii)* Theo Nghị quyết HĐQT số 8A/2025/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2025, đã phê duyệt việc chuyển nhượng 13.400.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú ("Trường Phú") - công ty liên kết tương ứng 25,09% vốn điều lệ của Trường Phú. Vào ngày 29 tháng 4 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất các thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần tại công ty liên kết này. Lợi nhuận từ giao dịch chuyển nhượng này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất được trình bày tại Thuyết minh ("TM") số 24.2.

*(*)* Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa góp đủ vốn vào các công ty con này. Chi tiết cam kết góp vốn được trình bày tại TM số 32.2.

# 2 CƠ SỞ TRÌNH BÀY

## 2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

## 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

## 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

## 2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

## 2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TTBTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Tập đoàn đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

# 3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

## 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

| | |
|---|---|
| ● Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa | ● Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| ● Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | ● Chi phí mua và chi phí lao động trực tiếp. |

### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### Các quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Tập đoàn được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

## 3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

### Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

### Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

## 3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | | | |
|---|---|---|---|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 48 năm | Quyền sử dụng đất | 22 - 50 năm |
| Máy móc, thiết bị | 3 - 25 năm | Phần mềm máy tính | 3 - 8 năm |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 5 - 30 năm | Tài sản khác | 1 - 20 năm |
| Thiết bị quản lý | 3 - 15 năm | | |

## 3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

## 3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

## 3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian với các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- Chi phí bảo hiểm;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí cải tạo văn phòng, sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- Chi phí trả trước khác.

### Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

## 3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ Tập đoàn phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

## 3.12 Các khoản đầu tư

### Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

### Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

## 3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

## 3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Tập đoàn. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

## 3.15 Dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

## 3.16 Trái phiếu phát hành

### Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

## 3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## 3.18 Vốn góp của chủ sở hữu

### Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

### Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu nếu Tập đoàn không có nghĩa vụ phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó.

Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả nếu bắt buộc Tập đoàn phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó tại một thời điểm đã được xác định trong tương lai và nghĩa vụ mua lại cổ phiếu được ghi rõ ngay trong hồ sơ phát hành tại thời điểm phát hành cổ phiếu.

## 3.19 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

### Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

### Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

## 3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

## 3.21 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt

do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Tập đoàn chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, Tập đoàn không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận theo khu vực địa lý.

## 3.22 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

### Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và truyền tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

### Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

## 3.23 Thuế

### Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn/Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 3.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

## 4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VNĐ

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Tiền mặt | - | 31.086.305 |
| Tiền gửi ngân hàng | 46.702.358.323 | 99.878.118.587 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 39.662.304.925 | 63.808.502.180 |
| **TỔNG CỘNG** | **86.364.663.248** | **163.717.707.072** |

*(*)* Số dư cuối năm thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 3,5%/năm đến 4,75%/năm.

## 5 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Số dư cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc từ ba (3) tháng trở lên và không quá mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 1,9%/năm đến 5,7%/năm.

## 6 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

VNĐ

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| **Ngắn hạn** | **823.724.875.504** | **414.935.591.105** |
| Phải thu từ các khách hàng | 794.973.061.014 | 412.415.831.021 |
| • Công ty Mua Bán Điện | 668.424.659.539 | 311.033.382.648 |
| • Tổng Công ty Điện lực Miền Trung | 111.047.717.085 | 85.605.001.322 |
| • Tổng Công ty Điện lực Miền Nam | 6.795.694.473 | 7.240.190.682 |
| • Khác | 8.704.989.917 | 8.537.256.369 |
| Phải thu từ bên liên quan (TM số 30) | 28.751.814.490 | 2.519.760.084 |
| **Dài hạn** | **26.497.061.861** | **-** |
| • Công ty Mua Bán Điện | 26.497.061.861 | - |
| **TỔNG CỘNG** | **850.221.937.365** | **414.935.591.105** |
| Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn khó đòi | (210.514.287) | - |

## 7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VNĐ

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Trả trước cho các nhà cung cấp | 239.091.992.001 | 20.329.154.499 |
| • Công ty Cổ Phần Tập đoàn PC1 | 116.000.000.000 | - |
| • Goldwind International Renewable Energy Limited | 59.786.748.000 | - |
| • Công ty TNHH Giải pháp và Thiết bị Tự động hóa VITECH | 23.223.299.330 | - |
| • Các nhà cung cấp khác | 40.081.944.671 | 20.329.154.499 |
| Trả trước cho bên liên quan (TM số 30) | - | 199.550.000 |
| **TỔNG CỘNG** | **239.091.992.001** | **20.528.704.499** |

## 8 PHẢI THU KHÁC

VNĐ

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| **Ngắn hạn** | | |
| Tạm ứng nhân viên (i) | 180.867.959.859 | 90.996.449.331 |
| Phải thu tiền lãi | 19.907.831.170 | 42.772.244.238 |
| Ký quỹ thực hiện dự án (ii) | 11.045.000.000 | 5.795.000.000 |
| Khác | 5.808.410.415 | 6.765.557.537 |
| **TỔNG CỘNG** | **217.629.201.444** | **146.329.251.106** |
| *Trong đó:* | | |
| *Phải thu ngắn hạn khác từ bên khác* | *203.189.774.049* | *107.837.527.809* |
| *Phải thu ngắn hạn từ bên liên quan (TM 30)* | *14.439.427.395* | *38.491.723.297* |
| **Dài hạn** | | |
| Đặt cọc hợp đồng hợp tác đầu tư (iii) | 15.000.000.000 | - |
| Tạm ứng nhân viên (i) | 12.830.787.532 | - |
| Ký quỹ thuê tài chính | 7.970.375.000 | 8.362.575.000 |
| Ký quỹ thực hiện dự án (ii) | 4.570.000.000 | 10.087.800.000 |
| Ký quỹ bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo hành | - | 6.412.676.704 |
| Ký quỹ khác | 272.800.000 | 629.166.262 |
| Khác | 4.163.831.210 | 4.047.381.709 |
| **TỔNG CỘNG** | **44.807.793.742** | **29.539.599.675** |
| *Trong đó:* | | |
| *Phải thu dài hạn khác từ bên khác* | *44.309.589.360* | *29.041.395.293* |
| *Phải thu dài hạn từ bên liên quan (TM 30)* | *498.204.382* | *498.204.382* |
| Dự phòng phải thu khác khó đòi | **(17.292.017.151)** | **(969.418.477)** |
| *Trong đó:* | | |
| *Ngắn hạn* | *(17.292.017.151)* | *(817.708.635)* |
| *Dài hạn* | - | *(151.709.842)* |

*(i)* Tạm ứng cho cho nhân viên để phục vụ hoạt động phát triển kinh doanh của Tập đoàn.

*(ii)* Các khoản ký quỹ để bảo đảm thực hiện các dự án của Tập đoàn được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về thời gian hoàn tất dự án và thu hồi các khoản ký quỹ này.

*(iii)* Khoản đặt cọc cho các cá nhân để đảm bảo nhận chuyển nhượng cổ phần của một công ty dự án nhà máy năng lượng điện mặt trời.

## 9 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

VNĐ

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Dự phòng phải thu của khách hàng ngắn hạn khó đòi | (210.514.287) | - |
| Dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn khó đòi | (22.420.000.000) | - |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi | (17.292.017.151) | (817.708.635) |
| **TỔNG CỘNG** | **(39.922.531.438)** | **(817.708.635)** |

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Số đầu năm | 817.708.635 | 709.200.682 |
| Cộng: Dự phòng trích lập trong năm | 39.922.531.438 | 108.507.953 |
| Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm | (817.708.635) | - |
| **SỐ CUỐI NĂM** | **39.922.531.438** | **817.708.635** |

## 10 HÀNG TỒN KHO

VNĐ

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Công cụ, dụng cụ | 18.671.915.224 | - | 16.494.763.094 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 16.847.200.001 | - | 42.849.825.249 | - |
| Hàng hóa | 10.284.620.971 | - | 92.719.287.760 | (36.749.161.000) |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 341.030.340 | - | 3.422.041.356 | - |
| Thành phẩm | - | - | 85.864.571 | - |
| **TỔNG CỘNG** | **46.144.766.536** | **-** | **155.571.782.030** | **(36.749.161.000)** |

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Số đầu năm | 36.749.161.000 | - |
| Cộng: Dự phòng trích lập trong năm | - | 36.749.161.000 |
| Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm | (36.749.161.000) | |
| **SỐ CUỐI NĂM** | **-** | **36.749.161.000** |





## 11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VNĐ

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị quản lý | Tài sản khác | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Nguyên giá:** | | | | | | |
| Số đầu năm | 3.955.068.436.975 | 9.994.191.686.733 | 2.531.265.104.186 | 243.654.003.352 | 157.397.319.459 | **16.881.576.550.705** |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 134.360.930 | 68.000.000 | - | - | 635.308.000 | **837.668.930** |
| Mua mới trong năm | 437.097.974 | 3.010.523.105 | 3.959.127.327 | 2.504.934.407 | 38.600.000 | **9.950.282.813** |
| Phân loại lại | - | 10.135.850.502 | - | - | - | **10.135.850.502** |
| Thanh lý | (30.633.658) | (320.630.981) | (2.939.119.764) | (40.857.537) | (402.231.014) | **(3.733.472.954)** |
| Giảm khác | - | (981.109.336) | - | - | - | **(981.109.336)** |
| Số cuối năm | 3.955.609.262.221 | 10.006.104.320.023 | 2.532.285.111.749 | 246.118.080.222 | 157.668.996.445 | **16.897.785.770.660** |
| *Trong đó: Đã khấu hao hết* | 68.198.305.199 | 36.259911.117 | 12.860.363.074 | 12.235.249.510 | 34.276.696.953 | **163.830.525.853** |
| **Giá trị khấu hao lũy kế:** | | | | | | |
| Số đầu năm | 974.965.740.770 | 2.148.737.594.633 | 366.797.067.661 | 93.034.054.486 | 89.528.383.748 | **3.673.062.841.298** |
| Khấu hao trong năm | 160.627.841.066 | 505.442.735.646 | 103.167.294.567 | 22.602.094.547 | 1.865.976.196 | **793.705.942.022** |
| Phân loại lại | - | 2.826.731.512 | - | - | - | **2.826.731.512** |
| Thanh lý | (30.633.658) | (320.630.981) | (2.848.549639) | (40.857.537) | (402.231.014) | **(3.642.902.829)** |
| Giảm khác | - | (52.956.023) | - | - | - | **(52.956.023)** |
| Số cuối năm | 1.135.562.948.178 | 2.656.633.474.787 | 467.115.812.589 | 115.595.291.496 | 90.992.128.930 | **4.465.899.655.980** |
| **Giá trị còn lại** | | | | | | |
| Số đầu năm | 2.980.102.696.205 | 7.845.454.092.100 | 2.164.468.036.525 | 150.619948.866 | 67.868935.711 | **13.208.513.709.407** |
| Số cuối năm | 2.820.046.314.043 | 7.349470.845.236 | 2.065.169.299.160 | 130.522.788.726 | 66.676.867.515 | **12.431.886.114.680** |
| *Trong đó: Tài sản cầm cố, thế chấp (TM số 22)* | 2.777.809115.218 | 7.267825.561.540 | 2.063.421.444.652 | 121.737401.282 | 58.692.350.589 | **12.289485.873.281** |

## 12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VNĐ

| | Máy móc |
|---|---|
| **Nguyên giá:** | |
| Số đầu năm | 74.767.112.572 |
| Phân loại lại | (10.135.850.502) |
| Số cuối năm | **64.631.262.070** |
| **Giá trị hao mòn lũy kế:** | |
| Số đầu năm | 8.457.845.465 |
| Hao mòn trong năm | 4.828.442.933 |
| Phân loại lại | **(2.826.731.512)** |
| Số cuối năm | **10.459.556.886** |
| **Giá trị còn lại:** | |
| Số đầu năm | 66.309.267.107 |
| Số cuối năm | **54.171.705.184** |

## 13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VNĐ

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Tài sản khác | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|
| **Nguyên giá:** | | | | |
| Số đầu năm và số cuối năm | 25.619.130.441 | 13.590.685.902 | 171.739.184 | **39.381.555.527** |
| *Trong đó:* *Đã hao mòn hết* | - | *11.730.143.217* | *171.739.184* | ***11.901.882.401*** |
| **Giá trị hao mòn lũy kế:** | | | | |
| Số đầu năm | 4.964.965.267 | 12.824.052.734 | 171.739.184 | **17.960.757.185** |
| Hao mòn trong năm | 906.183.696 | 276.749.998 | - | **1.182.933.694** |
| Số cuối năm | 5.871.148.963 | 13.100.802.732 | 171.739.184 | **19.143.690.879** |
| **Giá trị còn lại** | | | | |
| Số đầu năm | 20.654.165.174 | 766.633.168 | - | **21.420.798.342** |
| Số cuối năm | 19.747.981.478 | 489.883.170 | - | **20.237.864.648** |
| *Trong đó:* *Tài sản cầm cố, thế chấp (TM số 22)* | *10.869.328.283* | - | - | ***10.869.328.283*** |

## 14 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VNĐ

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Dự án Đức Huệ - Long An 2 (i) | 611.328.754.184 | 236.077.171.149 |
| Dự án Thủy điện Ea Tih (ii) | 30.298.729.501 | 18.292.250.117 |
| Dự án VPL Bến Tre | 9.863.557.535 | 2.964.384.993 |
| Các dự án khác | 14.733.565.902 | 11.036.151.143 |
| **TỔNG CỘNG** | **666.224.607.122** | **268.369.957.402** |

*(i)* Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 05/2019/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An ngày 4 tháng 1 năm 2019, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua chủ trương đầu tư Dự án điện mặt trời Đức Huệ - Long An 2 với công suất thiết kế 49MWp và tổng mức đầu tư ước tính là 947 tỷ đồng. Theo Công văn của Thủ Tướng Chính phủ số 1632/TTg-CN ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc bổ sung danh mục các dự án điện mặt trời vào quy hoạch phát triển điện lực, Dự án điện mặt trời Đức Huệ - Long An 2 đã được bổ sung vào danh mục các dự án điện mặt trời và lưới điện đấu nối vào quy hoạch điện VIII điều chỉnh để triển khai thực hiện theo cơ chế đấu thầu phát triển điện mặt trời được cấp có thẩm quyền ban hành. Theo Quyết định số 4761/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2025, Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. Theo đó, Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Đức Huệ - Long An 2 sẽ do Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An làm chủ đầu tư (trước đây là Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời TTC Đức Huệ - Long An làm chủ đầu tư).

*(ii)* Thực hiện theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông số 05/2023/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng Tái Tạo Vija ngày 14 tháng 7 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua chủ trương thực hiện dự án Thủy Điện Ea Tih với công suất quy hoạch 8,6Mw và tổng mức đầu tư dự kiến là 290 tỷ đồng. Theo Quyết định số 907/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 và Quyết định điều chỉnh số 981/QĐ-UBND, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk chấp thuận chủ trương đầu tư và đồng thời chấp thuận nhà đầu tư mới. Theo đó, Dự án Nhà máy Thủy Điện Ea Tih sẽ do Công ty Cổ phần Năng lượng Điện Cao Nguyên làm chủ đầu tư.

## 15 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VNĐ

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| **Ngắn hạn** | | |
| Bảo hiểm | 7.161.165.308 | 5.629.920.836 |
| Chi phí sửa chữa | 359.834.336 | 12.919.727.062 |
| Khác | 3.044.104.571 | 2.915.493.898 |
| **TỔNG CỘNG** | **10.565.104.215** | **21.465.141.796** |
| **Dài hạn** | | |
| Tiền thuê đất trả trước | 6.669.918.437 | 6.915.901.109 |
| Bảo hiểm | 6.317.770.185 | 5.165.416.689 |
| Chi phí cải tạo nhà máy và sửa chữa tài sản cố định ("TSCĐ") | 2.377.938.480 | 8.068.268.865 |
| Công cụ dụng cụ và thiết bị văn phòng | 1.074.191.281 | 1.217.950.391 |
| Khác | 2.999.370.485 | 2.958.177.464 |
| **TỔNG CỘNG** | **19.439.188.868** | **24.325.714.518** |

## 16 ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

VNĐ

| | Giá trị đầu tư vào | | |
|---|---|---|---|
| | Trường Phú | Solwind | Tổng cộng |
| **Giá trị đầu tư:** | | | |
| Số đầu năm | 93.800.000.000 | 49.990.000.000 | 143.790.000.000 |
| Thanh lý khoản đầu tư | (93.800.000.000) | - | (93.800.000.000) |
| Số cuối năm | - | 49.990.000.000 | 49.990.000.000 |
| **Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:** | | | |
| Số đầu năm | 27.226.987.133 | 2.500.474.490 | 29.727.461.623 |
| Phần lợi nhuận từ công ty liên kết | 2.992.114.110 | 1.994.862.347 | 4.986.976.457 |
| Thanh lý khoản đầu tư | (30.219.101.243) | - | (30.219.101.243) |
| Số cuối năm | - | 4.495.336.837 | 4.495.336.837 |
| **Giá trị còn lại:** | | | |
| Số đầu năm | 121.026.987.133 | 52.490.474.490 | 173.517.461.623 |
| Số cuối năm | - | 54.485.336.837 | 54.485.336.837 |

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết này chưa được xem xét và xác định chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

## 17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VNĐ

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Phải trả cho các nhà cung cấp | 14.804.708.957 | 31.683.866.757 |
| • Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật 29 | 8.073.434.592 | 3.000.000.000 |
| • Công ty TNHH Công nghệ Phòng cháy Hoàng Trầm | 2.471.565.816 | - |
| • Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 | - | 20.454.366.566 |
| • Các nhà cung cấp khác | 4.259.708.549 | 8.229.500.191 |
| Phải trả cho các bên liên quan (TM số 30) | - | 600.000.000 |
| **TỔNG CỘNG** | **14.804.708.957** | **32.283.866.757** |

## 18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

VNĐ

| | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số cuối năm |
|---|---|---|---|---|
| **Phải nộp** | | | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 29.452.119.675 | 71.152.947.253 | (43.699.645.837) | 56.905.421.091 |
| Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") | 12.960.107.052 | 250.424.256.934 | (253.678.151.626) | 9.706.212.360 |
| Thuế tài nguyên | 3.512.481.338 | 41.142.943.938 | (39.286.705.701) | 5.368.719.575 |
| Thuế thu nhập cá nhân ("TNCN") | 2.026.265.482 | 10.358.980.351 | (10.146.847.069) | 2.238.398.764 |
| Khác | 89.768 | 11.425.717.811 | (11.218.581.073) | 207.226.506 |
| **TỔNG CỘNG** | **47.951.063.315** | **384.504.846.287** | **(358.029.931.306)** | **74.425.978.296** |





## 18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

VNĐ

| | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số cuối năm |
|---|---|---|---|---|
| **Phải thu** | | | | |
| Thuế TNCN | - | 3.458.971 | (3.458.971) | - |
| Thuế GTGT | 14.876.028.582 | 73.163.346.630 | (53.360.479.798) | 34.678.895.414 |
| Khác | 134.205.649 | 359.175.000 | (3.000.000) | 490.380.649 |
| **TỔNG CỘNG** | **15.010.234.231** | **73.525.980.601** | **(53.366.938.769)** | **35.169.276.063** |

## 19 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VNĐ

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Chi phí tư vấn xây dựng | 22.236.111.111 | - |
| Lãi vay | 14.192.079.339 | 16.320.635.404 |
| Khác | 11.817.768.875 | 7.997.037.884 |
| **TỔNG CỘNG** | **48.245.959.325** | **24.317.673.288** |

## 20 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VNĐ

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Cổ tức phải trả | 4.147.399.302 | 4.135.191.402 |
| Phí bảo vệ môi trường rừng | 2.074.805.928 | 1.580.070.208 |
| Khác | 5.526.713.632 | 3.765.169.126 |
| **TỔNG CỘNG** | **11.748.918.862** | **9.480.430.736** |

## 21 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Số đầu năm | 71.810.932.348 | 68.886.056.526 |
| Trích từ LNST chưa phân phối (TM số 23) | 53.435.561.000 | 19.824.921.441 |
| Sử dụng quỹ trong năm | (20.509.690.051) | (16.900.045.619) |
| **Số cuối năm** | **104.736.803.297** | **71.810.932.348** |

## 22 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

VNĐ

| | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Phân loại lại | Số cuối năm |
|---|---|---|---|---|---|
| **Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn** | **596.947.078.982** | **206.720.036.667** | **(1.222.930.549.682)** | **1.035.174.584.001** | **615.911.149.968** |
| Vay ngân hàng (TM số 22.1) | 38.219.574.140 | 206.720.036.667 | (145.422.089.886) | - | 99.517.520.921 |
| Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 22.2) | 274.231.333.332 | - | (793.093.568.285) | 950.321.554.956 | 431.459.320.003 |
| Trái phiếu phát hành đến hạn trả (TM số 22.3) | 60.000.000.000 | - | (60.000.000.000) | 75.000.000.000 | 75.000.000.000 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả (TM số 22.4) | 12.824.891.511 | - | (12.824.891.511) | 9.853.029.045 | 9.853.029.045 |
| Vay dài hạn bên thứ ba đến hạn trả (*) | 211.590.000.000 | - | (211.590.000.000) | - | - |
| Khác | 81.279.999 | - | - | - | 81.279.999 |
| **Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** | **8.596.078.933.882** | **234.393.099.188** | **(68.300.000.000)** | **(1.035.174.584.001)** | **7.726.997.449.069** |
| Vay ngân hàng (TM số 22.2) | 7.965.419.909.615 | 232.378.365.860 | (68.300.000.000) | (950.321.554.956) | 7.179.176.720.519 |
| Trái phiếu phát hành (TM số 22.3) | 598.486.368.814 | 2.014.733.328 | - | (75.000.000.000) | 525.501.102.142 |
| Nợ thuê tài chính (TM số 22.4) | 32.172.655.453 | - | - | (9.853.029.045) | 22.319.626.408 |
| **TỔNG CỘNG** | **9.193.026.012.864** | **441.113.135.855** | **(1.291.230.549.682)** | **-** | **8.342.908.599.037** |

(*) Đây là khoản vay với Micro, Small & Medium Enterprises Bonds S.A với mục đích sử dụng toàn bộ vốn vay để đầu tư vào các dự án xanh đủ điều kiện bao gồm dự án Tân Phú Đông 1 và các dự án xanh đủ điều kiện khác với lãi suất 9,5% năm. Tại ngày 30 tháng 5 năm 2025, Công ty đã hoàn tất thủ tục thanh toán khoản vay này.

### 22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết khoản vay ngắn hạn các ngân hàng nhằm bổ sung vốn lưu động như sau:

| Ngân hàng | Số cuối năm VND | Ngày đáo hạn | Lãi suất %/năm | Hình thức đảm bảo |
|---|---|---|---|---|
| Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển Việt Nam ("BIDV") | 51.429.214.142 | Từ ngày 27 tháng 4 đến ngày 11 tháng 9 năm 2026 | 7,6 - 8,4% | Tài sản gắn liền trên đất tại số đất 257, 258, Tờ bản đồ số 01 Điền Lộc, Phong Điền, Thành phố Huế và máy móc thiết bị (TM số 11) |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương ("Vietcombank") - Chi nhánh Gia Lai | 48.088.306.779 | Kỳ hạn trả gốc của khoản vay này là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ | Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất cho vay của Vietcombank | Tài sản gắn liền trên đất tại số 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, Gia Lai; Công trình và toàn bộ máy móc thiết bị của Nhà máy Thủy điện Ayun Thượng 1A (12 MW) (TM số 11)<br>Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (TM số 5) |
| **TỔNG CỘNG** | **99.517.520.921** | | | |

## 22.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

| Ngân hàng | Số cuối năm VND | Mục đích vay | Ngày đáo hạn | Lãi suất %/năm | Hình thức đảm bảo |
|---|---|---|---|---|---|
| Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai | 2.790.000.000.000 | Thanh toán cho các chi phí hợp lý liên quan đến Dự án Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1 công suất 100 MW | Từ ngày 5 tháng 4 năm 2026 đến ngày 16 tháng 6 năm 2036 | Lãi suất cố định 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,9%/năm. Lãi suất từ năm thứ 3 trở đi được tính bằng lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam với kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Vietcombank – Chi nhánh Gia Lai công bố cộng với mức biên là 3,1%/năm | Tài sản thế chấp của khoản vay này là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bao gồm toàn bộ máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các động sản khác thuộc về hoặc liên quan đến Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1 (công suất 100 MW) (TM số 11) |
| | 1.453.000.000.000 | Thanh toán cho các chi phí hợp lý liên quan đến Dự án Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 2 công suất 50 MW | Từ ngày 5 tháng 7 năm 2026 đến ngày 15 tháng 6 năm 2035 | Lãi suất cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8%/năm. Sau đó, lãi suất được định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam với thời hạn 12 tháng do Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai thông báo cộng biên lãi suất 3%/năm | Tài sản thế chấp của khoản vay này là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bao gồm toàn bộ máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các động sản khác thuộc về hoặc liên quan đến Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 2 (công suất 50 MW) (TM số 11) |
| | 989.000.000.000 | Đầu tư vào dự án Nhà máy Điện gió la Bang 1 | Từ ngày 26 tháng 12 năm 2026 đến ngày 5 tháng 2 năm 2035 | Lãi suất cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8%/năm. Sau đó, lãi suất được định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam với thời hạn 12 tháng do Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai thông báo cộng biên lãi suất 3%/năm | Quyền sử dụng đất và máy móc thiết bị của Nhà máy điện Gió la Bang 1, Nhà máy điện mặt trời Krông Pa, Nhà máy thủy điện Ayun Thượng 1A, Nhà máy điện mặt trời Hàm Phú 2, cổ phần của Tập đoàn tại Công Ty Cổ phần Điện Gió la Bang và các khoản tiền gửi (TM số 5) |

| Ngân hàng | Số cuối năm VND | Mục đích vay | Ngày đáo hạn | Lãi suất %/năm | Hình thức đảm bảo |
|---|---|---|---|---|---|
| Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai | 927.338.987.709 | Thanh toán cho các chi phí hợp lý liên quan đến dự án đầu tư Nhà máy điện gió VPL Bến Tre giai đoạn 1 | Từ ngày 24 tháng 2 năm 2027 đến ngày 24 tháng 8 năm 2035 | Lãi suất cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8%/năm. Sau đó, lãi suất được định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam với thời hạn 12 tháng do Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai thông báo cộng biên lãi suất 3,1%/năm | Toàn bộ máy móc thiết bị bao gồm móng trụ turbine, tài sản gắn liền trên đất đã hình thành và Quyền tài sản phát sinh của Nhà máy điện Gió VPL Bến Tre giai đoạn 1, Nhà máy điện mặt trời Krông Pa, Nhà máy thủy điện Ayun Thượng 1A, Nhà máy điện mặt trời Hàm Phú 2, Nhà máy điện gió la Bang (TM số 11), cổ phần của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Năng Lượng VPL và các khoản tiền gửi (TM số 5) |
| | 419.600.000.000 | Đầu tư vào dự án Nhà máy Điện Mặt trời Krông Pa | Từ ngày 9 tháng 8 năm 2026 đến ngày 9 tháng 11 năm 2030 | Lãi suất cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,8%/năm. Sau đó, lãi suất được định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam với thời hạn 12 tháng do Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai thông báo cộng biên lãi suất 2,6%/năm | Nhà máy điện mặt trời Krông Pa, các nhà máy thủy điện bao gồm Ayun Thượng 1A và Đak PiHao 1 (TM số 11) và bảo lãnh của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công - một bên liên quan |
| | 292.000.000.000 | Đầu tư vào dự án Nhà máy Điện mặt trời TTC - Hàm Phú 2 | Từ ngày 29 tháng 3 năm 2027 đến ngày 29 tháng 01 năm 2030 | Lãi suất cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,8%/năm. Sau đó, lãi suất được định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam với thời hạn 12 tháng do Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai thông báo cộng biên lãi suất 2,6%/năm | Tài sản và/hoặc quyền tài sản thuộc dự án Nhà máy điện mặt trời TTC-Hàm Phú 2 (TM số 11) |

VNĐ

| Ngân hàng | Số cuối năm VND | Mục đích vay | Ngày đáo hạn | Lãi suất | Hình thức đảm bảo |
|---|---|---|---|---|---|
| Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai | 182.378.365.860 | Đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Điện mặt trời TTC Đức Huệ 2 | Từ ngày 16 tháng 10 năm 2026 đến ngày 16 tháng 10 năm 2035 | Lãi suất cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 6,4%/năm. Sau đó, các năm tiếp theo lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên lãi suất 2,7%/năm | Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc dự án Điện mặt trời TTC Đức Huệ 2; Toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc dự án Điện mặt trời TTC Đức Huệ 2 (TM số 11); Quyền tài sản phát sinh từ dự án Điện mặt trời TTC Đức Huệ 2 bao gồm nhưng không giới hạn (quyền phát sinh từ các hợp đồng đầu ra, quyền phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm, quyền phát sinh từ các hợp đồng thầu) |
| BIDV - Chi nhánh Gia Định | 146.500.000.000 | Đầu tư vào dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Điền | Từ ngày 12 tháng 10 năm 2026 đến ngày 12 tháng 4 năm 2029 | Lãi suất trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,5%/năm. Sau đó, lãi suất định kỳ điều chỉnh 6 tháng/lần theo lãi suất cơ sở cộng biên lãi suất 2,3%/năm | Nhà máy điện mặt trời Phong Điền bao gồm Quyền sử dụng đất có diện tích 449.980 $m^2$ (TM số 11) và tài sản gắn liền với đất tại số đất 257, 258, Tờ bản đồ số 01 Điền Lộc, Phong Điền, Thành phố Huế và máy móc thiết bị (TM số 11) |
| | 36.094.118.657 | Đầu tư vào dự án Nhà máy điện mặt trời kết hợp với nông nghiệp Trúc Sơn | Từ ngày 26 tháng 1 năm 2026 đến ngày 25 tháng 3 năm 2029 | Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần theo mức lãi suất công bố của BIDV - Chi nhánh Gia Định | Toàn bộ tài sản và quyền sử dụng đất thuộc các dự án điện mặt trời áp mái kết hợp nông nghiệp (TM số 11) |
| | 30.838.248.293 | Đầu tư vào các dự án Nhà máy điện mặt trời áp mái kết hợp nông nghiệp dưới 1MWp | Từ ngày 25 tháng 2 năm 2026 đến ngày 5 tháng 8 năm 2029 | Lãi suất trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 9,0% - 9,2%/năm. Sau đó, lãi suất định kỳ điều chỉnh 6 tháng/lần theo lãi suất cơ sở cộng biên lãi suất 3%/năm | Toàn bộ tài sản, các tài khoản và các quyền theo hợp đồng thuộc các dự án điện mặt trời áp mái kết hợp nông nghiệp (TM số 11) |
| | 10.725.000.000 | Đầu tư vào dự án Điện mặt trời áp mái Hậu Giang 3, Bàu Cạn 2 và Đại Ân 3 | Từ ngày 25 tháng 3 năm 2026 đến ngày 25 tháng 3 năm 2029 | Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần theo mức lãi suất công bố của BIDV - Chi nhánh Gia Định | Tài sản cố định hữu hình của các dự án điện mặt trời áp mái Hậu Giang 3,Đại Ân 3, Bàu Cạn 2, quyền sử dụng đất của dự án Bàu Cạn 2 (TM số 11); và tài sản của các đối tác kinh doanh của Tập đoàn |

VNĐ

| Ngân hàng | Số cuối năm VND | Mục đích vay | Ngày đáo hạn | Lãi suất | Hình thức đảm bảo |
|---|---|---|---|---|---|
| Vietcombank - Chi nhánh HCM | 230.300.000.000 | Thanh toán các chi phí hợp lý liên quan đến Dự án Nhà máy điện mặt trời TTC - Đức Huệ 1 | Từ ngày 27 tháng 12 năm 2026 đến ngày 27 tháng 3 năm 2031 | Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng cho mỗi kỳ trả nợ được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam với kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và được điều chỉnh 3 tháng/lần cộng với biên lãi suất 1,7%/năm cho năm đầu tiên và 3%/năm cho các năm tiếp theo | Dự án Điện mặt trời và quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa Tập đoàn và Tập đoàn Điện lực Việt Nam của Dự án Nhà máy điện mặt trời TTC – Đức Huệ 1, Nhà máy Thủy điện Ayun Thượng 1A (TM số 11), quyền sở hữu và thư bảo lãnh của Tập đoàn |
| Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam | 70.361.320.000 | Thanh toán khoản vay với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh | Từ ngày 25 tháng 3 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026 | Lãi suất định kỳ điều chỉnh 6 tháng/lần theo bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 6 tháng (dành cho cá nhân) của các ngân hàng quốc doanh với biên độ lãi suất là 3,2%/năm | Tài sản gắn liền với đất và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất thuộc Dự án Điện mặt trời Trúc Sơn (TM số 11) |
| Ngân hàng TM TNHH E.Sun - CN Đồng Nai | 32.500.000.003 | Đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang dưới dạng vốn góp cho mục đích phát triển dự án điện gió Tân Phú Đông 1 | Từ ngày 9 tháng 2 đến ngày 7 tháng 8 năm 2026 | Lãi suất định kỳ điều chỉnh 6 tháng/lần theo bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam với kỳ hạn 6 tháng của 4 ngân hàng (Vietinbank, Vietcombank, BIDV và Agribank) với biên độ lãi suất là 3,6%/năm | Nhà máy thủy điện Thượng lộ bao gồm công trình có tổng diện tích xây dựng 3.291,5 $m^2$ trên khu đất có diện tích 44.283,9 $m^2$ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thửa đất số 567 và 424, xã Khe Tre, Thành phố Huế (TM số 11) |
| **TỔNG CỘNG** | **7.610.636.040.522** | | | | |
| *Trong đó:* | | | | | |
| *Vay dài hạn đến hạn trả* | *431.459.320.003* | | | | |
| *Vay dài hạn* | *7.179.176.720.519* | | | | |

## 22.3 Trái phiếu dài hạn

Chi tiết khoản trái phiếu phát hành được trình bày như sau:

VNĐ

| | Số cuối năm |
|---|---|
| Trái phiếu không chuyển đổi, bảo đảm bằng tài sản thanh toán, có bảo lãnh của bên thứ ba và được phát hành dưới hình thức ghi sổ (i) | 135.000.000.000 |
| Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền và bảo đảm bằng tài sản (ii) | 270.000.000.000 |
| Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền và bảo đảm bằng tài sản (iii) | 200.000.000.000 |
| Chi phí phát hành trái phiếu | (4.498.897.858) |
| **TỔNG CỘNG** | **600.501.102.142** |
| *Trong đó:* | |
| *Trái phiếu dài hạn đến hạn trả* | *75.000.000.000* |
| *Trái phiếu dài hạn* | *525.501.102.142* |

*(i)* Thực hiện theo Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 2 năm 2018 và Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phát hành trái phiếu trên thị trường sơ cấp, Tập đoàn đã chỉ định Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam làm đại lý phát hành, đại lý đăng ký và đại lý quản lý chuyển nhượng liên quan đến phát hành trái phiếu với hạn mức 900 tỷ đồng được chia làm ba giai đoạn để đầu tư vào các dự án của Tập đoàn.

Trong đợt 1 phát hành ngày 20 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn đã phát hành 300 trái phiếu với mã trái phiếu GEG_BOND_2018_1, mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu và thời gian đáo hạn là trong vòng 10 năm, chia làm 10 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 1 năm. Tập đoàn có nghĩa vụ mua lại khoản gốc trái phiếu theo lịch cam kết này. Lãi suất áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 7,8%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo là lãi suất tham chiếu cộng biên lãi suất 2,6%/năm. Mục đích phát hành trái phiếu là để đầu tư vào Dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Điền và Dự án Nhà máy điện mặt trời Krông Pa. Đến ngày kết thúc kỳ kế tóan năm, Tập đoàn đã hoàn thành việc mua lại 165 trái phiếu và sẽ hoàn thành việc mua lại 135 trái phiếu còn lại từ ngày 27 tháng 6 năm 2026 đến ngày 26 tháng 6 năm 2028.

Tài sản thế chấp để phát hành trái phiếu này bao gồm Dự án điện mặt trời Krông Pa, các Dự án thủy điện của Công ty bao gồm Ayun Thượng 1A và Đak Pi Hao 1 (TM số 11).

*(ii)* Thực hiện theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 5 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ với tổng giá trị trái phiếu phát hành tối đa là 300 tỷ đồng chia làm hai (2) đợt phát hành, cụ thể 100 tỷ đồng vào ngày 26 tháng 6 năm 2024 và 200 tỷ đồng vào ngày 26 tháng 8 năm 2024. Mục đích phát hành trái phiếu để tái cơ cấu lại nợ của Tổ chức phát hành.

Trong đợt 1 phát hành ngày 26 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn đã phát hành 1.000 trái phiếu với mã trái phiếu GEGH2429001 và mệnh giá 100 triệu đồng/trái phiếu. Trong đợt 2 phát hành ngày 26 tháng 8 năm 2024, Tập đoàn đã phát hành 2.000 trái phiếu với mã trái phiếu GEGH2429003 và mệnh giá 100 triệu đồng/trái phiếu, trong cả hai đợt phát hành đều là loại trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi và Tập đoàn đã chỉ định Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam làm đại lý phát hành. Thời gian đáo hạn trái phiếu trong vòng 5 năm kể từ ngày phát hành, chia làm 5 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 1 năm. Tập đoàn có nghĩa vụ phải mua lại khoản gốc trái phiếu theo lịch cam kết này. Mục đích phát hành trái phiếu là để cơ cấu lại nợ của Tổ chức phát hành. Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 9,5%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo từ thứ 2 đến thứ 4) được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần và được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng biên lãi suất 3,9%/năm nhưng tối thiểu không thấp hơn 10%/năm, kỳ tính lãi thứ 5 là lãi suất tham chiếu cộng biên lãi suất 5,4%/năm nhưng tối thiểu không thấp hơn 11,5%/năm.

Tài sản thế chấp để phát hành trái phiếu này gồm 61 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An và 20,8 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai.

*(iii)* Thực hiện theo Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng Quản trị về phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, Tập đoàn đã chỉ định Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam làm đại lý phát hành, hỗ trợ tư vấn đăng ký, lưu ký trái phiếu với tổng số trái phiếu phát hành là 2.000 trái phiếu với mã trái phiếu GEGH2427002. Mệnh giá mỗi trái phiếu là 100 triệu đồng/trái phiếu, là loại trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi. Mục đích phát hành trái phiếu là để cơ cấu lại nợ của Tổ chức phát hành. Lãi suất áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo là lãi suất tham chiếu cộng biên lãi suất 3,5%/năm nhưng tối thiểu không thấp hơn 9%/năm. Thời gian đáo hạn trái phiếu là 36 tháng kể từ ngày phát hành và sẽ đáo hạn vào ngày 28 tháng 6 năm 2027.

Tài sản thế chấp để phát hành trái phiếu này gồm 15 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hợp tác phát triển năng lượng tái tạo Vi-ja và Dự án Nhà máy Thủy điện H'Chan của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai.

## 22.4 Nợ thuê tài chính

VNĐ

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tổng nợ thuê tài chính | Chi phí lãi thuê | Nợ gốc | Tổng nợ thuê tài chính | Chi phí lãi thuê | Nợ gốc |
| Dưới 1 năm | 11.867.589.340 | 2.014.560.295 | 9.853.029.045 | 15.672.732.825 | 2.847.841.314 | 12.824.891.511 |
| Từ 1 - 5 năm | 24.387.385.328 | 2.067.758.920 | 22.319.626.408 | 36.161.158.726 | 3.988.503.273 | 32.172.655.453 |
| **TỔNG CỘNG** | **36.254.974.668** | **4.082.319.215** | **32.172.655.453** | **51.833.891.551** | **6.836.344.587** | **44.997.546.964** |

Thuê tài chính bao gồm các khoản thuê máy móc thiết bị với Công ty TNHH Một thành viên Cho Thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam.

Chi tiết các hợp đồng thuê tài chính dưới hình thức bán và thuê lại được thể hiện như sau:

VNĐ

| Hợp đồng | Giá trị | Nợ gốc | Lãi suất | Thời hạn | Giá trị mua lại |
|---|---|---|---|---|---|
| 88.20.01/CTTC ngày 26 tháng 6 năm 2020 | 7,14 tỷ đồng (80% giá trị tài sản thuê) | 1.489.878.011 | (*) | 84 tháng kể từ ngày hợp đồng | 9 triệu đồng |
| 77.20.05/CTTC ngày 30 tháng 12 năm 2020 | 7,57 tỷ đồng (70% giá trị tài sản thuê) | 130.576.785 | (*) | 60 tháng kể từ ngày hợp đồng | 11 triệu đồng |
| 2024-00139-000 ngày 25 tháng 6 năm 2024 | 15,2 tỷ đồng (85% giá trị tài sản thuê) | 9.051.382.177 | (**) | 60 tháng kể từ ngày hợp đồng | 76 triệu đồng |
| 2024-00140-000 ngày 25 tháng 6 năm 2024 | 16 tỷ đồng (85% giá trị tài sản thuê) | 9.559.741.510 | (**) | 60 tháng kể từ ngày hợp đồng | 80 triệu đồng |
| 2024-00141-000 ngày 25 tháng 6 năm 2024 | 20 tỷ đồng (85% giá trị tài sản thuê) | 11.941.076.970 | (**) | 60 tháng kể từ ngày hợp đồng | 100 triệu đồng |
| **TỔNG CỘNG** | | **32.172.655.453** | | | |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | | 9.853.029.045 | | | |
| Nợ thuê tài chính dài hạn | | 22.319.626.408 | | | |

*(*)* Lãi suất định kỳ theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cộng với biên độ lãi suất là 2,7%/năm.

*(**)* Lãi suất định kỳ theo bình quân của lãi suất tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của ba ngân hàng bao gồm Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Á Châu và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín cộng với biên độ lãi suất là 2,3%/năm.

# 23 VỐN CHỦ SỞ HỮU

## 23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi ích CĐ không kiểm soát | LNST chưa phân phối | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| *Năm trước* | | | | | | |
| Số đầu năm | 4.054.494.010.000 | 20.700.057.484 | 96.354.085.823 | 1.417.266.004.987 | 178.508.233.688 | **5.767.322.391.982** |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | (22.749.638.463) | 114.823.028.545 | **92.073.390.082** |
| Thanh lý công ty con | | - | - | (5.740.545.423) | 6.804.009.016 | **1.063.463.593** |
| Tăng vốn | - | - | - | 200.000.000 | - | **200.000.000** |
| Chia cổ tức bằng tiền | - | - | - | (45.649.453.366) | (30.522.176.434) | **(76.171.629.800)** |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (4.818.393.061) | (15.006.528.380) | **(19.824.921.441)** |
| Sử dụng quỹ đầu tư, phát triển | - | - | (173.671.938) | - | - | **(173.671.938)** |
| Phát hành cổ phiếu trả cổ tức | 170.589.700.000 | - | - | - | (170.589.700.000) | **-** |
| Thay đổi quyền kiểm soát trong công ty con | - | - | - | 941.462.752 | (941.462.752) | **-** |
| **Số cuối năm** | **4.225.083.710.000** | **20.700.057.484** | **96.180.413.885** | **1.339.449.437.426** | **83.075.403.683** | **5.764.489.022.478** |
| **Năm nay** | | | | | | |
| Số đầu năm | 4.225.083.710.000 | 20.700.057.484 | 96.180.413.885 | 1.339.449.437.426 | 83.075.403.683 | **5.764.489.022.478** |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 238.257.041.320 | 708.521.811.800 | **946.778.853.120** |
| Thay đổi quyền kiểm soát trong công ty con | - | - | - | 2.633.467 | (2.633.467) | **-** |
| Chia cổ tức tại công ty con | - | - | - | (35.965.091.600) | - | **(35.965.091.600)** |
| Cổ tức chia cho cổ phần ưu đãi (*) | - | - | - | - | (40.878.066.000) | **(40.878.066.000)** |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (**) | - | - | - | (8.677.972.886) | (44.757.588.114) | **(53.435.561.000)** |
| Giảm vốn cổ phần thông qua mua lại cổ phần ưu đãi (***) | (77.040.000.000) | (6.237.171.171) | - | - | - | **(83.277.171.171)** |
| **Số cuối năm** | **4.148.043.710.000** | **14.462.886.313** | **96.180.413.885** | **1.533.066.047.727** | **705.958.927.902** | **6.497.711.985.827** |

*(*)* Cổ tức cổ phiếu ưu đãi đã được chi trả theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 06/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025.

*(**)* Quỹ khen thưởng và phúc lợi đã được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của các công ty trong Tập đoàn (TM số 21).

*(***)* Căn cứ Nghị quyết số 07/2025/NĐ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng Cổ Thường niên thông qua phương án mua lại 7.704.000 cổ phiếu Ưu đãi Cổ tức đã phát hành năm 2022, Tập đoàn đã hoàn tất việc thực hiện mua lại và thanh toán tiền mua lại cho cổ đông De Deutsche Investitions- und Entwicklungsgesellschaft mbH (DEG) vào ngày 15 tháng 12 năm 2025. Tập đoàn cũng đã nhận được GCNĐKDN thay đổi lần thứ 26 của Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai ngày 26 tháng 12 năm 2025 phê duyệt vốn điều lệ thay đổi là 4.148.043.710.000 đồng từ việc hủy số lượng cổ phần ưu đãi trên. Vào ngày 10 tháng 3 năm 2026, Tập đoàn đã nhận được Công văn số 2378/VSDC-ĐKCP.NV ngày 5 tháng 3 năm 2026 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam về việc chấp thuận việc hủy đăng ký cổ phiếu do giảm vốn trên.

## 23.2 Vốn cổ phần

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Số lượng cổ phiếu (Cổ phiếu) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ phiếu (Cổ phiếu) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
| Jera Asia Vietnam Holding Pte. Ltd. | 125.756.637 | 35,10 | 125.756.637 | 35,10 |
| Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công | 60.161.979 | 16,79 | 60.161.979 | 16,79 |
| Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa | 39.376.509 | 10,99 | 39.376.509 | 10,99 |
| Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre | 22.668.931 | 6,33 | 22.668.931 | 6,33 |
| Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Biên Hòa | 18.912.980 | 5,28 | 18.912.980 | 5,28 |
| Công ty Cổ phần KCN Thành Thành Công | 13.740.838 | 3,83 | 13.740.838 | 3,83 |
| Các cổ đông khác | 77.690.497 | 21,68 | 77.690.497 | 21,68 |
| **TỔNG CỘNG** | **358.308.371** | **100,00** | **358.308.371** | **100,00** |

## 23.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| **Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu** | | |
| Số đầu năm | 4.225.083.710.000 | 4.054.494.010.000 |
| Vốn góp tăng trong năm | - | 170.589.700.000 |
| Vốn góp giảm trong năm | (77.040.000.000) | - |
| **Số cuối năm** | **4.148.043.710.000** | **4.225.083.710.000** |
| **Cổ tức đã trả** | **(76.830.949.700)** | **(76.197.803.000)** |





## 23.4 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

VNĐ

| | Số lượng cổ phiếu | |
|---|---|---|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Cổ phiếu được phép phát hành | *414.804.371* | *422.508.371* |
| Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ | | |
| *Cổ phiếu phổ thông* | *358.308.371* | *358.308.371* |
| *Cổ phiếu ưu đãi (*)* | *56.496.000* | *64.200.000* |
| Cổ phiếu đang lưu hành | | |
| *Cổ phiếu phổ thông* | *358.308.371* | *358.308.371* |
| *Cổ phiếu ưu đãi (*)* | *56.496.000* | *64.200.000* |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

*(*)* Cổ đông sở hữu các cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết này - Deutsche Investitions - und Entwicklungsgesellschaft mbH (DEG) có quyền chuyển đổi cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu phổ thông với giá thỏa thuận sau thời điểm 24 tháng và trước thời điểm 72 tháng kể từ thời điểm phát hành là ngày 22 tháng 12 năm 2022.

## 23.5 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Lợi nhuận sau thuế TNDN của công mẹ | 708.521.811.800 | 114.823.028.545 |
| *Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)* | *(44.757.588.114)* | *(12.381.585.926)* |
| *Trừ: Cổ tức cho cổ phần ưu đãi* | *(40.878.066.000)* | *(40.076.208.000)* |
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 622.886.157.686 | 62.365.234.619 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu) | 358.308.371 | 358.308.371 |
| Ảnh hưởng suy giảm do: | | |
| *Cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi* | *23.479.383* | *23.668.733* |
| **Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)** | **1.738** | **174** |
| **Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)** | **1.738** | **174** |

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2025 của Nhóm Công ty theo các phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi có khả năng pha loãng lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu trong tương lai nhưng không được đưa vào tính toán lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vì chúng có tác dụng suy giảm ngược cho năm hiện tại.

# 24 DOANH THU

## 24.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Doanh thu bán điện (*) (**) | 2.935.428.348.323 | 2.297.665.425.496 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 62.417.634.258 | 27.273.997.254 |
| Doanh thu cung cấp thiết bị | 1.021.360.000 | 375.000.000 |
| **TỔNG CỘNG** | **2.998.867.342.581** | **2.325.314.422.750** |

***(*)* Ghi nhận doanh thu phát sinh từ dự án Điện Mặt trời Trúc Sơn ("Trúc Sơn"):**

Kể từ ngày vận hành thương mại, là ngày 14 tháng 6 năm 2019, ("ngày COD") như đã thống nhất với Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EPTC") theo điều khoản của Hợp đồng mua bán điện (và các phụ lục hợp đồng kèm theo), cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn đang ghi nhận doanh thu phát sinh từ Trúc Sơn theo đơn giá ưu đãi 1 (FIT1) - 9,35 USDcent/kWh cho sản lượng điện bán ra của Trúc Sơn. Việc được hưởng ưu đãi giá FIT1 này là phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 12, Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2017 do Thủ tướng Chính phủ ban hành về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam.

Theo Thông báo Kết luận Thanh tra số 3116/TB-TTCP ngày 25 tháng 12 năm 2023, Thanh tra Chính phủ đề cập về việc EPTC công nhận ngày COD, đưa vào sử dụng đối với một số nhà máy điện mặt trời khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo hoặc Sở Công thương) kiểm tra công tác nghiệm thu và ra văn bản chấp thuận chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình xây dựng của chủ đầu tư, là vi phạm các quy định pháp luật có liên quan. Do đó, giá mua bán điện có thể bị đánh giá lại theo các quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Theo đó, ngày mà Tập đoàn nhận được Thông báo Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng do Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo ban hành cho dự án Trúc Sơn là 26 tháng 8 năm 2019. Do đó, có thể có ảnh hưởng đến giá FIT - 9,35 USDcent/kWh mà Tập đoàn đang áp dụng.

Từ tháng 1 năm 2025, EPTC đang tạm thanh toán tiền điện mua từ dự án Trúc Sơn cho Tập đoàn theo FIT2 – 7.08 USDcent/kWh.

Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa đưa ra kết luận cuối cùng về phương án xử lý cụ thể tiếp theo của vấn đề này. Do kết luận cuối cùng về vấn đề này chưa xác định được tại thời điểm hiện tại, không có điều chỉnh nào được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất.

***(**)* Ghi nhận doanh thu bổ sung cho các nhà máy điện gió**

Từ tháng 5 năm 2023 đến tháng 2 năm 2025, Tập đoàn đã ghi nhận doanh thu đối với Nhà máy Điện gió Tân Phú Đông 1 dựa trên mức giá điện tạm thời là 907,975 VNĐ/KWh theo Phụ lục số 02 của Hợp đồng Mua bán điện ký ngày 20 tháng 5 năm 2023 giữa Tập Đoàn và Bên mua là Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EPTC"). Ngày 26 tháng 3 năm 2025, Tập đoàn đã ký Phụ lục số 03 của Hợp đồng mua bán điện ("PPA") với EPTC, trong đó thống nhất mức giá bán điện chính thức là 1.813 VNĐ/KWh và áp dụng từ tháng 5 năm 2023. Theo đó, phần chênh lệch giữa giá bán điện chính thức và giá tạm thời đã được Tập đoàn lập hóa đơn bổ sung một lần cho EPTC và ghi nhận doanh thu trong năm.

Từ tháng 6 năm 2023 đến tháng 4 năm 2025, Tập đoàn ghi nhận doanh thu đối với trụ A7 của Nhà máy Điện gió VPL Bến Tre dựa trên mức giá điện tạm thời là 907,975 VNĐ/KWh theo Phụ lục số 02 của Hợp đồng Mua bán điện ký ngày 20 tháng 5 năm 2023 giữa Tập Đoàn và Bên mua là Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EPTC"). Ngày 20 tháng 5 năm 2025, Tập đoàn đã ký Phụ lục số 03 của Hợp đồng PPA với EPTC, trong đó thống nhất mức giá bán điện chính thức là 1.810 VNĐ/KWh và áp dụng từ tháng 6 năm 2023. Phần chênh lệch giữa giá bán điện chính thức và giá tạm thời đã được Tập đoàn lập hóa đơn bổ sung một lần cho EPTC và ghi nhận doanh thu trong năm.

## 24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư | 112.133.925.109 | - |
| Lãi tiền gửi và cho vay | 29.350.348.050 | 37.914.120.428 |
| Khác | 488.911.943 | 114.002.144 |
| **TỔNG CỘNG** | **141.973.185.102** | **38.028.122.572** |

# 25 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Giá vốn bán điện | 1.262.938.975.601 | 1.193.280.464.925 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | 57.422.787.177 | 21.814.016.085 |
| Giá vốn cung cấp thiết bị | 887.044.434 | 287.154.000 |
| (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (36.749.161.000) | 36.749.161.000 |
| **TỔNG CỘNG** | **1.284.499.646.212** | **1.252.130.796.010** |

## 26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Lãi vay | 664.973.670.829 | 785.725.023.247 |
| Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu | 2.014.733.328 | 3.935.432.983 |
| Khác | 16.270.652.133 | 11.440.412.656 |
| **TỔNG CỘNG** | **683.259.056.290** | **801.100.868.886** |

## 27 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Chi phí nhân viên | 74.146.556.111 | 60.686.318.539 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 36.139.396.518 | 26.498.651.031 |
| Công cụ, dụng cụ | 10.999.440.110 | 9.820.591.104 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định | 4.273.736.873 | 7.242.992.772 |
| Chi phí khác | 74.494.613.143 | 31.241.100.580 |
| **TỔNG CỘNG** | **200.053.742.755** | **135.489.654.026** |

## 28 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Chi phí khấu hao và hao mòn (TM số 11, 12 và 13) | 799.717.318.649 | 804.297.740.099 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 374.113.054.141 | 279.222.779.315 |
| Chi phí nhân viên | 146.341.311.691 | 131.783.632.462 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 80.922.707.822 | 43.265.670.558 |
| Chi phí khác | 83.458.996.664 | 129.075.627.602 |
| **TỔNG CỘNG** | **1.484.553.388.967** | **1.387.645.450.036** |

## 29 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế.

Đối với các dự án đầu tư thủy điện, điện gió và điện mặt trời sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo từng dự án và các quy định về ưu đãi thuế TNDN theo Điều 23, Thông tư số 78/2014/TT-BTC – Hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế TNDN.





Tóm tắt thuế suất ưu đãi còn hiệu lực cho các dự án của Tập đoàn vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

VNĐ

| Công ty | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Điện Gia Lai | Nhà máy thủy điện Đăk Pi Hao 1 | Thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động (năm 2014); Được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2014) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo. |
| | Nhà máy thủy điện Đa Khai | Thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động (năm 2011); Được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2011) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo. |
| | Nhà máy thủy điện Ayun Thượng 1A | Thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động (năm 2011); Được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2011) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo. |
| | Nhà máy điện mặt trời Phong Điền | Thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động (năm 2019); Được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2019) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo. |
| | Nhà máy điện mặt trời Krông Pa | Thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động (năm 2019); Được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2019) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo. |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai | Nhà máy điện mặt trời TTC – Hàm Phú 2 | Thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động (năm 2019); Được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2019) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo. |
| Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ | Nhà máy thủy điện Thượng Lộ | Thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động (năm 2016); Được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2016) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo. |
| Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An | Nhà máy điện TTC Đức Huệ 1 – Long An | Thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ dự án bắt đầu hoạt động (năm 2019) và áp dụng mức thuế suất 17% cho các năm tiếp theo, Được miễn bốn (4) năm tính từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2019) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo. |
| Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn | Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn | Thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động (năm 2019)<br>Được miễn bốn (4) năm tính từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2019) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo. |
| Công ty Cổ phần Điện gió la Bang | Nhà máy điện gió la Bang 1 | Thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ năm 2022;<br>Được miễn bốn (4) năm tính từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2022) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo. |
| Công ty Cổ phần Năng lượng VPL | Nhà máy điện gió VPL Bến Tre | Thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ năm 2022;<br>Được miễn bốn (4) năm tính từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2022) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo. |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang | Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1 | Thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ năm 2024;<br>Được miễn bốn (4) năm tính từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2024) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo. |
| | Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 2 | Thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ năm 2022;<br>Được miễn bốn (4) năm tính từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2022) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo. |

## 29.1 Chi phí thuế TNDN

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 77.793.612.676 | 49.663.327.275 |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước | (6.640.665.423) | 5.708.061.664 |
| (Thu nhập) chi phí thuế thu nhập hoãn lại | (39.267.204.984) | 34.085.817.151 |
| **TỔNG CỘNG** | **31.885.742.269** | **89.457.206.090** |

## 29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con chênh lệch với lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế kỳ này. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành và các quy định về ưu đãi thuế TNDN đang áp dụng đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và thu nhập chịu thuế ước tính:

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | **978.664.595.389** | **181.530.596.172** |
| **Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán:** | | |
| Chi phí không được khấu trừ | 60.583.884.431 | 62.622.713.356 |
| Chi phí lãi vay theo Nghị định 20/2025/NĐ-CP | (84.134.957.377) | 71.887.930.171 |
| Chênh lệch tạm thời mà không được ghi nhận thuế TNDN hoãn lại | - | 33.972.319.497 |
| Lỗ tính thuế chưa ghi nhập tài sản thuế hoãn lại | 511.986.704 | 278.882.729.689 |
| Lỗ tính thuế đã được sử dụng | (56.621.824.762) | (222.450.625) |
| **Thu nhập tính thuế** | 899.003.684.385 | 628.673.838.260 |
| Thuế TNDN ở thuế suất 20% | 20.887.175.480 | 84.841.663.716 |
| Thuế TNDN ở thuế suất 10% | 79.456.780.700 | 20.446.551.968 |
| Thuế TNDN | 100.343.956.180 | 105.288.215.684 |
| Thuế được miễn hoặc giảm | (61.817.548.488) | (21.539.071.258) |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước | (6.640.665.423) | 5.708.061.664 |
| **Chi phí thuế TNDN** | **31.885.742.269** | **89.457.206.090** |

## 29.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VNĐ

| | Bảng cân đối kế toán hợp nhất | | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | |
|---|---|---|---|---|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận chưa thực hiện | 14.335.679.663 | 17.084.880.540 | (2.749.200.877) | (8.735.247.320) |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư trích lập tại công ty con | (673.873.014) | (42.690.278.875) | 42.016.405.861 | (25.350.569.831) |
| **Tài sản thuế TNDN hoãn lại** | **13.661.806.649** | **(25.605.398.335)** | | |
| **Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại** | | | **39.267.204.984** | **(34.085.817.151)** |

# 30 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Tập đoàn và các bên liên quan khác có giao dịch trọng yếu với Tập đoàn trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|---|
| Jera Asia vVietnam Holdings Pte, Ltd. ("Jera Asia") | Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công("Đầu tư Thành Thành Công") | Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Biên Hòa (Biên Hòa Consumer") | Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa | Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre | Cổ đông lớn |
| Deutsche Investitions- und Entwicklungsgesellschaft mbH ("Deutsche Investitions") | Cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi |
| Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu ("Mía đường TTC Attapeu") | Bên liên quan của cổ đông lớn |

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|---|
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Agris Ninh Hòa ("Xuất nhập khẩu Agris Ninh Hòa") | Bên liên quan của cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Thành Thành Nam ("Thành Thành Nam") | Bên liên quan của cổ đông lớn |
| Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC ("Lữ hành Quốc tế TTC") | Bên liên quan của cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc ("Chè Thành Ngọc") | Bên liên quan của cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Y tế DHA ("Y tế DHA") | Bên liên quan của cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân ("Toàn Hải Vân") | Bên liên quan của cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Nông nghiệp Tuần Hoàn TTC ("Nông nghiệp Tuần Hoàn TTC") | Bên liên quan của cổ đông lớn |
| Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Ninh Hòa("Năng lượng sạch Ninh Hòa") | Bên liên quan của cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Năng lượng sạch Ninh Thuận("Năng lượng sạch Ninh Thuận") | Bên liên quan của cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Thành Thành Công("Khu Công Nghiệp Thành Thành Công") | Bên liên quan của cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín ("Sơn Tín") | Bên liên quan của cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Năng lượng TTC ("Năng lượng TTC") | Bên liên quan của cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Du lịch Thành Thành Công") | Bên liên quan của cổ đông lớn |
| Công ty TNHH Du Lịch TTC ("Du lịch TTC") | Bên liên quan của cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình ("Du lịch Thanh Bình") | Bên liên quan của cổ đông lớn |
| Công ty TNHH Dịch vụ Quản lý Bất động sản Sài Gòn Thương Tín ("Sacomreal") | Bên liên quan của cổ đông lớn |
| Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng ("Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng") | Bên liên quan của cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh ("Đặng Huỳnh") | Bên liên quan của cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang ("Đường Biên Hòa - Phan Rang") | Bên liên quan của cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Biên Hòa - Thành Long("Biên Hòa - Thành Long") | Bên liên quan của cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Solwind ("Solwind") | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú ("Thủy điện Trường phú") (đến ngày 29 tháng 4 năm 2025) | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Điện gió Lavi (từ ngày 1 tháng 7 năm 2024) ("Điện gió Lavi") | Công ty con của công ty liên kết |

Ngoài ra, các bên liên quan với Tập đoàn cũng bao gồm các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban Kiểm toán như được trình bày tại phần Thông tin chung của Tập đoàn.

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

VNĐ

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|
| Thủy điện Trường Phú | Thu hồi khoản cho vay | 180.900.000.000 | - |
| | Lãi cho vay | 4.826.649.314 | 16.164.530.139 |
| | Bán hàng và cung cấp dịch vụ | 30.657.600 | 720.991.444 |
| Deutsche Investitions | Cổ tức cho cổ phần ưu đãi | 40.878.066.000 | 40.076.208.000 |
| | Mua hàng hóa và dịch vụ | 12.887.915.901 | 860.314.299 |
| | Nhận chi phí hỗ trợ | - | 453.640.775 |
| | Mua dịch vụ | - | 860.314.299 |
| Năng lượng TTC | Cung cấp dịch vụ | 32.977.867.065 | 2.107.581.600 |
| Sơn Tín | Thu hồi khoản cho vay | 32.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| | Lãi cho vay | 2.679.479.447 | 5.547.019.175 |
| Đầu tư Thành Thành Công | Mua hàng hóa và dịch vụ | 23.504.540.000 | 23.765.073.358 |
| Lavi | Cung cấp dịch vụ | 18.111.997.842 | 11.887.306.513 |
| | Thu hồi khoản cho vay | 3.000.000.000 | - |
| | Lãi cho vay | 163.397.259 | 13.808.219 |
| Thành Thành Nam | Mua hàng hóa và dịch vụ | 6.412.335.828 | 5.980.362.630 |
| Đặng Huỳnh | Cung cấp dịch vụ | 6.311.962.890 | 5.714.148.767 |
| | Mua hàng hóa và dịch vụ | 325.742.413 | 424.080.109 |
| Năng lượng sạch Ninh Thuận | Thu hồi khoản cho vay | 4.000.000.000 | - |
| | Lãi cho vay | 61.150.686 | 360.986.304 |
| Lữ hành Quốc Tế TTC | Mua hàng hóa và dịch vụ | 3.906.714.644 | 1.812.312.691 |
| Chè Thành Ngọc | Mua hàng hóa và dịch vụ | 1.682.964.951 | - |
| Dịch vụ Y tế DHA | Trả trước phí dịch vụ | 856.138.519 | 797.176.482 |
| Đại Tín | Mua hàng hóa và dịch vụ | 555.555.556 | 11.960.721.073 |
| Du Lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | Mua hàng hóa và dịch vụ | 160.345.532 | 253.664.058 |
| Du lịch Thanh Bình | Mua hàng hóa và dịch vụ | 90.615.146 | 176.693.551 |
| Khu Công Nghiệp Thành Thành Công | Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | - | 6.409.196.254 |
| Xuất Nhập khẩu Tân Định | Mua hàng hóa và dịch vụ | - | 1.647.983.181 |

## Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và lương, thưởng của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc được trình bày như sau:

VNĐ

| Tên | Chức vụ | Thu nhập | |
|---|---|---|---|
| | | Năm nay | Năm trước |
| **Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị** | | | |
| Ông Nguyễn Thế Vinh | Thành viên | 390.000.000 | 390.000.000 |
| Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn | Thành viên | 390.000.000 | 390.000.000 |
| Bà Phạm Thị Khuê | Thành viên | 390.000.000 | 390.000.000 |
| Bà Nguyễn Thùy Vân | Thành viên | 390.000.000 | 390.000.000 |
| Ông Eiji Hagio | Thành viên | 262.166.667 | - |
| Ông Mark Houghton Scott Leslie | Thành viên | 262.166.667 | - |
| Ông Toshihiro Oki | Thành viên | 118.000.000 | 390.000.000 |
| Ông Simon Mark Wilson | Thành viên | 118.000.000 | 390.000.000 |
| **Lương và thưởng của Chủ tịch HĐQT và Ban TGĐ** | | | |
| Ông Tân Xuân Hiến | Chủ tịch | 2.406.822.500 | 2.348.224.000 |
| Bà Nguyễn Thái Hà | Tổng Giám đốc | 2.777.133.345 | 2.716.986.000 |
| Ông Lê Thanh Vinh | Phó Tổng Giám đốc thường trực | 2.237.466.905 | 2.142.174.000 |
| Ông Nguyễn Phong Phú | Phó Tổng Giám đốc | 1.755.327.125 | 1.592.319.000 |
| Bà Trần Thị Hồng Thắm | Giám đốc tài chính | 1.129.094.470 | 1.086.569.000 |
| **TỔNG CỘNG** | | **12.626.177.679** | **12.226.272.000** |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VNĐ

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|
| **Phải thu ngắn hạn của khách hàng** | | | |
| Năng lượng TTC | Cung cấp dịch vụ | 28.533.488.546 | 180.452.016 |
| Đặng Huỳnh | Cung cấp dịch vụ | 218.325.944 | 161.056.068 |
| Lavi | Cung cấp dịch vụ | - | 1.998.000.000 |
| Mía đường Attapeu | Cung cấp dịch vụ | - | 57.000.000 |
| Nông nghiệp Tuần hoàn TTC | Cung cấp dịch vụ | - | 37.500.000 |
| Xuất nhập khẩu Agris Ninh Hòa | Cung cấp dịch vụ | - | 37.908.000 |
| Nhiệt điện Ninh Hòa | Cung cấp dịch vụ | - | 30.348.000 |
| Năng lượng sạch Ninh Hòa | Cung cấp dịch vụ | - | 8.748.000 |
| Đường Biên Hòa - Phan Rang | Cung cấp dịch vụ | - | 8.748.000 |
| **TỔNG CỘNG** | | **28.751.814.490** | **2.519.760.084** |

VNĐ

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|
| **Trả trước cho người bán ngắn hạn** | | | |
| Xuất Nhập khẩu Tân Định | Mua hàng hóa, dịch vụ | - | 199.550.000 |
| **Phải thu về cho vay ngắn hạn** | | | |
| Sơn Tín | Cho vay | 22.420.000.000 | 54.420.000.000 |
| Thủy điện Trường Phú | Cho vay | - | 180.900.000.000 |
| Lavi | Cho vay | - | 3.000.000.000 |
| Năng Lượng Sạch Ninh Thuận | Cho vay | - | 4.000.000.000 |
| **TỔNG CỘNG** | | **22.420.000.000** | **242.320.000.000** |
| **Phải thu ngắn hạn khác** | | | |
| Sơn Tín | Lãi cho vay | 14.439.427.395 | 14.759.947.948 |
| Thủy điện Trường Phú | Lãi cho vay | - | 21.785.884.931 |
| Năng Lượng Sạch Ninh Thuận | Lãi cho vay | - | 1.945.890.418 |
| **TỔNG CỘNG** | | **14.439.427.395** | **38.491.723.297** |
| **Phải thu dài hạn khác** | | | |
| Thành Thành Nam | Đặt cọc thuê văn phòng | 498.204.382 | 498.204.382 |
| **Người mua trả tiền trước ngắn hạn** | | | |
| Biên Hòa - Thành Long | Cung cấp dịch vụ | 1.437.362.987 | 1.437.362.987 |
| **Phải trả người bán ngắn hạn** | | | |
| Đại Tín | Mua hàng hóa dịch vụ | - | 600.000.000 |
| **Phải trả ngắn hạn khác** | | | |
| Đầu tư Thành Thành Công | Cổ tức | 6.974.000 | - |

## 31 THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau. Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Hoạt động sản xuất và bán điện: sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động bán hàng hóa: mua bán, nhập khẩu pin mặt trời và phụ tùng thiết bị ngành điện; và
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: cung cấp các dịch vụ tư vấn bảo trì, vận hành các dự án thủy điện.

Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản tiền và tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ cho vay và đầu tư tài chính dài hạn.

Nợ phải trả không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả khác.

Thông tin về doanh thu và lợi nhuận, tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn như sau:

VNĐ

| | Hoạt động sản xuất và bán điện | Hoạt động bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | Loại trừ | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|
| **Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025** | | | | |
| **Doanh thu** | | | | |
| Bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 2.935.428.348.323 | 63.438.994.258 | - | 2.998.867.342.581 |
| Trong nội bộ Tập đoàn | - | 158.926.498.975 | (158.926.498.975) | - |
| **Tổng doanh thu** | **2.935.428.348.323** | **222.365.493.233** | **(158.926.498.975)** | **2.998.867.342.581** |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 800.713.926.593 | 4.914.806.986 | (5.911.414.930) | 799.717.318.649 |
| **Kết quả hoạt động kinh doanh** | | | | |
| Lợi nhuận gộp của bộ phận | 1.642.214.063.690 | 70.215.296.738 | 1.938.335.941 | 1.714.367.696.369 |
| Chi phí không phân bổ | | | | (200.053.742.755) |
| Doanh thu tài chính | | | | 141.973.185.102 |
| Chi phí tài chính | | | | (683.259.056.290) |
| Lãi từ hoạt động liên kết | | | | 4.986.976.457 |
| Lợi nhuận khác | | | | 649.536.506 |
| **Lợi nhuận trước thuế TNDN** | | | | **978.664.595.389** |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | | | | (71.152.947.253) |
| Chi phí thuế thu nhập hoãn lại | | | | 39.267.204.984 |
| **Lợi nhuận sau thuế TNDN** | | | | **946.778.853.120** |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 | | | | |
| **Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025** | | | | |
| **Tài sản và công nợ** | | | | |
| Tài sản bộ phận | 13.986.319.615.743 | 534.589.676.757 | (5.737.848.381.134) | 8.783.060.911.366 |
| Tài sản không phân bổ | | | | 6.327.827.120.336 |
| **Tổng tài sản** | **13.986.319.615.743** | **534.589.676.757** | **(5.737.848.381.134)** | **15.110.888.031.702** |
| Công nợ bộ phận | 8.946.333.777.810 | 433.904.861.562 | (767.680.296.139) | 8.612.558.343.233 |
| Công nợ không phân bổ | | | | 617.702.642 |
| **Tổng công nợ** | **8.946.333.777.810** | **433.904.861.562** | **(767.680.296.139)** | **8.613.176.045.875** |





Thông tin về doanh thu và lợi nhuận, tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn như sau:

VNĐ

| | Hoạt động sản xuất và bán điện | Hoạt động bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | Loại trừ | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|
| **Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024** | | | | |
| **Doanh thu** | | | | |
| Bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 2.297.665.425.496 | 27.648.997.254 | - | 2.325.314.422.750 |
| Trong nội bộ Tập đoàn | - | 71.771.917.169 | (71.771.917.169) | - |
| **Tổng doanh thu** | **2.297.665.425.496** | **99.420.914.423** | **(71.771.917.169)** | **2.325.314.422.750** |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 800.249.672.861 | 4.048.067.238 | - | 804.297.740.099 |
| **Kết quả hoạt động kinh doanh** | | | | |
| Lợi nhuận gộp của bộ phận | 1.034.280.551.920 | 33.692.209.524 | 5.210.865.296 | 1.073.183.626.740 |
| Chi phí không phân bổ | | | | (135.514.654.026) |
| Doanh thu tài chính | | | | 38.028.122.572 |
| Chi phí tài chính | | | | (801.100.868.886) |
| Lãi từ hoạt động liên kết | | | | 5.367.117.999 |
| Lợi nhuận khác | | | | 1.567.251.773 |
| **Lợi nhuận trước thuế TNDN** | | | | **181.530.596.172** |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | | | | (55.371.388.939) |
| Chi phí thuế thu nhập hoãn lại | | | | (34.085.817.151) |
| **Lợi nhuận sau thuế TNDN** | | | | **92.073.390.082** |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 | | | | |
| **Tài sản và công nợ** | | | | |
| Tài sản bộ phận | 14.178.864.443.827 | 271.727.476.808 | - | 14.450.591.920.635 |
| Tài sản không phân bổ | | | | 722.964.419.801 |
| **Tổng tài sản** | | | | **15.173.556.340.436** |
| Công nợ bộ phận | 9.185.167.318.371 | 223.529.541.469 | - | 9.408.696.859.840 |
| Công nợ không phân bổ | | | | 370.458.118 |
| **Tổng công nợ** | | | | **9.409.067.317.958** |

# 32 CÁC CAM KẾT

## 32.1 Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê nhà, đất, văn phòng, kho và các phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VNĐ

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Đến 1 năm | 11.597.941.421 | 7.462.489.414 |
| Từ 1 đến 5 năm | 24.274.598.797 | 18.085.950.352 |
| Trên 5 năm | 155.101.835.647 | 99.073.008.275 |
| **TỔNG CỘNG** | **190.974.375.865** | **124.621.448.041** |

## 32.2 Cam kết góp vốn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có cam kết góp vốn vào một số công ty như sau:

VNĐ

| | Số tiền cam kết sẽ góp | Số tiền đã thực góp | Số tiền còn phải góp |
|---|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tiền Giang | 249.990.000.000 | 3.400.000.000 | 246.590.000.000 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tân Thành | 199.800.000.000 | 24.000.000.000 | 175.800.000.000 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Xanh Cà Mau | 149.900.000.000 | 1.900.000.000 | 148.000.000.000 |
| **TỔNG CỘNG** | **599.690.000.000** | **29.300.000.000** | **570.390.000.000** |

Theo quy định tại khoản 1, Điều 113 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, chủ sở hữu phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc hợp đồng đăng ký mua cổ phần quy định một thời hạn khác ngắn hơn. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đang trong quá trình hoàn tất góp đủ vốn điều lệ đã đăng ký cho các công ty này.

# 33 NỢ TIỀM TÀNG

Tập đoàn đang có một số hợp đồng thuê đất trực tiếp từ Nhà nước để phục vụ cho các dự án năng lượng của Tập đoàn. Theo như các điều khoản trong hợp đồng thuê đất này, việc giải quyết tài sản gắn liền tại các địa điểm thuê sau khi kết thúc hợp đồng này được thực hiện theo quy định pháp luật. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đánh giá rằng nghĩa vụ tháo dỡ công trình, khôi phục và giải phóng mặt bằng liên quan đến các dự án năng lượng là chưa chắc chắn. Do đó, Tập đoàn chưa ghi nhận các khoản nghĩa vụ này do chưa thể ước tính một cách đáng tin cậy.

# 34 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 13 tháng 1 năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai đã thông qua Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/2026/NQ-HĐQT phê duyệt việc thành lập Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Năng Lượng GHC - công ty con của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai với vốn điều lệ là 300.000.000.000 VND.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2026

| | | |
|---|---|---|
| **Trương Nhật Thành** | **Trần Thị Hồng Thắm** | **Nguyễn Thái Hà** |
| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

# Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

## CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 20 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**

M.S.D.N: 5900181212-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DIỆN GIA LAI
P. PLEIKU - T. GIA LAI

**Nguyễn Thái Hà**
Tổng Giám đốc
Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2026

# Báo cáo Kiểm toán độc lập

***Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai***

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") được lập ngày 20 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 370 đến trang 374, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

***Vấn đề khác***

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 26 tháng 3 năm 2025.

**Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam**

M.S.D.N: 0300611802 - C.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM
T.P HỒ CHÍ MINH

**Trần Nam Dũng**
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2024-004-1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2026

**Dương Phúc Kiên**
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4613-2023-004-1

# Bảng cân đối kế toán riêng

## tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

VNĐ

| Mã số | Tài sản | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **100** | **TÀI SẢN NGẮN HẠN** | | **325.680.375.738** | **433.125.666.833** |
| **110** | **Tiền và các khoản tương đương tiền** | **4** | **20.757.410.692** | **49.319.466.094** |
| 111 | Tiền | | 17.757.410.692 | 38.319.466.094 |
| 112 | Các khoản tương đương tiền | | 3.000.000.000 | 11.000.000.000 |
| **120** | **Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn** | | **3.500.000.000** | **6.400.000.000** |
| 123 | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5 | 3.500.000.000 | 6.400.000.000 |
| **130** | **Các khoản phải thu ngắn hạn** | | **285.317.588.592** | **316.452.879.543** |
| 131 | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 6 | 162.872.293.020 | 90.539.112.334 |
| 132 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 7 | 1.856.183.820 | 3.576.756.423 |
| 135 | Phải thu về cho vay ngắn hạn | | - | 168.900.000.000 |
| 136 | Phải thu ngắn hạn khác | 8 | 123.441.701.508 | 54.254.719.421 |
| 137 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (2.852.589.756) | (817.708.635) |
| **140** | **Hàng tồn kho** | | **14.182.084.205** | **59.261.895.124** |
| 141 | Hàng tồn kho | 9 | 14.182.084.205 | 59.261.895.124 |
| **150** | **Tài sản ngắn hạn khác** | | **1.923.292.249** | **1.691.426.072** |
| 151 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 10 | 1.894.695.430 | 1.691.426.072 |
| 153 | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 15 | 28.596.819 | - |
| **200** | **TÀI SẢN DÀI HẠN** | | **6.115.181.225.357** | **6.107.774.578.490** |
| **210** | **Các khoản phải thu dài hạn** | | **7.200.749.037** | **472.456.420** |
| 216 | Phải thu dài hạn khác | | 7.200.749.037 | 624.166.262 |
| 219 | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | | - | (151.709.842) |
| **220** | **Tài sản cố định** | | **1.648.982.937.683** | **1.781.683.220.016** |
| 221 | Tài sản cố định hữu hình | 11 | 1.641.578.554.059 | 1.774.042.849.330 |
| 222 | *Nguyên giá* | | 3.035.034.725.756 | 3.031.718.247.863 |
| 223 | *Giá trị khấu hao lũy kế* | | (1.393.456.171.697) | (1.257.675.398.533) |
| 227 | Tài sản cố định vô hình | 12 | 7.404.383.624 | 7.640.370.686 |
| 228 | *Nguyên giá* | | 18.742.439.944 | 18.742.439.944 |
| 229 | *Giá trị khấu hao lũy kế* | | (11.338.056.320) | (11.102.069.258) |
| **240** | **Tài sản dở dang dài hạn** | | **3.811.590.909** | **4.129.772.728** |
| 242 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 13 | 3.811.590.909 | 4.129.772.728 |
| **250** | **Đầu tư tài chính dài hạn** | **14** | **4.447.060.251.106** | **4.311.778.221.792** |
| 251 | Đầu tư vào công ty con | | 4.400.439.616.172 | 4.381.439.616.172 |
| 252 | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | 49.990.000.000 | 143.790.000.000 |
| 254 | Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | | (3.369.365.066) | (213.451.394.380) |
| **260** | **Tài sản dài hạn khác** | | **8.125.696.622** | **9.710.907.534** |
| 261 | Chi phí trả trước dài hạn | 10 | 8.125.696.622 | 9.710.907.534 |
| **270** | **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | | **6.440.861.601.095** | **6.540.900.245.323** |

| Mã số | Nguồn vốn | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **300** | **NỢ PHẢI TRẢ** | | **1.651.210.693.099** | **2.114.312.537.274** |
| **310** | **Nợ ngắn hạn** | | **401.128.459.709** | **847.402.991.446** |
| 311 | Phải trả người bán ngắn hạn | | 726.867.242 | 1.795.077.386 |
| 312 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 1.000.000.000 | 1.052.108.800 |
| 313 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 15 | 42.128.271.856 | 6.071.501.591 |
| 314 | Phải trả người lao động | | 11.947.140.830 | - |
| 315 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 16 | 7.775.121.738 | 9.810.930.717 |
| 318 | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | | 417.340.000 | - |
| 319 | Phải trả ngắn hạn khác | 17 | 6.481.772.551 | 5.004.100.821 |
| 320 | Vay ngắn hạn | 18 | 303.170.355.369 | 811.614.187.471 |
| 322 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 19 | 27.481.590.123 | 12.055.084.660 |
| **330** | **Nợ dài hạn** | | **1.250.082.233.390** | **1.266.909.545.828** |
| 336 | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | | 149.999.998 | 277.272.726 |
| 337 | Phải trả dài hạn khác | | 41.450.000 | 14.850.000 |
| 338 | Vay dài hạn | 18 | 1.248.001.102.142 | 1.264.686.368.817 |
| 342 | Dự phòng phải trả dài hạn | 20 | 1.889.681.250 | 1.931.054.285 |
| **400** | **VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **21.1** | **4.789.650.907.996** | **4.426.587.708.049** |
| **410** | **Vốn chủ sở hữu** | | **4.789.650.907.996** | **4.426.587.708.049** |
| 411 | Vốn cổ phần | | 4.148.043.710.000 | 4.225.083.710.000 |
| 411a | *- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết* | | *3.583.083.710.000* | *3.583.083.710.000* |
| 411b | *- Cổ phiếu ưu đãi* | | *564.960.000.000* | *642.000.000.000* |
| 412 | Thặng dư vốn cổ phần | | 14.462.886.313 | 20.700.057.484 |
| 418 | Quỹ đầu tư phát triển | | 53.742.765.946 | 53.742.765.946 |
| 421 | Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối | | 573.401.545.737 | *127.061.174.619* |
| *421a* | *- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước* | | *127.061.174.619* | *94.823.714.565* |
| *421b* | *- LNST chưa phân phối năm nay* | | *446.340.371.118* | *32.237.460.054* |
| **440** | **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | | **6.440.861.601.095** | **6.540.900.245.323** |

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2026

| | | |
|---|---|---|
| **Trần Anh Tú** | **Trần Thị Hồng Thắm** | **Nguyễn Thái Hà** |
| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |

# Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

## cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VNĐ

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| 10 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 22.1 | 705.631.480.921 | 587.263.122.066 |
| 11 | Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 23 | (390.579.205.709) | (276.325.648.265) |
| 20 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 315.052.275.212 | 310.937.473.801 |
| 21 | Doanh thu hoạt động tài chính | 22.2 | 305.944.464.029 | 229.792.536.299 |
| 22 | Chi phí tài chính | 24 | 58.191.308.042 | (359.422.135.386) |
| 23 | *Trong đó: Chi phí lãi vay* | | *(133.621.728.681)* | *(219.866.767.192)* |
| 26 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | (131.551.406.198) | (104.976.051.505) |
| 30 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 547.636.641.085 | 76.331.823.209 |
| 31 | Thu nhập khác | | 1.296.353.363 | 1.749.223.930 |
| 32 | Chi phí khác | | (1.160.558.427) | (1.248.039.780) |
| 40 | Lợi nhuận khác | | 135.794.936 | 501.184.150 |
| 50 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 547.772.436.021 | 76.833.007.359 |
| 51 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 27.2 | (34.910.923.265) | (713.356.776) |
| 60 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | | 512.861.512.756 | 76.119.650.583 |

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2026

| | | |
|---|---|---|
| **Trần Anh Tú** | **Trần Thị Hồng Thắm** | **Nguyễn Thái Hà** |
| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

## cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VNĐ

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| | **LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH** | | | |
| 01 | **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | | **547.772.436.021** | **76.833.007.359** |
| | *Điều chỉnh cho các khoản:* | | | |
| 02 | Khấu hao và hao mòn | 11, 12 | 139.712.619.078 | 142.686.939.981 |
| 03 | (Hoàn nhập) các khoản dự phòng | | (209.151.385.797) | 126.726.577.399 |
| 04 | Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | 10.767.001 | (44.402.387) |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (300.542.386.154) | (229.717.137.439) |
| 06 | Chi phí lãi vay và chi phí phân bổ phát hành trái phiếu | 24 | 135.636.462.009 | 223.802.200.175 |
| 08 | **Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động** | | **313.438.512.158** | **340.287.185.088** |
| 09 | Tăng các khoản phải thu | | (162.347.633.713) | (15.559.604.825) |
| 10 | Giảm hàng tồn kho | | 44.745.895.168 | 11.873.316.479 |
| 11 | Tăng (giảm) các khoản phải trả | | 14.573.550.057 | (17.099.894.133) |
| 12 | Giảm chi phí trả trước | | 1.381.941.554 | 712.885.267 |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (136.297.872.829) | (239.126.450.824) |
| 15 | Thuế TNDN đã nộp | | - | (3.084.884.635) |
| 17 | Tiền chi khác cho HĐKD | | (10.274.833.925) | (5.838.900.444) |
| 20 | **Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD** | | **65.219.558.470** | **72.163.651.973** |
| | **LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ** | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ | | (8.055.199.432) | (2.648.326.125) |
| 22 | Tiền thu do thanh lý TSCĐ | | 1.544.053.970 | 3.892.610.445 |
| 23 | Tiền chi cho vay | | (3.500.000.000) | (106.400.000.000) |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay | | 175.300.000.000 | 173.000.000.000 |
| 25 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | (19.000.000.000) | (5.000.000.000) |
| 26 | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con | | 230.958.411.937 | - |
| 27 | Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 180.089.107.930 | 214.637.934.368 |
| 30 | **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư** | | **557.336.374.405** | **277.482.218.688** |

VNĐ

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| | **LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH** | | | |
| 32 | Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | | (83.057.171.171) | - |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | 18 | 366.234.011.504 | 1.290.206.271.924 |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | 18 | (893.377.843.609) | (1.626.538.214.215) |
| 36 | Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu | 21.3 | (40.906.218.000) | (40.076.208.000) |
| **40** | **Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính** | | **(651.107.221.276)** | **(376.408.150.291)** |
| **50** | **Lưu chuyển tiền thuần trong năm** | | **(28.551.288.401)** | **(26.762.279.630)** |
| **60** | **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | | **49.319.466.094** | **76.037.343.337** |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | (10.767.001) | 44.402.387 |
| **70** | **Tiền và tương đương tiền cuối năm** | **4** | **20.757.410.692** | **49.319.466.094** |

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2026

| | | |
|---|---|---|
| **Trần Anh Tú** | **Trần Thị Hồng Thắm** | **Nguyễn Thái Hà** |
| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |




**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI**

Trụ sở chính Gia Lai: 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Văn phòng Hồ Chí Minh: Lầu 10, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, TP.HCM
026 9382 3604 / 028 3999 8822
ir@geccom.vn - www.geccom.vn